PHAN NGỌC LIÊN - TRỊNH ĐÌNH TÙNG
NGUYỄN THỊ CÔI - TRẦN VĨNH TƯỜNG
(ĐỒNG CHỦ BIÊN)

MỘT SỐ CHUYÊN ĐỀ
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ

ĐHQG HÀ NỘI
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

HỘI GIÁO DỤC LỊCH SỬ
KHOA LỊCH SỬ - ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

GS. TS Phan Ngọc Liên – PGS. TS Trịnh Đình Tùng
PGS. TS Nguyễn Thị Côi – TS Trần Vĩnh Tường
(Đồng chủ biên)

MỘT SỐ CHUYÊN ĐỀ
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc: NGUYỄN VĂN THOẢ
Tổng biên tập: NGUYỄN THIỆN GIÁP

Người nhận xét: PGS. TS NGHIÊM ĐÌNH VỲ
PGS. TS NGUYỄN ĐÌNH LỄ

Biên tập và sửa bản in: TRƯƠNG VŨ XƯƠNG

Trình bày bìa: NGỌC ANH

MỘT SỐ CHUYÊN ĐỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ
Mã số: 02.119.ĐL2002
In 1000 cuốn tại Nhà in Đại học Quốc gia Hà Nội
Số xuất bản:31/326/CXB. Số trích ngang 167/KH/XB
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2002.

MỤC LỤC

Trang

Lời nó đầu 6

Chuyên đề I

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

(Trịnh Đình Tùng – chủ biên)

1. PGS. TS Trịnh Đình Tùng: Đổi mới phương pháp dạy học lịnh sử theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh. 9
2. GSTS Phan Ngọc Liên: Đổi mới phương pháp dạy học lịch sử – một yêu cầu cấp thiết. 52
3. PGS.TS Nguyễn Hữu Chí – TS Vũ Ngọc Anh: Nắm vững chương trình mới môn Lịch sử ở trườngTrung học cơ sở để đổi mới phương pháp dạy học. 60
4. Lê Vinh Quốc: Về việc thể hiện mối quan hệ giữa Mục tiêu –Nội dung – Phương pháp trong dạy học khoá trình lịch sử thế giới hiện đại ở trường phổ thông. 69
5. Phan Thế Kim: Dạy học theo hướng rèn luyện cho học sinh tiếp cận lịch sử qua tư liệu. 83
6. PGS.TS Trần Đức Minh: Xây dựng và sử dụng Phòng bộmôn trong dạy học lịch sử. 108
7. TS Nguyễn Anh Dũng: Tích hợp kiến thức các bộ môn Khoa học xã hội trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông. 116
8. Đào Hữu Hậu: Đổi mới phương pháp dạy học qua một giờ học lịch sử ở trường phổ thông. 125

Chuyên đề II

CHUẨN BỊ VÀ TIẾN HÀNH BÀI HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

(Nguyễn Thị Côi - chủ biên)

1. PGS.TS Nguyễn Thị Côi: Bài học lịch sử ở trường phổ thông. 133
2. Ths Tạ Ngọc Minh: Từ đổi mới phương pháp dạy học đến thiết kế một bài giảng lịch sử ở Cao đẳng Sư phạm. 166
3. TS. Ngô Minh Oanh: Về mối quan hệ giữa kiến thức lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam ở trường Trung học phổ thông. 176
4. TS Trần Viết Thụ: Dạy học các vấn đề văn hoá trong khoá trình lịch sử dân tộc ở trường phổ thông. 190
5. TS Hoàng Thanh Hải: Sử dụng di tích lịch sử trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông. 214
6. Ths Trần Quốc Tuấn: Bài tập trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông. 232
7. Ths Nguyễn Văn Đằng – Phạm Văn Hà: Dạy học lịch sử địa phương theo hướng tích cực hoá và liên môn. 248

Chuyên đề III

GIÁO DỤC HỌC SINH QUA DẠY HỌC LỊCH SỬ

(Trần Vĩnh Tường – chủ biên)

1. TS Trần Vĩnh Tường: Khai thác nội dung truyền thống yêu nước qua khoá trình lịch sử dân tộc để giáo dục cho học sinh phổ thông. 263
2. Ths Thái Văn Long: Giáo dục lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa cho học sinh qua dạy học lịch sử. 291
3. TS Đặng Văn Hồ: Tạo biểu tượng về nhân vật lịch sử để giáo dục tư tưởng, tình cảm cho học sinh. 323

4. TS Phan Văn Bé: Giáo dục cho học sinh Tây Nguyên lòng kính yêu Bác Hồ qua dạy học lịch sử dân tộc. 344
5. TS Nguyễn Văn Chiến: Giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc qua dạy học lịch sử ở trường phổ thông. 357
6. TS Đặng Thanh Toán: Tìm hiểu cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh trong dạy học lịch sử để giáo dục cho học sinh tinh thần quốc tế chân chính. 365

Chuyên đề IV

SỬ DỤNG TÀI LIỆU TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

(Phan Ngọc Liên - chủ biên)

1. GS.TS Phan Ngọc Liên: Tài liệu Hồ Chí Minh trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông. 379
2. Ths Đỗ Hồng Thái: Sử dụng văn kiện Đảng trong dạy học lịch sử dân tộc ở trường phổ thông. 407
3. TS. Thượng tá Nguyễn Minh Đức: Tài liệu Hồ Chí Minh trong dạy học "Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)". 430
4. TS. Bùi Thị Thu Hà: Vận dụng một vài quan điểm của Hồ Chí Minh vào dạy học "Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)". 440
5. Ths Nguyễn Xuân Trường: Sử dụng kiến thức lịch sử thế giới trong dạy học lịch sử Việt Nam từ 1919 đến nay ở trường phổ thông. 451
6. Nguyễn Thị Thế Bình: Tài liệu Hồ Chí Minh trong dạy học bài "Cách mạng tháng Mười Nga 1917" ở trường phổ thông. 467
7. PGS. TS Trần Thị Vinh: Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về thời đại để tìm hiểu thế kỷ XX trong tiến trình lịch sử thế giới. 476

LỜI NÓI ĐẦU

Phương pháp dạy học lịch sử là một chuyên ngành của khoa học giáo dục, gắn liền với khoa học lịch sử và trở thành một môn học cơ bản ở khoa Sử các trường Cao đẳng và Đại học Sư phạm. Để giảng dạy chuyên đề cho sinh viên, dùng làm tài liệu tham khảo cho học viên sau đại học, nghiên cứu sinh và tài liệu bồi dưỡng cho giáo viên lịch sử trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông, *Hội Giáo dục Lịch sử và khoa Lịch sử trường Đại học Sư phạm Hà Nội* tổ chức biên soạn bốn chuyên đề về Phương pháp dạy học lịch sử.

Nội dung chính của các chuyên đề này là đi sâu vào việc đổi mới Phương pháp dạy học lịch sử theo hướng tích cực hoá việc dạy và học lịch sử ở trường phổ thông (Trung học cơ sở và Trung học phổ thông) nhằm nâng cao chất lượng bộ môn. Các chuyên đề có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và được cấu tạo theo các yêu cầu sau:

- Mỗi chuyên đề có một chủ điểm, gồm một vài bài chung và các bài minh họa cụ thể về lý luận và thực tiễn.

- Nội dung các chuyên đề là sự kết hợp chặt chẽ giữa *lý thuyết và thực hành*, giữa *lịch sử và giáo dục lịch sử* có tính cập nhật.

- Việc nghiên cứu các chuyên đề này phải được thể hiện trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.

Tập thể tác giả gồm các giảng viên trường Cao đẳng và Đại học Sư phạm, các nhà khoa học lịch sử và giáo dục lịch sử, cán bộ quản lý giáo dục và chỉ đạo bộ môn, giáo viên các

trường phổ thông. Thành phần như vậy có thể thực hiện được mục đích biên soạn tập chuyên đề này.

Chắc chắn sách còn có những thiếu sót về chất lượng khoa học, văn phong, các quy định về biên soạn; chúng tôi mong được bạn đọc góp ý để hoàn chỉnh. Trân trọng cảm ơn.

Hội Giáo dục Lịch sử –
Tổ Phương pháp dạy học Lịch sử
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Chuyên đề I

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Cùng với việc đổi mới nội dung, việc đổi mới phương pháp dạy học trở thành một yêu cầu cấp thiết để nâng cao chất lượng giáo dục. Nhìn chung, phương pháp dạy học chậm phát triển hơn yêu cầu thực tiễn. Nó đòi hỏi một "cuộc cách mạng" về nhận thức và hoạt động dạy học. Việc đổi mới phương pháp dạy học lịch sử phải quán triệt mục tiêu môn học, tích cực hoá việc dạy và học; thực hiện các nguyên tắc dạy học nêu vấn đề, liên môn; tăng cường và cải tiến dạy học lịch sử địa phương...

Trên cơ sở nghiên cứu bài "*Đổi mới phương pháp dạy học lịch sử theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh*", chúng ta tham khảo bảy bài tiếp theo, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn để nắm vững chủ đề này.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ THEO HƯỚNG PHÁT HUY TÍNH TÍCH CỰC CỦA HỌC SINH

PGS. TS Trịnh Đình Tùng[*]

Đổi mới phương pháp dạy học nói chung, dạy học lịch sử ở trường trung học nói riêng là một vấn đề lớn, thu hút sự quan tâm không chỉ của những người làm công tác dạy học mà ngay cả các cấp, các ngành ở trung ương và địa phương. Làm thế nào để biến tư tưởng đổi mới đó thành thực tiễn dạy học nhằm nâng cao chất lượng bộ môn ở trường phổ thông?

I. QUAN NIỆM VỀ TÍNH TÍCH CỰC CỦA HOC SINH TRONG QUÁ TRÌNH HỌC TẬP LỊCH SỬ

Hiện nay có nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học nói chung, dạy học lịch sử nói riêng, cần thống nhất về quan niệm và có biện pháp sư phạm tốt.

Những năm gần đây, chúng ta đã thấy xuất hiện ngày càng nhiều tiết học tốt, dạy tốt của các giáo viên giỏi theo hướng tổ chức cho học sinh hoạt động tích cực, tự lực chiếm lĩnh tri thức mới. Tuy nhiên, tình trạng phổ biến vẫn là thầy đọc , trò chép hoặc giảng giải xen kẽ vấn đáp, giải thích, minh hoạ bằng phương tiện trực quan. Việc chống lối dạy học thụ động, thầy đọc, trò chép đã được đặt ra từ lâu. Ngay từ

---

[*] Khoa Lịch sử – trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

năm 1963, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khuyên người học: *"Phải tự nguyện, tự giác, xem công tác học tập cũng là một nhiệm vụ... phải hoàn thành cho được. Do đó mà tích cực, tự động hoàn thành kế hoạch học tập, nêu cao tinh thần chịu khó, cố gắng không lùi bước trước bất kỳ khó khăn nào trong việc học tập"*. Tại Hội nghị Tổng kết phong trào thi đua "Dạy tốt, học tốt" của ngành Giáo dục (năm 1963), Bác Hồ lại căn dặn: *"Về giảng dạy tránh lối dạy nhồi sọ"... "Về học tập tránh lối học vẹt". "Các cháu không nên học gạo, không nên học vẹt... Học phải suy nghĩ, phải có liên hệ với thực tiễn, phải có thí nghiệm và thực hành. Học và hành phải kết hợp với nhau"*.

Tích cực suy nghĩ một cách độc lập, tức là thấm nhuần quan điểm dựa vào sức mình là chính trong học tập, là một biểu hiện cao của ý thức tự nguyện, tự giác học tập, cũng là một phương pháp có hiệu lực để chống lối học vẹt. Vì lẽ đó, Bác Hồ đã nói: *"Phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng. Đọc tài liệu thì phải đào sâu, hiểu kỹ, không tin một cách mù quáng từng câu, từng chữ trong sách. Có vấn đề nào chưa thông suốt thì mạnh dạn đề ra và thảo luận cho vỡ lẽ. Đối với bất cứ vấn đề gì đều phải đặt câu hỏi "vì sao", đều phải suy nghĩ kỹ càng xem nó có phù hợp với thực tế không, có thật là đúng lý không. Tuyệt đối không nên nhắm mắt tuân theo sách vở một cách xuôi chiều. Phải suy nghĩ chín chắn"*.

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đã khẳng định: *"Phương pháp dạy học mà các đồng chí nêu ra, nói gọn lại là lấy người học làm trung tâm..., nói cho cùng, phương pháp này là tích cực. Sự tích cực này thể hiện nó có chiều sâu, nó tạo cho người học, tức là trung tâm, phát huy được trí tuệ, tư*

duy, óc thông minh của mình. .. Điều thứ hai của phương pháp này là giúp cho người ta phương pháp tự học và lòng ham học. Đó là cái quý nhất.

Ở trường học, bất cứ là trường gì, cũng chỉ có thể cung cấp cho con người khối lượng tri thức giới hạn. Trong khí đó, khả năng hiểu biết, sự mong muốn của con người trong cả cuộc đời lại là vô cùng. Cần đào tạo con người mới vươn lên mãi mãi trong quá trình cuộc sống"[1].

Nghị quyết Trung ương II, khóa VIII đã khẳng định, phải *"đổi mới phương pháp giáo dục - đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương pháp hiện đại vào quá trình dạy học, đảm bảo điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, nhất là sinh viên đại học, phát triển mạnh phong trào tự học, tự đào tạo thường xuyên và rộng khắp trong toàn dân, nhất là thanh niên"*[2].

Định hướng trên đã được pháp chế hóa trong Luật Giáo dục: *"Phương pháp giáo dục phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh, phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học, bồi dưỡng phương pháp tự học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh".*

---

[1] Phạm Văn Đồng: *Phương pháp tự học và lòng ham học - đó là cái quý nhất*. Báo Nhân dân, 18- 11- 1994.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ II Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 41.

Vậy tính tích cực của học sinh trong học tập là gì? Nó được biểu hiện như thế nào?

Học tập của học sinh là một quá trình nhận thức, song đó là quá trình nhận thức đặc thù *"một sự nhận thức đã được làm cho dễ dàng đi và được thực hiện dưới sự chỉ đạo của giáo viên"*. Vì vậy, nói đến tính tích cực học tập , thực chất là nói đến tính tích cực của sự nhận thức. Nó là một hiện tượng sư phạm biểu hiện ở sự cố gắng cao về nhiều mặt trong hoạt động học tập.

Từ đó chúng ta có thể hiểu tính tích cực nhận thức là trạng thái hoạt động nhận thức của học sinh thể hiện trong khát vọng học tập, cố gắng trí tuệ và nghị lực cao trong quá trình nắm vững kiến thức. Khác với quá trình nhận thức trong nghiên cứu khoa học, quá trình nhận thức trong học tập không nhằm phát hiện những điều loài người chưa biết về bản chất, quy luật của các hiện tượng khách quan mà nhằm lĩnh hội những tri thức loài người đã tích lũy được. Trong quá trình học tập, học sinh cũng phải khám phá ra những điều mới đối với bản thân mình, dù đó chỉ là khám phá lại những điều loài người đã biết. Con người chỉ thực sự nắm vững cái mà chính mình đã giành được bằng hoạt động của bản thân. Học sinh sẽ chỉ ghi nhớ, nắm vững được những gì đã trải qua trong hoạt động nhận thức tích cực của mình, trong đó các em đã phải có những cố gắng trí tuệ và khát vọng học tập.

Trong quá trình dạy học, chúng ta có thể nhận biết thái độ, tình cảm của học sinh trước một hiện tượng, một tri thức mới. Những biểu hiện đó thường khác nhau, hoặc thờ ơ, vô cảm, hoặc sôi nổi, nhiệt tình, tập trung chú ý hay tỏ vẻ chán chường... Có thể nhận biết tính tích cực học tập của học sinh ở những mặt sau:

Thứ nhất, học sinh tập trung chú ý theo dõi vấn đề đang học, khao khát, tự nguyện tham gia trả lời các câu hỏi của giáo viên, bổ sung các câu trả lời của bạn, tích cực phát biểu ý kiến của mình về vấn đề mà giáo viên và các bạn đặt ra.

Thứ hai là đào sâu suy nghĩ, hay nêu thắc mắc, đòi hỏi được giải thích cặn kẽ những vấn đề giáo viên trình bày chưa đủ rõ.

Thứ ba là chủ động vận dụng những kiến thức đã học, vốn hiểu biết của bản thân để nhận thức những vấn đề mới.

Thứ tư là hào hứng, say mê tiếp thu bài giảng của thầy, cố gắng hoàn thành những bài tập được giao...

Ngoài những biểu hiện nêu trên, trong quá trình dạy học, giáo viên còn có thể nhận biết tính tích cực của học sinh qua ánh mắt, cử chỉ, nét mặt khi theo dõi bài giảng.

II. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Dạy học nói chung, dạy học lịch sử ở trường phổ thông nói riêng là một quá trình. Đó là một quá trình nhận thức đặc thù, trong đó giáo viên tổ chức, dẫn dắt học sinh một cách có mục đích, có kế hoạch để học sinh nắm vững những tri thức cơ sở về văn hoá, khoa học và kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực nhận thức, dần dần hình thành cơ sở thế giới quan duy vật biện chứng, nhân cách và đạo đức.

Trong thực tế, quá trình dạy học nói chung, dạy học lịch sử nói riêng rất phức tạp, có nhiều hình thức. Song, quá trình hoạt động chung, thống nhất giữa giáo viên và học sinh cũng đều là quá trình làm cho học sinh nắm vững hệ thống tri thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo và bồi dưỡng phẩm chất

đạo đức, hình thành nhân cách. Trong quá trình hoạt động chung đó, mọi sự tác động đều được phát huy thông qua nội dung giảng dạy nhất định. Giáo viên, học sinh, nội dung giảng dạy và phương pháp dạy học là những nhân tố cơ bản của quá trình dạy học. Mối tác động qua lại giữa các nhân tố cơ bản đó tạo thành một hệ thống dạy học hoàn chỉnh.

Trong những nhân tố đó, giáo viên đóng vai trò chủ đạo, đảm bảo việc dạy học được tiến hành theo những mục đích và nội dung quy định. Học sinh là chủ thể của việc học tập trong quá trình dạy học. Nội dung dạy học là những thông tin chủ yếu mà giáo viên đưa đến cho học sinh. Môi trường, hoàn cảnh giảng dạy là điều kiện để giáo viên có thể đưa đến một cách hữu hiệu những thông tin đó tới học sinh, nâng cao hiệu quả giảng dạy. Trong quá trình dạy học, các nhân tố đó đều có vị trí riêng và vai trò riêng của mình, đồng thời chúng phát huy tác dụng với tư cách là một chỉnh thể. Mối liên hệ qua lại giữa các nhân tố trong quá trình dạy học, có thể được diễn đạt qua sơ đồ sau:

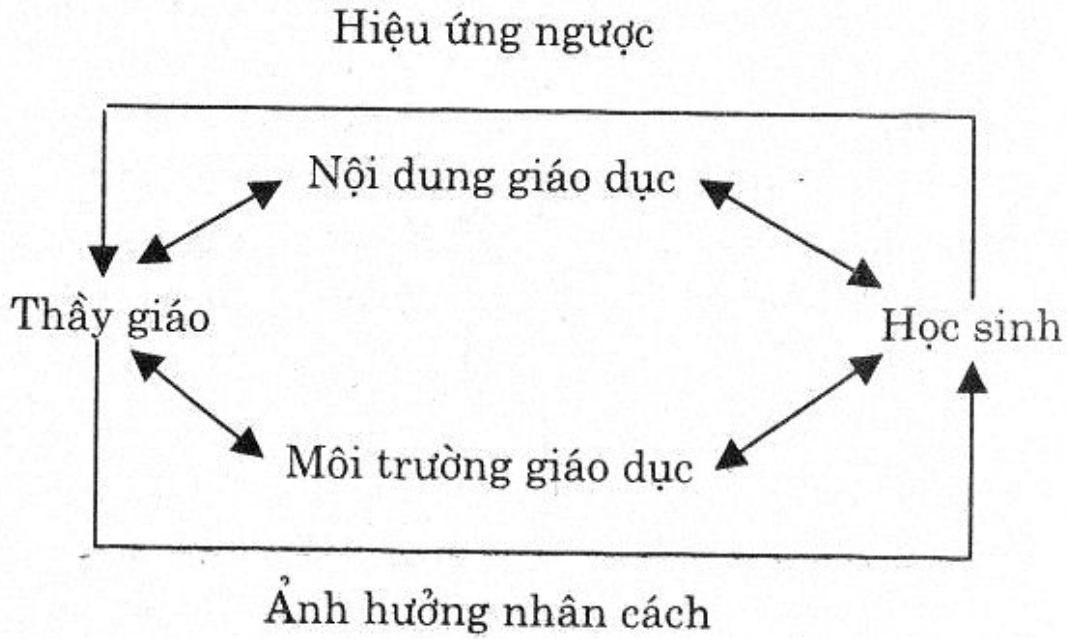

Quá trình nhận thức của việc dạy học lại có tính đặc thù của nó. Tính đặc thù này thể hiện ở chỗ, nó là sự nhận thức của cá thể học sinh, là sự nhận thức của giáo dục, vì học sinh là người chịu sự giáo dục, người đi học, là người chuẩn bị đảm nhiệm công việc. Chính vì vậy, quá trình nhận thức của học sinh trong học tập mang ba đặc điểm, đó là tính gián tiếp, tính lãnh đạo và tính giáo dục.

Tính gián tiếp tức là đối tượng của sự nhận thức và phương thức nhận thức của học sinh chủ yếu qua kinh nghiệm gián tiếp - học tập kinh nghiệm gián tiếp, lý giải và hấp thụ kinh nghiệm của người khác một cách gián tiếp. Đương nhiên, điều đó không có nghĩa là học sinh khi học tập không cần những kinh nghiệm trực tiếp, mà ngược lại sự nhận thức trong quá trình học tập lấy những kinh nghiệm trực tiếp vốn có làm cơ sở. Không có những kinh nghiệm trực tiếp vốn có làm cơ sở, không có những kinh nghiệm trực tiếp nhất định, không thể tiếp thụ được những kinh nghiệm gián tiếp. Theo xu thế phát triển của sản xuất, khoa học - kỹ thuật và sự nghiệp giáo dục hiện nay, lý luận dạy học càng nhấn mạnh tầm quan trọng của kinh nghiệm trực tiếp trong dạy học. Nó rất cần thiết cho việc nắm vững tri thức gián tiếp, nhất là những vấn đề về phát triển trí lực, bồi dưỡng sức sáng tạo của học sinh.

Nói đến *tính lãnh đạo*, tức là nói đến sự nhận thức của học sinh diễn ra dưới sự lãnh đạo của thầy giáo. Trong giảng dạy, các vấn đề như phương hướng, nội dung, phương pháp, tiến trình, kết quả... chủ yếu đều do giáo viên quyết định và chịu trách nhiệm. Trong học tập, sự chỉ đạo của giáo viên và vai trò chủ thể của học sinh là sự thống nhất biện chứng. Học là học dưới sự điều khiển, hướng dẫn, tổ chức của giáo viên,

và dạy là dạy để mà học. Cái chủ thể của học sinh là cái chủ thể đặt dưới sự chỉ đạo của việc dạy. Đó là mối quan hệ biện chứng thống nhất của dạy và học, của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học.

Về *tính giáo dục,* tức là nói đến quá trình học sinh nhận thức, đồng thời là quá trình tiếp thu tri thức để phát triển toàn diện đức, trí, thể, mỹ, lao động. Trong quá trình dạy học, đồng thời với việc học sinh tiến hành nhận thức, những ảnh hưởng về sự biến đổi giáo dục tới học sinh là điều tất nhiên. Đó chính là quy luật của tính giáo dục trong dạy học. Song cũng không nên coi tính thống nhất giữa tri thức, năng lực và lý tưởng là một sự thống nhất tự phát. Tính giáo dục trong dạy học phải được định hướng, phải được kết hợp chặt chẽ nội dung cụ thể của hoạt động dạy học, dựa vào những nguyên tắc tư tưởng xã hội chủ nghĩa để tự giác tiến hành giáo dục trên mọi mặt, mọi khâu của hoạt động đó.

Căn cứ vào mục tiêu, nội dung giờ học mà chúng ta có những hình thức dạy học khác nhau. Hình thức dạy học cũng có thể thay đổi theo những tình huống khác nhau, giáo viên khác nhau và học sinh khác nhau. Tuy nhiên, từ những đặc điểm của tri thức lịch sử, có thể áp dụng hình thức dạy học mới, kết hợp với việc truyền thụ theo truyền thống. Nhìn chung, kết cấu của mô hình này như sau:

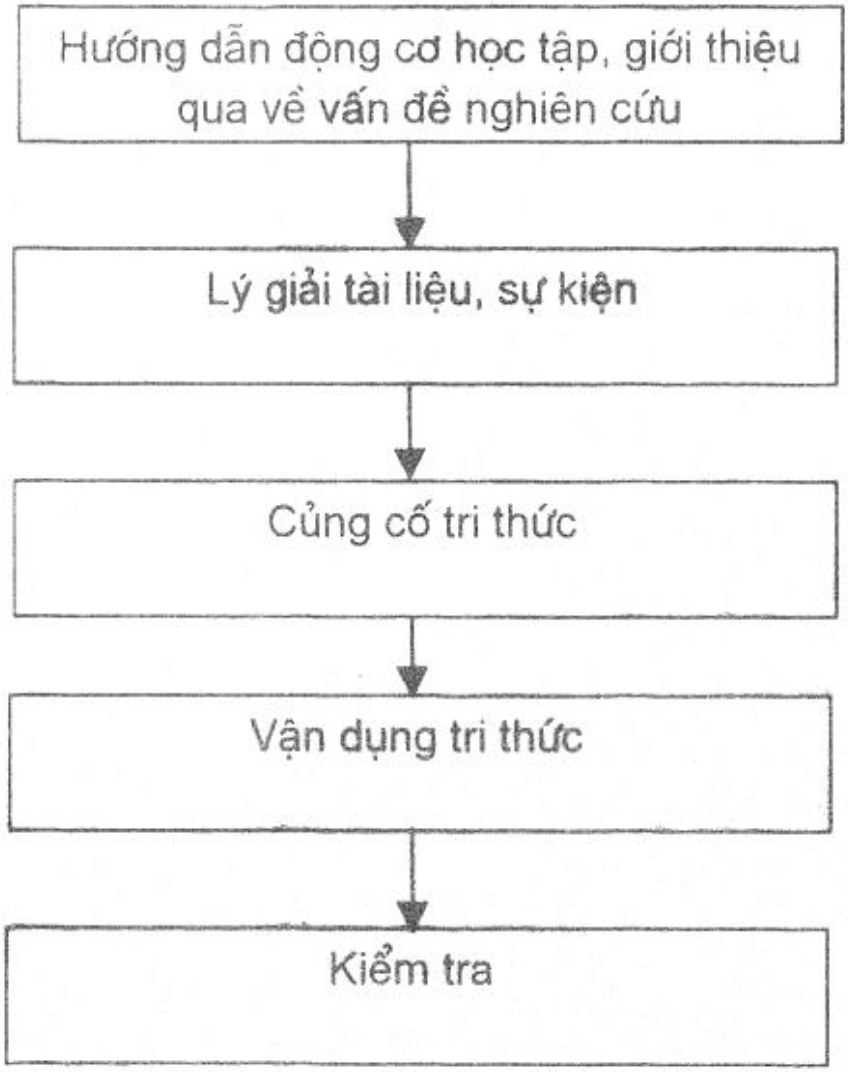

III. CÁC BIỆN PHÁP PHÁT HUY TÍNH TÍCH CỰC CỦA HỌC SINH TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ

Một số biện pháp cụ thể sau:

1. Phải hướng dẫn, xác định rõ ràng động cơ học kiến thức lịch sử cho học sinh

Bước thứ nhất của công việc giảng dạy lịch sử là làm thế nào khêu gợi được hứng thú của học sinh đối với việc học tập, làm rõ mục đích học tập. Hoạt động học tập dần dần phải được các em xem như là để thoả mãn nhu cầu nhận thức. Tuy nhiên, động cơ học tập của học sinh rất đa dạng và chưa

TL. LƯU CHIỂU
SỐ: LC/645

bền vững, biểu hiện ở những thái độ nhiều khi mâu thuẫn, từ rất tích cực đến thờ ơ, lười biếng, từ nỗ lực học tập đến thụ động học thuộc từng câu, từng chữ; hứng thú học bài này, môn học này nhưng hoàn toàn không hào hứng học bài khác, môn học khác. Để các em có động cơ, thái độ đúng đắn thì tài liệu học tập phải có nội dung khoa học súc tích, phải được định hướng rõ rệt, phải gắn với thực tiễn cuộc sống. Giáo viên phải biết gợi mở, khêu gợi nhu cầu tìm hiểu của học sinh, phải giúp cho các em có phương pháp học tập phù hợp để tránh bị thất bại.

Công việc này thường được tiến hành trong bài mở đầu cũng như phần đầu của mỗi giờ học trong suốt quá trình giảng dạy. Những giáo viên có kinh nghiệm thường kết hợp hai yêu cầu đó. Mở đầu bài giảng, giáo viên giúp học sinh thấy được mục đích và yêu cầu của bài, đưa ra một số vấn đề trong nội dung bài học có khả năng khêu gợi hứng thú học tập của học sinh, khiến họ khao khát muốn được biết, kích thích tính tích cực học tập của học sinh.

Ví dụ, khi dạy học bài "*Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông Nguyên (thế kỷ XIII)*", giáo viên có thể khêu gợi, kích thích nhu cầu nhận thức của học sinh như sau: "Các em hãy theo dõi bài giảng và giải thích vì sao quân xâm lược Mông Nguyên hùng mạnh, đã từng chinh phục nhiều nước lớn ở châu Á, châu Âu nhưng lại bị thất bại ở Việt Nam?". "Vì sao Ngô Quyền đánh tan quân xâm lược Nam Hán năm 938 ngay khi chúng đặt chân đến địa đầu Tổ quốc, còn quân và dân đời Trần cả ba lần đều phải rút lui khỏi thành Thăng Long?". Trả lời được những câu hỏi đó, học sinh sẽ nắm được kiến thức cơ bản của bài, hơn nữa lại gây cho học sinh trí tò mò, kích thích nhu cầu giải đáp cái "mâu thuẫn", "trở ngại" trong tư duy của các em.

Hay một ví dụ khác, khi dạy bài "*Nhật Bản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX*", có thể nêu câu hỏi ngay đầu giờ học, định hướng nhận thức cho học sinh, đặt các em vào nhu cầu theo dõi bài giảng: "Các em hãy theo dõi bài giảng và giải thích vì sao vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, hầu hết các nước châu Á trở thành thuộc địa hoặc phụ thuộc vào các nước đế quốc thì Nhật Bản vẫn giữ được độc lập và phát triển nhanh chóng?".

Đương nhiên những câu hỏi nêu trên không yêu cầu học sinh trả lời ngay mà chỉ tạo ra động cơ học tập cho các em. Phần này chính là tạo tình huống có vấn đề mà GS Phan Ngọc Liên cũng đã khẳng định:

"Về mặt tâm lý, con người chỉ tư duy tích cực khi nhận thấy có vấn đề cần tìm hiểu, nghiên cứu và lúc bấy giờ mới có nhu cầu nghiên cứu và học tập....

Do đó ở các trường học, việc đặt học sinh trước tình huống có vấn đề - đúng hơn hướng dẫn cho các em luôn luôn đứng trước tình huống có vấn đề – sẽ làm phát huy tính tích cực trong học tập. Nó không chỉ đem lại kiến thức mới cho học sinh (chức năng giáo dưỡng) mà còn bồi dưỡng cho các em phẩm chất, đạo đức trong học tập, như kiên trì, nhẫn nại, lòng trung thực (chức năng giáo dục và phát triển)"[1].

Do đặc điểm "tính quá khứ" của những tri thức lịch sử không thể tái hiện được trong thực nghiệm, nên học sinh không thể tiến hành quan sát trực tiếp đối tượng nhận thức. Trong khi đó, nhận thức của con người lại phải trải qua một

---

[1] Phan Ngọc Liên, Trịnh Đình Tùng (chủ biên): *Phát huy tính tích cực của hoc sinh trong dạy học lịch sử ở Trung học cơ sở.* Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr 23.

quá trình lặp đi lặp lại vòng tuần hoàn: cảm tính - lý tính - thực tiễn. Để giúp học sinh theo quy luật đó tìm hiểu lịch sử phát triển của xã hội loài người, giáo viên phải dựa vào ngôn ngữ, phương tiện trực quan, tài liệu, phong cách, điệu bộ tái tạo lại những hình tượng lịch sử.

Trong giảng dạy, điều kiện cơ bản nhất để tái tạo hình ảnh lịch sử là tư liệu lịch sử. Nếu giáo viên không nắm vững những tư liệu lịch sử phong phú, chân thực thì dù có vận dụng phương pháp giảng dạy gì đi nữa cũng không đạt kết quả mong muốn, không kích thích được tính tích cực hoạt động độc lập của học sinh. Nguồn chủ yếu của tư liệu lịch sử bao gồm tư liệu thành văn, chữ viết, tư liệu truyền miệng, tranh ảnh, hiện vật, trong đó được dùng nhiều nhất là tư liệu thành văn.

2. Phải hướng dẫn cho học sinh một số phương pháp ghi nhớ sự kiện lịch sử

Quá trình học tập là quá trình không ngừng tích luỹ kiến thức. Ở trường phổ thông, những kiến thức cơ bản của một số môn có thể được lặp đi lặp lại nhiều lần trong suốt quá trình dạy học. Ví dụ các công thức, các định lý cơ bản trong toán học, vật lí, các phản ứng hoá học trong môn Hoá được củng cố một cách tự nhiên. Nhưng trong môn Lịch sử, sự kiện, hiện tượng và các khái niệm lịch sử có liên quan đến chúng, nói chung, sau khi giảng một lần không còn lặp lại nữa. Ví dụ khi học bài: "Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075-1077)", nhân vật Lý Thường Kiệt, chiến lược "tiên phát chế nhân", "phòng tuyến sông Cầu", học sinh chỉ được tiếp xúc một lần, những bài sau không nhắc lại nữa. Điều này gây khó khăn nhất định cho việc ghi nhớ kiến thức lịch sử. Vì vậy, phải hướng dẫn cho học sinh một số phương pháp ghi

nhớ sự kiện lịch sử. Thực tế chứng tỏ rằng rất nhiều em yêu thích môn Lịch sử, muốn giải đáp cụ thể, sâu sắc nhiều vấn đề đặt ra của lịch sử, như ai? khi nào? ở đâu? diễn ra như thế nào?...Nguyên nhân vì nội dung bài lịch sử thường quá nhiều, trước một khối lượng kiến thức lớn, từ năm tháng, địa danh, nhân vật đến diễn biến của sự kiện, học sinh không biết làm thế nào để nhớ nổi và học thuộc những kiến thức đó. Học sinh ghi nhớ sự kiện không chỉ là cơ sở để nhận thức lịch sử mà còn gây hứng thú học tập cho các em. Có thể hướng dẫn cho các em một số biện pháp sau:

Thứ nhất, ghi nhớ thời gian xảy ra sự kiện lịch sử. Mỗi bài, mỗi chương, mỗi khóa trình đều có những sự kiện gắn liền với thời gian nhất định. Cần dạy cho các em kỹ năng ghi nhớ lôgic, biết tìm ra điểm tựa để nhớ, lập dàn ý, lập bảng hệ thống hóa...

Ví dụ, khi học bài *"Chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền"*, học sinh phải ghi nhớ được các niên đại: Năm 898, năm sinh của Ngô Quyền. Năm 938, chiến thắng Bạch Đằng, đất nước được hoàn toàn độc lập, tự do. Năm 939, Ngô Quyền xưng vương. Năm 944, Ngô Quyền mất. Năm 938 là sự kiện trọng đại, một mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc, học sinh không thể quên được sự kiện này. Đây là "điểm tựa" trong bộ nhớ của các em. Nếu các em được giáo viên hướng dẫn rằng, khi Ngô Quyền lãnh đạo nhân dân ta làm nên chiến thắng Bạch Đằng năm 938, ông tròn 40 tuổi. Đầu năm 939, ông xưng vương và 5 năm sau thì mất. Như vậy, từ sự kiện năm 938, học sinh sẽ nhớ năm sinh, năm mất của Ngô Quyền một cách nhanh chóng và lâu bền.

Hay một ví dụ khác, khi dạy về ba cuộc khởi nghĩa thời kỳ tiền Cách mạng tháng Tám: *Khởi nghĩa Bắc Sơn, Khởi*

nghĩa Nam Kỳ, Binh biến Đô Lương, bình thường học sinh khó nhớ thời gian xảy ra các cuộc khởi nghĩa này. Song nếu giáo viên củng cố cho các em và hướng dẫn nhớ các sự kiện theo cách trên sẽ giúp các em nhớ lâu. Có thể hướng dẫn như sau: Ngày 22-9-1940, Nhật đánh vào Lạng Sơn (biên giới phía Bắc), nhân dân Bắc Sơn đã nổi dậy khởi nghĩa, thành lập chính quyền cách mạng *27-9-1940* (5 ngày sau Nhật xâm lược). Hai tháng sau, *23-11-1940*, khởi nghĩa Nam Kỳ (phía Nam); lại hai tháng sau, *13-1-1941*, cuộc binh biến Đô Lương (miền Trung). Ba cuộc khởi nghĩa là 3 sự kiện khác nhau, đều cách nhau 2 tháng, lần lượt diễn ra từ miền Bắc (Bắc Sơn), đến miền Nam (Nam Kỳ), miền Trung (Đô Lương). Ba sự kiện này lại liên quan đến sự xâm lược của Nhật vào Đông Dương, *22-9-1940*. Như vậy, nếu học sinh nhớ một trong bốn sự kiện trên với cách ghi nhớ máy móc, có "điểm tựa" thì các em sẽ nhớ được các sự kiện khác một cách nhanh chóng.

Có thể hướng dẫn học sinh ghi nhớ một cách máy móc mối liên hệ giữa các sự kiện, giữa thời gian và địa điểm xảy ra sự kiện. Ví dụ, khi dạy bài "*Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi*", phải cho học sinh nắm vững ba đợt tấn công của quân ta vào cứ điểm Điện Biên Phủ. Thực tế các em khó thuộc thời gian, các địa điểm tấn công của quân ta qua ba đợt. Sau khi học xong, giáo viên nên giúp các em cách ghi nhớ như sau:

Đợt 1 từ 13-3 đến 17-3-1954.

Đợt 2 từ 30-3 đến 26-4-1954.

Đợt 3 từ 1-5 đến 7-5-1954.

Ngày 13-3 là ngày mở đầu chiến dịch Điện Biên Phủ. Các em có thể nhớ sự kiện này bằng cách: Ngày 8-3, ngày Quốc tế phụ nữ, 5 ngày sau, tức ngày 13- 3, ta mở cuộc tấn công ở

Điện Biên Phủ. Đợt 1 diễn ra trong 5 ngày (từ 13 đến 17-3)...Cứ như vậy, các em sẽ nhớ được thời gian của ba đợt tấn công của ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Và nếu đợt 1, ta tấn công vào các cứ điểm Him Lam, Độc Lập, Bản Kéo (ba cứ điểm phía Bắc mang tên địa danh nổi tiếng); còn đợt 2, lại tấn công vào các cứ điểm mang ký hiệu như A_1, A_2, C_1, C_2, D_1, D_2... ở khu trung tâm; đợt 3, các cao điểm còn lại ở phía Đông... Như vậy, nếu nhớ được một trong các sự kiện nói trên, các em sẽ ghi nhớ diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ 1954 một cách nhanh chóng.

Thứ hai, phải hướng dẫn học sinh ghi nhớ các nhân vật lịch sử.

Thông thường trong giảng dạy lịch sử. mỗi sự kiện đều gắn liền với những nhân vật nhất định. Giáo viên cần cân nhắc trong các sự kiện lịch sử có những nhân vật lịch sử quan trọng nào, cần làm nổi bật những nhân vật nào, nhằm đạt yêu cầu giáo dục nào?... Để học sinh ghi nhớ các nhân vật lịch sử, thông thường có hai cách: Lấy người để nói việc (dĩ nhân đối sự), hoặc lấy việc để nói người (dĩ sự đối nhân). Ví dụ:

Nhân vật (người)	Việc (cống hiến, nét tiêu biểu, hoàn cảnh...)
Ngô Quyền	Chiến thắng Bạch Đằng, năm 938.
Đinh Bộ Lĩnh	Dẹp loạn 12 sứ quân, đóng đô ở Hoa Lư.
Lý Công Uẩn	Dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long, 1010.
Lý Thường Kiệt	"Tiên phát chế nhân", năm 1075; phòng tuyến sông Cầu; bài thơ *Nam quốc sơn hà*.
Trần Thủ Độ	Gây dựng vương triều Trần – người có câu nói nổi tiếng: "Đầu tôi chưa rơi xuống đất xin bệ hạ đừng lo".

Trần Quốc Tuấn	"Hịch tướng sĩ"; "Nếu bệ hạ muốn hàng xin chém đầu thần đi đã".
Trần Bình Trọng	"Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc".
...	

3. Sử dụng sách giáo khoa nhằm phát triển tư duy học sinh

Có thể phân ra ba phương pháp sử dụng sách giáo khoa: Sử dụng sách giáo khoa để chuẩn bị bài giảng; phương pháp sử dụng sách giáo khoa trong quá trình dạy học ở trên lớp; phương pháp sử dụng sách giáo khoa để học tập ở nhà của học sinh.

a. Sách giáo khoa để chuẩn bị bài giảng

Trước khi soạn giáo án, cần nghiên cứu nội dung toàn bài trong sách giáo khoa, xác định kiến thức cơ bản của bài, hiểu rõ nội dung, tinh thần mà tác giả mong muốn ở học sinh về từng mặt kiến thức, tư tưởng, kỹ năng. Khi đã có cái nhìn toàn cục, khái quát, cần đi sâu từng mục nhằm tìm ra kiến thức cơ bản của mục đó, sự liên quan của kiến thức đó với kiến thức cơ bản của toàn bài. Mỗi bài có từ 2 đến 3 đề mục nhỏ, có mối liên quan chặt chẽ với nhau. Song không nên dàn đều về mặt thời gian cũng như khối lượng kiến thức của từng phần mà xác định phần nào lướt qua, phần nào là trọng tâm. Mỗi bài cần phải xác định rõ phần đóng góp cụ thể về mặt nội dung, tư tưởng, kỹ năng, kỹ xảo, tức là ở cuối bài, giáo viên phải xác định được cần cung cấp kiến thức gì, giáo dục tư tưởng, tình cảm gì, kỹ năng nào cần rèn luyện cho học sinh?.

Ví dụ, khi chuẩn bị bài "*Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng*" (Sách giáo khoa Lịch sử 6), cần làm rõ các khái niệm: "Khởi nghĩa", "ách đô hộ", "Thứ sử", "Thái thú", "đồng hoá"... Đương nhiên các khái niệm này khi dạy cho học sinh lớp 6 chỉ ở mức độ đơn giản, như giải thích khái niệm "*Khởi nghĩa*", giới hạn ở chỗ làm cho học sinh hiểu đây là cuộc nổi dậy của một lực lượng quần chúng nhân dân dùng bạo lực để chống lại các thế lực phản động, xâm lược, nô dịch; "ách đô hộ" là áp đặt ách áp bức, bóc lột lên một nước khác; "Thứ sử" là chức quan cai trị của bọn phong kiến Trung Hoa áp đặt ở nước ta thời kỳ Bắc thuộc; "Đô uý" là viên quan phụ trách về quân sự trong quận; "Thái thú" là viên quan phụ trách về dân sự, về chính trị trong quận. Những khái niệm này cần phải được chuẩn bị để giải thích cho học sinh[1].

Cũng trong bài này, sách giáo khoa cung cấp cho chúng ta hai lược đồ "*Âu Lạc thế kỷ I*" và "*Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng và cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán*". Đây chính là phương tiện phục vụ đắc lực cho giờ học. Đương nhiên, để có hiệu quả, cần phóng to hai lược đồ, với màu sắc phù hợp (xem thêm phương pháp sử dụng bản đồ).

Như vậy, sách giáo khoa là điểm tựa để người giáo viên xác định kiến thức cơ bản, xác định các khái niệm cần hình thành cho học sinh trong giờ học, là sự gợi ý để lựa chọn phương pháp dạy học vừa phù hợp với đối tượng, vừa phát huy tính tích cực hoạt động độc lập của học sinh.

---

[1] Xem Phan Ngọc Liên (chủ biên): Thuật ngữ và khái niệm lịch sử phổ thông, xuất bản lần thứ hai. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997.

b. Sử dụng sách giáo khoa trong quá trình dạy học trên lớp

Trong giờ học, học sinh chăm chú theo dõi bài giảng, tái tạo lại hình ảnh của sự kiện lịch sử, biết ghi chép, làm cho tư duy của các em phát triển. Tính tích cực hoạt động học tập của học sinh sẽ được biểu hiện qua nét mặt, ánh mắt, các thao tác của các giác quan. Qua quan sát lớp học, theo dõi thái độ của học sinh, giáo viên sẽ phát hiện được học sinh có tích cực hoạt động tư duy hay không, từ đó mà điều chỉnh các thao tác sư phạm cho phù hợp.

Học sinh thường theo dõi bài giảng của giáo viên rồi đối chiếu, so sánh với sách giáo khoa, thậm chí nhiều học sinh không ghi theo bài giảng của giáo viên mà lại chép trong sách giáo khoa. Vì vậy, bài giảng của giáo viên không nên lặp lại ngôn ngữ trong sách giáo khoa mà nên diễn đạt bằng lời của mình. Ví dụ, ở mục 1 *"Đất nước ta dưới ách đô hộ của nhà Hán"* trong bài *"Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng"*, giáo viên vừa chỉ trên bản đồ, vừa phân tích: "Khi bọn phong kiến Trung Quốc chiếm được Âu Lạc, chúng dùng mọi cách để sáp nhập nước ta vào đất của Trung Quốc. Chúng chia Âu Lạc thành ba quận: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam. Chúng đưa người của chúng sang trực tiếp cai trị, đứng đầu mỗi quận là một Thứ sử người Trung Hoa. Chúng thực hiện chính sách bóc lột hết sức dã man, hà khắc, như bắt dân Âu Lạc xuống biển mò ngọc trai, lấy đồi mồi, lên rừng lấy ngà voi, sừng tê giác... Chúng cũng đưa một số đông dân Hán đến ở lẫn với dân ta, bắt dân ta phải theo phong tục, tập quán của người Hán, từ cách ăn mặc đến ma chay, cưới hỏi... Xâm chiếm đất đai gắn liền với đồng hoá về văn hoá là âm mưu, thủ đoạn của bọn phong kiến Trung Quốc".

Khi học sinh vừa quan sát bản đồ, phân biệt đâu là Giao Chỉ, Cửu Chân, đâu là Nhật Nam, đâu là nước Trung Quốc; đồng thời được nghe giảng về ách áp bức, bóc lột của phong kiến Trung Quốc, trong tư duy của các em xuất hiện những hình ảnh về nước Âu Lạc xa xưa, những hình ảnh về cuộc sống cơ cực của nhân dân ta dưới ách thống trị của bọn phong kiến phương Bắc. Những kiến thức lịch sử mới được hình thành, đó chính là cơ sở để tư duy học sinh phát triển.

Một biện pháp thường hay sử dụng khi giảng dạy ở trên lớp là cho học sinh đọc sách giáo khoa rồi tự các em tóm tắt, kể lại những nội dung cơ bản. Thông thường, những kiến thức ít phức tạp, không đòi hỏi phải giải thích hay phân tích nhiều của giáo viên thì nên sử dụng biện pháp này. Đó là các kiến thức về diễn biến của một cuộc khởi nghĩa, một trận đánh hay tiểu sử của một nhân vật mà các em quen biết. Ví như, mục 3 "*Khởi nghĩa Hai Bà Trưng bùng nổ và thắng lợi nhanh chóng (năm 40)*" trong bài nêu trên, giáo viên có thể yêu cầu các em đọc sách giáo khoa hoặc một em đọc to cho cả lớp cùng theo dõi. Từ đó, yêu cầu một hoặc hai em kể lại diễn biến của cuộc khởi nghĩa. Đương nhiên, các em sẽ không kể lại được một cách đầy đủ, trọn vẹn. Song cần rèn luyện cho các em từng bước. Thông qua đó mà ngôn ngữ sử học của các em phát triển.

Trong sách giáo khoa, phần lớn các bài đều có những đoạn in chữ nhỏ. Kiến thức được thể hiện trong những đoạn này nhiều khi rất quan trọng. Thường nó là nguồn tư liệu làm nổi bật nội dung cơ bản của bài. Ví dụ, khi dạy mục "*Thành Cổ Loa và lực lượng quốc phòng*", trong bài "*Sự phát triển của nước Âu Lạc*" (sách giáo khoa Lịch sử 6), có thể sử dụng đoạn sau đây để miêu tả và kể cho học sinh quá trình

xây thành Cổ Loa và cấu trúc của thành Cổ Loa: "Lệnh vua ban ra, dân Cổ Loa phải bồng bế nhau đi ở nơi khác để vua lấy đất xây thành. Hàng nghìn thợ khéo từ mọi vùng đất nước được điều về Cổ Loa. Hàng vạn người dân phải thay nhau đi phu, phục dịch. Công trường Cổ Loa tấp nập ngày đêm. Thành đắp ngày một cao; hào rộng và sâu. Nhưng đến mùa mưa, lũ lụt xói mòn, thành lại sụt lở. Qua nhiều lần thất bại, người ta phải lấy đá tảng kè chân thành ở những chỗ vực sâu, nước xoáy, lấy mảnh gốm vỡ rải giữa các lớp đất đắp thành, thành mới vững. Sử cũ chép: "Thành rộng hơn nghìn trượng (mỗi trượng bằng 4m) như hình trôn ốc". Truyền thuyết kể rằng, dân Âu Lạc đắp thành 18 năm ròng, cứ đắp rồi lại lở. Sau nhờ có thần Rùa vàng (Kim Quy) giúp, vua mới xây xong".

Theo kết quả nghiên cứu của các nhà khảo cổ thì thành Cổ Loa có độ cao trung bình 5m, mặt trên thành rộng từ 6 đến 12m, chân thành rộng đến 20 hoặc 30m. Phía ngoài thành đắp thẳng đứng, dốc thoai thoải. Trên các vòng thành, từng quãng một, lại đắp một ụ đất cao và nhô ra làm đồn canh. Riêng vòng thành trong có đến 18 ụ như thế. Bên ngoài mỗi vòng thành đều có hào sâu bao quanh. Các vòng hào nối với nhau, thông với sông Hoàng, đầm Cả. Đường đi lối lại trong thành quanh co khuất khúc. Doanh trại quân đội đóng ở bên ngoài vòng thành giữa; khu vực giữa thành trong và thành giữa là nơi ở của các quan. Vòng thành trong bao bọc nơi ở của vua và hoàng gia. Cung cấm xây trên gò đất cao nhất. Bên trái cung cấm là điện Ngự triều (nay dựng đình Cổ Loa).

Như vậy, những đoạn chữ nhỏ trong sách giáo khoa phải được sử dụng triệt để. Nếu nó đề cập đến những kiến thức khó, phức tạp thì giáo viên lấy làm nguồn tư liệu dùng để

miêu tả hoặc kể chuyện. Nếu dễ, có thể cho học sinh cùng đọc hoặc một em đọc to cho cả lớp cùng nghe. Điều quan trọng là không nên làm một cách hình thức mà phải kiểm tra khả năng cảm thụ, nhận thức của học sinh như thế nào sau khi đọc xong đoạn đó. Để kiểm tra kiến thức học sinh, có thể để các em thoát ly sách giáo khoa, kể lại nội dung chính hoặc hỏi các em: "Quá trình xây thành Cổ Loa được tiến hành như thế nào?"; "Thành Cổ Loa rộng bao nhiêu? Chia thành mấy vòng?".

Tuỳ điều kiện cụ thể, giáo viên sáng tạo thêm các biện pháp để phát huy hiệu quả của sách giáo khoa, làm cho bài giảng sinh động, hấp dẫn, gây hứng thú học tập cho học sinh.

c. Hướng dẫn học sinh sử dụng sách giáo khoa khi học ở nhà

Vở ghi ở trên lớp và sách giáo khoa là phương tiện, là nguồn kiến thức chủ yếu để học sinh tự học ở nhà.

Khi hướng dẫn học sinh học ở nhà theo sách giáo khoa lịch sử, nên hướng dẫn có trọng điểm. Ví dụ, ở các bài 12, 13 "*Khởi nghĩa Lam Sơn*" (sách giáo khoa Lịch sử 7), cần nêu rõ: Ai lãnh đạo? Thời gian, những chiến thắng lớn... Hoặc hướng dẫn các em từ trong sách giáo khoa điền vào bảng sau:

Khởi nghĩa Lam Sơn

Những người lãnh đạo	Năm, tháng	Chiến thắng lớn	Ý nghĩa

Khi được giao những công việc cụ thể, các em sẽ phải hoàn thành và phải học tập một cách độc lập, sáng tạo.

4. Phương pháp sử dụng hệ thống câu hỏi để phát huy tính tích cực cho học sinh trong dạy học Lịch sử

Sử dụng câu hỏi trong dạy học nói chung, dạy học Lịch sử nói riêng là một trong những biện pháp quan trọng, rất có ưu thế để phát triển tư duy của học sinh. Trong thực tế dạy học ở trường Trung học cơ sở, nhiều giáo viên đã có kinh nghiệm và thành công trong việc sử dụng hệ thống câu hỏi.

Cần lưu ý mấy điểm sau:

Thứ nhất, câu hỏi và bài tập phải vừa sức, đúng với từng đối tượng. Không nên đặt câu hỏi quá khó, vượt khả năng tư duy của học sinh, như "đánh giá, nhận xét, phân tích..." và cũng không quá đơn giản, như "ai lãnh đạo", "chiến thắng nào", "bao giờ" "có" hay "không"...; tránh tình trạng giáo viên chưa giảng, chưa trình bày sự việc cụ thể, học sinh chưa có một hiểu biết nào về sự kiện, hiện tượng lịch sử sẽ học mà đã đặt câu hỏi cho học sinh. Cách đặt câu hỏi như vậy trái với đặc trưng của bộ môn, buộc học sinh phải nhìn vào sách giáo khoa để trả lời chứ hoàn toàn không hiểu gì về câu hỏi mà giáo viên vừa nêu ra.

Thứ hai, mỗi giờ học chỉ nên sử dụng 5 - 7 câu hỏi. Sau mỗi chương cần có câu hỏi bài tập. Các câu hỏi của bài phải tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh, có mối quan hệ lôgic chặt chẽ, làm nổi bật chủ đề, nội dung, tư tưởng của bài.

Thứ ba, cần triệt để khai thác các loại câu hỏi trong sách giáo khoa để lựa chọn nội dung, phương pháp thích hợp cho từng bài cụ thể. Sử dụng câu hỏi trong sách giáo khoa kết hợp với câu hỏi được sáng tạo trong quá trình soạn giảng của giáo viên phải đảm bảo tính khoa học, tính tư tưởng, đồng thời phát huy được tư duy, rèn luyện được các kỹ năng học tập của các em. Có mấy phương pháp sử dụng sau:

a. Nêu câu hỏi đầu giờ học

Vào đầu giờ học, giáo viên có thể kiểm tra hay không kiến thức bài cũ. Trước khi cung cấp kiến thức của bài học mới, giáo viên nên nêu ngay câu hỏi định hướng nhận thức cho học sinh. Câu hỏi loại này thường là câu hỏi có tính chất bài tập, muốn trả lời phải huy động kiến thức cơ bản của toàn bài. Nêu câu hỏi đầu giờ học có hai tác dụng lớn: thứ nhất là nó xác định rõ ràng nhiệm vụ nhận thức của học sinh trong giờ học; thứ hai là hướng học sinh vào những kiến thức trọng tâm của bài, huy động cao nhất các hoạt động của các giác quan học sinh trong quá trình học tập: nghe, nhìn, kết hợp với tư duy có định hướng. Đương nhiên, khi đặt câu hỏi, không yêu cầu học sinh trả lời ngay, mà chỉ sau khi giáo viên đã cung cấp đầy đủ sự kiện, thì học sinh mới trả lời được. Giáo viên nên ghi câu hỏi này lên phía trên bên phải góc bảng. Ví dụ, khi dạy bài *"Cội nguồn dân tộc"* (sách giáo khoa Lịch sử 6), có thể nêu câu hỏi: *"Cuộc sống của người Việt cổ như thế nào?"*. Trong quá trình dạy học, chúng ta vẫn tuân thủ trình tự cấu tạo của sách giáo khoa, song cần khai thác, nhấn mạnh, giúp học sinh trả lời câu hỏi nêu trên. Sau khi dạy xong, phần cuối bài, giáo viên mới quay trở lại yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi trên. Học sinh trả lời được câu hỏi này tức là đã hiểu được kiến thức chủ yếu của bài.

Một ví dụ khác, trong bài *"Những biến đổi trong xã hội"* (sách giáo khoa Lịch sử 6), có thể nêu câu hỏi đầu giờ: "Các em chú ý theo dõi bài giảng để cuối giờ trả lời cho giáo viên câu hỏi: *Những biến đổi lớn trong gia đình, trong làng bản và trong xã hội thời kỳ đầu của nước Văn Lang như thế nào?*".

Hay trong bài *"Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075-1077)"* (sách giáo khoa Lịch sử 7), giáo viên nêu

câu hỏi đầu giờ học: "*Nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 - 1077)?*".

Muốn trả lời được loại câu hỏi này, học sinh phải theo dõi bài giảng, chọn lọc sự kiện.

b. Xác định mối liên hệ giữa câu hỏi với các sự kiện, hiện tượng trong bài học

Một trong những biện pháp sư phạm là xác lập mối liên hệ giữa câu hỏi và các sự kiện, hiện tượng lịch sử trong bài. Ví dụ, cũng trong bài "*Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075-1077)*" (sách giáo khoa Lịch sử 7), giáo viên đặt ra 2 câu hỏi cơ bản: "*Nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống 1075-1077?*" và "*Những nét độc đáo trong cách đánh giặc của Lý Thường Kiệt?*". Trả lời được hai câu hỏi này, học sinh sẽ nắm được kiến thức của bài, như: Vua tôi nhà Lý kiên quyết chống xâm lược; quân đội ngày đêm luyện tập, sẵn sàng chiến đấu; Lý Thường Kiệt có tài thao lược, năm 1075 chủ động tấn công vào châu Ung, châu Khâm để tự vệ; xây dựng phòng tuyến trên sông Như Nguyệt; đoàn kết toàn dân; năm 1077 bất ngờ vượt sông Như Nguyệt tấn công vào các doanh trại quân Tống; chủ động thương lượng giảng hoà, quân Tống phải rút về nước. Những kiến thức này được sắp xếp, viết lên bảng hoặc trên giấy khổ to để các em có thể quan sát được. Lập mối liên hệ giữa các câu hỏi và sự kiện lịch sử, chúng ta sẽ có bảng sau:

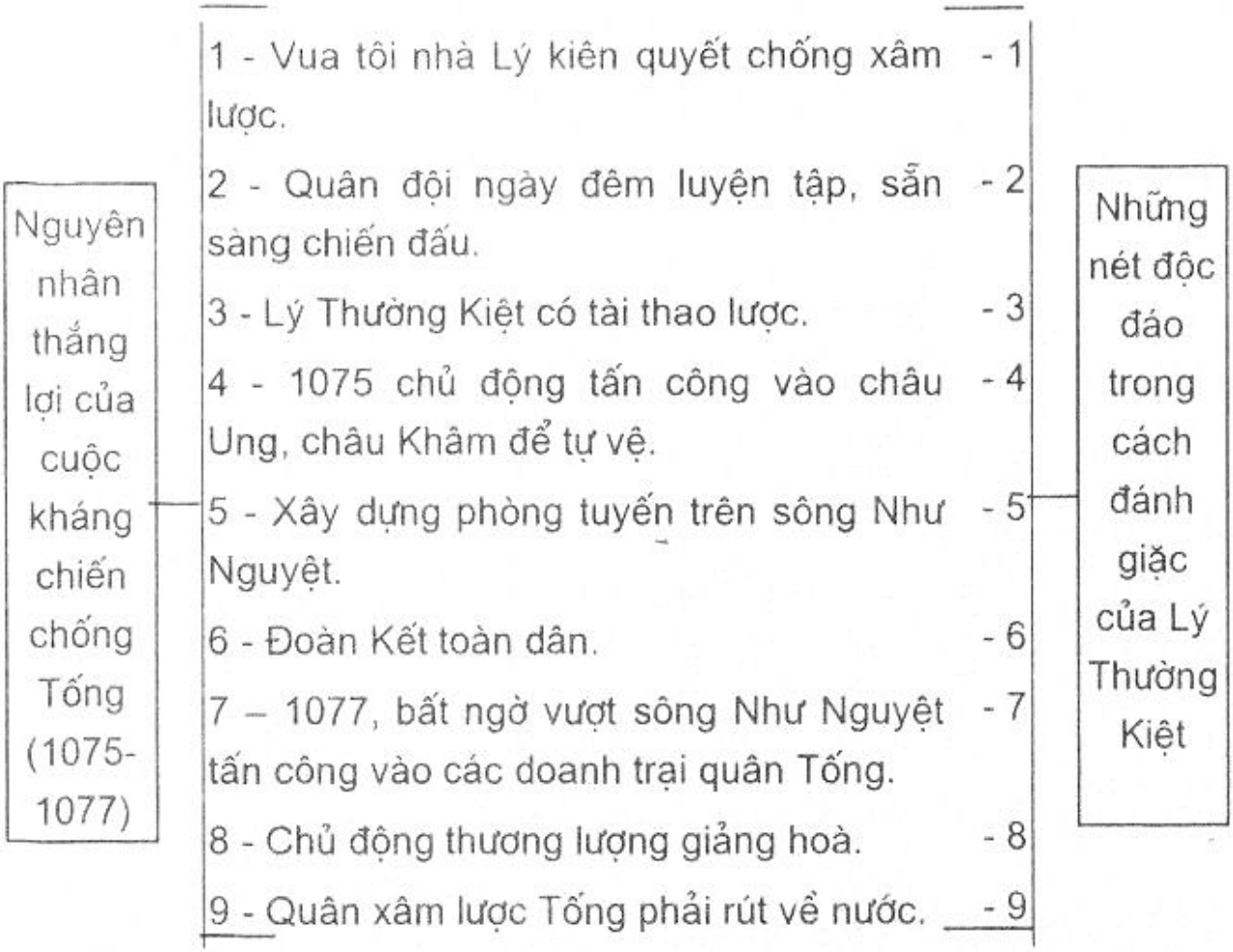

Quan sát câu hỏi và hệ thống kiến thức trong bảng nêu trên, học sinh tự tìm ra câu trả lời, tìm ra mối liên hệ giữa chúng. Các em có thể lựa chọn kiến thức nêu trên để trả lời câu hỏi thứ nhất "Nguyên nhân thắng lợi". Song không phải cả 9 kiến thức đó đều dùng để trả lời câu hỏi thứ hai. Học sinh nào mà nêu tất cả kiến thức đó để trả lời "Những nét độc đáo trong cách đánh giặc của Lý Thường Kiệt" là không đúng. Trong học sinh sẽ có cuộc tranh luận đâu là nguyên nhân thắng lợi, đâu là nét độc đáo trong cách đánh giặc. Khi các em trả lời đúng, đầy đủ, chúng ta sẽ có bảng nêu trên.

Cách lập bảng như vậy hợp với cách sử dụng câu hỏi sẽ có hiệu quả không chỉ về nắm kiến thức mà còn có tác dụng giáo dục, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo, phát triển tư duy cho học sinh. Cũng cách lập bảng như trên, ở bài *Khởi nghĩa Lam*

Sơn (1418 - 1425) (sách giáo khoa Lịch sử 7), chúng ta có thể xác định như sau:

Bảng trên thể hiện nội dung những kiến thức cơ bản của bài. Học sinh nắm được những kiến thức này sẽ trả lời được những câu hỏi trong sách giáo khoa mà hai câu hỏi ghi trong bảng là hai câu chủ yếu. Như vậy, cùng một đơn vị kiến thức, các em có thể trả lời được nhiều câu hỏi khác nhau. Vấn đề đòi hỏi tư duy của học sinh là biết huy động kiến thức nào cho câu hỏi này, kiến thức nào cho câu hỏi khác, hoặc cùng một kiến thức có thể trả lời cho nhiều câu hỏi. Ví dụ, khi trả lời câu hỏi "*Trình bầy sơ lược diễn biến của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn*",

các em sử dụng cả 10 đơn vị kiến thức trong bảng để trình bày. Cũng bảng nêu trên, học sinh còn có thể trả lời câu hỏi *"Những chiến thắng lớn của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn"*...

Việc xây dựng bảng các sự kiện cơ bản và mối liên hệ giữa chúng với các câu hỏi là một trong những biện pháp giúp học sinh nhớ ngay sự kiện cơ bản ở trên lớp, đồng thời kích thích tính tích cực học tập của các em.

c. Xây dựng hệ thống câu hỏi ở trên lớp

Trong quá trình giảng dạy, giáo viên còn phải biết đặt ra và giúp học sinh giải quyết các câu hỏi có tính chất nhận thức kiến thức. Một hệ thống câu hỏi tốt nêu ra trong quá trình giảng dạy phải phù hợp với khả năng của các em, kích thích tư duy phát triển, đồng thời tạo ra mối liên hệ bên trong của học sinh và giữa học sinh với giáo viên, tức là mỗi câu hỏi đưa ra, mỗi học sinh và cả giáo viên phải thấy rõ vì sao trả lời được, vì sao không trả lời được. Câu hỏi quá khó hay chưa đủ sự kiện, tư liệu để các em trả lời.

Trong sách giáo khoa, thường sau mỗi mục, mỗi bài lại có từ 1 đến 3 câu hỏi. Những câu hỏi này là cơ sở để giáo viên xác định kiến thức trong sách, đồng thời bổ sung để xây dựng hệ thống câu hỏi của bài. Câu hỏi phải có sự chuẩn bị từ khi soạn giáo án, phải có dự kiến nêu ra lúc nào? Học sinh sẽ trả lời như thế nào? Đáp án phải trả lời ra sao? Rõ ràng việc sử dụng câu hỏi trong dạy học còn là một nghệ thuật. Khi câu hỏi đặt ra bắt buộc học sinh phải suy nghĩ, phải kích thích được lòng ham hiểu biết, trí thông minh sáng tạo của họ. Đặc biệt là gây được cảm giác ngạc nhiên khi đối chiếu cái mới biết và cái đã biết sau khi trả lời đúng câu hỏi do giáo viên nêu ra. Ví dụ, vì sao con người nghĩ đến lịch? Lịch có tác dụng gì đối với đời sống xã hội con người? Thế nào là âm lịch

và thế nào là dương lịch? Âm lịch có nhược điểm gì so với dương lịch?... (Bài 2 "*Cách tính niên đại trong lịch sử*", sách giáo khoa Lịch sử 6).

Khi xây dựng nệ thống câu hỏi ở trên lớp nhằm gây hứng thú học tập, phát triển năng lực tư duy của học sinh, giáo viên không nên đặt những câu hỏi mà các em chỉ cần trả lời một cách đơn giản "có" hay "không" hoặc "đúng" hay "sai". Bởi vì những câu hỏi như thế không đòi hỏi học sinh phải suy nghĩ. Đồng thời cũng không nên đạt câu hỏi quá dễ làm cho học sinh thỏa mãn, đi đến chủ quan về vốn hiểu biết của mình, mà phải làm cho các em hiểu rằng, sự trả lời đúng, đầy đủ câu hỏi do giáo viên nêu ra là tốt, song vẫn phải tiếp tục suy nghĩ để trả lời hay hơn, sâu sắc hơn và thông minh hơn.

Thông thường, căn cứ vào tính chất, đặc điểm của các kiến thức lịch sử mà chúng ta có các loại câu hỏi sau:

- *Loại câu hỏi về sự phát sinh các sự kiện, hiện tượng lịch sử* mà chúng ta thường hỏi về nguyên nhân sâu xa, nguyên nhân trực tiếp hay hoàn cảnh, bối cảnh lịch sử của sự kiện, hiện tượng đó. Ví dụ, nguyên nhân bùng nổ của các cuộc cách mạng tư sản; nguyên nhân dẫn đến cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất, Chiến tranh thế giới thứ hai... Loại câu hỏi này thường xuất hiện vào phần đầu của bài giảng; bởi vì bất kỳ một sự kiện, hiện tượng lịch sử nào đều xuất hiện trong hoàn cảnh lịch sử nhất định, đều có nguyên nhân phát sinh của nó. Đây cũng là một đặc điểm của tư duy lịch sử cần hình thành từng bước cho học sinh- Nó đòi hỏi các em khi xem xét bất kỳ một sự kiện nào cũng phải được đặt trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể, tìm ra những nguyên nhân làm nảy sinh sự kiện đó.

- *Loại câu hỏi về quá trình diễn biến, phát triển của sự kiện, hiện tượng lịch sử,* như diễn biến của các cuộc khởi nghĩa; diễn biến của các cuộc cách mạng; các cuộc chiến tranh... Loại này cũng thường gặp ở tất cả các loại bài. Ví dụ, trong sách giáo khoa Lịch sử 6, chúng ta thấy có một loạt câu hỏi: "Hãy thuật lại cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng"; "Chính sách bóc lột của các triều đại phong kiến Trung Quốc tàn bạo và phản động như thế nào?"; "Sự phát triển của thủ công nghiệp và thương nghiệp ở nước ta thế kỷ I – XV?"; "Những chuyển biến trong xã hội nước ta thế kỷ I – XV?"... Trong các bài khởi nghĩa, chiến tranh, cách mạng đều có những câu hỏi loại này. Tuy đây là những câu hỏi ít phải suy luận song lại đòi hỏi trí nhớ, phải biết nhiều sự kiện, địa danh, nhân vật... Để giúp học sinh phát triển trí nhớ, cần phân chia câu hỏi thành nhiều câu hỏi nhỏ, đồng thời lập các bảng niên biểu, mối liên hệ giữa các sự kiện...

- *Loại câu hỏi nêu lên đặc trưng bản chất của các hiện tượng lịch sử,* bao gồm sự đánh giá và thái độ của học sinh đối với các hiện tượng lịch sử ấy. Ví dụ, ở lớp 6 có một loại câu hỏi như "Em hãy nêu công lao của Ngô Quyền và Đinh Bộ Lĩnh đối với nước ta buổi đầu độc lập?" (trang 6); "Tại sao hồi ấy nhân dân ta lại quý trọng các nhà sư" (trang 11); "Trình bày chính sách đối ngoại của nhà Lý, thể hiện quyền tự chủ của dân tộc ta như thế nào? Nhà Lý đã làm những gì để củng cố nền thống nhất quốc gia?" (trang 15)... Ở lớp 8, lớp 9 cũng có một loạt câu hỏi tương tự, như "Đánh giá Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền; đánh giá Hiến pháp 1791 trong Cách mạng tư sản Pháp?"; "Tại sao nói Cách mạng tư sản Pháp 1789 là cách mạng dân chủ tư sản triệt để? Nó có hạn chế gì?"...

Thường thì những câu hỏi này khó đối với học sinh. Nó đòi hỏi các em phải biết phân tích, đánh giá, biết bày tỏ thái độ của mình đối với sự kiện, hiện tượng lịch sử. Học sinh rất ngại trả lời những câu hỏi này. Tuy nhiên, giáo viên cần kiên trì, đưa thêm những câu hỏi gợi mở giúp các em trả lời câu hỏi chính. Ví như, tìm những ưu điểm của Bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền, Hiến pháp 1791 so với xã hội quân chủ chuyên chế Pháp trước cách mạng; để tìm ra hạn chế có thể hỏi là Tuyên ngôn và Hiến pháp phục vụ cho ai ? Dân nghèo có được hưởng không?.

- *Loại câu hỏi tìm hiểu kết quả, nguyên nhân dẫn đến kết quả đó và ý nghĩa lịch sử của nó.* Lịch sử chính là quá trình phát triển liên tục, đan xen nhau giữa các sự kiện hoặc một hiện tượng hay một quá trình lịch sử nào đó. Cần cho học sinh thấy được kết quả của sự vận động ấy, nguyên nhân thắng lợi hay thất bại và ảnh hưởng của nó đối với quá trình phát triển lịch sử. Loại cấu hỏi dẫn dắt học sinh trả lời những vấn đề này có nhiều, hầu hết các bài chúng ta đều đã gặp. Ví dụ, trong sách giáo khoa Lịch sử lớp 8, tập 1, ở các bài về các cuộc cách mạng tư sản, chúng ta có thể nêu các câu hỏi: "Kết quả và ý nghĩa lịch sử của cuộc Cách mạng tư sản Anh?" (Bắc Mỹ, Pháp...); hay trong sách giáo khoa Lịch sử 9, tập 2, có một loạt câu hỏi: "Em hãy nêu ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3 – 2 - 1930?". "Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và cuộc binh biến Đô Lương?"... Để trả lời những câu hỏi loại này, học sinh dựa vào sách giáo khoa để trả lời, bằng ngôn ngữ của mình chứ không lặp lại sách giáo khoa.

- *Loại câu hỏi đối chiếu, so sánh giữa sự kiện, hiện tượng lịch sử này với sự kiện, hiện tượng lịch sử khác cùng loại.*

Đây là loại câu hỏi khó đối với học sinh Trung học cơ sở. Ưu điểm của loại câu hỏi này là vừa giúp cho học sinh củng cố, ôn tập lại kiến thức cũ, vừa tiếp nhận kiến thức mới. Ví dụ, khi học bài "*Cách mạng tư sản Pháp 1789*", có thể so sánh cuộc cách mạng này với Cách mạng tư sản Anh 1640, cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ, về giai cấp lãnh đạo, hình thức vận động, kết quả... Hay khi dạy bài *"Phong trào nông dân Yên Thế (1887 - 1913)"*, sách giáo khoa Lịch sử 8, tập 2, có thể nêu câu hỏi: "Khởi nghĩa Yên Thế có những đặc điểm gì khác so với cuộc khởi nghĩa Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê?".

Các loại câu hỏi nêu trên tạo thành một hệ thống câu hỏi hoàn chỉnh, giúp học sinh trong quá trình học tập lịch sử phát hiện ra nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của một sự kiện hay quá trình lịch sử. Những câu hỏi đó không chỉ cho các em biết sự kiện mà đi sâu hiểu bản chất của sự kiện; nó không chỉ đòi hỏi học sinh nhớ sự kiện lịch sử cơ bản mà phải suy nghĩ, nhận thức sâu sắc bản chất của sự kiện lịch sử.

Muốn vậy, khi nêu các câu hỏi cụ thể, giáo viên phải bám sát trình độ các đối tượng học sinh. Câu hỏi không được mang tính chất đánh đố, máy móc mà phải gợi mở cho các em suy nghĩ về những vấn đề đang nghiên cứu, gây được hứng thú, trí tò mò để các em tìm tòi.

Khi hướng dẫn trả lời câu hỏi, cần yêu cầu học sinh chú ý:

- Đọc kỹ câu hỏi.

- Tìm hiểu nội dung câu hỏi và yêu cầu đặt ra giải quyết.

- Vận dụng kiến thức, sưu tầm tài liệu để làm cơ sở cho việc suy nghĩ và giải quyết vấn đề nêu ra trong câu hỏi.

- Tự kiểm tra lại câu trả lời có xem đúng và chính xác không?

5. Phương pháp sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học lịch sử để phát triển tư duy học sinh

Hiệu qủa của việc sử dụng phương tiện trực quan trong dạy học lịch sử do nhiều yếu tố quyết định, như chất lượng của bài học, tranh ảnh lịch sử, phương pháp sử dụng, kỹ năng và năng lực sư phạm của giáo viên.

Đồ dùng trực quan nếu được sử dụng tốt sẽ huy động được sự tham gia của nhiều giác quan, sẽ kết hợp chặt chẽ được hai hệ thống tín hiệu với nhau: tai nghe, mắt thấy, tạo điều kiện cho học sinh dễ hiểu, nhớ lâu, gây được những mối liên hệ thần kinh tạm thời khá phong phú, phát triển ở học sinh năng lực chú ý, quan sát, hứng thú. Ngược lại, nếu sử dụng không đúng mức và bị lạm dụng thì dễ làm cho học sinh phân tán sự chú ý, không tập trung vào các dấu hiệu cơ bản, chủ yếu và thậm chí hạn chế phát triển năng lực tư duy trừu tượng.

Đồ dùng trực quan trong dạy học lịch sử có nhiều loại. Mỗi loại lại có cách sử dụng riêng.

a. Phương pháp sử dụng hình vẽ, tranh, ảnh trong sách giáo khoa

Hình vẽ, tranh, ảnh trong sách giáo khoa là một phần của đồ dùng trực quan trong quá trình dạy học. Nó có ý nghĩa hết sức to lớn, không chỉ là nguồn kiến thức, có tác dụng giáo dục tư tưởng, tính cách mà còn phát triển tư duy cho học sinh. Từ việc quan sát, học sinh sẽ đi tới tư duy trừu tượng. Bản thân tranh, ảnh không thể gây được sự quan sát tích cực của học sinh nếu như nó không được quan sát trong

những tình huống có vấn đề, trong những nhu cầu cần thiết phải trả lời một vấn đề cụ thể. Như vậy, tư duy học sinh sẽ dần phát triển trong những tình huống có vấn đề. Mặt khác, thông qua quan sát, miêu tả tranh ảnh, học sinh được rèn luyện kỹ năng diễn đạt, lựa chọn ngôn ngữ, từ đó khả năng sử dụng ngôn ngữ của các em ngày càng phong phú, trong sáng. Từ việc quan sát thường xuyên các tranh ảnh lịch sử, giáo viên luyện cho các em thói quen quan sát và khả năng quan sát các vật thể một cách khoa học, có phân tích, giải thích để đi đến những khái quát, rút ra những kết luận lịch sử. Nhờ những việc làm thường xuyên như vậy mà các thao tác tư duy được rèn luyện, khả năng phát huy trí thông minh, sáng tạo của học sinh ngày càng được nâng lên. Ví dụ, khi dạy học bài đầu tiên trong sách giáo khoa Lịch sử 8, tập 1 "*Mấy nét chính của lịch sử thế giới từ công xã nguyên thuỷ đến Cách mạng Hà Lan*", giáo viên cho các em quan sát hình 2 "*Một số tiến bộ thời nguyên thuỷ*" (tr. 5), và giới thiệu sơ bộ các hình vẽ trong 2 ô của sách giáo khoa: "Ở ô vuông trên có 4 hình, biểu hiện 4 giai đoạn phát triển ở thời kỳ công xã nguyên thuỷ. Các em quan sát và hãy nêu rõ nội dung biểu hiện của từng bức tranh". Sau khi để các em phát biểu, tranh luận, giáo viên kết hợp với nội dung bài giảng, phân tích nội dung bức tranh:

Hình đầu tiên bên trái là hình ảnh biểu hiện người nguyên thuỷ tay giơ cao ngọn lửa mà anh ta phát hiện ra và muốn duy trì. Phát hiện ra lửa, biết dùng lửa để sưởi ấm, nấu ăn là một thành tựu quan trọng đầu tiên của loài người. Giáo viên có thể .giới thiệu thêm quá trình phát hiện ra lửa và sử dụng lửa: "Lúc đầu, người nguyên thuỷ nhìn thấy cháy rừng do núi lửa hoặc sấm sét tạo ra. Họ sợ hãi chạy trốn. Đám cháy hết, họ lân la trở lại và ngẫu nhiên phát hiện ra

trong đống tro tàn con thú bị cháy thui, mùi thơm rất hấp dẫn. Họ ăn thử và thấy ngon hơn nhiều so với thịt sống. Thế là họ thấy tác dụng của lửa. Tuy nhiên, không phải ngay một lúc họ đã làm chủ được lửa. Lúc đầu họ mới chỉ biết cách dùng lửa và giữ cho lửa khỏi tắt. Ngay đến việc lấy lửa, làm nảy sinh ra lửa cũng phải mất hàng thế kỷ họ mới làm ra được. Thường thì họ dùng sức nóng của hai mảnh gỗ khô cọ sát vào nhau, lửa phát ra; hoặc nhân lúc ghè đẽo đá làm công cụ, tia lửa bật ra giữa 2 mảnh đá va chạm, có thể bật vào cành lá khô hay đánh bùi nhùi cháy thành đống lửa... Từ đó, người nguyên thuỷ biết lấy lửa, dùng lửa để thắp sáng, xua đuổi thú dữ, nấu chín thức ăn. Đây là một phát minh lớn, và nhờ nó mà con người có thể sử dụng một thứ năng lượng quan trọng bậc nhất để cải thiện căn bản đời sống của mình".

Phía trên, bên phải là tranh vẽ cảnh săn bắt thú vật. Một con gấu to lớn, hung dữ đang bị những người đi săn vây quanh. Họ dùng những vũ khí còn thô sơ bằng cành cây, gậy vót nhọn hoặc gắn mảnh đá được ghè đẽo sắc cạnh vào đầu gậy. Đây còn có thể là những mũi lao được phóng bằng tay từ xa để giết thú vật trước khi phát minh ra cung tên.

Phía dưới, bên trái là cảnh nhảy múa bên đám lửa. Các thú vật săn bắt về được treo lên, nướng trên ngọn lửa. Họ quây quần nhảy múa xung quanh với niềm vui, phấn khởi về chiến lợi phẩm của mình.

Hình thứ tư vẽ người đàn ông đóng khố, kéo căng cung tên. Phát minh ra cung tên là một thành tựu lớn trong toàn bộ quá trình chế tạo công cụ và vũ khí thời kỳ này. Từ chỗ dùng gậy vót nhọn hoặc có mảnh đá đẽo sắc cạnh gài ở đầu gậy, con người phải xông vào "đánh giáp lá cà" với thú dữ, tiến tới dùng các vũ khí đó làm những mũi lao được phóng từ

xa để giết thú vật; tới chỗ, họ đã chế tạo được cung tên với sức bật kéo căng từ dây, mũi tên bắn đi xa tới đích, vừa nhẹ nhàng, vừa đỡ nguy hiểm và hiệu quả săn bắt cao hơn. Với sự xuất hiện cung tên, con người đã chuyển từ săn bắt sang săn bắn.

Ở ô vuông hình dưới (tr. 5, sách giáo khoa Lịch sử 8 hiện hành, tập 1) có 5 hình vẽ, mỗi hình biểu hiện một nội dung lịch sử, nêu lên những tiến bộ không ngừng trong đời sống của người nguyên thuỷ nhờ chế tạo ra những công cụ lao động mới. Giáo viên giới thiệu khái quát các hình vẽ, sau đó để các em tự quan sát, miêu tả, tìm ra nội dung lịch sử. Sau khi 2 - 3 em phát biểu, giáo viên có thể nêu như sau:

Từ chỗ cuộc sống chuyên hái lượm, săn bắt những vật phẩm có sẵn trong thiên nhiên, con người đã tiến tới cải tạo các vật có sẵn trong thiên nhiên để tạo ra nhiều vật phẩm mới phục vụ cuộc sống của mình: trồng trọt, chăn nuôi, dệt, đúc, trao đổi sản phẩm với nhau trong thị tộc. Quan sát từng hình vẽ từ trên xuống, từ trái sang phải, chúng ta thấy:

- Hình ảnh người đàn ông với áo quần che thân đơn giản, có thể bằng tấm da thú hoặc là những sợi thô bằng vỏ cây tươi đan và khâu lại, đang cầm chiếc cuốc thô sơ (bằng chiếc gậy vót nhọn hoặc tra vào đầu gậy mảnh đá có đục lỗ đã được mài nhẵn ở rìa lưỡi), với bàn tay rắn chắc, thế đứng vững, hơi khom lưng, cuốc đất để gieo hạt. Đây là hình ảnh tiêu biểu của nghề trồng trọt thời nguyên thuỷ. Giáo viên có thể mở rộng thêm: Từ chỗ người nguyên thuỷ đào củ, hái quả để ăn vì không thể tìm ra thịt ăn quanh năm, tới chỗ, qua nhiều thế hệ, nhận thức con người phát triển, họ bắt đầu nhận ra được mùa quả, có hạt. Dần dần họ nhận thấy nhiều cây non

mọc lên là do những hạt rơi xuống. Thế là từng bước, từng bước nghề trồng trọt ra đời.

Một bước quan trọng mới trên con đường phát triển kinh tế của loài người là sự thuần dưỡng, tiếp đến là chăn nuôi thú vật. Hình ảnh người nguyên thuỷ tay cầm chiếc gậy, chăn dắt đàn súc vật: dê, cừu, chó..., biểu hiện nghề chăn nuôi đã ra đời. Thực ra người nguyên thuỷ đã biết nuôi súc vật trước khi làm ruộng. Trong thời kỳ đồ đá mới, họ đã thuần dưỡng được chó. Sau đó là các giống vật khác như: bê, dê, thỏ, cừu... Đầu tiên, họ giữ chúng lại làm thức ăn dự trữ, nuôi chúng và ăn thịt khi không săn bắt được. Dần dần, họ thấy rằng các giống vật ấy có thể sinh sôi nẩy nở trong điều kiện nuôi trong nhà. Thế là những con vật hoang dại được thuần dưỡng đã trở thành gia súc...

Hình dưới, bên trái mô tả một khung dệt thô sơ được dựng trên 2 ngạch của cọc gỗ treọ những sợi dệt ngang, dọc bằng vỏ cây. Ở tư thế quỳ, người nguyên thuỷ cầm chiếc kim to đang cần mẫn đan được gần nửa tấm vải bằng vỏ cây. Đó là biểu hiện đầu tiên của nghề thủ công. Từ đó con người có vải để mặc thay cho bộ da thú lúc đầu.

Nghề thủ công phát triển không chỉ biểu hiện qua nghề dệt, làm gốm mà nghề đúc đồng cũng xuất hiện. Hình tiếp theo biểu hiện người "thợ" đang đổ đồng đã nóng chảy vào khuôn định sẵn. Đó là một tiến bộ lớn lao, sử dụng kim loại thay cho đồ đá. Hình ảnh hai người đang trao đổi vật phẩm cho nhau: bình bằng gốm, bộ lông thú hay tấm vải thô sơ, là hình ảnh của sự trao đổi hàng hoá, vật phẩm đầu tiên. Điều này chứng tỏ rằng, trong trồng trọt, chăn nuôi, thủ công, không những con người đã sản xuất tạm đủ để nuôi sống mình mà còn có thể trao đổi để lấy vật phẩm khác phục vụ

cho cuộc sống của mình. Sự trao đổi ấy đã làm cho kinh tế công xã càng dồi dào. Đây là điều kiện đầu tiên để xuất hiện giai cấp, phân hoá xã hội, là dấu hiệu rạn vỡ của xã hội nguyên thuỷ, chuẩn bị cho sự nảy sinh xã hội có giai cấp và nhà nước.

Sử dụng tranh ảnh như vậy, vừa khai thác nội dung lịch sử thể hiện qua tranh ảnh, bổ sung cho bài giảng, vừa phát huy được năng lực tư duy của học sinh, tạo hứng thú học tập cho các em.

b. Sử dụng chân dung nhân vật lịch sử trong sách giáo khoa

Chân dung các nhân vật lịch sử có ý nghĩa rất lớn trong việc giảng dạy và học tập lịch sử ở trường Trung học cơ sở. Khi sử dụng chân dung nhân vật lịch sử trong dạy học cần phải chú ý đến mục đích giáo dục, giáo dưỡng và phát triển tư duy. Đối với các anh hùng dân tộc, lãnh tụ cách mạng, giáo viên phải làm nổi bật tính cách của nhân vật ấy thông qua việc miêu tả hình thức bề ngoài, hay nêu khái quát ngắn gọn tiểu sử của nhân vật ấy (đặc biệt là thời thơ ấu), làm cho học sinh hứng thú, kích thích óc tò mò, phát triển năng lực nhận thức. Qua việc sử dụng chân dung các nhân vật lịch sử, học sinh học tập được tài trí, đạo đức của họ, từ đó mà các em rèn luyện mình theo tấm gương của nhân vật. Khi sử dụng chân dung các nhân vật phản diện, cần hướng dẫn học sinh nhận xét những biểu hiện của tính gian ác, tham lam, xảo quyệt của những nhân vật ấy. Không nên để học sinh bị thu hút về hình thức của nhân vật mà quên đó là nhân vật phản diện.

Trong khi sử dụng chân dung phù hợp với nội dung bài học, giáo viên phải phân tích, giải thích và định hướng cho

học sinh tự mình đánh giá vai trò, tính cách của nhân vật đó. Ví như, khi dạy bài "*Sự phát triển của văn học, nghệ thuật*", về phần nghệ thuật, thường sử dụng chân dung Betôven và Sôpanh. Sau khi học sinh phát biểu, giáo viên kể cho các em nghe tiểu sử và sự nghiệp sáng tác âm nhạc của hai ông:

Sôpanh sinh ngày 1-3-1810, tại một ngôi làng nhỏ nằm ở ngoại ô Vácxava - thủ đô Ba Lan. Bố là người Pháp ở miền Nam Lôren, còn mẹ là con một gia đình quý tộc Ba Lan đã bị sa sút. Khi mới lên 9 tuổi, Sôpanh đã gây được sự chú ý của những người yêu âm nhạc ở Vácxava. Người ta coi cậu như một thần đồng trong âm nhạc. Ở tuổi 15, Sôpanh đã có những tác phẩm được in và 5 năm sau, ông trở thanh một nghệ sĩ dương cầm có tên tuổi. Năm 1831, ông đi Pari và chẳng bao lâu tài năng của ông đã nổi bật. Pari sùng bái ông, nhiều thiếu nữ trẻ đẹp, giầu có coi việc được Sôpanh dạy nhạc là một vinh dự, những người mê nhạc lấy làm diễm phúc khi được nghe Sôpanh biểu diễn.

Sôpanh mất vì bệnh lao tại Pari ngày 17-10-1849, khi chưa tròn 40 tuổi. Theo di chúc, một nắm đất quê hương mà ông đã giữ gìn bên mình từ thuở ra đi được trải trên nấm mồ và trái tim ông được lấy ra đưa về Tổ quốc Ba Lan của ông.

Bétôven là một trong những nhạc sĩ thiên tài, nổi tiếng nhất ở nước Đức và thế giới. Ông sinh ngày 16-12-1770, tại Bon. Cha ông là một nhạc sĩ cung đình, luôn luôn mong muốn ông trở thành một thần đồng âm nhạc, đã cho ông tập đàn từ lúc 3 tuổi. Khi lên 11 tuổi, ông đã biểu diễn ở Hà Lan như một nghệ sỹ dương cầm điêu luyện. Năm 13 tuổi, tác phẩm đầu tiên của Bétôven ra đời. Năm 1781, ông được gửi đi Viên (Áo) theo học Môda. Vài tháng sau, ông phải trở về Bon vì mẹ ốm nặng. Chẳng bao lâu, sau khi bà qua đời,

Bétôven trở thành trụ cột chính của gia đình. Ông phải lo lắng cả tiền lương người cha lúc này trở nên nghiện ngập rượu chè. Ông bắt đầu đi dạy nhạc và biểu diễn trước công chúng để kiếm tiền.

Năm 21 tuổi, ông lại đi Viên và sống ở đó cho đến khi qua đời. Tại đây, Bétôven theo học Hâyđen và một số thầy dạy nhạc khác. Mặc dù tính tình lập dị và cách cư xử có lúc thái quá, Betôven vẫn được nhiều người bảo trợ và được giới vua chúa, quý tộc đón tiếp. Tuy vậy, ông luôn luôn là một nhà dân chủ căm ghét bọn cầm quyền chuyên chế.

Bản giao hưởng số 3 "Anh hùng" của ông đã đề tặng Napôlêông nhưng khi viên tướng độc tài này lên ngôi hoàng đế, ông đã xé bỏ lời đề tặng.

Từ năm 1798, ông bắt đầu gặp nhiều đau khổ do bị nặng tai và ngày càng trầm trọng hơn. Ông bị điếc hẳn năm 1814, khi soạn bản giao hưởng số 8. Năm 1822, mặc dù bị điếc, ông vẫn cố điều khiển cuộc hoà nhạc, gây kinh hoàng cho cả dàn nhạc. Bétôven qua đời tại Viên ngày 26- 3-1827, để lại cho nhân loại niềm tiếc thương vô hạn và một di sản âm nhạc đồ sộ mà cho tới ngày nay vẫn được dàn dựng trong các chương trình âm nhạc thế giới.

Sử dụng những câu chuyện, những cống hiến của các nhân vật lịch sử không chỉ có sức truyền cảm, giáo dục sâu sắc, mà còn giúp các em suy nghĩ, đánh giá.

c. Sử dụng bản đồ trong dạy học lịch sử nhằm phát triển tư duy cho học sinh

Trên bản đồ lịch sử, các sự kiện luôn được thể hiện trong một không gian, thời gian, địa điểm cùng một số yếu tố địa lý nhất định, nên kết hợp với lời nói để tạo biểu tượng lịch sử.

Ví như, chỉ với phương pháp dùng lời, giáo viên khó có thể tạo cho học sinh biểu tượng về tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ mà thực dân Pháp cho là "Một pháo đài kiên cố không thể công phá". Rõ ràng khi chọn vị trí chiến lược cho kế hoạch của mình, Nava đã nghĩ đến Điện Biên Phủ với địa hình cánh đồng Mường Thanh có núi cao bao bọc, hiểm trở, sẽ gây khó khăn cho ta khi tiến công; hơn nữa đây còn là vị trí chiến lược có thể kiểm soát cả chiến trường Lào và Bắc Bộ. Nếu giáo viên biết kết hợp sử dụng bản đồ chiến trường Đông Dương 1953 - 1954, chiến dịch Điện Biên Phủ 1954, cùng với một số hình ảnh khác thì học sinh sẽ có biểu tượng khá rõ thế nào là "Pháo đài kiên cố", là "Xương sống của kế hoạch Nava". Kết hợp sử dụng những phương pháp như vậy, ít nhiều giáo viên đã góp phần bồi dưỡng quan điểm duy vật lịch sử cho học sinh, đặt sự kiện lịch sử trong hoàn cảnh không gian, thời gian cụ thể và cả những ảnh hưởng, tuy không quyết định của yếu tố địa lý.

Thông qua quan sát bản đồ, đọc ký hiệu, nội dung lịch sử được biểu diễn trên bản đồ; việc sử dụng bản đồ lịch sử còn góp phần phát triển khả năng quan sát, trí tưởng tượng, tư duy và ngôn ngữ, đặc biệt là kỹ năng đọc bản đồ, củng cố thêm về kiến thức địa lý...

Trong dạy học lịch sử ở trường Trung học cơ sở, chúng ta thường sử dụng bản đồ treo tường, bản đồ trong sách giáo khoa lịch sử, át lát giáo khoa lịch sử, bản đồ câm. Song sử dụng như thế nào để phát huy hiệu quả của nó trong dạy học lịch sử thì ít được chú ý. Ở đây, chúng tôi xin giới thiệu 2 loại bản đồ mà giáo viên ít sử dụng:

Bản đồ câm, hay còn gọi là bản đồ trống, không thể hiện đầy đủ các nội dung lịch sử được phản ánh trong sách giáo khoa mà chỉ là những nét cơ bản về phạm vi lãnh thổ, một

vài địa danh chính, làm nền, có tác dụng định hướng cho nội dung lịch sử để giáo viên đưa vào trong quá trình giảng bài, với hình thức vẽ bằng phấn, mảnh giấy ghi sẵn ký, số hiệu, hình ảnh.

Về hình thức, bản đồ câm có thể được vẽ trên giấy in, trên giấy nhựa để treo tường hoặc phổ biến hơn là giáo viên vẽ trên bảng đen. Ngoài ra còn có loại bản đồ câm khác, nhỏ, được đóng thành từng tập dùng cho học sinh sử dụng khi học tập ở nhà hay theo dõi bài giảng trên lớp, để các em tự điền vào.

Sử dụng bản đồ câm ở trên lớp có tác dụng rất lớn trong việc tập trung sự chú ý của học sinh. Học sinh hứng thú, tích cực học tập vì được tìm hiểu bài một cách sinh động, các sự kiện được quan sát rõ ràng, dễ nhớ. Bản đồ câm còn có tác dụng trong việc kiểm tra nhận thức lịch sử, qua đó góp phần phát triển năng lực tư duy và khả năng thực hành cho học sinh.

Việc sử dụng bản đồ trong sách giáo khoa, hoặc bản đồ được phóng to treo trên bảng là một yêu cầu cần thiết trong dạy học lịch sử, nhằm phát triển tư duy của học sinh. Khi sử dụng, nhất thiết phải giới thiệu cụ thể các ký hiệu ghi trên bản đồ, đồng thời tập cho các em quan sát, đọc bản đồ và tìm hiểu nội dung lịch sử được thể hiện trên bản đồ. Ví như, khi dạy phần "*Sự xâm lược của các nước tư bản phương Tây*" (sách giáo khoa Lịch sử 8, tập 1, tr. 40-41) có bản đồ "*Nam Á và Đông Nam Á giữa thế kỷ XIX*", giáo viên phải hướng dẫn các em thấy được vị trí địa lý của các nước trong khu vực, ký hiệu thể hiện trên bản đồ. Sau khi các em đã trình bày sự hiểu biết của mình qua bản đồ, giáo viên phân tích:

Bản đồ này giới thiệu cho chúng ta 2 khu vực:

- *Khu vực Nam Á* bao gồm lãnh thổ các nước Ấn Độ, Pakixtan,Băngladét, Nêpan, Butan, Xrilanca và Manđivơ. Trước đây, có tên chung là tiểu lục địa Ấn Độ.

Với diện tích khoảng 4 triệu km^2, dân số 954 triệu, đây là một trong những vùng đông dân nhất châu Á. Nơi đây cũng là một khu vực có nhiều khoáng sản, như dầu mỏ, sắt, măng gan, vàng, than, nhôm... và có khả năng cung cấp nguyên liệu và nông sản nhiệt đới, như các loại gia vị, bông. đay, chè....

Cũng như các quốc gia phong kiến khác ở châu Á, cho đến cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, Ấn Độ bị phân chia thành nhiều tiểu vương quốc và suy yếu. Tình hình đó tạo thuận lợi cho cuộc xâm lược của các nước tư bản châu Âu đang phát triển nhanh chóng trên con đường tư bản chủ nghĩa.

Bọn lái buôn phương Tây đầu tiên đến Ấn Độ là người Bồ Đào Nha. Nhưng ngay sau đó, người Hà Lan chiếm ưu thế ở Ấn Độ. Thế lực của Hà Lan ở đây duy trì không lâu và lại bị các nước châu Âu khác đến cạnh tranh. Sau cuộc chiến tranh Anh và Pháp diễn ra kịch liệt trong bảy năm, Pháp phải để Anh độc quyền chiếm Ấn Độ.

Từ đó, Anh đã thiết lập chế độ thống trị tàn bạo và bóc lột tàn khốc ở Ấn Độ. Mãi đến sau Chiến tranh thế giới thứ hai, năm 1947, Anh buộc phải tuyên bố trao trả độc lập cho vùng đất đai rộng lớn và giàu có này, sau khi đã chia khu vực này thành nhiều nước để dễ bề chia rẽ, gây mâu thuẫn giữa các dân tộc và tôn giáo.

- *Đông Nam Á* là khu vực nằm giữa hai lục địa lớn: Trung Quốc và Ấn Độ, nên còn được gọi là "Bán đảo Trung Ấn". Vùng này gồm 10 nước: Miến Điện (Myanma), Xiêm (Thái Lan), Mã Lai (Malaisia), Campuchia, Lào, Việt Nam, Xinhgapo, Brunây, Philíppin và Inđônêxia.

Đông Nam Á là vùng có 382 triệu dân, sinh sống trên 4,5 triệu km^2. Đặc điểm chung của các nước Đông Nam Á ở nửa đầu thế kỷ XIX là chế độ phong kiến lâm vào tình trạng

khủng hoảng sâu sắc. Các lãnh chúa phong kiến cát cứ, nông nghiệp sa sút, nông dân sống cơ cực và nổi dậy khởi nghĩa ngày càng mạnh mẽ. Bọn thực dân châu Âu nhân cơ hội này xâm chiếm các nước Đông Nam Á để làm thuộc địa. Đến cuối thế kỷ XIX, các nước trong khu vực lần lượt trở thành thuộc địa của bọn thực dân phương Tây (trừ Thái Lan trên danh nghĩa độc lập song vẫn phụ thuộc vào Anh, Pháp).

Việc phát huy tính tích cực học tập của học sinh được tiến hành trên cơ sở phương pháp dạy học nói chung. Song việc vận dụng này rất sáng tạo trong giờ nội khoá và *hoạt động ngoại khoá,* (ở đây chúng tôi chưa nêu các biện pháp trong hoạt động ngoại khoá). Trong giờ lên lớp, có nhiều biện pháp, song việc sử dụng sách giáo khoa và đồ dùng trực quan là chủ yếu, phù hợp với điều kiện nước ta. Về sử dụng sách giáo khoa đã có nhiều bài viết, chúng tôi lưu ý đến việc sử dụng phương tiện trực quan là một yêu cầu, một khâu trong quá trình dạy học lịch sử ở trường phổ thông. Chúng ta phải kết hợp chặt chẽ việc sử dụng đồ dùng trực quan với các phương pháp dạy học khác. Các phương tiện trực quan sẽ giúp học sinh hiểu sâu, nhớ lâu và tiếp thu nhanh nội dung bài học. Cho nên khi sử dụng đồ dùng trực quan, phải chú ý phát triển tư duy, rèn luyện ngôn ngữ cho học sinh. Bằng cách đặt câu hỏi gợi vấn đề, quan sát, giáo viên hướng dẫn học sinh miêu tả các sự kiện, hiện tượng lịch sử phản ánh trên bản đồ, tranh ảnh, từ đó rút ra những kết luận về kiến thức.

*

* *

Nhận thức về đổi mới trong dạy học lịch sử là cần thiết, song quan trọng hơn là phải tiến hành các biện pháp sư phạm có hiệu quả.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ – MỘT YÊU CẦU CẤP THIẾT

GS. TS Phan Ngọc Liên*

Khi loài người tiến những bước lớn về khoa học - kỹ thuật để có một tương lai rực rỡ thì không hề làm mất đi nhu cầu và hứng thú hiểu biết về quá khứ. Hơn 60 năm trước (tháng 2-1941), khi về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã viết quyển "Lịch sử nước ta" để vận động, giáo dục quần chúng đấu tranh. Mở đầu sách, Người khẳng định:

"Dân ta phải biết sử ta,

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam"[1].

Phải biết để tường (hiểu cặn kẽ) lịch sử quá khứ, phục vụ cho cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay là nguyên tắc phương pháp luận sử học ("biết xưa để hiểu nay"), là nguyên tắc sư phạm trong dạy học lịch sử ("nắm vững sự kiện cơ bản để hiểu lịch sử").

Trong hơn nửa thế kỷ qua, kể từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, việc giáo dục lịch sử ở trường phổ thông đã thực hiện đúng đắn, sáng tạo những nguyên tắc, phương pháp luận sử học và phương pháp dạy học macxit – lêninnít. Do đó

---

* Khoa Lịch sử – trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, xuất bản lần thứ hai, tập 3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 220.

đã góp phần đào tạo nhiều thế hệ trẻ làm nên những chiến công lẫy lừng trong lao động, chiến đấu.

Tuy nhiên, những yếu kém của giáo dục, đặc biệt trong những năm gần đây, cũng bộc lộ khá rõ trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông. Biểu hiện nổi bật của việc giảm sút chất lượng bộ môn là tình trạng coi thường, nhớ nhầm sự kiện, không hiểu lịch sử, không vận dụng bài học, kinh nghiệm quá khứ vào rèn luyện đạo đức, phẩm chất, quan điểm tư tưởng. Nguyên nhân đưa tới tình trạng này có nhiều: quan niệm không đúng về vị trí, chức năng, nhiệm vụ bộ môn Lịch sử trong đào tạo thế hệ trẻ; tác động mặt tiêu cực của cơ chế thị trường đến giáo dục; những thiếu sót trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; sự nỗ lực của bản thân giáo viên trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tư tưởng. Một trong nhiều nguyên nhân chủ yếu đó là *sự lạc hậu, bảo thủ về phương pháp dạy học lịch sử*. Việc cải cách giáo dục được tiến hành đồng thời trên cả ba mặt: *hệ thống giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học*; nhưng về lý luận và thực tiễn thiếu việc cải tiến, đổi mới phương pháp dạy học, nhìn chung chưa được chú trọng, chưa có hiệu quả. Giáo viên dạy Lịch sử ở trường phổ thông phải gánh chịu một phần không nhỏ trách nhiệm đối với việc đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học, bởi vì phương pháp dạy học trước hết và chủ yếu là những vấn đề của giáo viên, cần giải quyết tích cực.

Để góp phần vào đổi mới phương pháp dạy học, phù hợp với mục tiêu đào tạo và nội dung sách giáo khoa mới được biên soạn trong dự án phát triển giáo dục Trung học cơ sở, bắt đầu được sử dụng từ năm học 2000 – 2001 (thực nghiệm), chúng tôi xin nêu một số vấn đề về đổi mới phương pháp dạy

học Lịch sử theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi dẫn chứng chủ yếu tài liệu giáo khoa lịch sử của bậc Trung học phổ thông.

Trước hết, chúng ta cần nhận thức đúng nhiệm vụ, chức năng bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông để xác định đúng *Mục tiêu môn học, Nội dung* và *Phương pháp dạy học* phù hợp.

Một cách ngắn gọn, mục tiêu môn học Lịch sử ở trường Trung học cơ sở là cung cấp những *kiến thức cơ bản cần thiết* về lịch sử dân tộc và phần nào về lịch sử thế giới (chủ yếu thời kỳ cận, hiện đại). Trên cơ sở ấy bước đầu hình thành có hệ thống cơ sở thế giới quan khoa học, giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, truyền thống dân tộc, tạo cho học sinh có năng lực tư duy, hành động, có thái độ ứng xử trong đời sống xã hội.

Từ mục tiêu môn học như vậy, việc biên soạn sách giáo khoa Lịch sử được đổi mới, thể hiện rõ nhất trong quyển "Lịch sử 6" (sách giáo khoa thí điểm Trung học cơ sở, 2000). Sách giáo khoa được biên soạn theo quan điểm đúng đắn:

- Đây là tài liệu cơ bản cho học sinh học tập, giúp các em "làm việc" với sách để nắm kiến thức, chứ không phải để học thuộc lòng. Vì vậy, ngoài phần bài viết, sách giáo khoa còn có nhiều bộ phận quan trọng khác (tài liệu tham khảo, câu hỏi, các loại kênh hình) để củng cố và bổ sung kiến thức cần thiết mà học sinh cần nắm vững

- Nội dung sách giáo khoa phản ánh trình độ phát triển của sử học (những vấn đề cơ bản, tương đối ổn định trong nhận thức, thể hiện tính cơ bản, hiện đại, phù hợp thực tiễn Việt Nam.

- Việc biên soạn được tuân thủ những nguyên tắc của khoa học giáo dục về cấu tạo, nội dung trình bày, thiết kế mỹ thuật, văn phong khoa học... Sách giáo khoa đòi hỏi giáo viên phải nắm vững, sâu sắc nội dung, tìm những phương thức thích hợp, có hiệu quả để hướng dẫn học sinh học tập, chứ không phải lại "đọc lại" cho học sinh chép, không hiểu nội dung các kênh hình, không giải được các bài tập trong sách.

Từ nội dung, yêu cầu dạy học theo mục tiêu bộ môn, nội dung sách giáo khoa mới được biên soạn, giáo viên cần khắc phục, xoá bỏ phương pháp dạy học cũ và cải tiến theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh trong học tập.

Chúng tôi dẫn ra đây b*ảng đối chiếu kiểu dạy học cũ và đổi mới* để chúng ta nhận thấy sự cần thiết nhanh chóng cải tiến phương pháp dạy học lịch sử:

Kiểu dạy cũ	Phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của học sinh
1. Cung cấp nhiều sự kiện, được xem là mục đích học tập, nhớ tốt, thuộc lòng.	1. Cung cấp những *kiến thức cơ bản* được chọn phù hợp với yêu cầu, trình độ học sinh, giúp các em suy nghĩ, *hiểu* sự kiện một cách sâu sắc và do đó nhớ lâu, bền vững.
2. Trên lớp, giáo viên chỉ đọc sách giáo khoa cho học sinh chép, kể chuyện .không cần thiết để học sinh thích thú ghi chép.	2. Giáo viên trình bày những kiến thức cơ bản nhất, hướng dẫn học sinh tìm hiểu, trình bày theo sách giáo khoa, các loại tài liệu tham khảo khác; biết sử dụng đồ dùng trực quan, giải quyết những câu hỏi, bài tập trong sách, nêu và cùng trao đổi, giải quyết những

	vấn đề được đặt ra; ghi chép lời giảng của thầy thông qua nhận thức của mình.
3. Học sinh chỉ làm việc một mình trên lớp, ở nhà hoặc với giáo viên khi được hỏi, kiểm tra.	Học sinh "tự làm việc" với tài liệu giáo khoa, trao đổi, thảo luậnvới bạn bè, đề xuất ý kiến, thắc mắc, trao đổi với giáo viên.
4. Việc dạy học theo từng bài, mục riêng lẻ, rời rạc, làm kiến thức học sinh không có hệ thống, không có sự kế thừa trong nhận thức.	4. Các sự kiện được nêu trong hệ thống, có quan hệ với nhau (bối cảnh lịch sử với diễn biến sự kiện, nguyên nhân và kết quả). Các bài học có quan hệ chặt chẽ với nhau theo chương trình quy định; kiến thức đã học làm cơ sở tiếp thu kiến thức mới; kiến thức mới củng cố vững chắc kiến thức cũ.
5. Việc dạy học chỉ dừng ở việc kiểm tra bằng các câu hỏi nặng về ghi nhớ một số sự kiện; chỉ hiểu lịch sử một cách chung chung, công thức.	5. Giáo viên hướng dẫn học sinh tự học nội dung sách giáo khoa, biết tự kiểm tra, đánh giá nhận thức của mình; biết đặt và giải quyết các vấn đề có liên quan đến nội dung bài học; biết làm các loại bài tập thực hành bộ môn; biết liên hệ, vận dụng kiến thức đã học. Việc kiểm tra, đánh giá bằng nhiều phương pháp sinh động, toàn diện lý thuyết và thực hành.
6. Nguồn kiến thức thu nhận của học sinh rất hạn hẹp, thường giới hạn ở bài giảng của giáo viên,	6. Nguồn kiến thức mà học sinh tiếp nhận rất phong phú, đa dạng: bài giảng của thầy, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo cần thiết,

sách giáo khoa.	các loại đồ dùng trực quan (trong sách giáo khoa, tranh, ảnh, bản đồ giáo khoa, tự tạo..) và các hoạt động ngoại khoá, thực hành.
7. Dạy học lịch sử tách rời với các môn khác, đặc biệt với nội dung các môn học liên quan (Văn, Địa lý, Giáo dục công dân...).	7. Thể hiện nguyên tắc *liên môn*, việc *tích hợp* kiến thức ở các môn học gần gũi ở mức độ ổn định làm cho kiến thức được phong phú, vững chắc, tiết kiệm thời gian dạy học.

Một số điểm so sánh, đối chiếu giữa dạy học cũ (truyền thống) và phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực của học sinh, kết hợp giáo dục với cuộc sống, học đi đôi với hành..., giúp chúng ta nhận thấy việc đổi mới phương pháp dạy học đưa lại hiệu quả giáo dục cao hơn, nó đòi hỏi giáo viên phải lao động sư phạm nhiều hơn.

Thực hiện việc đổi mới phương pháp dạy học Lịch sử, chúng ta cần chú ý đến các vấn đề cơ bản sau đây:

Thứ nhất, tìm hiểu, nắm vững và sử dụng sách giáo khoa.

Để hiểu rõ sách giáo khoa, trước hết phải nắm mục tiêu, chương trình môn học, cấu tạo, nội dung sách giáo khoa. Giáo viên phải nhận thức sâu, rộng, chính xác nội dung sách giáo khoa để trình bày, hướng dẫn học sinh tự học, tránh tình trạng "đọc lại" hay "thoát ly" nội dung sách giáo khoa.

Về sử dụng sách giáo khoa, chúng ta có thể vận dụng một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương "sơ đồ Đairi"[1] :

---

[1] Đairi là nhà nghiên cứu Phương pháp dạy học lịch sử nổi tiếng của Liên Xô trước đây, đề ra phương pháp sử dụng sách giáo khoa.

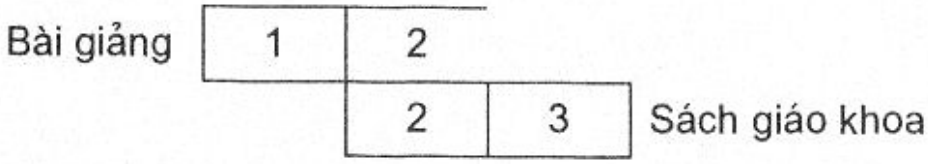

Con số (1) chỉ phần không có trong sách giáo khoa, song cần cho bài học, giáo viên bổ sung vào bài giảng để học sinh hiểu sâu hơn (vừa sức).

Con số (2) chỉ phần quan trọng trong sách giáo khoa mà giáo viên cần phải bám sát nội dung để giảng dạy cho học sinh nắm vững (đây là phần trọng tâm bài giảng).

Con số (3) chỉ phần có trong sách giáo khoa, song ít quan trọng, dễ tiếp thụ, giáo viên không giảng, hoặc hướng dẫn cho học sinh trình bày trên lớp, về nhà tự học...[1]

Thứ hai, thiết kế bài giảng, bao gồm việc xây dựng nội dung bài học và phương pháp tiến hành. Nội dung những công việc này được trình bày trong các loại sách: *Sách giáo viên và Hướng dẫn dạy học lịch sử.*

Việc xây dựng nội dung bài học được tiến hành trên cơ sở vận dụng "sơ đồ Đairi", trình bày trên.

Việc tiến hành bài giảng được thực hiện theo hướng *đổi mới phương pháp dạy học lịch sử* (dựa trên cơ sở những nguyên tắc dạy học bộ môn và kinh nghiệm đã có). Đổi mới phương pháp dạy học lịch sử chủ yếu là vận dụng có hiệu quả những nguyên tắc, yêu cầu của việc phát huy tính tích cực của học sinh trong hoạt động nhận thức lịch sử. Điều này được thể hiện cụ thể ở mấy điểm sau:

---

[1] Phan Ngọc Liên và Trần Văn Trị (chủ biên): *Phương pháp dạy học Lịch sử.* Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr. 212.

- Quan niệm đúng về sự cần thiết của việc phát huy tính tích cực của học sinh trong học tập lịch sử, khắc phục sai lầm về việc dạy học lịch sử chỉ cần biết mà không hiểu, chỉ biết học thuộc lòng mà không giải thích, nhận định, đánh giá trên cơ sở sự kiện; không tiến hành các loại bài tập, thực hành thích hợp.

- Xác định nội dung kiến thức cơ bản cần cung cấp cho học sinh (kiến thức nào là kiến thức cơ bản của bài? Vì sao đó là kiến thức cơ bản? Những biện pháp sư phạm cần thiết để truyền thụ kiến thức cơ bản?).

- Xây dựng kế hoạch chung để thực hiện bài giảng theo một quy trình phù hợp nhằm đạt được *việc tối ưu hoá* quá trình dạy học Lịch sử. Việc tối ưu hoá thể hiện ở chỗ, trong bất cứ điều kiện, hoàn cảnh nào phải đạt được kết quả học tập cao nhất, tránh việc nhồi nhét kiến thức và phát huy được tính tích cực học tập của học sinh.

- Sử dụng những biện pháp sư phạm để phát huy tính tích cực học tập của học sinh với *phương pháp dạy học nêu vấn đề* (phát hiện và giải quyết vấn đề), sử dụng hợp lý câu hỏi, hướng dẫn hoàn thành các loại bài tập, thực hành; sử dụng các loại đồ dùng trực quan; liên hệ kiến thức lịch sử quá khứ với hiện tại; tiến hành công tác ngoại khoá, thực hành, hợp với tình hình, điều kiện địa phương...[1]

- Xây dựng, sử dụng các phương tiện dạy học cần thiết, phù hợp với điều kiện cụ thể hiện nay để nâng cao chất lượng giáo dục.

---

[1] Xem Phan Ngọc Liên, Trịnh Đình Tùng: *Phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học Lịch sử ở Trung học cơ sở*, Sđd.

NẮM VỮNG CHƯƠNG TRÌNH MỚI MÔN LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỂ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

*PGS. TS Nguyễn Hữu Chí**
*TS Vũ Ngọc Anh**

1 . Yêu cầu đổi mới chương trình Trung học cơ sở hiện hành

Nội dung giáo dục bộ môn Lịch sử Trung học cơ sở hiện hành được bắt đầu xây dựng cách đây hơn 20 năm, theo tinh thần Nghị quyết Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IV. Chương trình môn Sử được xây dựng trong sự hoạch định chung các môn học theo những định hướng chung về quan niệm dạy và học, do thực tiễn chính trị - kinh tế - xã hội của nước ta thời bấy giờ quy định. Đây là sản phẩm của quá trình nghiên cứu cẩn thận các thành tựu lý luận và kinh nghiệm xây dựng nội dung giáo dục của các nước trên thế giới (chủ yếu là các nước xã hội chủ nghĩa) và thực tiễn dạy học của nước ta từ sau Cách mạng tháng Tám đến giữa những năm 70. Chính vì vậy, chương trình và sách giáo khoa Trung học cơ sở được xây dựng và biên soạn trên những cơ sở lý luận tiên tiến của thập niên 60, 70, chấm dứt thời kỳ mò

* Viện Khoa học giáo dục.

mẫm, sao chép máy móc chương trình và sách giáo khoa của một số nước xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, được sự chỉ đạo chặt chẽ bởi các nguyên tắc *hiện đại, cơ bản, Việt Nam*, nội dung môn học đã thể hiện được tính cơ bản, đảm bảo tính hệ thống, chính xác, lôgic của khoa học, đã chú ý đến những yêu cầu đối với việc giáo dục lịch sử cho học sinh Việt Nam. Chương trình đã quan tâm giải quyết các mối quan hệ đặt ra khi lựa chọn và xác định mức độ nội dung, quan hệ giữa lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc, giữa lịch sử dân tộc với lịch sử địa phương, giữa lịch sử các thời quá khứ xa xưa với đương đại, giữa lịch sử chính trị - kinh tế - văn hoá.

Các thành tựu mới của việc nghiên cứu lịch sử những năm 50 - 70 đã được đưa vào chương trình, đáng kể nhất là những thành tựu mới về khảo cổ học, dân tộc học, những kết quả nghiên cưu về chế độ phong kiến Việt Nam, những tư liệu mới, những đánh giá mới về một số sự kiện lịch sử, đưa thêm nội dung về văn hoá, về lịch sử các dân tộc ít người...

Đối với lịch sử thế giới, đổi mới quan trọng vào thời kỳ ấy là giảm tỷ lệ lịch sử phương Tây, tăng tỷ lệ lịch sử phương Đông, đặc biệt chú ý đến lịch sử các nước Đông Nam Á, các nước láng giềng, các nước có nhiều ảnh hưởng đối với lịch sử nước ta trong quá khứ và hiện tại.

Chương trình đã định ra một cách rõ ràng mức độ, yêu cầu nhận thức lịch sử ở các cấp học, bậc học. Đối với cấp II (của phổ thông cơ sở - theo cách gọi lúc ấy), chương trình yêu cầu cho học sinh biết được quá trình lịch sử diễn ra một cách cụ thể, chủ yếu dừng lại ở mức sự kiện chứ chưa đòi hỏi phải lĩnh hội nhiều vấn đề lý luận. Sự tăng dần mức độ lý luận được thực hiện từ lớp 6 đến lớp 9.

Chính vì nghiên cứu công phu, cẩn thận, do đó cùng với nội dung dạy học các môn học khác, chương trình môn Sử đã đáp ứng được mục tiêu giáo dục đặt ra ở thời điểm đó, có những đóng góp quan trọng vào sự thống nhất hệ thống giáo dục phổ thông sau khi đất nước ta đã hoàn toàn giải phóng (1975), góp phần xây dựng nền giáo dục xã hội chủ nghĩa trong cả nước, ổn định và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục Trung học cơ sở.

Tuy nhiên, theo quy luật chung của thế giới, mỗi bộ chương trình và sách giáo khoa chỉ đáp ứng một giai đoạn nhất định (độ 15 năm). Từ khi có chương trình và sách giáo khoa cải cách giáo dục (tên gọi của chương trình và sách giáo khoa hiện hành) đến nay, tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến đổi. Những thay đổi chính trị – kinh tế – xã hội, sự phát triển quá nhanh chóng của khoa học - công nghệ, trong đó có khoa học lịch sử, đòi hỏi mới của xã hội đối với giáo dục, thay đổi yêu cầu của người học... đã đặt ra yêu cầu xem xét lại chương trình và sách giáo khoa. Cùng với thời gian, chương trình và sách giáo khoa Trung học cơ sở đã bộc lộ một số hạn chế:

- Do quan tâm đến tính chính xác, hệ thống, lôgic của khoa học, chương trình, đặc biệt là sách giáo khoa viết dài; quá nhiều khái niệm trừu tượng, tách rời các khái niệm, nhận định đối với các tài liệu sử học cụ thể, quá nhiều kết luận chính trị - xã hội khó hiểu đối với học sinh Trung học cơ sở.

- Nặng về cung cấp lý thuyết, nhẹ và ít có điều kiện thực hành và tổ chức các hoạt động thực tiễn liên quan đến môn học.

- Nội dung học tập đồng loạt, chỉ đạo quá chặt chẽ từ trên xuống, ít có điều kiện gắn với nội dung ở địa phương, những

nội dung xuất phát từ kinh nghiệm vốn có của học sinh, những nội dung gắn với đời sống thực tế,... làm cho việc học trở nên nặng nề, ít gây hứng thú cho học sinh.

- Một số nội dung đã trở nên bất cập so với sự phát triển của khoa học lịch sử trong 20 năm qua. Một số vấn đề lịch sử, sự kiện, nhân vật lịch sử cần được trình bầy, đánh giá mới theo những thành tựu mới của sử học.

Nói tóm lại, nội dung bộ môn Lịch sử ở Trung học cơ sở vừa thừa, vừa thiếu, thừa những phần lý thuyết nặng nề, xa lạ với học sinh, thiếu những nội dung gắn bó với hiểu biết đã có của học sinh, những nội dung gắn với thực tế cuộc sống của các em, những nội dung giúp học sinh phát triển năng lực tự học, năng lực vận dụng hiểu biết vào việc phát hiện và giải quyết những vấn đề học tập, vấn đề cuộc sống.

Mặt khác, chương trình và sách giáo khoa chưa tạo điều kiện cho việc tiến hành dạy học theo hướng tích cực hoá hoạt động học tập của học sinh, giúp học sinh hình thành phương pháp tự học, học một cách thông minh, sáng tạo. Điều này thể hiện ít nhất ở hai điểm sau đây:

- Sách giáo khoa viết quá dài, quá trừu tượng và nói chung là nặng nề đối với học sinh. Trong hoàn cảnh dạy học phụ thuộc quá nhiều vào sách giáo khoa hiện nay, giáo viên chỉ lo truyền thụ cho hết nội dung chính của sách giáo khoa là đã hết thời gian quy định, ít có cơ hội để tổ chức hoạt động tìm tòi, sáng tạo cho học sinh.

- Sách giáo khoa viết theo lối cũ, theo phương thức truyền thụ một chiều, không tạo điều kiện cho học sinh làm việc với sách giáo khoa theo các phương pháp phát huy tính tích cực.

Chính vì những lý do nêu trên, việc biên soạn bộ chương trình và sách giáo khoa cho Trung học cơ sở, trong đó có môn

Sử là công việc cần làm ngay, với mong muốn là sẽ tạo ra sự thay đổi, phù hợp trên nhiều khâu của quá trình dạy học lịch sử, góp phần phát triển những phẩm chất và năng lực của học sinh, đáp ứng yêu cầu của đất nước trong thời kỳ mới.

2. Về chương trình mới môn Lịch sử ở trường Trung học cơ sở

2.1. Về mục tiêu bộ môn

Mục tiêu bao quát của môn Lịch sử ở trường Trung học cơ sở là nhằm làm cho học sinh có những kiến thức cơ bản, cần thiết về lịch sử dân tộc và thế giới, làm cơ sở bước đầu cho việc hình thành thế giới quan khoa học, giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, truyền thống dân tộc, hình thành ở học sinh các năng lực tư duy, hành động, có thái độ ứng xử đúng đắn trong đời sống.

Đối với bộ môn Lịch sử, học xong Trung học cơ sở, học sinh cần đạt những yêu cầu sau đây:

- *Về kiến thức:*

+ Biết những nét chính về quá trình phát triển của lịch sử trên cơ sở biết những sự kiện nổi bật nhất của từng thời kỳ, hiểu được nội dung chính của mỗi giai đoạn lịch sử nước ta.

+ Biết những sự kiện quan trọng, những nội dung chính của lịch sử loài người từ nguồn gốc đến nay, đặc biệt là những nội dung liên quan đến lịch sử nước ta.

+ Có hiểu biết đơn giản, bước đầu về một số nội dung của phương pháp luận nhận thức xã hội như: kết cấu xã hội loài người, mối quan hệ giữa các yếu tố trong kết cấu đó, vai trò của sản xuất (vật chất, tinh thần) trong lịch sử, vai trò của

quần chúng nhân dân và cá nhân, động lực thúc đẩy sự phát triển, quy luật vận động của lịch sử.

- *Về kỹ năng:*

+ Bước đầu hình thành các kỹ năng cần thiết trong học tập bộ môn như: sử dụng sách giáo khoa và làm việc với các nguồn tư liệu lịch sử; sử dụng bản đồ và các loại biểu bảng; phân tích, đánh giá, so sánh các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử... ở mức độ ban đầu.

+ Hình thành năng lực đề xuất và giải quyết các vấn đề học tập lịch sử (nêu vấn đề, điều tra, thu thập, xử lý thông tin, nêu dự kiến giải quyết vấn đề, tổ chức giải quyết vấn đề, thông tin về kết quả giải quyết vấn đề).

- *Về tư tưởng, tình cảm, thái độ, cần hình thành ở học sinh:*

+ Lòng yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc, trân trọng những di sản lịch sử trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc, thiết tha gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

+ Trân trọng đối với các dân tộc, các nền văn hoá trên thế giới. Có tinh thần quốc tế đúng đắn.

+ Niềm tin về sự phát triển từ thấp đến cao, từ lạc hậu đến văn minh của lịch sử nhân loại và lịch sử dân tộc.

+ Thái độ và phẩm chất công dân: tích cực vì cộng đồng, yêu lao động, sẵn sàng đi vào khoa học - kỹ thuật, sống nhân ái, có kỷ luật, tuân theo luật pháp.

Mục tiêu bộ môn Lịch sử ở Trung học cơ sở góp phần thực hiện mục tiêu của nhà trường Trung học cơ sở đã được nêu trong các văn bản về trường Trung học cơ sở. Những văn bản mục tiêu này là sự cụ thể hoá quy định mục tiêu giáo dục phổ

thông nêu trong Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII) và Luật Giáo dục.

Trong quá trình triển khai chương trình Trung học cơ sở sẽ tiến hành triển khai các hoạt động đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu bộ môn đạt được như thế nào theo các kỹ thuật và cách thức đánh giá tin cậy.

2.2 Những điểm mới của chương trình

Chương trình lịch sử Trung học cơ sở kế thừa và phát huy những ưu điểm của chương trình lịch sử cải cách giáo dục được biên soạn trước đây, bên cạnh đó có những điểm mới sau:

- Tinh giản hơn nữa kiến thức quy định trong chương trình. Tập trung lựa chọn những kiến thức cơ bản nhất, thiết thực nhất và có ý nghĩa giáo dục nhất đối với học sinh. Cố gắng khắc phục tình trạng nặng nề, quá tải của nội dung sách giáo khoa. Trên cơ sở vẫn tiếp tục thực hiện ba nguyên tắc xây dựng chương trình lịch sử trước đây (cơ bản, hiện đại, Việt Nam), chú ý đến nguyên tắc đảm bảo tính thực thi, chương trình mới đề xuất tập trung vào ba mạch kiến thức cơ bản:

+ Thời gian và quá trình tiến bộ xã hội.

+ Các thành tựu chính về văn hoá, văn minh.

+Cá nhân, các tập đoàn người, các dân tộc trong quan hệ hợp tác và xung đột.

- Phản ánh những thành tựu mới của khoa học lịch sử trong khoảng mười năm gần đây thể hiện tinh thần đổi mới của sử học khi nghiên cứu các sự kiện, nhân vật, về chủ nghĩa xã hội, về chủ nghĩa tư bản hiện đại.

- Có sự đồng bộ về biên soạn và sử dụng chương trình, sách giáo khoa, thiết bị dạy học...

Những thay đổi về chương trình và mô hình biên soạn sách giáo khoa mới – tài liệu cơ bản cho học sinh tự làm việc với sách - đòi hỏi một sự *đổi mới thật sự* về phương pháp dạy học lịch sử, nhanh chóng khắc phục những mặt yếu của phương pháp dạy học cũ: nặng về biết, nhẹ về hiểu; học nhồi nhét, thiếu thông minh, sáng tạo, học thuộc lòng sự kiện mà không có kỹ năng thực hành; không thực hiện đầy đủ, đúng đắn các loại bài tập; không liên hệ với thực tiễn cuộc sống. Nếu giáo viên vẫn giữ lối dạy cũ - đọc cho học sinh chép, cho học sinh học thuộc lòng – thì sẽ không dạy được sách giáo khoa mới và không thực hiện tốt chương trình.

Theo chương trình và sách giáo khoa lịch sử mới được biên soạn, phương pháp dạy học phải được đổi mới theo hướng sau:

- Tích cực hoá việc dạy và học.

- Thực hiện nguyên tắc liên môn, tiến tới tích hợp.

- Tạo ra sự hỗ trợ trong quá trình học tập lịch sử với kiến thức các môn khoa học xã hội, mỹ thuật, âm nhạc.

- Cải tiến, tăng cường các loại bài tập để tạo điều kiện cho học sinh tự học, đánh giá kết quả học tập.

- Dành cho việc ôn tập, hoạt động ngoại khoá, công tác nghiên cứu, học tập lịch sử địa phương một tỷ lệ, vị trí nhất định trong kế hoạch dạy học và thực hiện có hiệu quả.

- Đẩy mạnh hơn việc rèn luyện kỹ năng thực hành bộ môn.

- Chú trọng việc trang thiết bị các điều kiện, cơ sở vật chất, kỹ thuật cho việc dạy học bộ môn...

Tất cả những công việc đổi mới phương pháp dạy học lịch sử phù hợp với chương trình, sách giáo khoa mới đòi hỏi sự nhận thức đúng về bộ môn, việc bồi dưỡng của giáo viên và hướng dẫn học sinh tích cực hoá việc học tập.

*

* *

Nắm vững chương trình môn học ở từng cấp là yêu cầu quan trọng đối với giáo viên, vì chương trình có tính pháp lệnh cần được quán triệt đầy đủ, sáng tạo trong quá trình dạy học.

VỀ VIỆC THỂ HIỆN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU–NỘI DUNG–PHƯƠNG PHÁP TRONG DẠY HỌC KHOÁ TRÌNH LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Lê Vinh Quốc*

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4-2001) nêu rõ: "*Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục; thực hiện "chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá"*"[(1)]. Như vậy, việc nâng cao chất lượng giáo dục nói chung, dạy học các bộ môn nói riêng, đòi hỏi phải thực hiện tốt mối quan hệ giữa mục tiêu - nội dung - phương pháp dạy, học (kể cả việc kiểm tra, đánh giá).

Theo *"Luật Giáo dục"*, được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X thông qua ngày 2 tháng 12 năm 1998, thì "*Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân*

---

* Phó Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.109.

cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"[1]. Mục tiêu giáo dục này kế thừa và phát triển các mục tiêu được xác định từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, phù hợp với tình hình và nhiệm vụ cách mạng mới. Mục tiêu giáo dục chung được quán triệt, thể hiện cụ thể ở mục tiêu của tất cả môn học và được thực hiện thông qua nội dung và phương pháp dạy học từng môn học. Tuy nhiên, việc thể hiện mối quan hệ giữa mục tiêu (M), nội dung (N) và phương pháp (P) khá phức tạp, không dễ dàng, thường rơi vào tình trạng công thức, không có hiệu quả.

Mối quan hệ giữa các thành tố này trong quá trình dạy học thường được diễn ra theo.sơ đồ tuyến tính một chiều:

M ⟶ N ⟶ P

mà không làm nổi bật mối quan hệ hai chiều, tác động qua lại với nhau

M ⟷ N ⟷ P

Như vậy, không phải chỉ từ M lựa chọn N và căn cứ vào N để xác định P thích hợp, mà các thành tố này có mối quan hệ hữu cơ theo sơ đồ hình tam giác:

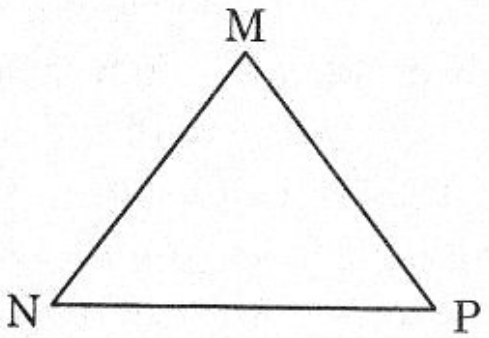

Như vậy, việc xác định phương pháp dạy học không chỉ xuất phát từ nội dung mà còn có tác động của mục tiêu.

---

[1] Luật Giáo dục, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.

Chính tác động của mục tiêu mà phương pháp dạy học không chỉ phù hợp với nội dung mà phải đổi mới phương pháp trong việc phát huy tính tích cực của học sinh và vai trò của thầy trong việc chỉ đạo, hướng dẫn các em học tập, theo sơ đồ:

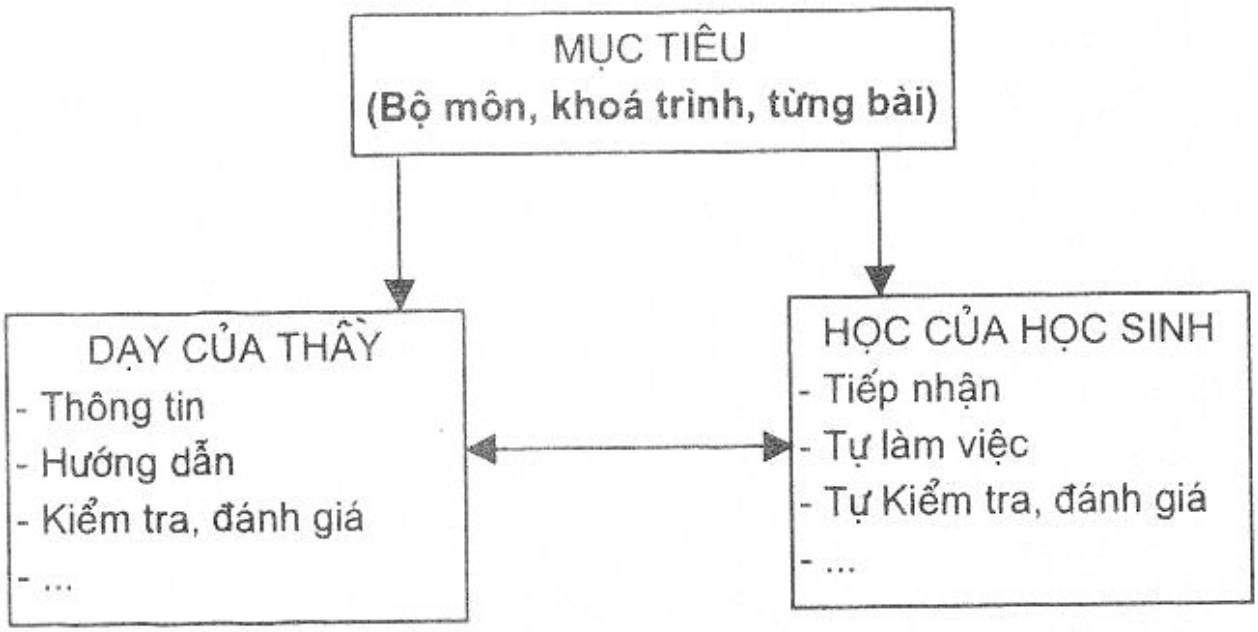

Chúng ta đã biết, Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hoá kiệt xuất, chiến sĩ cách mạng quốc tế - trong quá trình hoạt động cách mạng đã sử dụng tri thức lịch sử như một công cụ, vũ khí đấu tranh. Đồng thời, Người có những đóng góp quan trọng, to lớn cho việc xây dựng và phát triển sử học mác xít - lêninnít của ta: "Hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh chứng tỏ rằng, khi kết hợp lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam thì việc sử dụng tri thức lịch sử như một công cụ đấu tranh sẽ mang một nội dung mới, thực sự khoa học.

Thật khó mà phân biệt ở Hồ Chí Minh tác phẩm nào là tác phẩm sử học thuần tuý, tác phẩm nào chỉ mang tính chất lịch sử. Bởi vì, trong mọi tác phẩm của Hồ Chí Minh (bài viết, sách) đều có tri thức lịch sử, nhất là nguyên tắc về chủ nghĩa lịch sử được quán triệt và thể hiện. Tuy nhiên, vẫn thấy rõ rằng, trong số hàng nghìn tác phẩm của Hồ Chí Minh

được công bố có những công trình sử học có giá trị"[1]. Các bài viết, tác phẩm sử học của Người đều xuất phát từ yêu cầu đấu tranh giải phóng dân tộc, kháng chiến, xây dựng đất nước và góp phần tích cực vào giáo dục nhân dân, phục vụ các nhiệm vụ cách mạng.

Đúng như vậy, qua Toàn tập, 12 tập (1995 - 1996) của Hồ Chí Minh, chúng ta có thể rút được mối quan hệ giữa *mục tiêu* (mục đích biên soạn) với *nội dung và phương pháp giáo dục quần chúng, cán bộ về các vấn đề lịch sử*. Xin dẫn ra một số ví dụ:

Quyển *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* (1925) được viết nhằm mục tiêu rõ rệt là tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân, đế quốc đối với nhân dân các nước thuộc địa. Nó thực sự là một bản cáo trạng hùng hồn, mạnh mẽ không chỉ với thực dân Pháp ở Đông Dương mà tất cả bọn thực dân ở mọi thuộc địa trên thế giới. Mục tiêu này đã được thể hiện từ trước, đặc biệt trong *"Yêu sách của nhân dân An Nam"* giữa Hội nghị Vecxây (1919), được diễn nôm trong *"Việt Nam yêu cầu ca"* và nhiều bài viết đăng trên các báo "L'Humanité", "Le Paria", "La vie ouvrière"... *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* là kết quả sự chuẩn bị từ lâu nhằm lên án bọn thực dân, đế quốc: "Sau một thời gian hoạt động báo chí và viết nhiều bài báo tố cáo tội ác của chủ nghĩa đế quốc Pháp đối với nhân dân các nước thuộc địa, các bài này được công bố trên các báo chí tiến bộ hồi đó, chủ yếu trên tờ báo *Người cùng khổ*. Những năm sống trên đất Pháp, hoạt động báo chí của Nguyễn Ái Quốc rất sôi nổi và phong phú, nhất là vào các năm 1922, 1923. Những

---

[1] Phan Ngọc Liên: *Hồ Chí Minh, nhà sử học cách mạng*, trong quyển *"Hồ Chí Minh với sử học"*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000, tr. 21.

bài báo được vận dụng vào việc biên soạn *Bản án chế độ thực dân Pháp* chủ yếu là những bài xuất hiện vào mấy năm này"[1].

Từ mục tiêu được xác định trên, nội dung *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* gồm 12 chương và phần Phụ lục – *Gửi thanh niên An Nam*. 11 trong số 12 chương của sách đều tập trung vào việc lên án chủ nghĩa thực dân trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội: *"Thuế máu"*, *"Việc đầu độc người bản xứ"*, *"Các quan thống đốc"*, *"Các quan cai trị"*, *"Những nhà khai thác"*, *"Tệ tham nhũng trong bộ máy cai trị"*, *"Bóc lột người bản xứ"*, *"Công lý"*, *"Chính sách ngu dân"*, *"Chủ nghĩa giáo hội"*, *"Nỗi khổ nhục của người phụ nữ bản xứ"*[2]. Nội dung các vấn đề trên được trình bày không phải bằng những lời lẽ chung chung, có tính chất cảm tính mà chứa đựng những số liệu, tài liệu lịch sử chính xác, để từ đó rút ra kết luận - khái quát. Để vạch trần bản chất của chế độ thực dân là "Chế độ ăn cướp", "Chế độ hãm hiếp đàn bà và chế độ giết người"[3], Nguyễn Ái Quốc đã trình bày và miêu tả rất nhiều sự kiện cụ thể, chính xác"[4].

Việc tố cáo tội ác của thực dân Pháp đã được các nhà yêu nước trước Nguyễn Ái Quốc tiến hành, tiêu biểu là Phan Bội Châu, nhưng chưa có ai nêu một cách cụ thể, có chứng cứ

---

[1] Đinh Xuân Lâm: *Bản án chế độ thực dân Pháp – nguồn tư liệu sử dụng và thời gian xuất bản*, trong quyển *"Nghiên cứu tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp"*. Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội, 1987, tr. 201.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 2, Sđd, tr.23 – 114.

[3] Sđd, tr. 106.

[4] Phan Ngọc Liên: *Hồ Chí Minh từ nhận thức lịch sử đến hành động cách mạng*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 181.

khoa học như Hồ Chí Mính. Trong "*Việt Nam vong quốc sử*", Phan Bội Châu chỉ nêu được một vài số liệu, tài liệu có ý nghĩa minh hoạ, chứ chưa phải là dẫn chứng cụ thể, chính xác. GS Trần Văn Giầu đã nhận xét về tác phẩm này như sau: "Văn kiện này tuy có giá trị lịch sử nhưng giá trị của nó về lịch sử thì ít, sự việc có thực được truyền miệng lại nhưng không được chính xác về địa điểm, thời gian, diễn biến, số lượng v.v..."[1]

Nội dung của "Bản án..." được phản ánh bằng một phương pháp trình bày sinh động, có sức lay động và cuốn hút người đọc. Ví như khi "giới thiệu" lai lịch và hành động những Toàn quyền, Thống đốc, Công sứ - những nhân vật có thực - Nguyễn Ái Quốc không chỉ phác thảo chân dung cụ thể của từng tên thực dân mà còn khái quát những nét chung của cả chế độ thực dân, đế quốc, đưa ra trước công luận cái địa ngục trần gian của bọn thực dân đặt ở các thuộc địa. Đọc "Bản án..." chúng ta xúc động trước tình cảnh của người lao động, người già, phụ nữ, trẻ em... bị giết chết, đày đoạ dưới bàn tay của bọn thực dân khát máu: "Trên đám đất bằng phẳng trước kia là rộng muối, ba cái xác chết nằm đó: một em bé bị lột trần truồng, một thiếu nữ ruột gan lòi ra, cánh tay trái giơ nắm tay chĩa vào ông trời vô tình, một xác cụ già ghê rợn khủng khiếp, thân thể trần truồng, mặt mũi cháy không nhận ra được nữa, mỡ chảy lênh láng đã đông lại, da bụng phồng lên, láng xầy, vàng óng như da lợn quay"[2].

Nguyên tắc phương pháp luận sử học mà Hồ Chí Minh nêu ra ở đây là: học lịch sử phải biết quá khứ, nhưng không

---

[1] Trần Văn Giầu: *Lời giới thiệu quyển "Việt Nam vong quốc sử"*. Nxb Văn, Sử, Địa, Hà Nội, 1958, tr. 6.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 2, Sđd, tr. 110.

dừng lại ở chỗ nắm những sự kiện về quá khứ mà trên cơ sở biết quá khứ, rút ra bài học kinh nghiệm cho cuộc đấu tranh trong hiện tại, dự đoán và góp phần thực hiện tương lai được phát triển theo quy luật.

Về mặt phương pháp dạy học, Hồ Chí Mình nêu lên một nguyên tắc mà ngày nay giới khoa học giáo dục trong nước và trên thế giới thường nhắc đến, đó là *"biết"* và *"hiểu "*. Có thể xem, *"biết"* là kết quả của giai đoạn nhận thức cảm tính, còn *"hiểu"* được nâng lên trình độ nhận thức lý tính. Có "biết" mới "hiểu" và "hiểu' củng cố những điều đã "biết" và làm cơ sở cho việc tiếp nhận những kiến thức mới. Đối với bộ môn Lịch sử, Hồ Chí Minh đã khẳng định rằng phải biết để hiểu, rút bài học, kinh nghiệm, rồi hành động theo mục tiêu đã được xác định.

Qua những tác phẩm sử học, hoặc mang tính lịch sử, qua công tác giảng dạy ở trường Dục Thanh (Phan Thiết) năm 1910, các lớp huấn luyện cán bộ cách mạng Việt Nam ở Quảng Châu (Trung Quốc) những năm 1925 - 1927, ở Pác Bó (Cao Bằng) những năm 1941-1944, chúng ta nhận thấy rằng, bao giờ Người cũng xác định rõ *mục tiêu* (mục đích giảng dạy, huấn luyện), thông qua *nội dung* để tiến hành *phương pháp* (giảng dạy, huấn luyện) nên thu được *kết quả* tốt (đánh giá). Như vậy, thông qua *"dạy chữ"*, Hồ Chí Minh *"dạy người"* (dạy làm cách mạng, dạy lòng yêu nước, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng...). Tác dụng của sách được biên soạn và việc giảng dạy, biên soạn của Hồ Chí Minh rất lớn:

"Qua việc học lịch sử và địa dư của nước nhà đã làm chúng tôi (tức là những chiến sỹ cách mạng sống và làm việc với Bác Hồ ở Pác Bó - TG chú) tăng thêm lòng yêu nước, căm thù giặc. Thật vậy, không ai yêu nước hơn khi biết đất nước

mình giầu đẹp; không ai căm thù giặc hơn khi biết đất nước mình bị chà đạp, dân mình bị làm nô lệ; không ai tin tưởng, dũng cảm hơn khi biết được truyền thống oanh liệt, bất khuất của cha ông mình"[1].

Qua việc tìm hiểu mối quan hệ giữa Mục tiêu – Nội dung – Phương pháp được thể hiện trong công tác giảng dạy, huấn luyện, qua các công trình biên soạn của Hồ Chí Minh, chúng ta hiểu rõ rằng, trong dạy học nói chung, dạy học lịch sử nói riêng, chỉ khi nào thực hiện tốt mối quan hệ giữa ba mặt này thì kết quả đạt được sẽ tốt hơn về mặt *giáo dưỡng* (cung cấp kiến thức khoa học), *giáo dục* (tư tưởng, quan điểm, phẩm chất, đạo đức) và *phát triển* (tư duy và thực hành).

Nhận thức và rèn luyện kỹ năng sư phạm để thể hiện sự thống nhất mục tiêu – nội dung – phương pháp trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông là điều quan trọng trước tiên. Xác định mục tiêu của bài học là nêu những yêu cầu mà thầy phải thực hiện để học sinh qua việc học tập của mình nắm được những kiến thức, tư tưởng, kỹ năng. Nội dung được thể hiện mục tiêu trên với lượng kiến thức cơ bản, phù hợp trình độ học sinh. Để đạt mục tiêu và chuyển tải nội dung này cần có phương pháp dạy học tích cực, tức là tổ chức, hướng dẫn học sinh làm việc thông minh, sáng tạo.

Phần Lịch sử thế giới hiện đại có vị trí, vai trò quan trọng trong toàn bộ chương trình Lịch sử thế giới. Nội dung chủ yếu của khoá trình Lịch sử thế giới hiện đại là cuộc đấu tranh dân tộc và cuộc đấu tranh giai cấp rộng lớn, quyết liệt, phức tạp giữa một bên là các nước xã hội chủ nghĩa, các dân

---

[1] Lê Quảng Ba: *Bác Hồ ở Pác Bó*. Nxb Dân tộc, Việt Bắc, 1965, tr. 34.

tộc bị áp bức, giai cấp công nhân, nhân dân lao động các nước và một bên là chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa quân phiệt, chủ nghĩa phát xít và các thế lực phản động khác, nhằm giành bốn mục tiêu lớn là *hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.* Đó cũng là cuộc đấu tranh quyết liệt giữa các cường quốc nhằm tranh giành ảnh hưởng và thiết lập một trật tự thế giới có lợi cho mình[1].Ngoài ra, qua khoá trình Lịch sử thế giới hiện đại, học sinh hiểu rõ về sự phát triển của cách mạng khoa học - kỹ thuật, về xu hướng thế giới hoá, song giữ vững bản sắc dân tộc, độc lập dân tộc và tình hữu nghị giữa các dân tộc. Trong việc thể hiện mối quan hệ giữa mục tiêu – nội dung – phương pháp khi dạy học khoá trình này, trước hết chúng ta cần nhận thức đầy đủ, đúng đắn *sự cần thiết phải học tập lịch sử thế giới.*

Trong quyển *"Đường cách mệnh"* (1927), Nguyễn Ái Quốc đã nêu rõ mục đích của việc học tập lịch sử thế giới: "... Đem lịch sử cách mệnh các nước làm gương cho chúng ta soi... Đem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ"[2]. Đây là việc tổng kết thực tế, nâng thành lý luận từ lúc Người ra đi tìm và xác định con đường cứu nước đúng (1911 - 1920). Khi rời Tổ quốc, tìm con đường cứu nước mới, Hồ Chí Minh đã gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Do đó, yêu cầu hiểu biết lịch sử thế giới trở nên cấp thiết để nắm vững về chủ nghĩa thực dân, tư bản, đế quốc, về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các thuộc địa, phong trào cộng sản và

---

[1] Xem Phan Ngọc Liên (chủ biên) - Đinh Ngọc Bảo - Đỗ Thanh Bình: *Hướng dẫn học và ôn tập lịch sử phổ thông trung học*. Tập 1 (phần lịch sử thế giới). Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999.

[2] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 2, Sđd, tr. 262.

công nhân quốc tế... V.I. Lênin đã nhiều lần nhấn mạnh, người chiến sĩ cộng sản cần phải hiểu rõ lịch sử phong trào cách mạng của giai cấp mình và của nhân dân bị áp bức thế giới.

Trong sự phát triển ngày càng sâu rộng mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc, sự hoà nhập vào thế giới, học sinh chúng ta cần hiểu biết lịch sử đang diễn ra, hoặc đã diễn ra trong thế kỷ XX. Hơn nữa, nội dung lịch sử thế giới hiện đại là những sự kiện đang diễn ra, "đang nhảy múa trước mắt ta", dễ nhận thức không đúng, lại bị xuyên tạc vì mục đích chính trị. Vì vậy, khoá trình Lịch sử thế giới hiện đại không chỉ giúp học sinh có bức tranh chân thực về những diễn biến của thế giới từ sau Cách mạng tháng Mười Nga 1917 để hiểu rõ hơn lịch sử dân tộc mình trong thời kỳ này (ảnh hưởng, tác động của lịch sử thế giới đối với Việt Nam, những đóng góp của Việt Nam đối với lịch sử thế giới). Từ đó, các em rút ra bài học, kinh nghiệm của quá khứ đối với hiện tại, xác định nghĩa vụ của mình đối với dân tộc và quốc tế. Đặc điểm của học tập như vậy đòi hỏi học sinh phải nắm vững *mục đích học tập, kiến thức cơ bản* và *phương pháp học tập thông minh, phát huy tính tích* cực. Yêu cầu của việc học tập nhằm góp phần giải quyết các vấn đề được đặt ra trong quá trình dạy học lịch sử ở trường phổ thông: "Học để làm gì?" (mục tiêu), "Học cái gì?" (kiến thức cơ bản), "Học như thế nào" (phương pháp). Như đã nói trên, những vấn đề này đã được nêu ra và giải quyết trong quá trình biên soạn sách giáo khoa và dạy học ở trường phổ thông, song chưa đạt được kết quả mong muốn. Trên cơ sở quan điểm, tư tưởng của Đảng, của Hồ Chí Minh về giáo dục nói chung, về mối quan hệ giữa mục tiêu – nội dung – phương pháp trong dạy học, chúng tôi nêu một số biện pháp sư phạm đã được thực nghiệm ở trường

Trung học phổ thông – trong dạy học bài "*Cách mạng tháng Mười Nga 1917*", ở lớp 12.

Khi xác định *mục tiêu* (giáo dục, giáo dưỡng và phát triển), cần quán triệt và thể hiện quan điểm của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh về cuộc Cách mạng tháng Mười Nga: "Nhờ Cách mạng tháng Mười thành công mà một thế giới mới đã ra đời và ngày càng phồn vinh, càng mạnh mẽ như hoa nở mùa xuân"[1]. Tư tưởng này được khẳng định trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII, tại Đại hội Đảng lần thứ IX, về ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười Nga 1917 đối với sự phát triển lịch sử thế giới. Không nắm vững quan điểm này, việc học tập Cách mạng tháng Mười Nga 1917 trong thời kỳ chủ nghĩa xã hội lâm vào khủng hoảng, suy yếu, Liên Xô tan vỡ và chủ nghĩa xã hội sụp đổ ở các nước Đông Âu, sẽ gặp nhiều khó khăn trong nhận thức lịch sử, ảnh hưởng đến lòng tin và thái độ đối với cuộc sống. Học sinh có thể bị hoang mang, dao động, giảm sút lòng tin, dễ bị các thế lực thù địch với chủ nghĩa xã hội lừa gạt, lôi kéo. Do đó, khi học tập cuộc Cách mạng này, học sinh sẽ phải tự giải quyết: "Vì sao phải học Cách mạng tháng Mười Nga 1917?"; giải quyết được *mục tiêu* bài học trên cơ sở thực sự khoa học mới có thể đạt được kết quả trong học tập.

Từ mục tiêu như vậy, xác định những nội dung kiến thức cơ bản cần phải nắm. Trong bài giảng "*Lịch sử cách mệnh Nga*", trong quyển "*Đường cách mệnh*" (1927)..., Hồ Chí Minh nêu mấy vấn đề cơ bản sau đây mà chúng ta cần vận dụng vào việc dạy học ở trường phổ thông:

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 9, tr. 542.

1. *"Lịch sử cách mệnh 1917 thế nào?"*, nêu rõ nguyên nhân nổ ra cuộc Cách mạng tháng Mười 1917.

2. *"Bọn hoạt đầu làm thế nào?"*, trình bày sự phản bội của bọn mensêvích, bọn phản cách mạng, lừa dối, cướp thành quả Cách mạng tháng Hai 1917 của nhân dân trao cho chính phủ tư sản và tiếp tục chống phá cách mạng sau khi Cách mạng tháng Mười đã thắng lợi.

3. *"Sao Đảng Cộng sản không ra tay làm?"*, giải thích vì sao Đảng Cộng sản (b) Nga không nắm được quyền lãnh đạo trong Cách mạng tháng Hai, nhưng đã kịp thời tổ chức quần chúng, chuẩn bị cho việc tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

4. *"Cộng sản cách mệnh thành công bao giờ?"*, trình bày diễn biến của Cách mạng tháng Mười 1917, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản (b) do V.I. Lênin đứng đầu: "... ngày mồng 7 tháng 11 - 1917), Đảng Cộng sản ra lệnh cách mệnh, thì thợ thuyền ào đến vây chính phủ, dân cũng ào đến đuổi địa chủ. Chính phủ phái lính ra dẹp, thì lính ùa theo thợ thuyền mà trở lại đánh chính phủ.

Từ bữa ấy, chính phủ hoạt đầu bỏ chạy, Đảng Cộng sản cầm quyền, tổ chức ra chính phủ công, nông, binh, phát đất ruộng cho dân cày, giao công xưởng cho thợ thuyền, không bắt dân đi chết cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa nữa, ra sức tổ chức kinh tế mới, để thực hành chủ nghĩa thế giới đại đồng"[1].

5- *"Cách mệnh Nga đối với cách mệnh An Nam như thế nào?"*, rút ra bài học, ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười đối

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 2, tr. 280.

với lịch sử thế giới, đặc biệt đối với cách mạng Việt Nam: "Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi (tức triệt để - TG chú), nghĩa là dân chúng được hưởng các hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam. Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công, nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm cách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới.

Cách mạng Nga dạy cho chúng ta rằng, muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công, nông) làm gốc, phải có Đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin[1].

Các quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh nêu trên chỉ đạo việc tham khảo các loại tài liệu khoa học – những thành tựu mới nhất - để sử dụng tốt sách giáo khoa và thực hiện chương trình quy định, nhằm đạt được mục tiêu dạy học bài *Cách mạng tháng Mười* trong tình hình hiện nay, thống nhất tính khoa học và tính Đảng trong dạy học lịch sử, quán triệt phương châm "lý luận gắn với thực tế", "học đi đôi với hành".

Về phương pháp dạy học, cần phát huy tích cực của học sinh trong việc tìm hiểu bài học. Chúng ta có thể rút ra mấy điểm sau:

- Các đề mục của bài giảng đều là những câu hỏi được đặt ra để học viên suy nghĩ, trả lời, chứ không phải là sự áp đặt một công thức có sẵn. Ví như "*Lịch sử cách mệnh 1917 thế nào?*", "*Cách mệnh Nga đối với cách mệnh An Nam thế nào?*" v.v... Cách đặt vấn đề dưới hình thức một câu hỏi ở một đề

---

[1] Sđd, tr. 280.

mục làm cho người học phải suy nghĩ và giải đáp vấn đề được đặt ra. Đây là một biện pháp sư phạm quan trọng để phát huy tính tích cực của người học.

- Kiến thức cơ bản, không "quá tải", chi tiết, đủ cho người học nắm được ý chính. Tuy nhiên, đây là một lớp huấn luyện chính trị, không cần thiết nêu ra nhiều sự kiện, nhân vật, niên đại, địa danh như một bài học về lịch sử ở trường Trung học phổ thông, song chừng ấy kiến thức, trong một thời gian có hạn, và phải hoạt động bất hợp pháp, học viên cũng nắm được. Đối với bài dạy ở phổ thông cần phải bổ sung đầy đủ hơn các kiến thức cơ bản đang học, song phải trong phạm vi của chương trình học ở Trung học phổ thông, phù hợp với trình độ học sinh.

- Theo các học viên, sau bài giảng ngắn gọn, súc tích của thầy Vương (tức Nguyễn Ái Quốc), học viên thảo luận, trình bày những suy nghĩ, hiểu biết về sự kiện đang học; đồng thời đề xuất các biện pháp thực hiện trong quá trình vận động quần chúng, hoạt động cách mạng. Đây là biện pháp thực hiện nguyên lý "học đi đôi với hành", để thực hiện mục tiêu đã đặt ra: nhận thức, tin tưởng vào Cách mạng tháng Mười Nga 1917 và thực hiện con đường đã lựa chọn, khẳng định.

Quán triệt mục tiêu, thể hiện nội dung bằng phương pháp hợp lý là điều kiện đảm bảo kết quả dạy học lịch sử.

L.V.Q

DẠY HỌC THEO HƯỚNG RÈN LUYỆN CHO HỌC SINH TIẾP CẬN LỊCH SỬ QUA TƯ LIỆU

Phan Thế Kim*

Hiện nay, giáo dục đang đổi mới, nhằm đào tạo những con người vừa có thể thích ứng với hoàn cảnh, vừa có khả năng tác động để thay đổi hoàn cảnh theo quy luật phát triển của lịch sử. Nhưng, những thay đổi này, cuối cùng phải thể hiện được trong từng bài giảng của giáo viên bộ môn; không được như vậy, những tư tưởng, quan niệm về giáo dục, dù tiến bộ hay cách mạng đến đâu chăng nữa cũng mãi mãi chỉ dừng lại ở dạng thuần túy lý thuyết.

Trong giảng dạy lịch sử, nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo những con người có khả năng thích ứng cao, đồng thời, nhằm góp phần nâng cao chất lượng bộ môn theo hướng tránh lối dạy kiến thức có sẵn, dạy chay; tập cho học sinh sớm và thường xuyên tiếp cận với tư liệu lịch sử (đã được san định lại, được gia công về mặt sư phạm dưới hình thức và mức độ khác nhau) là một hướng đi đúng, có ý nghĩa tích cực và thiết thực.

Nếu cho rằng việc làm này là xa thực tế, thì thử hỏi vì sao ta vẫn coi là tự nhiên và điều có tính nguyên tắc khi, ngay từ cấp Tiểu học, Trung học cơ sở, trong các giờ học về

---

* Khoa Lịch sử trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

khoa học thường thức, Vật lý, Hóa học, Sinh vật học, Kỹ thuật, học sinh đã sớm được tiếp cận với những tranh vẽ, ảnh màu, những mô hình (cơ thể người, máy điện, động cơ hơi nước...) y như thật, thậm chí, được trực tiếp tiếp xúc với vật thật (cây đậu, cây lúa, con ếch, chim bồ câu, con thỏ), những hóa chất v.v... Trong khi đó, họ thường ít, rất ít, thậm chí chẳng bao giờ có cơ hội tiếp xúc với những tư liệu lịch sử khác nhau ngoài những thứ mà chúng ta đã biết, chẳng hạn mấy tấm bản đồ, mấy hình ảnh đen trắng in với kỹ thuật không cao trong sách giáo khoa, ít được giải thích nội dung và cũng ít hấp dẫn. Tất nhiên, không thể phủ nhận được giá trị giáo dục và nhận thức của những tài liệu giáo khoa đó, nhưng nếu so sánh với những tài liệu học tập trong các môn Vật lý, Hóa học như đã nêu trên, ta vẫn thấy cần có những cải tiến, bổ sung tài liệu cho bộ môn Lịch sử trong nhà trường.

Nếu dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh thì cần lấy việc tập cho học sinh sớm và thường xuyên tiếp cận với các loại tư liệu lịch sử khác nhau. Thực hiện điều này một cách phổ biến, nếu không phải hôm nay, thì cũng nên được quy định trong một tương lai không xa lắm. Điều này phù hợp với đặc điểm bộ môn để phù hợp với phương pháp cơ bản của bộ môn (phương pháp lịch sử: phương pháp tìm hiểu, xem xét các sự kiện lịch sử một cách cụ thể để khôi phục, miêu tả quá khứ gần đúng như nó đã từng tồn tại) và phù hợp với con đường nhận thức có tính biện chứng. Nó cũng phù hợp với tinh thần giáo dục mới, thể hiện ở việc giúp người học chủ động, sáng tạo trong việc lĩnh hội kiến thức. Môn Lịch sử sẽ trở thành một môn học có nhiều hứng thú, bổ ích, thiết thực. Như vậy, sẽ góp phần duy trì và nâng cao chất lượng bộ môn.

Theo cách dạy và học này, qua tài liệu cơ bản là sách giáo khoa, học sinh sẽ đứng trước những nội dung học tập, đại thể như sau:

- Phần bài giảng chính bao gồm những kiến thức "khung". Đó là những nội dung lịch sử cơ bản, quan trọng nhất, phản ánh tiến trình lịch sử hay nội dung sự kiện, hiện tượng, giai đoạn lịch sử mà tác giả sách giáo khoa đã biên soạn sẵn. Phần bài giảng này tạo thành kiến thức nền và có tính cách hướng dẫn, chỉ đường, như cây kim la bàn.

Tư liệu lịch sử để thầy và trò dựa vào đó làm việc trên lớp. Phần nội dung này sẽ giúp các em tiếp cận được lịch sử một cách cụ thể, toàn diện hơn, từ đó, hiểu lịch sử sâu sắc hơn, đúng với hiện thực lịch sử hơn. Đối với loại tư liệu này (chủ yếu là tư liệu viết, tư liệu tượng hình) sẽ có những câu hỏi gợi ý nhằm hướng học sinh chú tâm đến những nội dung, những đặc điểm cần thiết, hoặc những điều cần được tìm hiểu thêm trong từ điển hay sách tham khảo khác. Mục đích của việc dạy học ở đây là giúp (và đòi hỏi) học sinh mở rộng hiểu biết bằng cách tự tra cứu những tài liệu thích hợp được giới thiệu, nhất là đi sâu tìm hiểu vấn đề thông qua hoạt động tư duy (phân tích, tổng hợp, so sánh...) trên cơ sở dữ liệu.

- Câu hỏi tự đánh giá giúp học sinh hiểu bài kỹ hơn và để tự kiểm tra kiến thức.

- Định nghĩa, giải thích các thuật ngữ, các khái niệm lịch sử quan trọng trong bài, giúp hiểu đúng bài học, hiểu chính xác từ ngữ liên quan.

- Bài tập nghiên cứu với số lượng khoảng mười bài trong một khóa trình. Học sinh sẽ phải thực hiện một hệ thống bài tập đủ loại. Riêng về nghiên cứu tư liệu, họ sẽ phải học cách

nhận thức lịch sử thông qua việc nghiên cứu các loại tư liệu như: bản đồ lịch sử, bài tường thuật, bài báo, bài diễn văn, hiến pháp, văn bản luật, tuyên ngôn, bài phỏng vấn, hồi ký, tranh, ảnh lịch sử, tranh cổ động...

Học sinh cũng phải thể hiện kết quả nghiên cứu dưới hình thức một bài viết hoàn chỉnh như kiểu một bài văn nghị luận. Ở đây, ngoài nội dung là điều tất nhiên phải được xem trọng, cũng cần coi trọng các vấn đề về phương pháp, thói quen và phong cách làm việc. Một kế hoạch làm việc hợp lý được đưa ra sớm (tốt nhất là từ đầu khóa học) cùng với việc thu bài, chấm bài và trả bài đúng kỳ hạn theo một lịch trình chặt chẽ, sẽ tạo cho các em thói quen làm việc đều đặn và có kỷ luật. Chính điều này có ý nghĩa lớn đối với việc đào tạo, giáo dục con người. Thoát ra khỏi lối dạy "cầm tay chỉ việc" (có tính cách "học hộ" và áp đặt, làm cho người học trở nên thụ động, mất khả năng, dũng khí và hứng thú tìm tòi, sáng tạo), các em sẽ quen với tính tự lập, độc lập trong suy nghĩ, trong hành động. Họ sẽ trở nên năng động hơn, không còn là những con người chậm chạp, thụ động. chịu đựng, không dám và không biết cách hành động ra ngoài khuôn khổ đã được huấn luyện từ trước đó đã lâu.

Thực tế cho thấy, trong quá trình học tập bộ môn Lịch sử ở nhà trường phổ thông, các em học sinh thường phải đứng trước những nội dung và nhiệm vụ nhận thức chủ yếu sau đây:

- Sự kiện lịch sử và việc nghiên cứu, tìm hiểu sự kiện lịch sử (chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, xã hội...).

- Nhân vật lịch sử.

- Bản đồ lịch sử và nội dung các diễn biến lịch sử được thể hiện trên bản đồ.

- Tranh, ảnh, hiện vật lịch sử.

- Các loại tài liệu khác như:

+ Thống kê, sơ đồ, biểu đồ, đồ thị, niên biểu...

+ Bản văn: hiến pháp, tuyên ngôn, diễn văn, hồi ký, bài tường thuật, bài phỏng vấn, thơ văn, truyện kể...

+ Về tôn giáo: giáo lý, phong trào cải cách, đấu tranh tôn giáo, kiến trúc mang đặc trưng hay theo phong cách tôn giáo...

+ Về giáo dục: nhà trường, hoạt động dạy học, thi cử, hệ thống tổ chức, tư tưởng giáo dục, cải cách giáo dục...

+ Báo chí: bài viết, tranh, ảnh, bản đồ, mẫu thống kê...

+ Về tuổi thọ: thống kê, so sánh hoặc thông báo về tuổi thọ của một nước, một địa phương vào một hay những thời điểm nào đó trong quá khứ, trong hiện tại.

+ Tiền tệ, tín phiếu, hệ thống đo lường, giá cả, lương bổng, mức sống...

Để nắm được các vấn đề như vậy, cần:

Thứ nhất, tiếp cận sự kiện lịch sử

Sự kiện lịch sử chỉ diễn ra một lần, không lặp lại trong quá khứ, phản ánh một tiến trình lịch sử được xác định cụ thể về không gian, thời gian, bối cảnh, con người... Chẳng hạn, khởi nghĩa Tây Sơn, cuộc đánh chiếm nhà ngục Baxti, đánh chiếm cung điện Mùa Đông ở Nga năm 1917, Cách mạng tháng Tám 1945, Chiến dịch Hồ Chí Minh v.v...

Sự kiện lịch sử luôn diễn ra trong hoàn cảnh, điều kiện lịch sử nhất định và chính hoàn cảnh, điều kiện lịch sử này cắt nghĩa những nguyên nhân sâu xa, nguyên nhân trực tiếp và cả những nguyên cớ bùng nổ sự kiện. Hoàn cảnh lịch sử còn giúp người ta hiểu diễn biến và kết quả của quá trình

phát triển các sự kiện. Sự kiện lịch sử có thể đưa lại những hậu quả lâu dài, hậu quả trước mắt, những hậu quả trong nước, ngoài nước...

Có những sự kiện chỉ diễn ra trong thời gian ngắn, rồi chấm dứt nhưng "dư âm" còn vang mãi về sau. Cũng có những sự kiện đã xuất hiện từ trong quá khứ, vẫn còn đang "nhảy múa" trong hiện tại và có thể sẽ còn diễn ra trong tương lai. Thực tế cho thấy, hình dung được diễn biến, hiểu đúng bản chất của những sự kiện đó không phải là điều dễ dàng, đơn giản. Vì vậy, việc tự tạo một khả năng đối với việc tìm hiểu, phán đoán, lý giải các sự kiện lịch sử cũng là điều cần thiết đối với mỗi người trong đời sống hiện tại.

Trước hết, để hướng dẫn học sinh tìm hiểu sự kiện lịch sử, cần đặt họ trước các sự kiện cụ thể và yêu cầu họ tiếp cận lịch sử từ các góc độ sau đây:

+ Tên gọi sự kiện lịch sử; xác định thời điểm mở đầu và kết thúc; diễn biến (nêu các giai đoạn phát triển và nội dung từng giai đoạn).

+ Bối cảnh lịch sử (chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, trong và ngoài nước...)

+ Xác định xem sự kiện thuộc lĩnh vực nào trong đời sống xã hội (chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa...).

Tiếp theo, hướng dẫn học sinh tìm những nguyên nhân làm bùng nổ và trở thành điều kiện quy định những diễn biến của sự kiện. Cụ thể, các em cần xem xét:

+ Những nguyên nhân sâu xa, thường đã xuất hiện trước đó hàng nhiều tháng, nhiều năm. Ở đây cần lưu ý, thứ nhất, nội dung các nguyên nhân có thể giống nhưng cũng có thể khác với nhận thức của người đương thời hoặc những người

thuộc các thế hệ sau đó. Thứ hai, yêu cầu học sinh phân tích các nguyên nhân để thấy mối liên hệ nội tại giữa các nguyên nhân ấy (kinh tế, chính trị, xã hội, quân sự, văn hóa, tài chính...).

+ Nguyên nhân trực tiếp, duyên cớ làm xuất hiện sự kiện lịch sử. Thông thường ta lưu ý các em tìm những biến cố đã trở thành nguyên nhân: vừa mới xuất hiện trước sự kiện lịch sử một khoảng thời gian ngắn, có thể tính bằng tuần lễ, bằng ngày, bằng giờ...

Cuối cùng là việc hướng dẫn học sinh tìm hiểu hậu quả sự kiện lịch sử. Cần gợi ý để học sinh tự nêu lên nhận xét, nhận định, đánh giá sự kiện lịch sử. Sự kiện đó gây nên hậu quả tích cực hay tiêu cực đối với tiến trình lịch sử, có tác dụng thúc đẩy, tiến bộ hay kìm hãm, kéo lùi... Hậu quả có thể thấy rõ trước mắt, cũng có thể là những hậu quả lâu dài. Hậu quả trước mắt có thể thấy ngay trong thời gian tính bằng tuần lễ, nhưng hậu quả lâu dài phải sau hàng năm mới thấy được, thậm chí có hậu quả mang ý nghĩa biểu tượng tồn tại bền vững với thời gian. Tìm hiểu vấn đề này có thể làm ngay trên lớp, nhưng đối với hậu quả lâu dài, có khi phải tìm hiểu ở ngoài lớp, ở nhà, ở thư viện, bảo tàng...

Thứ hai, tiếp cận nhân vật lịch sử

Trừ bài "Công xã nguyên thủy" không có nhân vật lịch sử nào và một số bài về chế độ chiếm hữu nô lệ thường ít đề cập tới những nhân vật lịch sử cụ thể (không kể các bài về văn hóa), các bài lịch sử từ thời trung cổ đến sau này thường có nêu tên tuổi một số nhân vật lịch sử. Chẳng hạn, chương V phần I (chương trình lớp 10) nêu 16 nhân vật lịch sử của châu Âu phong kiến; chương II phần II (lịch sử lớp 10) về Cách mạng tư sản Pháp 1789, nêu lên 6 nhân vật lịch sử.

Chúng ta chỉ chọn một số nhân vật lịch sử tiêu biểu để hướng học sinh tự tìm hiểu.

Có thể hướng dẫn các em đi theo những bước, và tìm hiểu trên các nội dung, như:

- Ở mức độ tiếp cận đầu tiên, học sinh cần tìm hiểu:

+ Ngày, tháng, năm sinh, và mất.

+ Nơi sinh, nơi mất.

+ Đặc điểm về nhân dạng.

+ Đôi nét về gia đình và hoàn cảnh xuất thân.

+ Nội dung thời đại lịch sử mà nhân vật lịch sử sống và hoạt động.

- Đi sâu hơn, học sinh cần tìm hiểu:

+ Nhân vật lịch sử bắt đầu hoạt động (trên các lĩnh vực như chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, khoa học...) từ khi nào, dưới chế độ xã hội nào nào? Thái độ, lập trường, quan điểm chính trị, tư tưởng... của nhân vật lịch sử đang được tìm hiểu?.

+ Những giai đoạn hoạt động chính của nhân vật lịch sử. Thành công hay thất bại, mức độ thành công và thất bại?. Ảnh hưởng của nhân vật lịch sử đối với thời đại mà nhân vật đó sống và hoạt động (qua các nhận xét, đánh giá của người đương thời) và đối với ngày nay (nếu còn).

+ Những nhận xét, đánh giá về nhân vật lịch sử theo quan điểm hiện nay (có thể không hoàn toàn thống nhất với nhau).

- Những tài liệu mà học sinh cần tìm đọc để tự tiếp cận với nhân vật lịch sử:

Ghi chép sau khi tìm hiểu :

+ Họ, tên, đặc điểm về nhận dạng của nhân vật lịch sử.

+ Gia đình, hoàn cảnh xuất thân của nhân vật lịch sử.

+ Năm sinh và mất, nơi sinh và mất của nhân vật lịch sử.

+ Những giai đoạn sống và hoạt động chính của nhân vật lịch sử: mỗi giai đoạn nêu những sự kiện tiêu biểu, những tác phẩm, những bài viết của nhân vật lịch sử hay viết về nhân vật lịch sử đó.

+ Những nhận xét, đánh giá về nhân vật lịch sử qua thời gian.

+ Tranh, ảnh về nhân vật lịch sử, giải thích nội dung những tranh, ảnh đó.

+ Ghi chú nguồn tư liệu được sử dụng trong bài viết của học sinh.

Những ghi chép của các em có thể giữ nguyên dạng tư liệu kể trên, nhưng tốt hơn nên yêu cầu các em viết thành một bài thu hoạch hoàn chỉnh; các tư liệu được sắp xếp theo một dàn bài hợp lý, với cách hành văn thích hợp.

Thứ ba, tiếp cận bản đồ lịch sử

Học lịch sử thế giới hay một khu vực, một quốc gia, một địa phương, học sinh cần có những hiểu biết về cương vực, về dân cư, về núi non, sông ngòi...

Không thể phủ nhận điều kiện địa lý có ảnh hưởng nhất định đối với sự phát triển của lịch sử nói chung. Điều này đã được nói đến ở nơi này, nơi nọ. Ở đây xin được không bàn thêm. Chúng tôi chỉ xin nêu một khía cạnh nhỏ, song có tầm quan trọng nhất định, mà lâu nay chưa được chú ý đầy đủ, đúng mức.

Chúng ta đều biết rất rõ rằng, đường biên giới của mỗi quốc gia không phải chỉ được xác định một lần là xong, trái

lại, nó thường không ổn định và thường được hình thành dần từng bước trong suốt cả một thời gian dài hàng nhiều thế kỷ. Địa danh, với nội dung lịch sử của nó, có ý nghĩa quan trọng đối với công tác sử học. Chẳng hạn, hai địa danh Văn Lang và Âu Lạc. Theo truyền thuyết và sử cũ, Văn Lang là tên gọi của bộ lạc hùng mạnh nhất trong 15 bộ lạc Lạc Việt cùng cư trú ở vùng trung du và đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay. Đất bản địa của bộ lạc này nằm giữa hai dãy núi, nay là Ba Vì và Tam Đảo. Thủ lĩnh Văn Lang sau khi hợp nhất 15 bộ, đã dựng nên nước Văn Lang, tự xưng là Vua Hùng, đóng đô ở Phong Châu (Bạch Hạc, Vĩnh Phú ngày nay), mở ra thời Hùng Vương. Thời kỳ này tương ứng với giai đoạn phát triển của thời đại đồng thau ở nước ta, tức là vào thiên niên kỷ thứ I TCN. Vào năm 257 TCN, Hùng Vương bị Thục Phán, thủ lĩnh người Âu Việt đánh đổ. Sau khi chiếm Văn Lang rồi sáp nhập vào miền đất cũ (ở miền núi Đông Bắc Bắc Bộ ngày nay), thành nước Âu Lạc, Thục Phán tự xưng là An Dương Vương, rồi dời xuống miền đồng bằng, đóng đô ở Phong Khê (nay là Cổ Loa). Sau khi chiếm được nước ta, Triệu Đà chia Âu Lạc làm hai quận, là Giao Chỉ (Bắc Bộ ngày nay) và Cửu Chân (nay là Thanh, Nghệ, Tĩnh). Thời nhà Hán cai trị, nước ta bị biến thành Bộ Giao Chỉ hay Giao Châu, lúc đầu có hai quận như cũ, sau thêm Nhật Nam (đến Bắc Quảng Nam ngày nay).

Việc xác định địa danh như trên rõ ràng giúp ta biết vị trí địa lý và sự thay đổi về cương vực của địa danh, mối quan hệ giữa các cộng đồng dân cư có liên quan đến địa danh.

Trong lịch sử, mỗi dân tộc, mỗi quốc gia, trước hết là bộ phận thống trị, đã luôn tìm mọi cách để xác định, gìn giữ và kể cả mở rộng lãnh thổ với mục đích phát triển kinh tế, phân

bố lại dân cư, giữ vững an ninh quốc phòng, mở rộng thế lực... Ngôn ngữ dân tộc trở thành một trong những yếu tố quan trọng bậc nhất được dùng để xây dựng, củng cố sự thống nhất quốc gia, dân tộc. Các yếu tố khác như kinh tế, chính trị, quân sự, xã hội... được xem là những cơ sở có ý nghĩa quyết định đối với việc đoàn kết, hợp nhất các sắc tộc khác nhau trên cùng một lãnh thổ quốc gia.

Từ những ý kiến nêu trên, có thể khẳng định: cần cho học sinh tiếp cận với những bản đồ phản ánh cương vực quốc gia trong những thời kỳ lịch sử khác nhau, khi nghiên cứu những nội dung lịch sử có thời gian lịch sử tương ứng. Bởi vì, sử dụng bản đồ có đường biên giới như hiện tại để phản ánh các sự kiện lịch sử trong quá khứ là không hợp lý, làm giảm tính khoa học và làm mất nội dung, ý nghĩa lịch sử. Cần cho các em ý thức được rằng, biên giới quốc gia không phải được hình thành một cách ngẫu nhiên, tình cờ, một sớm một chiều, một cách dễ dàng, hoặc theo ý riêng, có tính chủ quan của ai đó. Trái lại, đường biên giới được hình thành như hiện nay là kết quả của cả một quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ, đầy mưu lược, phản ánh sức mạnh và quyền lợi của các bộ tộc, các dân tộc, các tập đoàn thống trị... Tóm lại, cần cho họ hiểu đường biên giới của mỗi quốc gia, mỗi khu vực bao giờ cũng được hình thành trong những hoàn cảnh, điều kiện lịch sử nhất định, nói cách khác, đường biên giới cũng có lịch sử của nó.

Theo hướng như vậy, chúng tôi thấy có thể giúp học sinh tiếp cận theo các góc độ như sau, chẳng hạn:

- Bản đồ phản ánh phần lãnh thổ nào của thế giới (của quốc gia...), tên gọi là gì, vẽ theo tỷ lệ xích nào, độ chính xác cao hay thấp? Phần lãnh thổ tiếp giáp với những vùng địa lý

nào ở 4 hướng Đông, Tây, Nam, Bắc? Đặc điểm về địa lý tự nhiên, địa lý nhân văn (ở mức độ những gì có liên quan đến nội dung lịch sử được thể hiện trên bản đồ).

- Bản đồ do ai vẽ, vẽ với mục đích gì và được vẽ như thế nào? Nội dung lịch sử, địa lý được thể hiện trên bản đồ?

- So sánh những bản đồ phản ánh cùng khu vực, quốc gia trong những khoảng thời gian lịch sử khác nhau để thấy những thay đổi về cương giới khu vực, kinh tế, hành chính. địa danh, sự phân bố dân cư, bố trí lực lượng quốc phòng...

- Giải thích và đánh giá những đổi thay nêu trên về các mặt kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội, dân cư... Sự đổi thay này phản ánh tiến trình lịch sử, đôi khi phản ánh quy luật phát triển của lịch sử, ví như, sự di chuyển của dòng dân cư từ miền núi xuống đồng bằng, ven biển hoặc từ nông thôn ra thành thị trong những thời điểm khác nhau của lịch sử v.v...

- So sánh nhiều bản đồ thuộc các khu vực, lãnh thổ khác nhau trên thế giới nhưng phản ánh một hiện tượng lịch sử giống nhau, chẳng hạn, sự cố gắng ổn định biên giới quốc gia (xây phòng tuyến, pháo đài, bố trí lại lực lượng, thay đổi vị trí thủ đô...).

Dựa vào phương pháp tiếp cận từ những góc độ khác nhau nêu trên, học sinh viết thu hoạch dưới dạng một bài bình luận nhỏ, chẳng hạn như phân tích quá trình hình thành biên giới quốc gia, khu vực qua các giai đoạn lịch sử khác nhau; so sánh đường biên giới qua các giai đoạn lịch sử và phân tích, giải thích sự giống nhau, khác nhau; khuynh hướng bành trướng lãnh thổ của các giai cấp thống trị trong tiến trình lịch sử v.v...

Cách tiếp cận bản đồ lịch sử nêu trên, theo chúng tôi là cần thiết, vì cách làm như vậy sẽ giúp cho học sinh có cái nhìn động, biện chứng về mối tương tác có thật giữa lịch sử và điều kiện địa lý, hay về sự thay đổi của những nội dung lịch sử có quan hệ với địa lý tự nhiên hay nhân văn.

Tất nhiên, vì nhiều lý do, ta không thể thường xuyên hướng dẫn học sinh thực hiện được phương pháp tiếp cận này đối với quá khứ lịch sử. Điều này hoàn toàn có thể hiểu được. Nhưng sẽ là hợp lý và cần thiết nếu ta cho học sinh tìm hiểu vấn đề này khi học lịch sử Việt Nam (mức độ tương đối đầy đủ, hoàn chỉnh) và khi học về một số nước có những nét điển hình (mức độ khái quát, sơ lược).

Để thực hiện được phương pháp tiếp cận này, sự chuẩn bị về tư liệu lịch sử giúp cho việc nghiên cứu, tìm hiểu đóng vai trò có tính chất quyết định. Nhiệm vụ này cần đến sự tham gia đóng góp của một tập thể các nhà khoa học, vì thường vượt quá khả năng của một người trong hoàn cảnh, điều kiện dạy và học còn có nhiều hạn chế như hiện nay.

Thứ tư, tiếp cận tranh, ảnh lịch sử

Trong sách giáo khoa lịch sử của chúng ta có những tranh, ảnh lịch sử. Nói chung, đó là những tài liệu lịch sử quý, đã được chọn để sử dụng trong dạy học, nhằm nâng cao hiệu quả giờ giảng, góp phần nâng cao chất lượng bộ môn.

Như ta biết, do hiện thực lịch sử là hiện thực quá khứ, nên người học không được trực tiếp tiếp xúc với các sự kiện, hiện tượng, nhân vật, quá trình lịch sử. Mặt khác, do lịch sử là quá khứ, gần hoặc xa, thậm chí rất xa và nội dung của những thời đại xa xưa ấy lại có nhiều điều khác, thậm chí rất khác với thời đại hiện nay, nên con người ngày nay không dễ gì hình dung và cắt nghĩa được những gì đã từng xảy ra trước

kia. Hơn nữa, tư liệu lịch sử dù quý hiếm đến đâu chăng nữa, cũng chỉ là những mảnh của quá khứ, chỉ có thể giúp người ta hình dung hay hiểu được một phần của hiện thực lịch sử (tức là hiện thực của quá khứ). Vì những lý do nêu trên, tranh hay ảnh lịch sử luôn luôn được xem là những tư liệu lịch sử quý.

Vấn đề cần được quan tâm trước hết ở đây là bức tranh hay ảnh được tạo ra vào lúc nào? Nội dung của bức tranh hay ảnh phản ánh sự kiện, hiện tượng, tiến trình lịch sử nào, ở khía cạnh nào? Nội dung lịch sử đó được thể hiện như thế nào, theo cách nào, trung thành đến đâu? Tất nhiên còn nhiều vấn đề khác có thể phải đặt ra và nhiều khi, để giải quyết được, phải cần đến những chuyên gia bậc thầy.

Từ những ý nêu trên, có thể đi đến kết luận rằng, khai thác tranh, ảnh lịch sử là một trong những cách tiếp cận thực tế lịch sử tốt, có khả năng đưa lại hiệu quả giáo dục cao, nhưng lại không phải là một công việc đơn giản, dễ thực hiện. Ở đây, ngoài vấn đề nhận thức nội dung lịch sử qua tư liệu tranh hay ảnh lịch sử hoặc có nội dung lịch sử, còn có vấn đề rèn luyện óc quan sát và khả năng vận dụng phương pháp mô tả. Nhiều thầy, cô giáo có kinh nghiệm cho rằng, việc rèn luyện cho học sinh các kỹ năng vừa nêu thường đạt hiệu quả cao khi các em được tiếp cận với các tư liệu tranh, ảnh dưới sự hướng dẫn có phương pháp, có kế hoạch của giáo viên. Việc tiếp cận tranh, ảnh lịch sử của học sinh không chỉ được thực hiện ở trên lớp, với sự hướng dẫn trực tiếp của thầy giáo, các em còn cần phải tiếp tục làm việc với các tư liệu đó khi học và làm bài ở nhà.

Để giúp học sinh học cách tiếp cận lịch sử qua tranh, ảnh lịch sử, chúng ta có thể nêu những gợi ý về cách khai thác các tài liệu đó, chẳng hạn:

- Nguồn gốc và thời điểm xuất hiện tài liệu.

Rõ ràng là, dù còn nguyên vẹn hay không, "xấu" hay "đẹp", nội dung phản ánh toàn diện hay chỉ một mặt, một khía cạnh nào đó của lịch sử, tranh hay ảnh gốc bao giờ cũng là loại tài liệu có giá trị bậc nhất. Điều hết sức đáng quý và cũng là thuận lợi cho chúng ta hiện nay là hầu hết tranh hay ảnh trong sách giáo khoa lịch sử đều được lấy ra từ tư liệu lịch sử gốc. Tiếc rằng, nhiều tư liệu không được ghi rõ xuất xứ, không chú thích nội dung, nên khi sử dụng, một số giáo viên có thể gặp khó khăn.

Có những tranh, ảnh do người đời sau thực hiện, ví dụ, hai hình vẽ cảnh sinh hoạt của người nguyên thủy, trang 11, sách giáo khoa Lịch sử lớp 6, in lần thứ 4, năm 1991. Những tranh, ảnh này có thể phản ánh được một nội dung lịch sử nào đó, ở chừng mực nào đó, nhưng lại không phải là những tác phẩm do người đương thời tạo nên, dĩ nhiên, giá trị không thể bằng tư liệu gốc hay tư liệu. Có ý kiến cho rằng,đó không phải là tư liệu lịch sử, mà chỉ là những tranh hay ảnh phản ánh nội dung lịch sử mang tính chủ quan, hiện đại hóa lịch sử, nên khi sử dụng cần có sự thận trọng nhất định. Điều này cần được giải thích để học sinh hiểu.

- Sau khi xác định nguồn gốc, thời điểm như trên, ta có thể gợi ý cho học sinh nội dung và cách thể hiện những nội dung đó của tác giả trên tranh, ảnh, chẳng hạn:

+ Những nhân vật chính có mặt trong tranh, ảnh. Họ là những ai? Họ đại diện cho ai? Thuộc tầng lớp xã hội hoặc tổ chức chính trị, xã hội nào?

+ Cách thể hiện các nhân vật lịch sử của tác giả bức tranh, ảnh?

Tiếp theo sau, nhằm giúp học sinh đi sâu hơn vào nội dung tranh ảnh, chúng ta có thể đưa ra những gợi ý,như:

+ Từng nhân vật, trước hết là những nhân vật chính, được thể hiện ở tư thế như thế nào? Trong khung cảnh nào? Vào thời điểm lịch sử nào?

+ Trang phục của các nhân vật (chính)? Trang phục phản ánh địa vị, hoàn cảnh xuất thân của nhân vật hay không? nếu có, phản ánh điều gì?

Để mở rộng phạm vi hiểu biết, cũng là nhằm tăng cường rèn luyện khả năng quan sát, kỹ năng nhận biết và mô tả cho học sinh, chúng ta có thể nêu thêm những gợi ý, như:

+ Ngoài những nhân vật lịch sử tiêu biểu, trong tranh, ảnh còn có những con người nào? Tác giả còn đưa thêm những con vật hay đồ vật, những hình ảnh gì nữa vào bức tranh (là chủ yếu) hay bức ảnh? Vì sao có những hình ảnh đó? Chúng làm cho bức tranh hay ảnh có thêm ý nghĩa gì?

+ Nếu là bức biếm họa, hãy chỉ ra nét vẽ có tính biếm họa và ý nghĩa châm biếm (nhẹ nhàng hay sâu cay), hoặc ở mức độ đả kích của bức tranh, qua đó nêu nhận xét về thái độ của tác giả đối với sự kiện, hiện tượng hay thời kỳ lịch sử đó? Cách chơi chữ của tác giả (nếu có)?

Cuối cùng, chúng ta nên có một câu hỏi "phụ", nhưng có ý nghĩa "lớn" là đưa học sinh đến chỗ không được bàng quan, mà phải tự xác định một thái độ trước sự kiện, hiện tượng, quá trình lịch sử. Lịch sử tự nó luôn luôn có ý nghĩa giáo dục. Một lần nữa chúng ta lại thấy điều này được thể hiện. Câu hỏi có thể là: Cảm tưởng của học sinh khi quan sát thoáng qua và khi tìm hiểu kỹ bức tranh hay ảnh?

Thứ năm, tiếp cận các loại tư liệu lịch sử khác:

Trong thực tế đời sống hiện nay, hàng ngày, qua các phương tiện thông tin đại chúng, người ta thường gặp những loại thông tin như các tài liệu thống kê, đồ thị hay biểu đồ so sánh, niên biểu các sự kiện lịch sử quan trọng; hiến pháp, tuyên ngôn, tiền tệ, hệ thống đo lường, giá cả, lương bổng, mức sống v.v... Thực tế cho thấy, đối với đa số người này, rất nhiều thông tin thuộc loại này sẽ bị bỏ qua, đồng thời, đối với số người khác, có rất nhiều thông tin thuộc loại này cần được xử lý để sử dụng. Trong thời đại "bùng nổ thông tin" như hiện nay, để đỡ lạc lõng trước các "xa lộ thông tin", việc học cách xử lý thông tin, thiết nghĩ cũng là điều có ý nghĩa quan trọng nhất định.

Qua học tập lịch sử, học sinh có nhiều dịp tiếp xúc với các thông tin thuộc loại như vừa nêu trên. Điều này dễ hiểu, vì lịch sử chính là cuộc sống. Chúng ta có thể nêu một vài ví dụ.

Ở lớp 10, ngay từ những bài lịch sử đầu tiên, học sinh đã tiếp cận với các tài liệu, như:

- Luật Hammurabi.

- Tuyên ngôn độc lập Mỹ. Hiến pháp Mỹ.

- Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền, Hiến pháp 1791, Luật giá tối đa.

- Tuyên ngôn của Đảng cộng sản.

Ở lớp 11, học sinh được tiếp cận với nhiều bảng thống kê:

- Bảng so sánh về độ tăng dân số ở các nước Anh, Đức, Ý, Pháp giữa hai thời điểm 1800 và 1900.

- Bảng thống kê số người nhập cư vào Bắc Mỹ trong ba thời điểm: 1820-1840, 1840-1870, 1870-1914.

- Các bảng thống kê về đường sắt, về sản lượng than, gang, thép và tỷ lệ tăng trưởng của Đức, của Mỹ vào cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX.

Ở lớp 12, học sinh tiếp xúc với những tài liệu, như:

- Số liệu về vốn đầu tư của thực dân Pháp vào Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

- Tấm bản đồ Việt Nam với lời chú thích "Các nguồn lợi của tư bản thực dân Pháp ở Việt Nam trong cuộc khai thác lần hai" (Chương I), có thể xem như một bảng liệt kê về các ngành kinh tế mà tư hản Pháp bỏ vốn đầu tư vào thời kỳ này.

- Bảng thống kê về tỷ lệ diện tích đất đai và tỷ lệ dân số mà Anh, Pháp, Bỉ, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha chia nhau chiếm giữ, cho ta cái nhìn có tính tổng quát về sự phân chia thuộc địa ở châu Phi của các nước đế quốc.

Thực tế dạy học cho thấy, để có thể hình dung một cách cụ thể hơn và để hiểu đúng hơn bản chất các sự kiện, hiện tượng, tiến trình lịch sử, ngoài các loại tư liệu đã nêu ở phần trên như hiện vật lịch sử, bản đồ, cần cho học sinh tiếp cận với các tư liệu khác nữa. Đó là các tài liệu thống kê, đồ thị, niên biểu, các bản văn (nguyên văn hoặc trích dẫn), báo chí... Qua việc tiếp cận với các loại tư liệu này, trong quá trình học tập ở trường phổ thông, học sinh sẽ từng bước làm quen với việc xử lý tư liệu.

Vì việc tiếp cận tư liệu lịch sử không thường xuyên, nên khó có thể nói đến việc trao cho các em một phương pháp và rèn luyện để các em có thể đạt đến độ thành thạo nào đó trong kỹ năng xử lý tư liệu. Song cần tập cho các em làm quen với hoạt động này ngay khi còn ở nhà trường phổ thông.

Do đó, tùy điều kiện cụ thể, ở trên lớp (và có thể kéo dài công việc khi về nhà), chúng ta đặt ra những yêu cầu và hướng dẫn các em thực hiện. Như vậy, đối với mỗi loại tư liệu, dù chỉ được tiếp xúc ít lần, nhưng khi có cơ hội, cần tranh thủ hướng dẫn để học sinh tập quen với cách thức, phương pháp, con đường... tiếp xúc, xử lý tư liệu.

Ví như, đề ra yêu cầu học sinh quan sát, rút ra ý nghĩa của đường biểu diễn trên một đồ thị, qua đó hình dung và hiểu được hiện thực lịch sử.

Công việc được tiến hành như sau: trước một đồ thị phản ánh nội dung lịch sử, chúng ta hướng dẫn học sinh tiếp cận theo hướng:

- Đồ thị phản ánh thông tin gì, vào giai đoạn lịch sử nào, ở đâu?

- Nhận xét tổng quát: từ khởi đầu đến kết thúc, hiện tượng lịch sử được phản ánh qua đường biểu diễn phát triển theo chiều tăng lên hay giảm đi, hoặc giữ mức thăng bằng, không tăng, không giảm?

- Ở từng giai đoạn riêng biệt, đường biểu diễn có bước thăng hay giáng như thế nào? Ứng với những khoảng thời gian nào? Có bao nhiêu lần biến động như vậy?

- Tìm hiểu nhịp độ của những bước thăng và giáng nêu trên: thăng và giáng ở những giai đoạn nào? Nhịp độ nhanh hay chậm?

- Dùng kiến thức trong sách giáo khoa, sách tham khảo, giải thích hiện tượng lịch sử được phản ánh qua đồ thị.

- Nếu trên một đồ thị có nhiều đường biểu diễn, hãy so sánh để tìm hiểu đặc điểm mỗi đường; tìm mối liên hệ giữa các đường...

Cuối cùng, có thể yêu cầu học sinh viết một bài tập nhỏ, trong đó, các em sẽ giải thích đồ thị và nêu rõ nội dung lịch sử được phản ánh trong đồ thị; đồng thời chỉ ra cái hay hoặc nêu lên tính hấp dẫn của tài liệu.

Thứ sáu, tập cho học sinh trình bày một vấn đề lịch sử:

Công việc này, thực ra, lâu nay ta vẫn yêu cầu học sinh thực hiện một cách khá đều đặn, hàng tháng, hay từng học kỳ. Đối với các em, khi còn ngồi trên ghế nhà trường, đó có thể là một bài viết dưới dạng bài kiểm tra 15phút vào đầu giờ học trên lớp; bài thi học kỳ có thời lượng lớn gấp ba lần một bài kiểm tra 15 phút, và kết thúc bằng bài thi tốt nghiệp với thời gian làm bài lên đến 120 phút. Đối với một số học sinh, đó chính là quá trình chuẩn bị quý giá cho việc thực hiện một bài thi kéo dài 180phút. bài thi tuyển sinh đại học.

Trong giảng dạy, một số thầy, cô giáo còn chưa hoặc ít chú ý tập luyện cho học sinh khả năng trình bày một vấn đề lịch sử dưới dạng một bài văn nghị luận hoàn chỉnh, nghiêm túc, điều mà khi học văn, học sinh vẫn phải làm đều đặn.

Công việc này liên quan chặt chẽ đến vấn đề kiểm tra, đánh giá. Chúng ta không thể chấp nhận một bài làm của học sinh cấp phổ thông trung học mà chỉ được trình bày dưới hình thức gạch đầu dòng, không có phần mở bài, không có phần kết luận, cũng chẳng thể hiện sự suy nghĩ để sắp xếp các ý theo một trật tự chặt chẽ. Chúng ta không thể bỏ qua yêu cầu về xây dựng một dàn bài có tính hệ thống, thể hiện một lối tư duy hợp lý, thông minh. Chúng ta cũng không tha thứ cho những lỗi về ngữ pháp trong bài làm của các em.

Xuất phát từ yêu cầu về duy trì và nâng cao chất lượng bộ môn, nhiều thầy, cô giáo có kinh nghiệm đều nghĩ rằng, trong quá trình giảng dạy lịch sử suốt ba năm cuối của

chương trình phổ thông, cần giúp học sinh cách nghiên cứu một đề tài lịch sử và cách trình bày kết quả nghiên cứu dưới hình thức một bài viết hoàn chỉnh, có phần đặt vấn đề, giải quyết vấn đề và kết luận. Đây là một yêu cầu đối với việc dạy của thầy, cũng như đối với việc học của trò.

Thực tế cho thấy, khi làm bài tập, học sinh thường bộc lộ những ưu điểm, năng lực, sở trường và cả những khuyết điểm, mặt yếu về kiến thức, về năng lực tư duy, về ngôn ngữ.

Thực tế cũng cho thấy, mức độ khó hay dễ, đơn giản hay phức tạp của bài tập được thể chủ yếu ở tỷ lệ giữa nhớ và hiểu. Yêu cầu về trí nhớ đòi hỏi sự lặp lại tất nhiên, theo năm học, nội dung ngày càng phức tạp, nhiều nhân vật lịch sử hơn, nhiều chi tiết chồng chèo hơn... Còn yêu cầu về sự thông hiểu có nghĩa chủ yếu là đòi hỏi sự trình bày vấn đề một cách mạch lạc, rõ ràng, tạo được sự thuyết phục đối với người nghe, người đọc.

Theo ý kiến của nhiều nhà giáo có kinh nghiệm, bài trình bày trước hết và chủ yếu đòi hỏi ở học sinh:

- Khả năng, trình độ nắm kiến thức đủ để giải quyết vấn đề của đề tài, bài viết.

- Khả năng sắp xếp kiến thức theo một trật tự (dàn bài) hợp lý, hệ thống để trình bày nội dung vấn đề (giải quyết vấn đề), sao cho có tác dụng thuyết phục đối với người khác.

- Khả năng trình bày kiến thức bằng ngôn ngữ, hình vẽ, bản đồ... một cách rõ ràng, khúc chiết. Trong bài còn phải thể hiện được khả năng sử dụng đúng thuật ngữ, khái niệm lịch sử.

- Kinh nghiệm cho thấy, các em thường vấp phải khi đứng trước một đề tài lịch sử là làm thế nào để hiểu đúng vấn đề của đề tài. Do đó, khâu cần thiết đầu tiên là thầy

hướng dẫn trò nghiên cứu để tìm ra vấn đề (chủ đề) của đề tài, từ đó, gợi ý giúp họ hình dung ra hướng và các bước đi để giải quyết vấn đề của đề tài. Chúng ta có thể hướng dẫn học sinh theo các bước như sau:

- Tìm những từ mấu chốt, phản ánh nội dung cơ bản, chủ yếu của đề tài, giúp nắm tinh thần và yêu cầu của đề tài.

- Biến đề tài thành những câu hỏi "nhỏ" hơn, giúp hiểu vấn đề theo một trình tự khoa học, thể hiện sự nghiên cứu có phương pháp.

- Tìm sợi chỉ xuyên suốt những câu hỏi chính được đặt ra để trả lời, tức là tìm ra mối liên hệ nội tại giữa các ý, các phần của bài, nhằm giúp cho bước tiếp sau là xây dựng một dàn bài hợp lý, hệ thống.

- Xác định phạm vi đề tài để tránh lạc đề, bằng cách tránh không đề cập tới những nội dung vượt khỏi khung về không gian, thời gian và chủ đề.

Trong phần giải quyết đề tài, học sinh phải lựa chọn kiến thức và sắp xếp các ý theo một trật tự thích hợp. Điều này có liên quan đến khả năng tư duy ở mỗi học sinh, nhưng ta vẫn có thể giúp cho đa số các em học được cách lập luận hợp lý, xây dựng một dàn bài có thể chấp nhận được.

Có thể nêu các vấn đề, các yêu cầu sau đây cho học sinh giải quyết :

- Nội dung lịch sử cần tìm hiểu trong đề tài thuộc phạm vi thời gian, không gian nào? Trải qua những giai đoạn phát triển nào ?

- Có những mốc thời gian nào và những sự kiện quan trọng nào trong từng giai đoạn của tiến trình lịch sử được đề cập tới?

- Có sự kiện nằm ngoài phạm vi đề tài nghiên cứu không? Đó là những sự kiện nào? Có nên giữ lại trong bài làm không, nếu có thì vì sao?

Khi hướng dẫn các em lập dàn bài, một khâu rất quan trọng trước khi làm bài (và có thể sửa chữa trong khi làm bài), là nêu lên những gợi ý đưới hình thức câu hỏi, như:

- Có thể và cần sắp xếp các ý lớn (các mục), các giai đoạn lịch sử quan trọng trong bài theo cách nào? Vì sao như vậy?

- Có thể sắp xếp các sự kiện trong từng giai đoạn lịch sử theo thứ tự nào? Đâu là sự kiện hay giai đoạn lịch sử lớn, quan trọng hơn cả? Nên trình bày trước hay để lại sau? Vì sao như vậy?

- Đâu là mối liên hệ nội tại giữa các sự kiện trong từng giai đoạn và trong cả tiến trình lịch sử đang được nghiên cứu?

Về cách sắp xếp các ý trong bài, ta có thể gợi ý cho các em cách trình bày các sự kiện lịch sử theo trình tự khác nhau, chẳng hạn, thuần túy theo thời gian; theo vấn đề (kinh tế, chính trị, quân sự, xã hội, văn hóa...); theo không gian, hoặc kết hợp một cách linh động những cách sắp xếp vừa nêu. Để giúp học sinh tìm ra mối liên hệ của các sự kiện, ta cũng cần chỉ ra cho các em thấy rằng, các sự kiện lịch sử không những không đứng im, bất biến, mà giữa các sự kiện lịch sử thực sự có các mối quan hệ, chẳng hạn, quan hệ nhân - quả, hay các mối quan hệ về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội...

Hướng dẫn học sinh thực hiện xong hai phần trên, tức là đã giúp họ thực sự tiếp cận đề tài ở những góc độ khác nhau và họ đã nắm được vấn đề, hoặc ít nhất cũng đã nắm được

chủ đề của đề tài. Họ cũng đã biết cách, hoặc đã có phương hướng chọn lựa và sắp xếp kiến thức để giải quyết vấn đề.

Công việc tiếp theo là thầy hướng dẫn học sinh soạn phần nhập đề và phần kết luận. Thực tế nghiên cứu cho thấy, chỉ sau khi nắm được toàn bộ vấn đề, người ta mới có thể viết tốt được nhập đề và kết luận.

Khi hướng dẫn học sinh làm phần mở bài, điều ta cần lưu ý trước tiên là tránh đừng để các em sa vào hai khuynh hướng: thứ nhất, bắt đầu ngay vào việc trình bày chủ đề của đề tài; thứ hai, bắt đầu bằng việc đề cập đến một giai đoạn lịch sử quá xa. Đây là hai khuynh hướng học sinh dễ mắc nhất khi viết phần nhập đề.

Ở phần nhập đề, chúng ta có thể hướng dẫn học sinh thực hiện theo các gợi ý sau đây:

- Mở đầu phần nhập đề bằng việc giới thiệu nội dung đề tài: bài viết sẽ đề cập đến sự kiện hay nhân vật lịch sử nào? Thuộc về thời gian và không gian lịch sử nào? Sẽ đề cập đến một hay nhiều khía cạnh nào của nội dung lịch sử vừa nêu?

- Vấn đề được đặt ra để giải quyết là gì? Giới hạn đề tài, tức là nêu rõ bài viết sẽ giải quyết vấn đề gì và vấn đề gì không thuộc phạm vi bài viết.

- Nếu có thể thì nêu phương pháp tiến hành và con đường sẽ đi để thực hiện đề tài.

Mỗi bài viết đều cần có phần kết luận. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, nhiều khi học sinh viết xong phần thân bài mà không tìm ra ý để viết phần kết luận. Vì vậy, hướng dẫn để học sinh thấy được cách viết phần kết luận cũng là điều cần thiết. Chúng ta có thể đưa ra những gợi ý, những yêu cầu, chẳng hạn:

- Trước hết, cần phải tóm tắt ngắn gọn nội dung vấn đề đã trình bày.

- Trên cơ sở phần tóm tắt, cần tổng kết những phân tích đã thực hiện ở phần trên, qua đó nêu lên một cách khái quát các câu trả lời ở mỗi phần bài cho các vấn đề (câu hỏi) đã được nêu lên ở phần nhập đề.

- Nêu ra những vấn đề mới, cần và có thể tiếp tục nghiên cứu.

- Tránh đưa ra những kết luận về những sự kiện lịch sử mới, không liên quan đến đề tài.

*

* *

Rèn luyện phương pháp tiếp cận với tư liệu lịch sử là một biện pháp để nâng cao chất lượng học tập bộ môn. Vì vậy, đây là công việc cần quan tâm thực hiện.

XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG PHÒNG BỘ MÔN TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ

PGS. TS Trần Đức Minh*

Việc đổi mới phương pháp dạy học Lịch sử được tiến hành ở "Phòng bộ môn". Công việc này không mới đối với nhiều nước, nhưng còn xa lạ ở ta. Vì vậy, cần sớm thực hiện xây dựng phòng bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông. Cải tiến và nâng cao chất lượng dạy học lịch sử ở trường phổ thông cần phải có đồ dùng trực quan. Song do điều kiện khó khăn, do nhận thức và khả năng sư phạm, nhiều giáo viên chưa sử dụng tốt. Một số khác muốn cải tiến phương pháp dạy học, muốn tạo ra đồ dùng dạy học thích hợp (trong đó có phòng học lịch sử) nhưng ít được ủng hộ, hoặc thiếu tài liệu hướng dẫn cần thiết.

Để có những *Phòng học lịch sử*, chúng ta cần phải có kế hoạch trước mắt cũng như lâu dài, kết hợp học tập kinh nghiệm nước ngoài và tình hình thực tế trong nước, của từng địa phương.

Ở các nước có nền giáo dục tiên tiến, mỗi trường học không chỉ có một mà có hai (hoặc ba) phòng học lịch sử. Trước mắt, mỗi trường ở nước ta cần phấn đấu xây dựng một phòng học lịch sử. Trong trường hợp chưa thể xếp riêng thành một phòng học lịch sử, chúng ta có thể tạm ghép với phòng truyền thống của nhà trường.

---

* Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định.

Cũng ở các nước có nền giáo dục tiên tiến, Bộ Giáo dục ban hành chế độ, tiêu chuẩn danh mục thiết bị, đồ dùng dạy học của các phòng học bộ môn (trong đó có bộ môn Lịch sử). Trên thực tế, công việc này không được nhiều trường quan tâm, vì xem nhẹ "môn phụ", vì thiếu kinh phí, không có cơ sở vật chất, bảo quản kém.

"*Phòng học lịch sử*" thường có các bộ phận cần thiết như sau:

Thứ nhất, đồ dùng dạy học, bao gồm:

- Tư liệu thành văn:

+ Các tài liệu văn bản, các sử liệu gốc được sao chép trong kho lưu trữ hoặc bảo tàng, hoặc ngăn thư viện, những tài liệu gốc do học sinh sưu tầm theo sự hướng dẫn của giáo viên. Các tài liệu này phải sát hợp với nội dung của chương trình, sách giáo khoa và phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh... Có thể xây dựng "*tủ sách, tài liệu chuyên đề về lịch sử địa phương*" nơi trường đóng, để học sinh tìm hiểu quê hương và thu hút các nhà nghiên cứu lịch sử.

+ Những tiểu thuyết lịch sử, hồi ký, những công trình nghiên cứu phong tục, tập quán, kiến trúc v.v... có liên quan đến nội dung được quy định trong chương trình. Các tài liệu này giúp học sinh hình thành những biểu tượng lịch sử.

+ Những bài viết được cắt ra từ các loại báo, tạp chí v.v... và được sắp xếp theo các đề tài phục vụ cho các bài học lịch sử, những bài tập của học sinh.

+ Các sách hướng dẫn về phương pháp dạy học, các tạp chí chuyên ngành, giúp cho giáo viên tự bồi dưỡng, nghiên cứu, cho việc học tập của một số học sinh ham thích và có xu hướng chuyên sâu về lịch sử.

- Các phương tiện trực quan:

+ Biểu đồ, sơ đồ, các loại bản đồ lịch sử in hoặc do giáo viên, học sinh tự làm. Bộ átlát lịch sử (có từ 15 đến 20 bản)[1] để giáo viên có thể hướng dẫn học sinh làm các bài tập phát huy tính tích cực của học sinh.

+ Những truyện tranh lịch sử (được lựa chọn, mang tính khoa học, để phục vụ cho học tập), những bộ phục chế các công trình văn hóa và nghệ thuật được đề cập trong nội dung chương trình.

+ Sơ đồ và niên biểu lịch sử có sẵn hoặc do giáo viên, học sinh tự làm.

+ Những bức ảnh tư liệu được cắt ra từ báo, tạp chí, những ảnh chụp về các di tích văn hoá và lịch sử trong các đợt tham quan hoặc học tập ở thực địa.

+ Những bộ phim nhựa, video hoặc phim đèn chiếu về các sự kiện, di tích lịch sử.

+ Những đồ dùng trực quan khác do giáo viên và học sinh tự làm từ các nguyên liệu dễ kiếm (như bìa các tông, giấy ép, gỗ dán v.v...)

+ Những băng ghi âm lịch sử gồm những băng ghi lời phát biểu của các vị lãnh tụ, các nhân chứng lịch sử, các tác phẩm văn học, thơ, âm nhạc về đề tài lịch sử.

+ Các tài liệu và những dụng cụ để tổ chức hoạt động tư duy và kiểm tra nhận thức của học sinh. Đó là các phiếu ghi yêu cầu giải thích hay sử dụng các từ, các khái niệm mới,

---

[1] Đang được xây dựng, song trong tương lai gần sẽ phổ biến. Hiện tại có thể sử dụng (nơi có điều kiện) átlát giáo khoa lịch sử thế giới của nước ngoài và bộ "átlát quốc gia" của Việt Nam.

những bộ phiếu bài tập để học sinh làm việc trong quá trình nhận thức và rèn luyện kỹ năng bộ môn, những phiếu đục lỗ để kiểm tra sự nhận thức lịch sử của học sinh theo các đề tài cho các lớp khác nhau...

Thứ hai, các thiết bị trong phòng học lịch sử:

- Phương tiện kỹ thuật trong phòng học lịch sử có các loại máy chiếu phim, đèn chiếu, máy ghi âm, vô tuyến...

- Dụng cụ đồ gỗ trong phòng học lịch sử có bàn ghế giáo viên và học sinh, bảng lớp...

- Ngoài ra, trong phòng học lịch sử còn cần có các tấm rèm che cửa sổ để che ánh sáng khi chiếu phim. Tốt nhất mỗi chỗ làm việc của học sinh nên có một ngọn đèn chụp nhỏ để học sinh có thể ghi chép, khi máy chiếu phim, đèn chiếu đang làm việc...

Thứ ba, bộ phận bảo quản thiết bị và đồ dùng dạy học, như các hộp để tranh ảnh, đĩa hát, băng ghi âm, các giá để bản đồ...

Để có được các thiết bị trên, giáo viên có thể khai thác:

- Về đồ dùng trực quan, giáo viên bộ môn nên tận dụng những đồ dùng dạy học mà nhà nước cung cấp như bản đồ, tranh ảnh, băng hình, băng tiếng... Ngoài ra, giáo viên còn có thể phát động phụ huynh học sinh kết hợp với việc thầy, trò cùng sưu tầm các tài liệu học tập và hướng dẫn học sinh tự làm đồ dùng dạy học. Nhiều trường đã làm tốt công tác này. Đây là công việc đòi hỏi có quá trình tích luỹ lâu dài.

- Về thiết bị dạy học, giáo viên bộ môn cần yêu cầu nhà trường từng bước trang bị cho phòng học lịch sử, bước đầu nên có một máy ghi âm, bộ video.

- Thiết bị đồ gỗ trong phòng học lịch sử như bàn, ghế, bảng, tủ tổng hợp và các giá gỗ, cần yêu cầu nhà trường trang bị.

Có thể sắp xếp các loại trên như sau:

Nếu có điều kiện thì nên bố trí *Phòng học lịch sử* thành hai phòng: phòng giảng đường rộng và phòng trưng bày nhỏ hơn. Phòng giảng đường bao gồm:

+ Một chiếc bảng rộng, có thể dịch chuyển theo ý muốn, phía trên bảng có một màn ảnh dễ di động.

+ Một bàn giáo viên với những giá đỡ tranh ảnh và đồ dùng dạy học. Chiều rộng của bàn không quá 1,8m - 2m.

+ Những giá để bản đồ.

+ Bàn ghế cho học sinh.

+ Những tấm rèm che cửa sổ, dễ dàng che ánh sáng khi cần thiết. Các thiết bị và đồ dùng dạy học nên bố trí trong phòng để tiện sử dụng.

Trong điều kiện chỉ có một phòng thì có thể sắp xếp:

Chung quanh tường treo một số tranh, ảnh chân dung những nhân vật lịch sử, song không nên treo la liệt, sẽ biến phòng lịch sử thành phòng triển lãm.

Bảng lớp đặt chếch giữa bức tường phía trên của phòng (dùng loại bảng gấp, mở thuận tiện hơn).

Khoảng cách bức tường từ phía trên của bảng đến trần nhà treo màn ảnh để chiếu phim.

Bản đồ, niên biểu, sơ đồ... sắp xếp vào ngăn kéo và đặt phía dưới hoặc phía sau bảng nếu bảng có chân, đặt cách tường.

Bàn giáo viên đặt ở bên phải của bảng, gần bàn đặt máy quay đĩa, máy ghi âm (nếu có).

Dọc bức tường ở cuối phòng đặt một chiếc tủ dài. Một phần tủ lắp kính, phần còn lại có cửa gỗ. Tủ dùng để sắp xếp các tài liệu học tập hiếm, các tập atlát, album, hiện vật, mô hình phục chế, hồ sơ, tài liệu lịch sử địa phương, kết quả sưu tầm tài liệu lịch sử của thầy và trò trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc... Các băng hình, phim đèn chiếu, phim học tập, vô tuyến... để ở một ngăn riêng của tủ. Các phương tiện kỹ thuật và đồ dùng trực quan khác (nếu có) được sắp xếp trong một ngăn tủ.

Máy chiếu nên đặt trên một chiếc xe đẩy có thể di chuyển dễ dàng mà vẫn bảo quản tốt. Xe đẩy đặt ở sát tường phía dưới phòng, làm thế nào để khi chiếu phim tất cả học sinh quan sát rõ màn ảnh.

Các thiết bị, đồ dùng dạy học sắp đặt như vậy không phải cố định, khi cần có thể điều chỉnh để tiện sử dụng. Để theo dõi, kiểm tra tài sản, cần lập danh mục các trang bị học tập trong phòng. Mỗi loại ghi "lý lịch" trên một phiếu. Nếu thấy cần thiết có thể làm thư mục, phiếu vào ô kéo như ở thư viện.

Một ngăn thư viện trong phòng học lịch sử là điều rất cần cho việc dạy và học lịch sử. Nó bao gồm các loại tài liệu tham khảo khoa học, chính trị, văn kiện của Đảng, Nhà nước, các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sách giáo khoa, báo, tạp chí... Trong đó, đặc biệt chú trọng đến các loại tài liệu do giáo viên và học sinh sưu tầm, nghiên cứu, chủ yếu về phương pháp dạy học và lịch sử địa phương. Thật bổ ích và lý thú nếu trong phòng học lịch sử có những tài liệu có tính riêng biệt và độc đáo của trường, địa phương. Các loại tài liệu không phải là vật trang trí mà phải phục vụ có hiệu quả cao nhất cho việc dạy và học lịch sử. Ngoài việc phục vụ bài

giảng của giáo viên và học tập của học sinh, các tài liệu còn được sử dụng trong các hoạt động ngoại khoá, như công tác thông tin chính trị, xã hội, tổ chức triển lãm vào các ngày lễ.

Tài liệu trong phòng học lịch sử được sắp xếp theo chủ đề: "Những vấn đề mới của sử học", "Những anh hùng của thời đại chúng ta", "Những vấn đề mới của khảo cổ học", "Lịch sử thế giới", "Lịch sử Việt Nam", "Lịch sử địa phương" (phân theo thời kỳ lịch sử).

Phần trình bày trên đây cho chúng ta hình dung cách xây dựng và tổ chức phòng học lịch sử kiểu mẫu. Về lâu dài, mỗi trường nên phấn đấu theo mô hình đó.

Về Phương pháp sử dụng:

Xây dựng phòng học lịch sử là một cố gắng lớn của nhà trường, giáo viên và học sinh... Vì vậy, cần có kế hoạch sử dụng sao cho tận dụng được tối đa công suất của phòng này. Có hai hình thức sử dụng:

- Tiến hành bài học lịch sử nội khoá tại phòng học lịch sử. Trường hợp này giống như việc tiến hành bài học lịch sử tại bảo tàng.

- Tổ chức hoạt động ngoại khoá trong phòng học lịch sử. Hình thức hoạt động này rất phong phú, như tổ chức câu lạc bộ lịch sử, bảo tàng phổ thông, góc lịch sử địa phương; thảo luận lịch sử theo nhóm hoặc cả lớp; thi đố lịch sử, triển lãm lịch sử nhân các ngày lễ lớn; tổ chức gặp gỡ những người đã chứng kiến hoặc tham gia các sự kiện lịch sử; tổ chức đọc sách ngoại khoá cho học sinh. Ở đây chúng tôi mới trình bày việc xây dựng và sử dụng một số phương tiện dạy học để phát huy tính tích cực của học sinh, còn các bộ môn khác như Sinh

học, Vật lý, Hoá học, Địa lý... đều cần được trang bị đầy đủ hơn, hiện đại hơn để công tác đào tạo được tốt hơn.

*

* *

Phòng bộ môn là mô hình hiện đại của việc tổ chức dạy học hiện đại, có hiệu quả. Nó thể hiện những yêu cầu cần có của việc giáo dục thế hệ trẻ. Đó là gắn lý thuyết với thực hành, thực hiện phương châm học đi đôi với hành (dưới sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh tích cực tham gia xây dựng Phòng bộ môn). Phòng bộ môn cũng là hình ảnh thu gọn của việc "xã hội hoá" giáo dục lịch sử, bởi vì các tầng lớp nhân dân, trong đó có các cựu học sinh, các cơ quan ở địa phương, với nhiều hình thức khác nhau, đóng góp vào xây dựng Phòng (về vật chất, hiện vật, gặp gỡ, trao đổi với học sinh với tư cách nhân chứng lịch sử địa phương...). Hiệu quả sư phạm của Phòng bộ môn là khắc phục được sai lầm thường gặp – "hiện đại hoá lịch sử". Với những hiện vật, tài liệu, đồ dùng trực quan, học sinh sẽ có biểu tượng đúng về quá khứ lịch sử, từ đó hiểu đúng, hiểu sâu lịch sử.

"*Phòng bộ môn Lịch sử*" còn thể hiện việc đổi mới phương pháp dạy học lịch sử. Điều này đòi hỏi sự nhận thức đúng về vai trò, tác dụng giáo dục của lịch sử, sự nỗ lực của nhà trường, địa phương, đặc biệt của giáo viên.

TÍCH HỢP KIẾN THỨC CÁC BỘ MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

TS Nguyễn Anh Dũng*

Trong khoảng mười năm trở lại đây, tích hợp là vấn đề được *Trung tâm nghiên cứu nội dung và phương pháp giáo dục phổ thông* (TT NDPPGDPT) tập trung nghiên cứu, thử nghiệm và được áp dụng trong việc xây dựng nội dung chương trình các môn học nói chung và các môn khoa học xã hội nói riêng ở trường phổ thông.

Xây dựng môn học tích hợp đã, đang và sẽ là vấn đề được giáo dục thế giới cũng như nước ta quan tâm. Do vậy, việc tổng kết những thành quả nghiên cứu trong khoảng mười năm qua về xây dựng môn học tích hợp là việc cần tiếp tục tiến hành khi đổi mới nội dung và phương pháp dạy học.

Trên thế giới, nghiên cứu, thử nghiệm và thực thi môn học tích hợp được bắt đầu từ những năm 60, nở rộ trong những năm 70 của thế kỷ XX và kéo dài cho tới ngày nay. Tuy nhiên, ở nước ta, trước những năm 90, vấn đế này chưa thực sự được nghiên cứu một cách hệ thống. Sau ba cuộc cải cách giáo dục, các môn học truyền thống được xây dựng trên cơ sở khoa học tương ứng. Cụ thể, ở lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn vẫn là các môn Tiếng Việt, Văn, Lịch sử, Địa lý, Đạo đức, Giáo dục công dân. Tinh thần liên môn cũng được

---

* PGĐ Trung tâm Nghiên cứu Nội dung và Phương pháp giáo dục phổ thông - Viện Khoa học Giáo dục.

đề cập, song thực tế chưa được thể hiện trong nội dung chương trình. Kế hoạch dạy học ở cấp I (ban hành theo quyết định số 305/QĐ ngày 26-3-1986 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục) có môn *Tìm biểu tự nhiên và xã hội,* song đến năm 1990, chương trình chưa được xây dựng.

Cuối những năm 80, đặc biệt từ những năm 90 trở lại đây, vấn đề nghiên cứu xây dựng môn học tích hợp đối với lĩnh vực khoa học xã hội ở Tiểu học và Trung học cơ sở thực sự được quan tâm. Ở Tiểu học, từ năm 1991, TT NDPPGDPT đã tổ chức nghiên cứu thử nghiệm và năm 1996, đưa vào dạy học chính thức *môn Tự nhiên và Xã hội.* Năm 1995-1996, một nhóm chuyên gia của Liên minh châu Âu đã cộng tác với cán bộ nghiên cứu của TT NDPPGDPT nghiên cứu và biên soạn *sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội* theo tinh thần tích hợp. Ở Trung học cơ sở, năm 1993, kết quả nghiên cứu đầu tiên về tích hợp các môn khoa học xã hội đã được thông báo trong Hội nghị Tập huấn quốc gia về chiến lược chương trình trung học đầu thế kỷ XXI. Tích hợp các môn khoa học xã hội đã được tập trung nghiên cứu liên tục qua các đề tài cấp Bộ: *"Về đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học trường Trung học cơ sở (B91-37)", "Nghiên cứu thử nghiệm bước đầu một số môn khoa học tự nhiên - khoa học xã hội trong trường Trung học cơ sở (B98-49-65)"* và trong *Dự án phát triển giáo dục Trung học cơ sở.* Kết quả nghiên cứu đã được đưa vào thí điểm từ năm học 1999-2000. Ở Trung học chuyên ban (1993-2000), nội dung chương trình môn Lịch sử (chéo ban) đã được xây dựng theo tinh thần tích hợp lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam.

Trong khoảng 10 năm nghiên cứu và thử nghiệm vấn đề tích hợp các môn khoa học xã hội, TT NDPPGDPT đã đạt được những thành quả nhất định:

- Về cơ bản đã giải quyết được những vấn đề chủ yếu như: Tích hợp là gì? Các mức độ và lĩnh vực tích hợp các môn khoa học xã hội? Tại sao phải tích hợp các môn khoa học xã hội ở Tiểu học và Trung học cơ sở? Một số nước trên thế giới đã tiến hành tích hợp các môn khoa học xã hội như thế nào?

- Mức độ phối hợp liên môn (coordination) đã bước đầu được thực thi trong quá trình xây dựng nội dung chương trình cũng như kế hoạch dạy học của các môn khoa học xã hội. Kiến thức Địa lý, Lịch sử đã được đưa vào các chủ điểm gia đình, thôn, xã, quận, huyện, tỉnh, thành phố trong chương trình *môn Tự nhiên và Xã hội* lớp 1 , 2, 3. Môn Lịch sử và Đia lý lớp 4, 5 đã được xây dựng trên tinh thần hỗ trợ lẫn nhau ở một số nội dung và chủ đề tìm hiểu quê hương được tích hợp hoàn toàn. Trong quá trình xây dựng chương trình và biên soạn sách giáo khoa, các môn Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân ở Trung học cơ sở, tinh thần phối hợp liên môn cũng đã được quán triệt.

Như vậy, xét trên quan điểm tiếp cận khoa học tích hợp, nội dung chương trình các môn khoa học xã hội ở Tiểu học và Trung học cơ sở mới chỉ dừng lại ở giai đoạn đầu của sự phối hợp liên môn và trong phạm vi hai môn Lịch sử và Đia lý. Trong điều kiện kinh nghiệm xây dựng chương trình và sách giáo khoa còn hạn chế, giáo viên chưa được chuẩn bị đầy đủ để dạy các môn học tích hợp, tinh thần đổi mới dạy học chưa được phát triển sâu rộng, v.v... nên bước đầu chúng ta phải chấp nhận dừng lại ở mức độ tích hợp như vậy. Tuy nhiên, đối chiếu với mục tiêu giáo dục Tiểu học và Trung học cơ sở cũng như xu hướng của giáo dục thế giới, vấn đề nghiên cứu xây dựng các môn tích hợp ở nước ta cần tiếp tục được đặt ra.

Kết quả nghiên cứu của các đề tài cho thấy, nên chăng các môn khoa học xã hội ở Tiểu học và Trung học cơ sở chọn phương án sau:

- Ở các lớp 1, 2, 3, kiến thức lịch sử, địa lý được tích hợp trong một số chủ đề của *môn Tự nhiên và Xã hội* như chúng ta đã tiến hành.

- Ở các lớp 4, 5 và Trung học cơ sở vẫn giữ tên các môn Lịch sử, Địa lý, Đạo đức, Giáo dục công dân, song một số kiến thức được tích hợp thành những chủ đề, chẳng hạn những vấn đề của xã hội đương thời mà trong đó có những nội dung: thời hiện tại và con người, kinh tế thời đại hiện nay, nền dân chủ và vấn đề quốc tế, Việt Nam trong cộng đồng thế giới và khu vực, văn hoá trong đời sống con người hiện đại, những vấn đề tâm lý của thanh, thiếu niên. Cũng có thể là chủ đề tìm hiểu một khu vực nào đó, chẳng hạn khu vực Đông Nam Á mà trong đó có những nội dung: Quá trình kiến tạo, điều kiện tự nhiên, con người Đông Nam Á, sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá Đông Nam Á, hoặc chủ đề tìm hiểu, nghiên cứu địa phương. Các chủ đề tích hợp này được dạy sau mỗi phần của các môn học độc lập. Các chủ đề này cũng 'có thể được học dưới hình thức một bài sơ kết hoặc bài tập.

Mô hình cấu trúc trên có thể được minh họa bằng sơ đồ sau:

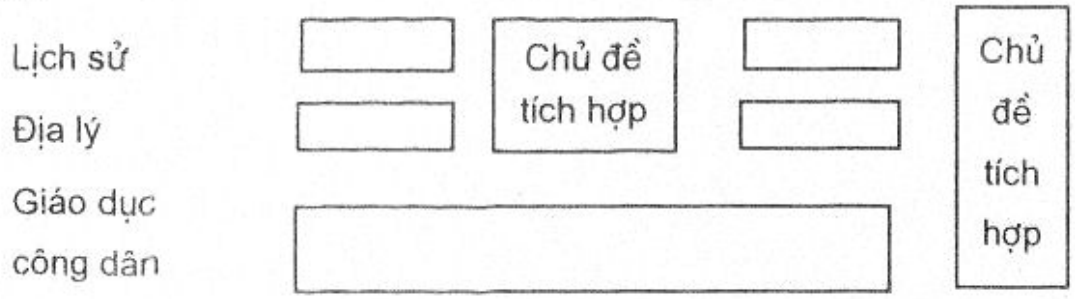

Nói tóm lại, một chương trình thường tồn tại từ 10 đến 15 năm. Nghiên cứu tích hợp các môn học nói chung, các môn

khoa học xã hội nói riêng nếu không bắt đầu ngay từ bây giờ chắc rằng chúng ta sẽ bất cập với xu hướng giáo dục của thế giới.

Chương trình Lịch sử được xây dựng cho trường Trung học cơ sở, Trung học phân ban mới với hai ban – Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội – tuy vẫn gồm hai khoá trình lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc, song được cấu tạo theo hướng tích hợp hai khoá trình này. Hơn nữa, nó còn thể hiện việc tích hợp ở mức độ thấp giữa Lịch sử với Địa lý, Văn học, Giáo dục công dân.

Ở đây, từ những yêu cầu của việc "*Tích hợp các môn khoa học xã hội trong sự phát triển nội dung chương trình ở trường phổ thông*"[1], chúng tôi trình bày một số vấn đề về tích hợp kiến thức các bộ môn khoa học xã hội (chủ yếu là Địa lý, Văn học, Giáo dục công dân) trong dạy học Lịch sử.

Mối quan hệ giữa các môn học này ở trường phổ thông (kiến thức cơ bản của các khoa học tương ứng) xuất phát từ mối quan hệ chặt chẽ giữa các khoa học Lịch sử, Văn học, Địa lý, Giáo dục công dân. Các khoa học này tuy có đối tượng nghiên cứu khác nhau để tồn tại và phát triển (không có đối tượng sẽ không có khoa học), song trên một mặt nào đó lại cùng chung một khách thể – xã hội và đời sống con người. Vì vậy, khi nghiên cứu và học tập, kiến thức của những môn này hỗ trợ cho nhau, giúp học sinh nhận thức sâu sắc về xã hội và đời sống của con người.

Lịch sử bắt đầu từ khi xã hội và con người xuất hiện. Những hiểu biết về điều kiện tự nhiên, bối cảnh lịch sử, sự phát triển kinh tế qua các thời kỳ rất cần cho việc học tập

---

[1] Bài đăng ở Tạp chí Giáo dục, số 17, tháng 11 – 2001.

lịch sử. Ví như, học sinh phải sử dụng các kiến thức về địa lý để hiểu rõ các quốc gia cổ đại ra đời như thế nào? Để hiểu sâu sắc câu nói "*Ai Cập là quà của sông Nin*" khi học bài "*Ai Cập cổ đại*", học sinh phải sử dụng kiến thức về địa lý tự nhiên của Ai Cập – dòng sông Nin làm cho lưu vực ven sông trở thành đồng bằng phì nhiêu, đất xốp. Nhờ đất xốp mà với công cụ kim loại chưa cứng, chưa sắc vẫn có thể canh tác để có của thừa, dẫn tới sự phân hoá giầu nghèo, phân chia giai cấp, rồi xuất hiện Nhà nước. Khi học về "*Hy Lạp cổ đại*", học sinh dựa vào kiến thức địa lý nói về điều kiện tự nhiên của Hy Lạp - đồi núi không thuận lợi cho nông nghiệp; song biển, trời êm ả, trong xanh, thuận tiện cho việc đi thuyền; do đó, thương nghiệp, thủ công nghiệp phát triển sớm. Xã hội chiếm hữu nô lệ ra đời trong điều kiện như vậy. Sử dụng kiến thức địa lý để học lịch sử là điều rất cần thiết, song cần đề phòng khuynh hướng sai lầm của địa lý quyết định luận, cho rằng hoàn cảnh địa lý quyết định sự phát triển xã hội loài người.

Ph. Ăngghen cho rằng, lịch sử bắt đầu từ đâu thì quá trình tư duy cũng bắt đầu từ đấy. Nhận thức của con người về quê hương, tổ tiên và bản thân được phản ánh trong các hình thức văn hoá dân gian. Từ khi có chữ viết, nền văn học bác học ra đời, các tác phẩm thơ, văn phản ánh hiện thực khách quan. Các loại tài liệu văn học dân gian và bác học đều là những tài liệu lịch sử rất quý. Tuy nhiên, do chức năng, nội dung, đặc trưng của văn học (dân gian và bác học) nên loại tài liệu này cần được lựa chọn, xử lý khi dùng trong dạy học Lịch sử để tạo biểu tượng chân xác, có hình ảnh về các sự kiện, nhân vật có thực.

Khoa học lịch sử và việc giáo dục lịch sử ở nhà trường ra đời trong xã hội có giai cấp, chịu ảnh hưởng và bị chi phối bởi

các quan điểm của giai cấp thống trị; cuộc đấu tranh giai cấp cũng diễn ra gay gắt, sôi nổi trên lĩnh vực này. Vì vậy, trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử phải đứng vững trên một lập trường, quan điểm chính trị nhất định. Kiến thức về Giáo dục công dân – cung cấp cho học sinh những hiểu biết về thế giới quan, nhân sinh quan của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh – rất cần thiết cho việc học tập lịch sử. Những quan điểm cơ bản về vai trò của quần chúng nhân dân, của cá nhân trong lịch sử, về những cơ sở, động lực của sự phát triển lịch sử... được hình thành qua môn Giáo dục công dân là cơ sở không thể thiếu trong học tập lịch sử.

Ngoài ra, do nguyên tắc xây dựng chương trình Lịch sử một cách toàn diện, nghĩa là phải tìm hiểu mọi lĩnh vực của đời sống xã hội – kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá, khoa học, nghệ thuật, giáo dục, tư tưởng..., nên khoá trình lịch sử dân tộc và thế giới ở cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông đều có liên quan đến các giáo trình về khoa học tự nhiên, âm nhạc, mỹ thuật. Những kiến thức của các môn học này hỗ trợ rất nhiều cho việc hiểu biết lịch sử một cách vững chắc, sâu sắc.

Trong khi thực hiện *nguyên tắc liên môn* để tích hợp các kiến thức của nhiều môn học trong dạy học Lịch sử, chúng ta cần bảo đảm chức năng, nhiệm vụ, nội dung, đặc trưng của bộ môn. Các vấn đề về văn học, nghệ thuật, khoa học... được tìm hiểu ở góc độ lịch sử – một sự kiện thể hiện sự phát triển của xã hội và có tác động đối với lịch sử. Trong khuôn khổ giờ học Lịch sử không thể và không cần thiết đi sâu vào nội dung kiến thức của các môn học này. Ngoài giờ nội khoá, giáo viên hướng dẫn học sinh tổ chức các hoạt động ngoại khoá về các chủ đề văn học, nghệ thuật, khoa học, nhân vật... có liên quan đến chương trình Lịch sử đang học.

Biện pháp sư phạm có hiệu quả trong việc thực hiện nguyên tắc liên môn là hướng dẫn học sinh nhớ lại các kiến thức đã học ở các bộ môn khác để hiểu rõ lịch sử. Việc sử dụng kiến thức của các môn học khác làm cho bài tường thuật, miêu tả được phong phú, sinh động. Ví như, khi trình bày về các cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý (thế kỷ XI), kháng chiến chống Nguyên – Mông thời Trần (thế kỷ XIII), hay kháng chiến chống Minh, do Lê Lợi, Nguyễn Trãi lãnh đạo (thế kỷ XV), giáo viên hướng dẫn học sinh nhớ lại những điều đã học về bài "thơ thần" của Lý Thường Kiệt trên chiến tuyến sông Cầu ("Nam quốc sơn hà Nam đế cư..."), "Hịch tướng sỹ" của Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn, "Cáo Bình Ngô" của Nguyễn Trãi để rút ra các tài liệu, sự kiện cụ thể và những kết luận khái quát. Kiến thức của các môn học khác được dùng làm tài liệu để chứng minh cho một kết luận khoa học, để bình luận về một sự kiện, nhân vật lịch sử, để làm bài tập, kiểm tra... Các loại tài liệu thuộc các môn học được dùng trong dạy học Lịch sử theo nguyên tắc liên môn (tích hợp ở mức độ thấp) được sử dụng trong các hoạt động ngoại khoá.

Việc tích hợp kiến thức các môn học, chủ yếu về khoa học xã hội, đem lại nhiều kết quả: tiết kiệm thời gian dạy học, củng cố và phát triển kiến thức lịch sử, phát huy tính tích cực, năng động của học sinh và gây hứng thú học tập. Do đó, chất lượng dạy học bộ môn được nâng lên.

Về phương diện tâm lý, học sinh tiếp nhận tốt kiến thức mới khi biết dựa vào kiến thức đã học không chỉ của một bộ môn mà của nhiều bộ môn khác có liên quan. Vì vậy, vấn đề quan trọng của việc dạy học tích hợp là mỗi kiến thức mang tính sự kiện hay khái niệm, lý luận... được truyền thụ, tìm

hiểu, đến với học sinh bằng một hoạt động "liên kết" giữa các kiến thức.

Chúng ta có thể dựa vào *mô hình Ausubel* về việc "liên kết" giữa các kiến thức đã học và đang học để đưa ra một sơ đồ cho việc tích hợp kiến thức về các môn khoa học trong dạy học Lịch sử như sau:

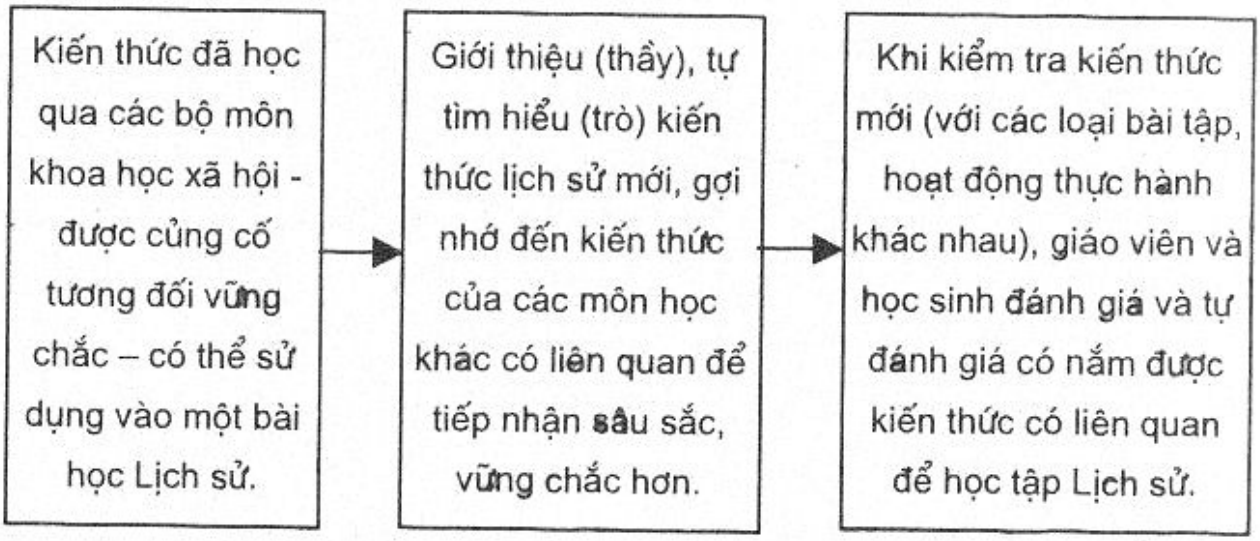

Việc tích hợp kiến thức các môn học khác trong dạy học lịch sử đòi hỏi học sinh tự mình đánh giá qua "Sơ đồ nhận thức" sau đây:

Những kiến thức nào có liên quan đến bài mà phải biết?	Đã biết như thế nào?	Kết quả sử dụng trong giờ học Lịch sử như thế nào?

Tự kiểm tra theo sơ đồ này, học sinh sẽ đánh giá được kết quả học tập và hướng phấn đấu tiếp theo.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC QUA MỘT GIỜ HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Đào Hữu Hậu*

Đổi mới dạy học (về nội dung, về phương pháp) nói chung, dạy học Lịch sử nói riêng, là yêu cầu cấp thiết của việc nâng cao chất lượng giáo dục theo mục tiêu đào tạo thế hệ trẻ ngày nay. Về cơ bản vấn đề này được giải quyết về mặt lý luận cũng như thực tiễn của trường phổ thông.

Chuyên đề thứ nhất của sách đã phản ánh các thành tựu nghiên cứu trong lĩnh vực này. Chúng tôi nêu một số kinh nghiệm để góp phần minh hoạ.

Đổi mới phương pháp dạy học lịch sử không có nghĩa là xoá bỏ, phủ nhận các phương pháp giáo dục truyền thống đã đúc kết từ kinh nghiệm thực tiễn và nâng lên thành nguyên tắc sư phạm. Tuy nhiên, lý luận thường không phản ánh kịp sự chuyển biến mau lẹ của thực tiễn; cho nên, việc đổi mới phương pháp phải gắn liền với đổi mới nội dung dạy học, theo mục tiêu được xác định và được tiến hành trên cơ sở tiếp nhận, phát triển những thành tựu đã đạt, nhằm đáp ứng yêu cầu mới đặt ra. Thông thường việc đổi mới về phương pháp chậm hơn sự đổi mới về nội dung và đòi hỏi sự nỗ lực của mỗi một giáo viên. Hệ thống phương pháp dạy học đã được xây dựng và thực hiện vẫn còn giá trị, đó là cơ sở cho việc đổi mới theo hướng "tích cực hoá việc dạy và học". Điều này có nghĩa

---

* Sở Giáo dục - Đào tạo Bắc Ninh.

là giáo viên phải hướng dẫn học sinh biết tự học, tự giải quyết các vấn đề được đặt ra, nhằm nắm vững kiến thức cần nắm vững.

Quán triệt quan điểm tư tưởng - *tích cực hoá việc dạy học* – khi đổi mới phương pháp trong từng bài cụ thể, cần thực hiện yêu cầu, được mô hình hoá sau đây:

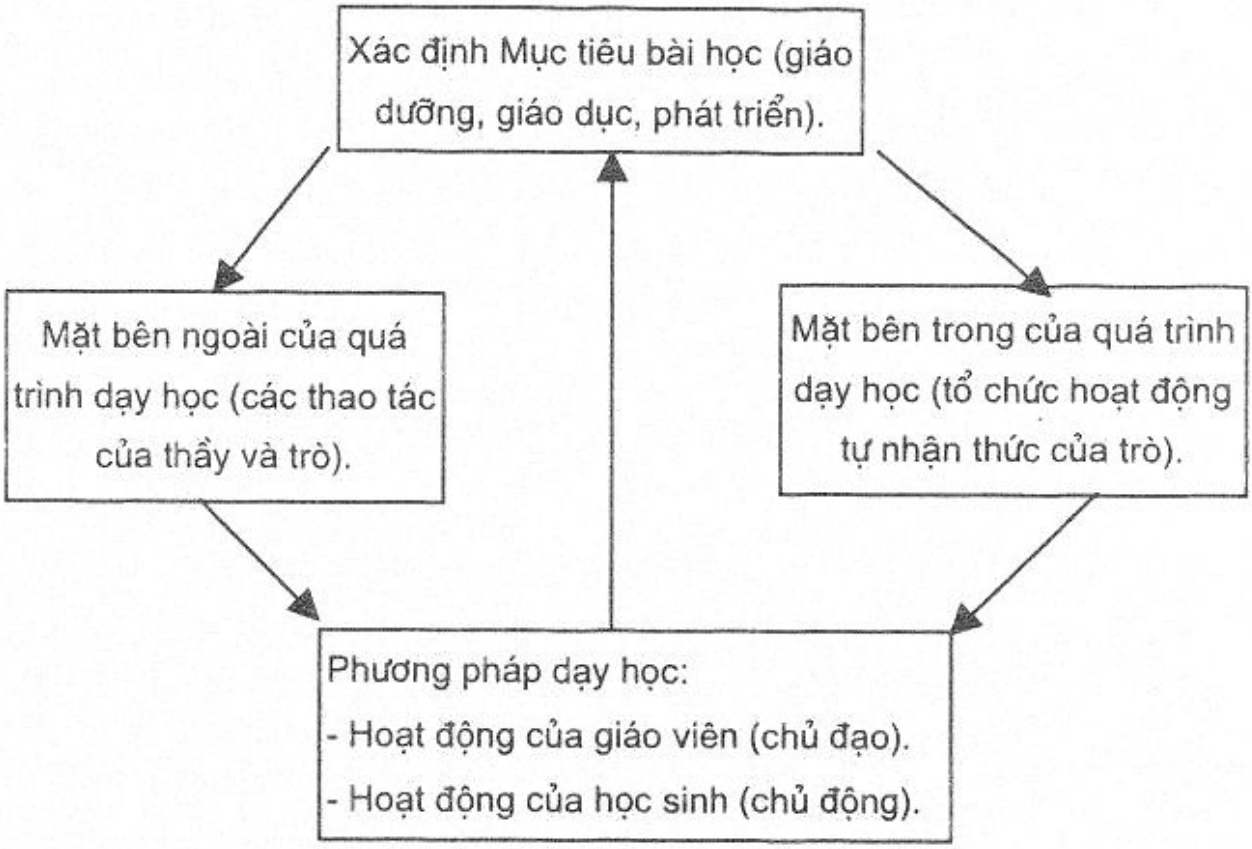

Qua đó, chúng ta nhận thấy rằng, trong mỗi giờ học, cần:

- Xác định mục tiêu (những yêu cầu phải đạt một cách toàn diện, phù hợp với trình độ và yêu cầu học tập của học sinh).

- Phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh.

- Bồi dưỡng cho học sinh phương pháp tự học.

- Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Tác động đến tình cảm, tư tưởng, bồi dưỡng niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh...

Từ nhận thức trên, chúng ta so sánh việc chuẩn bị và tiến hành một bài học lịch sử theo lối cũ và được đổi mới để khắc phục những thiếu sót thường gặp:

Bài học Lịch sử theo lối cũ	Bài học đổi mới
1. Xác định Mục tiêu:	
- Mục tiêu giảng dạy của giáo viên là chủ yếu. - Mục tiêu học tập được đặt ra về mặt kiến thức là chính (chỉ đòi hỏi học sinh nắm các kiến thức "chuẩn" mà không chú ý đến việc làm cho các em hiểu và biết vận dụng.	- Mục tiêu học tập của học sinh được xác định là chủ yếu, một cách toàn diện về giáo dưỡng, giáo dục và phát triển. - Những yêu cầu đối với giáo viên để đạt được mục tiêu học tập của học sinh, là thầy phải tổ chức, hướng dẫn học sinh thế nào để các em học tốt.
2. Chuẩn bị bài học	
- Chủ yếu bài học được tóm tắt các kiến thức và sự kiện theo sách giáo khoa. - Không chú trọng nhiều các phương tiện dạy học. - Hoạt động dạy của thầy chi phối hoạt động học của trò. Chuẩn bị thông tin kiến thức theo hướng thầy → trò	- Thầy và trò cùng chuẩn bị bài học theo sự gợi ý, hướng dẫn của thầy. - Chuẩn bị các phương tiện dạy học, chú ý sử dụng các đồ dùng trực quan được cung cấp và tự tạo. - Hoạt động học của trò là mục tiêu mà hoạt động dạy của thầy phải đạt được Chuẩn bị thông tin kiến thức và rèn luyện phương pháp theo hướng: Thầy ⇄ Trò Trò ⇄ Trò
3. Trên lớp	

- Hoạt động của thầy là chủ yếu: Thầy giảng, trò thụ động nghe và ghi chép. - Thầy không đặt tình huống có vấn đề. - Không đề ra yêu cầu học tập của học sinh ở nhà.	- Hoạt động của trò là chính: Các em hoạt động theo nhóm, chủ động trong việc nghe, ghi chép, suy nghĩ. - Dạy học đặt và giải quyết vấn đề. - Giáo viên không chỉ tổ chức, hướng dẫn các hoạt động của học sinh trên lớp mà cả ở nhà.
4. Ở nhà	
- Học sinh học thuộc điều cần nhớ để đối phó kiểm tra kết quả học tập. - Không làm bài tập, thực hành.	- Tự làm việc theo sách giáo khoa và dặn dò của thầy. - Hoàn thành các loại bài tập. - Chuẩn bị tiếp thu bài mới.

Rõ ràng, việc chuẩn bị và tiến hành một bài học lịch sử theo lối cũ chỉ giới hạn ở giờ lên lớp và giáo viên làm việc là chủ yếu (theo một giáo án đã soạn và thực hiện trong nhiều năm). Do đó, kết quả học tập của học sinh không cao vì thiếu hứng thú, không chủ động, thông minh, sáng tạo; việc đánh giá của thầy không thật chính xác, chỉ xem xét học sinh có nhớ sự kiện hay không, chứ không kiểm tra năng lực hiểu và thực hành của học sinh.

Từ tình hình trên, chúng tôi đề xuất *thiết kế một bài học Lịch sử ở trường phổ thông:*

1. *Xác định mục tiêu bài học* một cách cụ thể, phù hợp với mục tiêu môn học, trên cơ sở nội dung học tập.

2. *Chuẩn bị giờ học* theo định hướng tự nhận thức của học sinh.

Đây không phải là việc chuẩn bị của thầy mà của cả học sinh, để tiến hành bài học có hiệu quả, không chỉ có giáo án mà cả đồ dùng dạy học, những công việc mà học sinh phải làm để sẵn sàng tiếp thu bài mới.

Chuẩn bị tốt giờ học trong mỗi năm học, sát hợp với tình hình, yêu cầu, chứ không phải sử dụng một giáo án "vĩnh cửu"

3. Tiến hành bài học trên lớp:

Dưới sự hướng dẫn, chỉ đạo của giáo viên, học sinh phải "làm việc" trong giờ học theo nhiều hình thức khác nhau: tự nghiên cứu tại chỗ phần bài học, trao đổi nhóm, tiến hành trao đổi.... Để dạy và học tích cực, giáo viên thực hiện "sơ đồ Đairi"

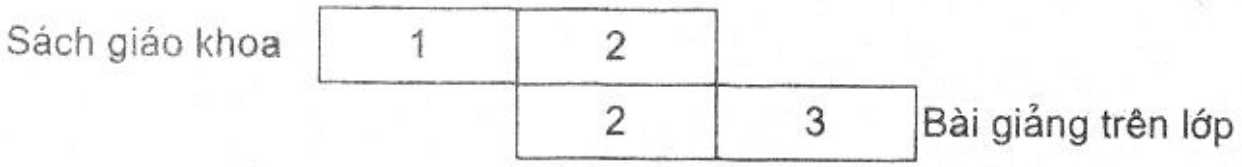

Con số (1) chỉ phần nội dung sách giáo khoa mà học sinh tự học, vì phần này không khó hay không quan trọng.

Con số (2) là phần cơ bản của sách giáo khoa cũng là của bài giảng mà giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp thu.

Con số (3) là phần không có trong sách giáo khoa, giáo viên và học sinh tìm hiểu, bổ sung cho bài học phong phú[1].

"Sơ đồ Đairi" không chỉ tiết kiệm thời gian dạy học trên lớp mà chủ yếu tích cực hoá việc dạy và học lịch sử để học sinh hiểu sâu hơn.

4. Hoàn thiện bài học bằng việc củng cố kiến thức học sinh đã thu nhận trên lớp, gợi ý, hướng dẫn học sinh tiếp tục

---

[1] Xem Phan Ngọc Liên và Trần Văn Trị (chủ biên): *Phương pháp dạy học Lịch sử*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2000, trl. 152.

giải quyết các vấn đề của bài học. Đồng thời, giáo viên giúp học sinh tự kiểm tra, đánh giá, bổ sung hoàn chỉnh bài học, tự học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Có thể tóm tắt việc *"Tổ chức giờ học thông qua việc đổi mới phương pháp dạy học"* trong một sơ đồ kèm theo. Sơ đồ giới hạn ở việc cung cấp kiến thức mới, chứ chưa đề cập đến việc kiểm tra, đánh giá kết quả của bài học cũ, vừa củng cố kiến thức vừa học và hướng dẫn sử dụng kiến thức vàothực tế.

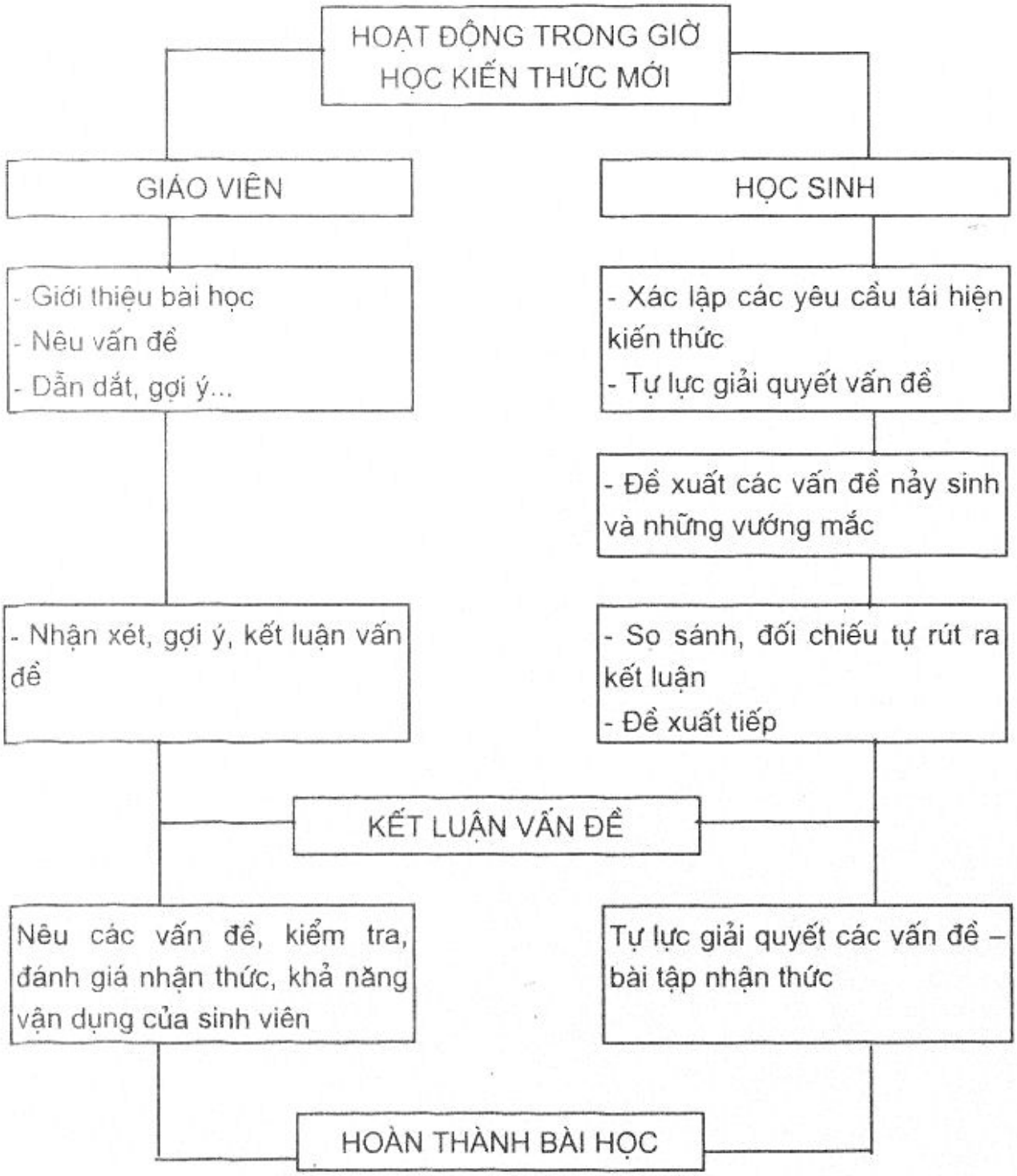

Đổi mới phương pháp dạy học lịch sử được thể hiện cụ thể ở một giờ học trên lớp – khâu quan trọng của quá trình hoạt động dạy và học ở trường phổ thông. Việc đổi mới phương pháp gắn liền với tích cực hoá việc dạy và học, phát huy, nâng cao những kinh nghiệm, thành tựu lý luận đã đạt. Điều này sẽ đảm bảo chất lượng giáo dục bộ môn.

Chuyên đề II

CHUẨN BỊ VÀ TIẾN HÀNH BÀI HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Phương pháp dạy học quán triệt mục tiêu giáo dục, thể hiện ở mục đích – yêu cầu từng bài học, dựa trên nội dung của bài, vừa bám sát chương trình, sách giáo khoa, vừa bổ sung các thành tựu khoa học mới. Bài học được tiến hành với nhiều hình thức khác nhau, với phương pháp phù hợp nội dung từng loại bài, từng vấn đề cụ thể...

Chuyên đề này giúp sinh viên, giáo viên củng cố nhận thức về vai trò, các loại hình, phương pháp chuẩn bị và tiến hành các bài học Lịch sử ở trường phổ thông và tiến hành có kết quả với các hình thức khác nhau.

Bài "*Bài học lịch sử ở trường phổ thông*" là tài liệu nghiên cứu chính cùng với bảy bài tiếp theo để nắm vững chủ đề.

BÀI HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

*PGS. TS Nguyễn Thị Côi**

I. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG

1. Bài học lịch sử là gì?

Lý luận và thực tiễn dạy học chỉ rõ rằng, ở trường phổ thông có nhiều hình thức tổ chức dạy học. Chúng khác nhau chủ yếu tuỳ theo mối quan hệ giữa việc dạy học có tính chất tập thể hay cá nhân, mức độ hoạt động độc lập của học sinh và phương thức lãnh đạo của giáo viên đối với hoạt động học tập, địa điểm và thời gian học tập.

Trong các hình thức tổ chức dạy học, như bài giảng, xêmina, tham quan học tập, hoạt động ngoài lớp thì lên lớp là hình thức tổ chức dạy học cơ bản, song không phải là duy nhất. Đây là hoạt động được tiến hành chung cho lớp, gồm một số học sinh nhất định, phù hợp với khả năng của giáo viên. Hoạt động dạy học tiến hành theo tiết học, trong đó giáo viên trực tiếp tổ chức, điều khiển, lãnh đạo hoạt động nhận thức của học sinh cả lớp, đồng thời cũng chú ý tới các đặc điểm riêng của từng học sinh.

Bài học có nhiều loại khác nhau, có thể được tiến hành ở lớp học, tại thực địa hoặc nhà bảo tàng...

---

* Khoa Lịch sử, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Bài học lịch sử là một khâu trong quá trình dạy học, có nhiệm vụ thực hiện một phần chương trình và sách giáo khoa, góp phần từng bước hoàn thành mục tiêu môn học, cấp học và khoá trình, thực hiện tốt quá trình thống nhất giữa dạy và học một cách tích cực.

Trong quá trình này, giáo viên tổ chức dạy học, cung cấp kiến thức cơ bản, hướng dẫn giáo dục và phát triển tư duy của học sinh. Học sinh chủ động lĩnh hội kiến thức, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, rèn luyện kỹ năng thực hành.

Có hai loại tri thức cần cung cấp cho học sinh trong giờ học Lịch sử. *Thứ nhất* là củng cố, bổ sung, hoàn thiện những kiến thức đã tiếp nhận để làm cơ sở cho học sinh lĩnh hội kiến thức mới. *Thứ hai* là cung cấp kiến thức mới. Đối với loại kiến thức này, giáo viên trình bày trên lớp hoặc hướng dẫn học sinh tự tìm kiếm (qua sách giáo khoa và tài liệu tham khảo). Đồng thời trong bài học lịch sử, giáo viên cần phải hướng dẫn học sinh nhận thức bản chất lịch sử, có thái độ, tình cảm đúng đối với các sự kiện lịch sử.

Khi tiến hành bài học lịch sử, giáo viên phải phát triển các năng lực nhận thức độc lập để học sinh biết tự tìm tri thức, biết rút ra những kết luận cần thiết và rèn luyện cho các em khả năng thực hành, như vận dụng kiến thức đã học để tiếp thu kiến thức mới, liên hệ bài học với thực tế cuộc sống. Đó là "tích cực hoá" việc học tập của học sinh.

2. Cấu trúc của bài học lịch sử

Trong thực tế giảng dạy, nhiều giáo viên có kinh nghiệm và các nhà giáo dục lịch sử, khi đi sâu nghiên cứu hiệu quả bài học, đặc biệt chú ý tới vấn đề tổ chức hoạt động tư duy độc lập của học sinh và khẳng định rằng, cấu trúc của bài

học có thể và cần phải đa dạng, phong phú. Cấu trúc của một bài học tốt thể hiện ở việc vận dụng sáng tạo các quy luật dạy học và điều kiện cụ thể của quá trình giáo dục ở trường, lớp. Việc thực hiện cấu trúc sẽ giúp hoàn thành tốt kế hoạch sư phạm của thầy giáo. Sự linh hoạt trong cấu trúc bài học, sự sáng tạo của giáo viên và việc tránh công thức rập khuôn khi soạn bài là những yếu tố góp phần vào thành công của bài học, bên cạnh việc cải tiến, nâng cao nội dung và phương pháp dạy học để hướng dẫn học sinh "tự làm việc" độc lập. Ví dụ, có thể thay đổi trình tự các bước lên lớp hoặc thực hiện xen kẽ lẫn nhau... Kiểm tra bài cũ kết hợp với dẫn dắt vào bài mới hay khi giảng bài mới. Khi dạy học bài "*Cách mạng tư sản Pháp 1789*" ở lớp 10, giáo viên có thể kết hợp kiểm tra bài cũ "*Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ và sự thành lập Hợp chủng quốc châu Mỹ*" với dẫn dắt vào bài mới rồi đặt câu hỏi nêu vấn đề.

Việc củng cố kiến thức đang học có thể tiến hành trong quá trình nghiên cứu bài mới hoặc cuối tiết học, để tiếp thu kiến thức mới. Ví dụ, ở bài "*Xã hội nguyên thuỷ*", lớp 10, sau mỗi mục lại phải củng cố ngay kiến thức về "người thượng cổ", "bầy người nguyên thuỷ", "người tinh khôn", "thị tộc"... để kiến thức trước làm nền cho hiểu biết kiến thức sau.

Cấu trúc bài học lịch sử (nghiên cứu kiến thức mới) với những hoạt động của thầy và trò như sau:

- *Đặt mục đích học tập trước học sinh*, khi chuẩn bị cho các em nghiên cứu kiến thức mới. Công việc này có tác dụng thu hút chú ý, huy động những kiến thức đã có của học sinh và kích thích hoạt động trí tuệ, hứng thú của các em đối với vấn đề sẽ nghiên cứu, tránh việc áp đặt trong nhận thức.

Đồng thời, công việc này còn có ý nghĩa định hướng cho học sinh những nội dung chính cần nắm khi nghiên cứu bài mới. Thực hiện khâu này, giáo viên kết hợp việc chuẩn bị nghiên cứu bài mới với kiểm tra kiến thức cũ. Phương tiện hiệu quả nhất của việc đặt mục đích học tập trước khi nghiên cứu bài mới là tạo tình huống có vấn đề và nêu bài tập nhận thức. Ví dụ, khi dạy học bài "*Công xã Pari*" ở lớp 11 Trung học phổ thông, giáo viên có thể đặt ra mục đích học tập bằng cách tổ chức, trao đổi, mở đề các vấn đề cơ bản của các cuộc Cách mạng tư sản Anh (1640), Pháp (1789): mục đích, lãnh đạo, lực lượng, kết quả, từ đó tạo ra sự xung đột về mặt kiến thức của học sinh, rồi nêu câu hỏi: "Dựa vào những vấn đề cơ bản này, các em nghiên cứu bài mới để tìm hiểu xem cuộc Khởi nghĩa 18-3-1871 ở Pari có gì khác với Cách mạng 1789 để xác định đây là cách mạng vô sản?; "Tổ chức nhà nước và chính sách của Công xã Pari khác gì với chính quyền tư sản mà gọi là nhà nước kiểu mới?".

- *Tổ chức học sinh giải quyết nhiệm vụ nhận thức* trong quá trình nghiên cứu kiến thức mới. Mối quan hệ giữa hoạt động của thầy và trò ở đây được thể hiện qua việc giáo viên đưa ra câu hỏi gợi mở (mang nội dung tìm kiếm từng phần, phân tích đánh giá...), nêu phương pháp tiếp nhận thông tin kiến thức để giúp học sinh tìm ý trả lời và tổ chức học sinh trao đổi, rút kết luận.

- *Tổ chức kiểm tra hoạt động nhận thức của học sinh* để xem xét mức độ lĩnh hội tài liệu nghiên cứu, trình độ hiểu biết kiến thức, kết quả nhận thức độc lập của học sinh qua bài học. Ví dụ, sau khi dạy xong bài "*Công xã Pari*", dựa vào hai bài tập đã nêu ở đầu giờ học, giáo viên có thể kiểm tra hoạt động nhận thức của học sinh bằng các câu hỏi: "Dẫn ra

các sự kiện chứng tỏ Khởi nghĩa 18-3-1871 là cuộc cách mạng vô sản?"; "Những sự kiện nào chứng tỏ Công xã Pari là nhà nước kiểu mới?", hoặc giáo viên có thể kết hợp ra câu hỏi trắc nghiệm khách quan để kiểm tra.

- *Tiếp tục hoàn thiện việc hình thành kiến thức, tác dụng giáo dục và phát triển học sinh qua các dạng bài tập về nhà* (câu hỏi tổng hợp, rèn luyện kỹ năng thực hành bộ môn, trắc nghiệm khách quan...).

Trình tự các công việc trên được sắp xếp theo nội dung, điều kiện cụ thể của việc dạy học, sự sáng tạo của giáo viên, nhiệm vụ giáo dục, mục đích, loại bài... hoàn toàn không rập khuôn, cứng nhắc.

3. Những yêu cầu đối với một bài học lịch sử

Để giúp học sinh có thể lĩnh hội tốt kiến thức mới ngay tại lớp, bài học lịch sử cần bảo đảm những yêu cầu chủ yếu sau:

- Xác định nội dung cơ bản của bài học, theo mục đích chung mà chương trình quy định cho tất cả học sinh, để các em có thể nắm vững nội dung chính ngay tại lớp một cách chủ động.

- Bảo đảm tính toàn diện của nội dung bài học lịch sử: Nội dung bài học phải phản ánh trình độ phát triển của sử học hiện nay, nhiệm vụ giáo dục thế hệ trẻ, quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối của Đảng và Nhà nước; thông báo, trình bày những sự kiện lịch sử chính xác, cụ thể, rõ ràng, có hình ảnh nhằm tái tạo quá khứ để tạo biểu tượng và khơi dậy những cảm xúc sâu sắc về lịch sử, nhận thức đúng bản chất, hình thành khái niệm lịch sử, rút ra quy luật...

- Bảo đảm tính toàn diện của kế hoạch sư phạm: Xác định rõ mục đích của bài học (thống nhất giữa giáo dưỡng, giáo dục và phát triển) để hình thành kiến thức, thế giới quan khoa học, giáo dục đạo đức, thẩm mỹ và phát triển toàn diện cho học sinh trong học tập và hoạt động thực tiễn.

- Tổ chức tốt hoạt động nhận thức, phát huy tính tích cực độc lập của học sinh để tiếp thu kiến thức mới, vận dụng được kiến thức đó vào cuộc sống thực tiễn.

- Lựa chọn đúng, hợp lý các nguồn kiến thức, các phương tiện và phương pháp dạy học đối với từng phần của bài học.

- Thực hiện có hiệu quả việc giáo dục tư tưởng, chính trị, thế giới quan.

4. Các loại bài học lịch sử và hoạt động nhận thức độc lập, tích cực của học sinh trong các bài nội khoá

Trong giáo dục học và lý luận dạy học bộ môn hiện còn có những ý kiến khác nhau về phân loại bài học. Theo quan niệm về vị trí, cấu trúc, yêu cầu của bài học, chúng tôi chia ra các loại bài:

- Bài cung cấp kiến thức mới (nghiên cứu kiến thức mới).

- Bài ôn tập, sơ kết, tổng kết.

- Bài kiểm tra.

- Bài học hỗn hợp.

Trong quá trình học tập (hoạt động nhận thức), sự nỗ lực, độc lập của học sinh, dưới sự hướng dẫn, tổ chức của giáo viên có ý nghĩa quan trọng. Tính tích cực tư duy của học sinh là yếu tố quan trọng bậc nhất để hình thành kiến thức và vận dụng kiến thức. Do đó, việc dạy và học tích cực trong dạy học lịch sử thực chất là phát triển tối ưu hoạt động nhận

thức độc lập của học sinh, trong đó chủ yếu là tư duy độc lập và kỹ năng thực hành bộ môn. Với quan niệm như vậy, hoạt động nhận thức độc lập, tích cực của học sinh được thể hiện trong các bài lịch sử như sau:

Bài cung cấp kiến thức mới (nghiên cứu kiến thức mới) có nhiệm vụ làm giàu thêm những kiến thức, kỹ năng, cảm xúc, tư duy lịch sử theo quy định của chương trình. Nội dung và phương pháp của bài học đều phục vụ cho mục đích này. Khi tiến hành bài nghiên cứu kiến thức mới cần sử dụng các phương pháp dạy học nhằm tăng cường hoạt động nhận thức độc lập của học sinh. Chủ yếu có mấy việc quan trọng sau đây:

- *Tái hiện kiến thức cũ, làm cơ sở để hiểu kiến thức mới.* Ví như, học sinh nhớ lại kiến thức của bài Cách mạng tư sản Pháp 1789 để đánh giá tính chất của cuộc vận động thống nhất ở Đức và Italia.

- *Dưới sự hướng dẫn của thầy, học sinh tìm kiếm, phát hiện các sự kiện lịch sử trong sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, trong cuộc sống (nếu các em biết) để giải quyết các nhiệm vụ nhận thức.* Ví dụ, để chứng minh được Cách mạng Pháp 1789 là cuộc cách mạng dân chủ tư sản điển hình, giáo viên yêu cầu học sinh theo dõi phần trình bày của thầy và hướng dẫn các em nghiên cứu sách giáo khoa, liên hệ với các cuộc cách mạng tư sản khác đã học để tìm ra những sự kiện, trả lời được vấn đề này.

- *Trên cơ sở những dữ kiện được cung cấp hoặc tìm thấy trong sách giáo khoa hay tài liệu tham khảo..., học sinh tự đánh giá và rút ra những kết luận cần thiết.* Ví dụ, dựa vào các dữ kiện giáo viên trình bày tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng và kiến thức học sinh tự tìm thấy trong sách

giáo khoa khi nghiên cứu về "nước Pháp trước 1789", học sinh tự đánh giá, nhận xét về vấn đề này và rút ra nguyên nhân sâu xa dẫn tới cách mạng bùng nổ.

- *Tích cực phát biểu ý kiến, trao đổi những vấn đề mà giáo viên đưa ra* để kiểm tra, bổ sung, hiểu đúng, hiểu sâu hơn vấn đề và rèn luyện ngôn ngữ, kỹ năng trình bày.

Bài ôn tập, sơ kết, tổng kết *được sử dụng khi hoàn thành việc nghiên cứu một giai đoạn, một thời kỳ, một khoá trình hay các vấn đề lịch sử của chương trình,* nhằm củng cố, tổng hợp, khái quát kiến thức, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo cho học sinh. Hoạt động nhận thức độc lập của học sinh thể hiện qua các công việc sau:

- Tái hiện những kiến thức đã học trên cơ sở gợi mở của giáo viên.

- Tổng hợp, khái quát hoá các kiến thức đã nhớ lại.

- Biết giải thích để hiểu sâu sắc hơn những khái niệm lịch sử phức tạp đã được hình thành nhằm nâng cao trình độ lý thuyết khi hiểu các hiện tượng của cuộc sống xã hội.

Ví như, khi tổng kết phần "*Lịch sử Việt Nam từ 1919 đến 1991*", học sinh phải nhớ lại các kiến thức đã học theo từng giai đoạn, để hiểu một cách toàn diện, sâu sắc về đặc điểm tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam, rút ra những kết luận khái quát về nguyên nhân thắng lợi, bài học lịch sử cho giai đoạn tiếp và hiểu sâu sắc hơn các vấn đề có tính lý thuyết về chiến lược, sách lược cách mạng, về chỉ đạo chiến lược...

Bài kiểm tra, đánh giá nhằm xem xét kết quả lĩnh hội kiến thức của học sinh, hoàn thiện tri thức, hình thành thế giới quan, phát triển tư duy, ngôn ngữ và giáo dục lòng yêu

tạo động, học tập cho học sinh. Trong kiểm tra cơ bản[1] có hai hình thức kiểm tra: miệng và viết, theo các yêu cầu sau:

- Tích cực, độc lập suy nghĩ để hiểu đúng yêu cầu của câu hỏi ra và lập dàn ý sơ lược.

- Nêu lại những kiến thức cơ bản đã học, phù hợp với nội dung vấn đề nêu ra.

- Lựa chọn các sự kiện phù hợp để trả lời câu hỏi được đặt ra.

- Lựa chọn ngôn ngữ nói (kiểm tra miệng) hoặc viết (kiểm tra viết) để diễn đạt rõ ràng, đầy đủ nội dung cần trình bày.

Ví dụ, để trả lời được câu hỏi "Tại sao nói cuộc vận động thống nhất Đức là cuộc cách mạng tư sản?", học sinh phải suy nghĩ để hiểu rõ yêu cầu cần trả lời là tính chất tư sản của cuộc vận động thống nhất. Muốn đạt được yêu cầu trên, học sinh cần chọn những sự kiện phù hợp trên cơ sở những kiến thức đã học về hoàn cảnh, diễn biến và kết quả rồi diễn đạt rõ ràng bằng nói hoặc viết.

Bài học hỗn hợp gồm hai hoặc ba khâu của quá trình dạy học, kiểm tra kiến thức, nghiên cứu kiến thức mới, củng cố, ôn tập, trong đó nghiên cứu kiến thức mới chiếm phần lớn thời gian của bài học. Hoạt động nhận thức độc lập của học sinh là sự tổng hợp các công việc đã nói ở các loại bài trên.

5. Chuẩn bị và tiến hành bài học lịch sử

Trên cơ sở những nguyên tắc và phương pháp chung, mỗi loại bài học lại có những nét riêng. Ở đây, chúng tôi chủ yếu đi sâu vào loại bài học cung cấp kiến thức mới.

---

[1] Chúng tôi chia hoạt động kiểm tra, đánh giá ra 2 loại: kiểm tra cơ bản và ngoài giờ học.

a. Nguyên tắc soạn bài

Chuẩn bị tốt giáo án là điều kiện đầu tiên bảo đảm cho hiệu quả bài học. Thế nào là một giáo án? Một số giáo viên trẻ, mới ra trường, trong thực tế đã biến giáo án thành bản tóm tắt nội dung sách giáo khoa phổ thông, làm cho học sinh không hứng thú, không thu nhận được điều gì bổ ích trong giờ học. Ngược lại, có tình trạng thoát ly nội dung sách giáo khoa, để "cháy giáo án", tức là giáo viên trình bày những vấn đề không phù hợp với trình độ, yêu cầu học tập của học sinh, sa vào những chi tiết không cơ bản, khêu gợi sự tò mò, hiếu kỳ không cần thiết, làm loãng nội dung, trọng tâm bài giảng. Có giáo viên lại quan niệm giáo án như là cái gì không thay đổi, chỉ cần soạn một lần có thể sử dụng cho nhiều năm học, hàng năm không kịp thời điều chỉnh, bổ sung về nội dung và phương pháp. Các nhà nghiên cứu giáo dục đã xác định giáo án là "*bản kế hoạch của một tiết lên lớp, trong đó nêu rõ các bước chủ yếu trong công việc của thầy giáo và học sinh ở trên lớp; đồng thời cũng nêu một cách vắn tắt nội dung và phương pháp của công việc đó nhằm đạt được mục đích cụ thể và rõ ràng mà thầy giáo xác định trước theo yêu cầu của chương trình học*". Cần nói thêm rằng, giáo án phải quy định rõ việc dạy và học tích cực, tránh việc thầy thuyết trình giảng giải, học sinh thụ động ghi chép mà không hoạt động nhận thức.

Để soạn giáo án tốt, giáo viên cần tiến hành các công việc có tính nguyên tắc sau:

Trước hết, cần xác định loại bài và vị trí của bài trong khoá trình để có nội dung và phương pháp dạy học phù hợp.

Ví dụ, khi soạn bài "*Cách mạng tư sản Pháp 1789*" ở lớp 10, giáo viên phải xác định rõ loại bài và vị trí của bài trong khoá trình lịch sử lớp 10. Đây là bài trình bày và tiếp nhận

kiến thức mới. Trong trào lưu cách mạng tư sản thời kỳ đầu của lịch sử cận đại, năm 1789, một cuộc cách mạng tư sản đã nổ ra ở Pháp mà Lênin gọi là cuộc "Đại cách mạng". Đứng trước áp lực của quần chúng, cách mạng đã tiến đến đỉnh cao của nó là nền chuyên chính dân chủ cách mạng Giacôbanh, đã hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ của một cuộc cách mạng tư sản và dân chủ. Nó đã mở ra thời kỳ thắng lợi và củng cố chủ nghĩa tư bản ở các nước tiên tiến châu Âu, châu Mỹ. Nó thức tỉnh các lực lượng dân chủ và tiến bộ đứng lên chống phong kiến chuyên chế, chống chế độ thực dân. Như vậy, bài này có một vị trí quan trọng giúp học sinh hiểu sâu hơn khái niệm "cách mạng tư sản", "cách mạng dân chủ tư sản"; hiểu sâu sắc vai trò của quần chúng nhân dân trong cuộc cách mạng này.

Thứ hai, phải xác định rõ *mục tiêu* của bài học. Nội dung, mức độ bài học gồm các yếu tố: *giáo dưỡng, giáo dục và phát triển.*

Về nhiệm vụ giáo dưỡng, giáo viên phải nghiên cứu nội dung bài viết trong sách giáo khoa, hướng dẫn của sách giáo viên để tìm ra nội dung chính của bài học, những sự kiện cơ bản, mức độ trình bày, phương pháp truyền thụ thích hợp để làm sáng tỏ nội dung chính đã chọn.

Để xác định nhiệm vụ giáo dục của bài, giáo viên cần căn cứ vào nhiệm vụ giáo dục chung của khoá trình và nội dung cụ thể của bài. Ví như, khi dạy học khoá trình lịch sử dân tộc, cần thiết giáo dục cho học sinh lòng yêu nước, song ở mỗi bài lại giáo dục cho học sinh một khía cạnh nào đó của lòng yêu nước tuỳ vào nội dung cụ thể, chứ không phải bài nào cũng nói chung chung "dân tộc ta rất yêu nước".

Muốn xác định nhiệm vụ phát triển, giáo viên nên dựa vào danh mục những kỹ năng quy định trong chương trình lịch sử mỗi lớp, đặc điểm trình độ học sinh, khả năng của nội dung bài học mà xác định cụ thể.

Tổng hợp các yêu cầu trên, chúng ta xác định một cách cụ thể mục đích bài học.

Ví dụ, đối với tiết 1 của bài "*Cách mạng tư sản Pháp 1789*", cần làm nổi bật hai ý cơ bản: *nguyên nhân sâu xa làm bùng nổ cách mạng, cách mạng nổ ra và thắng lợi*. Vì vậy, mục đích của tiết này là cho học sinh nắm được: Cuối thế kỷ XVIII, ở Pháp, mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa đã nảy sinh và phát triển trong lòng xã hội phong kiến, song chế độ phong kiến lạc hậu đã kìm hãm sự phát triển của nó. Mâu thuẫn thể hiện rõ trong chế độ chính trị, xã hội nước Pháp. Chế độ đẳng cấp bất công làm cho mâu thuẫn xã hội giữa đẳng cấp thứ ba với chế độ phong kiến chuyên chế thống trị trở nên sâu sắc, đòi hỏi phá bỏ chế độ ấy. Cách mạng bùng nổ và thắng lợi bước đầu, chế độ quân chủ lập hiến tiến bộ hơn chế độ chuyên chế, đã ra đời. Trên cơ sở đó, giáo dục cho học sinh lòng căm thù sự bất công, kính trọng quần chúng cách mạng.

Thứ ba, xây dựng đề cương và viết giáo án bài giảng. Căn cứ vào nội dung chính của bài (đã xác định), thời gian của tiết học, giáo viên xác định khối lượng thông tin học sinh cần nắm, mức độ lĩnh hội các thông tin này (những sự kiện cần đi sâu, sự kiện đi lướt và những sự kiện hướng dẫn học sinh về nhà đọc), các phương tiện học tập (tài liệu tham khảo, đồ dùng trực quan...). Trở lại ví dụ khi soạn bài "*Cách mạng tư sản Pháp 1789*" ở lớp 10, ta thấy, ở tiết một, giáo viên cần giảng cả ba mục trong sách giáo khoa, nhưng đi vào một số

trọng điểm. Trình bày ngắn gọn phần kinh tế, tư tưởng ở mục 1 và giành thời gian đi sâu vào phần chính trị, xã hội. Mục 2 dành ít thời gian hơn mục 3, song cần phải tường thuật ngắn gọn, sinh động sự kiện 14-7-1789. Ở tiết hai, cần dành nhiều thời gian cho mục 4 "Đỉnh cao của cách mạng". Trong đó phải đi sâu vào các sự kiện thúc đẩy cách mạng lên tới đỉnh cao, việc thực hiện các nhiệm vụ dân tộc, dân chủ (chính sách) của nền chuyên chính dân chủ cách mạng Giacôbanh. Ở mục 5 "Thoái trào của cách mạng", giáo viên nói lướt qua và hướng dẫn học sinh về nhà đọc. Ở mục 6, cần đi sâu giúp học sinh hiểu rõ tính chất, ý nghĩa của cách mạng Pháp, song thời gian dành ít hơn mục 4, vì khối lượng kiến thức ít hơn. Để có kiến thức phân tích sâu những phần quan trọng, tư liệu để tường thuật, miêu tả..., giáo viên nên tham khảo một số tài liệu cần thiết[1]. Về đồ dùng trực quan, giáo viên tìm hiểu kỹ nội dung bức tranh đả kích "Tình cảnh người nông dân Pháp trước cách mạng", chuẩn bị sơ đồ diễn tả về chế độ đẳng cấp ở Pháp, sơ đồ về tổ chức chính quyền chuyên chính Giacôbanh, bản đồ bảo vệ nước Pháp cách mạng chống liên minh phong kiến do Anh cầm đầu.

Nội dung bài soạn cần tránh lối dạy học nhồi nhét kiến thức, kiểu cổ động giáo dục bằng những "khẩu hiệu chính

---

[1] Xem:

- *Lịch sử thế giới cận đại, T1, phần II.* Tủ sách ĐHSP, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1978.

- *Thế giới cận đại, tập I.* Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1970, tr. 52, 58.

- A. Manfrêt: *Đại cách mạng Pháp 1789.* Nxb Khoa học, Hà Nội, 1965.

- Trần Văn Trị: *Cách mạng Pháp 1789.* Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1989

trị", không xuất phát từ sự kiện lịch sử cụ thể, mà phải thể hiện được các hoạt động lãnh đạo, điều khiển, tổ chức của giáo viên, trên cơ sở lấy học sinh làm trung tâm trong quá trình dạy học. Muốn vậy, khi xác định cách tổ chức công việc của giáo viên và học sinh, phải kết hợp việc truyền thụ kiến thức có sẵn với hoạt động độc lập của các em. Lĩnh hội kiến thức và phát triển năng lực nhận thức là hai mặt khăng khít với nhau của một quá trình.

Giáo án của một bài học lịch sử thường bao gồm các phần:

- Mục tiêu của bài học.

- Cấu trúc của giờ học. Việc vận dụng các công việc trên lớp, cấu tạo nội dung lịch sử của bài cần linh hoạt, mềm dẻo. Cấu trúc nội dung lịch sử của bài có thể chuẩn bị tuần tự theo các mục của sách giáo khoa, hoặc có thể chia nhỏ các mục, gộp các mục lại với nhau (nếu thấy hợp lý).

- Nội dung, phương pháp giảng dạy và cách tổ chức công việc của giáo viên và học sinh trong giờ học là khâu trung tâm của giáo án. Ở phần này, cần ghi rõ các công việc của thầy và hoạt động nhận thức của trò, mối quan hệ giữa hoạt động của thầy và trò (qua việc thầy đặt câu hỏi, kích thích học sinh suy nghĩ, tìm ý trả lời, hướng dẫn các em thảo luận, động viên, đánh giá việc trả lời của các em; bổ sung, sửa chữa những thiếu sót, bài tập về nhà...).

Ghi cụ thể các công việc của giáo viên và học sinh trong giáo án sẽ tiết kiệm được thời gian khi tiến hành bài học, tránh tình trạng lúng túng vì câu hỏi nêu không rõ ràng, học sinh không trả lời được, hoặc giáo viên không biết hướng dẫn, gợi ý cho các em trả lời... Ví dụ, khi soạn bài "*Văn minh Đại Việt*", ở lớp 11, cần làm nổi bật sự xuất hiện và phát triển,

những thành tựu, đặc điểm, vị trí của văn minh Đại Việt trong lịch sử văn hoá Việt Nam.

Trong giáo án ghi cụ thể công việc của giáo viên là: xác định nội dung tài liệu lịch sử sẽ trình bày ở từng mục, thu thập tư liệu tham khảo cần thiết bổ sung cho các mục; phương pháp tiến hành, thời gian dự kiến cho từng mục; các đồ dùng trực quan tương ứng cần sử dụng ở các mục; nội dung các câu hỏi nêu vấn đề (bài tập nhận thức) đặt ở đầu giờ, các câu hỏi gợi mở trong quá trình giảng... Chi tiết hơn, khi ghi câu hỏi, nên ghi rõ dự định hỏi các học sinh khá, trung bình hay yếu, vấn đề gì cần để học sinh tranh luận, thầy nên chốt cái gì, cách gợi ý, hướng dẫn học sinh tìm câu trả lời, động viên đánh giá học sinh khi phát biểu; việc kiểm tra nhận thức ở cuối giờ (miệng hay viết, nội dung các câu hỏi kiểm tra).

Hoạt động nhận thức của học sinh được thể hiện ở việc chú ý nghe giảng, huy động các năng lực nhận thức để tìm ý trả lời câu hỏi; nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn, lĩnh hội được kiến thức cơ bản một cách tích cực, nắm được phương pháp nhận thức lịch sử mà thầy đã hướng dẫn - đi từ sự kiện cụ thể để rút ra kết luận cần thiết...

Giáo án tốt (được đánh giá sau khi đã tiến hành bài học) đạt được những yêu cầu chủ yếu sau đây:

- Phản ánh được nội dung cơ bản của chương trình, sách giáo khoa và tình hình học sinh.

- Thể hiện được các điều kiện cụ thể của từng lớp, từng trường, từng vùng, từng địa phương.

- Tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên lên lớp đạt hiệu quả cao.

- Tạo điều kiện cho học sinh lĩnh hội bài tốt.

b. Tiến hành bài học cụ thể trên cơ sở tổ chức hoạt động độc lập, tích cực của học sinh trong giờ học

Muốn tiến hành bài học có chất lượng cao, *trước hết* và quan trọng nhất cần giải quyết tốt mối quan hệ giữa nội dung và phương pháp dạy học.

Hiệu quả bài học luôn luôn gắn liền với việc cải tiến nội dung và phương pháp dạy học. Nắm vững nội dung sẽ xác định phương pháp dạy tốt, ngược lại sử dụng phương pháp tốt sẽ giúp học sinh hiểu sâu sắc nội dung bài học.

Thứ hai, kết quả của bài học còn phụ thuộc rất nhiều vào phong cách hoạt động của thầy và trò. Giáo viên là người tạo nên phong cách của giờ học. Phong cách giờ học tốt thể hiện ở việc tổ chức tốt hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh. Hai hoạt động này giống như một dàn nhạc chơi hoà hợp thì hiệu quả của bài học tăng dần lên. Muốn có phong cách bài học tốt, giáo viên phải chuẩn bị kỹ bài học, thực hiện đúng các kế hoạch sư phạm đã dự định và duy trì được kỷ luật trong quá trình tiến hành bài học. Ở đây, giáo viên cần chú ý rằng, chính chất lượng cao của nội dung và phương pháp tổ chức học sinh lĩnh hội, khả năng lôi cuốn học sinh vào hoạt động độc lập... là cơ sở duy trì kỷ luật giờ học, hạn hữu vận dụng các biện pháp khác.

Tiến hành bài học lịch sử trên lớp, chủ yếu là thực hiện các công việc của bài cung cấp kiến thức mới. Một trong những yếu tố để nâng cao hiệu quả dạy học là *tổ chức giờ học nêu vấn đề. Giờ học nêu vấn đề* có ý nghĩa đặc biệt đối với việc hình thành kiến thức trên cơ sở hoạt động tư duy độc lập của học sinh. Việc tiến hành bài học trên lớp bao gồm các thành phần cơ bản sau đây:

- *Ổn định lớp nhằm tổ chức giờ học có hiệu quả.* Công việc này không chỉ giới hạn ở những phút đầu của giờ học, mà trong suốt giờ học, tạo điều kiện cho học sinh hăng hái tham gia hoạt động nhận thức.

- *Kiểm tra bài cũ*, tuỳ thuộc vào nội dung chủ đề của bài mới và bài học trước đó. Mục đích kiểm tra không chỉ để xem xét học sinh thu nhận kiến thức mà còn chuẩn bị cho các em tiếp nhận kiến thức mới.

- *Chuẩn bị cho học sinh nghiên cứu kiến thức mới.*

Trong các giờ học nêu vấn đề, khi chuẩn bị, giáo viên phải nêu rõ nhiệm vụ của học sinh trong giờ học dưới dạng các câu hỏi nêu vấn đề (bài tập nhận thức). Các câu hỏi nêu vấn đề đưa ra vào đầu giờ học nhằm động viên sự chú ý, huy động các năng lực nhận thức của học sinh vào việc theo dõi bài giảng để tìm câu trả lời. Những câu hỏi này là những vấn đề cơ bản của bài học mà học sinh phải nắm.

Ví dụ, khi dạy bài "*Cách mạng tháng Tám thành công trong cả nước*", giáo viên có thể nêu nhiệm vụ nhận thức của học sinh bằng hai câu hỏi nêu vấn đề: "Tại sao Đảng ta quyết định khởi nghĩa khi Nhật đầu hàng Đồng minh?" và "Tại sao Cách mạng tháng Tám 1945 lại thắng lợi nhanh chóng? Ý nghĩa...?".

- *Nghiên cứu kiến thức mới.* Đây là phần chủ yếu của bài học. Giáo viên lần lượt thực hiện kế hoạch đã ghi ở giáo án. Để tổ chức học sinh giải quyết vấn đề đã nêu, giáo viên cần đưa ra các câu hỏi gợi mở và sử dụng cách trình bày nêu vấn đề. Khi một học sinh trả lời, giáo viên cần yêu cầu những em khác tranh luận, nhận xét và đặc biệt quan tâm đến việc động viên, đánh giá học sinh.

Trong trình bày, giáo viên không cần ghi quá nhiều lên bảng. Trước hết, vào đầu giờ học, chỉ cần ghi các câu hỏi nêu vấn đề (bài tập nhận thức); khi trình bày chỉ ghi những đề mục chính, ý chính (nếu cần), niên đại, nhân danh, địa danh quan trọng... Học sinh ghi vào vở câu hỏi nêu vấn đề, những mục chính, các kiến thức bổ sung, những kết luận khái quát của giáo viên bổ sung cho bài viết và sách giáo khoa.

- *Kết thúc bài học,* gồm các công việc:

+ *Kiểm tra hoạt động nhận thức của học sinh* có thể tiến hành ở cuối từng mục hoặc cuối bài, song thường là thực hiện ở cuối giờ học. Câu hỏi có thể là những câu đã đặt ra ở đầu giờ hoặc thay đổi cách hỏi, song đều nhằm xem xét học sinh lĩnh hội bài học ra sao. Trên cơ sở học sinh trả lời, giáo viên phải sửa chữa, bổ sung, khái quát và nâng cao kiến thức học sinh đã nắm.

+ *Bài tập về nhà* không đòi hỏi học sinh học thuộc sách giáo khoa rồi kể lại, hoặc chỉ nhắc nhở một cách chung chung, mà cần đưa ra yêu cầu cụ thể. Câu hỏi khi ra bài tập về nhà có nhiều dạng (như đã nêu), khi sử dụng, giáo viên cần chú ý đầu giờ học sau phải kiểm tra việc hoàn thành của học sinh. Việc kiểm tra này có thể là cơ sở để dẫn dắt vào bài mới.

II. NÂNG CAO HIỆU QUẢ BÀI HỌC LỊCH SỬ TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

1. Quan niệm về hiệu quả bài học lịch sử

Thế nào là hiệu quả của bài học lịch sử? Vấn đề này được thảo luận sôi nổi, có một số điều nhất trí, nhưng không phải

không còn những ý kiến khác biệt. Trên quan điểm tổng hợp, chúng ta cho rằng, hiệu quả của bài học được thể hiện ở ba mặt: hình thành các kiến thức, kết quả giáo dục và việc phát triển tư duy, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh.

Trước hết, về mặt kiến thức, bài học hiệu quả phải giúp học sinh nắm được những kiến thức cơ bản của bài.

Đó là những sự kiện lịch sử cơ bản, việc đánh giá các sự kiện đó, việc rút ra bài học lịch sử, nêu ra quy luật (nếu có) và hình thành khái niệm lịch sử, xác định phương pháp học tập, kiểm tra. Kiến thức cơ bản ấy giúp học sinh trả lời được các câu hỏi: "Vì sao phải học lịch sử?", "Vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống ra sao?". Ví dụ, khi dạy bài "*Cải cách nông nô ở Nga*" và "*Cuộc nội chiến ở Mỹ*", học sinh phải nắm được các sự kiện về kinh tế, chính trị – xã hội ở Nga (nửa đầu và giữa thế kỷ XIX) thể hiện nguyên nhân dẫn tới cải cách nông nô, những sự kiện về vai trò lãnh đạo cải cách, nội dung và kết quả cải cách, để cuối cùng hiểu được đây là một cuộc cách mạng tư sản. Các em cần thấy được nguyên nhân dẫn đến nội chiến ở Mỹ, vai trò của tư sản công nghiệp và chủ trại, lực lượng của quần chúng, kết quả của nội chiến, để hiểu sâu sắc rằng, nội chiến ở Mỹ (1861-1865) là cuộc cách mạng tư sản lần thứ hai.

Thứ hai, bài học hiệu quả phải đạt được mục đích giáo dục đề ra. Việc giáo dục phải phù hợp với nội dung bài học, trình độ, yêu cầu đối với học sinh, không công thức, hời hợt. Muốn đánh giá kết quả giáo dục của bài học, trước hết cần xem xét thái độ, xúc cảm của học sinh đối với các sự kiện nghiên cứu, những phản ứng tự nhiên, nhân cách của các em đối với hiện tượng và nhân vật lịch sử. Tiếp đó, xem xét kỹ năng của học sinh trong việc đánh giá đúng những hiện

tượng, vai trò của các nhân vật; kỹ năng sử dụng các kiến thức lý luận đã học để tự mình phân tích các hiện tượng xã hội của quá khứ và hiện tại.

Những công việc này sẽ giúp học sinh nắm vững hơn kiến thức lịch sử và là cơ sở để giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị cho các em trong quá trình học tập lịch sử. Ví như, khi dạy học về "*Chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950*" ở lớp 12, kết quả giáo dục của bài thể hiện ở thái độ khâm phục của học sinh đối với nghệ thuật chỉ đạo quân sự tài tình của Đảng, thái độ đồng tình, khâm phục hành động của các anh hùng La Văn Cầu, Trần Cừ... Chính những thái độ, cảm xúc ấy góp phần giáo dục tình cảm kính yêu Đảng, Bác Hồ, kính yêu anh bộ đội... Hiểu rõ các yếu tố dẫn tới thắng lợi của chiến thắng Biên giới, học sinh sẽ rút kết luận về nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp ở các tiết học sau.

Thứ ba, hiệu quả của bài học còn được thể hiện ở việc phát triển toàn diện học sinh, trước hết là năng lực nhận thức, như tri giác, trí tưởng tượng, trí nhớ, tư duy... Việc phát triển các năng lực nhận thức không tách rời các yêu tố của nhân cách, như chú ý, xúc cảm lịch sử, hứng thú học tập, ý chí... Bên cạnh đó, giáo viên cũng không quên hình thành cho các em lòng mong muốn và khả năng tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động xã hội, chính trị và lao động sản xuất. Đồng thời với việc phát triển năng lực nhận thức, giáo viên cần phát triển các kỹ năng, kỹ xảo của học sinh, nhất là kỹ năng tư duy, như phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát..., các kỹ năng thực hành bộ môn. Ví dụ, khi dạy học về "*Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 ở miền Nam*", giáo viên cần phát triển cho học sinh khả năng phân

tích tài liệu, óc quan sát (bản đồ), nhớ, hình dung lại sự kiện lịch sử như nó đã xẩy ra, lôi cuốn học sinh vào tiến trình sự kiện. Trên cơ sở đó biết phân tích, so sánh, đối chiếu để tìm ra tại sao quân dân ta lại giành được thắng lợi, ý nghĩa của chiến thắng...

Ba mặt: bồi dưỡng kiến thức, giáo dục và phát triển trong bài học có mối quan hệ thống nhất biện chứng. Nhiệm vụ giáo dục và phát triển của bài học chỉ có thể thực hiện trên cơ sở hình thành kiến thức. Đồng thời, chính việc hoàn thành nhiệm vụ giáo dục và phát triển trong giờ học sẽ làm cho việc nắm kiến thức của học sinh vững chắc, sâu sắc hơn.

2. Thực tiễn tiến hành bài học lịch sử ở trường phổ thông hiện nay

Tuy có nhiều tiến bộ về nhận thức và nội dung, phương pháp dạy học nhưng vẫn còn có những biểu hiện chưa tốt khi tiến hành bài học lịch sử ở trường phổ thông:

Thứ nhất, một số giáo viên chưa thật quan tâm đến bài giảng của mình ở trên lớp. Vì vậy, bài giảng của những giáo viên này thường chỉ tóm tắt nội dung của sách giáo khoa, làm cho bài học khô khan, thiếu sinh khí, không thu hút được hứng thú học tập của học sinh.

Khuynh hướng thứ hai là một số giáo viên lại tiến hành bài học rất ôm đồm, nhồi nhét, làm cho bài học nặng nề và không phát huy được hoạt động nhận thức tích cực, độc lập của học sinh. Trong giờ học, thầy làm việc là chủ yếu, học sinh thụ động nghe và ghi.

Thứ ba, một số ít giáo viên biến bài giảng lịch sử thành giờ kể chuyện tràn lan. Tiến hành bài học như vậy có thể thu hút chú ý bên ngoài của học sinh, nhưng không kích thích

được tư duy trong học tập của các em. Học sinh không nắm được bài.

Nguyên nhân của những tồn tại trên là do giáo viên chưa thật đầu tư thời gian vào bài giảng để tìm nguồn tư liệu, phương tiện dạy học và suy nghĩ về phương pháp tiến hành bài học, tìm ra các cách dạy học tối ưu nhất...

Thực tiễn trên cho chúng ta thấy rằng, tuy có nhiều thay đổi, tiến bộ, song chất lượng dạy học bộ môn Lịch sử hiện nay ở phổ thông vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Rõ ràng vấn đề nâng cao chất lượng dạy học bộ môn nói chung, hiệu quả của từng bài học Lịch sử nói riêng đang đặt ra cấp thiết.

3. Các biện pháp nâng cao hiệu quả bài học lịch sử

Dựa vào lý luận dạy học hiện đại và kinh nghiệm tiên tiến ở phổ thông, chúng ta có thể đưa ra nhiều biện pháp nâng cao hiệu quả bài học, chủ yếu là:

a. Việc lựa chọn nội dung bài học phải đảm bảo tính khoa học, vừa sức. Điều này thể hiện ở việc chọn những sự kiện cơ bản, chính xác nhất, rõ ràng nhất để tạo điều kiện hình thành cơ sở cho học sinh hiểu biết lịch sử. Cần xác định đúng thời gian và không gian của các sự kiện lịch sử, vì sự kiện lịch sử không được sắp xếp vào thời gian và không gian nhất định thì chỉ là một đống ngổn ngang và không có ý nghĩa. Tính khoa học trong nội dung bài học còn thể hiện ở việc đánh giá, giải thích kiến thức lịch sử phải đảm bảo các nguyên tắc của phương pháp luận sử học: quan điểm lịch sử, tránh "hiện đại hoá lịch sử", đi đến xuyên tạc, bóp méo lịch sử. Khi đánh giá, giải thích cần tìm ra bản chất, mối quan hệ nhân quả, sự phát triển có tính quy luật của sự kiện, hiện tượng lịch sử; đặc biệt là việc đánh giá các nhân

vật lịch sử cần nhấn mạnh ý nghĩa tiến bộ hay phản động của các nhân vật ở các thời đại, ý nghĩa đóng góp của họ đối với sự phát triển văn hoá, xã hội...

Tính khoa học của nội dung bài học gắn với tính vừa sức, phù hợp trình độ lĩnh hội của học sinh. Điều này thể hiện ở khối lượng kiến thức vừa đủ, trình bày ngắn gọn, dễ hiểu, súc tích. Không đưa những khái niệm, tên gọi quá khó đối với học sinh, trình bày rườm rà, khó hiểu.

b. Việc phát triển các hoạt động nhận thức độc lập, nhất là tư duy độc lập và sáng tạo của học sinh có ý nghĩa đặc biệt đối với hiệu quả của bài học. Hoạt động nhận thức độc lập của học sinh là một trong những điều kiện có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả giảng dạy, giáo dục và phát triển toàn diện nhân cách các em.

Trước hết, hoạt động tích cực, độc lập nhận thức của học sinh sẽ đảm bảo cho các em lĩnh hội sâu sắc, nhớ lâu kiến thức lịch sử. Có hai loại lĩnh hội kiến thức: lĩnh hội sáng tạo dựa trên cơ sở hoạt động tư duy độc lập và lĩnh hội tái tạo dựa trên cơ sở nhớ lại và hiểu biết những kiến thức có sẵn. Trong giờ học lịch sử, giáo viên cần kết hợp chặt chẽ hai loại hình lĩnh hội này, song đặc biệt chú ý tới lĩnh hội sáng tạo trên cơ sở hoạt động tư duy độc lập. Ví như, dựa trên cơ sở hướng dẫn của giáo viên, học sinh tự rút ra kết luận, tại sao "*Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ*" là cuộc cách mạng tư sản, thì học sinh sẽ nắm vững khái niệm "*Cách mạng tư sản*" và biết vận dụng kiến thức để hiểu tính chất của các cuộc cách mạng sau đó...

Thứ hai, cần khơi dậy xúc động, mong muốn, kích thích hứng thú học tập và góp phần giáo dục đạo đức, tình cảm cho các em qua bài học. Ví như, khi tìm ra được một trong những

nguyên nhân thắng lợi của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ là tinh thần chiến đấu dũng cảm, sự hy sinh quên mình của quân và dân ta, thì chính hình ảnh của Tô Vĩnh Diện, Phan Đình Giót... sẽ khơi dậy trong trái tim các em sự đồng tình, khâm phục và tình cảm yêu quý anh bộ đội.

Thứ ba, không chỉ rèn luyện cho các em năng lực nhận thức nói chung, mà còn góp phần phát triển các kỹ năng tư duy và năng lực thực hành. Ví dụ, để hiểu bản chất của Công xã Pari là nhà nước kiểu mới, nhà nước vô sản, học sinh phải nắm vững tài liệu trình bày của giáo viên, quan sát sơ đồ, hình dung, tưởng tượng lại tổ chức bộ máy nhà nước, các chính sách của Công xã Pari, phân tích, tìm ra mối quan hệ giữa chúng, so sánh sự khác biệt giữa nhà nước tư sản với Công xã Pari...

Có nhiều con đường, phương pháp khác nhau để phát triển các hoạt động nhận thức độc lập của học sinh: trao đổi, đàm thoại, dạy học nêu vấn đề, nghiên cứu học tập. Trong đó, dạy học nêu vấn đề là một trong những biện pháp sư phạm có tác dụng lớn, đồng thời phối hợp nhuần nhuyễn các con đường, phương pháp với nhau.

Dạy học nêu vấn đề không phải là một phương pháp dạy học cụ thể mà là nguyên tắc chỉ đạo việc tiến hành của nhiều phương pháp dạy học. Nó được vận dụng trong tất cả các khâu của giờ học và là một kiểu dạy học. Giờ học nêu vấn đề có ý nghĩa đặc biệt đối với việc hình thành kiến thức trên cơ sở hoạt động tư duy độc lập của học sinh.

Dạy học nêu vấn đề bao gồm các thành tố: trình bày nêu vấn đề, tình huống có vấn đề và bài tập (câu hỏi) nêu vấn đề, hướng dẫn học sinh tự giải quyết và giáo viên tổng kết, củng cố những điều đã thu nhận.

Trình bày nêu vấn đề cũng giống như các dạng trình bày khác (thông báo..) là phải bảo đảm các yêu cầu về tính khoa học, tính đảng, hình ảnh và ngôn ngữ trong sáng, đúng. Song bên cạnh đó, trình bày nêu vấn đề có các thành phần đặc biệt khác như gợi và quyết định hoạt động tư duy độc lập của học sinh. Khi trình bày nêu vấn đề, giáo viên cần đặt học sinh trước sự giải quyết một điều mới, chưa biết, đồng thời giúp học sinh tự tìm ra bản chất của sự kiện, hiện tượng; độc lập rút ra các kết luận cần thiết dựa trên cơ sở bài trình bày của thầy, kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, vốn sống đã có của các em.

Trình bày nêu vấn đề hoàn thoàn khác với thông báo tài liệu.

Ví dụ, khi dạy học mục "*Nước Pháp trước 1789*" trong bài "*Cách mạng tư sản Pháp 1789*", ở lớp 10, Trung học phổ thông, có hai cách trình bày:

Thông báo: giáo viên trình bày những nét chính về kinh tế, chính trị, xã hội và tư tưởng của nước Pháp trước 1789, sau đó rút ra nhận xét, rồi chỉ ra nguyên nhân sâu xa làm bùng nổ Cách mạng Pháp.

Trình bày nêu vấn đề: trước khi trình bày, giáo viên đặt câu hỏi: "Tại sao Cách mạng Pháp lại bùng nổ?". Sau đó giáo viên trình bày kết hợp yêu cầu học sinh nghiên cứu sách giáo khoá, tranh ảnh về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội... Để giúp học sinh trả lời được câu hỏi vừa nêu, sau khi trình bày, giáo viên có thể gợi mở: em có nhận xét gì về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Pháp, rút ra nguyên nhân sâu xa dẫn tới cách mạng bùng nổ...

Tình huống có vấn đề. Theo M.I. Macmutốp tình huống có vấn đề: "Đó là trở ngại về trí tuệ của con người, xuất hiện khi anh ta chưa biết cách giải thích hiện tượng, sự kiện, quá

trình của thực tế, khi chưa thể đạt tới mục đích bằng cách thức, hành động quen thuộc. Tình huống này kích thích con người tìm tòi cách giải thích hay hành động mới. Tình huống có vấn đề là quy luật của hoạt động nhận thức sáng tạo, có hiệu quả..."[1].

Trong dạy học lịch sử, tình huống có vấn đề được hình thành trong các trường hợp:

Thứ nhất, khi giáo viên đưa ra các ý kiến khác nhau để học sinh tự phân tích, đánh giá chúng. Ví như, khi dạy học về "*Cách mạng tháng Tám thành công trong cả nước*" (Bài 7, lớp 12, Trung học phổ thông), giáo viên đưa ra vấn đề như sau: "Sử gia tư sản cho rằng, Cách mạng tháng Tám thành công nhanh chóng là do "ăn may", nhưng nhiều người khẳng định rằng đó là quá trình chuẩn bị lâu dài kết hợp với nghệ thuật chớp thời cơ của Đảng ta. Theo em, ý kiến nào đúng? Vì sao?". Học sinh phải theo dõi bài, suy nghĩ, phân tích, rút ra ý kiến đúng.

Thứ hai, khi giáo viên hướng dẫn học sinh nêu ra mâu thuẫn, sự xung đột về kiến thức và tự tìm con đường giải quyết. Ví dụ, khi dạy học bài "*Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ và sự thành lập Hợp chủng quốc châu Mỹ*", giáo viên yêu cầu học sinh nhắc lại các vấn đề cơ bản của Cách mạng tư sản Anh (mục đích, lãnh đạo, lực lượng, kết quả), rồi tìm hiểu tính chất, mục tiêu của cuộc chiến tranh này. Trên cơ sở tài liệu, sự kiện cụ thể, đối chiếu với kiến thức đã học, học sinh rút ra kết luận: Đây là cuộc cách mạng tư sản, diễn ra dưới hình thức nội chiến.

---

[1] Macmutốp M.I: *Tổ chức dạy học nêu vấn đề ở nhà trường*. Nxb Giáo dục, Mátxcơva, 1977, tr. 30, tiếng Nga.

Bài tập (câu hỏi) nêu vấn đề là những câu hỏi thể hiện nội dung cơ bản của bài, là một điều mới, học sinh chưa biết, các em cần phải giải quyết trong giờ học đó và câu trả lời của học sinh phải là sản phẩm của hoạt động tư duy độc lập.

Ví dụ, khi dạy học bài "*Cách mạng tư sản Pháp 1789*", giáo viên có thể tổ chức cho học sinh trao đổi để tạo tình huống có vấn đề, rồi nêu lên vấn đề dưới dạng bài tập (câu hỏi): "Cách mạng Pháp 1789, giống và khác gì với Cách mạng Anh 1640, Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ?"; "Vì sao gọi Cách mạng tư sản Pháp 1789 là cuộc cách mạng dân chủ tư sản điển hình?"; "Đánh giá vai trò của giai cấp tư sản và quần chúng nhân dân trong Cách mạng tư sản Pháp 1789?". Giải quyết được các vấn đề này, học sinh nắm được nội dung cơ bản của bài.

Khi ra bài tập nêu vấn đề, cần chú ý việc hình thành thế giới quan duy vật biện chứng, giáo dục tư tưởng, đạo đức cho học sinh. Giáo viên có thể sử dụng nhiều dạng bài tập để hình thành khả năng phân tích, đánh giá, phát triển ngôn ngữ, làm việc với các loại tài liệu, vận dụng kiến thức...

c. Trình bày miệng phải thật sinh động, có hình ảnh, gây xúc động cho học sinh

Nguồn gốc, phương tiện tạo nên hình ảnh trong trình bày miệng là ngôn ngữ của giáo viên và học sinh, tranh ảnh, các đoạn trích từ tác phẩm văn học, nghệ thuật, phim ảnh... Trong đó ngôn ngữ rõ ràng, giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn của giáo viên có ảnh hưởng rất lớn tới trí tuệ và trái tim của học sinh, một trong những nguồn kiến thức quan trọng, tạo cho học sinh có biểu tượng cụ thể, giàu hình ảnh. Vì vậy, trong dạy học lịch sử, giáo viên cần rèn luyện công phu, toàn diện ngôn ngữ, cũng như nghệ thuật trình bày của mình và rèn luyện cho học sinh biết trình bày rõ ràng, trong sáng.

Mặt khác, để trình bày có hình ảnh, giáo viên còn phải nắm vững kiến thức khoa học, sử dụng tốt, đa dạng, phong phú các tài liệu, như đoạn trích trong các tác phẩm lịch sử, văn học, đồ dùng trực quan...

Chúng ta thử nêu việc trình bày có hình ảnh về tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Sách giáo khoa lớp 12 Trung học phổ thông, xuất bản 1992 chỉ ghi: "... lực lượng địch được bố trí thành một hệ thống phòng ngự mạnh, gồm 49 cứ điểm, chia thành 3 phân khu. Ngoài những vũ khí thông thường, ở Điện Biên Phủ còn được trang bị thêm súng phun lửa, súng đại liên nhiều nòng, mìn, bom napan, máy hồng ngoại để quan sát và bắn đêm" (tr.111). Chỉ nêu lại một số thông tin như vậy, bài học ở lớp sẽ không sinh động. Vì vậy, khi dạy học, giáo viên dựa vào nội dung sách giáo khoa, kết hợp với nhiều loại tài liệu tham khảo khác, phù hợp với nội dung, trình độ học sinh, để trình bày có hình ảnh, như sau: "... Địch xây dựng ở đây 3 khu phòng thủ – Trung tâm, Bắc và Nam, với 49 cứ điểm, hai sân bay. Các đường hào chi chít nối những cứ điểm lại với nhau. Toàn bộ cơ quan chỉ huy, nơi đặt súng, đạn, chỗ ngủ đều nằm chìm dưới mặt đất. Mỗi cứ điểm đều được bao bọc bằng nhiều tuyến chiến hào, những ụ súng chi chít, đất đắp dầy trên 3m và một rừng dây thép gai xung quyanh. Lực lượng của địch ở đây lên tới 16.200 tên, gồm đủ các binh chủng: bộ binh, pháo binh, công binh, thiết giáp, không quân... Với lực lượng, vũ khí và cách bố phòng như vậy, địch coi "Con nhím khổng lồ" Điện Biên Phủ là một "pháo đài không thể công phá"".

d. Sử dụng một cách đa dạng, kết hợp nhuần nhuyễn, hợp lý các phương pháp dạy học trong một bài lịch sử, làm sao cho học sinh nắm vững sự kiện, giải quyết các vấn đề có liên quan đến bài học.

Ví dụ, khi dạy học về "Cách mạng tư sản Pháp 1789" ở lớp 10, Trung học phổ thông, để kiểm tra hoạt động nhận thức của học sinh ở cuối bài (hoặc kiểm tra miệng ở đầu giờ học sau), giáo viên hướng dẫn học sinh lập bảng, nêu lên mối quan hệ giữa các sự kiện chính với các bài tập nhận thức. Từ đó, yêu cầu học sinh suy nghĩ nhanh, tìm những sự kiện trả lời các câu hỏi đã đưa ra. Giáo viên gọi một em lên bảng, gạch nối các sự kiện có liên quan với câu hỏi, các em khác theo dõi để bổ sung, góp ý. Làm như vậy, chỉ trong thời gian rất ngắn, giáo viên có thể biết được học sinh cả lớp nắm bài như thế nào, đồng thời rèn khả năng tư duy nhanh, óc phân tích độc lập và giáo dục tinh thần say mê, chuyên cần trong lao động học tập của các em.

Bảng kê được xây dựng như sau:

Nguyên nhân sâu xa dẫn tới Cách mạng Pháp bùng nổ.		
	1. Nông nghiệp phong kiến lạc hậu.	-1
	2. Công nghiệp đã phát triển nhưng bị chế độ phong kiến kìm hãm.	-2
	3. Nội thương bị kìm hãm bởi hàng rào thuế quan.	-3
	4. Vua có quyền tối thượng vô hạn.	-4
	5. Xã hội phân chia thành 3 đẳng cấp.	-5
	6. Tăng lữ - quý tộc có mọi đặc quyền, không phải đóng thuế.	-6
	7. Đẳng cấp 3 (tư sản, nông dân, bình dân) không có quyền chính trị, phải đóng thuế, chịu mọi nghĩa vụ phong kiến.	-7
	8. Xuất hiện các nhà "triết học ánh sáng".	-8

9. Hội nghị ba đẳng cấp.	-9
10. Phá ngục Baxti – mở đầu Cách mạng Pháp. Đại tư sản tài chính nắm quyền.	-10
11. Quốc hội lập hiến thành lập.	-11
12. Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền.	-12
13. Hiến pháp 1791 và nền quân chủ lập hiến.	-13
14. Quốc hội lập pháp.	-14
15 Phong kiến Áo – Phổ can thiệp vào Pháp.	-15
16. Đại tư sản và chính phủ không kiên quyết chống giặc.	-16
17. 10-8-1792, Giacôbanh kêu gọi nhân dân khởi nghĩa, nền quân chủ sụp đổ, tư sản công thương nắm quyền.	-17
18. Tuyển cử phổ thông đầu phiếu bầu quốc ước.	-18
19. 20-9-1792, chiến thắn Vanmi.	-19
20. Quốc ước quyết định thành lập cộng hoà, xử tử vua.	-20
21. 1793, cách mạng lâm vào khủng hoảng.	-21
22. 2-6-1793, Rôbexpie lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa Giacôbanh lên nắm quyền.	-22
23. Quốc ước chia đất đai thành mảnh nhỏ bán cho nông dân.	-23
24. Xoá bỏ các đặc quyền phong kiến.	-24
25. Chiến thắng thù trong giặc ngoài.	-25
26. 27-7-1794, đảo chính lật đổ Giacôbanh.	-26

Tạl sao nói chuyên chính dân chủ Giacoobanh là đỉnh cao của cách mạng?

Tạl sao nói Cách mạng Pháp là cuộc cách mạng tư sản dân chủ điển

Việc tiến hành giờ học thông qua lập và sử dụng bảng trên sẽ thực hiện được 3 chức năng của quá trình dạy học: hình thành, củng cố kiến thức, giáo dục học sinh và phát triển năng lực học tập của các em.

Việc sử dụng bảng đen của giáo viên cũng là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả bài học. Sử dụng bảng nếu đạt được các mục đích: thể hiện nội dung chính của bài (sự kiện chủ yếu, thuật ngữ, tên người, tên đất, niên đại cần nhớ...), phát triển tư duy độc lập của học sinh và tiết kiệm được thời gian. Muốn vậy, nội dung ghi bảng cần rõ ràng, súc tích, hấp dẫn, gợi trí thông minh, sáng tạo của học sinh. Không nên ghi nhiều chi tiết rườm rà không làm nổi bật trọng tâm của bài học. Rõ ràng sử dụng bảng không chỉ là nghiệp vụ sư phạm mà còn mang tính nghệ thuật của hoạt động sáng tạo của giáo viên. Vì vậy, kỹ năng này cần được rèn luyện ngay từ ngày còn là sinh viên.

Tương tự như vậy, trong quá trình dạy học, trên cơ sở các nguyên tắc, hệ thống phương pháp dạy học, giáo viên cần suy nghĩ tìm ra các cách, các phương pháp dạy học tốt nhất để đạt được mục đích tối ưu, góp phần nâng cao hiệu quả bài học.

Ngoài ra, còn có thể đưa ra các quy tắc mà học sinh cần nhớ để hoàn thành các bài tập độc lập, hình thành quan điểm, phương pháp xem xét. Ví dụ, để giúp học sinh xác định nguyên nhân, bản chất một hiện tượng lịch sử, cần thực hiện các việc cụ thể như thế nào...

d. Tổ chức giờ học hiệu quả: Muốn tổ chức giờ học hiệu quả, cần thực hiện những yêu cầu cơ bản đối với bài học lịch sử hiện đại.

Những yêu cầu đối với bài học đã nêu thể hiện quan điểm tổng hợp trong dạy học, tức là phối hợp mọi nhân tố, mọi điều kiện cụ thể, sử dụng mọi phương tiện, phương thức để tác động vào bài học nhằm đạt được hiệu quả tối ưu. Tính tối ưu của bài học thể hiện ở chỗ, trong những điều kiện cụ thể nhất định, kết quả giáo dưỡng, giáo dục và phát triển đối với học sinh phải đạt tới mức cao nhất có thể đạt được mà không nhồi nhét, tiết kiệm được thời gian và công sức của học sinh[1].

Để đạt được mục đích như vậy, trong dạy học lịch sử nói chung, trong một bài học nói riêng cần có những điều kiện:

- *Có kế hoạch tiến hành việc giáo dưỡng, giáo dục và phát triển* trong một bài, một chương, một khoá trình một cách thống nhất, liên hệ chặt chẽ với nhau, không thể coi trọng mặt này, hạ thấp mặt kia, làm cho bài học mất cân đối và hạn chế kết quả học tập. Dựa vào mục đích bài học mà xác định đơn vị kiến thức cơ bản, gồm nhiều yếu tố, sự kiện, biểu tượng, khái niệm, nguyên lý, quy luật, phương pháp... Mức độ của đơn vị kiến thức do chương trình và sách giáo khoa quy định.

- *Việc tối ưu hoá trong dạy học nói chung* đòi hỏi bài giảng phải sát hợp với tình hình chung, yêu cầu cụ thể của lớp học. Vì vậy, từng năm học phải điều chỉnh kế hoạch dạy học, nội dung bài giảng. Mỗi năm học, tuỳ tình hình chung, điều kiện cụ thể mà xác định kiến thức, phù hợp với sách

---

[1] Xem Phan Ngọc Liên: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phương pháp dạy, học lịch sử hiện nay*, trong quyển "*Một số vấn đề về phương pháp dạy, học lịch sử, lịch sử Việt Nam và Đông Nam Á*". Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vụ Giáo viên, 1994, tr. 18-25.

giáo khoa, với trình độ học sinh, lựa chọn phương pháp, cách dạy học, phương tiện dạy học... để đưa lại kết quả cao nhất.

- *Chú ý xem xét kết quả học tập* của từng học sinh, trước hết là học sinh cá biệt (giỏi hay kém) để biết được hiệu quả của kế hoạch sư phạm nói chung, việc tổ chức hoạt động nhận thức của học sinh nói riêng, đã đặt ra.

Mặt khác, muốn tổ chức giờ học hiệu quả, cần thiết vận dụng cấu trúc bài học nêu vấn đề (mềm dẻo) nhằm phát triển hoạt động tư duy tích cực, độc lập của học sinh.

*

* *

Trên đây là những điểm cơ bản trong quan niệm về hiệu quả và những biện pháp nâng cao hiệu quả bài học lịch sử ở trường phổ thông hiện nay mà chúng ta cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo các biện pháp trong từng bài cụ thể.

TỪ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐẾN THIẾT KẾ MỘT BÀI GIẢNG LỊCH SỬ Ở CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

Ths Tạ Ngọc Minh*

Đổi mới phương pháp dạy học không phải là thay hoàn toàn những phương pháp cổ truyền bằng những phương pháp hoàn toàn mới, không hề giảm nhẹ vai trò của người thầy, mà vị trí người thầy được đề cao hơn bao giờ hết. Bởi lẽ người thầy có chức năng tổ chức nhận thức của học sinh, dạy cho học sinh biết suy nghĩ có phương pháp (phương pháp tư duy), biết vận dụng sáng tạo, biết suy nghĩ tích cực, độc lập nghiên cứu và giải quyết vấn đề theo các tình huống cụ thể. "Tích cực" là sự đối lập với "không tích cực", "thụ động", theo phương pháp này, người học không bị áp đặt, ghi nhớ một cách máy móc, thầy đọc gì, trò ghi chép cái đó. Hiện tại, chúng ta đang cố gắng để đổi mới cách dạy, cách học, đáp ứng những đòi hỏi của xã hội, phù hợp với nền kinh tế xã hội Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Đã đến lúc không thể chấp nhận được một sản phẩm do nhà trường sư phạm đào tạo ra chỉ biết thừa hành một cách máy móc, một phương pháp dạy đường mòn, được dùng từ năm này qua năm khác và cố đợi để "sống lâu lên lão làng". Chúng ta rất mong muốn có những người kế tục sự nghiệp giáo dục có những khả năng

---

* Chủ nhiệm khoa Xã hội – trường ĐHSP Hải Phòng.

độc lập, sáng tạo trong giảng dạy và công tác, luôn luôn thích ứng với môi trường và điều kiện công tác. Theo chúng tôi, ở trường Cao đẳng Sư phạm hiện nay, mong muốn có những sản phẩm được xã hội chấp nhận, song không thể hy vọng có ngay được một sản phẩm hoàn chỉnh theo cái mẫu của người giáo viên được nêu trong lý luận dạy học hiện đại, mà trong quá trình đào tạo phải tự vươn lên, tự đổi mới. Việc cải tiến nội dung chương trình, giáo trình, đổi mới phương pháp đào tạo, hình thức đào tạo phù hợp với yêu cầu và mục tiêu kinh tế xã hội là điều cần thiết, cần phải thực hiện.

Từ những quan niệm trên, chúng tôi thấy việc giảng dạy lịch sử hiện nay theo hướng đổi mới, khi thiết kế bài dạy cần đảm bảo một số yêu cầu sau đây:

1. Phải tạo cho học sinh một nhu cầu tìm hiểu, khám phá vấn đề lịch sử (tạo tâm thế học tập cho học sinh). Người thầy giáo phải định hướng học tập cho học sinh thông qua việc nêu vấn đề có liên quan đến nội dung cơ bản của bài giảng. Thông thường chúng ta vẫn làm, đó là nêu ra những câu hỏi để học sinh chuẩn bị ở nhà trước khi đến lớp. Song ở đây, theo chúng tôi nghĩ, phải đưa học sinh vào việc tìm hiểu, khám phá những nội dung của bài học theo hướng tích cực, chủ động. Các em sẽ phát hiện và đưa ra những ý kiến riêng của mình, trao đổi với bạn, trao đổi với thầy và tự rút ra kết luận chính xác, thoả đáng nhất (điều này sẽ được tiếp tục trong giờ học trên lớp).

Ví dụ, khi dạy bài "*Cuộc đấu tranh để bảo vệ và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân (1945 – 1946)*", chúng tôi đã chuẩn bị cho việc tổ chức quá trình nhận thức của học sinh như sau:

Nêu một số vấn đề cơ bản trong bài dạy, để học sinh tự tìm hiểu và đưa ra ý kiến riêng của mình, thông qua 3 vấn đề:

- Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà sau Cách mạng tháng Tám 1945 có những vấn đề gì nổi bật? Những vấn đề đó ảnh hưởng gì tới sự tồn tại của một Nhà nước Việt Nam non trẻ?

- Việc giải quyết những khó khăn trước mắt và lâu dài của Đảng ta ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công được tiến hành như thế nào? Việc làm nào là chủ trương, việc làm nào là biện pháp?

- Anh, chị thử suy nghĩ: Cách giải quyết khó khăn của Đảng ta khi có nhiều kẻ thù đang tìm cách "bóp chết" chính quyền cách mạng non trẻ. Đúng hay sai? Điều đúng đắn được thể hiện ở những chi tiết nào trong bài học?...

2. Phải hướng dẫn cho học sinh lựa chọn phương pháp, cách thức để lý giải, phân tích các sự kiện lịch sử, đối chiếu, so sánh, tự mình rút ra những kết luận khoa học. Thực chất là vận dụng tốt phương pháp đặc trưng của bộ môn trong giảng dạy lịch sử.

Theo chúng tôi, đây là một yêu cầu khó, đòi hỏi người thầy giáo phải nâng trình độ mình lên cao hơn mới đủ khả năng dẫn dắt học sinh tự tìm đến chân lý. Khi thực hiện yêu cầu này, chúng tôi thường thực hiện theo hai cách:

Cách 1: Nêu vấn đề (đặt câu hỏi) theo chiều hướng đi từ cụ thể đến khái quát. Theo phương pháp quy nạp.

Cách 2: Nêu những câu hỏi phản đề để học sinh tự đối chiếu với nhận thức của mình về một vấn đề lịch sử nào đó, tự các em sẽ khẳng định đúng, sai.

Ví dụ, khi phân tích cách giải quyết những khó khăn "giặc ngoại xâm", (trong bài nêu trên), chúng tôi đã nêu vấn đề:

trong lúc nhân dân Nam Bộ đang quyết tâm cầm súng chống Pháp, Đảng ta, đứng đầu là Hồ Chủ tịch lại chủ trương hoà với Pháp. Chủ trương đó đúng hay sai? Vì sao? Giải quyết được vấn đề này, học sinh không chỉ nắm vững một cách sâu sắc về tình hình thực tế của cách mạng lúc đó, mà còn có khả năng nhận biết được những vấn đề thực tế xã hội khác.

Qua việc lý giải, phân tích, chứng minh cho một kết luận khoa học trên, học sinh đã tự rút cho mình một phương pháp khoa học, khi xem xét các vấn đề lịch sử, phải đặt nó trong mối tương quan, liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng trong quá trình vận động và phát triển...

3. Phải giúp học sinh vận dụng sự hiểu biết lịch sử để giải quyết tốt nhiệm vụ học tập trước mắt và biết liên hệ, lý giải những vấn đề trong cuộc sống. Theo chúng tôi, đây là một yêu cầu vô cùng quan trọng, bởi vì học lịch sử không chỉ để biết về quá khứ, học Sử chính là sự đúc kết những kinh nghiệm của nhân loại để trang bị cho mình những hành trang vào đời một cách tự tin và sáng tạo.

Cụ thể hoá các ý kiến trên, chúng tôi nêu

Đề cương bài giảng theo hướng đổi mới phương pháp dạy học:

Bài **"Đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng và xây dựng chế độ mới (9-45 – 12-46)"**

Bài dạy theo phân phối chương trình, được thực hiện trong 3 tiết, gồm 3 vấn đề cơ bản:

1. Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà năm đầu sau Cách mạng tháng Tám 1945.

2. Những chủ trương, chính sách và biện pháp để bảo vệ và giữ vững chính quyền cách mạng.

3. Cuộc đấu tranh chống đế quốc và phản động để bảo vệ chính quyền cách mạng.

Thiết kế bài giảng:

a) Yêu cầu:

Sinh viên nghiên cứu tài liệu theo những định hướng mà giáo viên nêu, theo dõi và tham gia thảo luận, trao đổi trên lớp để tự rút ra những vấn đề sau: Đây là một giai đoạn cách mạng hết sức ngắn ngủi nhưng vô cùng quan trọng đối với sự sống còn của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà non trẻ. Trước tình thế hiểm nguy của dân tộc "ngàn cân treo sợi tóc", Đảng, Chính phủ, đứng đầu là Hồ Chủ tịch đã có những chủ trương biện pháp hết sức sáng suốt, tài tình, giữ vững được chính quyền cách mạng, củng cố và xây dựng chính quyền ngày càng vững mạnh. Với những nguyên tắc cách mạng hết sức cứng rắn, những phương pháp cách mạng hết sức mềm dẻo, chúng ta đã đập tan được những âm mưu đen tối của bọn đế quốc, tay sai hòng bóp chết cách mạng Việt Nam.

Sinh viên, sau khi tự mình rút ra được những kết luận khoa học, phải biết vận dụng những kiến thức cơ bản vào việc giảng dạy ở Trung học cơ sở; từ việc xác định những kiến thức cơ bản của bài dạy (đồng tâm) tới việc lựa chọn phương pháp, tổ chức, hướng dẫn quá trình nhận thức của học sinh theo phương pháp giáo dục tích cực.

b) Nội dung khoa học trong giờ lên lớp:

Đặt vấn đề: Mục đích cuối cùng của cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền, giành chính quyền đã khó nhưng giữ vững được chính quyền lại càng khó hơn. Bằng những cơ sở khoa học, anh, chị hãy làm sáng tỏ ý kiến cho rằng: Ngay sau khi nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời, đã rơi vào tình trạng " ngàn cân treo sợi tóc"?

Sinh viên trong quá trình tự nghiên cứu tài liệu có thể nêu lên được những khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám 1945 về các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, ngoại xâm, nội phản.

Bài tập 1: "Trong những khó khăn trên, những khó khăn nào là trước mắt, khó khăn nào là lâu dài, khó khăn nào phải giải quyết trước tiên?".

Dự kiến: Có hai tình huống xảy ra khi xác định khó khăn trước mắt:

- Những khó khăn về kinh tế, xã hội.

- Những khó khăn ngoại xâm.

Bài tập 2: "Trước muôn vàn khó khăn nêu trên, có ý kiến cho rằng, phải ổn định được đời sống, nâng cao dân trí mới có thể đánh giặc được. Có ý kiến cho rằng, cần phải chống giặc ngoại xâm trước, bởi vì "nước mất thì nhà tan". Ý kiến nào đúng mà chưa đủ, ý kiến nào sai? Vì sao?".

Có khả năng sẽ cho cả hai ý kiến đều đúng. Vấn đề cần khẳng định, tuy những khó khăn diễn ra trong từng mặt của đời sống nhưng nó lại diễn ra cùng một lúc, đe doạ sự sống còn của nhân dân. Không thể giải quyết một khó khăn mà xem nhẹ giải quyết những khó khăn khác, bởi vì, những khó khăn đó liên quan mật thiết với nhau. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Giặc đói và giặc dốt là bạn đồng minh của giặc ngoại xâm", điều này đã thể hiện trong "Chỉ thị kháng chiến - kiến quốc".

- Để giải quyết nạn đói, Đảng ta nêu ra chủ trương, biện pháp "thực hành tiết kiệm", "lá lành đùm lá rách", "hũ gạo tiết kiệm", "tăng gia sản xuất", "thực hiện tấc đất tấc vàng". Đâu là chủ trương? Đâu là biện pháp?

- Phải lấy những biện pháp để thực hiện chủ trương lâu dài.

Bài tập 3: "Vì sao trong lúc đất nước ta có muôn vàn khó khăn, chúng ta lại tổ chức bầu cử Quốc hội thống nhất vào ngày 6-1-1946?".

- Là một biện pháp lớn để thực hiện việc củng cố chính quyền vững mạnh, khẳng định tính độc lập, tự chủ, thống nhất đất nước, củng cố khối đoàn kết toàn dân, phá tan âm mưu chia rẽ của kẻ thù; xác định quyền làm chủ nhà nước của nhân dân lao động, nhà nước của dân, do dân và vì dân. Đây là mục đích chiến lược của Đảng ta trước âm mưu xâm lược và phá hoại của kẻ thù...

Nêu tiếp vấn đề:

Trong cuộc đấu tranh chống đế quốc và phản động để bảo vệ chính quyền cách mạng, trong cùng một thời gian, chúng ta phải đương đầu với nhiều kẻ thù. Việc xác định kẻ thù chính của dân tộc là cần thiết, từ đó mới đề ra được những sách lược để đối phó với từng kẻ thù. Đảng ta đã xác định kẻ thù chính của dân tộc lúc này là thực dân Pháp. Vì sao?

- Thực dân Pháp đã thống trị ở Việt Nam. Nay được bọn đế quốc giúp đỡ muốn quay trở lại xâm lược Việt Nam, khôi phục lại nền thống trị thuộc địa của chúng.

Bài tập 4: "Khi đã xác định thực dân Pháp là kẻ thù chính của dân tộc, tại sao ta lại nhân nhượng, hoà hoãn với quân Tưởng mà không phải là hoà hoãn với Pháp? Nếu hoà với Pháp ngay từ đầu có lợi cho cách mạng không? Vì sao?".

- Tưởng và tay sai vào nước ta theo Hiệp định Pốtxđam, với danh nghĩa là Đồng minh vào tước vũ khí của quân Nhật. Bản thân đội quân này ô hợp, sức chiến đấu chưa cao. Tình hình trong nước, cách mạng Trung Quốc đang phát triển.

- Chúng chưa lộ rõ bộ mặt xâm lược, mới chỉ xúi giục bọn Việt quốc, Việt cách quấy phá cách mạng.

- Pháp với mưu đồ trở lại xâm lược nước ta, núp sau quân Anh, nhờ Anh giúp đỡ, đã nổ súng vào nhân dân ta ngay sau khi cách mạng thành công...

- Chủ trương của ta tránh đương đầu với nhiều kẻ thù cùng một lúc. Việc lựa chọn để hoà hoãn, nhân nhượng với Tưởng là một sách lược đúng đắn, kịp thời, tránh những tổn thất nặng nề cho dân tộc trong lúc này. Đây là sách lược phân hoá kẻ thù để loại trừ từng kẻ thù ra khỏi đất nước.

- Bản chất của kẻ thù (đế quốc) luôn luôn mâu thuẫn với nhau, song với âm mưu tiêu diệt các lực lượng cách mạng, chúng sẵn sàng câu kết với nhau. Vì vậy, chúng ta phải thận trọng, khéo léo trong sự nhân nhượng với Tưởng để tập trung chống Pháp ở Nam Bộ, nhân nhượng nhưng giữ được nguyên tắc - giữ vững sự lãnh đạo của Đảng.

Bài tập 5: "Tại sao Tưởng lại dễ dàng chấp nhận để Pháp kéo ra miền Bắc thay thế quân Tưởng? Khi Hiệp ước Hoa Pháp được ký ngày 28-2-1946, có ảnh hưởng gì tới cách mạng Việt Nam?".

Cách mạng Việt Nam chỉ được chọn một trong hai con đường:

- Chủ động đàm phán với Pháp.

- Cầm súng trực tiếp chống Pháp khi chúng kéo quân ra miền Bắc.

Bài tập 6: "Tại sao chúng ta lại lựa chọn đàm phán với Pháp trong lúc này khi nhân dân Nam Bộ đã cầm súng đứng lên chống Pháp ngay trong những ngày đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám?".

Việc quyết định này có đúng không? Một số người cho rằng, không hoà hoãn với ai hết, phải đánh đến cùng. Cách mạng là tiến công. Nhân nhượng, hoà hoãn là thoả hiệp, đầu hàng?

- Cần khẳng định: Hoà với Pháp lúc này là hết sức đúng đắn, chủ trương này là sáng suốt và kịp thời, đây là chủ trương hoà để tiến.

- Có thời gian để chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

- Nhờ kẻ thù tự loại kẻ thù, đuổi 20 vạn quân Tưởng về nước, kéo theo cả bọn tay sai của chúng, cách mạng giảm nhẹ những khó khăn.

- Chứng tỏ thiện chí mong muốn hoà bình của dân tộc Việt Nam, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thế giới và nhân dân tiến bộ Pháp.

- Hoà với Pháp là cần thiết trong lúc này nhưng đó có phải là mục đích của cách mạng không? Đó là sách lược mềm dẻo và thể hiện sự sáng suốt của Đảng ta trong phút giây lịch sử của dân tộc. Bởi vì, ta phải chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp. Một điều chắc chắn không thể tránh khỏi. Vì sao?

Nêu vấn đề tiếp tục tìm hiểu: Thông qua việc ký Hiệp định Sơ bộ 6-3 và Tạm ước 14-9, hãy làm rõ:

- Sự hoà hoãn của ta đối với Tưởng và Pháp có gì giống, và khác nhau?

- Thông qua những vấn đề ta nhân nhượng, hoà hoãn với kẻ thù, chúng ta đã thể hiện sự mềm dẻo về sách lược, cứng rắn về nguyên tắc ở những điểm nào?...

Đổi mới phương pháp dạy học là một vấn đề còn hết sức mới mẻ đối với đội ngũ giáo viên, những người đã quen thực

hiện cách dạy theo những quan điểm trước đây. Đây là một cuộc cách mạng về phương pháp, chuyển từ nhận thức đến hành động, từ suy nghĩ đến những việc làm cụ thể.

Một vài điều nêu trên, mong được trao đổi với đồng nghiệp để cùng nhau góp phần nâng cao chất lượng đào tạo; góp phần tạo ra những sản phẩm đáp ứng và thích nghi với những yêu cầu mà xã hội đặt ra.

VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA KIẾN THỨC LỊCH SỬ THẾ GIỚI VÀ LỊCH SỬ VIỆT NAM Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TS Ngô Minh Oanh[*]

Để đạt được mục đích toàn diện của việc dạy học lịch sử, chúng ta cần khai thác triệt để mối liên hệ mật thiết giữa kiến thức lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc nhằm tăng cường hiệu quả giáo dục bộ môn.

1. Cơ sở thực tiễn và khoa học của vấn đề

Khi con người và xã hội loài người mới xuất hiện, những điều kiện cho sự giao lưu còn hết sức hạn chế . Sự thiếu hiểu biết về những vùng đất ngoài nơi cư trú, phương tiện đi lại chưa có gì ngoài đôi chân, lại bị đè nặng bởi những thế lực siêu hình mà con người chưa thể giải thích được đã cản trở mối quan hệ của con người giữa các vùng đất khác nhau. Với đà tiến bộ dần dần của mình, con người đã xoá bỏ những rào cản để tiếp xúc và giao lưu với nhau . Ngay từ thời cổ đại, cư dân các vùng quanh Địa Trung Hải đã có sự giao tiếp với nhau. Mối quan hệ giữa các dân tộc với thế giới đã được phát triển mạnh mẽ từ cuối thời kỳ trung đại. Do sự phát triển của kinh tế hàng hóa, nhu cầu giao lưu, trao đổi, buôn bán

---

[*] Trưởng Bộ môn Phương pháp dạy học Lịch sử, Phó Trưởng khoa Lịch sử, trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh.

hàng hóa giữa phương Đông và phương Tây trở nên rất bức thiết. Sự phát triển kinh tế hàng hoá, sự khao khát gia vị, hương liệu quý và vàng bạc đã thúc đẩy người châu Âu tìm đường sang phương Đông. Những hiểu biết của con người về trái đất, về kỹ thuật đóng tàu, chế tạo la bàn đã giúp con người thực hiện những chuyến vượt biển thành công.

Những cuộc phát kiến địa lý cuối thế kỷ XV - đầu thế kỷ XVI đã đem lại kết quả vô cùng to lớn, tìm ra lục địa mới là châu Mỹ và biển Thái Bình Dương... Những con đường biển đến các châu lục mở ra triển vọng cho sự tiếp xúc và giao lưu kinh tế - văn hoá của nhân loại. Cùng với quá trình xác lập chế độ thực dân, quá trình di chuyển của các luồng dân cư được thực hiện trên quy mô lớn. Đấy là những đội quân xâm lược, các quan chức được phái đến các vùng đất mới, các nhà kinh doanh đổ xô đến làm ăn, giành giật thị trường ở những nơi chính quyền vừa xâm chiếm. Dân di thực kéo nhau đến các vùng đất mới để lập nghiệp. Người da đen bị bắt mang bán cho các đồn điền ở châu Mỹ. Các giáo sĩ tiến hành "mở rộng nước Chúa" đến các thuộc địa, tăng cường ảnh hưởng của Thiên Chúa giáo. Tất cả những luồng di cư đó đã diễn ra quá trình tiếp xúc và giao lưu giữa các nền văn hoá.

Quá trình này cũng đã làm cho khối lượng hàng hoá trao đổi và thị trường thế giới mở rộng chưa từng thấy. Thương mại mang tính quốc tế, mối quan hệ giữa thế giới với các dân tộc đã được mở ra. Mối quan hệ này ngày càng phát triển trong thời cận và hiện đại. Hiện nay, các dân tộc ngày càng gắn bó với nhau và gắn bó với thế giới hơn bao giờ hết . Không có một dân tộc nào muốn tồn tại và phát triển lại không quan hệ và hội nhập với thế giới .

Lịch sử xã hội loài người là một quá trình vận động liên tục theo những quy luật của nó. Trong quá trình phát triển

đó, lịch sử của từng dân tộc, từng quốc gia, từng cộng đồng người đều đóng góp chung vào dòng chảy của nhân loại. Các dân tộc trong quá trình phát triển của mình đều có mối quan hệ với các dân tộc khác và với toàn bộ lịch sử xã hội loài người; ngược lại, trong tiến trình lịch sử các dân tộc luôn mang dấu ấn của lịch sử nhân loại. Vì vậy, khi giảng dạy lịch sử dân tộc không thể không gắn với lịch sử nhân loại và ngược lại. Qua đó, chúng ta nhận thấy rằng, lịch sử của mỗi dân tộc là một bộ phận của lịch sử thế giới, vừa thể hiện cái chung mang tính quy luật của nhân loại, vừa thể hiện cái riêng, cái đặc thù làm phong phú thêm lịch sử nhân loại. Mối quan hệ giữa lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc thể hiện mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng . Cái chung và cái riêng không tách rời nhau, cái chung chỉ tồn tại trong cái riêng, còn cái riêng là biểu hiện của cái chung.

Nhận thức nội dung triết học trên nhằm khắc phục quan điểm phiến diện trong dạy học lịch sử, chỉ nhấn mạnh đến tính đặc thù mà quên tính phổ biến, chỉ nhấn mạnh lịch sử dân tộc mà không chú ý đến lịch sử thế giới, tách biệt hai quá trình đó trong giảng dạy lịch sử. Vận dụng quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử vào trong nghiên cứa và giảng dạy lịch sử khi trình bày một sự kiện, hiện tượng hay một quá trình lịch sử dân tộc, chúng ta phải nhìn nhận nó trong mối quan hệ với lịch sử thế giới, thấy được sự tác động và "dấu ấn" của lịch sử thế giới đến sự kiện, hiện tượng đó, nhằm khai thác, phục vụ cho dạy tốt lịch sử dân tộc..

Lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam đều có đối tượng nghiên cứu là tiến trình lịch sử do con người sáng tạo ra, nhưng lịch sử thế giới tập trung chú ý vào quá trình phát triển của xã hội loài người, những quy luật chung; khi nghiên

cứu cái riêng, cái cụ thể của lịch sử một dân tộc nào đó cũng là để tìm ra quy luật chung của thế giới. Nghiên cứu lịch sử dân tộc là nghiên cứu cái cụ thể để vừa chứng minh cho quy luật chung của thế giới, vừa tìm ra nét đặc thù trong sự phát triển của từng dân tộc. Những vấn đề chủ yếu của lịch sử thế giới được biểu hiện cụ thể trong lịch sử từng dân tộc. Sự tồn tại và phát triển khách quan của lịch sử luôn chứa đựng mối quan hệ lẫn nhau giữa lịch sử dân tộc với lịch sử khu vực và lịch sử thế giới.

Nếu như môn lịch sử dân tộc cho học sinh nắm được tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc, giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, tự hào về truyền thống quê hương, đất nước, thì lịch sử thế giới làm cho học sinh nắm được quy luật chung, phát triển khách quan của xã hội loài người, có được cái nhìn bao quát về lịch sử nhân loại; từ đó học sinh mới hiểu được vị trí của lịch sử dân tộc, những đóng góp của dân tộc mình vào dòng chảy của lịch sử nhân loại, thấy được cái phổ biến và cái đặc thù của dân tộc mình và các dân tộc khác trong tiến trình lịch sử.

Qua nhiều lần cải cách giáo dục, chương trình lịch sử ở trường phổ thông chú trọng đến mối quan hệ giữa các khoá trình lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới. Tuy nhiên, việc tách rời giữa hai khoá trình vẫn còn khá phổ biến, dẫn tới sự trùng lặp, hoặc không hỗ trợ cho nhau, không làm cho học sinh nắm được mối liên hệ giữa kiến thức về lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc.

Tình hình này được khắc phục dần. Bởi vì, những kiến thức lịch sử thế giới giúp học sinh nắm được quá trình ra đời và phát triển của xã hội loài người, quy luật và xu thế phát triển khách quan của lịch sử. Những kiến thức mà lịch sử

thế giới cung cấp có liên quan đến lịch sử dân tộc sẽ giúp học sinh hiểu sâu sắc thêm những sự kiện và tiến trình lịch sử dân tộc, hiểu hơn về đất nước mình, tự hào về dân tộc mình khi so sánh với các dân tộc trên thế giới, cũng như sự đóng góp của dân tộc vào tiến trình phát triển lịch sử thế giới.

Sử dụng kiến thức lịch sử thế giới để dạy tốt lịch sử Việt Nam là trong dạy học lịch sử dân tộc cần đặt các sự kiện, hiện tượng lịch sử trong bối cảnh của khu vực và thế giới, trình bày mối quan hệ và tác động lẫn nhau giữa các sự kiện lịch sử, giữa các quốc gia. Nếu biết trình bày vấn đề trong mối quan hệ nói trên sẽ giúp học sinh hiểu rõ bối cảnh thế giới và khu vực, sự tác động của những quy luật chung đến lịch sử dân tộc, Đồng thời hiểu rõ vị trí và những đóng góp của dân tộc vào lịch sử nhân loại. Nắm chắc lịch sử thế giới giúp học sinh có lòng tự hào chính đáng về dân tộc mình, có cơ sở khoa học để lý giải những vấn đề phức tạp, thời sự đã và đang diễn ra trong nước và trên thế giới.

2. Con đường và biện pháp sử dụng kiến thức lịch sử thế giới để dạy tốt lịch sử Việt Nam

Tuy có những hạn chế trên nhưng nếu người giáo viên lịch sử biết khắc phục để vận dụng, khai thác những thuận lợi thì cũng có thể giúp ích nhiều cho việc giảng dạy lịch sử dân tộc.

Hiện nay, theo thiết kế chương trình và sách giáo khoa thì kiến thức lịch sử thế giới có thể chia thành hai mảng chính :

- Lịch sử thế giới được thiết kế thành một giáo trình riêng, được dạy trong khoảng một học kỳ sau đó sẽ học tiếp lịch sử Việt Nam. Đây là những kiến thức được trình bày một

cách có hệ thống, tương đối đầy đủ về lịch sử nhân loại, nhưng việc vận dụng để dạy tốt lịch sử dân tộc tương đối khó khăn, vì thường được bố trí học xa với lịch sử Việt Nam cùng một giai đoạn . Giáo viên phải có sự liên hệ với lịch sử dân tộc khi giảng một thời kỳ, một sự kiện, một hiện tượng nào đó liên quan đến Việt Nam. Nhưng do thời gian eo hẹp, lại thường khi liên hệ không phải học sinh đã nhớ ngay, điều này đã gây khó khăn không nhỏ cho giáo viên.

- Những kiến thức lịch sử thế giới được trình bày ở phần bối cảnh, tình hình trước một giai đoạn, hay một sự kiện nào đó trong bài học lịch sử Việt Nam . Những kiến thức lịch sử thế giới này có thuận lợi là được phân bố thời gian để giáo viên trình bày cho học sinh, nhưng vì là phần kiến thức hổ trợ, giúp học sinh hiểu rõ hơn một sự kiện lịch sử nào đó của lịch sử dân tộc nên thường chỉ được trình bày rất sơ lược, nhiều khi chỉ nhắc đến cho có .

Kiến thức lịch sử thế giới thường rất rộng và phức tạp, bao gồm nhiều thời kỳ, nhiều khu vực, với nhiều sự kiện, khái niệm, cho nên muốn vận dụng được, đòi hỏi giáo viên phải nắm rất vững kiến thức lịch sử thế giới.

Mục đích của việc sử dụng kiến thức lịch sử thế giới trong khi dạy lịch sử dân tộc là làm cho học sinh thấy được mối quan hệ biện chứng giữa lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc, giúp học sinh hiểu được vị trí của lịch sử dân tộc trong lịch sử nhân loại, từ đó hiểu sâu sắc hơn những tác động của lịch sử thế giới đến Việt Nam và ngược lại. Thấy được mối liên hệ nhân quả và sự tác động qua lại giữa lịch sử dân tộc và lịch sử nhân loại.

Về tầm vĩ mô, muốn sử dụng triệt để kiến thức lịch sử thế giới để dạy tốt lịch sử Việt Nam, trong việc cấu tạo chương

trình và sách giao khoa cần sắp xếp các giai đoạn lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc có cùng thời gian được giảng gần nhau.

Dành một thời gian thích đáng trong việc trình bày các sự kiện lịch sử thế giới có ảnh hưởng đến lịch sử Việt Nam ở phần bối cảnh, tình hình hay nguyên nhân dẫn đến một sự kiện nào đó của lịch sử dân tộc .

Dạy học lịch sử là giúp học sinh nhận thức, tức là cung cấp và hướng dẫn cho học sinh tìm tòi những kiến thức về quá khứ. Nhận thức lịch sử đã diễn ra từ khi con người xuất hiện. Mọi dân tộc đều khám phá, tìm hiểu và để lại những hiểu biết về quá khứ, về nguồn gốc tổ tiên, đất nước bằng những câu chuyện cổ tích, thần thoại. Từ tri thức lịch sử đến khoa học lịch sử là một chặng đường dài. Khoa học lịch sử hình thành khi đã hình thành được một hệ thống tri thức về những hoạt động của con người trong quá khứ, tổng kết những hoạt động của con người trong cuộc đấu tranh với tự nhiên và xã hội. Những hiểu biết này đạt được trình độ khái quát hoá, trừu tượng hoá, đi sâu vào bản chất, phát hiện ra quy luật vận động, mối liên hệ biện chứng của thế giới. Tuy nhiên, cũng cần nhắc lại ở đây những đặc thù của nhận thức lịch sử nói chung và học tập lịch sử nói riêng. Nhận thức lịch sử là nhận thức các sự kiện lịch sử đã xảy ra trong quá khứ với cự ly thời gian khác nhau từ hàng chục triệu đến hàng chục năm. Quá trình nhận thức lịch sử đi ngược chiều với sự vận động của lịch sử. Học sinh không có toàn bộ đối tượng trước mắt mình, hay được lặp lại trong phòng thí nghiệm để nghiên cứu.

Vạch ra bản chất, quy luật và những mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa chúng trong nhiều trường hợp, thực chất là sự tác động lẫn nhau giữa các sự kiện lịch sử thế giới và sự

kiện lịch sử dân tộc, và các sự kiện dân tộc với nhau. Việc giảng dạy lịch sử nói chung và việc sử dụng kiến thức lịch sử thế giới để dạy tốt lịch sử dân tộc không nằm ngoài nội dung và phương pháp dạy học lịch sử. Giáo viên phải vận dụng nhuần nhuyễn các phương pháp dạy học bộ môn, như phương pháp thông tin, tái hiện lịch sử, phương pháp nhận thức lịch sử, phương pháp tìm tòi, nghiên cứu để hình thành tri thức cho học sinh, từ tạo biểu tượng, hình thành khái niệm, rút ra quy luật và bài học lịch sử.

Sử dụng kiến thức lịch sử thế giới để dạy tốt lịch sử Việt Nam, người giáo viên phải tùy theo từng bài, từng chương cụ thể mà đề ra mục đích, yêu cầu cần đạt được trong khi tiến hành một bài dạy cụ thể, từ đó lựa chọn các phương pháp dạy học thích hợp.

Trước hết, cần xác định những kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới trong một giai đoạn cụ thể nhằm làm cho học sinh hiểu rõ hơn mối quan hệ giữa Việt Nam và thế giới, ảnh hưởng và tác động của lịch sử thế giới đến lịch sử dân tộc và sự đóng góp của dân tộc đối với thế giới. Cần làm cho học sinh thấy rõ những điều kiện khách quan và chủ quan, những nguyên nhân trực tiếp và gián tiếp dẫn đến các sự kiện và hiện tượng lịch sử dân tộc.

Giáo viên có thể sử dụng hệ thống câu hỏi, bài tập nhận thức, đồ dùng trực quan để học sinh thấy được mối liên hệ giữa lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc.

Để khai thác triệt để nội dung lịch sử thế giới trong dạy học lịch sử Việt Nam, chúng ta có thể sử dụng một sốbiện pháp như sau:

- Chỉ ra mối liên hệ nhân quả giữa lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc.

- So sánh, đối chiếu các sự kiện, hiện tượng và nhân vật lịch sử.

- Liên hệ, rút ra bài học, kinh nghiệm lịch sử.

Bước đầu, chúng tôi thử nêu ra một vài ví dụ cụ thể theo hướng trên để tham khảo.

Thứ nhất, chỉ ra mối liên hệ nhân quả:

- Khi giảng bài *"Những chuyển biến về kinh tế, chính tri, xã hội của Việt Nam từ 1919 đến 1930"*, trình bày mục *"Chương trình khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp"*, chúng ta làm rõ bối cảnh thế giới và những nguyên nhân khiến thực dân Pháp ráo riết tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ngay sau khi chiến tranh vừa kết thúc.

Giáo viên có thể đặt câu hỏi: *"Thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai trong hoàn cảnh nào?"*

Từ đó hướng dẫn học sinh trả lời theo các ý sau đây để làm nổi bật sự tác động của tình hình thế giới đến cuộc khai thác lần hai của Pháp:

+ Chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc, tuy là nước thắng trận nhưng bị tổn thất rất nặng nề về kinh tế và tài chính, trở thành con nợ của Mỹ, số nợ quốc gia vào năm 1920 đã lên tới 300 tỷ phơrăng.

+ Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi (1917), chính quyền Xôviết tuyên bố xóa các khoản nợ nước ngoài của Nga hoàng cũng như quốc hữu hoá các nhà máy và xí nghiệp nước ngoài, trong lúc đó Nga là thị trường đầu tư lớn nhất của Pháp (bị mất trắng).

+ Do lạm phát, giá cả đắt đỏ, đời sống khó khăn..., phong trào đấu tranh của nhân dân lao động Pháp và các thuộc địa dâng cao.

Trình bày như vậy, học sinh sẽ hiểu rõ hơn về mục đích, quy mô, tốc độ, những thủ đoạn và tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần hai đến xã hội Việt Nam.

- Sử dụng sơ đồ quan hệ nhân quả trong bài "*Phong trào dân chủ 1936 - 1939*":

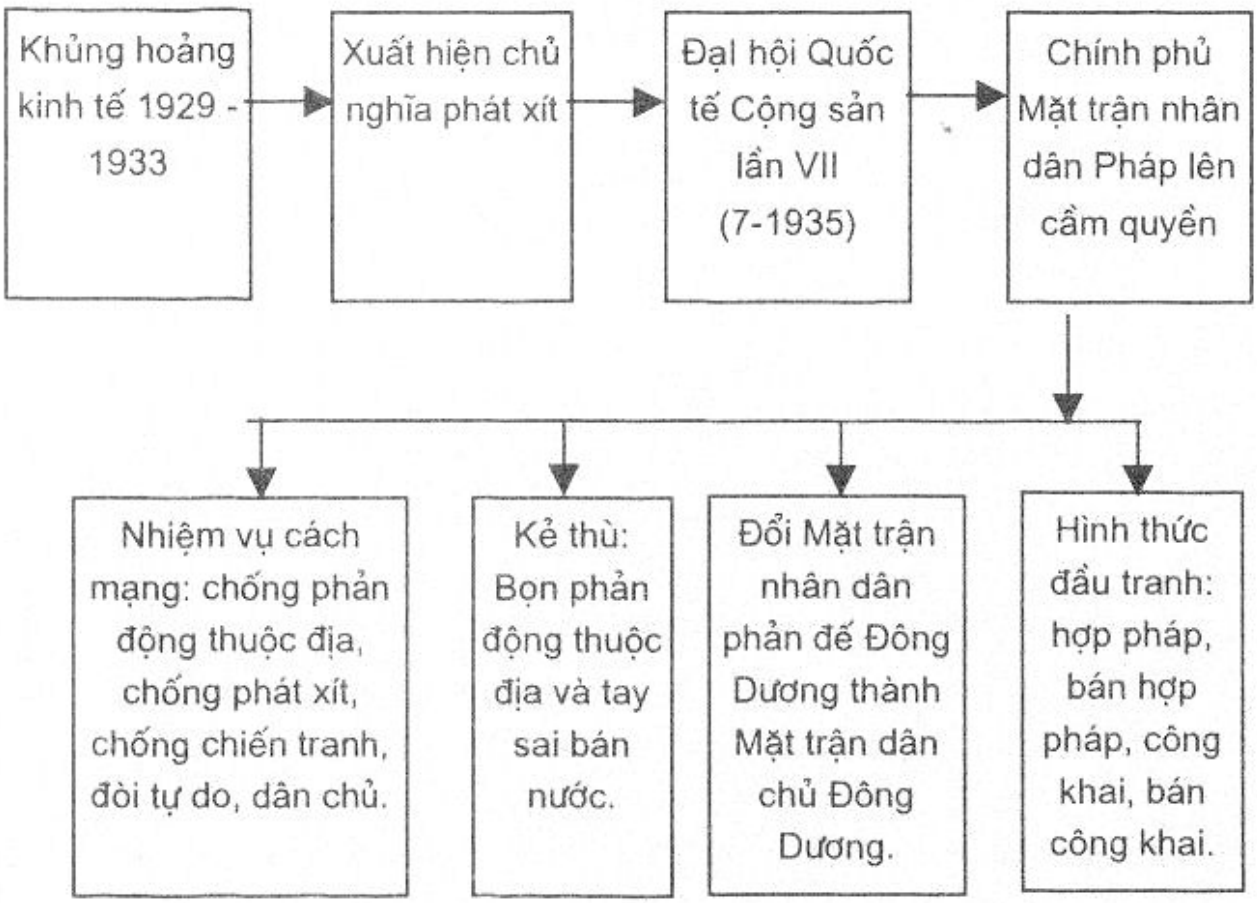

Sơ đồ trên đây giúp học sinh thấy được tác động của tình hình thế giới đến đường lối cách mạng nước ta, thể hiện sự vận dụng sáng tạo, linh hoạt chủ nghĩa Mác – Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam.

- Có thể sử dụng sơ đồ "Chớp thời cơ, phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám"*, trong bài *"Cách mạng tháng Tám thành công trong cả nước"* để cho học sinh thấy được hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, sự nhạy bén và quyết tâm cao độ của Đảng ta trong việc chớp thời cơ để giành chính quyền:

Nguyên nhân thắng lợi nhanh chóng của Cách mạng tháng Tám.		Tại sao Đảng ta quyết định tổng khởi nghĩa không chậm trễ khi Nhật đầu hàng Đồng Minh
	1. Cuộc tấn công của quân đội Liên Xô vào Béclin, phát xít Đức đầu hàng, 5-1945.	
	2. Hồng quân Liên Xô đánh tan quân Quan Đông của Nhật, Nhật đầu hàng Đồng minh (13-8-1945).	
	3. Sự hoang mang cực độ của quân Nhật và bọn tay sai Nhật ở Đông Dương.	
	4. Quân đội Tưởng, Anh chưa vào Việt Nam.	
	5. Nhân dân sẵn sàng theo Đảng giành chính quyền.	
	6. Quyết định Tổng khởi nghĩa kịp thời của Đảng và Tổng bộ Việt Minh (Hội nghị toàn quốc của Đảng từ 13-15/8).	
	7. Thành lập Uỷ ban giải phóng dân tộc (Hội nghị Quốc dân Tân Trào 16/8).	
	8. Giải phóng Thái Nguyên (chiều 16-8) mở đầu Tổng khởi nghĩa.	
	9. Hoạt động của đội tuyên truyền cách mạng ở Hà Nội.	
	10. Mít tinh ở Hà Nội, quần chúng nhân dân chiếm phủ Khâm sai, trại lính Bảo an, giành chính quyền ở Hà Nội (19-8).	
	11. Đấu tranh của nhân dân cả nước, giành chính quyền ở Huế (23-8), Sài Gòn (25-8), một số tỉnh còn lại ở Nam Bộ (28-8).	
	12. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị (30-8).	
	13. Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập (2-9).	

* Sơ đồ này lấy từ cuốn *"Thiết kế bài giảng lịch sử ở trường Trung học phổ thông"*, GS Phan Ngọc Liên (chủ biên). Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội, 1999, tr 262.

- Trong bài "*Cách mạng tháng Tám thành công trong cả nước*" cũng có thể sử dụng băng thời gian để trình bày cho học sinh thấy hoàn cảnh (thời cơ) khách quan thuận lợi của Cách mạng tháng Tám:

LSTG: 9/5 8/8 13/8 6/9 →

LSVN 13-15/8, 16,17,19,23,25,28,30,2/9

Sử dụng bảng so sánh đối chiếu:

- So sánh cải tổ ở Liên Xô và đổi mới ở Việt Nam:

	Liên Xô	Việt Nam
Bối cảnh:	Mô hình và cơ chế cũ của CNXH không còn phù hợp, cản trở sự phát triển. Thiếu công bằng, thiếu dân chủ, quan liêu, độc đoán, làm nhân dân bất mãn, đất nước lâm vào tình trạng trì trệ.	Trải qua hai Đại hội (IV, V), bên cạnh thành tựu, còn không ít yếu kém, khó khăn do sai lầm, khuyết điểm gây ra làm cho đất nước từ giữa những năm 80 lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng.
Đổi mới về chính trị:	Đa nguyên, đa đảng, thực hiện chế độ Tổng thống, tập trung quyền lực.	Đổi mới không thay đổi mục tiêu CNXH. Đổi mới chính trị phải tích cực, vững chắc, lấy dân làm gốc.
Đổi mới về kinh tế:	Chuyển từ cơ chế bao cấp sang kinh tế thị trường trong lúc cơ chế mới chưa hình thành.	Thừa nhận sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế, phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
Chính sách đối ngoại:	Thân phương Tây, xa rời bạn bè truyền thống.	Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

Hậu quả:	Nền kinh tế suy sụp, tệ nạn xã hội phát triển; mâu thuẫn dân tộc và sắc tộc, chia rẽ trong Đảng, tạo thời cơ cho các thế lực chống CNXH; đời sống nhân dân sa sút, thất nghiệp. Liên Xô sụp đổ.	Được sự hưởng ứng rộng rãi của xã hội, khơi dậy tiềm năng và sức sáng tạo của quần chúng. Đạt được thành tựu về mọi mặt. Ổn định và phát triển.

Có thể sử dụng bảng so sánh *cải tổ ở Liên Xô và đổi mới ở Việt Nam* trên đây khi dạy bài 17: "*Việt Nam trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội*", phần II: *Đất nước trên con đường đổi mới,* Lịch sử lớp12, tập 2. Từ bảng so sánh trên giúp học sinh thấy được con đường đổi mới đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta và tin tưởng vào đường lối đổi mới mà Đảng ta đã và đang tiến hành.

- Bảng so sánh quá trình phát triển của cách mạng ba nước Đông Dương khi dạy bài "*Các nước Á, Phi, Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai*":

Thời gian Các nước	Quá trình phát triển Cách mạng Lào	Quá trình phát triển Cách mạng Campuchia	Quá trình phát triển Cách mạng Việt Nam
Giai đoạn 1945-1954	12-10-45: Tuyên bố độc lập. 3-46: Pháp quay trở lại xâm lược.	10-45: Pháp quay lại xâm lược.	2-9-1945: Tuyên bố độc lập. 19-12-46: Toàn quốc kháng chiến chống Pháp.

Giai đoạn 1954-1975	7-54: Mỹ can thiệp. 22-12-75: Nước Cộng hoà DCND Lào ra đời.	Từ 1954: Thi hành đường lối hoà bình trung lập. 3-70: Mỹ giật dây lật đổ Xihamúc. 17-4-75: giải phóng Phnômpênh.	20-7-54: Hiệp định Giơnevơ được ký kết. 30-4-75: Giải phóng Sài Gòn.
Giai đoạn 1975–1991	Từ sau năm 1975 xây dựng đất nước.	7-1-1979: Chế độ Pôn Pốt bị lật đổ. 23-10-91: Ký kết Hiệp định hoà bình Campuchia.	12-1986: Đại hội Đảng VI, mốc đánh dấu thời kỳ đổi mới.

Sử dụng bảng so sánh này giúp học sinh thấy được những nét tương đồng về thời gian, kẻ thù, nhiệm vụ, các giai đoạn của cách mạng ba nước Đông Dương, từ đó thấy được sự đoàn kết chiến đấu keo sơn giữa ba dân tộc anh em trong lịch sử và hiện tại.

*

* *

Vận dụng kiến thức lịch sử thế giới để dạy tốt lịch sử Việt Nam là một biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử. Người giáo viên lịch sử luôn có ý thức về vấn đề này và không ngừng trau dồi kiến thức và kỹ năng sư phạm, tuỳ trường hợp và hoàn cảnh cụ thể mà vận dụng sáng tạo các phương pháp và biện pháp dạy học thích hợp để đạt được mục tiêu bộ môn.

DẠY HỌC CÁC VẤN ĐỀ VĂN HOÁ TRONG KHOÁ TRÌNH LỊCH SỬ DÂN TỘC Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

TS Trần Viết Thụ[*]

I. VẤN ĐỀ VĂN HÓA TRONG CHƯƠNG TRÌNH LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Thực hiện việc dạy học Lịch sử, đảm bảo tính toàn diện, tức là tìm hiểu trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, vấn đề văn hoá ngày càng được chú trọng.

Hiện nay vẫn còn có những quan niệm khác nhau về khái niệm "văn hoá". Một cách chung nhất có thể hiểu "Văn hoá là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích luỹ qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong đó sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình"[(1)].

Việc tìm hiểu những định nghĩa về khái niệm *"văn hoá"* bên cạnh khái niệm *"văn minh"* giúp chúng ta có cơ sở xác định những vấn đề văn hóa được trình bày trong sách giáo khoa Lịch sử[(2)].

---

[*] Khoa Lịch sử - trường Đại học Sư phạm Vinh.

(1) Trần Ngọc Thêm: *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*. Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1996, tr. 27.

(2) A.I.Xtoradôp: *Phương pháp giảng dạy lịch sử*. Nxb Giáo dục,Matxcơva, 1964, tr. 134,tiếng Nga.

Nét đặc trưng thứ nhất của nội hàm khái niệm "văn hóa"trong lịch sử ở trường phổ thông là những sự kiện, hiện tượng lịch sử phản ánh hoạt động sáng tạo văn hoá của con người, chủ yếu là các thành tựu về tư tưởng, triết học, khoa học, văn học, nghệ thuật... trong những giai đoạn lịch sử khác nhau. Nó giúp học sinh phân biệt với các sự kiện, hiện tượng lịch sử về hoạt động sản xuất, kinh tế hay chính trị, quân sự.

Với cách hiểu trên, khái niệm *"văn hóa"* trong chương trình và sách giáo khoa Lịch sử ở trường phổ thông có liên quan tới khái niệm *"văn hóa"* của văn hóa học, nhưng không đồng nhất với nhau. Những kiến thức về văn hoá mà bộ môn Lịch sử giới thiệu cho học sinh tuy không phản ánh đầy đủ tất cả các lĩnh vực khác nhau của đời sống văn hóa, nhưng cũng góp ghần làm rõ thêm diện mạo văn hóa của một quốc gia, dân tộc trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Đồng thời, những sự kiện về văn hoá giúp học sinh hiểu lịch sử một cách toàn diện hơn. Từ đó, chúng ta quan niệm rằng, một số bài trình bày các nền văn hoá, văn minh của nhân loại là những nội dung văn hoá trong môn Lịch sử. Đây không phải là những chuyên đề về văn hóa, cũng không phải là bài về lịch sử văn hóa hay văn minh. Việc đưa những bài này vào chương trình, không ngoài mục đích giúp học sinh nắm một cách khái quát và toàn diện lịch sử dân tộc.

Đặc trưng khác của khái niệm "văn hoá" trong khoá trình lịch sử ở trường phổ thông là những sự kiện, hiện tượng về văn hoá được trình bày dưới góc độ lịch sử, tức là theo tiến trình phát triển của xã hội loài người và dân tộc. Trong môn Lịch sử, "*văn hóa tinh thần* được thể hiện như một hình thái ý thức xã hội, những biểu hiện nhiều mặt của nó (giáo dục và

khoa học, văn học và nghệ thuật, văn tự và xuất bản, nhà hát,...) *được xem xét trong tiến trình lịch sử của chúng, trong mối liên hệ và sự phát triển liên tục, trong điều kiện xã hội của chúng*"[1].

Dưới quan điểm lịch sử, những vấn đề văn hóa trong sách giáo khoa được trình bày chủ yếu trên hai mặt:

Một là, giới thiệu vấn đề văn hoá trong quá trình phát sinh, phát triển, trong sự vận động của nó và tác động to lớn của văn hóa đến đời sống xã hội.

Hai là, giới thiệu những vấn đề văn hóa trong mối quan hệ, tác động qua lại giữa sự kiện, hiện tượng về văn hóa đối với điều kiện lịch sử sản sinh ra nó, cũng như với các sự kiện, hiện tượng lịch sử khác.

Đặc trưng nữa của nội hàm khái niệm "văn hoá" sử dụng trong môn Lịch sử thể hiện ở tính mục đích khi trình bày những nội dung của nó, làm cho việc học tập lịch sử sâu sắc, toàn diện hơn.

Nói tóm lại, khái niệm *"văn hóa"* trong môn Lịch sử ở trường phổ thông bao gồm các dấu hiệu cơ bản sau đây:

Một là, những vấn đề văn hóa trong môn Lịch sử là các sự kiện, hiện tượng lịch sử phản ánh những thành tựu văn hóa (chủ yếu thuộc lĩnh vực văn hóa tinh thần), như văn chương, nghệ thuật, khoa học, giáo dục... của một quốc gia, dân tộc hay khu vực, trong một giai đoạn lịch sử nhất định để phân biệt với các vấn đề khác của lịch sử như chính trị, quân sự, kinh tế...

---

[1] G.R. Côxôva: *Học tập những vấn đề văn hoá trong khoá trình Lịch sử Liên Xô ở trường phổ thông*. Nxb Giáo dục, M. 1987, tr. 3, (tiếng Nga).

Hai là, những vấn đề văn hóa được trình bày dưới quan điểm lịch sử, dựa trên đặc trưng của khoa học lịch sử nói chung, bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông nói riêng. Các sự kiện, hiện tượng về văn hóa được giới thiệu trong quá trình phát sinh, phát triển, trong mối quan hệ, tác động qua lại giữa điều kiện lịch sử với văn hóa, giữa văn hóa với các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội...

Ba là, những vấn đề văn hóa trong khóa trình lịch sử phổ thông chủ yếu giúp học sinh hiểu đúng, hiểu toàn diện lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới. Do đó, nó là một bộ phận cấu thành tri thức lịch sử cho học sinh.

Ý nghĩa của việc dạy học những vấn đề văn hóa trong khóa trình lịch sử dân tộc ở trường phổ thông rất lớn.

Trước hết, việc bồi dưỡng tư tưởng, đạo đức, tình cảm cho học sinh được thể hiện ở các mặt chủ yếu sau:

- Thông qua các bài học lịch sử cụ thể, khi tìm hiểu những sự kiện, hiện tượng văn hóa cụ thể, học sinh từng bước nhận thức được rằng, bất cứ một thành tựu văn hóa nào cũng gắn liền với một điều kiện kinh tế - xã hội nhất đlnh, trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Những bài học lịch sử đã chứng minh rằng, điều kiện kinh tế - xã hội là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển hay suy tàn của văn hóa. Ngược lại, sự phát triển của văn hóa tác động trở lại đời sống kinh tế và các mặt khác của xã hội. Vì thế, khi người ta nói văn hóa là động lực phát triển của xã hội chính là để nhấn mạnh sự tác động, ảnh hưởng trở lại mạnh mẽ của văn hóa đối với các cơ sở đã sản sinh ra nó. Trên cơ sở nhận thức đó, giáo viên từng bước hình thành ở học sinh *thế giới quan duy vật* như các sự kiện lịch sử khác.

- Mặt khác, khi tìm hiểu các sự kiện về văn hóa trong sách giáo khoa, học sinh không chỉ khẳng định vai trò của quần chủng nhân dân mà còn hiểu biết thêm những gương mặt văn hóa tiêu biểu của dân tộc trong các giai đoạn lịch sử khác nhau. Họ không chỉ là những nhà quân sự, chính trị, hoạt động xã hội lỗi lạc mà còn là những nhà thơ, nhà văn, nhà khoa học xuất sắc. Sáng tạo của các danh nhân này đã làm phong phú thêm kho tàng văn hoá dân tộc và nhân loại, có tác dụng tích cực đối với sự phát triển lịch sử, xã hội.

- *Cuối cùng,* những vấn đề văn hóa trong khóa trình lịch sử dân tộc ở trường Trung học phổ thông không những giúp cho học sinh hiểu rõ và tự hào về những di sản văn hóa của nhân dân ta mà còn giáo dục các em *ý thức, trách nhiệm bảo vệ các giá trị văn hóa* ấy, có tác dụng giáo dục *quan điểm và cảm xúc thẩm mỹ* đúng đắn.

Ngoài việc góp phần thực *hiện nhiệm vụ giáo dưỡng* (hình thành tri thức lịch sử) và *nhiệm vụ giáo dục* của bộ môn, việc dạy học những vấn đề văn hóa trong các khóa trình lịch sử dân tộc ở trường Trung học phổ thông còn phát triển ở học sinh năng lực tư duy và hành động thực tiễn. Cụ thể là:

Thứ nhất, rèn luyện học sinh khả năng phát hiện, phân tích nguyên nhân xuất hiện, quá trình phát sinh, phát triển của những sự kiện, hiện tượng văn hóa. Thông qua từng nội dung cụ thể của khóa trình, học sinh nhận thức được rằng, bất cứ một hiện tượng văn hóa nào cũng đều xuất phát từ điều kiện kinh tế - xã hội nhất định. Chính những hiện tượng văn hóa đó phản ánh điều kiện kinh tế - xã hội đã sản sinh ra nó. Ngược lại, những thành tựu văn hóa đến lượt nó, tác động trở lại đời sống kinh tế - xã hội và thúc đẩy nó phát triển mạnh mẽ hơn.

Thứ hai, hình thành ở học sinh khả năng xác định điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, mối quan hệ tác động qua lại giữa văn hóa với các lĩnh vực hoạt động khác nhau của con người trong xã hội. Qua đó rèn luyện năng lực đánh giá, nhận xét vai trò của văn hóa đối với sự vận động và phát triển của xã hội, khả năng phân biệt và có thái độ đối với các hiện tượng văn hóa và hiện tượng *"phi văn hóa"* trong cuộc sống hiện nay.

Thứ ba, góp phần rèn luyện học sinh các thao tác tư duy, như phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa, trừu tượng hóa v.v...

Việc dạy học những vấn đề văn hóa trong các khóa trình lịch sử dân tộc ở trường Trung học phổ thông không những góp phần rèn luyện học sinh khả năng nhận thức mà còn phát triển ở các em năng lực hoạt động thực tiễn:

- Khả năng cảm thụ nội dung một tác phẩm văn học, một công trình kiến trúc... dưới góc độ lịch sử. .

- Khả năng tham gia thiết kế và xây dựng các đồ dùng trực quan phục vụ cho việc dạy học nội dung văn hóa, như vẽ bản đồ các di tích văn hóa, đắp sa bàn về một công trình văn hóa tiêu biểu, phục chế một hiện vật văn hóa nào đó v.v...

- Khả năng miêu tả một công trình kiến trúc, giải thích một hiện tượng văn hóa, hiểu và phân tích được giá trị, ý nghĩa của một thành tựu văn hóa...

- Tham gia những hoạt động công ích xã hội, như góp phần phát hiện, sưu tầm các tác phẩm văn hóa, tích cực tuyên truyền và có hành động cụ thể, thiết thực bảo vệ các di tích lịch sử - văn hóa, các giá trị văn hóa của địa phương.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ nêu trên, trong dạy học lịch sử, cần khai thác nội dung các vấn đề văn hoá trong chương trình, sách giáo khoa:

- Các nền văn hoá, văn minh truyền thống của dân tộc.

- Văn thơ yêu nước chống Pháp nửa sau thế kỷ XIX.

- Chính sách văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp và cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn hoá.

- Thành tựu văn hoá cách mạng từ sau 1945 đến nay...

II. CÁC BIỆN PHÁP SƯ PHẠM NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY HỌC NHỮNG VẤN ĐỀ VĂN HOÁ TRONG KHOÁ TRÌNH LỊCH SỬ DÂN TỘC Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1. Những yêu cầu của việc dạy học những vấn đề văn hoá trong môn Lịch sử ở trường phổ thông

Khi giảng dạy những vấn đề văn hoá trong môn Lịch sử, giáo viên cần nhận thức đây là dạy một sự kiện lịch sử, chứ không phải tìm hiểu chuyên sâu về văn hóa. Học sinh nắm được các kiến thức về văn hóa thông qua nhận thức sự kiện, hiện tượng lịch sử cụ thể, xuất phát từ sự vận động, diễn biến của sự kiện, thông qua việc xác định thời gian, không gian xảy ra sự kiện lịch sử, theo các nguyên tắc:

- Đảm bảo *tính cơ bản* là một nguyên tắc của việc dạy học lịch sử nói chung, dạy học những vấn đề văn hóa nói riêng. Trong các khóa trình lịch sử dân tộc ở trường Trung học phổ thông có thể đề cập tới nhiều sự kiện, hiện tượng văn hóa khác nhau, nhưng giáo viên cần phải lựa chọn một số lĩnh vực văn hóa cơ bản, tiêu biểu, cần thiết cho việc tìm hiểu đời sống văn hóa hoặc giai đoạn lịch sử nào đó của học sinh. Ví như, khi đề cập tới *cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa - tư tưởng trong phong trào dân chủ (1936- 1939)*, giáo viên chỉ

cần lựa chọn và giới thiệu cho học sinh những sự kiện tiêu biểu, như sự xuất hiện và nở rộ của sách báo công khai, sự chuyển biến của một số trào lưu văn học... đủ để học sinh hiểu thêm về nội dung và hình thức đấu tranh của phong trào.

Khi giảng dạy những vấn đề văn hoá, giáo viên chủ yếu trình bày cho học sinh hiểu cuộc đấu tranh về thế giới quan giữa tư tưởng tiến bộ với tư tưởng lạc hậu thể hiện trong các lĩnh vực văn hóa, làm cho học sinh hiểu được điều kiện lịch sử đã dẫn đến sự xuất hiện các hiện tượng văn hóa và đánh giá vai trò của những hiện tượng ấy đối với sự tiến bộ xã hội. Chỉ có như vậy, môn Lịch sử mới thiết thực góp phần nâng cao nhận thức của học sinh về các vấn đề văn hóa, đồng thời vẫn không xa rời chức năng, nhiệm vụ, đặc trưng của bộ môn.

- *Đảm bảo tính cụ thể, trực quan và truyền cảm* là yêu cầu có tính nguyên tắc khi dạy học những vấn đề văn hoá cũng như bất cứ nội dung nào của môn Lịch sử. Nguyên tắc bảo đảm tính trực quan, cụ thể và truyền cảm trong dạy học các sự kiện văn hóa không chỉ thể hiện trong phương pháp mà phải thấu suốt trong tất cả các yếu tố của quá trình dạy học, từ lựa chọn nội dung đến tổ chức hoạt động nhận thức của học sinh, từ hoạt động dạy của giáo viên đến hoạt động học của học sinh...

- Tính phức tạp, nhiều mặt của văn hoá đòi hỏi người giáo viên phải tổ chức *nhiều hình thức hoạt động ngoại khoá để hỗ trợ cho bài nội khóa.* Rõ ràng là, trong một tiết lên lớp nội khóa, do bị khống chế nhiều yếu tố khác nhau (về thời gian, kiến thức cơ bản của bài học, khả năng tiếp nhận tri thức của học sinh, phương tiện và các điều kiện dạy học khác

v.v...) nên giáo viên không thể giới thiệu cho các em tất cả các sự kiện văn hóa trong sách giáo khoa và khó thực hiện việc bổ sung các tài liệu tham khảo khác. Hoạt động ngoại khóa sẽ góp phần mở rộng, nâng cao nhận thức của học sinh, đáp ứng tính đa dạng, phức tạp của những vấn đề văn hóa.

Trên cơ sở các nguyên tắc nêu trên, cần phải xác định phương pháp, biện pháp dạy học các sự kiện văn hóa trong môn Lịch sử:

- Các biện pháp dạy học những sự kiện văn hóa là sự cụ thể hoá hệ thống phương pháp dạy học lịch sử, là một nhân tố trong quá trình dạy học lịch sử, có mối quan hệ với các nhân tố khác.

- Trong mối quan hệ tương tác, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các nhân tố của quá trình dạy học, ngoài mục đích, nhiệm vụ cụ thể của bộ môn, *nội dung dạy học có ảnh hưởng lớn đến việc lựa chọn và vận dụng nhiều phương pháp, biện pháp dạy học khác nhau*: "Khi nghiên cứu các đề tài lịch sử - văn hóa, phải sử dụng các phương tiện minh họa trực quan; khi dạy học những nội dung lịch sử chính trị và ngoại giao phải vận dụng những tư liệu lịch sử, những hồi ký v.v..."[1]. Dĩ nhiên, trong quá trình dạy học những vấn đề văn hóa, cần xác định, lựa chọn phương pháp nào là chủ đạo, phương pháp nào là bổ sung, hỗ trợ.

- Trong dạy học lịch sử nói chung, dạy học những vấn đề văn hóa nói riêng, cần chú ý *phát huy tích cực trong hoạt động tư duy độc lập, sáng tạo của học sinh*. Bởi vì, "sự phát triển trí tuệ của học sinh diễn ra có kết quả hơn nếu như đặt

---

[1] B.P. Êxipốp (chủ biên): *Những cơ sở lý luận dạy học, tập 2*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1977, tr. 93.

các em trước sự cần thiết phải tự mình thu nhận tri thức và áp dụng chúng trong thực tiễn"[1].

Vì vậy, phương pháp dạy học những vấn đề văn hóa trong môn Lịch sử không chỉ giúp học sinh ghi nhớ, tái hiện các sự kiện, hiện tượng văn hóa mà cần *phải chú trọng nhiều hơn tới các phương pháp giúp học sinh "hiểu" được văn hoá một cách sâu sắc,* như yêu cầu học sinh phải chỉ ra điều kiện lịch sử của sự phát triển văn hóa, tìm ra mối liên hệ giữa sự kiện, hiện tượng văn hóa với các sự kiện, hiện tượng lịch sử khác và đánh giá vai trò, vị trí của nó đối với tiến trình lịch sử v.v...

- *Cuối cùng,* một trong những cơ sở để xác định phương pháp dạy học những vấn đề văn hóa trong môn Lịch sử là phải bảo đảm *tính khả thi, phù hợp với thực tế dạy học lịch sử ở trường phổ thông hiện nay.* Các phương pháp, biện pháp đề xuất phải bảo đảm tính hiệu quả và những điều kiện để thực hiện nó trong hoạt động dạy học. Không thỏa mãn những yêu cầu đó thì các phương pháp, biện pháp dạy học dù có chứa đựng những ý tưởng khoa học cũng chỉ có ý nghĩa về phương diện lý thuyết mà thôi.

2. Một số biện pháp cụ thể

Chúng ta có thể vận dụng một số biện pháp sau đây nhằm nâng cao chất lượng dạy học những vấn đề văn hóa.

a. Kết hợp miêu tả** (toàn bộ hoặc khái quát có phân tích) **với sử dụng các loại đồ dùng trực quan phù hợp để tạo biểu tượng về văn hoá vật chất cho học sinh.

---

[1] M.N. Sácdacốp: *Tư duy học sinh, tập 1.* Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1970, tr. 124.

Trong số các loại biểu tượng lịch sử thì biểu tượng về văn hóa vật chất là loại biểu tượng khá phổ biến, chiếm một tỷ lệ đáng kể. Đó là biểu tượng về công trình kiến trúc, điêu khắc, trang phục của con người, các tác phẩm nghệ thuật, công cụ lao động, công cụ sinh hoạt v.v... nói lên thành tựu của loài người trong công cuộc chinh phục thiên nhiên, trong lao động sáng tạo ra của cải vật chất và văn hóa tinh thần.

Để tạo biểu tượng cho học sinh, cần *kết hợp miêu tả (miêu tả toàn bộ hay miêu tả khái quát có phân tích, tuỳ thuộc vào nội dung của biểu tượng) với các phương tiện trực quan phù hợp để tạo biểu tượng về văn hoá vật chất là biện pháp tốt hơn cả và đem lại hiệu quả cao.* Tạo biểu tượng về văn hóa vật chất cho học sinh, giáo viên cần lần lượt tiến hành các bước sau:

Thứ nhất, xác định đúng *các biểu tượng* về văn hoá vật chất cơ bản trong một bài cụ thể. *Ví như,* khi giới thiệu cho học sinh những thành tựu của dòng văn hóa Phật giáo trong nền văn minh Đại Việt, giáo viên có thể chọn và tạo biểu tượng về chùa Diên Hựu, một kiến trúc tiêu biểu, độc đáo, phản ánh một cách tinh tế, sâu xa quan niệm về Phật giáo của dân gian.

Thứ hai, giáo viên tiến hành xây dựng *bài miêu tả*. Tuỳ vào nội dung của biểu tượng mà sử dụng miêu tả khái quát có phân tích hay miêu tả toàn bộ. Ví như, tạo biểu tượng chùa Diên Hựu cho học sinh qua miêu tả:

"Được dựng năm 1049, tên chữ của chùa có nghĩa là "phúc lành dài lâu". Theo truyền tụng, sau khi vua Lý Thái Tông nằm mộng được Phật Bà dắt đi lên toà sen ngự tọa, quần thần cho là điềm gở, xin vua cho xây dựng ngôi chùa như bông sen nở trên mặt nước để cầu phúc. Khi dựng xong,

quy mô của chùa to lớn, lộng lẫy. Hiện nay, qua nhiều lần trùng tu, chùa chỉ còn phảng phất hình bóng ngày xưa mà thôi. Sự độc đáo của chùa Diên Hựu là ở chỗ, toàn bộ ngôi chùa được đặt trên một cột đá cao 20m, giữa ao nước hình vuông. Ở đây có sự kết hợp táo bạo của trí tưởng tượng lãng mạn đầy thi vị qua hình tượng bông sen và những giải pháp hoàn hảo về kết cấu kiến trúc gỗ, bằng hệ thống mộng giằng và đặc biệt là sử dụng các thanh chống chéo từ cột đá đến sàn, vừa tạo thế vững chắc, vừa mang lại hiệu quả thẩm mỹ như đường lượn của cánh sen, thiết lập sự hài hoà giữa mái và sàn bởi một đối xứng ảo. Cùng với ao hình vuông phía dưới , từ ngôi chùa toát lên ý tưởng cao cả của Phật giáo, vừa hoà quyện với tín ngưỡng dân gian của người Việt.

Khối kiến trúc được phù trợ bởi cảnh quan xung quanh, có ao, có cây cối, đã tạo nên sự gần gũi, thân thiết mà vẫn thanh tịnh. Cảm giác choáng ngợp của hình tượng kiến trúc như chia xẻ, hoà đồng với trời nước, với màu xanh ẩn hiện của cây, lá, khiến người đến rũ sạch mọi ưu phiền để đạt tới sự thanh cao của tâm hồn".

Thứ ba, sưu tầm và lựa chọn *các loại đồ dùng trực quan* để tạo biểu tượng cho học sinh. Nhìn chung, cả ba loại đồ dùng trực quan - trực quan hiện vật, tạo hình và quy ước - đều có thể sử dụng với mức độ khác nhau để tạo biểu tượng về văn hóa vật chất cho học sinh. Nhưng phổ biến và phù hợp hơn cả là đồ dùng trực quan tạo hình như, đồ phục chế, mô hình, tranh, ảnh. Đặc biệt là nguồn tranh, ảnh lịch sử và nghệ thuật vừa phong phú, dễ sưu tầm, vừa phù hợp với loại biểu tượng này.

Việc sử dụng các loại đồ dùng trực quan cần đáp ứng được những yêu cầu cơ bản sau đây:

- Phù hợp với nội dung biểu tượng cần tạo cho học sinh.

- Phù hợp với bài miêu tả.

- Bảo đảm tính chính xác, khoa học, tính giáo dục và thẩm mỹ.

- Phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi, trình độ nhận thức của học sinh và điều kiện, khả năng của giáo viên, của trường và địa phương v.v...

Thứ tư, kết hợp miêu tả với sử dụng đồ dùng trực quan phù hợp để tạo biểu tượng. Theo kinh nghiệm thực tiễn, sự kết hợp này có tác dụng mang lại hiệu quả cao trong giảng dạy; nếu tách rời hoặc chỉ làm "lấy lệ" sẽ không đem đến kết quả gì, thậm chí còn phản tác dụng.

b. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu điều kiện lịch sử của sự nảy sinh các hiện tượng văn hoá và đánh giá vị trí, vai trò của nó bằng biện pháp kết hợp thuyết trình và đàm thoại

A.A.Vaghin đã chỉ rõ: "Khi trình bày các nội dung văn hóa - lịch sử, cần phải nêu lên các điều kiện lịch sử phát triển văn hóa của giai đoạn đang nghiên cứu", vì "sự phát triển văn hóa được quyết định bởi các điều kiện vật chất của đời sống xã hội và của cuộc đấu tranh giai cấp", và "tính chất của nền văn hóa phụ thuộc vào hàng loạt các điều kiện lịch sử phát triển của nước đó, vào khuynh hướng phát triển của nó"[1]. Đồng thời, A.A. Vaghin cũng nhấn mạnh yêu cầu cần phải nêu lên cho học sinh thấy được vị trí, vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội, trong đấu tranh giai cấp và ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển lịch sử.

---

[1] A. A. Vaghin: *Phương pháp giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông*. Nxb Giáo dục, Matxcơva, 1972, tr. 240, tiếng Nga.

Thông thường trước khi giới thiệu những thành tựu văn hóa, cần giới thiệu điều kiện lịch sử, tức là những cơ sở tự nhiên, kinh tế, chính trị, xã hội... dẫn đến sự nảy sinh các hiện tượng văn hóa hoặc một nền văn hóa, văn minh nào đó. Ví như, trước khi giới thiệu những thành tựu văn hoá vật chất và tinh thần của người Việt cổ, cần trình bày quá trình hình thành nền Văn minh Văn Lang - Âu Lạc dựa trên ba điều kiện cơ bản: địa lý, kỹ thuật và xã hội.

Để đảm bảo sự kết hợp trình bày với đàm thoại trong bài lên lớp có hiệu quả, cần thực hiện một *quy trình sư phạm,* gồm các bước sau:

Bước 1: Nêu nội dung cần tìm hiểu.

Bước 2: Bằng thông báo hoặc giải thích ngắn gọn, giáo viên định hướng cho học sinh suy nghĩ.

Bước 3: Tổ chức, hướng dẫn học sinh tiếp nhận kiến thức bằng một hệ thống câu hỏi phụ, có tính chất gợi mở.

Bước 4: Trên cơ sở những nội dung được giải quyết trong quá trình *đàm thoại, giáo viên tổng kết, khái quát* lại cho học sinh dễ nhớ, dễ thuộc.

Dạy học các vấn đề văn hoá trong môn Lịch sử cũng tuân thủ quy trình này.

c. Vận dụng biện pháp liên môn trong dạy học những vấn đề văn hoá

Mối liên hệ giữa môn Lịch sử và các môn học khác có cơ sở phương pháp luận vững chắc . "Cơ sở phương pháp luận của mối liên hệ này là lý luận nhận thức mác-xít về mối liên hệ và tính ước định qua lại giữa các sự vật và hiện tượng của thế giới khách quan... Mỗi môn học chỉ có khả năng phản ánh những kết quả nhận thức của con người về một hoặc một số

lĩnh vực nhất định của thế giới khách quan. Chính vì thế trong quá trình dạy học, học sinh cần được học nhiều môn học tương ứng với các khoa học nhất định. Các môn học này có mối liên hệ qua lại với nhau rất mật thiết"[1].

Vận dụng quan điểm liên môn, về phương diện phương pháp dạy học, có ba mức độ:

- Ở mức độ thấp, giáo viên nhắc lại tài liệu, sự kiện, kỹ năng của các môn có liên quan.

- Ở mức độ cao hơn, đòi hỏi học sinh nhớ lại và vận dụng kiến thức đã học của các môn học khác.

- Ở mức độ cao nhất, đòi hỏi học sinh phải độc lập giải quyết bài toán nhận thức bằng vốn kiến thức đã có, huy động các môn có liên quan, theo phương pháp nghiên cứu.

Dựa vào mục đích, nội dung kiến thức của môn Lịch sử ở trường phổ thông, vào đặc điểm tâm lý lứa tuổi, trình độ nhận thức của học sinh hiện nay, theo chúng tôi, vận dụng biện pháp liên môn ở mức độ 1 và 2 khi dạy học những vấn đề văn hóa là hợp lý hơn cả.

Để thực hiện có hiệu quả biện pháp này, giáo viên cần thực hiện những yêu cầu sau đây:

Một là, khi tiến hành công tác chuẩn bị lên lớp, giáo viên cần nắm vững những sự kiện, hiện lượng văn hóa ở trong bài, có thể sử dụng những kiến thức của môn học khác để làm sáng tỏ hơn. Đồng thời, xác định nội dung kiến thức các môn học đó (mà học sinh đã hoặc đang học) có thể vận dụng vào bài giảng của mình.

---

[1] Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt: *Giáo dục học, tập 1.* Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1978, tr. 220

Hai là, căn cứ vào mục đích dạy học, vào kiến thức cơ bản của bài để xác định sử dụng biện pháp dạy học liên môn ở mức độ khác nhau cho phù hợp. Những sự kiện, hiện tượng văn hóa không cơ bản có thể dừng lại mức độ 1, nghĩa là chỉ cần nhắc lại tài liệu, sự kiện của các môn có liên quan là đủ. Ngược lại, những sự kiện, hiện tượng văn hóa quan trọng thì phải sử dụng biện pháp dạy học liên môn ở mức độ cao hơn, phải yêu cầu học sinh tái hiện lại và vận dụng kiến thức đã học của môn học khác để nhận thức kiến thức mới.

Ba là, tiến hành sử dụng biện pháp dạy học liên môn theo một trình tự hợp lý sau đây:

Trước hết, sử dụng cách dạy học thông báo, giáo viên trình bày ngắn gọn sự kiện, hiện tượng văn hóa nêu trong sách giáo khoa.

Bước thứ hai, yêu cầu học sinh nhớ lại những kiến thức có liên quan của các môn học khác. Có thể gợi ý học sinh tái hiện lại kiến thức bằng các câu hỏi nhỏ.

Bước thứ ba, từ kiến thức mà học sinh tái hiện lại, nhờ vào hệ thống câu hỏi, giáo viên yêu cầu các em vận dụng kiến thức đó để tiếp nhận kiến thức mới của bài học lịch sử.

Cuối cùng, trên cơ sở các câu trả lời của học sinh, giáo viên chốt ý.

Tuy nhiên, việc vận dụng biện pháp liên môn trong dạy học lịch sử, nhất là dạy học những vấn đề văn hóa phức tạp, đòi hỏi người giáo viên lịch sử phải có "sự uyên thâm", sự hiểu biết các môn học gần gũi ở một mức độ nhất định.

Mặt khác, cần lưu ý là, việc sử dụng biện pháp liên môn trong dạy học lịch sử nói chung, nội dung các sự kiện văn hóa nói riêng, đòi hỏi phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh, không chỉ chủ yếu *nhớ* và *nhắc lại* các kiến thức của

những bộ môn liên quan đến sự kiện đang học mà còn giúp học sinh trên cơ sở kiến thức tổng hợp, hiểu sâu hơn nội dung đang nghiên cứu.

d. Vận dụng dạy học nêu vấn đề trong giảng dạy những sự kiện văn hoá để góp phần phát triển tư duy học sinh

Nhiệm vụ đó xuyên suốt trong tất cả các khâu của quá trình dạy học lịch sử, từ xác định nội dung, phương pháp dạy học, đến các hình thức tổ chức dạy học và công tác kiểm tra, đánh giá học sinh. Cần tập trung vào các điểm:

- Khả năng nhận biết, tái hiện lại và phân biệt các sự kiện, hiện tượng, công trình văn hóa. Ví như, học sinh sẽ xác định được đây là hiện lượng văn hóa hoặc phi văn hóa trong lịch sử cũng như trong thực tế hôm nay.

- Quan điểm duy vật biện chứng khi xem xét, đánh giá sự xuất hiện và vai trò một hiện tượng hoặc một lĩnh vực văn hóa nào đó. Ví như, một hiện tượng hoặc lĩnh vực văn hóa không xuất hiện một cách ngẫu nhiên mà phải dựa trên một điều kiện kinh tế - xã hội nhất định. Muốn đánh giá vai trò của nó, trước hết phải xem xét sự tác động trở lại của lĩnh vực, hiện tượng văn hóa đối với điều kiện lịch sử đã sản sinh ra nó.

- Khả năng phân tích, xem xét mối quan hệ nhân quả, phụ thuộc lẫn nhau giữa các sự kiện, hiện tượng về văn hóa với các sự kiện, hiện tượng lịch sử khác (như chính trị , quân sự, kinh tế,...).

- Góp phần phát triển các thao tác tư duy, như phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa, trừu tượng hóa, v.v...

Trên cơ sở nghiên cứu các hình thức dạy học nêu vấn đề, giáo viên có thể áp dụng một số biện pháp sau đây, nhằm góp phần phát triển tư duy học sinh:

- *Tạo tình huống có vấn đề và tổ chức học sinh giải quyết vấn đề:*

Trong dạy học các sự kiện văn hóa, tuỳ thuộc vào kiến thức cơ bản của bài, vào nội dung văn hóa nhiều hay ít để giáo viên vận dụng biện pháp này theo những mức độ khác nhau.

Mở đầu bài học, giáo viên nêu vấn đề cần giải quyết bằng cách tạo tình huống có vấn đề. Tình huống có vấn đề được tạo bởi mâu thuẫn giữa điều học sinh biết với điều học sinh chưa biết, mâu thuẫn giữa phương pháp nhận thức cũ với phương pháp nhận thức mới v.v... Có thể nêu lên một số mâu thuẫn như:

+ Mâu thuẫn giữa điều đã biết và điều chưa biết của học sinh về chủ nhân của một nền văn hóa hoặc một lĩnh vực văn hóa cụ thể.

+ Mâu thuẫn về nguồn gốc nảy sinh của một nền văn hóa hay một lĩnh vực văn hoá cụ thể.

+ Mâu thuẫn về xác định giá trị của nó.

+ Mâu thuẫn trong cách nhận xét, đánh giá văn hóa v.v...

Trong quá trình tìm hiểu kiến thức mới, giáo viên tổ chức cho học sinh lần lượt giải quyết từng vấn đề bằng các biện pháp sư phạm cụ thể. Thông thường, trong một tiết/bài dành riêng giới thiệu những nội dung văn hóa, thứ tự giải quyết vấn đề là:

+ Giải quyết vấn đề nguồn gốc, hoàn cảnh lịch sử, các cơ sở dẫn đến sự xuất hiện văn hóa.

+ Nêu và khẳng định các giá trị, các thành tựu văn hóa tiêu biểu.

+ Nhận xét, đánh giá vị trí, vai trò, giá trị của nền văn hóa hoặc những thành tựu văn hóa đó.

Kết thúc bài học, giáo viên trở lại vấn đề được nêu lên từ đầu và yêu cầu học sinh rút ra nhận xét, kết luận. Giáo viên bổ sung, khái quát.

- Thiết kế và sử dụng bài tập nhận thức trong dạy học vấn đề văn hóa:

Có thể sử dụng bài tập nhận thức trong nhiều trường hợp khác nhau và với những mục đích khác nhau, như truyền thụ kiến thức mới, củng cố, ôn tập, kiểm tra, đánh giá học sinh v.v... Thế nhưng, việc thiết kế và sử dụng bài tập nhận thức trong dạy học lịch sử ở trường phổ nói chung, dạy học những vấn đề văn hoá nói riêng hiện nay còn mới mẻ, chưa được ấp dụng rộng rãi. Kết quả nghiên cứu về lý luận dạy học của nhiều nước trên thế giới, nhất là của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trước đây cũng như ở nước ta, đã khẳng định tác dụng của bài tập nhận thức đối với việc phát triển tư duy học sinh. Trong quá trình dạy học lịch sử nói chung, dạy học những vấn đề văn hoá nói riêng, chúng ta *cần và nên thiết kế các bài tập nhận thức* và sử dụng nó như *một biện pháp dạy học.*

Về nội dung, bài tập nhận thức chú trọng nêu lên các nội dung sau đây:

+ Xác định điều kiện lịch sử, cơ sở hình thành của một nền văn hoá hoặc một lĩnh vực văn hoá cụ thể.

Ví dụ: "Có ý kiến cho rằng nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc không có nguồn gốc bản địa. Dựa vào cơ sở hình thành của nền văn minh này, anh (chị) hãy nêu nhận xét của mình về ý kiến trên?".

+ Xác định mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa các sự kiện văn hoá hoặc giữa văn hoá với các mặt khác của đời sống xã hội.

Ví dụ: "Dưới hai triều đại Lý – Trần, dòng văn hoá Nho giáo có pha lẫn một số yếu tố Phật giáo, ngược lại, dòng văn hóa Phật giáo cũng chịu ảnh hưởng của dòng văn hóa Nho giáo. Em giải thích hiện tượng này như thế nào?"

+ Nêu khuynh hướng vận động, phát triển của một nền văn hoá hoặc một lĩnh vực văn hoá.

Ví dụ: "Từ thời Lê trở đi, cùng với hiện tượng Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống, độc tôn, dòng văn hóa cung đình đã trở nên khô cứng, kìm hãm sức sáng tạo của nhân dân. Văn hóa Đại Việt muốn tồn tại và phát triển phải đi theo hướng nào?"

+ Đối chiếu, so sánh giữa các nền văn hoá, giữa các sự kiện, hiện tượng văn hoá khác nhau để tìm ra cái chung, cái riêng, cái đặc thù.

Ví dụ: "Từ những thành tựu của văn hóa Đại Việt, em hãy chứng minh truyền thống văn hóa Đông Sơn không bị đứt gãy, gián đoạn trước âm mưu đồng hoá của kẻ thù phương Bắc".

+ Nhận xét, đánh giá một nền văn hoá hay một hiện tượng văn hoá cụ thể.

Ví dụ: "Hãy rút ra đặc điểm, vị trí của văn hoá Đại Việt trong lịch sử văn hóa Việt Nam".

Về phương pháp sử dụng, có thể sử dụng bài tập nhận thức trong những trường hợp sau đây:

+ Dùng làm bài tập về nhà sau một tiết/bài có nội dung về văn hóa hoặc liên quan tới văn hóa.

+ Dùng để kiểm tra, đánh giá trình độ nhận thức của học sinh sau khi học xong một phần, một chương hoặc một khóa trình.

+ Ở một mức độ cao hơn, có thể thay thế cho việc trình bày của giáo viên trong một mục hoặc vài mục, bằng cách xây dựng một bài tập nhận thức có nội dung của các mục đó và hướng dẫn học sinh giải bài tập. Sau khi bài tập giải xong thì học sinh nắm được nội dung cơ bản của các mục ấy.

Tuy nhiên, xây dựng và sử dụng bài tập nhận thức trong dạy học những vấn đề văn hóa là một công việc phức tạp, bởi vì bản thân nội dung văn hóa rất phức tạp, đa dạng. Khi thiết kế và sử dụng bài tập nhận thức, giáo viên cần lưu ý:

+ Bài tập nhận thức chỉ tập trung vào kiến thức cơ bản của bài, vào những sự kiện, hiện tượng văn hóa chủ yếu, không sử dụng tràn lan, nhằm vào những kiến thức thứ yếu, không cơ bản.

+ Bài tập nhận thức phải phù hợp trình độ nhận thức của học sinh, mục đích, yêu cầu của bài học lịch sử.

+ Kết hợp sử dụng bài tập nhận thức với các phương pháp, biện pháp dạy học khác.

đ. Tổ chức và tiến hành các hình thức hoạt động ngoại khoá về những vấn đề văn hoá

Trong việc dạy học những vấn đề văn hóa, yêu cầu lựa chọn, tổ chức và tiến hành các hình thức hoạt động ngoại khóa được đặt ra một cách cấp thiết. Bởi vì tính phức tạp, đa

dạng, nhiều mặt của các nội dung văn hóa đòi hỏi phải có *các hình thức ngoại khoá hỗ trợ* cho bài nội khóa lịch sử.

Căn cứ vào mục đích, nhiệm vụ, nội dung dạy học, giáo viên có thể tổ chức một số hoạt động ngoại khóa sau đây, có tác dụng nâng cao hiệu quả dạy học những vấn đề văn hóa trong khóa trình lịch sử dân tộc ở trường Trung học phổ thông.

Thứ nhất, tổ chức cho học sinh *trao đổi, thảo luận, nghe báo cáo về chuyên đề văn hoá*. Đây là hình thức ngoại khoá hỗ trợ quan trọng và có nhiều tác dụng, nhất là giúp học sinh củng cố và mở rộng kiến thức đã học, giúp học sinh có thói quen suy nghĩ độc lập, cách diễn đạt, lập luận... Có thể tổ chức trao đổi, thảo luận hoặc nghe báo cáo ngắn về các vấn đề văn hóa theo nhiều cách, nhiều mức độ khác nhau:

- Tổ chức thảo luận, trao đổi, nghe báo cáo theo tổ, nhóm, lớp hoặc khối lớp.

- Tiến hành sau khi học xong một bài, một chương đề cập tới những nội dung văn hóa.

- Những chủ đề về văn hóa có thể nêu lên cho học sinh trao đổi, thảo luận, nghe báo cáo, như: xác định nguồn gốc, điều kiện lịch sử của sự xuất hiện một nền văn hóa hay một hiện tượng văn hóa; đánh giá, nhận xét về một lĩnh vực văn hoá hay danh nhân văn hóa; xác minh giá trị của một sự kiện, hiện tượng hay lĩnh vực văn hóa, truyền thống văn hóa của địa phương v.v...

Thứ hai, tổ chức cho học sinh *sưu tầm tài liệu (thành văn và hiện vật) của địa phương theo chủ đề truyên thống văn hóa*. Để góp phần mở rộng, nâng cao kiến thức về văn hóa

cho học sinh , giáo viên cần hướng dẫn các em chú ý sưu tầm các loại tài liệu sau đây:

- Tranh, ảnh về các công trình kiến trúc, điêu khắc, các di vật khảo cổ phản ánh văn hoá vật chất của địa phương.

- Tài liệu dân tộc học: Thu thập, ghi chép các phong tục, tập quán, nghi lễ phản ánh đời sống tinh thần.

- Tài liệu truyền miệng: Sưu tầm ca dao, tục ngữ, thơ ca, hò vè, truyện cổ tích... của địa phương.

Ngoài các tài liệu kể trên, giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu các chủ đề sau đây:

- Các nghề thủ công truyền thống của địa phương.

- Các lễ hội truyền thống.

- Những phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân địa phương.

- Các sinh hoạt văn hoá dân gian địa phương.

- Những thành tựu văn hoá, giáo dục của địa phương...

Thứ ba, tổ chức cho học sinh *tham quan, học tập các di tích lịch sử - văn hóa, các viện bảo tàng, các làng nghề thủ công truyền thống*... Địa điểm tham quan có thể là:

- Các công trình kiến trúc, văn hóa - lịch sử như đình, chùa, miếu mạo, thành quách...

- Các viện bảo tàng lịch sử, bảo tàng mỹ thuật.

- Các làng nghề thủ công mỹ nghệ, nơi phát sinh các loại hình nghệ thuật dân gian, quê hương của danh nhân văn hóa....

Thứ tư, tổ chức cho học sinh *tham dự lễ hội truyền thống địa phương*. Thông qua tham quan, tham dự lễ hội, học sinh

hiểu biết thêm đời sống văn hóa dân tộc, vì lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian độc đáo, đậm đà truyền thống lịch sử - văn hóa và mang bản sắc văn hóa dân tộc.

*

* *

Việc dạy học các vấn đề văn hoá trong khoá trình lịch sử nói chung, lịch sử dân tộc nói riêng có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục bộ môn. Công việc này đòi hỏi giáo viên phải có trình độ về khoa học (lịch sử, văn hoá...), về nghiệp vụ sư phạm.

SỬ DỤNG DI TÍCH LỊCH SỬ TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

*TS Hoàng Thanh Hải**

Di tích lịch sử là di sản văn hoá quý hiếm của đất nước, có ý nghĩa rất lớn đối với giáo dục truyền thống dân tộc. Đối với dạy học lịch sử, di tích lịch sử có tác dụng về mặt giáo dưỡng (cung cấp kiến thức), giáo dục (tư tưởng, tình cảm, thái độ) và phát triển (tư duy và kỹ năng thực hành).

Ở trường phổ thông, việc sử dụng di tích lịch sử có nhiều hình thức, song sử dụng trong giờ nội khoá là hình thức cơ bản nhất.

1. Sử dụng tư liệu về di tích lịch sử trong bài học lịch sử nội khoá

Qua kết quả thực nghiệm, chúng tôi thấy rằng:

- Việc cung cấp cho học sinh những tri thức về các di tích lịch sử của quê hương là điều cần thiết, nhất là những di tích lịch sử có liên quan tới các sự kiện đang học. Đối với học sinh phổ thông, tăng cường trực quan sinh động trong nhữmg giờ học lịch sử bằng những tư liệu, hiện vật hấp dẫn, có sức cuốn hút học sinh hơn một giờ học bình thường.

- Căn cứ vào mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ của bài học, kết quả đạt được rõ ràng là các chỉ số ghi nhớ sự kiện, sự hiểu biết sự kiện của học sinh cao hơn nhiều. Học sinh ghi nhớ chính xác và nhanh hơn về địa danh, nội dung lịch sử của các di tích

---

* Trường Đại học Hồng Đức – Thanh Hoá.

lịch sử tiêu biểu của quê hương có liên quan tới chương trình lịch sử đã học (năm phát hiện, nội dung cơ bản của di tích lịch sử...). Học sinh được rèn luyện nhiều, kỹ hơn các kỹ năng thao tác tư duy lịch sử. Qua quan sát địa hình, hiện vật, trí tưởng tượng, khả năng phán đoán, nhận xét của các em phong phú hơn. Các em biết nhận xét, thảo luận để giải đáp các vấn đề mà giáo viên nêu ra. Tính tích cực hoạt động nhận thức của mỗi học sinh được huy động, phát huy cao.

- Giáo viên có nhiều cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy, ít giảng giải, thuyết trình mà biết tổ chức, hướng dẫn các hoạt động nhận thức của học sinh, biết sử dụng đồ dùng trực quan, kết hợp với lời nói sinh động. Tầm bao quát, điều chỉnh dung lượng kiến thức của giáo viên linh hoạt, thu hút học sinh. Hệ thống câu hỏi, vấn đề nêu ra từ dễ đến khó, tập trung vào những kiến thức cơ bản của bài học. Bài tập thực hành bộ môn được khai thác, như sử dụng bản đồ, phân loại hiện vật theo nhóm ...

- Để đạt được kết quả trên, giáo viên phải chuẩn bị kỹ về nội dung, phương pháp và tổ chức bài học để phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh. Sự kết hợp giữa nhà trường với ban quản lý, hướng dẫn viên khu di tích, chính quyền địa phương là yếu tố góp phần thành công của buổi học.

- Trong bài "*Giới thiệu một di tích lịch sử*", cần cung cấp cho học sinh những hiểu biết cơ bản về di tích. Về phương pháp dạy học, nhìn chung, nhiều giáo viên lịch sử ở các trường phổ thông hiện nay chưa thực hiện hoặc chưa tiến hành tốt bài học này theo quy định của chương trình. (Thông thường, giáo viên chỉ kể chuyện lịch sử có liên quan đến khu di tích lịch sử chứ không giới thiệu về bản thân di tích lịch sử).

Mặt khác cần chú ý, bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông không phải chủ yếu hướng dẫn học sinh nghiên cứu, tìm hiểu các di tích lịch sử (kể cả các bài về lịch sử địa phương) mà sử dụng di tích lịch sử như một phương tiện trực quan để hiểu đúng, sâu sắc các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử có liên quan. Vì vậy, giới thiệu di tích chủ yếu là giới thiệu những nội dung lịch sử chứa đựng trong di tích. Đối với học sinh các lớp nhỏ (6-7), việc "giới thiệu" phải tập trung vào các điểm chủ yếu của bài học. Ví dụ như, khi học về cuộc *Khởi nghĩa Bà Triệu*, chúng tôi đã giới thiệu cho học sinh lớp 6 về đền Bà Triệu những nét cơ bản sau:

+ Sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại, nhân dân ta đã xây dựng đền thờ bà và qua nhiều thế hệ, đền thờ được bảo vệ, tôn tạo để tưởng niệm người anh hùng dân tộc và cuộc khởi nghĩa của bà vào năm 248.

+ Những trận chiến đấu ác liệt của nghĩa quân và sự hy sinh anh dũng của bà.

Đối với học sinh lớp lớn (8-9), khi tham quan đền Bà Triệu, cần giải đáp các vấn đề, nhằm mở rộng thêm các kiến thức:

+ "Vì sao lăng Bà Triệu được xây dựng trên núi Tùng? Hình dáng, vị trí của lăng có những đặc điểm gì, nói lên điều gì?".

+ "Cuộc chiến đấu và sự hy sinh của Bà Triệu được nêu như thế nào trong các câu truyện dân gian lưu hành ở địa phương?".

Bài "*Giới thiệu*" vừa đảm bảo yêu cầu chương trình, vừa phát huy tính tích cực của một số học sinh khá, giỏi để mở rộng, nâng cao kiến thức.

Bài "*Giới thiệu*" có thể tiến hành trên lớp (đối với những trường ở quá xa di tích lịch sử), nhưng hiệu quả sư phạm sẽ

cao khi tiến hành tại di tích lịch sử. Trong bài *giới thiệu di tích lịch sử*, giáo viên kết hợp sử dụng các phương pháp miêu tả, kể chuyện, sử dụng đồ dùng trực quan (ở đây là hiện vật, tranh ảnh, địa hình của di tích).

Sau khi đã sưu tầm, giáo viên tiến hành phân loại tư liệu cho phù hợp với nội dung từng bài học cụ thể.

Ngoài bài *"Giới thiệu các di tích lịch sử"* (theo quy định của chương trình các tiết học lịch sử địa phương), việc sử dụng di tích lịch sử thường để khai thác tư liệu, minh hoạ trong bài nội khoá. Muốn thực hiện công việc này, giáo viên trước hết phải tìm hiểu, nghiên cứu các di tích lịch sử, nhất là các di tích lịch sử có ở địa phương, để chọn lựa, sưu tầm những tư liệu cần thiết. Mỗi học sinh tự sưu tầm, gom góp một bộ tư liệu về các di tích lịch sử, bên cạnh các tài liệu, phương tiện dạy học khác. Trong những đợt tham quan, học tập tại di tích lịch sử, học sinh là một lực lượng quan trọng sưu tập, làm cho bộ tư liệu này của lớp, trường ngày càng phong phú.

Tư liệu về di tích lịch sử có nhiều, nhưng trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông, các loại như tranh, ảnh, bản đồ, hiện vật, các đoạn văn miêu tả, kể chuyện về di tích lịch sử thường được sử dụng nhiều hơn.

Sau khi đã sưu tầm, giáo viên tiến hành phân loại tư liệu cho phù hợp với nội dung từng bài học cụ thể. Thời gian của tiết học có hạn, vì vậy cần lựa chọn những tư liệu tiêu biểu, cơ bản nhất, được sử dụng như là một phương tiện trực quan, kết hợp với phương pháp trình bày miệng (miêu tả, kể chuyện) và các phương pháp dạy học khác. Ví dụ, khi dạy học bài 10, lớp 7: *"Nhà Hồ thay nhà Trần"*, giáo viên giới thiệu di tích lịch sử thành nhà Hồ (Thanh Hoá), (Hình 24, trang 62,

sách giáo khoa Lịch sử lớp 7). Dùng hình ảnh trong sách giáo khoa và các ảnh khác rõ, đẹp hơn, giáo viên miêu tả như sau: "Cuối thế kỷ XIV, thành nhà Hồ được xây dựng khá độc đáo, tiêu biểu cho thành tựu kiến trúc Việt Nam thời xưa, một di tích thành luỹ quân sự chưa hề thấy ở một nơi nào khác trên đất nước ta.

Thành được xậy dựng ở làng Tây Giai, trong địa phận núi Yên Tôn nên cũng gọi là thành Tây Giai hay thành Yên Tôn. Nhân dân quen gọi là thành nhà Hồ, sử cũ gọi là thành Tây Đô.

Ngày nay, thành thuộc xã Vĩnh Long và Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Thành được khởi công xây dựng vào đầu năm 1397 do Thượng thư Đỗ Tĩnh chỉ huy. Thành được bố cục mặt bằng chữ nhật, dài 900 mét, rộng 700 mét. Toàn bộ mặt ngoài thành được ghép đá khối, phía trong đắp đất. Độ cao trung bình là 5 - 6m. Những khối đá ốp bên ngoài là đá xanh, đẽo công phu, vuông vức. Kích thước phần lớn các khối đá là 1,4m x 1m x 0,7 m, thỉnh thoảng có khối đá cực lớn, kích thước dài tới 4 m, cao 1,2m, rộng 1,2 m.

Việc sử dụng đá khối ốp tường cho phép tạo nên độ dốc thẳng đứng ở phía ngoài, gây trở ngại cho địch xâm nhập vào thành. Những khối đá lớn, nặng như vậy chồng xếp lên nhau cũng đủ đảm bảo độ vững chắc cao. Gần 600 năm đã qua, phần lớn đá ốp đến nay vẫn gần như nguyên vẹn.

Theo sử cũ chép thì thời gian xây dựng thành mất hơn 3 tháng. Ngày nay ai cũng kinh ngạc trước thời gian xây dựng quá ngắn ngủi đối với một công trình như vậy"[1].

---

[1] Phan Đại Doãn: *Những bàn tay tài hoa của ông cha*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1988, tr. 26.

Sau đó, giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận các vấn đề:

- "Nhà Hồ xây dựng thành kiên cố nhằm mục đích gì?"

- "Theo em, kỹ thuật xây thành của ông cha ta xưa kia như thế nào?"

Trong sách giáo khoa Lịch sử có nhiều tranh, ảnh về di tích lịch sử của đất nước, như núi Đọ, di chỉ Đông Sơn, đền Hùng, thành Cổ Loa, gò Đống Đa... Vì vậy, ngoài những tư liệu có trong sách giáo khoa, giáo viên cần bổ sung thêm những tư liệu khác phong phú, sinh động hơn.

Trong tương lai không xa, khi các phương tiện nghe nhìn hiện đại được sử dụng phổ biến ở nhà trường phổ thông, khi các phòng học bộ môn được xây dựng, thì các tư liệu về di tích lịch sử là một nguồn kiến thức quan trọng. Chỉ cần qua phòng học bộ môn có thể tham quan các di tích lịch sử nổi tiếng của đất nước và thế giới.

Trong mọi công việc, giáo viên cần hướng dẫn, tổ chức cho học sinh làm; bởi vì, khi các em có tích cực nhận thức thì kiến thức mới sâu, vững chắc và có hứng thú học tập.

Để phát huy khả năng nhận thức, đặc biệt phát triển tư duy độc lập của học sinh, giáo viên cần chuẩn bị các câu hỏi có tính chất bài học nhận thức, để học sinh suy nghĩ, trả lời, trên cơ sở sử dụng các tư liệu của di tích lịch sử. Thông qua quan sát, phân tích tư liệu về di tích lịch sử, học sinh sẽ nắm chắc các sự kiện trong bài học, có những nhận xét, kết luận đúng. Ví như, khi hướng dẫn học sinh quan sát tranh, (hoặc đồ phục chế), về trống đồng Ngọc Lũ, để miêu tả thân trống, hình các hoa văn trên trống, chúng tôi tiến hành đàm thoại theo các câu hỏi gợi mở:

- "Miêu tả trống đồng?"

- "Đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ được phản ánh qua các hoa văn trên trống đồng như thế nào?".

- "Em có nhận xét gì về kỹ thuật đúc đồng của người Việt cổ?".

Tóm lại, khai thác các tư liệu về di tích lịch sử trong giờ học nội khoá trên lớp là hình thức tương đối phổ biến ở các trường phổ thông, nhằm minh hoạ, cụ thể hoá, bổ sung các sự kiện trong bài học lịch sử dân tộc.

2. Bài học lịch sử nội khoá tại thực địa di tích lịch sử

Dựa vào những nguyên tắc sư phạm trong sử dụng di tích lịch sử, chúng tôi tiến hành thực nghiệm sư phạm bài học tại thực địa (tại khu di tích lịch sử Lam Kinh, Thanh Hoá) và rút ra những kết luận, khái quát sau:

Thứ nhất, học sinh chăm chú, say sưa, hứng thú học tập hơn, vì nội dung phong phú, tính chất hấp dẫn, hình thức sinh động của bài học. Các em không phải thụ động tiếp thu những sự kiện "khô khan, nặng nề" của một bài dạy kiểu "thông báo". Trái lại, trong giờ học tại thực địa, học sinh tìm hiểu các sự kiện lịch sử qua quan sát các hiện vật, địa hình, tranh ảnh về di tích. Tư duy lịch sử của các em thể hiện tính trực quan, cụ thể hơn. Ví dụ, cuộc chiến đấu ác liệt và anh dũng của nghĩa quân Lam Sơn trong những năm tháng ở miền Tây Thanh Hoá được học sinh hình dung lại bằng các biểu tượng cụ thể về các sự kiện ở Núi Mục, sông Chu, rừng Chí Linh... Những biểu tượng đó hình thành nhanh chóng, rõ ràng khi các em "trực quan sinh động" những hiện vật và được khắc sâu vào trí nhớ các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử cơ bản.

Thứ hai, tác dụng giáo dục tư tưởng, lòng yêu nước, truyền thống dân tộc qua bài học tại thực địa đạt hiệu quả cao. Biểu hiện cụ thể là học sinh biết rút ra những bài học quá khứ cho cuộc sống hiện tại. Đặc biệt từ chỗ hiểu rõ ý nghĩa của khu di tích, học sinh được bồi dưỡng ý thức tôn trọng, gìn giữ những di sản lịch sử, văn hoá của ông cha để lại.

Hiệu quả bài học tại thực địa thể hiện cao nhất ở chỗ, nó rèn luyện cho học sinh tư duy độc lập, sáng tạo, thực hiện các bài tập thực hành bộ môn. Từ quan sát các hiện vật, các em tưởng tượng, phán đoán, suy luận. Mỗi ý kiến của học sinh nêu ra, được tranh luận với ý kiến của các bạn, và sau đó được thống nhất dưới sự hướng dẫn, "trọng tài" của giáo viên. Như vậy, học tập tại thực địa, học sinh phải huy động các thao tác tư duy nhiều hơn, liên tục hơn so với học ở trên lớp. Nếu như ở trên lớp, học sinh nghe - nhìn - ghi chép - suy nghĩ - trả lời, thì trong bài học tại thực địa, các em lại nhìn (quan sát) - nghe (giới thiệu) - suy nghĩ - tranh luận - trả lời. Việc ghi chép ít được thực hiện.

Các bài tập nhận thức được vận dụng ngay trong từng vấn đề giáo viên nêu ra. Ví như, câu hỏi "Hình dáng sông Chu có tác dụng như thế nào đối với việc bảo vệ căn cứ địa của nghĩa quân Lam Sơn?", đã đặt trước học sinh những tình huống có vấn đề để suy nghĩ, tự mình giải quyết vấn đề đó. Tính "cá nhân hoá", "tích cực hoá nhận thức" được thực hiện nhiều hơn so với bài học trên lớp. Những bài tập thực hành bộ môn ở mức độ cao hơn, như tập phân tích các sử liệu (ở đây là sử liệu vật chất), việc sử dụng sơ đồ, bản đồ (của khu di tích), sử dụng các phương tiện kỹ thuật (quay phim, chụp ảnh); vẽ bản đồ, sơ đồ, tìm kiếm hiện vật, tài liệu... được thực

hiện trong và sau buổi học tại thực địa, tùy theo trình độ, năng lực, sở trường của mỗi học sinh.

Thứ ba, phương pháp dạy học của giáo viên trong bài học tại thực địa cũng được cải tiến, đổi mới so với bài học trên lớp và có nhiều điểm khác với phương pháp truyền thống của lớp đối chứng. Ở lớp đối chứng, giáo viên chủ yếu sử dụng phương pháp giảng giải, ghi bảng, phát vấn... Ở lớp thực nghiệm, giáo viên chủ yếu giới thiệu tóm tắt, hướng dẫn học sinh quan sát địa hình, gợi mở các vấn đề, tổ chức các hoạt động nhận thức cho học sinh. Khi giảng dạy tại thực địa, giáo viên giảm bớt việc thuyết trình. Quan hệ thầy - trò dân chủ, thoải mái, cởi mở hơn. Không khí buổi học ít nặng nề, căng thẳng, gây hứng thú cho học sinh. Các em tự tin, thoải mái hơn so với giờ học trên lớp.

Từ quan sát các hiện vật, các em tưởng tượng, phán đoán, suy luận.

Tuy nhiên, trong buổi học trên lớp, giáo viên dễ bao quát, hướng dẫn học sinh theo dõi, suy nghĩ vào những nội dung chính của bài học. Còn ở lớp thực nghiệm, một số học sinh bị phân tán theo nội dung của các vấn đề ngoài bài học. Mặt khác, giáo viên không thể trình bày đầy đủ, trình tự các nội dung trong sách giáo khoa (như bài học tại lớp) mà chỉ tập trung một số vấn đề cơ bản, một số sự kiện chính mà di tích lịch sử chứa đựng. Để hạn chế những lúng túng này, chúng tôi đã chú ý những công việc sau:

- *Một là,* yêu cầu học sinh đọc sách giáo khoa, tìm hiểu nội dung bài học trước ở nhà.

- *Hai là,* giáo viên mở đầu bài học tại di tích lịch sử bằng việc nêu tóm tắt các sự kiện lịch sử sẽ tìm hiểu.

- *Ba là,* tìm hiểu thêm các hiện vật trong bảo tàng hay phòng truyền thống ở các khu di tích lịch sử (Ví như, Bảo tàng Hùng Vương, bên cạnh di tích lịch sử Đền Hùng; Bảo tàng Hồ Chí Minh ở Phủ Chủ tịch; nhà đón tiếp khách ở khu di tích lịch sử Lam Kinh). Tại đây, học sinh có thể được giới thiệu về di tích lịch sử trước giờ học, hoặc tiến hành tổng kết bài học qua sơ đồ, bản đồ di tích lịch sử để nắm vững, hiểu sâu kiến thức lịch sử trong sách giáo khoa.

Như vậy, dạy học tại khu di tích lịch sử làm cho học sinh lĩnh hội kiến thức một cách sinh động, cụ thể mà bài học trên lớp không có điều kiện thực hiện.

Để tiến hành bài học tại di tích lịch sử, chúng tôi tiến hành soạn giáo án theo hướng dẫn chung, nhưng có những điểm khác so với bài nội khoá ở lớp. Đây là sự kết hợp giữa bài giảng với việc xem xét, tìm hiểu, quan sát hiện vật; vì vậy, năng lực tư duy, kỹ năng thực hành của học sinh được phát huy. Tuy nhiên, cần chống việc biến giờ học thành buổi tham quan di tích lịch sử.

Bài học tại di tích lịch sử có thể tiến hành với hai loại bài: bài cung cấp kiến thức mới hoặc bài củng cố, ôn tập kiến thức cũ. Tuy nhiên, bài sơ kết, ôn tập khó thực hiện hơn vì có thể di tích lịch sử không thuận lợi cho việc tổ chức và nội dung di tích lịch sử không thể phản ánh cả một thời kỳ lịch sử mà học sinh đã và đang học.

Bài học tại di tích lịch sử được tổ chức cho bài lịch sử dân tộc hay lịch sử địa phương. Nó phải phù hợp với nội dung, mục đích, yêu cầu của từng bài học, nhằm hoàn thành nội dung, chương trình khoá học, lớp học.

Để phát huy hiệu quả, tính trực quan của các di tích lịch sử, trong bài học tại thực địa, dưới sự hướng dẫn của giáo

viên, học sinh từ quan sát tới nhận thức, liên hệ, thảo luận, rút kết luận về những sự kiện có liên quan.

Việc chuẩn bị của thầy và trò cho bài học tại thực địa đòi hỏi công phu. Trước hết, di tích lịch sử phải ở gần trường và chứa đựng nhiều nội dung, sự kiện lịch sử cơ bản trong chương trình lịch sử của trường phổ thông. Những công việc chuẩn bị khác như cơ sở vật chất, liên hệ, phối hợp với hướng dẫn viên khu di tích... cũng ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả bài học.

Về phương pháp tiến hành, bài học tại di tích lịch sử cần chú ý một số vấn đề:

- Vì bài học được tiến hành tại di tích lịch sử mà hiện nay chỉ còn dấu vết, không đầy đủ, nên học sinh phải tìm hiểu trước nội dung để có thể nắm vững, hiểu sâu các sự kiện, tiến trình lịch sử đã xảy ra.

- Nếu bài học do giáo viên trực tiếp giảng dạy thì giáo viên vừa là người thầy (giảng dạy), vừa làm nhiệm vụ của một hướng dẫn viên (hướng dẫn, giới thiệu). Vì vậy, giáo viên phải tìm hiểu, nắm vững các nội dung lịch sử mà di tích lịch sử phản ánh, đồng thời phải hiểu biết các lĩnh vực liên quan như kiến trúc, nghệ thuật, văn học, địa lý, khảo cổ... *Phương pháp dạy học liên môn được áp dụng trong loại bài học này rất thích hợp và có hiệu quả.*

- Nếu bài học do hướng dẫn viên giới thiệu thì giáo viên cần trao đổi kỹ để đảm bảo việc trình bày nội dung bài học và kết hợp với giới thiệu, tham quan di tích, không biến buổi học thành buổi tham quan ngoại khoá.

- Trong giờ học tại di tích lịch sử, giáo viên phải biết lựa chọn những kiến thức cơ bản, và không thể, không cần thiết giới thiệu toàn bộ di tích lịch sử.

- Trong giờ học tại di tích lịch sử, học sinh được huy động tối đa các năng lực tư duy, trong đó quan sát là chủ yếu. Giáo viên cần khơi dậy, duy trì sự tò mò, hứng thú khoa học của học sinh khi tiếp xúc với hiện vật, nhưng cũng tránh làm cho các em mệt mỏi hoặc phân tán sự chú ý vào nội dung bài học.

Học sinh được làm nhiều bài tập thực hành từ đơn giản đến phức tạp (quan sát, ghi chép tài liệu, vẽ sơ đồ, viết thu hoạch, lập hồ sơ di tích...).

Trong và sau buổi học tại di tích lịch sử, học sinh được tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí, tham quan du lịch để buổi học thêm sinh động, hấp dẫn.

Tóm lại, bài học tại di tích lịch sử đạt được hiệu quả giáo dục to lớn, góp phần nâng cao chất lượng bộ môn. Nó còn thay đổi quan niệm dạy học cũ, bài học chỉ được tiến hành ở trên lớp. Nó làm cho hình thức, phương pháp dạy học lịch sử sinh động và linh hoạt hơn.

3. Tổ chức tham quan di tích lịch sử trong hoạt động ngoại khoá

Qua thực nghiệm sư phạm trên, chúng tôi rút ra một số vấn đề khái quát:

Thứ nhất, đây là hình thức hoạt động ngoại khoá nhằm minh hoạ, bổ sung các tri thức lịch sử mà học sinh đã học. Việc chọn khu di tích lịch sử làm điểm tham quan phải thuận lợi về giao thông, nơi có nhiều di tích qua các thời kỳ lịch sử chủ yếu của lịch sử dân tộc, địa phương.

Thứ hai, tham quan di tích lịch sử nâng cao rõ rệt chất lượng học tập. Điều này thể hiện ở việc học sinh nhớ chính xác, hiểu đúng các sự kiện lịch sử có liên quan đến di tích lịch sử; các kỹ năng tư duy, thực hành bộ môn được rèn

luyện, phát huy nhiều hơn. Ngoài ra, các em còn thể hiện rõ xúc cảm lịch sử khi tham quan các di tích lịch sử của quê hương, củng cố niềm tự hào về quê hương, ý thức trách nhiệm của mình góp phần xây dựng quê hương.

Thứ ba, tất cả các trường, tuỳ theo điều kiện cụ thể của mình có thể và cần thiết phải tổ chức cho học sinh tham quan các di tích lịch sử ở quê hương theo đúng phân phối chương trình.

Thứ tư, nội dung tham quan phải phù hợp với chương trình, trình độ học sinh, điều kiện cụ thể của địa phương.

Trong buổi *"Tham quan di tích",* giáo viên tổ chức, hướng dẫn học sinh trực tiếp quan sát một hay nhiều hiện vật. Khi tổ chức học sinh tham quan, cần kết hợp với việc "giới thiệu di tích", dùng lời nói để hỗ trợ cho sự quan sát, tìm hiểu của học sinh trước một thực tế, hiện vật thật.

Việc tham quan di tích lịch sử, trước hết góp phần tạo những biểu tượng cụ thể về những sự kiện lịch sử sống động có liên quan. Những gì các em quan sát được trong thời gian tham quan sẽ được sử dụng trong các tiết lên lớp và các giờ học khác như những tài liệu thực tế, làm cơ sở để hình thành các khái niệm lịch sử. Tham quan di tích lịch sử còn nhằm kiểm tra, sửa chữa, làm chính xác, cụ thể hoá thêm những tri thức đã học của học sinh.

Việc tham quan di tích lịch sử là một hình thức liên hệ lý luận với thực tiễn, một trong những phương tiện quan trọng để tăng cường mối liên hệ giữa nhà trường với đời sống, vận dụng những tri thức lịch sử vào đời sống.

Việc tham quan di tích lịch sử tạo ra nhiều khả năng để phát triển óc quan sát của học sinh, dạy cho các em biết nhìn

thấy những khía cạnh mới trong các sự vật và hiện tượng quen thuộc, thấy được những mối liên hệ giữa các hiện tượng. Sự quan sát trực tiếp những chứng cứ lịch sử tạo cho các em niềm hứng thú, say mê học tập lịch sử.

Việc tham quan còn có ý nghĩa lớn đối với việc giáo dục thẩm mỹ cho học sinh. Niềm vui sướng, những rung cảm, ấn tượng khó phai khi được tận mắt chiêm ngưỡng những di sản văn hoá của dân tộc. Điều đó sẽ làm tăng thêm lòng yêu quê hương, đất nước của các em.

Để buổi tham quan di tích lịch sử đạt hiệu quả, công việc chuẩn bị có ý nghĩa quan trọng. Trước hết, giáo viên cần xác định mục đích, ý nghĩa của cuộc tham quan, quan trọng hơn là tìm hiểu đối tượng cần tham quan.

Khi vạch kế hoạch tham quan, phải ấn định thời gian bắt đầu và kết thúc, dự kiến công việc của từng học sinh, của từng nhóm học sinh trong việc quan sát, thụ thập tài liệu, thảo luận những vấn đề nêu lên. Thời gian để quan sát, tham quan một di tích lịch sử không vượt quá 2 tiết học (90phút), nếu kéo dài hơn, hứng thú của học sinh sẽ bị giảm.

Quan sát là phương pháp chủ yếu được áp dụng trong tham quan. Trong khi trình bày, hướng dẫn tham quan, giáo viên cần kích thích hoạt động nhận thức tích cực của học sinh. Điều quan trọng là làm cho học sinh "lĩnh hội tài liệu" và biến tài liệu đó trở thành nội dung giải đáp cho những câu hỏi, vấn đề nảy sinh trong các em.

Tóm lại, tham quan di tích lịch sử cần được các nhà trường phổ thông tổ chức thường xuyên cho học sinh, nhất là các di tích lịch sử của quê hương trong những dịp lễ hội nhằm phát huy lợi thế nhiều mặt của di tích lịch sử đối với việc giáo dục thế hệ trẻ.

4. Một số hình thức ngoại khoá lịch sử tại di tích lịch sử

Ngoài việc tham quan di tích lịch sử đã trình bày, trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông, chúng ta còn tiến hành nhiều hoạt động ngoại khoá khác.

Thứ nhất, tham gia các lễ hội truyền thống tại di tích lịch sử.

Tổ chức cho học sinh đến với lễ hội truyền thống ở các di tích lịch sử, trước hết bồi dưỡng cho các em lòng tôn kính, biết ơn những người có công với nước, gây niềm tự hào về truyền thống dân tộc, quê hương. Đây cũng là dịp để các em giao lưu cộng cảm, trao truyền những đạo lý, tình cảm, có ý thức gìn giữ thuần phong mỹ tục... Lễ hội còn là một hình thức mô tả các sự tích, truyền thụ nội dung lịch sử qua sân khấu, trò diễn. Vì vậy, nó có tác dụng cung cấp cho học sinh những hình ảnh lịch sử sống động nhất.

Trong hàng trăm lễ hội truyền thống hàng năm, chúng ta nên chọn những lễ hội có nội dung lịch sử, liên quan tới những sự kiện lớn của chương trình lịch sử, những trò chơi, cuộc thi mang tính chất truyền thống, lịch sử, tránh những trò chơi mang tính chất mê tín dị đoan, cờ bạc đang đan xen trong các lễ hội hiện nay.

Thứ hai, tổ chức dạ hội lịch sử tại di tích lịch sử.

Các buổi dạ hội thường được tổ chức cùng với cắm trại hè - thu tại các di tích lịch sử và đảm bảo các yêu cầu cần thiết:

- *Trước hết,* xác định mục đích buổi dạ hội. Nội dung dạ hội lịch sử thường mang chủ đề phù hợp với các ngày lễ, kỷ niệm lớn của lịch sử dân tộc, lịch sử địa phương, như kỷ niệm 550 năm khởi nghĩa Lam Sơn, 100 năm khởi nghĩa Ba Đình,

30 năm chiến thắng Hàm Rồng - Nam Ngạn; kỷ niệm các ngày 2-9, 19-5... Nội dung chủ đề dạ hội gắn liền với chương trình lịch sử.

- Trong buổi dạ hội, học sinh là lực lượng chính, giáo viên đóng vai trò tổ chức, điều khiển. Giáo viên cần huy động tối đa năng lực, sở trường của từng học sinh để phân công từng em, hoặc từng nhóm luyện tập, tích cực tham gia với khả năng của mình.

- Cần kết hợp với Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh; giáo viên lập kế hoạch chi tiết cho buổi dạ hội với nhiều hình thức phong phú, hấp dẫn, lôi cuốn về nghệ thuật. Các hình thức như triển lãm, trang trí, hoạt động khoa học, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, gặp gỡ nhân chứng lịch sử... cần tổ chức đan xen, nhịp nhàng với nhau. Các báo cáo mở đầu, kết thúc tránh dài dòng và nên bằng hình thức nhẹ nhàng, lôi cuốn, như múa hát tập thể, hoạt cảnh vui...

- Cuối cùng, buổi dạ hội lịch sử cần kết hợp với tham quan thắng cảnh của di tích, tổ chức cắm trại và những hoạt động ngoại khoá khác.

Thứ ba, các công tác công ích xã hội tại di tích lịch sử.

Công tác công ích xã hội được tổ chức tại di tích lịch sử là một biện pháp nhằm tăng cường mối liên hệ giữa nhà trường và địa phương, gắn dạy học lịch sử với đời sống xã hội. Có những biện pháp, hình thức sau:

- Giáo dục các em có ý thức tôn trọng di tích lịch sử. Các em hiểu rõ, di tích lịch sử là những di sản văn hoá quý hiếm của nhân loại cần được bảo vệ. Qua sách báo, ti vi..., các em hiểu rõ, những cuộc xung đột, chiến tranh không chỉ huỷ diệt

con người , của cải mà còn tàn phá cả các di tích lịch sử, như năm 1968, đế quốc Mỹ đã thả bom, bắn phá khu "Thánh địa Mỹ Sơn" (Quảng Nam), làm hư hại nặng nề khu di tích lịch sử - văn hoá quý giá này. Vì vậy, trong xây dựng đất nước, học sinh cần có ý thức trách nhiệm và nhiệt tình tham gia bảo vệ, chống lại việc huỷ hoại, xuống cấp của các di tích lịch sử.

Công việc cụ thể mà các em cần lưu ý là ngăn ngừa các việc làm (vô tình hay hữu ý) ảnh hưởng xấu đến di tích lịch sử, như thả trâu bò, hái hoa, vẽ bậy lên tường của di tích; tích cực tham gia các buổi lao động công ích, làm vệ sinh, trồng cây, chăm sóc cây cảnh tại khu di tích lịch sử...

- Mỗi trường Trung học cơ sở nhận trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc một di tích lịch sử ở địa phương. Nhà trường cần liên hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương, ban quản lý các khu di tích, để học sinh trường mình ngoài "nghĩa vụ" chăm sóc, bảo vệ, còn có "quyền lợi ưu đãi" sử dụng di tích, như là lực lượng chính tham gia lễ hội, tham quan, học tập miễn phí tại di tích lịch sử.

- Ở các xã, phường, huyện, thị trấn hiện nay đều có các nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm anh hùng, liệt sĩ. Đây là một loại di tích lịch sử có ý nghĩa giáo dục cho học sinh đạo lý "đền ơn đáp nghĩa", "uống nước nhớ nguồn", đời đời ghi ơn các anh hùng, liệt sĩ đã hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Các trường thường xuyên tổ chức hàng tuần, hàng tháng, nhất là trong những dịp lễ tết (27/7, 2/9, 30/4...) cho học sinh thăm viếng nghĩa trang, tổ chức các em chăm sóc nghĩa trang xã, phường mình.

Ngoài những hình thức học tập tại di tích lịch sử mà chúng tôi đã trình bày ở trên, trong thực tế còn có nhiều hình

thức khác, như nói chuyện lịch sử tại di tích lịch sử, những cuộc hành hương "Theo vết chân người xưa", "Tìm địa chỉ đỏ", "Thăm lại chiến trường xưa", cắm trại tại di tích lịch sử... Những hình thức này, chúng tôi đã đề cập đan xen ở những hình thức trên hoặc chưa có điều kiện để trình bày.

*

* *

Trên đây là một số kinh nghiệm mà chúng tôi đã tiến hành, được tổng kết, đúc rút thành một số điểm vừa có tính chất thực tiễn, vừa là những khái quát lý luận. Điều quan trọng là phải nhận thức đúng vấn đề và quyết tâm thực hiện theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học lịch sử để nâng cao chất lượng giáo dục.

BÀI TẬP TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Ths Trần Quốc Tuấn*

Cũng như các môn học khác ở trường phổ thông, việc dạy học lịch sử cũng phải tiến hành bài tập nhằm *tổ chức việc hình thành, củng cố, đánh giá, kiểm tra tri thức lịch sử được lĩnh hội.*

CÁC LOẠI BÀI TẬP LỊCH SỬ: Có nhiều loại bài tập lịch sử:

- *Nhóm bài tập nhận biết lịch sử*, để tái tạo hình ảnh quá khứ, nhằm rèn luyện kỹ năng ghi nhớ, tái hiện lịch sử một cách chính xác.

- *Nhóm bài tập nhận thức lịch sử*, đòi hỏi học sinh tìm hiểu sâu bản chất sự kiện, phù hợp trình độ của mình.

- *Nhóm bài tập thực hành,* nhằm rèn luyện kỹ năng thực hành bộ môn, nâng cao trình độ tư duy lịch sử.

Các loại bài tập thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Hình thành tri thức lịch sử cho học sinh.

- Góp phần giáo dục tư tưởng, tình cảm, nhân cách cho học sinh.

- Gây hứng thú học tập, góp phần phát triển tư duy cho học sinh.

---

* Khoa Lịch sử - trường Đại học Sư phạm Quy nhơn.

- Góp phần rèn luyện kỹ năng bộ môn.

I. NGUYÊN TẮC VÀ QUY TRÌNH XÂY DỰNG HỆ THỐNG BÀI TẬP LỊCH SỬ

Cần tuân thủ các nguyên tắc chủ yếu sau khi xây dựng các loại bài tập lịch sử.

Thứ nhất, nội dung bài tập lịch sử phải gắn với chương trình, sách giáo khoa, phản ánh yêu cầu, trình độ học tập của học sinh.

Thứ hai, đảm bảo tính hệ thống của loại bài tập, thể hiện mối liên hệ lôgic giữa các sự kiện trong những khoá trình lịch sử.

Thứ ba, đảm bảo tính đa dạng, toàn diện của nội dung bài tập, tức là đòi hỏi học sinh phải hiểu biết các lĩnh vực của đời sống xã hội trong chương trình lịch sử.

Thứ tư, nội dung bài tập phải phù hợp với trình độ nhận thức, phát huy trí thông minh, sáng tạo, có tác dụng giáo dục tư tưởng, phẩm chất, đạo đức của học sinh.

Thứ năm, bài tập cần chính xác về nội dung, chuẩn mực về hình thức.

Theo các nguyên tắc, việc xây dựng bài tập lịch sử được tiến hành theo một quy trình, gồm các bước:

- Xác định mục đích xây dựng bài tập (loại hình, yêu cầu...).

- Xác định nội dung cần kiểm tra học sinh (phù hợp với yêu cầu học tập).

- Xác lập hệ thống các loại bài tập.

- Xác định nguồn tài liệu để xây dựng bài tập (sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, đồ dùng trực quan...).

- Thể hiện thành các loại bài tập.

- Kiểm tra các bài tập dùng để đánh giá học sinh.

Căn cứ vào yêu cầu bài tập lịch sử nêu trên, chúng ta xây dựng hệ thống bài tập, gồm có các loại sau:

Thứ nhất, các câu hỏi trong sách giáo khoa cần được giải quyết.

Thứ hai, các loại bài tập nhỏ liên quan đến kênh hình.

Thứ ba, các loại bài tập sử dụng tài liệu tham khảo, đồ dùng trực quan.

Thứ tư, bài tập trắc nghiệm.

Thứ năm, bài tập tự luận.

Thứ sáu, bài tập liên hệ kiến thức về quá khứ đang học vứi thực tiễn cuộc sống hiện nay.

Chúng tôi dẫn làm ví dụ một số bài tập sau đây:

- Bằng những kiến thức lịch sử đã học thời kỳ 1939 - 1945 hãy giải thích và chứng minh nhận định trên.

- Nội dung chủ trương khởi nghĩa vũ trang được đề ra trong Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5.1941). Bằng những kiến thức lịch sử từ 1941 đến 1945, hãy chứng minh tính đúng đắn của chủ trương đó ?

- Nhân dân ta giành chính quyền từ tay Nhật, nhưng tại sao trong bản Tuyên ngôn Độc lập đọc tại Quảng trường Ba Đình ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến tội ác của thực dân Pháp? Em lý giải thế nào về điều đó?

- Trong Tuyên ngôn Độc lập có đoạn viết: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một

nước tự do, độc lập". Căn cứ vào cơ sở nào mà Hồ Chí Minh khẳng định như vậy?

- Có ý kiến cho rằng, Cách mạng tháng Tám 1945 thắng lợi là *"sự ăn may"* vì nó diễn ra trong điều kiện *"trống vắng quyền lực"*. Theo em, nhận xét đó có đúng không? Hãy lý giải và chứng minh.

- Vẽ lược đồ Việt Nam và ghi thời gian khởi nghĩa giành chính quyền ở các tỉnh trong Cách mạng tháng Tám 1945.

- Lập bảng thống kê những sự kiện tiêu biểu xảy ra trong thời kỳ từ khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ đến ngày 2 tháng 9 năm 1945.

- Lập bảng so sánh những vấn đề cơ bản của *Cách mạng tháng Tám 1945* (mục đích, nhiệm vụ, lãnh đạo, lực lượng tham gia, kết quả) với nội dung *Chính cương vắn tắt, Sách lược văn tắt* của Nguyễn Ái Quốc khởi thảo 1930. Qua đó xác định tính chất của cuộc cách mạng này?.

Để giải quyết các bài tập nêu trên, cũng như tất cả các bài tập lịch sử khác, cần phải:

Một là, giáo viên nắm được đặc điểm và trình độ nhận thức của học sinh để mỗi khối lớp đưa ra một số loại bài tập thích hợp.

Hai là, việc sử dụng bài tập lịch sử nhằm tăng cường hoạt động nhận thức của học sinh; không nên làm cho các em "lo sợ", mất hứng thú với việc làm bài tập.

Ba là, gây cho học sinh lòng tin, sự tìm tòi, suy nghĩ về nội dung và phương pháp làm bài tập dựa vào sức mình là chủ yếu, dưới sự hướng dẫn của giáo viên và hợp tác, trao đổi với bạn học.

II. CÁC BIỆN PHÁP SƯ PHẠM SỬ DỤNG BÀI TẬP TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Có nhiều biện pháp sư phạm sử dụng bài tập trong quá trình dạy học lịch sử ở trường Trung học phổ thông. Ở đây chúng tôi nêu lên một số biện pháp chủ yếu:

1. Sử dụng câu hỏi có những yếu tố của bài tập nhận thức để học sinh tiếp nhận kiến thức mới

Các nhà tâm lý - sư phạm cho rằng, trước khi học tập một vấn đề nào đó, học sinh sử dụng các thao tác tư duy để giải quyết các vấn đề: đối tượng mình sẽ nhận thức là gì? Bằng cách nào để nhận thức được kiến thức đó? Kết quả nhận thức cần phải đạt được là gì?.... Vì vậy, trong các giờ học lịch sử, trước khi truyền thụ kiến thức mới, giáo viên phải xác định nhiệm vụ nhận thức cho học sinh. Công việc này có hai tác dụng: nêu rõ mục đích nhận thức của học sinh và hướng học sinh chú ý đến những kiến thức trọng tâm của bài học; huy động cao nhất hoạt động của các giác quan kết hợp với tư duy có định hướng.

Biện pháp này có thể tiến hành bằng các cách sau:

Một là, nêu rõ vấn đề nhận thức bằng một hoặc vài câu hỏi thể hiện nội dung vấn đề cần nghiên cứu. Ví như, trước khi dạy bài "*Công xã Pari*" ở lớp 11, giáo viên nêu hai câu hỏi nhận thức: "Các em chú ý theo dõi bài giảng của thầy để cuối giờ học trả lời câu hỏi: Những sự kiện nào chứng tỏ cuộc khởi nghĩa 18-3-1871 là cuộc cách mạng vô sản? Tại sao gọi Công xã Pari là nhà nước kiểu mới?".

Hai là, có thể định hướng nhiệm vụ nhận thức cho học sinh bằng cách đưa ra một số ý kiến, nhận định, đánh giá trái ngược nhau về một sự kiện lịch sử để tạo ra sự xung đột, mâu thuẫn về mặt nhận thức nhằm tạo nên sự chú ý, kích thích suy nghĩ, tìm tòi của học sinh. Ví như, ở lớp 12, khi dạy bài "*Cuộc vận động Cách mạng tháng Tám (1939-1945)*", giáo viên định hướng nhiệm vụ nhận thức: "Có ý kiến cho rằng, thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, ở nước ta là "sự ăn may", nó diễn ra trong tình trạng "trống vắng quyền lực". Các em có đồng ý với nhận định đó không? Vì sao?".

Ba là, một cách khác để định hướng nhiệm vụ nhận thức cho học sinh là xác lập mâu thuẫn giữa kiến thức cũ mà các em đã học với kiến thức mới. Ví như, khi dạy học bài "*Cách mạng tư sản Pháp 1789*" ở lớp 10, giáo viên tổ chức cho học sinh trao đổi các vấn đề của Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ, về tính chất, ý nghĩa, kết quả..., rồi nêu câu hỏi nhận thức: "Dựa vào những nội dung cơ bản này, các em nghiên cứu bài học hôm nay để tìm hiểu xem Cách mạng tư sản Pháp có gì khác với Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ và vì sao Lênin gọi cuộc cách mạng này là một cuộc "đại cách mạng"?".

Khi sử dụng câu hỏi mang nội dung bài tập nhận thức để định hướng nhiệm vụ nhận thức cho học sinh, giáo viên cần chú ý:

- Bài tập định hướng nhiệm vụ nhận thức cho học sinh trước khi nghiên cứu kiến thức mới không chỉ tiến hành vào đầu giờ học mà còn được sử dụng ở từng phần, từng đơn vị kiến thức của bài học.

- Định hướng nhiệm vụ nhận thức cho học sinh trong các giờ học lịch sử phải tạo ra tình huống có vấn đề, nhằm kích

thích hứng thú học tập, góp phần phát triển tư duy cho các em.

- Ngoài việc phát hiện vấn đề, cần chú ý thiết kế nội dung câu hỏi và cách thức trình bày của giáo viên. Bởi vì *"Tính vấn đề của câu hỏi phụ thuộc vào bản thân sự kiện, nhưng nó cũng chịu sự chi phối trực tiếp của nghệ thuật xây dựng và sử dụng câu hỏi của giáo viên"*[1].

- Bài tập đưa ra vào đầu giờ học để định hướng nhiệm vụ nhận thức cho học sinh phải hướng vào những kiến thức trọng tâm của bài học.

- Khi đưa ra những câu hỏi định hướng nhiệm vụ nhận thức cho học sinh, giáo viên viết ngay câu hỏi lên phía góc trái bảng, song không yêu cầu học sinh trả lời ngay mà sẽ trả lời vào cuối mỗi đề mục hay bài học.

2. Sử dụng bài tập để tổ chức hoạt động nhận thức của học sinh trong quá trình tiếp thu kiến thức mới

Đổi mới phương pháp dạy học là tạo ra quá trình chuyển từ việc dạy học cũ – *dựa vào trí nhớ, học thuộc kiến thức có sẵn*, sang việc dạy mới – *phát huy tính tích cực nhận thức độc lập của học sinh*. Vì vậy, giáo viên phải sử dụng hệ thống câu hỏi, bài tập trong quá trình truyền thụ kiến thức mới. Ví như, khi dạy mục 1, phần VII trong bài *"Cuộc vận động Cách mạng tháng Tám (1939-1945)"*, giáo viên ra bài tập: "Tại sao khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, Đảng ta quyết định Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc?". Để

---

[1] Kiều Thế Hưng: *Hệ thống thao tác sư phạm trong dạy học lịch sử ở trường Trung học phổ thông*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999, tr. 77.

giải quyết bài tập này, giáo viên gợi ý cho học sinh nhớ lại chủ trương khởi nghĩa vũ trang đề ra trong Hội nghị Trung ương VIII (5-1941). Chủ trương này gồm 3 điểm, trong đó nhấn mạnh: Khởi nghĩa vũ trang muốn giành thắng lợi phải có đầy đủ những điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi – nghĩa là phải có thời cơ. Vậy "thời cơ của cách mạng là gì?". Để hiểu vấn đề này, học sinh lần lượt xác định các yếu tố của thời cơ cách mạng (kẻ thù không thể thống trị như cũ được nữa, quần chúng nhân dân đã đứng về phía cách mạng, Đảng của giai cấp lãnh đạo đã chuẩn bị sẵn sàng). Tiếp đó giáo viên hỏi: "Các yếu tố này đã xuất hiện đầy đủ ở nước ta lúc bấy giờ chưa?". Học sinh suy nghĩ, trình bày rõ vấn đề. Cuối cùng, giáo viên kết luận: "Khi Nhật đầu hàng Đồng minh, ở nước ta đã xuất hiện đầy đủ ba yếu tố trên – nghĩa là thời cơ cho Tổng khởi nghĩa đã chín muồi. Do đó, Đảng ta quyết định Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc. Đây là một quyết định đúng đắn, kịp thời, sáng suốt. Nhờ vậy, Tổng khởi nghĩa đã diễn ra và giành thắng lợi nhanh chóng trong cả nước. Tổng khởi nghĩa đã diễn ra như thế nào? Chúng ta tiếp tục nghiên cứu ở mục tiếp theo của bài học".

Cách đặt và hướng dẫn giải quyết bài tập như vậy, thu hút sự chú ý của học sinh, vì các em vừa được củng cố kiến thức cũ, vừa chuẩn bị lĩnh hội kiến thức mới; nó kích thích tư duy, hình thành phương pháp nhận thức – phương pháp giải quyết bài tập.

Khi sử dụng bài tập lịch sử để tổ chức hoạt động nhận thức kiến thức mới cho học sinh trong giờ lên lớp, cần chú ý giải quyết mấy vấn đề: khả năng hoạt động độc lập của học sinh được thực hiện ở mức độ nào là hợp lý? Cần phải đưa bài

tập vào lúc nào? Thời gian dành cho giải quyết bài tập là bao nhiêu? Hình thức trả lời bài tập bằng miệng hay viết? Giáo viên tham gia chỉ đạo, gợi ý ở chừng mực nào?... Câu giải đáp các vấn đề trên phụ thuộc vào 2 yếu tố:

- Khối lượng và mức độ khó của bài tập đưa ra mà học sinh sẽ nhận thức.

- Mức độ lĩnh hội kiến thức đã học và mối quan hệ giữa các kiến thức này với bài tập.

Vì vậy, cần có nhiều phương án khác nhau khi sử dụng bài tập trên lớp, tựu trung có 3 cách chủ yếu, phổ biến, dễ thực hiện:

Một là, giáo viên đưa ra bài tập cho học sinh suy nghĩ, rồi trình bày cách giải quyết, giải thích các bước tiến hành bài tập, nêu và phân tích các cứ liệu để giải quyết bài tập, giải thích cách trình bày, lập luận của mình. Học sinh chú ý theo dõi để nắm được phương pháp giải quyết của thầy và ghi chép vào vở.

Hai là, giáo viên đưa ra bài tập, yêu cầu học sinh lên bảng trình bày, số còn lại tự làm bài tập ở dưới lớp vào vở. Giáo viên vừa theo dõi việc làm bài của học sinh, vừa đưa ra những gợi ý, đồng thời uốn nắn những sai sót của các em.

Ba là, giáo viên đưa ra bài tập, học sinh cả lớp cùng trao đổi, tranh luận, qua đó vấn đề của bài tập sẽ được sáng tỏ và các em tự sửa chữa, hoàn chỉnh bài làm của mình.

3. Tổ chức và hướng dẫn học sinh làm bài tập lịch sử trong tự học ở nhà

Lý luận dạy học đã chỉ rõ, giữa việc dạy học và tự học có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Đó là mối quan hệ giữa "*ngoại*

lực" và "*nội lực*" trong quá trình học tập. Việc dạy học của *thầy – ngoại lực* – có tác dụng thúc đẩy, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho trò tự học, tự phát triển và trưởng thành; còn tự học của *trò – nội lực* – là nhân tố quyết định sự phát triển của bản thân học sinh. Do đó, chất lượng giáo dục sẽ đạt kết quả cao nhất, khi *dạy học – ngoại lực* – cộng hưởng với *tự học – nội lực* – tạo ra năng lực tự học sáng tạo của người học. Vấn đề này cũng được nhấn mạnh trong Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ VII: "*Tập trung nâng cao chất lượng dạy và học, tạo ra năng lực tự học sáng tạo của học sinh*"[1]. "*Bảo đảm về điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, phát triển mạnh phong trào tự học, tự đào tạo thường xuyên, rộng khắp trong toàn dân*"[2]. Nghị quyết này thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục "*Về cách học, phải lấy tự học làm nòng cốt*"[3].

Quan điểm trên được quán triệt và vận dụng trong dạy học các môn học ở trường phổ thông nói chung, môn Lịch sử nói riêng. Vì vậy, đổi mới phương pháp dạy học lịch sử cần chú ý đến vấn đề bồi dưỡng và phát triển năng lực tự học của học sinh. Bởi vì, *bài giảng ở trên lớp chỉ là bước mở đầu* cho công việc tiếp tục tự học ở nhà để hiểu vấn đề, chứ không phải là cung cấp hoàn chỉnh, cuối cùng cho việc học tập.

Tự học trong môn Lịch sử ở trường Trung học phổ thông cần được tiến hành ở nhiều khâu của quá trình dạy học và

---

[1] *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VII*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1991, tr. 109.

[2] *Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 14.

[3] *Hồ Chí Minh về vấn đề giáo dục*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1990, tr.67.

được thực hiện bằng nhiều con đường khác nhau, trong đó tổ chức và hướng dẫn học sinh làm bài tập ở nhà là biện pháp quan trọng, không thể thiếu được. Biện pháp này được thực hiện bằng các cách sau:

Một là, tổ chức và hướng dẫn học sinh giải quyết các câu hỏi, bài tập trong sách giáo khoa. Đây là hình thức làm bài tập chủ yếu trong tự học ở nhà của học sinh. Vì vậy, giáo viên phải hướng dẫn học sinh làm những bài tập trong sách giáo khoa, giúp các em phục hồi và củng cố những tài liệu đã nghiên cứu ở trên lớp cũng như học tập cách tái hiện nó dưới hình thức nói và viết.

Hai là, tổ chức và hướng dẫn học sinh làm một số bài tập do giáo viên đưa ra. Sau mỗi giờ học trên lớp, nhằm giúp học sinh nắm vững hệ thống kiến thức trong một bài hoặc một số bài và rèn luyện các kỹ năng tự học, tuỳ theo nội dung bài học, điều kiện cụ thể, giáo viên có thể ra thêm một số câu hỏi, bài tập để các em làm ở nhà (số lượng, nội dung bài tập phải phù hợp với yêu cầu học tập và trình độ của học sinh). Biện pháp này không chỉ làm cho học sinh nỗ lực vươn lên trong học tập, mà còn giúp các em tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của mình một cách tốt nhất.

Để việc tổ chức và hướng dẫn học sinh làm bài tập lịch sử trong tự học ở nhà đạt hiệu quả, giáo viên cần chú ý:

- Cần đưa ra nhiều loại bài tập, đảm bảo tính đa dạng, phong phú của chúng, nhằm rèn luyện toàn diện kỹ năng học tập bộ môn. Tuy nhiên, tuỳ theo nội dung học tập, trình độ học sinh của mỗi lớp, điều kiện cụ thể của từng trường mà giáo viên nêu số lượng và mức độ yêu cầu bài tập cho phù hợp.

- Việc gợi ý, hướng dẫn học sinh cách thức giải quyết các bài tập ở nhà là cần thiết, nhất là đối với học sinh lớp dưới.

- Phải kiểm tra, đánh giá kết quả làm bài tập ở nhà của học sinh. Vì vậy, giáo viên yêu cầu học sinh có vở bài tập, thường xuyên kiểm tra xem các em có làm bài tập không, kết quả đạt được ra sao và nhận xét, cho điểm nhằm khuyến khích, động viên kịp thời.

- Nên tổ chức những tổ, nhóm học tập để cùng nhau trao đổi, bàn bạc trong khi giải quyết bài tập.

Việc ra và hướng dẫn học sinh làm bài tập lịch sử trong tự học ở nhà là điều cần thiết, có thể thực hiện được với nội dung và số lượng hợp lý. Nó đòi hỏi học sinh nỗ lực tự học, cố gắng làm tốt các bài tập.

4. Sử dụng bài tập lịch sử trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

Dạy học là quá trình tác động qua lại giữa việc giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh. Hiệu quả giảng dạy của giáo viên chủ yếu được phản ánh ở kết quả học tập của học sinh. Đánh giá việc giảng dạy của giáo viên căn cứ vào kết quả học tập của các em. Vì vậy, kiểm tra, đánh giá là biện pháp quan trọng để xem xét kết quả học tập của học sinh, đồng thời cũng là sự đánh giá hiệu quả sư phạm của giáo viên.

Trong thực tế dạy học lịch sử ở trường Trung học phổ thông hiện nay, nhiều giáo viên chỉ đặt những câu hỏi để đánh giá việc ghi nhớ sự kiện của học sinh bằng cách học thuộc lòng (được lạm dụng là "khắc sâu kiến thức"), hoặc yêu cầu học sinh trả lờikhông dựa trên sự hiểu biết cụ thể, cơ bản mà chỉ lý giải một cách chung chung, công thức.

Để khắc phục thực trạng trên, việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập lịch sử của học sinh ở trường Trung học phổ thông, không thể dừng lại ở việc đề ra câu hỏi "có" hay "không"; "đúng" hay "sai", mà phải sử dụng nhiều loại câu hỏi, bài tập ở những hình thức và mức độ khác nhau.

Một là, theo nhiều nhà khoa học - sư phạm, để giúp học sinh nhớ kiến thức cơ bản đã học, cần đặt các câu hỏi "Như thế nào?" (sự kiện đã diễn ra một cách cụ thể ra sao), rồi phân tích bản chất, tác dụng, ý nghĩa của sự kiện ấy qua câu hỏi "Vì sao?" (tức nguyên nhân nào dẫn đến sự kiện, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của sự kiện). Do đó, trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập lịch sử của học sinh, giáo viên nên đặt hai loại câu hỏi có quan hệ chặt chẽ với nhau: trình bày nội dung sự kiện cơ bản của bài, rồi nêu tiếp câu hỏi khác để các em phân tích, lý giải. Ví như, khi kiểm tra về *Tổng khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám*, giáo viên đặt câu hỏi: "*Những sự kiện nào đánh dấu Cách mạng tháng Tám thành công trong cả nước?*". Học sinh dễ dàng nhắc đến các sự kiện về khởi nghĩa ở Huế, Sài Gòn, đặc biệt khởi nghĩa ở Hà Nội và ngày tuyên bố độc lập ở Quảng trường Ba Đình. Khi nhắc đến các sự kiện này, nhất là sự kiện Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, giáo viên tiếp tục yêu cầu học sinh lý giải "*Vì sao những sự kiện này đánh dấu sự thành công của Cách mạng tháng Tám trong phạm vi cả nước?*". Hai loại câu hỏi này, tuỳ mục đích nêu ra nặng về mặt nào (khôi phục hay giải thích quá khứ) mà có liều lượng trình bày khác nhau; về miêu tả sự kiện hay lý giải sự kiện có khác nhau, song đều phải sử dụng cả hai.

Hai là, việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập lịch sử của học sinh không chỉ giới hạn ở các loại câu hỏi trên, mà

phải sử dụng các loại bài tập nhận thức, nghị luận lịch sử. Đây là loại bài tập hướng vào những vấn đề quan trọng của chương trình, nội dung sách giáo khoa, nhằm giúp học sinh hiểu rõ những sự kiện cơ bản được nêu ra, nâng cao sự hiểu biết của các em. Loại bài tập này thường được nêu dưới dạng câu hỏi, song không phải những câu hỏi như trong sách giáo khoa, mà là câu hỏi khái quát, có nội dung khó hơn, đòi hỏi thời gian, công sức và trí tuệ của học sinh nhiều hơn, cao hơn. Nó được xây dựng trên cơ sở một sự kiện quan trọng, một số bài hay cả khoá trình; vừa mang tính chất kiểm tra kiến thức cơ bản, vừa phát huy tư duy sáng tạo, năng lực độc lập của học sinh. Ví như, ở lớp 11, giáo viên có thể nêu bài tập: "Từ hai câu thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

Nay ta nước mất nhà tan,

Cũng vì những lũ vua quan ngu hèn,

Em hãy nêu lên trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn trong việc làm mất nước ta vào tay thực dân Pháp?". Còn ở lớp 12, giáo viên có thể nêu câu hỏi kiểm tra mang tính khái quát hơn: "Bằng những sự kiện lịch sử cụ thể đã học, phân tích nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước?". Bài tập này không chỉ đòi hỏi học sinh nhớ những sự kiện cụ thể, mà còn phải biết lựa chọn những sự kiện cơ bản để chứng minh một vấn đề đặt ra. Như vậy, nếu chỉ trình bày, dù đầy đủ, chính xác sự kiện về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta cũng không đạt yêu cầu và không đúng vấn đề được đặt ra; song nếu phải lý giải nguyên nhân thắng lợi mà không dẫn ra một vài sự kiện cơ bản thì sẽ rơi vào công thức, chung chung, thiếu tính cụ thể.

Ba là, ngoài các câu hỏi, bài tập nêu trên, trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập lịch sử của học sinh ở trường Trung

học phổ thông, giáo viên cần phải tăng cường sử dụng các loại bài tập trắc nghiệm khách quan, bài tập thực hành.

5. Sử dụng bài tập lịch sử trong hoạt động ngoại khoá bộ môn

Hoạt động ngoại khoá bộ môn Lịch sử ở trường Trung học phổ thông được tiến hành bằng nhiều hình thức khác nhau, tuỳ thuộc vào mục đích, quy mô tổ chức, trình độ học sinh và thời gian tiến hành. Thông qua từng hình thức cụ thể, giáo viên sử dụng nhiều biện pháp, phương tiện khác nhau, mà bài tập lịch sử là một phương tiện không thể thiếu được. Vậy những loại bài tập nào được sử dụng trong hoạt động ngoại khoá bộ môn Lịch sử?

Một là, bài tập sưu tầm tài liệu để viết một đề tài lịch sử địa phương. Đây là bài tập mang tính chất nghiên cứu, cần được tiến hành trong thời gian dài (một tháng hoặc suốt cả học kỳ) và thực hiện chủ yếu ở học sinh lớp lớn.

Hai là, bài tập thu hoạch qua tham quan di tích lịch sử, cách mạng, nhà bảo tàng, nhà truyền thống...

Ba là, bài tập dưới dạng các trò chơi lịch sử, như thi đố kiến thức lịch sử, ô chữ, súc sắc, trò chơi mật mã... Các loại hình bài tập này rất sinh động, phù hợp với sự sôi nổi của tuổi trẻ, có khả năng thu hút đông đảo học sinh tham gia và có ý nghĩa giáo dục cao.

Bốn là, tổ chức cho học sinh xem phim, băng video, đĩa CD..., rồi đưa ra hệ thống câu hỏi, bài tập để học sinh thảo luận, trao đổi. Qua đó giúp học sinh không những củng cố, ghi nhớ về tài liệu học tập, mà còn giúp các em đào sâu, mở rộng, cụ thể hoá kiến thức đã học, kích thích hứng thú học

tập, có tác dụng lớn trong việc bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, đạo đức và lối sống cho các em.

Tóm lại, có nhiều hình thức khác nhau để sử dụng bài tập lịch sử trong hoạt động ngoại khoá bộ môn. Vấn đề đặt ra là giáo viên phải đầu tư nhiều thời gian và công sức thì mới hoàn thành tốt công tác này.

*

* *

Bài tập có vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với việc dạy học lịch sử ở trường phổ thông. Vì vậy, cần phải tiến hành tốt, thường xuyên, nhận thức đúng và có các biện pháp sư phạm hiệu quả.

DẠY HỌC LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG THEO HƯỚNG TÍCH CỰC HOÁ VÀ LIÊN MÔN

Ths Nguyễn Văn Đằng[*]
Phạm Văn Hà[**]

Nhìn chung, chúng ta đều nhận thức đúng về sự cần thiết dạy học lịch sử địa phương, về mối quan hệ giữa lịch sử địa phương và lịch sử dân tộc, các hình thức tổ chức dạy học lịch sử địa phương... Nhưng cho đến nay, việc thực hiện dạy học lịch sử địa phương ở phổ thông từ lớp 6 đến lớp 12 chưa có hiệu quả cao. Vì vậy, thường xảy ra mấy trường hợp sau đây:

- Nhiều trường, nhiều địa phương còn bỏ trống phần này, vì cho đây là phần học thêm, phần ngoại khoá của chương trình.

- Một số trường tuy dạy lịch sử địa phương nhưng chỉ dừng lại ở việc đưa học sinh đi tham quan bảo tàng, di tích lịch sử hoặc mời nhân chứng nói chuyện, và công việc lặp đi lặp lại trong nhiều năm một cách tẻ nhạt.

- Một ít trường ở Hà Nội, Thái Nguyên, Hà Nam, Nghệ An... tiến hành tương đối tốt các hoạt động như tham quan, dạy học tại thực địa, thi tìm hiểu và sưu tầm lịch sử địa phương. Ở một số địa phương đã biên soạn được nội dung cho từng khối, từng cấp.

Có thể nói cho đến nay, dạy học lịch sử địa phương nhìn chung vẫn còn nhiều hạn chế. Qua các hội thi tìm hiểu lịch sử địa phương, các cuộc điều tra xã hội học, chúng ta nhận

---

[*] Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội.
[**] Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

thấy rằng, học sinh vẫn chưa nắm được các sự kiện xẩy ra trên mảnh đất quê hương mình. Hạn chế này do nhiều nguyên nhân:

- Nhiều địa phương chưa biên soạn được chương trình, tư liệu về lịch sử địa phương dạy ở trường phổ thông, thường chỉ dựa vào nội dung lịch sử Đảng bộ địa phương hoặc các tư liệu khác, không có kế hoạch lâu dài để dạy học lịch sử địa phương.

- Đội ngũ giáo viên lịch sử ở nhiều trường còn ít, trình độ chuyên môn còn hạn chế nên khó thực hiện tốt dạy học lịch sử địa phương và điều quan trọng hơn là thiếu sự nhiệt tình, say mê đối với lịch sử địa phương.

- Địa bàn, điều kiện, cơ sở vật chất còn quá thiếu thốn, nhất là các trường ở vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên bị bão lụt nên việc thức hiện vô cùng khó khăn.

- Sự thay đổi về đơn vị hành chính: việc tách nhập tỉnh, huyện, thậm chí cả xã, hình thành những khu dân cư mới cũng làm cho việc xây dựng kế hoạch, soạn giáo án, xác định nội dung, địa bàn, giảng dạy lịch sử địa phương gặp khó khăn.

Để làm tốt hơn nữa chức năng, nhiệm vụ của bộ môn Lịch sử mà trong đó có lịch sử địa phương, chúng tôi xin có một vài đề xuất sau:

I. VỀ NỘI DUNG

Có thể không dạy lịch sử địa phương gắn với các sự kiện lớn trong khoá trình lịch sử dân tộc (vì ở đấy không xảy ra sự kiện này). Song theo sự phân kỳ lịch sử từ nguyên thuỷ, cổ đại đến cận, hiện đại ở các lớp nên cần liên hệ nội dung lịch sử địa phương với lịch sử dân tộc, trừ một số địa phương mà lịch sử thời kỳ xa xôi rất mờ nhạt hoặc những vùng đất mới

khai phá gần đây. Vì vậy, việc lựa chọn nội dung dạy học lịch sử địa phương phải đảm bảo yêu cầu:

+ Những nét rất đặc thù, rất "địa phương".

+ Lịch sử địa phương giúp học sinh nhận thức, hiểu được tiến trình chung của lịch sử dân tộc.

Do đó, tùy theo từng địa phương có thể dạy lịch sử địa phương theo các chuyên đề, như:

+ Những sự kiện lớn của địa phương liên quan đến lịch sử dân tộc.

+ Các danh nhân lịch sử, văn hoá của địa phương.

+ Các di tích lịch sử, di tích cách mạng, các công trình kiến trúc, nghệ thuật, văn hoá ở địa phương.

+ Các lễ hội đặc sắc ở địa phương...

Phải tích hợp nội dung, không nên xem lịch sử địa phương chỉ có các sự kiện chống giặc ngoại xâm, đấu tranh cách mạng. Lịch sử địa phương là lịch sử của một vùng đất, nên phải cung cấp cho học sinh cả những tri thức về địa lý, chính trị, kinh tế, văn hóa, nét truyền thống của địa phương, trong đó việc học lịch sử là cốt lõi. Điều này đã được cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng chỉ dẫn: "Giáo dục phổ thông phải gắn liền với lịch sử thiên nhiên, xã hội, con người ở địa phương, làm cho việc học tập ở nhà trường thấm đượm hơn cuộc đời thực, học sinh ngay từ lúc đi học đã học, đã sống với xã hội thực xung quanh"[1]. Vì vậy, ngoài kiến thức lịch sử, giáo viên lịch sử phải có vốn hiểu biết sâu rộng thuộc nhiều lĩnh vực ở địa phương, kể cả quá trình hình thành mảnh đất,

---

[1] Phạm Văn Đồng: *Bài nói với giáo viên Hà Nội, ngày 20-11-1984*. Báo Nhân dân số ra ngày 26-11-1984.

dân cư, văn học dân gian, ca hát...Giáo dục lịch sử địa phương là trách nhiệm chung của lãnh đạo nhà trường cũng như giáo viên thuộc các môn học khác và cán bộ lãnh đạo chính quyền, Đảng, các tổ chức quần chúng, cán bộ văn hoá, tuyên giáo địa phương, các cơ quan văn hoá, khoa học cấp trên. Một trong những thiếu sót của dạy học lịch sử hiện nay là học sinh có thể biết nhiều, biết rộng, nhưng thiếu hiểu biết những gì xảy ra xung quanh mình, thiếu vốn sống, thiếu thực tiễn. Lịch sử địa phương giúp các em khắc phục nhược điểm này.

II. VỀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG

1. Các hình thức cần tiến hành

Một ưu thế của việc day học lịch sử địa phương là cung cấp cho học sinh những hiểu biết về những gì xảy ra trên mảnh đất địa phương - quê hương mình, tạo cho các em cảm xúc mạnh mẽ. Bởi vì, ở đó còn nhiều dấu tích, tên đất, tên người, những câu chuyện được lưu truyền, thậm chí còn cả những nhân chứng, vừa tham gia vào biến cố lịch sử ấy. Cho nên giáo viên cần sử dụng triệt để các hình thức tổ chức dạy học thích hợp với lịch sử địa phương, gắn học với hành, lịch sử với xã hội, địa phương. Việc đa dạng hoá các hình thức tổ chức dạy học cũng tác động tới nội dung và phương pháp, một xu thế đổi mới dạy học hiện nay. Có thể nêu ra một số hình thức tổ chức dạy học lịch sử địa phương như:

- Tham quan di tích lịch sử, cách mạng, những công trình kiến trúc, bảo tàng, nhà truyền thống, các làng nghề ở địa phương, như đã trình bày trong nhiều tài liệu tham khảo.

- Ngoại khoá lịch sử địa phương tại trường phổ thông vào các ngày lễ, dạ hội lịch sử...

- Dạy bài lịch sử địa phương tại thực địa - nơi xảy ra các sự kiện lịch sử, như một trận chiến đấu, một cuộc biểu tình, bãi công, một căn cứ địa cách mạng.

- Mở các cuộc thi tìm hiểu lịch sử địa phương. Phải định hướng nội dung cuộc thi để ra câu hỏi cho sát; câu hỏi phải gây được hứng thú, kích thích tò mò của học sinh.

- Lập các nhóm sưu tầm tài liệu về lịch sử địa phương. Việc làm này phải có kế hoạch lâu dài, đầu tư nhiều công sức và có những bước đi cụ thể, đặc biệt là phần lịch sử cận, hiện đại. Nếu biết tổ chức và động viên, các em có thể làm được rất nhiều việc như sau:

+ Viết tiểu sử các anh hùng, liệt sỹ ở địa phương trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, những người lao động sản xuất giỏi có những đóng góp cho địa phương trên nhiều lĩnh vực.

+ Sưu tầm những kỷ vật, những câu chuyện kể về những anh hùng, liệt sỹ, thương binh, cựu chiến binh.

+ Viết về các bà mẹ Việt Nam anh hùng...

- Tham gia xây dựng phòng truyền thống, nhà bảo tàng địa phương.

Khác với những tiết học nội khoá thường bị khuôn vào bốn bức tường của lớp học với phấn trắng, bảng đen, thầy dạy, trò học một cách đồng loạt, ngoại khoá lịch sử là một hình thức dạy học đa dạng hoá các hoạt động dạy học, trong đó học sinh đóng vai trò chủ thể, tích cực nhận thức, khám phá, sáng tạo. Sau đây, chúng tôi gợi ý về công việc tổ chức và tiến hành một buổi ngoại khoá lịch sử tại trường học:

- Lựa chọn chủ đề ngoại khoá:

Lịch sử là những sự kiện, biến cố xảy ra trong quá khứ, trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, giáo dục... Ở nước ta, mỗi vùng, mỗi địa phương đều có những sự kiện, biến cố có ý nghĩa như bước ngoặt, những thăng trầm của lịch sử. Từ những sự kiện, biến cố ấy, con người đã rút ra những bài học cần thiết và bổ ích cho các hoạt động sáng tạo, tiếp tục của mình. Việc lấy những sự kiện, biến cố làm nội dung, chủ đề cho các hoạt động ngoại khoá là sự lựa chọn phù hợp nhất. Những ngày kỷ niệm ở địa phương thường được tổ chức, để:

+ Kỷ niệm các danh nhân địa phương (có thể cũng là danh nhân của dân tộc và quốc tế).

+ Kỷ niệm sự ra đời, hoạt động của các tổ chức cách mạng, các đoàn thể quần chúng.

+ Kỷ niệm những biến cố lớn ở địa phương như một chiến dịch, một trận đánh, các thành tựu trong sản xuất, hoạt động văn hoá, giáo dục...

2. Xác định mục đích, yêu cầu buổi ngoại khoá lịch sử địa phương:

Căn cứ vào chủ đề ngoại khoá, giáo viên cần xác định rõ mục đích, yêu cầu của bài học. Cũng giống như bài nội khoá, hoạt động ngoại khoá phải làm rõ ba nhiệm vụ của bài học:

+ *Về kiến thức:* Buổi ngoại khoá giúp học sinh củng cố, khắc sâu, mở rộng sự hiểu biết về lịch sử dân tộc cũng như lịch sử địa phương. Đặc biệt phải chú ý tới tính cập nhật của hệ thống tri thức, phản ánh kịp thời những vận động, biến đổi ở địa phương, gắn với thực tiễn xã hội và con người ở địa phương.

+ *Về giáo dục:* Bồi dưỡng hứng thú học tập lịch sử, lòng yêu mến, kính trọng đối với thế hệ cha anh; giáo dục ý thức trách nhiệm về sự kế tục, phát triển những giá trị truyền thống lịch sử địa phương.

+ *Về kỹ năng:* Học sinh là chủ thể tích cực hoạt động trong buổi ngoại khoá sẽ được rèn luyện những Kỹ năng như: nói, viết, sưu tầm, biểu diễn, hội nhập, ngay cả tư thế, tác phong, sự tự tin, nhiệt tình trong buổi ngoại khoá.

- *Chuẩn bi cho buổi ngoại khoá:* Đây là công việc vất vả, tốn nhiều công sức, phải đầu tư cả vật chất, tiền của mới có thể mang lại hiệu quả. Giáo viên lịch sử phải là người xây dựng kế hoạch, chương trình, giáo án. Phải phối hợp lực lượng trong và ngoài tổ, trong và ngoài trường. Công việc chuẩn bị bao gồm:

+ Chuẩn bị lời khai mạc, bài nói chuyện về nội dung, ý nghĩa sự kiện.

Nếu học sinh làm việc này thì giáo viên phải giúp đỡ rất cụ thể, chi tiết, tập dượt cho học sinh thật kỹ, nhưng không làm thay. Nếu là người ngoài trường (nhân chứng lịch sử, cán bộ địa phương) thì phải bàn bạc kỹ yêu cầu, nội dung.

+ Xác định rõ những nội dung minh hoạ như: Người thực hiện là ai? Nội dung gì? Thời gian bao nhiêu? Cần tập dượt, kiểm tra trước khi trình bày chính thức.

+ Chuẩn bị của học sinh, ngoài việc chuẩn bị về tinh thần, thái độ, trang phục, cần cho học sinh nắm được ý nghĩa, mục đích, chương trình của buổi ngoại khoá; phân công cụ thể vị trí ngồi, chuẩn bị nội dung, có thể trả lời câu hỏi bốc thăm.

+ Chú ý trang trí khánh tiết tạo không khí ngày lễ: sân khấu, khẩu hiệu, nêu bật chủ đề buổi ngoại khoá.

- *Thực hiện buổi ngoại khoá lịch sử* theo những bước cơ bản sau đây:

+ Sau lời khai mạc ngắn gọn là một báo cáo cô đọng về nội dung, diễn biến, ý nghĩa sự kiện lịch sử xảy ra ở địa phương, bây giờ đã trở thành ngày kỷ niệm truyền thống. Báo cáo có thể do giáo viên lịch sử, một nhà nghiên cứu hoặc do nhân chứng lịch sử và cũng có thể do học sinh thực hiện.

+ Tiếp sau là những hoạt động có ý nghĩa minh hoạ:

• Một vài phát biểu, kể chuyện về sự kiện lịch sử, danh nhân liên quan.

• Trao đổi, gặp gỡ nhân chứng (nếu có).

• Hát, diễn xướng, đọc thơ, hoặc trình bày tiểu phẩm.

• Xem tranh ảnh, hiện vật, băng hình.

• Tổ chức thi hái hoa lịch sử...

+ Về số lượng học sinh tham gia, tuỳ theo quy mô của nhà trường. Có thể tổ chức theo khối hoặc cả trường.

- Để dạy lịch sử địa phương có kết quả, cần phải có những *điều kiện cần thiết:*

+ Ở mỗi địa phương, cán bộ phụ trách chuyên môn, giáo viên lịch sử phối hợp với các cán bộ nghiên cứu địa phương sớm biên soạn tài liệu giảng dạy lịch sử địa phương.

+ Phải kịp thời nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên cũng như trách nhiệm của họ đối với dạy học lịch sử địa phương. Riêng nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên nên mở các lớp tập huấn để bồi dưỡng kiến thức lịch sử địa phương cũng như giới thiệu các mô hình tổ chức tốt dạy học lịch sử địa phương để họ trao đổi kinh nghiệm.

+ Trong chương trình mới ở phổ thông từ lớp 6 đến lớp 12, phải chú trọng hơn nữa lịch sử địa phương: tăng số tiết, kiểm

tra, đánh giá. Về lâu dài, lịch sử địa phương phải trở thành môn "địa phương học", tích hợp nội dung của nhiều môn học .

Ở đây, chúng tôi không trình bày về biên soạn một giờ nội khoá về lịch sử địa phương, bởi vì nhiều tài liệu đã đề cập. Tuy nhiên, vẫn xin nhấn mạnh rằng, bài học lịch sử địa phương trên lớp hay tại thực địa phải đảm bảo những yêu cầu của một giờ nội khoá, không biến thành giờ kể chuyện về địa phương. Cần đặc biệt chú ý việc *dùng tài liệu địa phương để giảng dạy lịch sử dân tộc*. Điều này không chỉ làm cho học sinh hiểu rõ về lịch sử dân tộc và lịch sử địa phương mà còn có tác dụng giáo dục lòng yêu quê hương – cơ sở của lòng yêu nước, tự hào và có trách nhiệm với quê hương.

III. ĐỂ MINH HOẠ CHO NHỮNG VẤN ĐỀ NHẬN THỨC LÝ LUẬN TRÊN, CHÚNG TÔI TRÌNH BÀY VỀ VIỆC THAM QUAN MỘT LÀNG NGHỀ, THUỘC CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG.

1. Xác định mục đích, yêu cầu

a. Về kiến thức:

- Nắm được lịch sử hình thành làng nghề gắn với lịch sử kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của làng, của địa phương, của vùng đất.

- Hiểu được những nét cơ bản về quá trình tạo ra sản phẩm làng nghề.

- Hiểu được giá trị của những sản phẩm làng nghề, giá trị về kinh tế, Kỹ thuật, thẩm mỹ của sản phẩm.

b. Về Kỹ năng:

- Quan sát.

- Ghi chép.

- Phân tích.

c. Về thái độ:

- Giáo dục tình cảm yêu mến, kính trọng, tự hào đối với làng nghề, đối với những người thợ thủ công với tinh thần tìm tòi sáng tạo, tay nghề tinh xảo, tài hoa đã tạo ra những sản phẩm có giá trị.

- Giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, yêu lao động, tinh thần vượt khó, dám nghĩ, dám làm và trách nhiệm xây dựng quê hương văn minh, giàu đẹp của các em.

- Giáo dục các em nhận thức và hành động đúng: Nghề nào cũng cao quý nếu nghề đó tạo ra những sản phẩm có ích, đáp ứng nhu cầu xã hội, làm giàu cho gia đình, quê hương, đất nước; khắc phục những nhận thức sai lệch về nghề nghiệp hiện nay, góp phần hướng nghiệp cho học sinh.

2. Chuẩn bị

a. Đối với giáo viên:

- Muốn tiến hành một buổi học tập ở làng nghề có kết quả, giáo viên phải có những kiến thức chung về "làng nghề".

+ Trong cơ cấu tổ chức kinh tế- xã hội Việt Nam truyền thống, làng là đơn vị cơ bản, là hạt nhân, là nơi diễn ra các hoạt động, các quan hệ giao lưu kinh tế, xã hội, văn hoá thường xuyên của xã hội Việt Nam qua hàng ngàn năm lịch sử. Làng hình thành, phát triển, lưu giữ những giá trị văn hoá dân tộc. Văn hoá làng là gốc rễ, là nền móng của văn hoá dân tộc.

+ Trong sự phát triển thăng trầm của lịch sử làng, giữa cái biển mênh mông của làng nông nghiệp là chủ yếu, dần dần hình thành nên các làng nghề, như các làng thủ công, làng buôn, làng chài (ngư nghiệp)... Cũng đã xuất hiện những làng khoa bảng, nơi đó đã trở thành "đất học", có nhiều người học giỏi, đỗ đạt thành danh, có người trở thành danh nhân văn hoá, có nhiều cống hiến cho gia đình, dòng họ, làng quê và đất nước, họ được tôn vinh và thờ phụng.

+ Làng nghề là làng mà ở đó có một số lượng đáng kể cư dân lấy nghề thủ công làm nguồn sống chủ yếu. Sản phẩm thủ công có thể là đồ ăn, thức uống, hàng dệt, thêu, đồ gỗ, mây, tre, kim hoàn, đúc... Sản phẩm của họ đã trở thành hàng hoá nên không ngừng được đổi mới về mẫu mã, nâng cao chất lượng.

+ Làng nghề là nơi hun đúc, hội tụ những tinh hoa, lưu giữ và truyền lại qua nhiều thế hệ, tạo nên lịch sử làng nghề.

+ Thường làng nghề thủ công nào cũng có người là tổ nghề, được dân làng suy tôn, thờ phụng trong đình làng, trong nhà thờ dòng họ như là những vị thành hoàng.

+ Ở nước ta, miền nào, vùng nào, địa phương nào cũng có làng nghề. Việc duy trì, phát triển, đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của làng nghề đã và đang trở thành chủ trương lớn của Đảng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội nông thôn Việt Nam.

- Trên cơ sở hiểu biết về làng nghề, xác định làng nghề, nơi đưa học sinh đến, cụ thể hoá thành những yêu cầu, mục đích buổi học tập.

- Căn cứ vào thời gian, xây dựng giáo án, hướng dẫn học sinh thực hiện những nội dung, các bước và công tác tổ chức học tập.

b. Đối với học sinh:

- Trước khi xuống địa phương, phải cho học sinh biết tổng quan về làng nghề: ở đâu? làng nghề gì? Học sinh cần phải tìm hiểu những gì? nhằm định hướng cho các em trong khi học tập.

- Chuẩn bị tư trang, sách vở, bút mực..., nắm những quy định của làng nghề, chú ý trong giao tiếp...

3. Hoạt động dạy học

- Xác định nội dung một buổi thăm làng nghề:

+ Quan sát cảnh quan chung của làng nghề.

+Thăm dây chuyền, một công đoạn hay một khâu sản xuất của làng nghề.

+ Thăm một gia đình có nhiều đời, nhiều thế hệ theo đuổi, thành đạt trong nghề truyền thống của làng.

+ Gặp gỡ, trao đổi với một số nghệ nhân, thợ thủ công lành nghề (cả người cao tuổi và thợ trẻ).

+ Thăm nơi thờ phụng ông tổ làng nghề.

+ Thăm bảo tàng, nhà lưu niệm, nhà truyền thống của làng nghề.

Trên đây là những gợi ý về nội dung cần cho buổi học tập. Giáo viên phải căn cứ từng làng nghề cụ thể để vận dụng, nếu thấy cần thiết có thể lựa chọn một số em học sinh cho tham gia trực tiếp vào một khâu nào đó trong qui trình sản xuất.

- Tiến hành tham quan:

+ Hướng dẫn học sinh quan sát cảnh quan thiên nhiên ngay từ khi bước vào địa phận làng nghề, như địa thế, cổng làng, đường xá...

+ Thăm nơi sản xuất, tuỳ theo đặc điểm của mỗi làng nghề. Có thể thăm toàn bộ hoặc một bộ phận, một chi tiết trong quy trình sản xuất. Chú ý những thao tác của người thợ thủ công. Nghe thuyết minh về quá trình sản xuất sản phẩm, như yêu cầu nguyên liệu, trình độ kỹ thuật, tay nghề, những cải tiến công cụ, chất lượng sản phẩm.

+ Gặp gỡ và trao đổi với các nghệ nhân và thợ thủ công lành nghề. Cần gợi các em chủ động đặt các câu hỏi xoay quanh lịch sử làng nghề, đào tạo đội ngũ thợ, thu nhập, tiêu thụ sản phẩm, phương hướng phát triển...

+ Thăm gia đình trong làng nghề: quan sát hướng nhà, cách bài trí, đồ dùng sinh hoạt..., tìm ra những nét đặc trưng làng nghề.

- Đánh giá kết quả:

+ Đánh giá chung buổi học tập: tinh thần, thái độ, ý thức học tập.

+ Làm bài tập thu hoạch, theo hai hướng, như trả lời các câu hỏi căn cứ mục đích, yêu cầu bài học; hoặc trình bày theo chủ đề tự chọn, như nhận thức hay cảm xúc của bản thân.

+ Có thể sáng tác thơ ca, viết truyện, vẽ tranh về làng nghề.

*

* *

Lịch sử địa phương là một nội dung quan trọng của chương trình lịch sử ở trường phổ thông, có ý nghĩa về các mặt giáo dưỡng, giáo dục và phát triển. Vì vậy, cần phải thực hiện tốt chương trình quy định theo hướng tích cực hoá việc dạy và học, cũng như tiến hành việc tích hợp nội dung các môn học có liên quan.

Chuyên đề III
GIÁO DỤC HỌC SINH QUA DẠY HỌC LỊCH SỬ

Môn Lịch sử ở trường phổ thông có *chức năng giáo dục* cho thế hệ trẻ về truyền thống dân tộc, chủ yếu là truyền thống yêu nước; về phẩm chất, đạo đức cách mạng, về thái độ đối với cuộc sống...

Khi nghiên cứu chuyên đề này, bạn đọc tìm hiểu bảy bài viết, hợp thành một chỉnh thể về việc giáo dục học sinh qua dạy học lịch sử. Mỗi bài tập trung vào một vấn đề cụ thể có quan hệ chặt chẽ với nhau, hướng vào các chủ đề: giáo dục lòng yêu nước, lòng kính yêu các anh hùng dân tộc, đặc biệt đối với Hồ Chí Minh, rút bài học quá khứ cho hiện tại...

Nội dung trên được thể hiện trong quá trình dạy học lịch sử trong giờ nội khoá cũng như các hoạt động ngoại khoá khác, bằng những biện pháp sư phạm phù hợp, có hiệu quả. Vấn đề phương pháp tiến hành được trình bày trong nhiều tài liệu nên ở đây các tác giả chỉ nhấn mạnh một số điểm nhằm đổi mới việc giáo dục cho học sinh qua môn Lịch sử.

KHAI THÁC NỘI DUNG TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC QUA KHOÁ TRÌNH LỊCH SỬ DÂN TỘC ĐỂ GIÁO DỤC CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG

TS Trần Vĩnh Tường[*]

Giáo dục lòng yêu nước là ưu thế của bộ môn Lịch sử, song muốn đạt được kết quả, cần phải hiểu rõ các khái niệm, nắm vững nội dung các khoá trình lịch sử và tiến hành các phương pháp dạy học thích hợp, có hiệu quả.

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

1. Tại sao phải giáo dục truyền thống yêu nước?

Mỗi quốc gia, dân tộc đều có cương vực, lãnh thổ riêng, đều gắn liền với những yếu tố địa lý, khí hậu, thời tiết, đặc biệt là có lịch sử của mình. Trong quá trình xây dựng quốc gia, dân tộc, xây dựng cộng đồng, gia đình, con người gắn bó với nhau, trước hết bằng tình cảm và thông qua tình cảm.

Người dân nước nào cũng có lòng yêu nước. Dĩ nhiên đặc điểm lòng yêu nước ở mỗi quốc gia có khác nhau do những điều kiện tự nhiên, xã hội quy định, và do cả bản chất con người. Biểu hiện cao nhất của lòng yêu nước là tinh thần đấu tranh bảo vệ đất nước, bảo vệ Tổ quốc. Khi Tổ quốc lâm nguy,

---

[*] Khoa Lịch sử – trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế.

người dân Pháp tuyên bố "Tổ quốc hay là chết"; khi bị đe dọa nghiêm trọng, người dân Cuba lên tiếng "tự do hay là chết"...

Dân tộc Việt Nam trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, đã tạo nên nhiều truyền thống tốt đẹp, như truyền thống cần cù lao động, sản xuất, truyền thống nhân ái, giàu lòng vị tha, truyền thống tôn sư trọng đạo v.v.., trong đó nổi bật là truyền thống yêu nước. Đây là điều thiêng liêng, cao quý nhất, là cơ sở tạo nên những truyền thống khác.

Hồ Chí Minh nói rằng: "Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng, dễ thấy. Nhưng cũng có thể cất dấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý, kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm chơ tinh thần yếu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước"[1].

Hiện nay đất nước ta đang đổi mới, đang tiến hành công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Chúng ta xây dựng xã hội hiện đại, nhưng không thể cắt đứt với truyền thống, đặc biệt là truyền thống yêu nước. Bởi vì, chính truyền thống sẽ giữ cho ta đi đúng hướng. Chúng ta đang "muốn làm bạn với tất cả các nước", đang hợp tác với các nước khác nhau để phát triển đất nước, nhưng chúng ta lại phải bảo vệ, giữ gìn bản sắc riêng của Việt Nam. Chúng ta hòa nhập, nhưng không hòa tan.

Đồng thời, hiện nay trên thế giới, vấn đề xung đột tôn giáo, xung đột chủng tộc vẫn đang diễn ra, gây nên những tổn thất lớn. Điều đó làm cho chúng ta cần phải tăng cường giáo dục ý thức dân tộc, bản sắc dân tộc, lòng yêu nước xã hội

---

[1] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 6, tr. 37.

chủ nghĩa. Bởi vì, chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động đang tìm mọi cách làm xói mòn tinh thần đoàn kết dân tộc, làm lung lay ý chí của một bộ phận thanh niên, xa rời truyền thống yêu nước.

Hơn thế nữa, giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức nói chung, giáo dục truyền thống yêu nước nói riêng là một trong những nhiệm vụ của bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông mà người giáo viên phải quán triệt và thực hiện, nhằm góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Thế nào là truyền thống yêu nước?

Theo Từ điển tiếng Việt, "truyền thống" là những đức tính, tập quán, tư tưởng, lối sống được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Có ý kiến cho rằng, truyền thống là những giá trị tinh thần, giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc; vì vậy, chỉ có truyền thống tốt, không có truyền thống xấu. "Thực ra, truyền thống và giá trị truyền thống có khác nhau. Truyền thống về khách quan mà xét, bao gồm cả tốt và xấu, hay và dở, tích cực và tiêu cực. Khi nói giá trị truyền thống là đã có nghĩa gạn lọc. Hơn nữa, truyền thống vốn là sản phẩm của cuộc sống, sản phẩm của lịch sử, bản thân nó luôn luôn biến đổi và tùy theo quan điểm của các giai cấp và các thời đại khác nhau"[1].

- Lòng yêu nước là tình cảm tự nhiên của con người. Trước hết, đó là tình cảm đối với người mẹ, những người ruột thịt xung quanh mình. Nhân dân ta đã sáng tác ra nhiều câu

---

[1] Phan Huy Lê: *Vấn đề truyền thống và cách mạng,* trong cuốn *"Về giá trị văn hoá tinh thần Việt Nam, tập 1"*. Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội, 1985, tr. 80.

chuyện về mẹ. Ví như, chuyện về bà Âu Cơ đẻ ra cái bọc 100 trứng nở ra được trăm người con trai. Có rất nhiều câu tục ngữ, ca dao nói lên tình nghĩa mẹ con, anh em ruột thịt: *"Con một mẹ, hoa một cành", "máu cháy ruột mềm", "Tay đứt ruột xót", "Chị ngã em nâng", "anh em như thể chân tay...*

Từ tình cảm gia đình, nảy sinh tình cảm, ý thức đối với những người xung quanh, với dòng tộc, họ hàng, làng xóm. Xóm làng, nơi con người sinh ra, lớn lên, nơi chôn nhau cắt rốn, trở thành thân thuộc, gắn bó không bao giờ quên được. "Tình làng, nghĩa xóm" đã trở thành câu nói cửa miệng, cũng như câu "trong làng ngoài nước". Ý niệm về quê hương của người Việt Nam hết sức thiêng liêng và cũng rất cụ thể.

Theo Từ điển Hán - Việt của Đào Duy Anh, "quê" là áo giải của đàn bà mặc, "hương" là mùi thơm, "bản" là gốc, "bản quán" là chỗ đất nguyên tịch của mình. Vậy quê hương, bản quán là mảnh đất mà mình sinh ra. Do đó ý thức, tinh cảm đối với quê hương cũng là tự nhiên, rất cụ thể. Từ đó con người gắn với quê hương. Những người cùng chung một mảnh đất để cấy cày, để ở, để sinh sống có quan hệ mật thiết với nhau, "chung lưng đấu cật" với nhau để sản xuất, để tồn tại và phát triển. Họ có nghĩa vụ, trách nhiệm với nhau khi "tối lửa tắt đèn", do đó cũng gắn bó mật thiết với nhau trong cuộc sống.

Sản xuất phát triển dẫn đến sự ra đời của chế độ tư hữu và sự phân hóa xã hội. Những người có của, có quyền lực kinh tế có nhu cầu mở rộng đất đai, lãnh thổ. Từ đó, lòng yêu quê hương gắn liền với việc bảo vệ quê hương và dần dần phát triển thành tình yêu đối với cộng đồng lớn hơn. Khi vua Hùng và Nhà nước Văn Lang ra đời thì lòng yêu nước cũng

bắt đầu hình thành. Khi quân xâm lược phương Bắc kéo đến (cuối thế kỷ III trước CN), người Việt đứng dậy cầm vũ khí chống trả bọn xâm lược để bảo vệ quê hương, đất nước. Vậy là tình yêu quê hương đã được nâng lên thành lòng yêu nước qua các cuộc thử thách khốc liệt trong đấu tranh chống xâm lược.

Như vậy, lòng yêu nước không phải phát sinh ngay từ khi con người xuất hiện, mà nó được hình thành trong quá trình lao động và chiến đấu bảo vệ tổ quốc. Yêu nước không chỉ là tình cảm nữa mà là nghĩa vụ, trách nhiệm đối với đất nước.

Lòng yêu nước theo dòng lịch sử, được củng cố, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ thời kỳ này sang thời kỳ khác, trở thành truyền thống.

Trong mỗi thời đại, yêu nước được nhận thức một cách khác nhau do quan điểm của nhân dân và của giai cấp thống trị trong thời đại đó; tư tưởng của giai cấp thống trị chi phối quan niệm yêu nước, nhưng, lòng yêu nước của nhân dân là chủ đạo. Ở Việt Nam lòng yêu nước đã được nâng lên thành tư tưởng yêu nước, và trở thành chủ nghĩa yêu nước (mà ngày nay là chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa).

Dưới chế độ phong kiến, yêu nước tức là thần dân phải thực hiện đúng bổn phận của mình, là "trung quân - ái quốc". Người dân phải trung thành tuyệt đối với vua, trung thành với vua tức là yêu nước.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, yêu nước gắn với lòng trung thành của nhân dân đối với chế độ xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa là một trong những yếu tố quyết định sự thắng lợi của Liên Xô đối với chủ nghĩa phát xít. Chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa đã biến thành sức mạnh

vật chất và tinh thần để nhân dân Việt Nam vượt qua những cuộc đọ sức lịch sử với đế quốc Pháp (1945-1954) và đế quốc Mỹ (1954 - 1975), vượt qua những thử thách trong cuộc khủng hoảng của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới hiện nay. Bởi vì, chính Đảng Cộng sản Việt Nam và Hồ Chí Minh đã phát triển lòng yêu nước truyền thống của dân tộc ta lên một tầm cao mới. Đó là sự kết hợp truyền thống yêu nước chân chính với chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế vô sản theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh đã xuất phát từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, với phong trào công nhân quốc tế và xác định con đường cứu nước đúng cho dân tộc.

Yêu nước xã hội chủ nghĩa, về khách quan, gắn liền với tinh thần quốc tế chân chính (tinh thần quốc tế vô sản). Có người cho rằng, từ khi chủ nghĩa xã hội sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu thì tinh thần quốc tế vô sản không còn nữa. Điều này không đúng, vì hiện nay mọi quốc gia, dân tộc đều phấn đấu cho lợi ich dân tộc, vì lợi ích dân tộc, nhưng khôngthể không đấu tranh cho lợi ích và tương lai của nhân loại, phát triển lên chủ nghĩa xã hội một cách hợp quy luật. Trong điều kiện đấu tranh gay go, phức tạp chống kẻ thù hùng mạnh, điên cuồng chống phá cách mạng thì sự đoàn kết quốc tế là điều không thể thiếu.

Cần khẳng định rằng, tinh thần đoàn kết quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là tinh thần quốc tế chân chính. Chính tinh thần quốc tế đó đã phát huy tác dụng trong lịch sử và hiện nay vẫn duy trì và phát triển. Phải hiểu tinh thần quốc tế chân chính một cách toàn diện.

II. KHAI THÁC NỘI DUNG CÁC KHOÁ TRÌNH LỊCH SỬ ĐỂ GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC CHO HỌC SINH

Như đã nói, lòng yêu nước được hình thành từ khi có nước. Đó là một tình cảm thiêng liêng, tạo nên sức mạnh to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lòng yêu nước được thử thách trải qua quá trình lao động sản xuất và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, tạo thành sợi chỉ đỏ bền chặt xuyên suốt lịch sử Việt Nam qua từng giai đoạn. Trong dạy học Lịch sử, chúng ta khai thác nội dung truyền thống yêu nước *trên cơ sở tìm hiểu những sự kiện cụ thể của khoá trình*. Không có bài dạy riêng về truyền thống yêu nước, mà phải rút ra từ nội dung các khoá trình. Ở đây, chúng tôi đi sâu vào các khoá trình lịch sử trước năm 1930. Bởi vì, phần này được học đầy đủ ở Trung học cơ sở, ở Trung học phổ thông chỉ nhắc lại những điểm chủ yếu. Hơn nữa, nội dung khoá trình lịch sử dân tộc từ 1919 đến nay được nhiều sách khai thác và trong quyển này cũng có chuyên đề, không cần lặp lại.

1. Tìm hiểu sự hình thành truyền thống yêu nước qua khoá trình lịch sử dân tộc thời dựng nước

Chương trình, sách giáo khoa lịch sử đề cập thời dựng nước, nêu rõ: Văn hoá Đông Sơn là cơ sở vật chất để tạo nên nhà nước sơ khai thời Hùng Vương của nước Văn Lang - Âu Lạc. Nhà nước Văn Lang của các vua Hùng tồn tại vào khoảng thế kỷ V- III TCN. Tiếp sau là nhà nước Âu Lạc của An Dương Vương kéo dài khoảng 30 năm. Trong xã hội Văn Lang - Âu Lạc, người Việt sống chủ yếu bằng nghề nông

trồng lúa, làm vườn, chăn nuôi gia súc, đánh cá. Các nghề làm gốm, mộc, đan lát, dệt có trình độ cao. Đặc biệt nghề đúc đồng đã đạt đến đỉnh cao rực rỡ. Trong thời kỳ Văn Lang - Âu Lạc đã có sự phân hóa xã hội.

Do ở vị trí đầu mối giao thông của Đông Dương và Đông Nam Á nói chung nên người Việt cổ có thuận lợi trong giao lưu, nhưng cũng phải đụng độ với nhiều kẻ thù và dễ bị tấn công từ nhiều phía. Điều đó đặt nhân dân ta nhiệm vụ phải tự vệ, chống lại các mối đe doạ từ bên ngoài. Muốn đạt được thắng lợi, cần phải cố kết với nhau để tạo sức mạnh bảo vệ quê hương, lãnh thổ sinh sống.

Sau khi thắng quân Tần, Thục Phán thay thế vua Hùng và tự xưng là An Dương Vương, lập nước Âu Lạc (trên cơ sở liên kết hai nhóm người Tây Âu và Lạc Việt)[1].

Năm 183 TCN, Triệu Đà xưng là Nam Việt Vũ đế, rồi tổ chức xâm lược Âu Lạc. Cuộc xâm lược của Triệu Đà mở đầu thời kỳ lịch sử nước ta bị phong kiến nước ngoài đô hộ, phá vỡ sự phát triển bình thường của xã hội ta[2]. Một cuộc thử thách lớn đặt ra cho nhân dân Âu Lạc, phải tiến hành cuộc đấu tranh giành lại đất nước. Lòng yêu nước của nhân dân Âu Lạc được thử thách hết sức gay gắt. Bởi vì, họ bị chuyển sang địa vị của người dân bị đô hộ, mất độc lập, tự do.

Người dân Âu Lạc bị bắt đi lao dịch nặng nề để xây dựng dinh thự cho bọn quan lại đô hộ. Họ phải vào rừng kiếm hương liệu quý, gỗ quý, chim quý, ngà voi để cống cho chính

---

[1] Theo tài liệu giáo khoa thí điểm Lịch sử lớp 10, tập 2, Ban KHXH. Nxb Giáo dục, 1985, tr. 24-25.

[2] Trương Hữu Quýnh: *Lịch sử Việt Nam (trước TK VI)*, Q1, tập 1. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1976, tr. 123.

quyền đô hộ. Người dân còn bị bắt đưa về Trung nguyên làm nô lệ. Lần đầu tiên họ bị bóc lột tàn tệ, bị làm nhục cả thể xác lẫn tinh thần. Trong quá trình đó, nhân dân Âu Lạc với tinh thần văn hóa Đông Sơn, đã thể hiện rõ lòng yêu nước của mình bằng việc đứng lên đấu tranh vũ trang chống lại ách độ hộ, nhằm giành lại độc lập, tự do, bảo vệ nền văn hóa dân tộc. Vì nợ nước, thù nhà, vào mùa Xuân năm 40 sau công nguyên, Hai Bà Trưng đã dựng cờ khởi nghĩa. Cờ nghĩa dấy lên ở đất Hát Môn, lập tức các lực lượng nghĩa quân yêu nước ở khắp nơi từ Bắc Bộ đến Thanh Hóa ngày nay, lần lượt đứng lên, chung sức đánh giặc. Nghĩa quân của Hai Bà Trưng kéo đi, đánh chiếm được 65 thành. Khí thế yêu nước, đánh giặc của Hai Bà vang xa, ngay cả người Choang ở Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc) cũng hưởng ứng. Trong nghĩa quân không chỉ có thanh niên trai tráng mà còn có cả phụ nữ và nhiều bô lão tham gia. Rõ ràng họ ý thức được rằng, mất nước là nỗi nhục chung của mọi tầng lớp. Do vậy, chống giặc, đòi lại độc lập, tự do không chỉ là công việc của một lớp người nào, mà là nhiệm vụ của toàn dân. Tinh thần đó thể hiện ý thức dân tộc sâu sắc, mà ý thức dân tộc là cội nguồn xâu xa của tinh thần đoàn kết, yêu nước chống giặc ngoại xâm.

Nhà sử học đời Trần, Lê Văn Hưu, khi đề cập đến cuộc khởi nghĩa của Hai Bà, đã viết: "Trưng Trắc, Trưng Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố và 65 thành ở lĩnh ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, đủ biết hình thế đất Việt ta có thể dựng được cơ nghiệp bá Vương"[1].

---

[1] Dẫn theo Trương Hữu Quýnh: *Lịch sử Việt Nam (trước TK VI)*, Quyển 1, tập 1. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1976, tr. 143.

Thế nhưng mùa hè năm 42, Mã viện được cử đưa 2 vạn quân sang xâm lược Âu Lạc. Nghĩa quân bị thất bại. Hai Bà Trưng chạy về phía sông Hát rồi nhảy xuống sông tự tử cùng một số vị tướng trung thành. Người đời còn truyền lại:

"Cấm khê đến lúc hiểm nghèo,

Chị em thất thế cùng liều với sông".

Từ đó, Mã Viện những tưởng đã dập tắt được lòng yêu nước của nhân dân Âu Lạc và đồng hóa được họ. Nhưng, lòng yêu nước của nhân dân Âu Lạc vẫn âm ỷ cháy để 250 năm sau, nó lại bùng lên ở mảnh đất Thanh Hóa mà Triệu Thị Trinh là người phát động. Triệu Thị Trinh đã nói lên chí khí của mình: "Tôi chỉ muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở Biển Đông, đánh đuổi giặc Ngô, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ chứ đâu chịu khom lưng làm tỳ thiếp cho người".

Quân thù đã khiếp sợ mà thốt lên rằng:

"Hoành qua đương hổ dị,

Đối diện bà Vương nan".

Tức: *"Múa giáo trước hổ dễ,*

Đối diện Bà Vương khó".

Năm trăm năm dưới ách độ hộ, kìm kẹp của các triều đại Đông Hán, Ngô, Ngụy, Tấn, Tống, Tề, Lương là 5 thế kỷ nô lệ tủi nhục của nhân dân ta. Trong 5 thế kỷ đó, lòng yêu nước của nhân dân ta vẫn cháy lên, thể hiện qua việc không ngừng nổi dậy chống lại ách đô hộ của quân xâm lược phương Bắc. Những cuộc đấu tranh đó phát triển dần dần chống lại âm mưu đồng hóa của kẻ thù, và tạo điều kiện cho sự bùng nổ của cuộc khởi nghĩa Lý Bí. Năm 542, nghĩa quân Lý Bí chiếm thành Long Biên.Quân nhà Lương tan rã. Năm 544,

Lý Bí dựng nước, lấy quốc hiệu là Vạn Xuân và tự xưng là Lý Nam Đế.

Triệu Quang Phục tiếp nối Lý Nam Đế đánh giặc, nên "Thế kỷ thứ VI đánh dấu một bước phát triển mới của lòng yêu nước"[1].

Năm 722, Mai Lúc Loan (quê ở Hà Tĩnh) kêu gọi nhân dân nổi dậy chống lại việc gánh vải cống nộp cho nhà Đường. Nhiều người hưởng ứng theo ông, thành cuộc khởi nghĩa lớn. Mai Thúc Loan xây thành Vạn An (Nghệ An), xưng đế (Mai Hắc Đế). Nhà Đường cử tướng Dương Tư Húc sang đàn áp và thành Vạn An rơi vào tay giặc.

Năm 783, Phùng Hưng (Hà Tây) nổi dậy khởi nghĩa đánh chiếm Tống Bình, xây dựng nền tự chủ trong 7 năm thì qua đời. Con của Phùng Hưng là Phùng An lên thay. Năm 791, nhà Đường cho quân sang đàn áp và Phùng An đầu hàng.

Năm 905, Khúc Thừa Dụ (Hải Dương) đánh chiếm lại Tống Bình, tự xưng là Tiết độ sứ. Nhà Đường buộc phải thừa nhận chính quyền của họ Khúc. Năm 930, quân Nam Hán kéo sang xâm lược. Năm 931, Dương Đình Nghệ kéo quân từ Ái Châu ra đánh, chiếm thành Đại La, giành lại quyền tự chủ cho nước nhà.

Lợi dụng tình hình rối ren, Nam Hán lại kéo quân xâm lược lần thứ hai. Cuối năm 938, Ngô Quyền làm nên chiến thắng Bạch Đằng: "Kết quả là sau hơn mười thế kỷ bị chiếm đóng và đồng hóa, Việt Nam không biến thành một tỉnh của

---

[1] *Tìm hiểu hoạt động giáo dục truyền thống yêu nước, bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử dân tộc.* Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, tr. 21.

Trung Quốc như bao quốc gia, dân tộc cổ đại đã từng tồn tại trên lãnh thổ Trung Quốc, mà thành một quốc gia dân tộc. Quốc gia, dân tộc Việt đã được tự tạo trong những cuộc nổi dậy và chiến tranh của người Việt chống phong kiến Trung Quốc đô hộ. Khởi nghĩa Ngô Quyền là cuộc nổi dậy cuối cùng, kết thúc hẳn một thời kỳ và mở đầu một thời kỳ mới"[1].

Trước khi bị quân xâm lược Trung Quốc đô hộ trong hơn 1000 năm, quốc gia người Việt đã xuất hiện, mặc dù còn non nớt và văn hóa Việt đã hình thành. Dù bị mất nước, nhưng văn hóa dân tộc, ý thức dân tộc vẫn tồn tại và phát triển; các cuộc khởi nghĩa nổ ra liên tục không chỉ chống xâm lược mà còn chống đồng hóa, chống Hán hóa. Trong 10 thế kỷ, chữ Hán được dùng rộng rãi, tổ chức hành chính theo kiểu của Trung Quốc, phong tục tập quán cũng phỏng theo Trung Quốc... Thế nhưng, người Việt chỉ chịu ảnh hưởng của Trung Quốc chứ không bị đồng hóa như các tộc người Việt khác trên đất Trung Quốc, mà còn trở thành quốc gia hùng mạnh với sự thống nhất dân tộc cao, với bản sắc văn hóa rõ rệt. Tại sao vậy? Có thể khẳng định được rằng, chính lòng yêu nước, ý thức, bản lĩnh dân tộc đã hun đúc nên tinh thần quyết tâm bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ văn hóa dân tộc. Chính trong cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, đầy hy sinh đó, lòng yêu nước được hun đúc thêm, được thử thách và được truyền nối suốt 10 thế kỷ để kết lại thành truyền thống yêu nước bền vững.

Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 là chiến thắng của truyền thống yêu nước và mở ra một thời đại mới, thời đại độc lập, tự chủ.

---

[1] *Thế kỷ X – những vấn đề lịch sử*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984, tr. 15.

2. Phát huy truyền thống yêu nước trong kỷ nguyên Đại Việt

a. Tinh thần yêu nước từ thế kỷ X đến thế kỷ XV

Với chiến thắng Bạch Đằng, đất nước hoàn toàn được giải phóng, Ngô Quyền xưng Vương. Đó là niềm tự hào lớn của dân tộc ta. Nhưng những nhiệm vụ mới hết sức nặng nề lại đặt ra và phải giải quyết để giữ vững thành quả mà qua một ngàn năm mới giành được. Trước hết là phải xây dựng một quốc gia thống nhất, một nhà nước vững mạnh, nền kinh tế phát triển, nền văn hóa có trình độ cao. Có như vậy mới giữ vững và phát huy được độc lập dân tộc. Hoàn cảnh lịch sử đã thay đổi, phải biến truyền thống yêu nước đã được hình thành trong 10 thế kỷ đấu tranh giành độc lập thành sức mạnh để xây dựng đất nước. Đồng thời lại vẫn phải chuẩn bị lực lượng để bảo vệ độc lập, vì các triều đại phong kiến phương Bắc vẫn nuôi âm mưu xâm lược, bành trướng xuống phía Nam.

Yêu nước trong bối cảnh lịch sử sau 1000 năm bị đô hộ là phải thống nhất đất nước thành một khối vững chắc dưới một chính quyền chung. Ngô Quyền xưng vương, bắt đầu xây dựng nhà nước độc lập, nhưng khi Ngô Quyền mất, các thế lực phong kiến ở các địa phương lần lượt nổi dậy tạo nên tình hình cát cứ 12 sứ quân.

Đinh Bộ Lĩnh đã từ đất Hoa Lư (Ninh Bình) đem quân ra đánh dẹp 12 sứ quân, thống nhất đất nước, nhằm tạo nên sức mạnh liên kết để xây dựng đất nước.

Thống nhất phải đi đôi với việc xây dựng và củng cố chính quyền mạnh. Nhà Đinh thành lập năm 968, Đinh Bộ Lĩnh tự xưng Hoàng đế, đóng đô ở Hoa Lư, đặt tên nước là

Đại Cồ Việt. Một kiểu nhà nước quân chủ sơ khai ra đời. Chính quyền trung ương tập quyền được củng cố và phát triển. Các thế lực phong kiến địa phương đều bị khắc phục. Đinh Tiên Hoàng đặt quan và triều nghi, định phẩm và tước vị cho các quan văn võ. Các công thần được phong tước và cấp thái ấp. Tổ chức quân đội gắn liền với các đơn vị hành chính. Cả nước chia làm 10 đạo, mỗi đạo 10 quân, mỗi quân 10 lữ, mỗi lữ mười tốt, mỗi tốt mười ngũ, mỗi ngũ 10 người[1].

Sang thời Lê chính quyền trung ương lại được củng cố và phát triển thêm một bước. Sau khi đánh thắng Tống ở phía Bắc và Chiêm Thành ở phía Nam, Lê Hoàn bắt tay củng cố chính quyền. Năm 1002, Lê Hoàn đặt lại các khu vực hành chính, đổi 10 đạo thời Đinh thành lộ, phủ, châu.

Năm 988, Lê Hoàn đặt ngạch thân binh, lựa chọn những người khỏe mạnh làm lính túc vệ, mỗi người thích ở trán ba chữ "Thiên Tử quân". Quân đội ở trung ương chia thành 6 quân. Năm 1001, Lê Hoàn chọn những dân đinh khỏe mạnh sung vào quân thường trực. Cũng vào năm ấy, Lê Hoàn bắt đầu định pháp lệnh.

Năm 1010, Lý Công Uẩn (Thái Tổ) dời đô về Thăng Long, khẳng định ý thức tự chủ của nhân dân ta. Năm 1054, nhà Lý đổi tên nước thành Đại Việt. Nhà nước Trung ương được tổ chức chặt chẽ. Vua nắm quyền cao nhất về chính trị, quân sự, luật pháp, nghi lễ. Giúp vua có các đại thần, các chức Hành khiển và các cơ quan hành chính như sảnh, viện đài. Đất nước được chia thành nhiều lộ. Dưới lộ có phủ, huyện, làng, xã. Quân đội được tổ chức quy củ, gồm cấm binh bảo vệ vua và kinh thành, lộ binh ở các địa phương. Lúc có chiến

---

[1] Đỗ Đức Hùng: *Về xu hướng tập trung và phân tán*... Sđd, tr. 172.

tranh thì các vương hầu, quý tộc được mộ quân riêng để chung sức cùng nhà nước đánh giặc.

Lòng yêu nước của nhân dân Đại Việt lại được thể hiện bằng chính sách đoàn kết dân tộc. Đại Việt là một quốc gia có nhiều dân tộc. Từ xưa, các dân tộc anh em đã kề vai sát cánh bên nhau, tự nguyện, đoàn kết trong cuộc chiến đấu chống lại ách đô hộ của phong kiến phương Bắc. Các triều đại Lý, Trần đã có những chính sách khôn khéo, phù hợp để tập hợp lực lượng dân tộc. Đó là kết thân, gả công chúa, phong tước cho các thủ lĩnh người miền núi. Ở miền xuôi, nhà nước và nhân dân cùng nhau chăm lo sản xuất, chống lụt. Những công việc thiết thực đó đã thắt chặt, gắn bó nhân dân với Nhà nước trên cơ sở lợi ích chung, làm cho mâu thuẫn giữa giai cấp thống trị và bị trị hòa dịu đi. Khối đoàn kết đó tạo điều kiện tiên quyết cho quân dân Đại Việt đánh thắng giặc ngoài.

Năm 1076, nhà Tống đưa hàng chục vạn quân sang xâm lược Đại Việt. Thế nhưng với tài chỉ huy của Lý Thường Kiệt, quân dân Đại Việt đã đánh tan quân Tống trên sông Như Nguyệt (Sông Cầu), buộc chúng phải xin hòa và kéo quân về nước.

Từ trong cuộc quyết chiến với quân Tống mà xuất hiện bài "Thơ thần" (được xem là của Lý Thường Kiệt):

"Nam quốc sơn hà Nam đế cư..."

Bài thơ khẳng định đất nước Việt Nam là của người Việt Nam, đã thúc giục lòng yêu nước, ý chí chiến đấu của quân ta để bảo vệ mảnh đất mà "sách trời" đã định. Tiếng vọng của bài thơ còn làm cho kẻ thù của nhân dân ta cuối thế kỷ XX vẫn phải nể sợ.

Niềm tự hào chiến thắng quân thù vang vọng núi sông và được khắc tấm bia ở chùa Long Đọi Sơn:

"Dồn dập ruổi quân cự địch,

ầm ầm sấm động ra uy.

Thành Ung Châu và nghìn quân giặc tan tành như

trận gió cuốn mây,

Sông Như Nguyệt trăm vạn binh thù

vỡ lở như mặt trời đốt giá ..."[1].

Hơn 200 năm sau, nhân dân Đại Việt thời Trần lại gặp cuộc thử thách lớn: Quân Nguyên - Mông xâm lược.

Trước khi đánh Đại Việt, đội kỵ binh Mông Cổ đã đánh chiếm, gây bao tang tóc, đau thương cho nhiều nước. Năm 1211, quân Mông Cổ tràn vào Bắc Trung Quốc. Năm 1221, tiến vào Azecbaidan đến Grudia. Năm 1240, chiếm Kiêp. Sau đó đánh bại Ba Lan, Đức. Năm 1241, đánh thắng Hunggari...

Đế quốc Nguyên - Mông ba lần (1258, 1285, 1288) cất quân xâm lược Đại Việt. Chúng đã gặp phải một dân tộc bất khuất; cả ba lần quân dân Đại Việt đánh cho quân giặc tan tác.

Khi nói về nguyên nhân thắng lợi của quân dân Đại Việt đối với giặc Nguyên – Mông, Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm đã phân tích một cách sâu sắc về tinh thần đoàn kết toàn dân, trên dưới một lòng. Ở đây quân Nguyên - Mông không phải chỉ đọ sức với quân đội nhà Trần mà là đương đầu với toàn thể nhân dân Đại Việt. Khi tiến vào đất nước chúng ta, quân địch đã thấy treo ở khắp nơi những tấm biển với dòng chữ: "Tất cả các quận, huyện, làng mạc, nếu có giặc ngoài

---

[1] Theo Trương Hữu Quýnh, Sđd. Nxb Quân đội nhân dân, 1994, tr. 26-27.

đều phải liều chết mà đánh, nếu sức không địch nổi thì cho phép tránh vào rừng núi, không được đầu hàng". Với một lòng nồng nàn yêu nước, nhân dân cả nước đã thực hiện mệnh lệnh của triều đình. "Trong cuộc kháng chiến vĩ đại này, chính sức mạnh đoàn kết và tinh thần quyết chiến quyết thắng của toàn dân là yếu tố quyết định chiến thắng"[1].

Đồng chí Lê Duẩn khẳng định: "Lực lượng quyết định thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ độc lập dân tộc bao giờ cũng là khối đoàn kết chặt chẽ của cả dân tộc mà nông dân là lực lượng lớn nhất, mạnh nhất. Trong khi đấu tranh cho độc lập dân tộc, nông dân ta cũng biểu thị nguyện vọng dân chủ, ý thức làm chủ đất nước. Câu hỏi "hòa hay chiến" cùng tiếng trả lời "quyết chiến" ở Hội nghị Diên Hồng ngày xưa là một trong những biểu hiện sơ khai của sự kết hợp giữa tinh thần cứu nước và ý thức dân chủ của nhân dân ta"[2].

Sức mạnh đoàn kết, lòng yêu nước thể hiện trong sự tham gia của các tầng lớp nhân dân vào cuộc chiến đấu sống còn này. Sức mạnh ấy đã được phản ánh qua tinh thần đoàn kết, chiến đấu của quân đội. Trần Quốc Tuấn nói với tướng sĩ "Lúc trận mạc cùng nhau sống chết, lúc ở nhà thì cùng nhau vui cười". Ông nói với Trần Nhân Tông "Làm thế nào để thu hút được binh lính như cha con một nhà mới có thể dùng được".

---

[1] Hà Văn Tấn – Phạm Thị Tâm: *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên - Mông thế kỷ XIII* (in lần thứ 4). Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975, tr. 324, 325.

[2] Lê Duẩn: *Thanh niên trong các lực lượng vũ trang hãy vươn lên hơn nữa*... Nxb Sự thật, Hà Nội, 1966, tr. 26.

Tinh thần đoàn kết, yêu nước là cơ sở cho Thái sư Trần Thủ Độ tin tưởng mà nói rằng: "Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đứng lo". Tiết chế Trần Hưng Đạo cũng trả lời Trần Thánh Tông rằng: "Xin bệ hạ chém đầu thần trước đã rồi hãy hàng".

Thật anh hùng, quả cảm khi thiếu niên Trần Quốc Toản mới 15 tuổi không được dự hội nghị chống giặc ở Bình Than, tức giận bóp nát quả cam trong tay lúc nào không biết; về quê ông chiêu tập quân, luyện tập võ nghệ, giương cao lá cờ "Phá cường địch, báo hoàng ân". Trần Bình Trọng bị bắt, khi giặc dụ dỗ "Có muốn làm vương không?", ông đã chửi vào mặt chúng rằng: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm Vương đất Bắc".

Với một tinh thần như vậy, Trần Quang Khải đã tự hào thốt lên:

"Chương Dương cướp giáo giặc,
Hàm Tử bắt quân thù.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy nghìn thu".

Với khẩu hiệu "Thái bình nên gắng sức", nhân dân Đại Việt sau khi chiến thắng quân Nguyên - Mông đã nhanh chóng xây dựng một nền kinh tế tự chủ và phát triển đất nước một cách toàn diện. Tuy vậy, sự phân hóa xã hội ngày càng sâu sắc. Chế độ tư hữu ruộng đất phát triển. Ách áp bức, bóc lột phong kiến ngày càng nặng nề. Từ giữa thế kỷ XIV, cuộc sống của nông dân nghèo càng khó khăn. Một số cuộc khởi nghĩa của nông dân và nô tỳ bùng lên.

Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, nông dân đã không tiếc công, của và cả tính mạng để đánh giặc, giữ nước. Họ đã vì nước, vì cộng đồng mà xông pha nơi trận mạc. Nhưng khi

đất nước thanh bình, họ lại bị khổ cực, bị bóc lột, phải bỏ làng, lang thang đi kiếm sống. Rõ ràng vấn đề phát huy lòng yêu nước của quần chúng không phải đơn giản. Cố kết được quần chúng nhân dân hay làm họ ly tán là phụ thuộc vào chính quyền phong kiến cai trị. Thực tế lịch sử đã rõ. Vào cuối thế kỷ XIV, nhà Trần ngày càng suy yếu nên lòng dân ly tán... Nhân đó Hồ Quý Ly giành ngôi, lập nên nhà Hồ. Nhưng nhà Hồ cũng không giải quyết được các khó khăn lớn của xã hội. Nhà Minh nhân cơ hội này đem quân xâm lược nước ta và nhà Hồ đã thất bại. Quân xâm lược Minh đặt ách đô hộ gần 20 năm.

Phải đến khởi nghĩa Lam Sơn mới quy tụ được quần chúng nhân dân dưới ngọn cờ nghĩa để chống giặc Minh. Bằng chiến thắng vang dội Chi Lăng - Xương Giang cuối 1427, nghĩa quân Lam Sơn đã đánh tan 10 vạn quân cứu viện, buộc giặc Minh phải rút về nước.

Ở đây không đơn giản là hễ cứ giặc đến là với lòng yêu nước nồng nàn của mình, nhân dân sẽ lập tức đứng lên chống giặc. Bởi vì "Làm sao mà họ có thể hiểu được cũng như chấp nhận được rằng, người dân của một nước độc lập giá trị hơn người dân của một nước bị đô hộ, khi mà ngay trong thời độc lập, họ đã là kẻ nô lệ, cực khổ, đói rách, không quyền hành, không được ai bênh vực, tôn trọng. Bảo vệ độc lập của đất nước đối với họ chính là bảo vệ cái nhà nước, cái số vua quan, cái chế độ thuế khóa nặng nề đang biến họ thành kẻ đói rách, cực khổ, nằm dưới đáy xã hội"[1].

Vậy thì tại sao Lê Lợi lại quy tụ được nghĩa quân để chống giặc Minh? "Lê Lợi, Nguyễn Trãi không tự xem mình

---

[1] Trương Hữu Quýnh, Sđd, tr. 35.

là vua chúa đáng nắm quyền trị nước, cũng không tự xem mình là lớp người có đặc quyền lãnh đạo. Ngược lại, nghĩa quân Lam Sơn cũng không đi vào cuộc chiến đấu với tư cách những người dân bị trị, bị buộc phải thực hiện nghĩa vụ quân sự của mình. Cả hai lớp người đó đều tự nguyện đi vào cuộc khởi nghĩa với tấm lòng yêu nước, căm thù giặc của mình. Họ đều là những người dân bị trị, mang nặng truyền thống yêu nước của tổ tiên, tự hào về sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc, không cam chịu nỗi nhục mất nước, cùng nhau tập hợp lại đánh giặc, giải phóng Tổ quốc"[1]. Điều này đã được Nguyễn Trãi nêu rõ trong Bình Ngô đại cáo:

"Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới.

Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào".

Phạm Văn Đồng đã nói: "Triết lý nhân nghĩa của Nguyễn Trãi cuối cùng chẳng qua là lòng yêu nước, thương dân, cái nhân, cái nghĩa lớn nhất là phấn đấu đến cùng chống ngoại xâm, diệt bạo tàn, vì độc lập của đất nước, hạnh phúc của dân".

Thật vậy, do biết dựa vào dân, năm 1428, Lê Lợi đánh thắng quân Minh, lên ngôi vua, sáng lập ra nhà Lê. Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền được xây dựng, hoàn thiện từng bước, và đến những năm 70 của thế kỷ XV thì đạt đến đỉnh cao.

Trong hòa bình, nhân dân đã biến lòng yêu nước thành hành động lao động cần cù để khôi phục sản xuất, hàn gắn

---

[1] Sđd

vết thương chiến tranh. Nhà nước mở rộng khai hoang, lập dồn điền, đắp đê, đào kênh mương. Thủ công nghiệp nhanh chóng phục hồi và phát triển. Thăng Long trở nên sầm uất.

Đó là một thời thịnh đạt, một thời để lại dấu ấn tốt đẹp trong ký ức nhân dân:

"Thời vua Thái Tổ, Thái Tông,

Thóc lúa đầy đồng trâu chẳng buồn ăn".

Từ thế kỷ X đến thế kỷ XV, Đại Việt đã trải qua những bước thăng trầm, hòa bình rồi lại chiến tranh. Chiến tranh qua rồi, người dân lại xây dựng đất nước. Dẫu là trong chiến tranh hay trong thời bình, nhân dân Đại Việt vẫn thể hiện tấm lòng yêu nước sâu sắc của mình. Điều đó dễ thấy là trong hòa bình xây dựng, lòng yêu nước thể hiện có phần không đơn giản. Sự không đơn giản đó không phụ thuộc vào quần chúng lao động mà phụ thuộc vào chính sách, thái độ của triều đình đối với dân. Còn người dân lúc nào cũng lam lũ làm ăn, gắn bó với quê hương, đất nước và giặc đến họ sẵn sàng đứng lên chiến đấu bảo vệ xóm làng, bảo vệ Tổ quốc.

b. Truyền thống yêu nước từ thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XIX

Từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX, đất nước Việt Nam luôn luôn bị chia cắt, xâu xé bởi các tập đoàn phong kiến. Tình hình đó làm cho đất nước bị suy yếu, đặc biệt là truyền thống yêu nước của nhân dân không được phát huy cao độ để xây dựng đất nước. Theo kết quả nghiên cứu của các nhà sử học[1], có thể chia thời kỳ này thành các giai đoạn:

---

[1] Theo Phan Đại Doãn trong *"Một số vấn đề về quan chế triều Nguyễn"*. Nxb Thuận Hoá, 1997, tr. 8, 9.

- Giai đoạn Nam-Bắc triều:

Nhà Lê được thành lập năm 1428, chính quyền quân chủ đạt đến đỉnh cao. Các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển. Thế nhưng vào đầu thế kỷ XVI, nhà Lê ngày càng suy yếu, do vua, quan ăn chơi sa đọa, của cải bị phung phí. Triều đình không quan tâm đến đời sống nhân dân. Ở nông thôn, bọn cường hào, địa chủ hoành hành. Nông dân nhiều nơi nổi dậy đấu tranh. Trước kia họ đã vì nước mà đứng lên chống giặc ngoại xâm. Nhưng bây giờ họ bị bóc lột, chính họ lại chĩa mũi nhọn tấn công vào triều đình phong kiến.

Trước tình hình như thế, năm 1527, một viên đại thần của nhà Lê là Mạc Đăng Dung nổi lên đánh bại các thế lực, rồi lập ra triều Mạc. Đến năm 1533, nhiều cựu thần nhà Lê, do Nguyễn Kim đứng đầu, nổi dậy chống triều Mạc và chạy vào Thanh Hóa lập triều mới, ta thường gọi là Nam Triều. Bắc Triều (Triều Mạc) chiếm giữ vùng đồng bằng sông Hồng, Nam Triều chiếm giữ vùng Thanh Hóa, Nghệ An trở vào. Cuộc chiến tranh Nam-Bắc triều kéo dài đến năm 1592, khi tập đoàn Lê - Trịnh chiếm lại được Thăng Long, họ Mạc chạy lên Cao Bằng. Đến đây căn bản chấm dứt giai đoạn Nam - Bắc triều.

Chiến tranh Nam - Bắc triều mới chấm dứt thì nước ta lại rơi vào cảnh chiến tranh Trịnh - Nguyễn. Từ giữa thế kỷ XVI, do mâu thuẫn giữa hai dòng họ Trịnh và Nguyễn, Nguyễn Hoàng (con trai của Nguyễn Kim) phải vào trấn đất Thuận Quảng để tránh sự đe dọa, mối nguy hiểm từ phía Trịnh. Họ Nguyễn dần dần thành một giang sơn riêng biệt đối lập với họ Trịnh. Cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn kết thúc, đất nước lại bị chia cắt thành Đàng Trong và Đàng Ngoài, lấy sông Gianh làm giới tuyến.

- Giai đoạn Tây Sơn Nguyễn Huệ:

Năm 1786, nghĩa quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ lãnh đạo đánh ra Đàng Ngoài. Chính quyền chúa Trịnh bị lật đổ. Nguyễn Huệ đã xóa bỏ sự chia cắt Đàng Trong - Đàng Ngoài, nhưng lãnh thổ dưới thời Tây Sơn cũng bị chia thành từng vùng: vùng Quang Trung, vùng Thái Đức, và vùng của Nguyễn Ánh ở cực Nam. Mỗi vùng có chế độ chính sách khác nhau.

Vùng của Quang Trung vốn là đất của vua Lê, chúa Trịnh. Vì vậy, ở đây còn tâm lý "hoài Lê, vọng Trịnh". Vùng của Thái Đức hẹp và nghèo. Ở Gia Định thế lực của Nguyễn Ánh lại mạnh. Nguyễn Ánh được sự giúp đỡ, che chở của tầng lớp điền chủ kiêm thương nhân giàu có và thêm sự chi viện của quân Pháp.

Từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII, đất nước không bị nạn ngoại xâm, nhưng mâu thuẫn trong nước, trong nội bộ dân tộc lại nổi lên, giữa các thế lực phong kiến các vùng khác nhau, đặc biệt là giữa nông dân và chính quyền phong kiến. Lòng yêu nước được khơi lên, được phát huy trong thế kỷ XV không những không phát triển được, mà ngược lại lâm vào khủng hoảng.

Trước kia người dân lên đường đi chiến đấu là để bảo vệ quê hương, bảo vệ độc lập của Tổ quốc. Đó là nghĩa vụ thiêng liêng mà dù phải hy sinh họ vẫn sẵn sàng. Nhưng trong thời các thế lực phong kiến cát cứ và gây chiến tranh, người dân vẫn buộc phải ra chiến tuyến. Cuộc chiến đấu mà họ tham gia không phải là nghĩa vụ thiêng liêng nữa mà là một sự ép buộc, một sự thúc ép.

Đã thế, người dân lại lâm vào cảnh đói kém, phải lang thang kiếm sống. Họ nổi dậy thành một phong trào nông dân

rộng lớn vào những năm 40 của thế kỷ XVIII. Nhà nước Lê - Trịnh đã đàn áp các cuộc khởi nghĩa, nhưng vẫn không cứu vãn được tình thế. Ở Đàng Trong, chính quyền chúa Nguyễn cũng sa đọa. Do vậy năm 1771, cuộc khởi nghĩa của nông dân do Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ lãnh đạo, bùng nổ ở ấp Tây Sơn (Bình Định).

Nông dân bị kìm kẹp, họ còn bị chúa Nguyễn bắt phải đổi y phục, thay phong tục cho khác với Đàng Ngoài. Quốc gia Đại Việt thống nhất bị chia rẽ, tính thống nhất lâu dài trong văn hóa, tâm lý dân tộc bị hủy hoại. Vì vậy, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ dựng cờ khởi nghĩa đã khơi được nỗi uất hận của nông dân, gợi được lòng yêu nước sâu sắc của họ. Nghĩa quân nhanh chóng thu hút được sự ủng hộ của nông dân, và dần dần mở rộng vùng chiếm đóng. Phong trào nông dân Tây Sơn vì thế trở thành một phong trào rộng lớn, mang tính dân tộc. Chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong bị đánh đổ.

Đầu năm 1785, nghĩa quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy đã đánh tan 5 vạn quân Xiêm do Nguyễn Ánh mời vào. Năm 1786, nghĩa quân Tây Sơn đánh ra Đàng Ngoài. Chính quyền chúa Trịnh bị lật đổ. Năm 1788, 29 vạn quân xâm lược Thanh kéo vào nước ta theo lời thỉnh cầu của bè lũ Lê Chiêu Thống.

Lúc này quân cướp nước và bè lũ bán nước làm cho lòng dân oán hận. Độc lập dân tộc bị xâm phạm. Người dân yêu Tổ quốc lại một lòng, một dạ tập hợp dưới lá cờ hồng của người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ với quyết tâm:

"Đánh cho để dài tóc,

Đánh cho để răng đen,

Đánh cho chúng chích luân bất phản,

Đánh cho chúng phiến giáp bất hoàn,

Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ".

Chỉ trong 5 ngày đêm thần tốc, quân dân Đại Việt đã đánh tan giặc ngoại xâm ở trận quyết chiến Ngọc Hồi - Đống Đa, đất nước hoàn toàn được giải phóng. Vậy là, sau khi đánh đổ ách thống trị của chúa Nguyễn ở Đàng Trong, chúa Trịnh ở Đàng ngoài, phong trào nông dân Tây Sơn đã giương cao ngọn cờ yêu nước, tiến lên thống nhất Tổ quốc và bảo vệ độc lập dân tộc.

Phong trào nông dân Tây Sơn là biểu hiện cao của truyền thống yêu nước của nhân dân Đại Việt. Lúc này, lòng yêu nước không chỉ thể hiện ở đánh giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc, mà còn biểu hiện ở sự lật đổ các thế lực phong kiến phản động để thống nhất lãnh thổ quốc gia. Nỗi đau chia cắt 200 năm giờ đây đã được xóa đi.

Tổ quốc Đại Việt thống nhất. Nhưng Quang Trung mất sớm, sự nghiệp xây dựng đất nước không được người sau tiếp nối. Năm 1802, Nguyễn Ánh kéo quân từ phía Nam ra đánh bại triều đình Tây Sơn, làm chủ cả nước; nhà Nguyễn được thành lập.

- Giai đoạn Nguyễn - nửa đầu thế kỷ XIX

Nhà Nguyễn lên nắm chính quyền không phải là kết quả của việc đánh thắng ngoại xâm hay chuẩn bị đối phó với nguy cơ xâm lược ở ngoài mà do đàn áp phong trào nông dân. Vì vậy, mâu thuẫn giữa nông dân với phong kiến ngày thêm sâu sắc. Triều đình Huế không có khả năng tập hợp nông dân như các triều đại trước để bảo vệ Tổ quốc trước nguy cơ xâm lược, nông dân đã tạm gác mâu thuẫn giai cấp để cùng triều đình đánh thắng kẻ thù dân tộc. Trong quá trình chống Pháp, triều đình Nguyễn đã từ kháng chiến yếu ớt đến

nhượng bộ, đầu hàng, làm tay sai cho giặc. Nhân dân với lòng yêu nước đã đứng lên cùng triều đình chống Pháp, rồi không tuân theo lệnh triều đình ngừng chống Pháp mà tiếp tục chiến đấu (như Trương Định) và khi triều đình đầu hàng làm tay sai cho Pháp lại "đánh cả Triều lẫn Tây".

Trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ, phong trào cứu nước, chống Pháp của nhân dân không thể có con đường nào khác là con đường Cần Vương. Song phong trào Cần Vương không phải là để ủng hộ chế độ phong kiến mà mượn danh nghĩa một nhà vua yêu nước để chống Pháp, thực chất đó là phong trào giải phóng dân tộc.

3. Từ tinh thần yêu nước kiểu tư sản chuyển sang chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa[1]

Vào đầu thế kỷ XX, xã hội Việt Nam có những chuyển biến lớn, các tầng lớp, giai cấp mới ra đời. Vì vậy, từ tinh thần yêu nước theo kiểu phong kiến chuyển sang tinh thần yêu nước mang màu sắc tư sản, tiêu biểu là Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, các phong trào yêu nước chống Pháp trong thập kỷ đầu thế kỷ XX. Với sự ra đời của giai cấp tư sản dân tộc và tiểu tư sản, lòng yêu nước kiểu tư sản phát triển, dẫn tới cuộc khởi nghĩa Yên Bái (1930). Sự yếu kém của giai cấp tư sản dân tộc, tính không triệt để cách mạng của nó đã không thể đưa phong trào yêu nước đến thắng lợi.

Sự ra đời của giai cấp công nhân Việt Nam, hoạt động yêu nước của Hồ Chí Minh đã chuyển lòng yêu nước truyền thống sang lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa. Việc xác lập con đường cứu nước đúng của Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát huy cao độ lòng yêu nước

---

[1] Phần này sẽ được trình bày chi tiết ở bài sau.

của nhân dân ta, đưa đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp rồi đế quốc Mỹ (1945-1975) và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tiến lên trong cả nước từ sau 1975. Lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng, làm cho "dân giàu, nước mạnh, xã hội tiến bộ, văn minh". Lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa là động lực quan trọng để thực hiện nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Vấn đề này được trình bày ở bài sau.

Quá trình hình thành và phát triển lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam gắn liền với sự phát triển của đất nước, dân tộc, qua các thời đại và tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa đã được lựa chọn, khẳng định và kiên trì thực hiện. Lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam là động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thành công.

III. HÌNH THỨC, BIỆN PHÁP GIÁO DỤC LÒNG YÊU NƯỚC CHO HỌC SINH QUA MÔN LỊCH SỬ

Vấn đề này đã được trình bày đầy đủ trong nhiều tài liệu về giáo dục học và phương pháp dạy học lịch sử. Đây là những tài liệu khoa học có giá trị[1]. Chúng tôi không nhắc lại

---

[1] Xem:

- Phan Ngọc Liên và Trần Văn Trị (chủ biên): *Phương pháp dạy học Lịch sử*, Sđd, chương *"Chức năng giáo dục của môn Lịch sử ở trường phổ thông"*.

- Hội Giáo dục Lịch sử: *Đổi mới việc dạy học lịch sử lấy học sinh làm trung tâm*, Sđd.

- Phan Ngọc Liên, Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: *Giáo dục truyền thống dân tộc cho học sinh qua môn Lịch sử*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4-1993.

những nguyên tắc, hình thức và biện pháp sư phạm để giáo dục lòng yêu nước cho học sinh qua dạy học lịch sử ở trường, mà chỉ nhấn mạnh một số điểm:

Thứ nhất, khai thác nội dung các khoá trình lịch sử để giáo dục lòng yêu nước, tránh tình trạng chỉ nói lý luận chung chung, hời hợt.

Thứ hai, đảm bảo những nguyên tắc của phương pháp dạy học lịch sử, đặc biệt các nguyên tắc giáo dục bộ môn.

Thứ ba, phát huy tinh thần tự nguyện, tự giác của học sinh, tránh sự áp đặt, công thức.

Thứ tư, tích cực hoá việc học tập của học sinh để vừa tiếp nhận việc giáo dục của thầy, vừa giúp đỡ nhau và tự giáo dục.

Thứ năm, kết hợp học tập với thực hành, bởi vì lòng yêu nước không chỉ dừng ở lời nói, nhận thức mà phải biểu hiện ở hành động.

Thứ sáu, cần tiến hành nhiều hình thức giáo dục phong phú, sinh động thông qua bài học nội khoá và các hoạt động ngoại khoá.

*

* *

Giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ là một nhiệm vụ quan trọng hiện nay trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Môn Lịch sử có ưu thế và sở trường trong việc giáo dục này, nhưng cần tránh việc sáo mòn, công thức, không đưa lại hiệu quả gì. Điều này đòi hỏi sự nỗ lực, sáng tạo của giáo viên trong điều kiện cụ thể của mình.

GIÁO DỤC LÒNG YÊU NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CHO HỌC SINH QUA DẠY HỌC LỊCH SỬ

Ths Thái Văn Long*

Truyền thống dựng nước, giữ nước là nội dung cốt lõi của truyền thống dân tộc Việt Nam, nổi bật là *lòng yêu nước*. Dân tộc nào cũng có lòng yêu quê hương, yêu nước thiết tha, quyết tâm bảo vệ Tổ quốc, nhưng ở dân tộc ta, do những đặc điểm của đất nước, lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam có những nét đặc biệt. Trước hết là "hệ thống gia đình (nhà), làng và nước. Chúng ta phải thấy mối quan hệ hữu cơ, sự gắn bó ngược xuôi, giữa ba cơ cấu kinh tế, chính trị và xã hội mà sức mạnh tổng hợp của nó có liên quan mật thiết đến sự tồn tại và hưng thịnh của dân tộc. Trong lịch sử lâu dài của nước ta, hệ thống cơ cấu này là cột trụ làm nên sức sống của dân tộc, nó là ba cái khâu của một sợi dây chuyền không gì phá vỡ nổi, mỗi một khâu đều có quan trọng của nó và tất nhiên nếu thiếu nó thì không còn là sợi dây chuyền"[(1)].

Vì vậy, lòng yêu nước đối với dân nhân Việt Nam từ xưa đến nay luôn phát triển trên mọi lĩnh vực của đời sống lao động sản xuất, trong đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc, giành độc

---

* Q. Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo Cà Mau.

(1) Phạm Văn Đồng: *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 150-154.

lập, chống áp bức, bóc lột. Tiêu biểu là những cuộc khởi nghĩa, các cuộc cách mạng, lao động sáng tạo ra mọi giá trị tinh thần và vật chất. Lòng yêu nước trở thành sức mạnh vô song, đưa lại những thành tựu, những thắng lợi lẫy lừng trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Lòng yêu nước, tinh thần yêu nước trở thành "tình cảm và tư tưởng lớn nhất của người Việt Nam từ ngàn xưa, là tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá người dân đối với Tổ quốc (những người có công với đất nước trên mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa, quân sự... được tôn thờ, quý trọng; những kẻ bán nước, phá hoại bị nghìn đời nguyền rủa)"[1].

Lòng yêu nước của nhân dân ta trở thành chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, sản phẩm của cuộc đấu tranh, lao động sản xuất, bảo vệ Tổ quốc, giành độc lập dân tộc. Nó được kế thừa, phát huy và phát triển qua các thế hệ. Từ khi Nguyễn Ái Quốc xác định con đường cứu nước đúng và dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, lòng yêu nước truyền thống phát triển thành lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, tạo nên truyền thống cách mạng - sự kế thừa và phát triển của truyền thống dân tộc trong thời đại Hồ Chí Minh, thời đại độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội.

Ở Việt Nam, lòng yêu nước đã cố kết các dân tộc chung sống với nhau từ lâu đời, cùng lao động và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, giành độc lập dân tộc. Lòng yêu nước được xây dựng trên cơ sở tình yêu quê hương. Ở mỗi dân tộc, mỗi địa phương có nét chung của truyền thống yêu nước và những đặc điểm riêng của mình. Điều này làm phong phú, vững chắc hơn truyền thống chung của cả dân tộc Việt Nam. Truyền thống dân tộc

---

[1] Phan Ngọc Liên và Trần Văn Trị (chủ biên), Sđd, tr. 84.

nói chung, truyền thống yêu nước nói riêng, được kế thừa và phát triển trở thành *lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa* ngày nay.

Giáo dục cho thế hệ trẻ truyền thống cách mạng, lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa trên cơ sở giáo dục truyền thống dân tộc, lòng yêu nước để phục vụ tốt nhất nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày nay, mà trước mắt là thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các bộ môn khoa học xã hội nói chung, môn Lịch sử nói riêng, có ưu thế và sở trường trong việc giáo dục truyền thống dân tộc, lòng yêu nước cho học sinh. Các tri thức về khoa học xã hội là một bộ phận quan trọng của văn hóa dân tộc, có tác dụng mạnh mẽ trong giáo dục thế hệ trẻ. "Mọi hoạt động trong văn hóa nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người tự hoàn thiện nhân cách, kế thừa truyền thống cách mạng của dân tộc; phát huy ý chí tự lực, tự cường, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"[1]; "bảo tồn nền văn hoá của đất nước, chống mọi âm mưu đồng hoá của ngoại bang"[2].

Giới hạn trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông nhằm giáo dục lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa cho học sinh trên cơ sở quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng với tiếp nhận và

---

[1] Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, khoá VIII, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Báo Nhân dân, số ra ngày 21-4-2001, tr.3.

[2] Võ Nguyên Giáp (chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 41.

vận dụng sáng tạo quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối của Đảng được thể hiện ở sử dụng các loại tài liệu, trong đó có tài liệu của Hồ Chí Minh, là một yêu cầu quan trọng.

Trong phạm vi bài viết thuộc đề tài này, chúng tôi tập trung trình bày các vấn đề chủ yếu nêu trên.

I. TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC VÀ GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Sức mạnh của dân tộc Việt Nam từ thời xưa đến nay đã khiến cho kẻ thù xâm lược phải khiếp sợ. Thế kỷ XIII, Trần Phu- sứ thần Nguyên - Mông (Trung Quốc) đến Việt Nam sau khi chiến tranh xâm lược của chúng thất bại, đã run sợ trước khí thế mạnh mẽ của nhân dân ta:

"Bóng lòe gươm sắt lòng thêm đắng,

Tiếng rộn trống đồng tóc đốm hoa"[1]

Vào đầu thế kỷ XX, sau khi xâm chiếm được nước ta, bọn thực dân Pháp cũng phải công nhận là không thể nào "chinh phục" một dân tộc có truyền thống anh hùng: "Chúng ta – tức thực dân Pháp, (tác giả chú) không biết rằng, Việt Nam là một dân tộc kiên cường, gắn bó với lịch sử, với những thể chế riêng của mình và thiết tha với nền độc lập của mình. Chúng ta không biết rằng, Việt Nam chưa bao giờ chịu khuất phục trước kẻ thù xâm lược. Tình trạng chung là rất đỗi khủng khiếp và chúng ta phải đương đầu với một dân tộc thống nhất, mà ý thức dân tộc của họ không hề bị suy yếu"[2].

---

[1] Trích theo *Lịch sử Việt Nam, tập 1.* Nxb Khoa học, Hà Nội.

[2] Ferdinand Bernard: Erreurs et danger, Paris, 1901. Trích dẫn theo Phan Ngọc Liên: *Hồ Chí Minh trong tiến trình lịch sử dân tộc*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2000, tr. 9.

Truyền thống yêu nước của nhân dân Việt Nam phát huy mạnh mẽ trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đã giành thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám 1945, trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975). Sau khi Mỹ thất bại hoàn toàn trong cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam, R. S. Mc Namara, cựu Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong Chính phủ của các Tổng thống Kennơđi và Giônxơn đã rút ra những bài học cay đắng về thất bại của Mỹ. Ông ta đã tổng kết 11 nguyên nhân chính gây nên thảm họa cho Mỹ. Trong số những nguyên nhân ấy có một nguyên nhân quan trọng là "Mỹ đánh giá thấp sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc đã thúc đẩy một dân tộc (trong trường hợp này là Bắc Việt Nam và Việt cộng) đấu tranh và hy sinh cho lý tưởng và các giá trị của nó; cho đến nay, chúng ta vẫn tiếp tục đánh giá thấp chủ nghĩa dân tộc ở nhiều nơi trên thế giới"[1]. Mc Namara đã nhìn thấy một nguyên nhân thất bại của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, song vẫn chưa nhận thức đầy đủ sức mạnh truyền thống của dân tộc Việt Nam thống nhất (không hề có cái gọi là "Bắc Việt Nam và Việt cộng" mà chỉ có nhân dân Việt Nam đánh Mỹ và thắng Mỹ). Sức mạnh của lòng yêu nước đã được kế thừa và phát huy đến điểm đỉnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong lịch sử tồn tại và phát triển của mình, nhân dân Việt Nam đã từng đánh thắng những đội quân xâm lược hùng mạnh, vũ khí đầy đủ, do những tên chỉ huy nổi tiếng, những "Phục ba tướng quân" (viên tướng khiến sóng phải cúi đầu khuất phục).

---

[1] R.S. Mc Namara: *Nhìn lại lịch sử dân tộc, tấm thảm kịch về những bài học về Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 316.

Đế quốc Mỹ thất bại vì vấp phải sức mạnh của một dân tộc anh hùng, bất khuất. Sức mạnh được truyền tư thế hệ này đến thế hệ khác, ngày một phát triển cùng với sự trưởng thành nhanh chóng, vững chắc của dân tộc, thông qua việc giáo dục của cha anh cho thế hệ tiếp sau.

Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh thành lập và giáo dục đã hiểu rõ, hiểu đúng truyền thống dân tộc, sức mạnh của tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, của truyền thống đại đoàn kết dân tộc và quốc tế và luôn luôn nhấn mạnh cần rèn luyện, bồi dưỡng lòng yêu nước và giáo dục truyền thống yêu nước cho mọi người, nhất là thế hệ trẻ.

Từ thuở nhỏ, mọi người Việt Nam được tắm mình trong truyền thống yêu nước, thương đồng bào, hòa nhập vào cuộc sống cộng đồng; thông hiểu, rung cảm với những cảnh đói khổ, uất hận và những điều ngang trái, bất công; suy nghĩ về thực trạng xã hội, về truyền thống quê hương và ngày càng suy ngẫm phải làm gì để thoát khỏi ách nô lệ. Nếu không hoà mình vào đời sống, không thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của nhân dân thì đối với mỗi người làm sao hình thành và chín muồi tình cảm yêu nước, ý thức cứu nước và dấn thân vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Tình cảm, tư tưởng là nhân tố cơ sở, thể hiện sự nhận thức, nhưng nó không trở thành sức mạnh nếu không thâm nhập vào quần chúng, không biến thành hành động. Hồ Chí Minh đã từ ý thức cứu nước trở thành chiến sỹ cứu nước vì đã trực tiếp hành động, làm liên lạc cho các nhà yêu nước, tham gia đấu tranh trong phong trào chống sưu thuế của nhân dân Thừa Thiên - Huế. Đây là bài học chúng ta cần học tập và giúp cho thế hệ trẻ, qua học tập lịch sử tự giáo dục và bồi dưỡng truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng, địa

phương. Chúng ta tìm hiểu thêm cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh để cụ thể hoá cho bài học nêu trên.

Sức mạnh của truyền thống dân tộc thể hiện ở lòng yêu nước, ý thức cứu nước và hành động yêu nước đã tạo cho Hồ Chí Minh quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước, dù Người chưa hình dung được con đường ấy như thế nào, nhưng chắc chắn không giống những con đường cứu nước mà cha anh đã đi và đã không thành công. Quyết tâm tìm đường cứu nước cho dân tộc và trong cuộc hành trình đầy gian khổ này, Hồ Chí Minh đã thâm nhập, tìm cách hiểu rõ nhân dân lao động bị áp bức ở nhiều nơi, cùng chung một cảnh ngộ. Từ đó, Người mở rộng lòng yêu thương đồng bào đến yêu thương những người đau khổ dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Do đó, từ một người yêu nước, Hồ Chí Minh đã trở thành người lao động, một thành viên của giai cấp công nhân rồi trở thành một người cộng sản, một chiến sĩ cách mạng quốc tế. Lòng yêu nước hòa quyện, thống nhất với tinh thần quốc tế chân chính, đoàn kết, đấu tranh cho mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội (giai cấp), giải phóng con người. Đó là sự phát triển hợp qui luật, sự trưởng thành của một nhà yêu nước, một công nhân, một chiến sĩ cách mạng quốc tế chân chính. Song để có sự phát triển, trưởng thành này phải trải qua một quá trình đấu tranh, lựa chọn. Quá trình ấy "tưởng chừng như đơn giản và tự nhiên, thực ra là chặng đường chiến thắng biết bao khó khăn, với sự lựa chọn vững chắc, tránh được những sai lầm dẫn tới ngõ cụt"[1].

---

[1] Hồ Chí Minh, Notre camarade. Introduction hitorique de Charles Fouriau. Ed sociales, Paris, 1970. Trích dẫn theo Nguyễn Phan Quang: *Thêm một số tư liệu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong thời gian ở Pháp 1917-1923*. Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1988, tr. 88.

Hồ Chí Minh rất coi trọng việc giáo dục truyền thống dân tộc, chủ yếu là giáo dục lòng yêu nước cho các tầng lớp nhân dân với những mức độ, hình thức rất phong phú.

Qua các giờ học nội khóa ở trường Dục Thanh (Phan Thiết) năm 1910, Nguyễn Tất Thành tìm mọi cách giáo dục tư tưởng yêu nước, truyền thống dân tộc cho học sinh. Ví như, khi dạy hai từ Pháp "rivière" (nghĩa là "con sông"), "montagne" (nghĩa là "núi"), thầy đã diễn nôm thành câu thơ lục bát:

"Núi kia là núi của ai?
Sông sâu nước biếc chảy dài về đâu?"[1]

Hai câu thơ "diễn nôm" không chỉ giúp học sinh nắm vững nghĩa của hai từ Pháp mà còn gợi cho học sinh suy nghĩ về tình trạng đất nước (núi - sông) đang bị quân thù dày xéo. Thầy thường phổ biến cho học sinh thơ ca yêu nước của Phan Bội Châu, Đông Kinh Nghĩa Thục, như *bài "Á tế Á ca"*, *"Bài ca hớt tóc"*, *"Bài hát yêu nước"*..., khơi dậy ở học sinh tinh thần yêu nước.

Trong thời gian ở Xiêm (nay là Thái Lan, 1928-1929), Thầu Chín, tên gọi của Bác Hồ lúc ấy, tổ chức, vận động, giáo dục kiều bào vốn có tinh thần yêu nước. Người tổ chức diễn kịch, thường là "kịch lịch sử về Việt Nam mất nước", viết thơ ca về các anh hùng dân tộc, như *"Bài ca Trần Hưng Đạo"*. Bài ca này "được truyền bá một cách mau chóng và thần diệu, chỉ một thời gian không lâu, Đức Thánh Trần đã trở lại là người anh hùng cứu quốc", có sức cổ vũ mạnh mẽ lòng yêu nước của đồng bào, làm cho họ chóng giác ngộ, xóa bỏ những

---

[1] Trích theo Phan Ngọc Liên,Sđd.

cảnh bê tha rượu chè, cờ bạc; biết đoàn kết với nhau để góp phần vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc[1]. Hình thức tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước nêu trên của Hồ Chí Minh cũng cho chúng ta một bài học là phải tận dụng các thể loại thơ ca, sân khấu để khơi dậy ở đồng bào, kiều bào xa Tổ quốc lòng yêu nước, tình cảm dân tộc, nghĩa đồng bào qua những câu chuyện lịch sử, các vở kịch.

Năm 1941, khi về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh chú ý việc giáo dục lòng yêu nước cho nhân dân. Trong bài *"Nên học sử ta"* và quyển *"Lịch sử nước ta"*, Hồ Chí Minh đều nhấn mạnh:

"Dân ta phải biết sử ta,
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam".[2]

Người căn dặn phải học lịch sử vì "Sử ta dạy cho ta những chuyện vẻ vang của tổ tiên ta...", rút ra nhiều bài học quý báu, trong đó có bài học đoàn kết: "Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do.

Trái lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn"[3].

Quyển *"Lịch sử nước ta"* là một loại sử diễn ca, được nhân dân yêu thích, như các quyển *"Thiên nam ngữ lục"*, *"Lịch sử diễn ca"*. Vì vậy, sách đã nhanh chóng đi vào quần chúng cách mạng, khơi dậy tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh giành độc lập. Đồng thời, Người cũng viết quyển *"Địa dư của*

---

[1] Lê Mạnh Trinh: *Những ngày ở Quảng Châu và ở Xiêm*, trong quyển "Bác Hồ". Nxb Văn học, Hà Nội, 1960, tr. 193.

[2] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 3, tr. 220.

[3] Sđd, tr. 217.

nước ta", "*Địa dư Cao Bằng*" để giáo dục lòng yêu Tổ quốc cho đồng bào. "Qua việc học lịch sử và địa dư nước nhà đã làm cho chúng tôi tăng thêm lòng yêu nước, căm thù giặc. Thật thế, không ai yêu nước hơn khi biết đất nước mình giàu đẹp; không ai căm thù giặc hơn khi biết nước mình bị chà đạp, dân mình bị làm nô lệ; không ai tin tưởng, dũng cảm hơn khi biết được truyền thống oanh liệt, bất khuất của cha ông mình"[1].

Qua đây, chúng ta rút được bài học có ý nghĩa phương pháp luận là khoa học lịch sử, bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông có tác dụng to lớn đối với việc giáo dục nhân dân, giáo dục học sinh. Việc "học lệch", nặng về các "môn chính", xem thường các "môn phụ" (mà trong thực tiễn giáo dục không có "môn chính", "môn phụ", vì các môn đều góp phần như nhau vào giáo dục thế hệ trẻ) đã gây những hậu quả nghiêm trọng trong việc giáo dục truyền thống dân tộc, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, phẩm chất cách mạng, nổi bật là lòng yêu nước...

Trong hai câu thơ mở đầu quyển "Lịch sử nước ta" dẫn trên, Hồ Chí Minh đã nêu một nguyên tắc sư phạm: phải biết sự kiện lịch sử cụ thể, chính xác, cơ bản mới có thể tường (hiểu rõ cặn kẽ, tường tận, sâu sắc); không biết lịch sử thì không thể hiểu; song chỉ dừng ở biết thì cũng không thể hiểu sâu sắc và dễ mắc các bệnh: chất đống tài liệu, giai thoại lịch sử.... Mối quan hệ giữa "*hiểu*" và "*biết*" thể hiện việc kết hợp nhuần nhuyễn phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic trong dạy lịch sử. Việc sử dụng không đúng hai phương pháp lịch sử và lôgíc dẫn tới những sai lầm trong dạy học lịch sử mà chúng ta thường bắt gặp ở học sinh và giáo viên.

---

[1] "*Bác Hồ ở Pác Bó*". Nxb Dân tộc Việt Bắc, 1965, tr. 34.

Về mặt phương pháp luận, giáo dục truyền thống yêu nước, cách mạng cho học sinh là thực hiện mối quan hệ giữa "biết xưa để hiểu nay" ("ôn cố nhi tri tân").

Qua những trang lịch sử oai hùng của dân tộc trong đấu tranh chống ngoại xâm, Hồ Chí Minh, qua quyển *"Lịch sử nước ta"* đã tập trung rút ra bài học truyền thống của nhân dân ta. Đó là *đoàn kết để chiến thắng*. Kết thúc quyển *"Lịch sử nước ta"*, Người đã nêu:

"Dân ta xin nhớ chữ "đồng",

Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh".

"Đồng" là đoàn kết. Ở đây, Hồ Chí Minh nêu các "cấp độ" thể hiện sự đoàn kết dân tộc. Đầu tiên là *"đồng tình"* tức là sự nhất trí, ủng hộ về mặt tinh thần với cuộc đấu tranh chung, dù chưa tham gia đấu tranh. *"Đồng sức"* thể hiện sự đoàn kết ở mức độ cao hơn, không chỉ ủng hộ về mặt tinh thần mà còn góp công sức, tiền của cho cuộc đấu tranh. *"Đồng lòng"* không chỉ là sự ủng hộ về tinh thần, sự đóng góp sức lực, tiền của mà kết thành một khối, quyết tâm chiến đấu để đạt được mục tiêu đề ra. Cuối cùng, *"đồng minh"* là liên kết chặt chẽ với nhau trong một đội ngũ, một tổ chức để chiến thắng.

Bài học có tính truyền thống của dân tộc trở thành một tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh – "tư tưởng đại đoàn kết" (dân tộc và quốc tế), và là "chiến lược đại đoàn kết" (dân tộc và quốc tế) của Đảng.

Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, Đảng ta (qua các tài liệu, văn kiện (chỉ thị, xã luận, nghị quyết, báo cáo chính trị...) đã nhấn mạnh, giải thích nội dung, ý nghĩa giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ. Riêng đối với Hồ Chí Minh, chúng ta có thể dẫn mấy tác phẩm chủ yếu, như *"Tuyên ngôn*

độc lập" (2-9-1945), "*Một đoạn lịch sử Việt Nam từ 1847 đến 1947*" (1948), "*Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng*" (1951), "*Ba mươi năm hoạt động của Đảng*" (1960) và "*Di chúc*"... Khai thác nội dung các tài liệu, văn kiện của Đảng, các tác phẩm của Hồ Chí Minh, chúng ta có thể rút ra những bài học về giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng cho nhân dân, cho thế hệ trẻ nói chung, đặc biệt trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông. Ở đây, chúng ta có thể sử dụng các tài liệu, sự kiện, những quan điểm phương pháp luận, những kinh nghiệm, bài học và phương pháp tiến hành[1].

II. CÁC HÌNH THỨC VÀ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CHO HỌC SINH QUA MÔN LỊCH SỬ

Trong giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng cho học sinh qua các môn khoa học xã hội, đặc biệt môn Lịch sử, chúng ta có thể sử dụng nhiều hình thức và biện pháp sư phạm khác nhau. Trong dạy học Lịch sử, việc sử dụng tài liệu là biện pháp quan trọng và có thể áp dụng rộng rãi trong và ngoài trường. Các loại tài liệu này và việc sử dụng tài liệu để giáo dục truyền thống đã được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu về sử học, giáo dục học... Trong phạm vi chuyên đề này, chúng tôi trình bày một số vấn đề cụ thể về giáo dục truyền thống yêu nước xã hội chủ nghĩa cho học sinh qua các tài liệu lịch sử.

---

[1] Phan Ngọc Liên: *Hồ Chí Minh từ nhận thức lịch sử đến hành động cách mạng*. Sđd, tr. 125.

1. Một số quan điểm phương pháp luận, rút ra từ quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, Đảng ta và tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành một nguyên tắc được quán triệt trong giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng cho học sinh.

Từ các hình thức cụ thể đến nội dung những quan điểm, tư tưởng, chúng ta có thể rút ra mấy vấn đề khái quát sau đây để làm cơ sở lý luận, nguyên tắc giáo dục cho học sinh, qua dạy học môn Lịch sử.

Thứ nhất, qua các tài liệu nêu *mối quan hệ giữa lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới trong việc giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng*.

Dân tộc Việt Nam hình thành từ lâu và sớm xây dựng nên truyền thống dựng nước và giữ nước. Cả hai truyền thống dựng nước và giữ nước có quan hệ mật thiết với nhau trong mọi mặt của đời sống xã hội: lao động sản xuất, chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc, và trong cuộc sống đời thường, thể hiện lòng kính yêu cha mẹ, lòng thương người, hiếu khách, hiếu học, tôn sư trọng đạo... Vì vậy, khi thực hiện mục tiêu giáo dục phải coi trọng việc giáo dục truyền thống dân tộc. Có hiểu rõ lịch sử, xã hội, con người Việt Nam ngày trước mới hiểu rõ lịch sử, xã hội, con người Việt Nam ngày nay, về phương hướng, yêu cầu phát triển trong hiện tại và tương lai.

Trong học tập lịch sử, để giáo dục truyền thống dân tộc phải chú trọng đến lịch sử dân tộc, nhưng không xem nhẹ lịch sử thế giới. Từ thời nguyên thủy, mối quan hệ giữa các cộng đồng người đã sớm xuất hiện và ngày càng phát triển. Từ thời cận đại, mối quan hệ giữa các tộc người, các châu lục được xích lại gần hơn do những cuộc phát kiến địa lý; phát triển thương mại, sự xâm lược và đô hộ của bọn tư bản, thực

dân đối với nhân dân các nước yếu, nghèo. Trong thời hiện đại, khi phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản chống tư bản mở rộng và củng cố trên phạm vi thế giới, khi cách mạng xã hội chủ nghĩa lần lượt thành công ở nhiều nước, phong trào giải phóng dân tộc mở rộng và thắng lợi; khi thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật ngày một to lớn và xu thế toàn cầu hóa, thế giới hóa đã nhanh chóng phát triển, thì con người ở các nước, các khu vực, các châu lục đã giao lưu rộng rãi và mật thiết với nhau. Trong điều kiện hòa nhập ấy cần phải giữ vững bản lĩnh, bản sắc dân tộc để không bị "hòa tan", nên việc gìn giữ và phát huy truyền thống dân tộc trở nên vô cùng quan trọng. Việc gìn giữ và phát huy truyền thống dân tộc đòi hỏi không chỉ nắm vững lịch sử dân tộc, mà còn cần hiểu biết lịch sử thế giới ở mức độ nhất định. Trong bài phát biểu nhân cuộc làm việc với một số cán bộ Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng về việc biên soạn và xuất bản loại sách "*Người tốt, việc tốt*", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Bác không phản đối việc giáo dục cho thanh niên ta những hiểu biết về thế giới, về lịch sử các nước, về những cái hay của loài người. Nhưng ta phải phân biệt cái gì nên làm trước, cái gì làm sau cho thiết thực và có ích. Trước kia thực dân Pháp còn cai trị nước ta, có những người trí thức Việt Nam rất thuộc lịch sử, địa lý và các truyện thần thoại của nước Pháp, của Hy Lạp và La Mã. Nhưng khi hỏi đến các vị anh hùng là tổ tiên, ông cha mình, hỏi đến địa lý nước mình thì mù tịt. Nay ta độc lập, tự do rồi, tất nhiên ta không đào tạo nên những người như thế.

Tuy vậy, Bác nhắc các chú điều này: Bây giờ do cuộc chống Mỹ, cứu nước ta có một vị trí rất lớn đối với thế giới, ta lại đánh thắng đế quốc Mỹ, nên ngày càng có nhiều người

nước ngoài tìm hiểu rất kỹ về Việt Nam. Coi chừng có nhiều người Việt Nạm lại không hiểu rõ lịch sử đất nước, con người và những cái vốn rất quý báu của mình bằng những người nước ngoài[1]...

Ý kiến của Bác Hồ nêu lên mối quan hệ về học lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới, tránh tình trạng biết lịch sử nước ngoài mà "mù" lịch sử dân tộc, không bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, truyền thống oai hùng của tổ tiên xưa. Hơn nữa, việc học lịch sử thế giới cũng để hiểu sâu sắc hơn lịch sử dân tộc, rút những kinh nghiệm, bài học cho cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ và xây dựng đất nước ngày nay. Trong "Đường cách mệnh" (1927), Người cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải hiểu biết lịch sử thế giới: "... Đem lịch sử cách mệnh các nước làm gương cho chúng ta soi... Đem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ"[2]. Những lời chỉ dẫn của Hồ Chí Minh giúp chúng ta hiểu rõ hơn những nguyên tắc phương pháp luận trong việc xác định mục tiêu giáo dục bộ môn Lịch sử, việc tiến hành giáo dục truyền thống cho học sinh qua môn Lịch sử dân tộc ... Bởi vì, hiện nay trong cấu tạo chương trình lịch sử ở trường phổ thông, mối quan hệ và tỷ lệ giữa phần lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới chưa hợp lý; trong cuộc sống dường như học sinh, thanh, thiếu niên, kể cả người lớn say mê những chuyện về lịch sử nước ngoài hơn là tài liệu, hình thức truyền thụ lịch sử dân tộc. Điều này do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là chúng ta chưa xây dựng được các loại hình văn học, nghệ thuật (thơ ca, tiểu thuyết, tranh ảnh, sân khấu, điện ảnh ...) hấp dẫn như của nước ngoài. Song điều quan trọng là chưa có ý thức đầy đủ về tác dụng giáo

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 12, tr. 556-557.

[2] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 2, tr. 261-262.

dục truyền thống dân tộc qua môn Lịch sử. Chúng ta cần chú trọng đến ý kiến của ông cha ta ngày xưa về lòng tự hào dân tộc, tinh thần yêu nước thiết tha và sự cần thiết của việc nghiên cứu, học tập lịch sử dân tộc. Thử dẫn ra Chỉ dụ của Tự Đức năm 1855 về việc biên soạn lịch sử nước nhà: "Đời nào khởi nghiệp tất phải có sử đời ấy. Nước Việt ta từ đời Hồng Bàng trở về sau, đời Trần, đời Lê trở về trước, trong khoảng hơn mấy nghìn năm, chính trị hay, dở, nhân vật giỏi hay không giỏi, bờ cõi, làng nước vẫn nguyên như cũ hay đổi khác, chế độ chấn chỉnh hay đổ nát, sử cũ chép lại vẫn còn thiếu sót nhiều. Đến như hình thức văn từ và nghĩa lý, thể lệ trong sách, sai lầm cũng không ít ...". Sau khi nêu rõ chương trình học tập, thi cử chưa đưa môn Việt sử, Chỉ dụ viết tiếp "... Việc học quốc sử chưa ra mệnh lệnh bắt phải gia công cho nên học trò đọc sách hoặc làm văn chỉ biết có sử Trung Quốc, ít người đoái hoài đến sử nước nhà. Việc đời cổ đã lờ mờ, lấy gì làm kinh nghiệm cho đời sau? Đạo học sở dĩ chưa được sáng tỏ nguyên nhân chẳng vì sử cũ chưa được đầy đủ đó sao"[1].

Kiến thức lịch sử dân tộc là cơ sở chủ yếu để giáo dục truyền thống dân tộc cho thế hệ trẻ. Đó là nguyên tắc, phương pháp luận đầu tiên cần tuân thủ khi giáo dục truyền thống. Tuy nhiên, kiến thức lịch sử thế giới cũng cần thiết đối với giáo dục truyền thống dân tộc kết hợp tinh thần quốc tế, tình hữu nghị giữa các nước khi giáo dục lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, qua các loại tài liệu giáo dục lòng tự hào dân tộc, lòng yêu nước thiết tha. Điều này không có nghĩa là đề

---

[1] Việt sử thông giám cương mục tiền biên, tập I. Nxb Văn, Sử, Địa, Hà Nội, 1957, tr. 11.

cao dân tộc mình, coi thường dân tộc khác, dẫn tới chủ nghĩa sô vanh, vị quốc, đến sai lầm về "thành phần chủ nghĩa" khi đánh giá các anh hùng dân tộc, như Hồ Chí Minh đã chỉ rõ[1].

Về vấn đề đánh giá nhân vật lịch sử, cần "ghi công lao của các vị anh hùng dân tộc"; tuy xuất thân trong giai cấp phong kiến, sống và phục vụ chế độ phong kiến, song họ "tiêu biểu cho một dân tộc anh hùng". Hơn nữa, "những vị anh hùng ấy vì nước, vì dân mà làm nên sự nghiệp kinh thiên động địa. Nhờ những vị anh hùng ấy mà nước ta được tự do, độc lập, lừng lẫy ở Á Đông"[2]. Xem xét công lao của các anh hùng dân tộc như vậy là phù hợp với quan điểm lịch sử, như V.I.Lênin đã khẳng định: "Khi xem xét công lao lịch sử của các vĩ nhân, người ta không căn cứ vào chỗ họ không cống hiến được gì với thời đại chúng ta, mà căn cứ vào chỗ họ đã cống hiến được gì mới so với các bậc tiền bối của họ"[3].

Về giá trị, ý nghĩa của truyền thống dân tộc, tinh thần yêu nước, cần nhận thức rằng, truyền thống dân tộc, tinh thần yêu nước là tình cảm thiêng liêng nhất, những bài học kinh nghiệm vô giá không chỉ về mặt tinh thần mà trong hành động thực tiễn, cho nên không chỉ trân trọng, gìn giữ các giá trị này mà còn phải phát huy trong cuộc sống. Truyền thống dân tộc, tinh thần yêu nước trở thành sức mạnh vô song khi nó thâm nhập vào quần chúng. Tài năng của các anh hùng dân tộc khi được nhân dân tin theo, ủng hộ sẽ phát huy tác dụng lớn, như trường hợp Quang Trung.

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 6, tr. 171-172.

[2] Sđd, tập 3, tr. 216.

[3] Trích theo Phan Ngọc Liên (chủ biên): *Phương pháp luận sử học*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000, tr. 200.

Trong mối quan hệ giữa con người với nhau, ngoài phạm vi gia đình, đất nước, còn có nhân loại. Cho nên không thể đem tình yêu Tổ quốc, đồng bào đối lập với tình thương đồng loại, nhất là đối với những người cùng khổ đau vì sự áp bức, bóc lột của bọn thống trị. Giai cấp thống trị đã âm mưu chia rẽ người trong một nước, những người bị áp bức trên thế giới để họ đánh lẫn nhau. Về điều này, Hồ Chí Minh đã viết: "Ngày nay chủ nghĩa đế quốc đã tiến tới trình độ hoàn bị gần như khoa học. Nó dùng những người vô sản da trắng để chinh phục những người vô sản các thuộc địa. Sau đó, nó lại dùng những người vô sản ở thuộc địa này đi đánh những người vô sản ở thuộc địa khác. Sau hết, nó dựa vào những người vô sản ở các thuộc địa để thống trị những người vô sản da trắng[1].

Vì vậy, cần phải tiến hành giáo dục lòng yêu nước chân chính kết hợp chặt chẽ với tinh thần quốc tế giữa nhân dân bị áp bức, giữa giai cấp vô sản với nhân dân bị áp bức trên thế giới. Việc giáo dục cho thế hệ trẻ lòng yêu nước chân chính kết hợp với tinh thần quốc tế theo gương Bác Hồ là một nguyên tắc phương pháp luận cần tuân thủ trong việc giáo dục tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa cho học sinh.

Thứ ba, trong giáo dục, chúng ta cần chú ý mối quan hệ giữa truyền thống dân tộc và truyền thống cách mạng. Truyền thống dân tộc hoàn toàn thống nhất với truyền thống cách mạng của nhân dân Việt Nam. Truyền thống dân tộc có từ lâu đời, được hình thành, củng cố và phát triển trong quá trình dựng nước và giữ nước. Truyền thống cách mạng của nhân dân ta ra đời trên cơ sở truyền thống dân tộc, từ khi

---

[1] Sđd, tập 1, tr. 246.

giai cấp công nhân xuất hiện và đấu tranh cho độc lập dân tộc, chống sự áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản. Truyền thống cách mạng được phát huy từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Nội dung của truyền thống cách mạng, bao gồm những nét cơ bản, chủ yếu của truyền thống dân tộc trong quá trình dựng nước và giữ nước, nổi bật là lòng yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất, kiên cường, tinh thần lao động hăng say, sáng tạo. Đồng thời truyền thống cách mạng Việt Nam cũng phản ánh những phẩm chất tốt đẹp, tinh thần cách mạng của giai cấp công nhân trong nước và trên thế giới. Đó là chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phẩm chất, đạo đức của người cộng sản; sự quyết tâm thực hiện lý tưởng cộng sản chủ nghĩa theo sự phát triển hợp qui luật của xã hội loài người.

Truyền thống dân tộc là cơ sở quan trọng bậc nhất của truyền thống cách mạng; truyền thống cách mạng lại nâng cao, làm phong phú truyền thống dân tộc, đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, giải phóng dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội. Do đó, truyền thống cách mạng được thể hiện ở sự kết hợp giữa lòng yêu nước, tinh thần quốc tế vô sản, lòng yêu chủ nghĩa xã hội và quyết tâm đấu tranh xóa bỏ mọi hình thức người bóc lột người.

Qua tài liệu, *chúng ta còn cần lưu ý học sinh mối quan hệ giữa truyền thống dân tộc và truyền thống cách mạng chung của cả nước với truyền thống của địa phương.*

Dân tộc Việt Nam là đại gia đình gồm trên 50 cộng đồng dân tộc anh em đã chung sống với nhau trong một tiến trình lịch sử từ lâu đời. Đất nước Việt Nam bao gồm nhiều địa phương, khu vực, tỉnh, thành, huyện, xã khác nhau. Vì vậy, trong những nét chung, mang tính phổ biến của mọi dân tộc,

mọi địa phương, lại có những nét riêng của mỗi tộc người, mỗi địa phương. Đây là mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng của một đất nước, dân tộc thống nhất. Mỗi một tộc người cũng mang những đặc điểm chung của truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng của cả nước. Mỗi địa phương là hình ảnh thu nhỏ của đất nước. Tuy nhiên, do những điều kiện cụ thể về tự nhiên, xã hội, con người mà ở mỗi tộc người, mỗi địa phương lại có những nét riêng biệt, làm cho cái chung được phong phú, đa dạng hơn. Truyền thống nói chung, truyền thống cách mạng nói riêng ở một địa phương, một tộc người, trước hết và chủ yếu, thể hiện rõ nét truyền thống của dân tộc, đất nước với những đặc điểm riêng của mình.

Đảng ta nhiều lần nêu rõ mối quan hệ biện chứng giữa chung và riêng trong truyền thống dân tộc và truyền thống cách mạng; đồng thời phê phán mạnh mẽ các bệnh "cục bộ", "địa phương chủ nghĩa", "dân tộc hẹp hòi", tạo nguy cơ phá vỡ sự thống nhất đất nước, gây ra sự chia rẽ, làm suy kiệt khối đoàn kết dân tộc, tính thống nhất đất nước. Trong "*Thư gửi các đồng chí Trung Bộ*" (1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Phải kiên quyết tẩy sạch những khuyết điểm", trong đó có bệnh địa phương chủ nghĩa, "chỉ chăm chú lợi ích của địa phương mình mà không nhìn đến lợi ích của toàn bộ. Do khuyết điểm đó mà sinh ra những việc, xem qua thì hình như không quan hệ gì mấy, kỳ thực rất có hại đến kế hoạch chung"[1].

Thứ tư, để giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng chung và truyền thống địa phương cho học sinh

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 5, tr. 74.

cần thực hiện nguyên tắc sư phạm là dựa vào sự tự nguyện, tự giác của đối tượng giáo dục và phương châm lý luận gắn với thực tế, học đi đôi với hành.

Truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng vừa là tình cảm, vừa là lý trí, cho nên trong việc giáo dục cần tránh áp đặt, cưỡng bức, mệnh lệnh mà phải thuyết phục, làm cho học sinh, thế hệ trẻ, nhân dân tự nguyện tiếp nhận, suy nghĩ, thấm nhuần và thực hiện. Các biện pháp giáo dục phải xây dựng trên nội dung vững chắc của môn học (ở đây là Lịch sử); khi nào nắm được những kiến thức khoa học, học sinh mới tiếp nhận được sự giáo dục tình cảm, lý trí. Việc giáo dục công thức sẽ dẫn tới sự hời hợt, không có tác dụng giáo dục. Về điểm này, Phạm Văn Đồng đã nêu rõ rằng, khi dạy học lịch sử "... chúng ta thấy được cái gì qua các thời đại lịch sử, và từ đó chúng ta rút ra được kết luận gì, bài học gì?. Mác, một nhà sáng lập ra chủ nghĩa Mác - Lênin đã vũ trang cho chúng ta một phương pháp đúng đắn để nghiên cứu lịch sử, từ đó rút ra những kết luận gì có ý nghĩa quan trọng, thiết thực.

... Lịch sử đâu có phải là một chuỗi sự kiện để người viết sử ghi lại, rồi người giảng sử đọc lại, người học sử lại học thuộc lòng"[1].

Lịch sử là bản thân cuộc sống. Truyền thống yêu nước được hình thành và phát triển trong cuộc sống lao động và đấu tranh, cho nên cần phải làm cho nó trở thành sức mạnh trong hoạt động thực tiễn. Do đó, tác động của giáo dục truyền thống yêu nước không giới hạn ở truyền thụ kiến thức, càng không phải ở việc nói lý luận chung chung mà

---

[1] Phạm Văn Đồng: *Mấy vấn đề về văn hoá - giáo dục*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986, tr. 185.

phải thể hiện trong hoạt động thực tiễn của cuộc sống. Về ý nghĩa, tác dụng của việc dạy học lịch sử đối với giáo dục học sinh, trong đó có giáo dục truyền thống yêu nước, Phạm Văn Đồng nêu rõ: "... Ở đây, tôi nhấn mạnh sự liên quan, sự đồng nhất giữa đức dục và trí dục; bởi vì, các đồng chí thường tách rời hai mặt đó một cách máy móc, chứ không thấy chỗ khác nhau giữa hai mặt ấy.

Phải dạy sử như thế nào? Nhất định chúng ta phải dạy sử chứ? Không thể ba hoa về chính trị. Ở đây ta không cần nói chính trị nữa, cả lịch sử nước ta là một sự cổ vũ vô cùng sâu xa. Dạy sử cho tốt thì sẽ tạo cho thanh niên ta say mê và tự hào về dân tộc một cách đúng đắn, không hề tự kiêu, không hề nảy sinh chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi"[1].

Một số nguyên tắc phương pháp luận và phương pháp dạy học nêu trên mà chúng tôi rút ra từ quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng sẽ là cơ sở lý luận, bài học, kinh nghiệm thực tiễn để tiến hành giáo dục truyền thống yêu nước xã hội chủ nghĩa cho học sinh.

Viêc giáo dục truyền thống yêu nước qua dạy học lịch sử ở trường phổ thông được thực hiện trong nội dung môn học, ở các khâu trình bày bài mới, củng cố, sơ kết, hệ thống hóa kiến thức và kiểm tra, đánh giá; được tiến hành qua các hình thức dạy học trên lớp và các hoạt động ngoại khóa theo hướng phát huy tính tích cực học tập của học sinh. Chỉ có "tích cực hóa" việc sử dụng tài liệu thì mới góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục truyền thống yêu nước xã hội chủ nghĩa cho học sinh.

---

[1] Sđd, tr. 195.

2. Phương pháp giáo dục lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa cho học sinh trong giờ nội khoá

Trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông, không có bài riêng về lý luận "truyền thống yêu nước xã hội chủ nghĩa". Vấn đề này được trình bày xuyên qua nhiều bài học lịch sử.

Chúng tôi cho rằng, trong những bài lịch sử sau đây có thể sử dụng nhiều hình thức để giáo dục truyền thống yêu nước xã hội chủ nghĩa cho học sinh. Đó là:

- Những bài về lao động sản xuất, sáng tạo văn học, nghệ thuật.

- Những bài về đấu tranh chống ngoại xâm, giành độc lập dân tộc.

(Hai loại bài trên thể hiện rõ vai trò quyết định, công lao to lớn của quần chúng nhân dân trong công cuộc dựng nước và giữ nước).

- Những bài về các anh hùng dân tộc, các chiến sĩ cách mạng những nhân vật lịch sử biết dựa vào quần chúng nhân dân, hành động hợp qui luật phát triển của xã hội, thể hiện tài trí của mình trên các lĩnh vực của đời sống.

- Những bài về lịch sử địa phương, hoặc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương vào giảng dạy các bài lịch sử dân tộc có liên quan.

Thứ nhất, những bài về lao động sản xuất, sáng tạo văn học, nghệ thuật.

Trong chương trình hiện hành, loại tài liệu này không nhiều, đặc biệt trong các khoá trình lịch sử trước Cách mạng, mà nó tập trung nhiều vào thời kỳ sau Cách mạng tháng Tám 1945.

Trong các bài học về chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp lần thứ nhất và thứ hai, về chính sách kinh tế của Pháp trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ trương và hành động cướp bóc của quân phiệt Nhật Bản..., chúng ta có thể sử dụng nhiều tài liệu của Hồ Chí Minh để giáo dục học sinh lòng căm thù quân cướp nước. Ví như khi trình bày về việc thực dân Pháp cướp ruộng đất của nông dân để lập đồn điền trong thời kỳ khai thác thuộc địa lần thứ hai (từ năm 1919), giáo viên trích dẫn câu "... Khi Pháp đánh chiếm thuộc địa này, chiến tranh đã làm cho nông dân phải rời bỏ làng mạc của họ. Sau đó, khi họ trở về thì thấy ruộng đất của họ bị bọn chủ đồn điền, theo sau quân đội chiến thắng chiếm mất. Thậm chí chúng đã chia nhau cả những đất đai mà nông dân bản xứ đã cày cấy từ bao đời nay. Như vậy là nông dân An Nam đã biến thành nông nô và buộc phải cày cấy ruộng đất của chính mình cho bọn chủ nước ngoài"[1].

Khi sử dụng câu này, giáo viên cần nhắc lại, hướng dẫn học sinh tìm hiểu một số thuật ngữ, khái niệm trong câu có "màu sắc lịch sử" (tức là nội dung của nó phản ánh sự kiện, không khí lịch sử lúc bấy giờ), như "chủ đồn điền", "nông dân bản xứ", "nông dân An Nam", "nông nô", "chủ nước ngoài". Chỉ từng ấy thuật ngữ, khái niệm mà học sinh đã biết hay mới tiếp xúc cũng gợi lên cho các em sự hiểu biết nhất định về lịch sử lúc bấy giờ.

Tiếp đó, giáo viên hướng dẫn học sinh suy nghĩ, "đặt vấn đề", trao đổi, thảo luận để hiểu nội dung bài học. Tùy theo

---

[1] Từ đây, những đoạn trích các tác phẩm của Hồ Chí Minh đều lấy trong quyển *"Những vấn đề lịch sử trong tác phẩm Hồ Chí Minh"*, Sđd, số trang trích được đặt trong dấu ngoặc đơn ( ).

yêu cầu và trình độ học sinh ở cấp Trung học cơ sở hay Trung học phổ thông; tùy theo điều kiện, nhận thức của học sinh từng lớp, ở các vùng khác nhau, các năm học khác nhau mà "đặt vấn đề" (thể hiện ở các câu hỏi) khác nhau. Trên đại thể, qua câu trích dẫn trên có thể đặt các loại câu hỏi sau đây: "Vì sao nông dân phải rời làng mạc của họ?". "Mối quan hệ giữa bọn chủ đồn điền và quân đội xâm lược như thế nào trong việc cướp ruộng đất của nông dân?". "Việc nông dân phải cày cấy ruộng đất của mình cho bọn chủ đồn điền thực dân thể hiện tình hình của đất nước như thế nào?"... Qua trao đổi, thảo luận các vấn đề trên, học sinh sẽ hiểu rõ hơn tình hình cuộc sống của nhân dân (đa phần là nông dân) bị mất ruộng đất khi đất nước bị xâm lăng. Học sinh cũng nhận thức rằng, phát huy truyền thống dân tộc, họ sẽ vùng dậy đấu tranh chống bọn thực dân, bọn chủ đồn điền, tay sai, nhằm giải phóng Tổ quốc và giành quyền làm chủ ruộng đất từ lâu đời của mình.

Trong kiểm tra bài cũ (viết hay miệng), giáo viên có thể cho học sinh dùng câu trích dẫn trên của Hồ Chí Minh, bài viết sách giáo khoa và các tài liệu tham khảo khác để minh họa cụ thể tình hình nông dân bị cướp ruộng đất, việc mở rộng đồn điền của thực dân Pháp và giải thích đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới cuộc đấu tranh mạnh mẽ của nông dân.

Thứ hai, những bài về đấu tranh chống xâm lược, được đề cập trong rất nhiều loại tài liệu *để từ việc giáo dục lòng yêu nước truyền thống đến giáo dục lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa*, hai mức độ khác nhau nhưng liên quan chặt chẽ với nhau.

Ví như, khi trình bày về cuộc đấu tranh đòi thả nhà yêu nước Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt ở Trung Quốc, đưa về nước để xử án một cách bí mật, giáo viên hướng dẫn học sinh đọc một đoạn tài liệu của Hồ Chí Minh: "... Bọn mật thám Pháp bắt cụ Phan Bội Châu ở Thượng Hải. Cụ là một nhà lão thành yêu nước xuất dương từ 20 năm nay. Người ta đưa cụ về Bắc Kỳ để xử án. Mặc dù Chính phủ Pháp giữ bí mật vụ bắt bớ này, nhưng người An Nam ai cũng biết tin. Một phong trào phản đối sôi nổi khắp nơi.

Khi Varên đến Bắc Kỳ, sinh viên biểu tình đòi thả nhà lão thành cách mạng bị bắt giữ. Họ mang cờ và biểu ngữ để kêu gọi:

"Ân xá cho cụ Phan Bội Châu!", "Đả đảo chế độ thực dân tàn bạo!".

Đây là lần đầu tiên người ta được thấy một sự kiện như vậy ở Đông Dương. Varên buộc phải ân xá cho cụ Phan Bội Châu, nhưng vẫn bí mật giám sát cụ"[1].

Tài liệu trích dẫn nêu trên có thể sử dụng trong các trường hợp sau:

- Trong khi trình bày tài liệu mới, giáo viên đọc cho học sinh nghe để minh hoạ cụ thể về phong trào đấu tranh của nhân dân đòi thả Phan Bội Châu.

- Sau khi trình bày xong bài học mới, giáo viên hướng dẫn học sinh tự đọc câu này để củng cố những kiến thức vừa tiếp nhận qua lời giảng của thầy, qua sách giáo khoa.

- Dùng để kiểm tra bài cũ.

---

[1] Hồ Chí minh: Toàn tập,Sđd, tập 2, tr. 152.

Việc sử dụng các loại tài liệu trong bất cứ trường hợp nào nêu trên, giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh nắm vững, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi về một số vấn đề và tự trả lời:

- "Phan Bội Châu là ai?". "Vì sao thực dân Pháp bắt cụ và dự định xử án bí mật?". "Vì sao chúng không dám xử án công khai? Chúng sợ gì?".

- "Vì sao nhân dân nổi dậy chống đối tức thời và mạnh mẽ?".

- "Hình thức đấu tranh chủ yếu của nhân dân là gì?".

- "Kết quả của cuộc đấu tranh?".

- "Cuộc đấu tranh của nhân dân đòi thả cụ Phan Bội Châu chứng tỏ điều gì?".

- "Chúng ta học tập được bài học gì qua cuộc đấu tranh của nhân dân đòi thả Phan Bội Châu?"...

Những vấn đề đặt ra như trên có thể dùng để gợi ý cho học sinh suy nghĩ, hiểu sâu hơn sự kiện lịch sử này, để minh họa cho các sự kiện cụ thể đang học, hoặc là một trong những câu hỏi để kiểm tra (nói, viết).

Dưới sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh phát huy tính tích cực để tiếp thu kiến thức mới, đào sâu suy nghĩ những vấn đề cơ bản được đặt ra, trả lời các câu hỏi kiểm tra. Việc sử dụng tài liệu Hồ Chí Minh khi dạy học bài "*Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp trong những năm 1919-1929*", cần đạt mấy yêu cầu sau:

- Hiểu sâu nội dung bài học: vai trò của Phan Bội Châu trong phong trào yêu nước, chống Pháp vào đầu thế kỷ XX, sức mạnh của phong trào nhân dân chống pháp, mối quan hệ giữa quần chúng nhân dân và cá nhân trong lịch sử...

- Phát triển năng lực tư duy của học sinh trong việc nêu và giải quyết vấn đề để nhận thức sâu sắc hơn lịch sử đang học.

- Gắn việc học lịch sử quá khứ với hiện tại.

- Rèn luyện, bồi dưỡng và phát triển kỹ năng sử dụng tài liệu trong dạy học lịch sử.

- Bồi dưỡng tình cảm, lòng kính yêu các nhà yêu nước, truyền thống đấu tranh yêu nước của nhân dân và suy nghĩ về trách nhiệm của mình đối với đất nước ngày nay.

Thứ ba, sử dụng các loại tài liệu khi dạy học các anh hùng dân tộc, nhân vật lịch sử. Một nội dung cơ bản của khóa trình lịch sử ở trường phổ thông là làm rõ công lao, hoạt động của các anh hùng dân tộc. Ở các lớp 4 và lớp 5, trong phần "*Lịch sử*" của môn "*Tự nhiên và xã hội*", học sinh có nhiều bài học riêng về các anh hùng dân tộc. Ở các lớp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông, học sinh không có bài học riêng về anh hùng dân tộc hay các nhân vật lịch sử (tích cực hay phản diện) mà tìm hiểu qua những sự kiện lịch sử lớn. Học sinh cần nhận thức những vấn đề cơ bản sau đây:

- Sự xuất hiện của một anh hùng dân tộc, một nhân vật lịch sử tuy có những yếu tố ngẫu nhiên, song xét đến cùng là một hiện tượng hợp qui luật, nhằm đáp ứng những yêu cầu, nhiệm vụ mà lịch sử đặt ra lúc bấy giờ.

- Mối quan hệ chặt chẽ giữa cá nhân và quần chúng trong lịch sử. Cá nhân có thể góp phần thúc đẩy sự phát triển của lịch sử, trong những trường hợp nhất định có thể ngăn trở, thậm chí làm lùi bước tiến lịch sử, song không thể nào ngăn lịch sử phát triển. Quần chúng nhân dân là chủ nhân thực sự của lịch sử, sáng tạo nên mọi giá trị tinh thần, vật chất cho

xã hội, là động lực chủ yếu của sự phát triển xã hội. Tuy nhiên, cá nhân - nhất là các nhà yêu nước tiến bộ, cách mạng, các anh hùng, vĩ nhân – cũng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển xã hội. Song, tác động của cá nhân đối với lịch sử tùy thuộc ở động cơ hoạt động, ở thái độ, ở mối liên hệ với nhân dân; cá nhân nào hành động hợp quy luật lịch sử thì sẽ thành công, được quần chúng tin yêu, ngược lại sẽ thất bại.

- Bồi dưỡng lòng biết ơn các anh hùng dân tộc đã hy sinh mình cho lợi ích của dân tộc, đất nước; giáo dục lòng kính yêu các chiến sỹ cách mạng, cộng sản.

Tùy theo yêu cầu và trình độ học sinh mỗi lớp, mỗi cấp mà việc sử dụng các loại tài liệu trong dạy học lịch sử có những hình thức, mức độ khác nhau.

Thứ tư, giáo dục lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa qua dạy học lịch sử địa phương. Như đã trình bày, lịch sử địa phương, là hình ảnh thu gọn của lịch sử dân tộc, nên việc hiểu lịch sử địa phương góp phần hiểu sâu sắc hơn lịch sử dân tộc. Đối với những tài liệu có liên quan đến lịch sử địa phương chúng ta sưu tầm, sử dụng để nâng cao chất lượng bài học lịch sử. Công việc này được tiến hành với các hình thức sau đây:

- Trong *bài lịch sử dân tộc*, nếu có đoạn tài liệu nào nhắc đến địa phương mình thì lưu ý học sinh sử dụng để giáo dục lòng tự hào quê hương. Ví như, khi nói về phong trào cách mạng 1930-1931 và Xô Viết Nghệ - Tĩnh, giáo viên dạy lịch sử ở các trường trung học hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh có thể sử dụng các tài liệu lịch sử địa phương dể nói rõ hơn.

- Trong bài học lịch sử địa phương, trên lớp hay tại thực địa, cần hướng dẫn học sinh tìm hiểu, sưu tầm các tài liệu liên quan.

3. Giáo dục lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa trong hoạt động ngoại khoá

Vấn đề này có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng dạy học lịch sử ở trường phổ thông. Trong phạm vi chuyên đề này, chúng tôi sơ bộ nêu một số vấn đề:

Thứ nhất, giới thiệu cho học sinh đọc và trình bày những bài thơ, văn liên quan đến lịch sử Việt Nam từ 1919 đến nay, như các tài liệu về Bác Hồ, về Đảng, nhân dân, quân đọi cách mạng... Học sinh có thể ngâm thơ, đọc văn trong các dạ hội lịch sử; phân tích rút ra những điều bổ ích về tài liệu, sự kiện, quan điểm, tư tưởng, khái quát lý luận lịch sử... để bồi dưỡng lòng kính yêu, tư tưởng cách mạng chủ nghĩa xã hội sẽ tất thắng.

Thứ hai, dùng các đoạn trích để tự học ở nhà, khi ôn tập bài cũ, chuẩn bị bài mới, tiến hành việc kiểm tra (vấn đề này đã có một chuyên đề khác trình bày, chúng tôi không nhắc lại).

Thứ ba, trong công tác xã hội, dùng các loại tài liệu để tuyên truyền, phổ biến trong nhân dân; tiến hành sưu tầm tài liệu thành văn, truyền miệng, hiện vật để biên soạn lịch sử địa phương, lịch sử Đảng bộ..., xây dựng nhà truyền thống.

Để giáo dục truyền thống yêu nước xã hội chủ nghĩa trong dạy học lịch sử, chúng ta có thể sử dụng nhiều hình thức, biện pháp sư phạm khác. Những vấn đề này đã được trình bày trong nhiều tài liệu về phương pháp dạy học, chúng tôi không trình bày thêm. Ở đây, xin được lưu ý một số hình thức, biện pháp cần được tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, trong khuôn khổ chương trình, kế hoạch dạy học lịch sử.

Thứ nhất, công tác công ích xã hội là một biện pháp thực hiện phương châm "học đi đôi với hành", "lý luận gắn với thực tiễn" trong dạy học lịch sử. Trong dạy học lịch sử, cần phải rèn luyện kỹ năng thực hành bộ môn nhằm khôi phục bức tranh lịch sử để hiểu sâu sắc quá khứ và thực hành trong cuộc sống, tức vận dụng kiến thức lịch sử đã học vào nhận thức và hoạt động xã hội và qua thực tiễn làm phong phú hơn kiến thức được tiếp thụ.

Công tác công ích xã hội rất phong phú, bao gồm việc phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước – sử dụng các kiến thức lịch sử, tiến hành việc sưu tầm các loại tài liệu lịch sử ở địa phương, tham gia công tác thu thập tài liệu về các liệt sỹ mất tích – thường được gọi là "đi tìm địa chỉ đỏ"; xây dựng nhà truyền thống, biên soạn lịch sử địa phương, tổ chức các ngày kỷ niệm trong năm (của dân tộc và địa phương), chăm sóc nghĩa trang liệt sỹ, di tích lịch sử... Công việc này gắn liền với việc học tập lịch sử, không chỉ nâng cao kiến thức mà còn bồi dưỡng, nâng cao việc giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống địa phương, tăng thêm lòng yêu nước, yêu quê hương, xác định trách nhiệm đối với quê hương.

Thứ hai, các hoạt động ngoại khoá như dạ hội lịch sử, xây dựng phòng học bộ môn, phòng truyền thống của trường, trò chơi, đố vui lịch sử, triển lãm, báo tường nhân các ngày lễ lớn, tham quan di tích, "hành quân theo bước chân người anh hùng"... Các hình thức này rèn luyện kỹ năng thực hành bộ môn, nâng cao kiến thức, tư tưởng trong học lịch sử.

Thứ ba, các loại bài tập để đánh giá, kiểm tra một cách đầy đủ, sâu sắc nhận thức và khả năng hành động của học sinh khi học lịch sử, trong đó có việc xem xét nhận thức của học sinh về truyền thống yêu nước.

*

* *

Giáo dục lòng yêu nước nói chung, yêu nước xã hội chủ nghĩa nói riêng là một bộ phận quan trọng của giáo dục truyền thống dân tộc. Môn Lịch sử có sở trường và khả năng giáo dục lòng yêu nước cho học sinh. Tuy nhiên, kết quả giáo dục tuỳ thuộc không ít vào các phương tiện, phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, thông minh, sáng tạo của học sinh để đạt được hiệu quả cao về nhận thức và hành động thực tiễn.

TẠO BIỂU TƯỢNG VỀ NHÂN VẬT LỊCH SỬ ĐỂ GIÁO DỤC TƯ TƯỞNG, TÌNH CẢM CHO HỌC SINH

TS Đặng Văn Hồ*

Lịch sử là lịch sử của quần chúng nhân dân, nhưng cá nhân, đặc biệt các anh hùng, các nhà yêu nước, tiến bộ có vai trò không nhỏ trong sự phát triển xã hội. Vì vậy, việc tạo biểu tượng chân xác về các nhân vật lịch sử có ý nghĩa giáo dục rất lớn.

I. VAI TRÒ VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC TẠO BIỂU TƯỢNG CÁC NHÂN VẬT LỊCH SỬ TRONG GIÁO DỤC HỌC SINH

Sự thống nhất giữa tạo biểu tượng và hình thành khái niệm trong học tập lịch sử là một trong những đặc điểm chung của phát triển tư duy. Trong học tập lịch sử, cũng như ở các môn khác, hai quá trình này vừa tiến hành một cách độc lập, vừa gắn liền nhau trong một thể tự nhiên của quá trình giáo dục. Diễn đạt lại ý của Avarông, Sácđacốp trong cuốn *"Tư duy học sinh"* khẳng định: *"Không có khái niệm nào dù là trừu tượng đến mấy mà không chứa đựng trong nó nội dung cảm tính nào đó, và không có hình tượng nào dù là cụ*

* Khoa Lịch sử - trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế.

thể đến mấy mà không hướng vào từ – tức chữ viết.... Nhờ có từ mà học sinh tự gợi ý ra những biểu tượng cần thiết đối với các em. Ngoài ra, nhờ có từ mà học sinh có thể liên hợp những biểu tượng đã có của mình thành những hình ảnh khác nhau, tạo ra những hình tượng bóng bẩy, ẩn dụ..."[1].

Những điều nêu trên về vai trò, ý nghĩa của biểu tượng nói chung cũng đúng với biểu tượng nhân vật lịch sử. Mỗi nhân vật lịch sử đều đại diện cho một giai cấp nhất định. Nhiều đặc điểm cá nhân tiêu biểu là đặc trưng chung cho giai cấp mà cá nhân phục vụ. Cho nên, trong học tập lịch sử, phải hình dung một cách tương đối đầy đủ và rõ ràng từng nhân vật cụ thể, qua đó hiểu bản chất của từng giai cấp, hay tầng lớp xã hội nhất định. Việc lý giải các quan hệ xã hội của các cá nhân thông qua những hiện tượng lịch sử giúp học sinh hình thành được các khái niệm *"giai cấp","đấu tranh giai cấp"* và *"cách mạng"*. Các em hiểu rằng, hoạt động của một nhân vật lịch sử, nhất là những nhân vật đại diện cho quyền lợi dân tộc, nhân loại đều phản ánh ở mức độ nhất định lịch sử của dân tộc, của đông đảo quần chúng nhân dân. Nó có tác dung cụ thể hóa một sự kiện lịch sử, làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản của lịch sử dân tộc. Trong bài viết này, chúng tôi giới hạn ở các nhân vật lịch sử trong khóa trình lịch sử Việt Nam.

Khi học về lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ XX, trên cơ sở khắc hoạ hình ảnh về cụ Phan Châu Trinh, làm cho học sinh hiểu rằng, với hoạt động đấu tranh cứu nước rất sôi nổi song cụ đã thất bại, rơi vào cảnh *"hoa như sắp tàn, hiềm vì quốc phá gia vong, dù hơi tàn cũng phải gào cho hả dạ, may ra có*

---

[1] M. N. Sácđacốp: *Tư duy học sinh*, tập 1, Sđd, tr. 43-44.

tỉnh giấc hôn mê"[1]. Hoặc biểu tượng về cụ Phan Bội Châu, với những hoạt động yêu nước sôi nổi, kết thúc cuộc đời với cảnh *"thân cá chậu chim lồng"*, bị giam lỏng ở Bến Ngự (Huế). Qua đó, học sinh sẽ hình dung được phong trào yêu nước chống Pháp vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX *"dường như trong đêm tối không có đường ra"*.

Tạo được biểu tượng đúng về nhân vật lịch sử, sẽ giúp học sinh tránh dược sai lầm của bệnh *"hiện đại hóa lịch sử"*, những nhận thức chủ quan, phiến diện và những đánh giá, nhận định tình hình thiếu cơ sở khoa học.

Những biểu tượng chân thật và sinh động về các nhân vật lịch sử sẽ giúp học sinh nhận thức đúng vai trò của cá nhân trong lịch sử và mối quan hệ giữa cá nhân với quần chúng nhân dân. Về mối quan hệ này, Ph. Ăngghen từng nói: *"Sự xuất hiện của một vĩ nhân là do yêu cầu của lịch sử, cho nên nếu chúng ta phế bỏ người đó đi thì lại xuất hiện sự đòi hỏi phải có một người khác thay thế và người thay thế này sẽ xuất hiện - thích hợp ít hay nhiều, nhưng cuối cùng thì cũng xuất hiện"*[2].

Quan điểm phương pháp luận này không chỉ có ý nghĩa quan trọng cho việc nghiên cứu lịch sử mà còn đối với việc học tập lịch sử của học sinh.

Về mặt tình cảm, đạo đức, biểu tượng lịch sử nói chung, biểu tượng nhân vật lịch sử nói riêng có tác dụng không nhỏ đối với học sinh. Bởi vì, khi nhận thức về hiện thực quá khứ,

---

[1] Đức Vượng, Nguyễn Văn Khoan: *Hành trình cứu nước của Bác Hồ*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1990, tr. 40.

[2] C. Mác, Ph. Ăngghen: Tuyển tập, tập 2. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1971, tr. 615.

các em không chỉ tri giác (nghe, nhìn, biết...) mà còn có những "rung động", "rạo rực", "xao xuyến". Những hiện tượng tâm lý đó thể hiện sự *"nhập thân vào lịch sử"*, biểu thị thái độ của học sinh đối với những gì mà các em nhận thức được.

Biểu tượng về lịch sử nói chung, biểu tượng về nhân vật lịch sử nói riêng có nhiều ưu thế trong việc giáo dục tư tưởng, tình cảm cho học sinh. Bởi vì khả năng giáo dục tình cảm của lịch sử bắt nguồn từ một sự thật: *"Trong khoa học lịch sử rõ ràng là có những yếu tố nghệ thuật"*. Khi biểu tượng tham gia vào hoạt động của tư duy thì *"tư duy trở nên sinh động, gợi cảm, say sưa, hồi hộp và khẩn trương. Điều này góp phần làm cho việc vạch ra nội dung khái niệm của đối tượng tư duy được đầy đủ, sâu sắc hơn. Đồng thời biểu tượng mở rộng làm phong phú thêm ý, làm cho nó có sức mạnh thuyết phục trực tiếp và sự hấp dẫn đầy cảm xúc"*[1].

Khi đó ảnh hưởng của kiến thức lịch sử, của biểu tượng về nhân vật lịch sử đã *"có hiệu lực"*. Vì nó *"tác động không những lên trí tuệ mà vào cả tâm hồn và tình cảm"*. Không phải ngẫu nhiên mà Sácđacốp xem biểu tượng nói chung, biểu tượng nhân vật lịch sử nói riêng đã *"góp phần phát triển hứng thú, lý tưởng, niềm tin... hình thành xu hướng cộng sản trong cá nhân học sinh"*[2].

Qua các bài học lịch sử, những hành động anh hùng của những người tranh đấu quên mình vì sự nghiệp giải phóng nhân dân khỏi ách áp bức, nô lệ, vì hạnh phúc và hòa bình cho nhân dân lao động, có sức lôi cuốn hùng hồn, sôi nổi đối với học sinh, gây cho các em cảm xúc lịch sử sâu đậm. Từ

---

[1] M.N. Sácđacốp: *Tư duy học sinh*, Sđd, tr. 70.

[2] Sđd, tr. 77.

những xúc cảm lịch sử đó góp phần hình thành ở các em sự kính phục, lòng tự hào đối với các vĩ nhân, và trong những hoàn cảnh nhất định nó thổi những ngọn lửa cách mạng vào tuổi trẻ. Bởi vì, *"trẻ thường biểu hiện cảm xúc trong khi tri giác trực tiếp các sự vật, hiện tượng cụ thể, hấp dẫn"*[1]. Trái lại, những biểu tượng phản ánh hoạt động của các nhân vật đại diện cho giai cấp thống trị đã hết vai trò tiến bộ, trở thành phản động, đi ngược lại quyền lợi của quần chúng lao động, hành động của họ nếu không là nguyên nhân gây ra thảm cảnh cho nhân dân lao động thì cũng ảnh hưởng tiêu cực đến xu hướng phát triển của xã hội, sẽ gây ra phản ứng ngược lại từ phía học sinh, sẽ khơi dậy ở các em sự căm ghét hành vi hung bạo, độc ác của các nhân vật đó. Rõ ràng việc tạo biểu tượng về các nhân vật lịch sử, đã làm cho những tình cảm yêu, ghét của các em được xác định rõ rệt. Vì vậy, việc tạo biểu tượng lịch sử nói chung, biểu tượng về nhân vật nói riêng, ngoài *khả năng tái tạo lịch sử quá khứ,* còn có *"chức năng điều chỉnh hành động"*[2]. Đó là ý nghĩa to lớn của việc tạo biểu tượng về lịch sử nói chung và biểu tượng nhân vật nói riêng.

Về tác dụng phát triển tư duy, biểu tượng nói chung và biểu tượng nhân vật lịch sử nói riêng, là một trong những phương tiện quan trọng làm cho *"hoạt động trí tuệ"* của học sinh không ngừng phát triển. Bởi vì, trong khi *"lĩnh hội những kiến thức khoa học, hoàn thành nhiệm vụ nhận thức thì đồng thời học sinh cũng phát triển năng lực nhận thức*

---

[1] Phạm Minh Hạc (chủ biên): *Tâm lý học*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1991, tr. 127.

[2] P.A. Rudich: *Tâm lý học*, bản dịch. Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội, 1986, tr. 184-185.

của mình"[1]. Cũng như tri giác, biểu tượng được hoàn thiện và phát triển dần trong quá trình giáo dục ở nhà trường và trong cuộc sống. Từ các biểu tượng không đầy đủ, không có phân biệt, không đúng, không rõ ràng và ít liên quan sẽ tiến đến xây dựng những biểu tượng rành mạch, rõ ràng, có phân biệt, đúng và có liên quan với nhau. Vì vậy, các biểu tượng nói chung, biểu tượng nhân vật lịch sử nói riêng góp phần vào việc phát triển tư duy của học sinh. Trong mỗi khóa trình lịch sử, không chỉ có một nhân vật, mà có một số nhân vật tiêu biểu cho thời dại. Những hoạt động của họ góp phần tạo nên bức tranh toàn vẹn của lịch sử. Cho nên, khi học tập, học sinh có biểu tượng đầy đủ về một nhân vật chủ yếu và một số nhân vật khác có liên quan nhờ khả năng tưởng tượng. Như vậy, biểu tượng nói chung, biểu tượng nhân vật nói riêng là *phương tiện kích thích sự phát triển trí tưởng tượng của học sinh.*

Biểu tượng lịch sử nói chung, biểu tượng nhân vật nói riêng không chỉ khôi phục lại diện mạo lịch sử dưới dạng cảm tính, mà còn được dùng để phân tích, khái quát, giải thích các hiện tượng lịch sử. Ở một mức độ nào đó, *biểu tượng tiến gần đến các khái niệm sơ đẳng, là cơ sở vững chắc để học sinh lĩnh hội các tri thức lý luận khái quát, hiểu sâu sắc bản chất sự kiện, nêu quy luật, rút bài học lịch sử, góp phần bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, đạo đức cách mạng, hoàn thiện nhân cách và phát triển năng lực tư duy lịch sử cho học sinh.*

Học tập lịch sử là quá trình lao động trí tuệ, nhưng người học tiếp nhận kiến thức cơ bản mà các nhà nghiên cứu đã xác

---

[1] M.A. Đanilốp, M.N. Xcatkin: *Lý luận dạy học ở trường phổ thông*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1980, tr. 57.

định. Vì vậy, việc khám phá tri thức mới đối với người học nhờ có sự hướng dẫn, tổ chức của thầy giáo mà rút ngắn được thời gian tiếp nhận kiến thức khoa học theo chương trình quy định. Để có biểu tượng về nhân vật, sự kiện lịch sử, giáo viên phải tác động vào trí óc của học sinh, làm nảy nở nhu cầu nhận thức lịch sử ở các em; tiếp đó, giáo viên tổ chức các hoạt động học tập, giúp cho học sinh có định hướng trong nghiên cứu các nguồn tư liệu, sử dụng đồ dùng trực quan, để từng bước xây dựng nội dung biểu tượng, làm cơ sở cho việc hình thành các khái niệm lịch sử.

Do dó, quá trình *tạo biểu tượng không phải là quá trình giáo viên độc thoại,* đem lại hình ảnh về sự kiện, nhân vật để học sinh ghi nhớ mà cần phải phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh. Mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh là mối quan hệ giữa người hướng dẫn sự nhận thức và chủ thể nhận thức. Xuất phát từ nhu cầu nhận thức của học sinh, căn cứ đặc điểm nhận thức của họ, dựa vào mục đích, yêu cầu của bài học mà giáo viên vận dụng các phương pháp phù hợp với từng nội dung cụ thể của bài học để đề ra "phương án nhận thức" cho học sinh. Trên cơ sở định hướng của giáo viên, học sinh trực tiếp tìm hiểu tài liệu học tập, chủ yếu là bài viết trong sách giáo khoa và tài liện tham khảo do giáo viên cung cấp, học sinh sưu tầm. Việc nghiên cứu tài liệu thường kết hợp với việc sử dụng các loại phương tiện dạy học... để tạo biểu tượng cụ thể, rõ nét.

Hoạt động nhận thức chủ động, tích cực của học sinh nhằm hình thành biểu tượng lịch sử thông qua quá trình hoạt động dạy học có thể được minh họa ở sơ đồ sau của Trần Viết Lưu trong Luận án Tiến sĩ tâm lý sư phạm (1999).

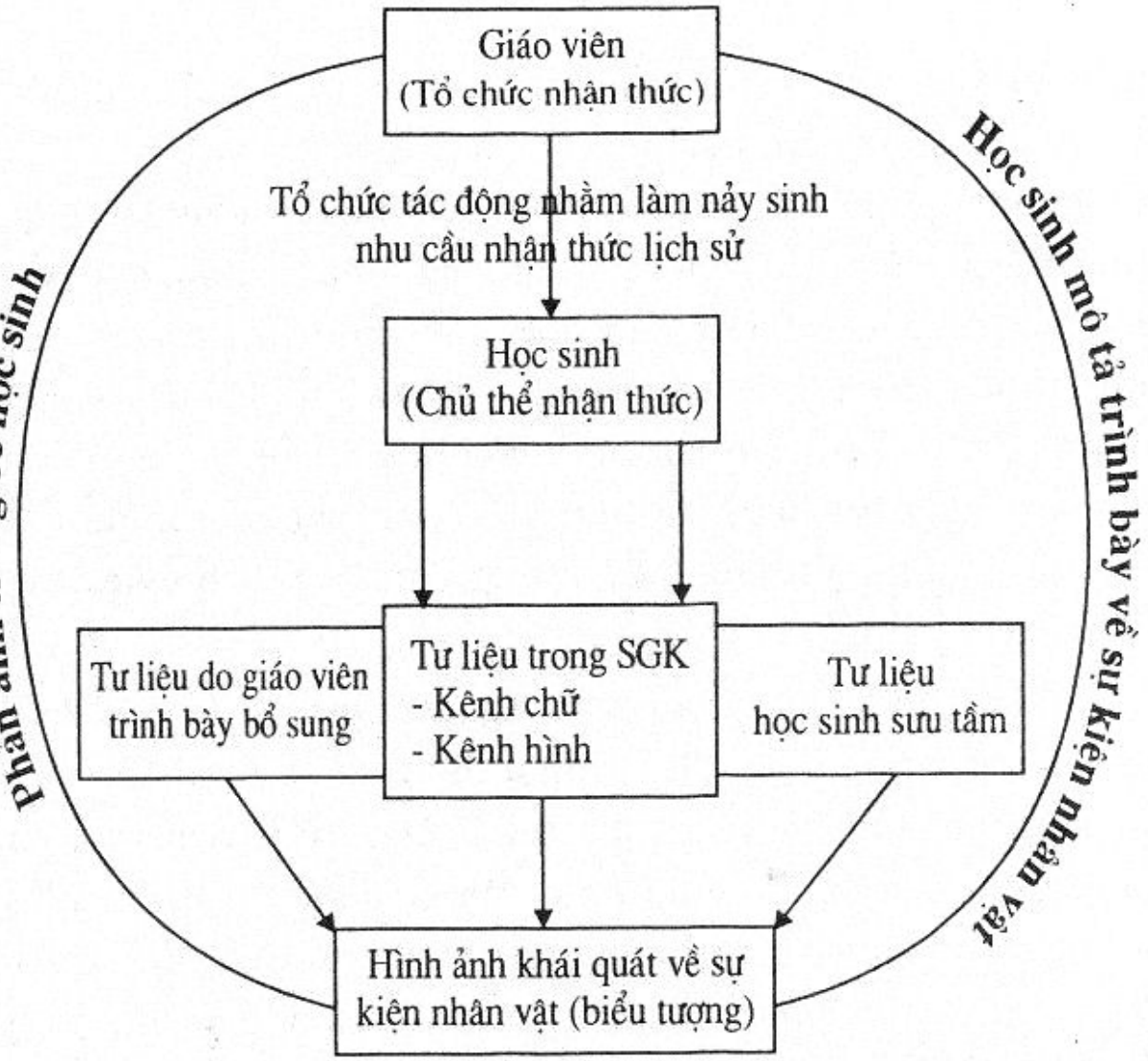

Nhìn vào sơ đồ trên, chúng ta thấy rằng, chủ thể của quá trình tạo biểu tượng chính là học sinh, còn giáo viên là người tổ chức hoạt động nhận thức lịch sử của người học. Điều đó bước đầu đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đáp ứng được yêu cầu: *"Dạy sử cũng như bất cứ dạy cái gì đòi hỏi người thầy phải khêu gợi cái thông minh chứ không phải là bắt buộc cái trí nhớ làm việc, bắt nó ghi chép rồi tả lại"*[1].

Tóm lại, từ việc phân tích vai trò của biểu tượng nói chung, biểu tượng nhân vật lịch sử nói riêng, có thể rút ra một số nhận xét:

---

[1] N.G. Đairi: *Chuẩn bị giờ học lịch sử như thế nào?* Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1978, tr. 3.

Tạo biểu tượng lịch sử là giai đoạn nhận thức cảm tính của học sinh, biểu tượng chính là cơ sở cho hình thành khái niệm, quy luật, bài học lịch sử ở mức đơn giản, phù hợp với nhận thức của học sinh. Bởi vì, *"Trong quá trình nhận thức, tư duy nhất thiết phải sử dụng nguồn tài liệu phong phú do nhận thức cảm tính mang lại. Dù tư duy có khái quát đến đâu thì trong nội dung của tư duy cũng vẫn chứa đựng những thành phẩm cảm tính"*[1].

Những biểu tượng sinh động về sự kiện, nhân vật được hình thành trong học tập bộ môn thực sự là những minh chứng cụ thể về người thực,việc thực, tiêu biểu cho những giá trị truyền thống, tinh thần của con người Việt Nam.

II. PHƯƠNG PHÁP TẠO BIỂU TƯỢNG NHÂN VẬT LỊCH SỬ

1. Các nguyên tắc

Tạo biểu tượng nhân vật lịch sử thuộc phạm trù tạo biểu tượng lịch sử. Vì vậy, cũng phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản sau:

Thứ nhất, phải căn cứ vào đặc điểm hoạt động nhận thức của học sinh Trung học phổ thông

Học sinh Trung học phổ thông bước vào lứa tuổi đầu thanh niên hoạt động nhận thức có những điểm khác với học sinh Trung học cơ sở. Trước hết, trình độ tư duy lôgic của các em phát triển, các thao tác tư duy ngày càng hoàn thiện.

---

[1] B.P. Exipốp (chủ biên): *Những cơ sở lý luận dạy học*, tập 2. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1977, tr. 96.

Bước đầu đã hình thành ở các em ý kiến riêng trong của hoạt động nhận thức.

Về mặt tình cảm, các em bắt đầu có những rung động sâu sắc đối với các quan hệ gia đình, xã hội, nhà trường và nhất là sự rung động về những cái đẹp trong cuộc sống, trong văn hóa, nghệ thuật, lịch sử. Vì vậy, trong việc dạy học lịch sử nói chung, trong giảng dạy các sự kiện về hoạt động cách mạng của các nhân vật nói riêng phải chú ý đến việc sử dụng các phương pháp dạy học mới, mang tính chất nghiên cứu.

Thứ hai, phải tuân thủ lý luận nhận thức theo quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin

Giảng các sự kiện về hoạt động cách mạng của các nhân vật lịch sử Việt Nam phải đảm bảo nguyên tắc "từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, đến thực tiễn". Muốn vậy, phải đảm bảo tính khoa học của việc dạy học lịch sử. Tính khoa học thể hiện ở hai mặt chủ yếu:

- *Thứ nhất*, cung cấp cho học sinh những sự kiện cơ bản, chính xác.

- *Thứ hai*, trên cơ sở các sự kiện, tạo biểu tượng về hoạt động của các nhân vật, từ đó rút ra những kết luận khái quát, phản ánh đúng bản chất sự kiện.

Đạt được yêu cầu này, học sinh mới hình dung được sự kiện "lịch sử cụ thể", khắc phục những sai lầm của việc "hiện đại hóa" lịch sử.

Lý luận nhận thức của chủ nghĩa Mác - Lênin đòi hỏi khi giảng các sự kiện phản ánh hoạt động của các nhân vật phải đặt họ trong bối cảnh lịch sử, trong quá trình vận động và phát triển lúc bấy giờ và phải có thái độ khách quan, khoa

học trong việc đánh giá công lao, vai trò của họ. Muốn vậy, phải xác định cho được mối quan hệ giữa các sự kiện phản ánh hoạt động của nhân vật với các sự kiện phản ánh tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc.

Thứ ba, phải xuất phát từ đặc điểm bộ môn Lịch sử là đối tượng nghiên cứu không có trước mắt

Do đó, phải đảm bảo tính hình ảnh cụ thể của nội dung sự kiện, đảm bảo tính trực quan trong dạy học lịch sử. Tính trực quan ở đây biểu hiện thông qua lời nói gợi tả, có hình ảnh sinh động, kết hợp với việc sử dụng các phương tiện trực quan, như quan sát, phân tích chân dung các nhân vật cho gọn, song có sức gợi tả, lôi cuốn được học sinh.

Thứ tư, phải chú ý đến mục đích giáo dục tư tưởng, tình cảm và phát triển nhân cách của học sinh trong quá trình giảng dạy các sự kiện phản ánh hoạt động của các nhân vật

Nghiên cứu các sự kiện phản ánh hoạt động của nhân vật là nắm vững đồng thời ba yếu tố:

- Sự kiện khách quan (chân lý).

- Kết luận khoa học về sự kiện (quá trình phản ánh hiện thực khách quan).

- Giải thích sự kiện nhằm mục đích giáo dục lý tưởng, niềm tin, định hướng, động cơ hành động (từ bản chất sự kiện).

Nắm vững ba yếu tố ấy sẽ góp phần giải quyết mối quan hệ giữa tài liệu, sự kiện với khái quát lý luận, qnan hệ giữa tính tư tưởng và tính khoa học của việc nghiên cứu, học tập. Giáo dục tư tưởng - chính trị phải xuất phát từ nội dung khoa học của sự kiện.

Ngoài những nguyên tắc chung nói trên, việc tạo biểu tượng nhân vật lịch sử cũng phải chịu sự chi phối của những yêu cầu và biện pháp sư phạm riêng của nó.

2. Những yêu cầu và biện pháp sư phạm cụ thể để tạo biểu tượng các nhân vật lịch sử

Biểu tượng các nhân vật lịch sử gắn liền với các sự kiện trong sách giáo khoa. Đây là biểu tượng về hoạt động cách mạng, vì vậy khi tạo biểu tượng về hoạt động của họ cần phải chú ý các yêu cầu sau:

Thứ nhất, đối với những nhân vật mà cuộc đời và sự nghiệp của họ gắn với quá trình phát triển lâu dài của lịch sử dân tộc, ví như, Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, phải tạo các biểu tượng cụ thể phản ánh từng hoạt động cụ thể của nhân vật, trên cơ sở đó, liên kết các biểu tượng cụ thể để rút ra kết luận khái quát về hoạt động của nhân vật.

Thứ hai, đối với những nhân vật mà cuộc đời và sự nghiệp chỉ gắn với một hoặc vài sự kiện thì nêu đặc điểm nhân vật để phản ánh nội tâm, tính cách của nhân vật.

Thứ ba, phải nắm vững yêu cầu của lịch sử để chọn hoạt động cần nêu ra của nhân vật. Đây là tình huống xuất hiện của nhân vật.

Trong tình huống đó, phải nêu rõ đặc điểm của thời đại, không phải chỉ nêu khái quát mà phải bằng những số liệu cụ thể, sự kiện cụ thể. Ví như, trường hợp xuất hiện của Phạm Hồng Thái với tiếng bom Sa Diện, Nguyễn Thái Học với việc hô vang khẩu hiệu *"Việt Nam muôn năm"* trước khi lên đoạn đầu đài, đã thể hiện sự bế tắc và cáo chung của con đường cứu nước theo hệ ý thức tư sản, mặc dầu hành động của họ rất anh hùng, đáng lưu danh muôn thuở.

Thứ tư, phải nắm vững tính cách riêng của nhân vật để chọn hành động lịch sử cần nêu lên của họ. Ví như, Phan Đình Phùng, một con người cương trực, thẳng thắn và hết lòng yêu nước. Tuy bất mãn với hành động độc đoán của Tôn Thất Thuyết ở sự kiện *"Tứ Nguyệt tam Vương"*, bị Tôn Thất Thuyết cách chức, phải về quê ở ẩn, nhưng khi Tôn Thất Thuyết thay mặt vua Hàm Nghi, phát hịch Cần vương thì ông nhanh chóng hưởng ứng, chiêu mộ nghĩa binh nổi dậy kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Thứ năm, trên cơ sở quán triệt các yêu cầu nói trên, để việc tạo biểu tượng về hoạt động cách mạng của các nhân vật có hiệu quả, cần phải sử dụng hệ thống phương pháp dạy học lịch sử cụ thể (phương pháp sử dụng đồ dùng trực quan, phương pháp sử dụng tài liệu, dạy học nêu vấn đề...); *đồng thời phải sử dụng hai thủ pháp sư phạm là nêu hình ảnh tương đồng và nêu hình ảnh tương phản.* Ví như, khi tạo biểu tượng về Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, phải tường thuật, miêu tả để tạo dựng hai hình ảnh, một hình ảnh Hồ Chí Minh giản dị, hiền từ và hình ảnh quần chúng nhân dân chăm chú nghe từng lời của Người. Chính hai hình ảnh tương đồng đó đã cho ta nhận xét khái quát là toàn dân Việt Nam đoàn kết xung quanh Chính phủ Hồ Chí Minh. Và đấy là một trong những nguyên nhân cơ bản tạo nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam, của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Thứ sáu, tạo biểu tượng các nhân vật lịch sử Việt Nam (1858-1945) bằng cách kết hợp lời nói sinh động, giàu hình ảnh của giáo viên với các phương tiện trực quan

Theo lối dạy học truyền thống (thầy đọc, trò chép; thầy thông báo, trò nghe), lời nói của giáo viên là phương tiện chính, gần như duy nhất, cung cấp thông tin. Ngày nay, theo quan niệm dạy học hiện đại, các nhà nghiên cứu đã nêu một

nguyên tắc sư phạm chung *"Thầy nói ít, trò làm việc nhiều"*. Điều đó chứng tỏ lời nói của giáo viên vẫn có vai trò quan trọng trong dạy học, song cần rút gọn hơn, giành thời gian vào việc phát triển hoạt động tích cực của học sinh. Về vấn đề này, nhà giáo dục I. F. Kharlamop đã nhấn mạnh ý kiến của N.K.Krúpxcaia: "Trong các nhà trường tối tân nhất, không được vứt bỏ nó (phương pháp dùng lời nói), đó là phương pháp dạy học tự nhiên, truyền đạt tư tưởng bằng lời nói". Đồng thời ông cũng nêu rõ mối quan hệ cần thiết của lời nói với các phương tiện trực quan: *"Lời nói sinh động của giáo viên, kết hợp với tính trực quan có hiệu quả to lớn trong việc dạy học"*[1].

Ví như, khi tường thuật hình ảnh Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội Tua (12-1920), có thể sử dụng đoạn trích phản ánh câu trả lời của Nguyễn Ái Quốc khi đồng chí Rôza (người nữ thư ký ghi biên bản tốc ký của Đại hội), cần kết hợp với việc cho học sinh xem bức ảnh Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội Tua để làm sáng tỏ ý nghĩa quan trọng của hành động này.

Sử dụng lời nói trong việc tạo biểu tượng lịch sử có thể tiến hành trong các trường hợp sau:

- Dùng lời nói để dẫn đề bài học (giới thiệu bài mới), nhằm tạo cho học sinh hứng thú ban đầu, chuẩn bị tâm thế, tập trung vào bài học.

- Dùng lời nói để mô tả, tường thuật, kể chuyện về nhân vật, nhằm cung cấp thêm tư liệu sinh động, phong phú, tạo hình ảnh khách quan, đa dạng, làm cho học sinh dường như được "chứng kiến", "tham dự" việc xảy ra trong quá khứ. Trong trường hợp này, lời nói của giáo viên cần đạt được các yêu cầu:

---

[1] I. F. Kharlamop: *Phát huy tính tích cực học tập của học sinh như thế nào*? Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1970, tr. 105.

+ Rõ ràng, ngắn gọn, mang tính chất thông báo khi trích dẫn tài liệu từ các văn bản hoặc sách giáo khoa. Ví như, khi giảng sự kiện vua Hàm Nghi bị bắt vì sự phản bội của Trương Quang Ngọc, có thể trích câu nói sau đây để làm rõ tính cách của ông vua yêu nước này: *"Mày giết tao đi, còn hơn đưa tao về nộp cho Tây"*.

+ Sinh động, giàu hình ảnh khi kể chuyện, minh họa, làm nổi bật nội dung các biểu tượng. Ví như, hình ảnh của Lương Ngọc Quyến thà hy sinh chứ không nỡ để đồng đội vì sự tàn phế của mình mà lỡ việc; Đội Cấn thà dùng súng tự sát chứ không chịu để sa vào tay giặc; Nguyễn Tri Phương thà nhịn đói mà chết chứ không chịu hàng giặc; Nguyễn Đình Chiểu kiên trinh, một lòng yêu nước trước cám dỗ của kẻ dịch với câu trả lời khảng khái: *"Đất chung đã mất, đất riêng còn có được không"*

+ Phối hợp các phương pháp trực quan (đúng lúc) để tái hiện sự kiện, nhân vật, làm tăng tính biểu cảm bằng lời của giáo viên, giúp học sinh có thêm hình ảnh lịch sử để tri giác.

Thứ bảy, tạo biểu tượng các nhân vật lịch sử thông qua việc cho học sinh tự mình trình bày các hiểu biết lịch sử.

Theo quan điểm dạy học hiện đại, học sinh trở thành chủ thể của sự tự nhận thức. Tuy nhiên, việc tự nhận thức của học sinh đòi hỏi phải có 3 diều kiện: sự hướng dẫn, tổ chức của giáo viên, các phương tiện học tập, sự nỗ lực của bản thân và học hỏi bạn bè. Vì vậy, việc học sinh tự trình bày hiểu biết lịch sử (qua sử dụng sách giáo khoa, đọc thêm tài liệu, hiểu biết từ cuộc sống) để các bạn nghe và tranh luận sẽ góp phần không nhỏ vào sự hình thành biểu tượng trong mỗi bài lịch sử. Điều này hoàn toàn phù hợp với quan điểm của A. Dixtevee *"Không nên quên một nguyên lý sau đây, chúng ta chỉ hiểu rõ cái mà chúng ta có khả năng diễn tả bằng lời*

nói. Không có một phương tiện nào đúng đắn hơn để dành cho bản thân và cho người khác những kiến thức khúc chiết và những tư tưởng rõ ràng bằng cách buộc mình và những người khác diễn tả tư tưởng của bản thân một cách công khai, sáng tỏ, xác định và nhanh chóng. Ai đã từng quan sát bản thân cũng biết rằng, chúng ta chỉ thực sự nắm vững hoàn toàn một biểu tượng hay một tư tưởng nào đó khi tìm thấy những từ thích hợp nhất để diễn tả chúng"[1].

Trong khi tham gia vào quá trình tạo biểu tượng, có hai loại trình bày của học sinh cần được chú trọng: Trình bày theo nội dung sách giáo khoa và các tài liệu tham khảo, trình bày kiến thức thu được trong cuộc sống.

Trình bày theo nội dung sách giáo khoa và các tài liệu tham khảo nhằm giải quyết các nhiệm vụ nhận thức do giáo viên đặt ra theo bài học. Việc trình bày này cũng là một loại bài tập giúp học sinh biết khai thác nội dung sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, tiếp nhận, sàng lọc thông tin lịch sử để biến nó thành nhận thức, phát biểu theo suy nghĩ riêng của mình. Yêu cầu của việc trình bày này là:

+ Học sinh phải biết nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu tham khảo ở nhà.

+ Khi báo cáo tranh luận với bạn, học sinh phải biết diễn đạt ngắn gọn, rõ ràng, chủ yếu nêu được ý, có thái độ khiêm tốn, tiếp thu.

Học sinh trình bày những hiểu biết của mình thu được trong cuộc sống (nghe đài, xem tivi, xem phim, nghe người khác kể...) để bài học được sinh động, phong phú. Yêu cầu của việc trình bày này là:

---

[1] Dẫn theo I. F. Kharlamop, Sđd, tr. 69.

+ Nắm vững kiến thức tiếp thu từ cuộc sống dưới dạng thông báo, thông tin, rồi kể tóm tắt những chi tiết có tác dụng bổ trợ cho bài học.

+ Liên hệ kiến thức đã học với thực tế cuộc sống, hoặc nêu những vấn đề chưa hiểu khi tiếp nhận tri thức lịch sử.

+ Có phương pháp trình bày gọn, rõ các kết quả thu được qua học tập.

Ví như, qua chuyện kể về lòng yêu nước, thương dân của các chiến sĩ chống Pháp, có thể đặt cho học sinh suy nghĩ: Thái độ của phong kiến nhà Nguyễn và của nhân dân đối với thực dân Pháp khác nhau ở điểm nào?

Thứ tám, sử dụng tranh, ảnh lịch sử để tạo biểu tượng các nhân vật lịch sử Hy Lạp cổ đại.

Tranh, ảnh lịch sử (bao gồm tranh minh họa đương thời, tranh minh họa hiện thời và ảnh tư liệu) là loại đồ dùng dạy học có tính giá trị trực quan cao trong dạy học lịch sử. Bởi vì, đối với học sinh, việc quan sát hình ảnh cụ thể sẽ mang lại nhận thức chính xác, sinh động về sự kiện, nhân vật. Trên cơ sở đó tạo cho các em cảm xúc lịch sử mạnh mẽ, sâu sắc.

Trong điều kiện hiện nay, khi các loại phương tiện trực quan màn ảnh, như phim đèn chiếu, video, phim tư liệu... chưa phổ biến thì tranh, ảnh lịch sử càng có vai trò chủ đạo trong các phương tiện trực quan để tạo biểu tượng lịch sử.

Tuy nhiên, qua khái quát thực tế ở các trường phổ thông và qua kết quả điều tra của nhiều tác giả khác, việc sử dụng tranh, ảnh trong dạy học lịch sử còn rất hạn chế. Hầu hết giáo viên chưa hiểu hết giá trị của tranh, ảnh lịch sử còn rất lúng túng khi sử dụng tranh, ảnh (hoặc để học sinh tự quan sát và suy ngẫm mà không hướng dẫn; hoặc chỉ đưa tranh và

giới thiệu tên bức tranh mà không đề cập đến nội dung). Như vậy, việc sử dụng tranh, ảnh lịch sử chỉ là hình thức, không làm cho giờ học sinh động, phong phú. Để khắc phục tình trạng đó, khi sử dụng tranh, ảnh lịch sử để tạo biểu tượng, giáo viên cần đạt được các yêu cầu sau:

- Chọn tranh, ảnh lịch sử phản ánh trung thực nội dung sự kiện để có tác dụng cao nhất trong việc khắc họa biểu tượng nhân vật lịch sử.

- Chuẩn bị tốt phương án sử dụng tranh ảnh (sử dụng khi nào? Đặt ở vị trí nào? Minh họa - thuyết minh ra sao?). Khi sử dụng cần chú ý:

+ Giải thích xuất xứ tranh, ảnh.

+ Miêu tả tranh.

+ Rút ra kết luận khái quát.

Loại tranh, ảnh có giá trị khắc họa biểu tượng cần tạo theo nội dung bài học, phải là tranh, ảnh trực tiếp (tư liệu sao chép từ bản gốc, hoặc minh họa vào thời điểm gần với việc xảy ra sự kiện). Khi sử dụng tranh, ảnh, phải treo một bên tường hoặc hai bên tường gần kề bảng. Tùy nội dung của bài mà sử dụng tranh, ảnh để giới thiệu, khai thác nội dung, hoặc củng cố bài; tùy theo mục đích sử dụng mà giới thiệu các vấn đề để học sinh hiểu rõ.

Ví như, sử dụng bức ảnh "Bác Hồ đọc Tuyên ngôn độc lập ở Quảng trường Ba Đình". Để tạo biểu tượng sinh động về Bác Hồ qua sự kiện này, phải tiến hành các thao tác sư phạm sau:

- Treo ảnh tư liệu "Bác Hồ đọc Tuyên ngôn độc lập" lên bảng đen và giải thích xuất xứ (ảnh gốc, hay tranh minh

họa). Mô tả nội dung bức ảnh (trên lễ đài Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước nghiêm trang, giản dị; bên dưới lễ đài, nhân dân chăm chú nghe từng lời của Bác. Đọc một đoạn, Bác dừng lại và hỏi: "Tôi nói đồng bào có nghe rõ không?". Tất cả quần chúng đồng thanh trả lời: "Rõ").

- Rút ra kết luận: Qua bức ảnh em có suy nghĩ gì?

Thứ chín, trên cơ sở tạo biểu tượng về các hoạt động cụ thể của nhân vật, liên hợp các biểu tượng để có nhận thức khái quát về hoạt động của nhân vật lịch sử.

Ví như, tạo biểu tượng về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc giai đoạn 1919-1930, cần tiến hành các thao tác sau:

Tạo các biểu tượng cụ thể phản ánh các sự kiện: 1919, 7-1920; 12-1920, 1921, 1922, 1923, 1924, 1925, 1928, 3-2-1930.

Từ các biểu tượng cụ thể nói trên, liên kết lại để có nhận thức khái quát: Chính Nguyễn Ái Quốc là người chuẩn bị trực tiếp về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam sau này.

3. Các thao tác và trình tự các khâu của việc tạo biểu tượng về hoạt động của các nhân vật lịch sử ở bài lịch sử nội khóa

Việc tạo biểu tượng về hoạt động của các nhân vật lịch sử Việt Nam gắn liền với quá trình dạy học lịch sử ở trường Trung học phổ thông, được tiến hành ở hai hình thức dạy học: nội khóa và ngoại khóa. Như đã giới hạn ở phần mở đầu, ở đây chúng tôi chỉ trình bày các khâu và các thao tác dạy học ở hình thức nội khóa và chủ yếu cũng chỉ ở dạng bài: cung cấp kiến thức mới.

Ở bài cung cấp kiến thức mới, việc tạo biểu tượng về hoạt động của các nhân vật lịch sử Việt Nam phải tuân thủ những thao tác, cũng như trình tự các khâu dạy học theo quan điểm lý luận dạy học hiện đại.

Thứ nhất, phải định hướng nội dung biểu tượng cần khắc họa theo mục đích, yêu cầu của chương, của tiết học, hay một phần của tiết học. Nghĩa là xác định mục đích hoạt động của nhân vật trong mối liên hệ với mục đích của tiết học.

Ví như, giảng về hoạt động của các nhân vật lịch sử, ở bài "Phong trào cách mạng Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất", nội dung biểu tượng cần khắc họa là những cống hiến của các nhà hoạt động cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Sở dĩ phải xác định như vậy, bởi vì mục tiêu của bài là trình bày các xu hướng vận động của cách mạng Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

Thứ hai, bằng nhiều phương tiện trực quan và các thao tác sư phạm khác nhau giúp học sinh khôi phục lại những hình ảnh cụ thể, sinh động về các sự kiện đã diễn ra trong quá khứ, phản ánh hoạt động của các nhân vật lịch sử.

Tiến hành các thao tác dạy học lich sử nói trên, thực chất là *giáo viên giúp học sinh biết sự kiện lịch sử đã diễn ra như thế nào.*

Thứ ba, tổ chức, gợi mở cho học sinh tự giải quyết các vấn đề học tập qua những cuộc trao đổi, thảo luận dưới sự hướng dẫn của giáo viên để giúp các em nhận thức những nét cơ bản về hoạt động của các nhân vật lịch sử.

Ví như, khi trình bày sự xuất hiện của Nguyễn Ái Quốc, cần gợi mở để học sinh đi đến những nhận thức có tính chất khái quát:

- *Sự xuất hiện của Nguyễn Ái Quốc là do yêu cầu đòi hỏi của lịch sử.* Xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã rơi vào khủng hoảng trầm trọng về giai cấp lãnh đạo và đường lối cách mạng. Lịch sử đang cần một con người đứng ra để giải quyết yêu cầu đó, và Nguyễn Ái Quốc đã xuất hiện, đúng như C. Mác đã nói: "Mỗi thời đại, xã hội đều cần có những con người vĩ đại của nó, và nếu không có những người như thế thì... thời đại sẽ sáng tạo ra con người như thế"[1].

- Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã đứng về phía nhân dân, đảm bảo quyền lợi cho nhân dân lao động. Chính vì thế mà Nguyễn Ái Quốc được tôn vinh.

Những kết luận khái quát nói trên, nếu học sinh nhận thức được tức là giáo viên đã giúp học sinh hiểu sâu sắc nội dung lịch sử.

Thứ tư, tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả nhận thức và hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, hình thành ở các em năng lực hoạt động thực tiễn.

Dạy học lịch sử nói chung, tạo biểu tượng về hoạt động của các nhân vật lịch sử nói riêng theo từng khâu và các thao tác sư phạm nói trên, thực chất là đã đáp ứng 2 cấp độ nhận thức trong dạy học lịch sử: "Từ ***biết*** để đi đến ***hiểu*** lịch sử".

*

* *

Tạo biểu tượng lịch sử nói chung, nhân vật lịch sử nói riêng, là cơ sở để học sinh hình thành khái niệm, hiểu sâu sắc lịch sử, có tác dụng giáo dục rất lớn. Những điều trình bày trên được thực tiễn dạy học lịch sử xác nhận.

---

[1] C. Mác, Ph. Ăngghen: Tuyển tập, tập 2, Sđd, tr. 28.

GIÁO DỤC CHO HỌC SINH TÂY NGUYÊN LÒNG KÍNH YÊU BÁC HỒ QUA DẠY HỌC LỊCH SỬ DÂN TỘC

TS Phan Văn Bé*

Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân Việt Nam, vị anh hùng của dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hoá kiệt xuất của thế giới. Cuộc đời và sự nghiệp sáng chói của Người đã nêu tấm gương cho mọi thế hệ chúng ta noi theo.

Học tập tư tưởng - đạo đức Hồ Chí Minh được Đảng và nhân dân ta đặt ra từ lâu, trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc cũng như trong sự nghiệp xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trong phạm vi bài này, chúng tôi trình bày một vấn đề về nhiệm vụ của bộ môn là giáo dục lòng yêu nước, kính trọng các anh hùng dân tộc. Ở đây là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Môn Lịch sử có ưu thế và sở trường trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục này. Việc giáo dục lòng kính yêu đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh càng có nhiều thuận lợi qua dạy học lịch sử. Bởi vì, cuộc đời và sự nghiệp của Người đã được thể hiện cụ thể qua các trang sách lịch sử và đã đi sâu vào tâm trí các tầng lớp nhân dân, trong đó có thế hệ trẻ. Tuy nhiên, công việc này

---

* Phó Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo Đắc Lắc.

cũng gặp một số trở ngại nhất định khi tiến hành việc giáo dục qua dạy học lịch sử ở các trường Tây Nguyên. Đó là học sinh các dân tộc Tây Nguyên ít hiểu biết về lịch sử (địa phương và dân tộc), lại bị các thế lực phản động, thù địch tìm mọi cách xuyên tạc lịch sử để khơi động mâu thuẫn giữa các tộc người, phá hoại khối đoàn kết dân tộc.

Vì vậy, giáo dục lòng kính yêu Bác Hồ trong dạy học lịch sử là yêu cầu quan trọng, cấp thiết của giáo dục lòng yêu nước, lòng tin vào chủ nghĩa xã hội, vào Đảng, sự đoàn kết dân tộc và quyết tâm bảo vệ và xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở sự kiện lịch sử xác thực, cơ bản, điển hình, với phương pháp dạy học bộ môn phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ học sinh Tây Nguyên, chúng tôi tiến hành việc giáo dục này. Bài viết dựa vào những kinh nghiệm thực tiễn trong chỉ đạo công tác giáo dục nói chung, dạy học lịch sử nói riêng.

I. XÁC ĐỊNH KIẾN THỨC CƠ BẢN TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ ĐỂ GIÁO DỤC HỌC SINH

Dạy học lịch sử phải dựa trên cơ sở sự kiện. Thực hiện yêu cầu này, chúng tôi tiến hành các mặt giáo dục cụ thể sau đây, trên cơ sở tìm hiểu về Bác Hồ với Tây Nguyên và Tây Nguyên với Bác Hồ.

1. Tình cảm của Bác Hồ đối với đồng bào Tây Nguyên

Khi dạy lịch sử Việt Nam, kết hợp kiến thức về địa lý, giáo dục công dân ở các trường phổ thông Tây Nguyên, giáo viên làm cho học sinh hiểu rằng, Tổ quốc Việt Nam có 54 dân tộc, trong đó 52 dân tộc ít người. Trong số dân tộc ít người ấy, các dân tộc ở Tây Nguyên chiếm một tỷ lệ không nhỏ (dùng

bản đồ và bảng thống kê các dân tộc để minh hoạ). Từ lâu, các dân tộc chung sống, góp sức xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, đấu tranh giải phóng dân tộc.

Ngay từ khi còn trẻ, Nguyễn Tất Thành đã có ý thức không thể để cho đồng bào các dân tộc chịu cúi đầu, chịu làm nô lệ, phải ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Ý thức này ngày càng mở rộng, từ lòng thương yêu đồng bào, quê hương đến các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam, rồi đến nhân dân lao động bị áp bức toàn thế giới. Điều này được thể hiện ở sự kiện: Ở châu Âu, khi tham gia Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh: "Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đó là tất cả những điều tôi muốn..."[1], cũng như trong hoạt động thực tiễn, tư tưởng của Người khi đấu tranh với tư cách một chiến sỹ quốc tế.

Khi dạy bài "*Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*", giáo viên gợi cho học sinh nhận thấy trong "*Chính cương vắn tắt*" và "*Sách lược vắn tắt*", do Người khởi thảo tháng 10-1930, đã nêu rõ: "Đoàn kết dân tộc trên nguyên tắc bình đẳng, tương trợ để tranh thủ độc lập, tự do và hạnh phúc chung"[2].

Dạy học các bài Lịch sử từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, giáo viên có điều kiện khai thác nhiều sự kiện để học sinh nhận thấy tư tưởng, tấm lòng của Đảng và Bác Hồ đối với đồng bào các dân tộc, trong đó có đồng bào Tây Nguyên. Rõ nhất là "*Thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Plâyku*" (ngày 19-4-1946). Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc tài liệu này để thấy rõ rằng, khi đất nước giành được độc lập, để đảm bảo quyền bình đẳng cho đồng bào các dân tộc, chống lại tư tưởng dân tộc lớn, coi thường các dân tộc nhỏ, có

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 2, Sđd, tr. 176.

[2] Sđd, tập 3, tr. 25.

trình độ phát triển thấp hơn, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi các dân tộc "sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau"; "góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta"[1]. Sau này, Người khẳng định rằng: "Nước ta thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Các dân tộc anh em trong nước gắn bó ruột thịt với nhau trên một lãnh thổ chung và trải qua một lịch sử lâu dài cùng nhau lao động, đấu tranh để xây dựng Tổ quốc tươi đẹp..."[2].

Qua dạy học các bài lịch sử về thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, giáo viên hướng dẫn cho học sinh thấy rõ, nhân dân Tây Nguyên đã thực hiện tốt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người căn dặn: "Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Giarai hay Êđê, Xêđăng hay Bana và các dân tộc khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt, chúng ta sống chết có nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta, sông có thể cạn, núi có thể mòn nhưng tình đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt"[3].

Qua giảng dạy lịch sử địa phương các tỉnh Tây Nguyên, giáo viên nêu những lời dạy của Bác Hồ, thường xuyên nhắc nhở cán bộ, nhất là cán bộ dân tộc, phải nhận thức đúng nguyên nhân gây ra tình trạng nghèo khổ, lạc hậu của đồng bào các dân tộc miền núi. Đó là chính sách "ngu dân", "chia để trị" của bọn thực dân, đế quốc, nhằm kìm hãm đồng bào ta trong cảnh lầm than, khổ nhục để dễ bề cai trị. Điều này được

---

[1] Hồ Chí Minh, Sđd, tập 4, tr. 217, 218.

[2] Sđd, tập 9, tr. 125.

[3] Sđd, tập 4, tr. 126.

minh hoạ cụ thể bằng các sự kiện rút ra từ tài liệu lịch sử, văn học và tổ chức cho học sinh đi sưu tầm trong nhân dân.

Nhiều sự kiện khác đã nêu rõ, các dân tộc giúp đỡ nhau để cùng tiến bộ. Đây là điều kiện quan trọng nhất để thực hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc, như Người nhấn mạnh "Phải đoàn kết các dân tộc anh em, cùng nhau xây dựng Tổ quốc. Phải ra sức làm cho miền núi đuổi kịp miền xuôi, miền cao đến kịp miền thấp"[1]. Điều này được minh hoạ bằng những sự kiện cụ thể đang diễn ra trước mắt họ. Sự thực này sẽ làm cho các em thấy sự lừa dối, xuyên tạc của bọn phản động. Đồng thời cũng nêu và phân tích những sai lầm, thiếu sót không làm đúng lời dạy của Bác Hồ. Giáo viên dẫn ra mẩu chuyện: Trong thời kỳ chống Mỹ, có lần Bác đến thăm Trung đoàn bộ binh 120 do Y Blốck Êban làm Trung đoàn trưởng, Bác nói với Y Blốck: "Gần đây, một số anh em muốn về quê chiến đấu, đó là tình cảm của anh em đối với quê hương, phải động viên anh em học tập ... Nói cho anh em rõ Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác không bao giờ lại bỏ miền Nam, bỏ Tây Nguyên cho giặc đâu mà lo..."[2]. Câu nói này thể hiện tình cảm, tư tưởng của Người đối với miền Nam nói chung, đồng bào Tây Nguyên nói riêng, nó có tác dụng giáo dục lòng kính yêu của học sinh với Bác Hồ.

Để khắc sâu hơn nữa nhận thức về tư tưởng, tìnhcảm của Bác Hồ đối với các dân tộc Tây Nguyên đang chịu gian khổ, anh dũng chiến đấu, trong các giờ Lịch sử địa phương hay hoạt động ngoại khoá, giáo viên hướng dẫn học sinh đọc các

---

[1] Sđd, tập 2, tr. 402.

[2] Y Blốck Êban: *Đi trọn tuổi xanh*. Hội Cựu chiến binh Đăk Lăk, 1994, tr. 94.

hồi ký cách mạng, gặp gỡ các nhân chứng lịch sử, nhất là những người đã được gặp Bác Hồ. Ví như, chúng ta tổ chức cho học sinh nghe câu chuyện: ngày 20-8-1961, cụ Y Bih Alêô thay mặt nhân dân Tây Nguyên ra thăm Bác Hồ tại Hà Nội. Câu hỏi đầu tiên của Bác gói trọn biết bao niềm thương yêu đồng bào vô bờ bến: "Này chú, đồng bào Tây Nguyên ta trong đó có được khỏe mạnh không? có đủ cơm ăn, áo mặc không?"[1]. Đây là điều thể hiện chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, tư tưởng, tình cảm, đạo đức, nhân cách của Người; nó mãi mãi thấm sâu vào lòng đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, đặc biệt thế hệ trẻ, qua các giờ học tập lịch sử.

2. Học tập đạo đức của Hồ Chủ tịch: Nhớ về cội nguồn dân tộc

Qua các bài học lịch sử, học sinh không chỉ biết ơn, kính trọng Bác Hồ mà còn quyết tâm làm theo gương Bác, theo lời Bác dạy. Ở đây, chúng tôi giới hạn ở việc giáo dục tinh thần, ý thức dân tộc.

Các bài lịch sử cho học sinh thấy rằng, hơn bao giờ hết, Việt Nam đang làm sống dậy những truyền thống vẻ vang, những tinh hoa văn hóa cổ truyền của đất nước, trong đó có sự đóng góp xứng đáng của 61 tộc người thiểu số trong đại gia đình dân tộc Việt Nam.

Trong hơn 15 năm đổi mới, cùng những thành tựu không nhỏ của chính sách mở cửa, giao lưu quốc tế, đã có không ít những biểu hiện đáng lo ngại của tâm lý vọng ngoại, sùng ngoại, học đòi lối sống phương Tây của một số cán bộ, thanh niên. Thông qua các phương tiện nghe nhìn, băng video,

---

[1] Hồi ký Y Bih Alêô - Thông tin PT – Nhà TTTL - Đăk Lăk, 1990, tr. 22.

cassette, karaokê... "văn minh phương Tây" đang từng bước xâm thực, gặm nhấm, âm mưu triệt tiêu văn hóa dân tộc. Thật dễ hiểu vì sao một số học sinh dân tộc không biết đánh chiêng, không biết những bài khan nối tiếng của dân tộc mình như Đam San, Xinh Nhã, Đăm Di ... đã từng làm rung động hàng triệu con tim người đọc trong cả nước. Họ thích xem phim chưởng Hồng Kông, phim xã hội đen của Mỹ, băng nhạc hải ngoại ... hơn là xem, hoặc tham gia các lễ hội Cồng Chiêng, đua voi ... của cộng đồng mình.

Tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của dân tộc Việt (dân tộc Kinh) và các dân tộc khác trên thế giới trên cơ sở giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Vì "dân tộc nào làm mất đi bản sắc văn hóa của dân tộc mình, thì dân tộc đó không còn là chính mình nữa"[1]. Nhiệm vụ giáo dục cho học sinh tinh thần, ý thức dân tộc, bảo vệ và phát huy văn hoá truyền thống trở nên cấp thiết, khi mở rộng quan hệ giao lưu, hội nhập khu vực và thế giới. Môn Lịch sử có khả năng góp phần không nhỏ vào giáo dục điều này, khi quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nói đến tình yêu cội nguồn, giữ gìn bản sắc dân tộc, không ai tiêu biểu hơn Bác Hồ của chúng ta. Qua các tài liệu lịch sử đang học, học sinh thấy rõ rằng, gần 30 mươi năm sống xa Tổ quốc, đặt chân lên nhiều xứ sở khác nhau, tiếp thu nhiều lối sống, cách sống muôn màu, muôn vẻ từ Âu sang Á, từ Mỹ sang Phi..., tận mắt ngắm nhìn biết bao nền văn minh "rực rỡ" cũng như " lạc hậu", mà Bác của chúng ta vẫn có lối sống rất giản dị, vẫn giữ trọn vẹn tâm hồn, cốt cách, bản sắc Việt Nam, tiếp thu một cách chọn lọc tinh hoa của thế giới, chủ nghĩa Mác - Lênin, bổ sung, làm giàu cho

---

[1] Tạp chí Văn hoá Dân tộc, số 1, 1990.

tinh hoa, truyền thống dân tộc, tạo nên một nước Việt Nam văn minh - xã hội chủ nghĩa.

Khi dạy về hành động cách mạng của Người trong những ngày ở nước ngoài để tìm đường cứu nước, hoặc bị tù đày, giáo viên nêu cho học sinh thấy rõ, Bác vẫn luôn hướng về cội nguồn, về quê hương, Tổ quốc, với nỗi nhớ quê da diết:

"Năm tròn cố quốc tăm hơi vắng,

Tin tức bên nhà bữa bữa trông".

Học bài về "*Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng*", giáo viên dẫn câu chuyện: Tháng 9-1954, trước khi trở về tiếp quản Thủ đô, ngồi dưới đền Thượng vua Hùng, Bác đã nói với Đại đoàn quân Tiên phong:

"Bác cháu ta gặp nhau ở đây cùng một tấm lòng thành kính thăm đền thờ và mộ tổ, đó là một việc rất có ý nghĩa, uống nước nhớ nguồn, về đây các chú hãy nhớ điều đó. Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây, đó là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Các vua Hùng là tổ tiên của cả nước đã trải qua bao gian lao để dựng lên đất nước này mà ngày nay chúng ta thừa hưởng. Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước...."[1].

Qua câu nói này, giáo viên giáo dục cho học sinh bài học mà Bác Hồ đã nêu: đạo lý nhớ về cội nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây của dân tộc. Điều này đã thấm sâu vào tâm hồn, cốt cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Liên hệ với Văn học có thể nhắc học sinh nhớ rằng, trong thơ của Bác, hình ảnh đất

---

[1] Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, tập 6. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 32.

nước, quê hương, cội nguồn là chủ đề, là niềm cảm xúc chính của Người:

" Lòng riêng riêng những bàng hoàng,
Làm sao khôi phục giang san Tiên Rồng ".

(Đi thuyền trên sông Đáy - 1949).

Hoặc " Hỡi ai con cháu Hồng Bàng,
Chúng ta phải biết kết đoàn mau mau".

(Ca sợi chỉ - 1941).

Bác Hồ đã đi xa, song Người để lại cho nhân dân các dân tộc trên đất nước Việt Nam nói chung, đồng bào Tây Nguyên nói riêng muôn vàn tình thương yêu và "tư tưởng Hồ Chí Minh vĩ đại".

Quý trọng tình cảm vô bờ bến của Người, phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh trong cuộc sống, trong học tập, để từng bước trở thành con người có ích cho xã hội. Người học sinh có ích cho nước, cho nhà là người, "Gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghiã xã hội, có đạo đức trong sáng, có ý chí kiên cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, có năng lực tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, phát huy tiềm năng của dân tộc và con người Việt Nam; có ý thức cộng đồng và phát huy tính tích cực của cá nhân, làm chủ tri thức khoa học và công nghệ hiện đại; có tư duy sáng tạo, có kỹ năng thực hành giỏi, có tác phong công nghiệp, có tính tổ chức và kỷ luật, có sức khỏe, là những người kế thừa xây dựng chủ nghiã xã hội vừa hồng, vừa chuyên như lời dặn của Bác Hồ"[1].

---

[1] Văn kiện Hội nghị lần II Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII. Nxb Chính trị Quốc gia, Sđd, tr. 30-31.

Không thể chấp nhận một người Việt Nam lại không hiểu biết gì về đất nước Việt Nam; không thể chấp nhận được một học sinh, sinh viên Tây Nguyên lại không hiểu biết gì về lịch sử Tây Nguyên, không cảm thấy tự hào về nguồn gốc lịch sử dân tộc, con cháu N'Trang Lơng, N'Trang Gưh, Ama Thao, Y Jút...; không thể chấp nhận được một học sinh, sinh viên dân tộc lại không yêu mến những truyền thuyết, những huyền thoại của dân tộc mình, không biết quý trọng những di sản văn hóa của cha ông, nhất là thái độ coi thường, thiếu trân trọng tiếng nói của ông bà, tổ tiên để lại. Thậm chí có sinh viên khi đỗ đạt, thành tài không muốn trở lại quê hương, buôn làng cùng với bà con mình.

Chỉ có họ, những học sinh, sinh viên sinh ra và lớn lên trên địa bàn Tây Nguyên, là chủ nhân ông, là cánh tay đắc lực của Đảng giúp cho đồng bào, cho cộng đồng các dân tộc thiểu số thoát ra khỏi cảnh nghèo nàn, lạc hậu - tàn dư, hậu quả của chế độ thực dân, phong kiến, đế quốc để lại.

Qua dạy học lịch sử, dựa trên cơ sở những sự kiện có liên quan đến Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta phải giáo dục cho học sinh lòng kính yêu đối với Người và quyết tâm làm theo lời dạy và tấm gương trong sáng của Người. Hai điểm nêu trên trong bài này chỉ là dẫn chứng cụ thể, chúng ta có thể khai thác nhiều vấn đề khác.

II. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC TÌNH CẢM, LÒNG KÍNH YÊU BÁC HỒ QUA DẠY HỌC LỊCH SỬ

Xác định những *kiến thức cơ bản* qua dạy học các bài Lịch sử là điều quan trọng trước tiên để giáo dục học sinh lòng kính yêu Bác Hồ. Phương pháp giáo dục có vai trò, ý nghĩa

quan trọng. Nhiều tài liệu về giáo dục học, dạy học lịch sử của các tác giả trong và ngoài nước đã đề cập nhiều biện pháp sư phạm để giáo dục tư tưởng, tình cảm cho học sinh. Trên cơ sở các tài liệu lý luận và thực tiễn dạy học lịch sử ở Tây Nguyên, chúng tôi xin trình bày một số yêu cầu về giáo dục lòng kính yêu đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thứ nhất, cần nắm vững và thực hiện mục tiêu giáo dục nói chung, mục tiêu môn học, cụ thể ở mục tiêu bài học. Qua dạy học lịch sử, học sinh nhận thức rằng, lịch sử là lịch sử của quần chúng nhân dân, song cá nhân, đặc biệt các anh hùng, những nhân vật tiến bộ, tích cực có vai trò không nhỏ trong sự phát triển lịch sử. Vì vậy, giáo dục lòng kính yêu quần chúng và cá nhân (anh hùng, những người yêu nước) là điều quan trọng cần thực hiện.

Thứ hai, việc giáo dục không chỉ trình bày lý luận chung chung mà phải dựa và khai thác các sự kiện cụ thể. Do đó, cần xác định các kiến thức cơ bản, những kiến thức liên quan đến việc giáo dục.

Thứ ba, cần tạo biểu tượng cụ thể, có hình ảnh về nhân vật, mới thực hiện tốt việc giáo dục lòng kính yêu, tôn trọng. Đặc điểm tâm lý và nhận thức của học sinh Tây Nguyên là cụ thể, rõ ràng, nên việc dùng các phương tiện trực quan sinh động là điều kiện không thể thiếu được trong dạy học. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy rằng, giáo viên dạy lịch sử ở một số trường Buôn Ma Thuột đã sử dụng các tranh ảnh về Bác Hồ, đặc biệt Bác Hồ với Tây Nguyên, nên gây cho học sinh xúc cảm mạnh mẽ và nhận thức sâu sắc, hứng thú.

Thứ tư, dạy lịch sử không dừng ở kể chuyện mà trên cơ sở tạo biểu tượng hình thành khái niệm, rút ra bài học, kinh nghiệm, quy luật, liên hệ kiến thức đã học với thực tế. Học

sinh Tây Nguyên cũng có khả năng tư duy tốt như các bạn học ở nhiều địa phương trong nước; vì vậy, khi đã có biểu tượng rõ rệt thì họ có thể hiểu sâu sắc, gắn chặt vào tâm trí mình. Từ sự kiện cụ thể, dưới sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh Tây Nguyên nắm được các khái quát lý luận.

Thứ năm, cần phát huy tính tự nguyện, tự giác, để học sinh thực sự rung động qua sự kiện cụ thể, tránh sự áp đặt, gán ghép, công thức. Học sinh Tây Nguyên vốn chất phác, thẳng thắn, nên khi không hiểu, không nhận thức thì họ không chấp nhận việc giáo dục tư tưởng một cách máy móc. Một khi đã tự nguyện, nhận thức rõ, họ vui vẻ tin theo và thực hiện, đấu tranh mạnh mẽ chống các luận điệu phản động, xuyên tạc lịch sử, hạ thấp công lao của Bác Hồ.

Thứ sáu, việc giáo dục một cách tự nguyện phải được tiến hành trên cơ sở phát huy tính tích cực của học sinh. Học sinh không chỉ thụ động ngồi nghe mà phải được hướng dẫn để trao đổi, thảo luận. Thực tiễn dạy học ở nhiều trường Tây Nguyên chứng tỏ rằng, học sinh rất năng động trong nhận thức, họ biết vận dụng những điều đã học ở nhà trường vào cuộc sống.

Thứ bảy, hình thức, tổ chức dạy học lịch sử để giáo dục lòng kính yêu Chủ tịch Hồ Chí Minh cho học sinh phải phong phú, sinh động, tránh gò bó trong lớp học. Cần có nhiều tranh ảnh, những địa phương có điều kiện thì sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại. Cần tổ chức các hoạt động ngoại khoá, như dạ hội lịch sử nhân kỷ niệm ngày sinh Bác Hồ (19-5) và các ngày lễ lớn, tham quan các bảo tàng lịch sử, bảo tàng cách mạng, các di tích...

*

* *

Việc giáo dục truyền thống dân tộc nói chung, lòng kính yêu, tin tưởng Đảng, Bác Hồ, qua dạy học lịch sử, có ý nghĩa rất lớn đối với học sinh Tây Nguyên. Điều này có tác dụng giáo dục lớn, góp phần đấu tranh chống lại những âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết dân tộc, xâm phạm chủ quyền, độc lập dân tộc, gây rối, phá hoại trật tự, an ninh xã hội.

GIÁO DỤC TINH THẦN ĐOÀN KẾT DÂN TỘC QUA DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

TS Nguyễn Văn Chiến[*]

Việt Nam là Tổ quốc chung của 54 dân tộc với gần 80 triệu dân, trong đó người Việt chiếm 87% dân số, còn lại là các dân tộc anh em khác. Từ lâu đời, các dân tộc đã cùng chung sống, lao động, xây dựng và chiến đấu bảo vệ đất nước. Tinh thần đoàn kết đó đã trở thành sức mạnh và là một nhân tố quyết định thắng lợi trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Truyền thống đoàn kết dân tộc là một trong những nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng đoàn kết của Người nói riêng. Tư tưởng đoàn kết Hồ Chí Minh trở thành chiến lược đại đoàn kết dân tộc (và quốc tế) của Đảng.

Vì hiểu rõ sức mạnh của nhân dân Việt Nam, bắt nguồn từ tinh thần đoàn kết và đường lối, tư tưởng của Đảng và Hồ Chí Minh, mà những kẻ thù xâm lược từ nhiều phương đến ở bất cứ thời kỳ nào cũng ra sức chia rẽ dân tộc bằng nhiều thủ đoạn kinh tế, chính trị... thâm độc và xảo quyệt. Chỉ tính trong một vài thập kỷ gần đây, bọn phản cách mạng trong và ngoài nước "đã lợi dụng những vấn đề phức tạp do lịch sử để lại nhằm khơi dậy những mâu thuẫn, hận thù giữa các dân tộc, kích động tư tưởng tự trị, dưới các khẩu hiệu "Phục quốc Chăm pa", "Giải phóng cao nguyên Đêga" (Tây Nguyên), đòi

---

[*] Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Gia Lai.

"Tây Nguyên tự trị"[1] và ở miền Bắc, chúng cũng tiếp tục âm mưu chia rẽ các dân tộc H'mông, Tày, Nùng, Thái, Hoa... với người Việt, đòi lập "các quốc gia tự trị".

Do đó, giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc qua môn Lịch sử, cũng như qua các môn học và nhiều hoạt động giáo dục trong và ngoài trường, là một yêu cầu quan trọng. Qua những sự kiện lịch sử chính xác, cụ thể, học sinh có cơ sở khoa học vững chắc để tiếp nhận sự giáo dục và tự giáo dục tư tưởng, tình cảm, thái độ cách mạng nói chung và tinh thần đoàn kết dân tộc nói riêng. Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với một quan niệm có tính chất phương pháp luận cho rằng, *lịch sử Việt Nam là lịch sử của tất cả các dân tộc chung sống trong một Tổ quốc, đất nước thống nhất*. Dĩ nhiên, trong quá trình phát triển lịch sử dân tộc, người Việt có vai trò quan trọng, song không vì thế mà bỏ qua vai trò của các dân tộc anh em khác.

Điều này được thể hiện trong cấu tạo chương trình Lịch sử những năm gần đây, nhất là chương trình Lịch sử Trung học cơ sở, được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tháng 8-2001.

Khi trình bày về lịch sử Việt Nam thời nguyên thủy, không chỉ kể đến các vết tích ở miền Bắc mà còn nêu các di chỉ khảo cổ ở Hàng Gòn và Dầu Giây (Xuân Lộc, Đồng Nai), An Lộc (Lộc Ninh, Bình Phước), Lung Leng (xã Sa Bình, huyện Sa Thầy, tỉnh KonTum). Khi nói về các nền văn hoá cổ trên đất nước Việt Nam, ngoài các nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc, Đại Việt, chương trình còn có phần tìm hiểu về nền

---

[1] Phan Văn Bé: *Tư tưởng Hồ Chí Minh với các dân tộc Tây Nguyên*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001, tr. 110.

văn hoá Sa Huỳnh và Óc Eo của các quốc gia Lâm Ấp – Chămpa và Phù Nam. Các thời kỳ lịch sử tiếp sau, các dân tộc cùng chung sống trên quốc gia Việt Nam thống nhất đến nay, lịch sử Việt Nam thực sự là lịch sử của các dân tộc.

Tuy nhiên, trong phạm vi chương trình lịch sử ở trường phổ thông (Trung học cơ sở và Trung học phổ thông), phần lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc chỉ có thể dành phần chủ yếu nói về người Việt, các dân tộc thiểu số chỉ được giới thiệu ở một mức độ nhất định. Vì vậy, trong dạy học lịch sử dân tộc, nhất là trong những giờ lịch sử địa phương, chúng ta cần có kế hoạch bổ sung những kiến thức về các dân tộc thiểu số, cho học sinh. Đây là cơ sở để giáo dục lòng yêu nước chân chính, tinh thần đoàn kết dân tộc và lòng tự hào đối với dân tộc và địa phương mình.

Việc giảng dạy lịch sử đa dân tộc trong chương trình Lịch sử Việt Nam, theo chúng tôi, được tiến hành qua các vấn đề chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, nêu các di chỉ khảo cổ hiện còn rải rác ở nhiều địa phương trên cả nước, nơi cư trú của các dân tộc khác nhau. Ngoài việc giới thiệu các di chỉ trên vùng đất mà người Việt cổ đã sinh sống như lâu nay vẫn tiến hành, chúng ta cần trình bày các nơi khác, như ở Quảng Ngãi ngày nay, vùng đất có cư dân sinh sống từ lâu đời, còn để lại nhiều dấu tích ở Gò Trá (Tịnh Thọ, Sơn Tịnh), Gò Vàng (Sơn Kỳ, Sơn Hà) thuộc thời đại đồ đá cũ; Long Thành (Phổ Thạnh, Đức Phổ), Bình Châu (Bình Sơn) thuộc thời kỳ đồng thau và Sa Huỳnh thuộc thời kỳ sắt sớm[1]. Tây Nguyên là vùng đất có nhiều

---

[1] X. *Quảng Ngãi - Đất nước, Con người, Văn hoá*. Sở Văn hoá - Thông tin Quảng Ngãi xuất bản, 1977, chương I.

điều kiện tự nhiên cho con người cư trú và phát triển từ rất sớm. Những cuộc khai quật của khảo cổ học đã chứng minh rằng, từ thời đồ đá cũ, con người đã sinh sống ở đây. Đặc biệt nhấn mạnh di chỉ Lung Leng (xã Sa Bình, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum) được khai quật vào năm 1999, xác nhận rằng, vào thời đại đồng thau, các cư dân đầu tiên sống ở địa bàn này đã đạt đến trình độ văn minh nhất định[1]. Các di chỉ Gò Cát (thành phố Hồ Chí Minh), Rạch Núi (Long An), Cái Vạn, Ngãi Thắng, Gò Me, Dốc Chua (Đồng Nai) cũng chứng tỏ rằng, cư dân trên đất Nam Bộ ngày nay đã có một nền văn hoá rực rỡ – văn hoá Đồng Nai.

Những dẫn chứng như vậy, giúp cho học sinh nhận thấy, ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam của đất nước Việt Nam từ buổi bình minh của lịch sử đã có con người sinh sống, "có thể tin rằng, từ thời đá cũ sơ kỳ, người vượn đã có mặt trên đất nước ta"[2]. Từ đó đến nay, trải qua bao thế kỷ, chủ nhân của đất nước Việt Nam ngày nay đã cùng nhau lao động, chiến đấu, xây dựng các nền văn hoá, văn minh đặc sắc.

Thứ hai, qua các khoá trình lịch sử Việt Nam, giáo viên làm cho học sinh nhận thức rằng, các dân tộc trên đất nước Việt Nam đã xây dựng nền văn minh, văn hoá của mình, góp phần vào nền văn hoá chung của dân tộc ngày nay. Học sinh, qua học tập lịch sử, có ý thức rằng, trong nền văn hoá chung

---

[1] X. Nguyễn Khắc Sử: *Báo cáo sơ bộ kết quả khai quật di chỉ Lung Leng, xã Sa Bình, huyện Sa Thầy, tỉnh KonTum*. Hội nghị báo cáo khoa học kết quả bước đầu khai quật di chỉ Lung Leng, tháng 10-1999, Kon Tum.

[2] Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn (chủ biên): *Đại cương Lịch sử Việt Nam, Toàn tập*. Nxb Giáo dục, 2001, tr. 14.

có nhiều yếu tố của văn hoá các dân tộc, tạo nên "sự thống nhất trong đa dạng". Từ đó, các em tự hào, phát huy nền văn hoá Việt Nam, đồng thời trân trọng, gìn giữ bản sắc dân tộc mình qua những nét văn hoá riêng, song hoà hợp vào văn hoá chung. Bởi vì, lịch sử đã xác nhận rằng, trong quá trình chung sống, lao động, chiến đấu, sự giao lưu văn hoá của các dân tộc trên đất nước Việt Nam ngày càng được tăng cường. Văn hoá Sa Huỳnh đã phát triển khá rực rỡ, trải dài trên một vùng rộng lớn từ Quảng Bình đến Bình Thuận, bao gồm cả Tây Nguyên và các đảo xa xôi ở khu vực Biển Đông. Văn hoá Sa Huỳnh có mối quan hệ với nhiều nền văn hoá khác trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay, đặc biệt nền văn hoá Đông Sơn ở phía Bắc và văn hoá ở phía Nam. Vì vậy, trong chương trình Lịch sử mới đang triển khai, việc giới thiệu các nền văn hoá Văn Lang-Âu Lạc, Đại Việt, Sa Huỳnh, Óc Eo là hợp lý và cần thiết. Cũng cần nói thêm về văn hoá Óc Eo mà chúng ta đã đưa vào chương trình Lịch sử ở trường phổ thông. Óc Eo là vùng đất ở tỉnh An Giang ngày nay, xưa là một phần lãnh thổ của vương quốc Phù Nam, được hình thành chủ yếu ở Nam Bộ Việt Nam và vương quốc Khơme ngày nay. "Địa bàn chủ yếu của văn hoá Óc Eo là khu vực châu thổ sông Cửu Long, bao gồm nhiều vùng sinh thái khác nhau của các tỉnh An Giang (Óc Eo – Ba Thê), Kiên Giang (Đá Nổi, Nền Chùa, Tân Long), Đồng Tháp (vùng Đồng Tháp Mười), vùng ven biển Tây Nam (U Minh, Năm Căn), kéo đến vùng rừng Sác duyên hải (Cần Giờ, Giồng Am...) và vươn ra tận Biển Đông (khu vực từ cửa sông Tiền đến Cà Mau). Ngoài ra, khảo cổ học đã phát hiện nhiều di tích, di vật thuộc văn hoá Óc Eo ở các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai,

một phần Long An, Bình Thuận và thành phố Hồ Chí Minh"[1].

Việc giới thiệu tuy đơn lược, song cũng đủ để cung cấp cho học sinh những kiến thức về các nền văn hoá cổ xưa đã từng tồn tại trên đất Việt Nam, đặc biệt khẳng định tính bản địa của các nền văn hoá này và đường kính giao lưu văn hoá ngày càng mở rộng giữa các dân tộc trên đất nước Việt Nam, cũng như giữa dân tộc Việt Nam với các dân tộc khác ở khu vực và mở rộng hơn. Điều này được chứng thực ở việc lan toả của nền văn hoá Sa Huỳnh, mà quê hương của nó ở miền Trung và Quảng Ngãi là trung tâm; cũng như nền văn hoá Đông Sơn mà chủ nhân đích thực là những người Việt ở phía Bắc đã mở rộng khắp cả nước và nhiều vùng khác. Điều này góp phần giáo dục cho học sinh tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế và xây dựng lòng tự hào về quê hương, đất nước một cách chính đáng.

Thứ ba, việc dạy học lịch sử để giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc được tiến hành tập trung và có nhiều hiệu quả cao thông qua việc cung cấp các sự kiện về lao động sản xuất và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Đất nước Việt Nam có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc trồng trọt, chăn nuôi, đánh cá, làm nghề thủ công, song cũng gặp nhiều thiên tai khủng khiếp, khi con người chưa chinh phục được thiên nhiên đúng quy luật, hợp lý. Đất nước Việt Nam lại ở vị trí chiến lược rất quan trọng về kinh tế, quân sự, văn hoá, cho nên nhân dân ta đã sớm trao đổi, tiếp nhận nhiều nền văn hoá, tăng cường giao lưu kinh tế với

---

[1] Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên): *Tiến trình lịch sử Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2000, tr. 52.

nhiều dân tộc khác trên thế giới. Đồng thời nằm giữa ngã tư đường từ Đông sang Tây, từ Bắc xuống Nam, lại giầu tài nguyên, có vị trí chiến lược quân sự nên sớm trở thành đối tượng xâm lược của nhiều kẻ thù từ các phương đến, mong được thống trị, đô hộ lâu dài, đồng hoá, tiêu diệt nhân dân ta. Nếu không có sức mạnh đoàn kết của các dân tộc anh em trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay, làm sao chúng ta được làm chủ đất nước tươi đẹp, giầu có dường này, để xây dựng một Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, được công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nếu không có sức mạnh đoàn kết các dân tộc, làm sao nhân dân ta liên tục chiến đấu từ thế kỷ thứ III trước công nguyên để bảo vệ độc lập, chủ quyền dân tộc và luôn phải chống lại những kẻ địch đông hơn về quân số, được trang bị nhiều vũ khí lợi hại, do những tên chỉ huy dày dạn chiến chinh, những "Phục ba tướng quân", mà vó ngựa của chúng đã tung hoành, dày xéo trên vùng lãnh thổ rộng lớn của nhiều nước.

Khi dạy học những sự kiện lịch sử về khai phá các đồng bằng sông Hồng, sông Cửu Long, về đào sông, đắp đê, khai phá rừng rậm, cải tiến kỹ thuật canh tác, phát triển chăn nuôi, đánh cá, làm nghề thủ công, cũng như trong các chiến thắng bảo vệ Tổ quốc, chống ngoại xâm, giáo viên cần khai thác nhiều nguồn tư liệu để chứng minh rằng, sự *đoàn kết dân tộc (và quốc tế) là một nhân tố quan trọng bậc nhất để dựng nước và giữ nước*. Đây là một bài học mà tổ tiên ta đã đúc kết, Hồ Chí Minh đã nâng thành chân lý của thời đại, Đảng đã xem đó là một chiến lược quan trọng trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước trước đây, hiện nay và mai sau.

Để giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông, *cần phát huy tính tích cực của học*

sinh. Trong việc tiếp nhận, sưu tầm các nguồn tư liệu, suy nghĩ để hiểu biết sâu sắc lịch sử và liên hệ kiến thức đã học với cuộc sống (nhìn nhận tính đúng đắn, cách mạng của tư tưởng Hồ Chí Minh, chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước về đoàn kết toàn dân, nhận rõ âm mưu, hành động của các thế lực thù địch, phản cách mạng hòng chia rẽ khối đoàn kết dân tộc để xâm lược và thống trị). Học đi đôi với hành là nguyên lý của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa Việt Nam, càng có ý nghĩa đối với việc giáo dục tinh thần đoàn kết qua dạy học lịch sử. Trong học tập lịch sử, học sinh không chỉ nhận thức ý nghĩa, tầm quan trọng của sự đoàn kết dân tộc (và quốc tế) mà *còn phải thể hiện trong hành động cụ thể, trên mọi lĩnh vực của cuộc sống*.

Việc dạy học nội khoá có vai trò quan trọng, song việc tiến hành các hình thức ngoại khoá, thực hành cũng có ý nghĩa đối với giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc qua dạy học Lịch sử

*

* *

Đoàn kết dân tộc (và quốc tế) là một nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, trở thành chiến lược đại đoàn kết của Đảng; vì vậy, phát huy sở trường, nội dung, chức năng, nhiệm vụ của môn Lịch sử, chúng ta cần tiến hành giáo dục cho học sinh, với việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá.

TÌM HIỂU CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ ĐỂ GIÁO DỤC CHO HỌC SINH TINH THẦN QUỐC TẾ CHÂN CHÍNH

TS Đặng Thanh Toán[*]

Giáo dục cho học sinh lòng yêu nước kết hợp với tinh thần quốc tế chân chính là một yêu cầu quan trọng trong dạy học lịch sử, thể hiện sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, theo tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta.

Bộ môn Lịch sử có cơ sở khoa học để tiến hành giáo dục tư tưởng, tình cảm này. Ở đây, chúng tôi giới hạn ở việc tìm hiểu cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.

Qua các khoá trình lịch sử thế giới ở trường phổ thông, học sinh hiểu rõ rằng, một trong những nhân tố góp phần vào tiến trình lịch sử loài người là sự hợp tác, đoàn kết của các cộng đồng người trong cuộc chinh phục thiên nhiên và đấu tranh xã hội. Mối quan hệ, giao lưu giữa các cộng đồng người được hình thành từ sớm và ngày càng phát triển, trở thành xu thế toàn cầu hoá trên mọi lĩnh vực của đời sống ngày nay.

Trong những xã hội có giai cấp, mối quan hệ, giao lưu, sự hợp tác, đoàn kết của các dân tộc, giai cấp có những hạn chế nhất định về nhận thức, quyền lợi, điều kiện... Giai cấp vô

---

[*] Khoa Lịch sử – trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

sản khi xác định sứ mệnh lịch sử của mình "người đào mồ chôn giai cấp tư sản", làm cho "thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trở thành tất yếu như sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản", đã khắc phục những thiếu sót trong việc "nhận diện" kẻ thù. Trong "Phong trào Luđimơ", đầu thế kỷ XIX, công nhân cho rằng, máy móc là thủ phạm gây ra sự nghèo khổ của mình chứ không phải giai cấp tư sản. Trong các cuộc khởi nghĩa Lyông, Sơlêdin (những năm 1830) và "Phong trào Hiến chương" (giữa thế kỷ XIX), công nhân cũng giới hạn cuộc đấu tranh đơn thuần về kinh tế, chính trị trong một nhà máy, một địa phương nhỏ hẹp. Thực tiễn cuộc đấu tranh cách mạng để lật đổ hoàn toàn chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội đã chỉ cho giai cấp vô sản các nước thấy rõ phải đoàn kết với nhau để chống lại liên minh quốc tế của bọn tư bản đế quốc. Khẩu hiệu chiến đấu của C.Mác và Ph. Ăngghen "Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại!", được V.I. Lênin phát triển thành "Vô sản và các dân tộc bị áp bức tất cả các nước đoàn kết lại!", đã soi sáng con đường đấu tranh, thúc đẩy sự đoàn kết của giai cấp vô sản thế giới và hình thành chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Thực tiễn cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản trong cách mạng 1848 - cuộc đụng đầu đầu tiên giữa vô sản và tư sản với tư cách hai giai cấp đối địch, trong Công xã Pari 1871, Cách mạng tháng Mười Nga 1917, trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và kháng chiến chống sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, thực dân của nhân dân nhiều nước thuộc địa, phụ thuộc đã xác nhận sự tồn tại thực và tác động mạnh mẽ của sự đoàn kết quốc tế, mà nòng cốt là sự đoàn kết quốc tế của giai cấp vô sản, trong thời đại chúng ta. Song trong thập kỷ cuối của thế kỷ XX, khi chủ nghĩa xã hội lâm vào khủng hoảng, sụp đổ ở các nước Đông Âu, đặc biệt sự tan vỡ của

Liên Xô, bọn đế quốc đã vội vã, hí hửng khẳng định về sự "thất bại", sự "giãy chết", việc "chấm dứt chủ nghĩa cộng sản trên thế giới"[1]. Một số người khác do bị ngộ nhận, bị lừa gạt hay cố tình chống chủ nghĩa xã hội, chống cách mạng, cũng vội loan truyền về "cái chết" của chủ nghĩa quốc tế vô sản; thậm chí còn phủ nhận tinh thần quốc tế vô sản.

Trong chiến dịch ồn ào, quyết liệt như vậy, một số người cho rằng, Hồ Chí Minh "chọn chủ nghĩa cộng sản là để làm phương tiện hành động..., vì tin rằng, chỉ có sự tàn bạo của chủ nghĩa cộng sản mới có thể tạo cho chủ nghĩa yêu nước của mình một sức mạnh để thành công"[2]. Họ cố tình xuyên tạc rằng, sự đoàn kết quốc tế mà Hồ Chí Minh nêu ra chỉ là "một thủ đoạn" để tập hợp lực lượng, "củng cố quyền lực cá nhân", làm "tay sai cho Liên Xô, Quốc tế Cộng sản", làm cho chủ nghĩa cộng sản "bành trướng", "xâm nhập" vào Việt Nam, các nước phương Đông khác.

Sự thật lịch sử có sức mạnh to lớn, đập tan mọi sự xuyên tạc, công kích của những kẻ thù địch. Khoá trình lịch sử dân tộc và phần nào lịch sử thế giới ở trường phổ thông đã giúp cho học sinh thấy rõ rằng, Hồ Chí Minh không chỉ là Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hoá thế

---

[1] X. Philippe Moreau Defarges: Les relation internationnales dans le monde d'aujourdhui. Entre' Globalisation et fragmentation, 4e edition actualisée et augmentée, Ed, STH, Paris 1992, tr. 17-19.

- Z. *Brzinski:* The grand failure, The birth and death of the communism in the twentith century, N.Y. 1989.

- R.Batra: Après le communisme – le Capitalsme, Paris, 1996.

[2] Jean Francois Revel: *Hồ Chí Minh – lòng yêu nước bị chuyển hướng*; trong quyển "*Hồ Chí Minh – Sự thật về thân thế và sự nghiệp*". Nhà sách và xuất bản Nam Á, Paris, 1990, tr. 17.

giới mà còn là chiến sĩ quốc tế. Người là biểu tượng sự kết hợp lòng yêu nước với tinh thần quốc tế chân chính.

Ra đi tìm đường cứu nước, hành trang của Hồ Chí Minh chỉ có lòng yêu nước nồng nhiệt, tình thương yêu đồng bào bị đau khổ, vốn Hán học khá uyên thâm và một số kiến thức về nước Pháp. Người chưa nhận thức được vai trò lịch sử, sứ mệnh của giai cấp công nhân, càng không thể có ý thức về sự đoàn kết các dân tộc, đặc biệt về tinh thần quốc tế vô sản. Nhưng trong cuộc hành trình qua các nước thuộc địa, phụ thuộc, các nước tư bản đế quốc, Hồ Chí Minh đã dần dần từ lòng yêu thương đồng bào đến sự cảm thông sâu sắc với nhân dân bị áp bức trên thế giới, nhận thấy nhu cầu đoàn kết của các dân tộc, vốn có nguyện vọng kết hợp với nhau trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do.

Sự phát triển tình cảm, nhận thức của Hồ Chí Minh đối với đồng bào, đất nước mình, đối với nhân dân thế giới gắn liền với quá trình Người từ một người yêu nước trở thành người lao động, người cộng sản, chiến sĩ quốc tế. Đây là sự phát triển lôgích trong việc đi tìm con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc; kết quả một quá trình rèn luyện gian khổ, đấu tranh mạnh mẽ khi hoà mình vào phong trào cách mạng thế giới. Người "đã chiến thắng biết bao khó khăn, với sự lựa chọn vững chắc, tránh được những sai lầm dẫn tới ngõ cụt"[1].

Như vậy, sự hình thành tinh thần đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh bắt đầu từ mong muốn đoàn kết các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, cùng một số phận, một nguyện vọng chung là độc lập, tự do. Việc hình thành và phát triển tinh

---

[1] Hồ Chí Minh, Notre camarade. Introduction historique de Charles Fourniau, Ed, sociales, Paris, 1970, tr. 28.

thần đoàn kết quốc tế các dân tộc bị áp bức là một cơ sở thực tiễn để Người tiếp thụ chủ nghĩa Mác - Lênin, và nâng cao tình cảm, nhận thức về sự đoàn kết quốc tế các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc lên phạm trù của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Việc thành lập và hoạt động của "*Hội Liên hiệp các thuộc địa*" (1921), "*Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức*" (1925) thể hiện quá trình phát triển tình cảm, nhận thức của Hồ Chí Minh về đoàn kết giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Được chủ nghĩa Mác - Lênin soi sáng, trước hết và chủ yếu lúc bấy giờ là lý luận về vấn đề dân tộc và giải phóng dân tộc, tư tưởng, tình cảm của Hồ Chí Minh đã biến thành hiện thực trong tổ chức đoàn kết các thuộc địa Pháp, rồi các dân tộc bị áp bức ở châu Á. "*Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp các thuộc địa*" – tổ chức của những người dân bản xứ ở tất cả các thuộc địa - đã thể hiện rất rõ việc thấm nhuần và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ yếu là nguyên lý đấu tranh giai cấp, để nhìn nhận đúng tình cảnh của nhân dân thuộc địa, mâu thuẫn cơ bản giữa nhân dân thuộc địa với bọn thực dân và phương hướng giải quyết thực tế cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Người đã khẳng định, trong cuộc đấu tranh cho độc lập, tự do, nhân dân các nước phải dựa vào sức mình và kết hợp sức mạnh của sự đoàn kết dân tộc và quốc tế: "Anh em phải làm thế nào để được giải phóng?

Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, cộng cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em.

... Với sự giúp đỡ của các đồng chí ở chính quốc đồng tình với sự nghiệp của chúng ta, Hội tập hợp tất cả những người quê ở thuộc địa hiện sống trên đất Pháp.

... Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất, các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Các Mác:

"Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!"[1].

Lời kêu gọi và hoạt động cụ thể của "*Hội Liên hiệp các thuộc địa*" đã được nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc không chỉ của đế quốc Pháp mà còn cả các nước đế quốc, thực dân khác hưởng ứng và đấu tranh theo phương hướng của Hội đề ra - dựa vào sức mình, kết hợp với cuộc đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa khác và của chính quốc. Có thể xem "*Hội Liên hiệp các thuộc địa*" và "*Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức*" là những hình thức tổ chức mặt trận đầu tiên của các dân tộc bị áp bức theo khuynh hướng cách mạng vô sản. Đó là sự liên minh của các dân tộc bị chủ nghĩa đế quốc thống trị, cùng nhau đấu tranh cho độc lập, tự do... Trong một chừng mực nhất định, tư tưởng đoàn kết các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc được tiếp nhận và trở thành hiện thực trong các tổ chức sau này của nhân dân các nước độc lập dân tộc. Đó là "*Tổ chức đoàn kết Á - Phi*", " *Tổ chức đoàn kết Á - Phi – Mỹ Latinh*" và nhiều tổ chức khu vực khác, như "*Tổ chức thống nhất châu Phi*" (OAU - viết tắt của cụm từ "Organization of African Unity").

Tư tưởng về đoàn kết các dân tộc trong cuộc đấu tranh giải phóng và xây dựng đất nước đã quán triệt trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, trong đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Tiêu biểu cho tư tưởng này là "tình hữu nghị đặc biệt" giữa Việt Nam và Lào, tình

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 2, tr. 128.

đoàn kết giữa nhân dân ba nước Đông Dương mà Người đã dày công xây dựng và củng cố.

Khi hoạt động cho độc lập, tự do của dân tộc mình, Hồ Chí Minh cũng góp phần đấu tranh cho công cuộc giải phóng các dân tộc khác, và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới lại tác động trở lại cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Việt Nam. Khi đánh giá Hồ Chí Mính là "vị anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam và là một danh nhân văn hoá thế giới", UNESCO đã nhìn thấy sự đóng góp của Người với các dân tộc khác: "Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

... Sự đóng góp quan trọng về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và nghệ thuật là kết tinh của truyền thống hàng nghìn năm của nhân dân Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau"[1].

Hồ Chí Minh là một trong những người dân thuộc địa đầu tiên chứng minh rằng, các nước thuộc địa và phụ thuộc có thể và sẵn sàng tiếp nhận chủ nghĩa cộng sản; công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc phải đặt trong mối quan hệ

---

[1] Nghị quyết của UNESCO kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh – vị anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam, danh nhân văn hoá thế giới.

mật thiết với cách mạng vô sản ở chính quốc, phải đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản chính quốc và "họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn"[1].

Từ nhận thức đúng đắn như vậy, Hồ Chí Minh đã tổ chức, phối hợp cuộc đấu tranh của nhân dân thuộc địa và chính quốc. Khi xác định con đường cứu nước đúng cho dân tộc, Người tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Hồ Chí Minh "được coi là một trong những người thầy của Đảng Cộng sản Pháp về những vấn đề thuộc địa"[2]. Tư tưởng của Người về vấn đề đoàn kết giữa nhân dân thuộc địa và chính quốc để đồng thời cắt đứt hai vòi của con đỉa đế quốc chủ nghĩa[3] được Đảng ta vận dụng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và kháng chiến chống thực dân Pháp, rồi đế quốc Mỹ. Trên thực tế, trong 30 năm kháng chiến cho độc lập, thống nhất Tổ quốc đã hình thành Mặt trận thế giới ủng hộ nhân dân Việt Nam, và cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam cũng có tác động thúc đẩy phong trào cách mạng ở các nước đi xâm lược. Đối với Hồ Chí Minh, Mặt trận dân tộc thống nhất là vòng trong và Mặt trận đoàn kết quốc tế là vòng ngoài, cùng phối hợp đấu tranh nhịp nhàng cho lợi ích của mỗi dân tộc và loài người tiến bộ.

Trong khi kêu gọi và đấu tranh cho sự đoàn kết giữa các dân tộc bị áp bức, giữa nhân dân các nước thuộc địa và chính quốc, Hồ Chí Minh luôn luôn hướng về sự đoàn kết quốc tế

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 1, tr. 36.

[2] Hồ Chí Minh, Notre camarade... Sđd, tr. 29.

[3] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 2, tr. 120.

của giai cấp vô sản thế giới. Người khẳng định rằng, sự đoàn kết của giai cấp công nhân là cơ sở đảm bảo vững chắc cho sự đoàn kết các dân tộc đấu tranh giành thắng lợi. Bởi vì "... dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái giai cấp"[1].

Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự đoàn kết giữa vô sản các nước, giữa các Đảng Cộng sản, giữa các chính đảng và đoàn thể quần chúng tiến bộ trên thế giới, xuất phát từ tính tất yếu về sứ mệnh của giai cấp vô sản, đáp ứng yêu cầu tập hợp lực lượng chống bọn tư bản đế quốc đã có sự liên kết quốc tế phản cách mạng.

Trên tinh thần quốc tế vô sản, Hồ Chí Minh đã truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào các nước thuộc địa và phụ thuộc không có những điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội giống như ở châu Âu. Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc không bao giờ quên công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc trong việc đưa chủ nghĩa Mác - Lênin, "mở đường đi đến ánh sáng"[2] cho nhiều dân tộc trên thế giới; tham gia xây dựng và củng cố một số Đảng Cộng sản, chỉ đạo phong trào cách mạng ở phương Đông, vận dụng sáng tạo học thuyết mácxít - lêninít vào điều kiện cụ thể các nước thuộc địa và phụ thuộc. Trong những năm 1920 - 1941, trước khi về Pác Bó, Nguyễn Ái Quốc đã hoạt động ở Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Xiêm với tư cách là một người cộng sản, một cán bộ của Quốc tế Cộng sản, Quốc tế Nông dân và đóng góp không nhỏ cho phong trào của các nước ấy, cũng như của

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 1, tr. 266.

[2] Theo báo "14 tháng 10", ngày 7-9-1969 của Cộng hoà dân chủ nhân dân Yêmen.

cách mạng thế giới và tác động mạnh mẽ đến cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Việt Nam.

Một điểm nổi bật trong hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh là kiên quyết bảo vệ và kiên trì thực hiện chủ nghĩa quốc tế vô sản trên cơ sở đảm bảo sự đoàn kết của phong trào cộng sản và công nhân thế giới. Người đã nhận thấy, do điều kiện chủ quan và khách quan (tình hình, nhiệm vụ của mỗi Đảng, mỗi dân tộc, sự nhận thức và vận dụng đường lối chung vào cuộc đấu tranh của mỗi Đảng, mỗi dân tộc; ảnh hưởng của những tư tưởng thù địch đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc; việc đặt quyền lợi dân tộc một cách hẹp hòi; sai lầm của một số người lãnh đạo các Đảng Cộng sản...) đã nảy sinh việc mất đoàn kết, sự bất đồng, mâu thuẫn giữa các Đảng, nhất là các Đảng cầm quyền ở một số nước xã hội chủ nghĩa trước đây.

Người đã dự đoán những hậu quả nghiêm trọng của tình hình mất đoàn kết, nên trong "Di chúc", Người đã viết: "Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hoà hiện nay giữa các đảng anh em.

Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản có lý có tình"[1].

"*Có lý*", đòi hỏi trước hết phải tuân thủ những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, xuất phát từ lợi ích chung của giai cấp vô sản, sự trung thành với lý tưởng cộng sản chủ

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 12, tr. 511.

nghĩa để đảm bảo thắng lợi của cách mạng thế giới. Người đặc biệt nhấn mạnh rằng, "chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn là cơ sở không lay chuyển nổi của cuộc đấu tranh chung của tất cả các đảng ấy, việc trao đổi kinh nghiệm về cuộc đấu tranh ấy vẫn giữ tất cả ý nghĩa của nó và những vấn đề đặt ra cho đảng này hoặc đảng khác tuyệt nhiên không phải là "việc riêng" của mỗi đảng mà quan hệ thiết thân đến toàn bộ giai cấp vô sản quốc tế"[1].

"*Có tình*" là sự thông cảm, tôn trọng nhau trên tinh thần đồng chí, có tính tới tình hình cụ thể và trách nhiệm của mỗi đảng đối với dân tộc mình. Bởi vì, "trong tình hình hiện nay, những đặc điểm dân tộc và những điều kiện riêng biệt ở từng nước ngày càng trở thành nhân tố quan trọng trong việc vạch ra chính sách của mỗi Đảng Cộng sản và mỗi Đảng Công nhân"[2]. Tuy nhiên, không thể vin vào "đặc điểm dân tộc" để rơi vào những khuynh hướng sai lầm của tư tưởng sô vanh, "nước lớn", "đảng lớn"...

Về mặt lý luận và thực tế, tinh thần quốc tế vô sản của Hồ Chí Minh không phải chỉ thể hiện trên lời nói mà bằng công việc cụ thể, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp đấu tranh của nhân dân các dân tộc bị áp bức để giành độc lập, tự do, vào sự nghiệp của giai cấp công nhân. Điều này thể hiện tình cảm sâu rộng của Hồ Chí Minh đối với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người.

Tinh thần quốc tế vô sản của Hồ Chí Minh biểu hiện sự bình đẳng, tôn trọng độc lập, tự chủ, kết hợp khả năng của mỗi dân tộc, sự giúp đỡ của các dân tộc khác để hoàn thành

---

[1], [2] Hồ Chí Minh: Tuyển tập. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 595.

nhiệm vụ của dân tộc mình và góp phần vào thắng lợi chung của cách mạng thế giới. Đó là tư tưởng "giúp nhân dân nước bạn tức là mình tự giúp mình"[1]. Ở Hồ Chí Minh, việc hoàn thành nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế quyện chặt nhau, tạo nên sức mạnh tổng hợp, giúp nhân dân ta và nhân dân các nước anh em đạt được những thắng lợi to lớn cho cách mạng trong nước và thế giới.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế vô sản, rút ra bài học trong thực tiễn đấu tranh cách mạng, Đảng ta luôn luôn hoàn thành nhiệm vụ của dân tộc với nghĩa vụ quốc tế, thể hiện ở việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Nguyên tắc này đảm bảo trước hết ở việc nhận thức đúng thời đại để từ đó hiểu rõ "đâu là những người anh em thật sự và đâu là kẻ thù"[2]. Nhận thức đúng thời đại, hiểu rõ bạn, thù theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã nhất quán trong thực hiện mục tiêu, linh hoạt trong hành động thực tiễn, qua đó tập hợp được lực lượng trong và ngoài nước.

Khi xác định đường lối đối ngoại, Đảng ta đã quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về thế giới, ở chỗ giữ vững tinh thần độc lập tự chủ trong việc tiếp thụ sức mạnh ở bên ngoài. Trong việc hợp tác, Đảng ta cố gắng xây dựng cho có "lực" và "thế" để thực hiện nguyên tắc "bình đẳng", "hai bên cùng có lợi", "không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau"; tiếp thụ những tinh hoa văn hoá nhân loại, giữ gìn và phát triển di sản văn hoá dân tộc, hoà nhập vào thế giới để xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn.

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 7, tr. 64.

[2] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 1, tr. 200.

*

* *

Hồ Chí Minh là biểu tượng, hiện thân của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Người là anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam, danh nhân văn hoá thế giới và chiến sĩ cách mạng quốc tế. Ba mặt này thống nhất trong con người Hồ Chí Minh - một nhân vật lỗi lạc không chỉ của dân tộc mà là của thế giới trong thế kỷ XX. Việc dạy học lịch sử, trên cơ sở các sự kiện lịch sử cụ thể sẽ làm cho học sinh nhận thức điều này và từ đó tiếp thụ một cách tự giác, tích cực về tinh thần đoàn kết quốc tế, đấu tranh chống những sự xuyên tạc, ngộ nhận đang lan truyền hiện nay.

Phương pháp giáo dục tư tưởng qua bộ môn Lịch sử cần tuân thủ những nguyên tắc mà các nhà giáo dục Lịch sử đã nêu. Ở đây, chúng tôi chỉ nhấn mạnh rằng, trên cơ sở sự kiện lịch sử chân xác, cơ bản, việc truyền thụ có hình ảnh, gợi sự suy nghĩ, liên hệ với thực tiễn, có tác dụng giáo dục tốt.

CHUYÊN ĐỀ IV
SỬ DỤNG TÀI LIỆU TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Tài liệu là cơ sở quan trọng để nhận thức khách quan, khoa học lịch sử quá khứ. Dạy học lịch sử ở trường phổ thông cũng phải dựa vào tài liệu – sự kiện.

Chuyên đề này gồm các bài, tập trung chủ yếu vào việc sử dụng tài liệu Hồ Chí Minh, văn kiện Đảng, vì các nguồn tài liệu khác đã đề cập nhiều rồi. Cần chú ý việc nắm vững lý luận và vận dụng cụ thể vào dạy học lịch sử ở trường phổ thông về quan điểm, nội dung và phương pháp.

TÀI LIỆU HỒ CHÍ MINH TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

GS. TS Phan Ngọc Liên*

Trong quá trình hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh cũng góp phần vào sự hình thành và phát triển nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn, nhiều lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật ở nước ta và đồng thời là một danh nhân văn hoá thế giới. Đóng góp của Người trong lĩnh vực sử học cũng rất lớn. Có thể nói rằng, Hồ Chí Minh là người đặt nền móng cho sự ra đời và phát triển của sử học mácxít – lêninnít ở Việt Nam. Tuy không phải là nhà sử học chuyên nghiệp, vì Hồ Chí Minh nhận thức và biên soạn lịch sử để làm phương tiện, vũ khí đấu tranh, song qua tài liệu sử học hoặc mang tính chất lịch sử của Người, chúng ta rút ra nhiều bài học quý báu cho nghiên cứu và dạy học lịch sử.

Ở đây, chúng tôi giới hạn ở việc sử dụng tài liệu Hồ Chí Minh trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.

I. TÀI LIỆU LỊCH SỬ TRONG TÁC PHẨM HỒ CHÍ MINH

Trong tác phẩm của Hồ Chí Minh (chủ yếu trong Toàn tập, 12 tập[1]), chúng ta có thể rút ra nhiều tài liệu lịch sử,

---

* Khoa Lịch sử – trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd.

dùng để dạy học, nghiên cứu lịch sử. Bởi vì, việc hình thành chủ nghĩa Mác – Lênin liên quan đến việc C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin nghiên cứu toàn diện các vấn đề lịch sử, đặc biệt các biến cố cách mạng, thì việc tiếp thụ và truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, xác định con đường cứu nước, đề ra đường lối ... của Hồ Chí Minh trực tiếp liên quan đến việc tìm hiểu lịch sử dân tộc và thế giới.

Hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh chứng tỏ rằng, khi kết hợp lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng Viêt Nam thì việc sử dụng tri thức lịch sử như một công cụ đấu tranh sẽ mang một nội dung mới, thực sự khoa học.

Thật khó mà phân biệt ở Hồ Chí Minh, tác phẩm nào là tác phẩm sử học thuần tuý, tác phẩm nào chỉ mang tính chất lịch sử. Bởi vì, trong mọi tác phẩm của Hồ Chí Minh (bài viết, sách) đều có tri thức lịch sử, nhất là nguyên tắc về chủ nghĩa lịch sử được quán triệt và thể hiện. Tuy nhiên, vẫn thấy rõ rằng, trong số tác phẩm của Hồ Chí Minh được công bố có những công trình sử học có giá trị.

Về mặt giá trị sử học, chúng ta có thể nhận thấy trong tác phẩm của Hồ Chí Minh có mấy loại sau đây:

Thứ nhất, những bài viết, báo cáo, luận văn chính trị liên quan đến việc xây dựng, phổ biến, thực hiện nhiệm vụ cách mạng, đường lối, chính sách của Đảng. Đây là những tác phẩm mang tính cương lĩnh được xây dựng trên một cơ sở quan trọng: tri thức lịch sử và thông tin về đời sống xã hội đương thời. Tuy không phải là một tác phẩm sử học theo đúng nghĩa của nó, song các tác phẩm này chứa đựng nhiều thông tin, tài liệu lịch sử quá khứ và đương thời. Nó là những trang sử về các "sự kiện đang xẩy ra", "đang nhảy múa trước

mắt chúng ta" (theo cách diễn đạt của Ph. Ăngghen về những sự kiện vừa xảy ra hay đang tiếp diễn). Điều quan trọng và bổ ích đối với những người làm công tác sử học là những đoạn ngắn, những tài liệu lịch sử trong tác phẩm của Hồ Chí Minh trang bị cho chúng ta những nguyên tắc phương pháp luận nghiên cứu, cung cấp một số tài liệu, sự kiện chính xác, bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu, dạy học.

Thuộc loại này có các báo cáo công tác, báo cáo chính trị tại các hội nghị, đại hội trong nước và quốc tế; những bài nói, bài viết về các nhiệm vụ trước mắt, về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong các thời kỳ.

Thứ hai, những bài viết phản ánh cụ thể, kịp thời những sự kiện quan trọng vừa xảy ra và phân tích vị trí, ý nghĩa lịch sử của sự kiện đối với phong trào cách mạng, sự phát triển xã hội. Đó là các bài báo như *"Phong trào cách mạng ở Đông Dương", "Phong trào công nhân Viễn Đông", "Các sự kiện ở Trung Quốc"* (1926), *"Thư từ Ấn Độ"* (1928), *"Thư từ Trung Quốc"* (1939), v.v... Nhiều bài viết của Hồ Chí Minh hoàn toàn xác nhận luận điểm của V. I Lênin nói rằng, "báo chí chính luận là lịch sử đương đại". Những vấn đề lịch sử mà Hồ Chí Minh đề cập trong các bài báo của mình đều rất sâu sắc, không những về tài liệu khoa học mà còn nêu những kết luận, những khái quát lý luận về sự kiện vừa xảy ra, về quá trình phát triển lịch sử. Cho nên phải xem những bài ấy, mà số lượng không nhỏ[1], là một bộ phận trong sự nghiệp sử học của Hồ Chí Minh.

---

[1] Chỉ tính từ năm 1951đến1969, Hồ Chí Minh đã viết 1.205 bài với 23 bút danh trên báo Nhân dân, phản ánh kịp thời, đầy đủ nhiều sự kiện lớn quan trọng ở nước ta và trên thế giới lúc bấy giờ (xem báo Nhân dân, số 469, ngày 17-5-1980).

Thứ ba, một số tác phẩm văn học của Hồ Chí Minh cũng có giá trị lịch sử đích thực. Nó không chỉ phản ánh cuộc sống mà còn là những tài liệu - sự kiện có giá trị về sử học lẫn văn học. Chúng ta có thể dẫn ra các tác phẩm được tập hợp trong quyển *"Truyện và ký"*[1], *"Giấc ngủ mười năm"*[2] (những tác phẩm này đều được đưa vào Toàn tập, xuất bản lần thứ hai).

Qua các tác phẩm trên, chúng ta nhận thấy ở Hồ Chí Minh sự gần gũi, kết hợp giữa sử học và văn học trong nghiên cứu, phản ánh hiện thực xã hội; sự gần gũi này là do những nguyên tắc của chủ nghĩa lịch sử trong tư duy của Hồ Chí Minh chi phối, do sự liên tưởng lịch sử nằm trong phạm vi những quan niệm liên tưởng cần thiết đối với một con người có văn hoá.

Ngoài các tác phẩm văn học nêu trên, trong một số bài viết của Hồ Chí Minh, chúng ta tìm thấy một số từ ngữ có nguồn gốc văn học song được sử dụng như một thuật ngữ, khái niệm lịch sử. Ví như, trong bài *"Những người bản xứ được ưa chuộng"*[3] (1923), tên các nhân vật trong tác phẩm văn học của Sếchxpia, như Ôtenlô, Đêxđơmôna được sử dụng như một khái niệm, thuật ngữ nói về chính sách thuộc địa, chủ nghĩa thực dân hiện đại. Trong vốn từ vị của Hồ Chí Minh, chúng ta còn gặp những danh từ có nguồn gốc văn học, chính trị, được sử dụng phổ biến như một khái niệm lịch sử: "Chủ nghĩa vida", "Hành hình kiểu Linsơ".

---

[1] Nguyễn Ái Quốc: *Truyện và ký*. Nxb Văn học, Hà Nội, 1979; trong Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 5, Sđd, tr. 605-623.

[2] Trần Lực: *Giấc ngủ mười năm*. Tổng bộ Việt Minh xuất bản, 1949, Toàn tập, tập 5, tr. 603-623

[3] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 1, Sđd, tr. 133-135.

Thứ tư, những tác phẩm sử học hoặc những phần lịch sử trong một tác phẩm của Hồ Chí Minh. Đây là những công trình nghiên cứu lịch sử đích thực, đặt cơ sở cho sự ra đời và xuất hiện của nền sử học mácxít - lêninnit ở Việt Nam. Những loại tác phẩm như vậy không nhiều, viết ngắn gọn, song giá trị khoa học lớn, nhất là về mặt phương pháp luận.

Chúng ta thử nêu một số tác phẩm. Trước hết, quyển *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* được xác định như một biên niên sử về chế độ thực dân[1]. Vấn đề đã rõ, xin không trình bày nhiều ở đây.

Quyển *"Đường cách mệnh"* có nhiều phần về lịch sử rất giá trị, như viết về lịch sử các cuộc Cách mạng tư sản Mỹ, Pháp, về Công xã Pari, Cách mạng tháng Mười...

Tuy Hồ Chí Minh không chú ý viết một quyển giáo khoa lịch sử (thế giới hoặc dân tộc) có hệ thống, song các bài giảng về lịch sử của Hồ Chí Minh tập hợp trong "Đường cách mệnh" là một công trình đầu tiên ở nước ta viết về lịch sử thế giới theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, góp phần khẳng định sự ra đời của nền sử học mác- xít ở nước ta. Lần đầu tiên một tác phẩm sử học ở nước ta đã đề cập các vấn đề cơ bản của lịch sử, theo nguyên tắc:

- Lấy lịch sử của quần chúng nhân dân làm nội dung chủ yếu của việc nghiên cứu.

- Giải thích các sự kiện lịch sử với quan điểm khoa học, đúng dắn.

- Xác định chức năng của sử học...

---

[1] Xem "Nghiên cứu tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*". Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội, 1985.

Quyển *"Lịch sử nước ta"* là một quyển sử diễn ca, trình bày chủ yếu truyền thống oanh liệt của nhân dân ta trong công cuộc đấu tranh chống sự xâm lược của phong kiến Trung Quốc, thực dân Pháp và phát xít Nhật. Ở đây, tác giả đã vận dụng nhuần nhuyễn, sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về lịch sử để trình bày các sự kiện. Quan niệm duy vật về lịch sử đã làm cho quyển *"Lịch sử nước ta"* xứng đáng là một tác phẩm sử học có giá trị, vượt nhiều sách sử đã ra đời trước đó hoặc đồng thời với nó về mặt phản ánh hiện thực lịch sử và về tính tư tưởng.

Giá trị của tác phẩm, trước hết, thể hiện ở sự thống nhất giữa tính khoa học và tính tư tưởng. Tác giả đã biết chọn lựa một số sự kiện cơ bản, xác thực, chỉ bằng đôi nét chấm phá, dựng lại một cách trung thực lịch sử oai hùng của dân tộc. Đó là một sáng tạo trong nghiên cứu khoa học; vì tính khoa học cao như vậy, nên tác dụng tư tưởng của nó cũng mạnh mẽ.

Đặt quyển *"Lịch sử nước ta"* vào hoàn cảnh lúc bấy giờ mới thấy hết những giá trị của nó, với tư cách là một tác phẩm sử học. Cùng thể loại diễn ca này, trước đây có "Đại Nam quốc sử diễn ca", đến nay đã được phiên âm ra quốc ngữ và xuất bản nhiều lần. Quyển "*Việt Nam sử lược*" của Trần Trọng Kim, ra đời từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, được thực dân Pháp, rồi chính quyền Mỹ - ngụy ở miền Nam trước đây sử dụng rộng rãi trong trường học. Nhiều sách báo khác về lịch sử dân tộc cũng được xuất bản. Nhìn chung, các sách lịch sử ấy đều có nhiều sai lầm và không ít quyển cố tình xuyên tạc lịch sử để phục vụ bọn thực dân, phong kiến. Quyển *"Lịch sử nước ta"* đánh dấu một bước tiến mới trong nghiên cứu lịch sử ở Việt Nam, thể hiện sự thắng lợi của

quan điểm Mác - Lênin trong sử học nước ta. Giá trị nhiều mặt của nó về tài hệu, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu đã được khẳng định. Ngoài giá trị lịch sử, quyển *"Lịch sử nước ta"* còn có giá trị lớn về văn học. Sự kiện lịch sử được trình bày một cách súc tích, giản dị, giàu hình ảnh. Lời thơ đẹp đẽ làm rung động lòng người. Rõ ràng, ở đây đã thể hiện sự thống nhất hài hoà giữa nhà viết sử và nhà thơ. Người viết sử chân chính khi tái tạo lại quá khứ đã xúc cảm theo một chủ đề lịch sử. Vả lại, khi trình bày sự kiện lịch sử một cách chính xác, khoa học, phục hồi lại bức tranh quá khứ như nó đã tồn tại thì việc miêu tả của nhà viết sử cũng có giá trị mỹ học rồi.

Quyển *"Lịch sử nước ta"* vừa là tác phẩm sử học, vừa là tác phẩm văn học có giá trị. Giá trị của quyển sách không phải chỉ ở thời đại ấy mà còn mãi mãi xác định chỗ đứng trong cuộc đấu tranh cách mạng, xác định mục đích của việc nghiên cứu lịch sử. Khi mà nhà sử học phải nghiên cứu lịch sử theo quan điểm duy vật của chủ nghĩa Mác - Lênin thì quyển *"Lịch sử nước ta"*của Hồ Chí Minh - một quyển sử nhỏ về số trang - vẫn để lại cho chúng ta những bài học lớn.

Quyển "*Một đoạn lịch sử Việt Nam từ 1847 đến 1947*" dùng phương pháp so sánh lịch sử để trình bày cuộc kháng chiến chống Pháp trong những giai đoạn lịch sử, với những điều kiện lịch sử khác nhau.

Trong *"Thời kỳ quân chủ"*, vua quan nhà Nguyễn giữ đường lối hủ bại, không chịu sửa đổi theo sự tiến hoá mới, nên thực dân Pháp đã nhân dịp này mà đến đánh nước ta "và thắng một cách dễ dàng". Trong một vài tiếng đồng hồ thì "Hà Nội bị mất. Chỉ bẩy tên lính Pháp cũng chiếm được thành Ninh Bình". Đứng trước nguy cơ ấy, "vua quan đã

không biết chống lại ngoại xâm, giữ gìn đất nước mà chỉ biết vâng lời thực dân, còn giúp sức chúng để làm hại dân". Còn từ sau Cách mạng tháng Tám,dưới *"Chế độ dân chủ"*, "nước là nước chung của dân..., kiên quyết chống xâm lăng và tiêu diệt lũ Việt gian bán nước...", "lại có Chính phủ kháng chiến lãnh đạo, nên nhất định sự nghiệp kháng chiến của nhân dân ta sẽ thắng lợi, phá tan mọi mưu mô thực dân". Từ sự trình bày, so sánh hai giai đoạn lịch sử ấy, Hồ Chí Minh khẳng định cuộc kháng chiến chống Pháp ngày nay sẽ thắng lợi.

Bên cạnh ý nghĩa và tác dụng giáo dục tư tưởng cho nhân dân, mục đích biên soạn chủ yếu của Hồ Chí Minh, quyển *"Một đoạn lịch sử Việt Nam..."* cũng có những đóng góp về mặt khoa học lịch sử. Ví như, trong quá trình lịch sử xâm lược nước ta của thực dân Pháp, Hồ Chí Minh nhấn mạnh năm 1847 "là năm Tự Đức lên làm vua, mà cũng là năm thực dân Pháp bắt đầu xâm phạm đến đất nước ta. Năm ấy hải quân Pháp bắn phá cửa Đà Nẵng".

Tiếp tục quyển *"Lịch sử nước ta"*, trong *"Một đoạn lịch sử Việt Nam..."*, Hồ Chí Minh làm sáng tỏ nguyên nhân và trách nhiệm của triều đình Huế trong việc làm mất nước ta. Mất nước không phải là điều tất yếu, mà chủ yếu là "vì chế độ quân chủ mà nước ta mất, dân ta khổ", tức là vua tôi nhà Nguyễn làm cho việc mất nước không phải là tất yếu trở thành tất yếu. Từ lịch sử 100 năm trước, Hồ Chí Minh liên hệ với tình hình đang xảy ra - thực dân Pháp đang trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Song lịch sử sẽ không lặp lại sai lầm của vua tôi nhà Nguyễn yếu hèn, đầu hàng, làm tay sai cho thực dân Pháp. Căn cứ vào những điều kiện cụ thể của nước ta, so sánh với tình hình 100 năm trước, Hồ Chí

Minh còn rút ra một bài học rất quý giá. Đó là sự thất bại của cuộc kháng chiến ngày trước còn "do tổ chức chưa mạnh, hành động chưa nhất trí..."[1]. Vì vậy, trong cuộc kháng chiến chống Pháp ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta phát huy bài học về "sự đoàn kết của toàn dân", được đúc rút từ lịch sử đấu tranh chống xâm lược, đặc biệt trong Cách mạng tháng Tám 1945 của dân tộc.

Sự trình bày nội dung và phân tích giá trị khoa học và thực tiễn của những tác phẩm sử học, có tính chất lịch sử của Hồ Chí Minh, chứng tỏ rằng, Hồ Chí Minh đã hoạt động như một nhà sử học thực sự. Những công trình của Người không chỉ kế thừa những thành tựu sử học của tổ tiên, đặc biệt tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, mà còn phát triển hơn để phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ hiện đại.

Những công trình nghiên cứu lịch sử của Hồ Chí Minh đặt nền móng cho sự ra đời của nền sử học mới - sử học mácxít - lêninnít của Việt Nam.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, DẠY HỌC LỊCH SỬ TRONG TÁC PHẨM HỒ CHÍ MINH

Qua nhiều tác phẩm của Hồ Chí Minh, chúng ta không chỉ rút ra nhiều tài liệu lịch sử có giá trị khoa học mà còn học tập quan điểm, nguyên tắc về phương pháp luận sử học và phương pháp nghiên cứu, dạy học lịch sử.

---

[1] Những đoạn trích, rút từ Lê Quyết Thắng: "*Một đoạn lịch sử Việt Nam từ 1847 đến 1947*". Báo Cứu quốc Việt Bắc xuất bản, 1948.

1. Xác định đối tượng nghiên cứu và dạy học lịch sử

Hồ Chí Minh sớm yêu thích và hiểu biết sâu rộng lịch sử. Tri thức lịch sử mà Người tiếp nhận không phải chỉ bằng con đường sách vở mà còn qua hoạt động của bản thân trong cuộc sống thực tế. Bởi vì, Người đã trải qua một cuộc sống lao động và đấu tranh cách mạng, đã "đi tới nhiều nơi trên trái đất, làm nhiều nghề lao động để sống và hoạt động cách mạng, làm quen với sự đau khổ và ý chí đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức khắp năm châu"[1]. Có thể khẳng định rằng, cuộc sống thực tế ấy đã đặt một trong những cơ sở cho việc Hồ Chí Minh tiếp thụ chủ nghĩa Lênin, trở thành người cộng sản.

Nhận thức xã hội đối với Hồ Chí Minh chủ yếu là để làm cách mạng. Bởi vì, trong đấu tranh cách mạng, phải nhận rõ "Ai là bạn ta? Ai là thù ta? Cách mệnh thì phải làm thế nào?"[2]. Trong các tác phẩm của Hồ Chí Minh đối tượng nghiên cứu chủ yếu là quần chúng nhân dân, những người bị áp bức, bóc lột. Người thông cảm sâu sắc với những nông dân nghèo khổ bị hành hạ, với những em bé đói khát, những người phụ nữ bị hãm hiếp, với tất cả nhân dân lao động ở các nước. Đó là tình cảm cách mạng, chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, đã trở thành thuộc tính bản chất của Người. Mặt khác, Hồ Chí Minh cũng đã nhận thấy ở những con người ấy tuy có vẻ phục tùng tiêu cực, song luôn luôn ẩn giấu "*một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm,*

---

[1] Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh tinh hoa của dân tộc, lương tâm của thời đại*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 68.

[2] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 2, Sđd, tr. 262.

khi thời cơ đến"[1]. Đó là cái nhìn biện chứng, cách mạng. Nhận thức như vậy, Người mới đặt vấn đề, Quốc tế Cộng sản "*Cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng*"[2]. Nhận định đúng tình hình, Hồ Chí Minh mới xác định đúng đối tượng, động lực, chiến lược, sách lược cách mạng, bình tĩnh đưa cách mạng vượt khỏi cơn nguy biến, từng bước đi đến thắng lợi.

Đặc điểm trong việc nhận thức xã hội để chọn vấn đề làm đối tượng nghiên cứu của Hồ Chí Mính là Người đã vứt bỏ những điều vụn vặt, chỉ chọn cái chủ yếu, cái khuynh hướng cơ bản chỉ đạo việc tìm hiểu, đánh giá đúng sự kiện. Khi điểm tình hình thế giới trong 50 năm qua, trong *Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ II (1951)*, Hồ Chí Minh chọn nêu một số sự kiện chủ yếu để giúp nhận thức "*những biến đổi mau chóng hơn và quan trọng hơn nhiều thế kỷ trước cộng lại*"[3]. Về mặt chính trị - xã hội, cũng như về khoa học - công nghệ, khi nhận thức đối tượng, Người chú ý phân tích những mâu thuẫn của xã hội nói chung, của từng sự kiện, hiện tượng nói riêng, để không những hiểu được biểu hiện bên ngoài, những nét có thể nhìn thấy được mà còn phân tích bản chất của chúng, phát hiện những mâu thuẫn bên trong của đấu tranh giữa các mặt đối lập, động lực cho sự phát triển xã hội. Báo cáo của Người tại Hội nghị chính trị đặc biệt (1964) đã phân tích những thay đổi lớn lao của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, tình hình đấu tranh chống Mỹ của nhân dân miền Nam, bản chất của đế quốc Mỹ, tình hình thế giới

---

[1] [2] Sđd, tập 1, tr. 28, 289.

[3] Sđd, tập 6, tr. 153

để từ đó xác định những nhiệm vụ cần hoàn thành để đạt "những thắng lợi mới to lớn và vẻ vang"[1].

Việc nhận thức lịch sử, xã hội của Hồ Chí Minh hoàn toàn không có tính chất cảm tính, chủ quan mà đã dựa trên những tài liệu, sự kiện để khôi phục bức tranh quá khứ khá đầy đủ, chính xác và trên cơ sở ấy rút ra những khái quát - kết luận khoa học, những bài học, kinh nghiệm. Những bài viết của Người thể hiện sự hiểu biết sâu sắc thực tiễn xã hội và chứng tỏ sự sắc bén và tính toàn diện của tư duy.

Phương pháp nhận thức của Hồ Chí Minh tuân thủ chặt chẽ những nguyên tắc của chủ nghĩa duy vật biện chứng, của phương pháp nghiên cứu khoa học mác xít - lêninnít. Đặc điểm cơ bản về phương pháp nhận thức, nghiên cứu của Hồ Chí Minh là bao giờ Người cũng đứng trên quan điểm của giai cấp vô sản để xem xét các hiện tượng xã hội. Đó là việc vận dụng nguyên lý đấu tranh giai cấp vào nhận thức và nghiên cứu đối tượng của khoa học.

Vì vậy, trong lĩnh vực này, Người để lại cho chúng ta bài học quý báu về xác định đối tượng nghiên cứu, bởi vì, không xác định được hoặc không xác định đúng đối tượng nghiên cứu thì không thể tiến hành việc nghiên cứu, càng không thể nghiên cứu thành công.

2. Những vấn đề về chức năng, nhiệm vụ của khoa học lịch sử và bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông

Chúng ta đã biết, Hồ Chí Minh đã sử dụng kiến thức lịch sử để phục vụ nhiệm vụ cách mạng. Người đã thực hiện đúng chức năng của khoa học lịch sử mácxít. Ở đây, chúng tôi đi

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 11, Sđd, tr. 221-235.

sâu một vấn đề phương pháp luận quan trọng rút ra từ thực tiễn nghiên cứu của Hồ Chí Minh: *mối quan hệ giữa quá khứ, hiện tại và tương lai.*

Vấn đề mối quan hệ giữa quá khứ, hiện tại, tương lai là một trong những vấn đề quan trọng nhất của phương pháp luận sử học. Cách giải quyết vấn đề này tuỳ thuộc ở quan điểm của nhà sử học đối với quy luật của quá trình lịch sử và về nhiều vấn đề khác của phương pháp luận sử học, như vấn đề chức năng của sử học, tính khách quan, tính đảng của việc nhận thức lịch sử – xã hội, tính chất thời sự của việc nghiên cứu lịch sử, việc tiên đoán một cách khoa học sự phát triển của xã hội, sự thống nhất quan điểm lịch sử và quan điểm giai cấp trong nghiên cứu lịch sử.

Đối với sử học tư sản, cái quá khứ trong một chừng mực nào đó không giúp hiểu rõ được cái hiện tại; hơn nữa, nhà sử học tư sản ngày nay cũng thiếu khả năng phân tích những vấn đề cơ bản của quá khứ. Đối với họ, cái tương lai cũng trở nên âm u và mờ mịt, sự cắt đứt giữa quá khứ, hiện tại và tương lai để phục vụ cho những mưu đồ chính trị đen tối của giới cầm quyền các nước tư bản, đế quốc, là một nét đặc trưng của sử học tư sản ngày nay.

Theo lý luận mácxít - lêninnít về sự phản ánh, cơ sở của phương pháp luận khoa học thì khi nói "lịch sử" là nói về lĩnh vực nhận thức, cần phải phân biệt với hiện thực lịch sử khách quan. Lịch sử trong ý nghĩa này làm nhiệm vụ phản ánh hiện thực khách quan, phản ánh đời sống xã hội đang tồn tại thực. Cũng như vậy mà "quá khứ" được xem là quá trình xã hội đã xảy ra và là khái niệm về quá trình này; còn "hiện tại" được xem là quá trình xã hội đang tồn tại, đang tiếp diễn và khái niệm khoa học về quá trình này. Quá khứ

và hiện tại là những phạm trù có quan hệ với nhau, phản ánh khuynh hướng phát triển và là nội dung của quá trình xã hội, như V.I. Lênin nhấn mạnh, cái gì đã xảy ra và cái gì đang diễn ra trước mắt chúng ta với một tốc độ ngày càng to lớn cũng là lịch sử[1]. Chủ nghĩa Mác - Lênin chứng minh rằng, quá trình lịch sử không ngừng phát triển theo đường đi lên, cho nên cái "tương lai" nảy sinh từ hiện tại tất yếu sẽ xảy đến và là khái niệm khoa học về quá trình xã hội sẽ xảy ra.

Quá khứ, hiện tại, tương lai, theo quan điểm mácxít - lêninnit là ba giai đoạn kết hợp quy luật của quá trình phát triển xã hội thống nhất song không đồng nhất với nhau. Nội dung khách quan của các hiện tượng xã hội ở mỗi thời đại lịch sử (ngay trong khuôn khổ một thời kỳ của một thời đại) rất khác nhau về số lượng và chất lượng. Vì vậy, về mặt nhận thức cần chú ý rằng, trong kiến thức lịch sử về quá khứ (và ngay bản thân quá khứ) cũng có những nhân tố mà ngay bây giờ không có ý nghĩa thực tiễn trực tiếp gì, song có thể có ý nghĩa cấp thiết trong tương lai. Trái lại, hiện tại không phải lúc nào cũng thể hiện được những khả năng mà lịch sử đề ra khi nhấn mạnh nguyên lý về sự thống nhất biện chứng giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Tuy nhiên, chúng ta cần ghi nhớ lời dạy của V.I. Lênin về hai vấn đề: *Thứ nhất,* hiện tại không phải cái gì khác là hiện thực lịch sử đang phát triển, cho nên việc nghiên cứu quá khứ lịch sử từ đỉnh cao của hiện tại giúp cho việc hiểu quá khứ được tập trung hơn, đầy đủ hơn. *Thứ hai,* tri thức lịch sử quá khứ góp phần giúp cho

---

[1] V. I. Lênin: Toàn tập, tập 3, tr. 632, tiếng Nga.

chúng ta hiểu sâu hơn những khuynh hướng phát triển của xã hội trong hiện tại và tương lai.

Tiếp thụ những quan điểm cơ bản nêu trên của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã vận dụng một cách sáng tạo vào nhận thức lý luận cũng như vào hoạt động thực tiễn.

Người đã diễn đạt một cách khoa học mối quan hệ giữa quá khứ, hiện tại và tương lai như sau: "... Giai đoạn này có dính líu giai đoạn khác, nó kế tiếp giai đoạn trước và nó gây mầm mống cho giai đoạn sau"[1]. Người cũng nhấn mạnh sự khác nhau của mỗi giai đoạn và của các giai đoạn khác nhau; bởi vì "có nhiều sự biến đổi mới sinh ra từ một giai đoạn này đến một giai đoạn khác, trong một giai đoạn cũng có những sự biến đổi của nó"[2].

Từ sự nhận thức trên, Hồ Chí Minh nêu một nguyên tắc quan trọng cho sự phân kỳ lịch sử - vấn đề rất khó và phức tạp. Nguyên tắc chung này giúp các nhà nghiên cứu lịch sử vận dụng cụ thể vào công tác của mình: "Có thể xem xét tình hình chung mà định ra từng giai đoạn lớn, nhưng không thể tách hẳn từng giai đoạn một cách dứt khoát như người ta cắt bánh. Một giai đoạn dài hay ngắn phải tuỳ theo tình hình trong nước và thế giới, tuỳ theo sự biến đổi lực lượng địch và lực lượng ta"[3].

3. Vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận Hồ Chí minh vào nghiên cứu và dạy học lịch sử

Chúng ta cần vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận Hồ Chí Minh vào việc đề ra những biện pháp cụ thể, vào nghiên cứu và dạy học lịch sử. Công việc này bao gồm từ sưu

---

(1) (2) (3) Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 6, Sđd, tr. 165.

tầm, xử lý tài liệu đến miêu tả, khái quát - lý luận. Ở đây, chúng tôi giới hạn ở việc trình bày hai vấn đề sau:

a. Rút bài học kinh nghiệm của quá khứ và đoán định sự phát triển tương lai.

Hồ Chí Minh qua nghiên cứu lịch sử đã rút ra bài học, kinh nghiệm quá khứ cho cuộc đấu tranh hiện tại, như xác định con đường cứu nước, đúc rút nguyên lý về "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công"... Khi rút ra bài học, kinh nghiệm lịch sử, Hồ Chí Minh xuất phát từ sự thừa nhận quy luật phát triển của xã hội và tính chủ động, sáng tạo của người cách mạng, luôn luôn tin tưởng vào sự nghiệp của mình. Người viết: "Chúng ta nên nhìn lại những đoạn đường đã qua, rút ra những kinh nghiệm quý báu và ấn định đúng đắn những nhiệm vụ cách mạng hiện nay và sắp tới để giành lấy những thắng lợi to lớn hơn nữa, vẻ vang hơn nữa"[1].

Trong việc rút bài học kinh nghiệm quá khứ, Hồ Chí Minh không chỉ giới hạn trong lịch sử dân tộc mà mở rộng đến lịch sử và thực tiễn nước ngoài, như Người chú trọng học tập kinh nghiệm đánh du kích, kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhiều nước anh em. Tiến hành công việc này, Hồ Chí Minh không làm việc so sánh những hiện tượng, sự việc nước ngoài với những hiện tượng giống nhau trong lịch sử nước ta ở cùng một thời kỳ phát triển, rồi áp dụng một cách máy móc kinh nghiệm lịch sử. Đối với Hồ Chí Minh, điều quan trọng không phải là tổng số những hiểu biết rời rạc mà là hệ thống các khái quát – kết luận, bài học rút ra từ toàn bộ lịch sử quá khứ. Chính vì vậy mà trong nhiều bài viết của mình, Hồ Chí Minh bao giờ cũng chú ý liên hệ kiến

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 10, Sđd, tr. 7.

thức nghiên cứu với thực tế cách mạng, xã hội Việt Nam, rút ra những bài học, ý nghĩa thực tiễn của các sự kiện ấy đối với nước ta, và vận dụng như thế nào cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Ví như, trong quyển *"Đường cách mệnh"*, sau khi trình bày lịch sử các cuộc Cách mạng tư sản Mỹ, Pháp và Cách mạng tháng Mười Nga, Hồ Chí Minh dành một mục nói về "Ý nghĩa các cuộc cách mạng ấy đối với cách mạng Việt Nam". Đó là những bài học bổ ích cho cách mạng Việt Nam. Trong các mục:

- "Ý nghĩa cách mệnh Mỹ với cách mệnh An Nam như thế nào?"

- "Cách mệnh Pháp đối với cách mệnh An Nam như thế nào?"

- "Cách mệnh Pháp làm gương cho chúng ta về những việc gì?"

- "Cách mệnh Nga đối với cách mệnh Việt Nam thế nào?"[1]

Hồ Chí Minh đều rút ra các bài học để làm một cơ sở cho việc xác định con đường cứu nước đúng-

Hoặc từ lịch sử đấu tranh bảo vệ Tổ quốc và giải phóng dân tộc, Người đã rút ra bài học về đoàn kết:

"Dân ta xin nhớ chữ đồng,

Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh"[2].

Chữ "đồng" đây là đoàn kết.

Hiệu lực thực tiễn của các bài học kinh nghiệm mà Hồ Chí Minh rút ra từ quá khứ bao giờ cũng cao, có tác dụng cụ

---

[1] Hồ Chí minh: Toàn tập, tập 2,Sđd, tr. 270, 274, 280.

[2] Sđd, tập 3, tr. 229.

thể đối với sự nghiệp cách mạng ngày nay. Kinh nghiệm lịch sử đã trở thành bộ phận hữu cơ trong toàn bộ tri thức của Hồ Chí Minh và nó được Người vận dụng nhuần nhuyễn đến mức tự nhiên. Xin lấy một ví dụ, ngay hôm Hội nghị Phông-tênnơblô (Fontainebleau) ngừng họp, trả lời câu hỏi của một số nhà báo Mỹ, tại sao Việt Nam có thể duy trì được cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược khi mà Việt Nam không đủ vũ khí, nhất là vũ khí tối tân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải thích rằng, Việt Nam có loại vũ khí mạnh như pháo hiện đại nhất, đó là tinh thần dân tộc mà người ta không thể đánh giá thấp. Để cho nhà báo Mỹ dễ hiểu, Hồ Chí Minh dẫn ra một hình tượng trong thần thoại Hy Lạp để miêu tả thế trận ở Việt Nam. Người ví hàng triệu túp nhà tranh của Việt Nam, mà chủ nhân là người nông dân nghèo khổ, giàu lòng yêu nước, quyết hy sinh cho độc lập, tự do của Tổ quốc như "những con ngựa thành Tơroa đang phục sẵn phía sau đội quân xâm lược Pháp và chờ ngày tiêu diệt nó"[1]. Ý kiến trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh không được đế quốc Mỹ biết đến hoặc không công nhận, nên đã chuốc lấy thất bại trong chiến tranh xâm lược Việt Nam. 20 năm sau, khi "Mỹ cút, ngụy nhào", Mac Namara mới rút bài học cho Chính phủ Mỹ: "Chúng ta đánh giá thấp sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc thúc đẩy một dân tộc (...) đấu tranh và hy sinh cho lý tưởng và các giá trị của nó, và cho đến nay, chúng ta vẫn tiếp tục đánh giá thấp chủ nghĩa dân tộc ở nhiều nơi trên thế giới"[2].

---

[1] Xem Trần Trọng Trung: *Lịch sử một cuộc chiến tranh bẩn thỉu*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1979, tập 1, tr. 116.

[2] Robert S. Mc Namara: *Nhìn lại quá khứ – Tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 316.

Việc rút bài học kinh nghiệm quá khứ gắn liền với *đoán định sự phát triển tương lai* cũng được Hồ Chí Minh rất chú trọng.

Trong đời sống, con người thường phải đặt ra những vấn đề có liên quan đến sự phát triển tương lai của mình, như "Tương lai mang lại cho con người những gì?", "Chúng ta có khả năng dự đoán được tương lai một cách chính xác hay không?", "Hiểu biết tương lai có ích gì cho hiện tại?"...

Tuỳ trình độ nhận thức và quan niệm giai cấp, lịch sử khác nhau, từ thời nguyên thuỷ đến nay, người ta đã có những câu trả lời khác nhau về các vấn đề đoán định tương lai. Người nguyên thuỷ giao phó tương lai của mình cho các lực lượng siêu nhiên bí ẩn. Giai cấp chủ nô, phong kiến dành quyền đoán định tương lai cho những kẻ chuyên nghề cúng bái, bói toán, những người "tiếp cận với thần linh". Giai cấp tư sản đang lên vận dụng những kiến thức về quy luật tự nhiên để tìm hiểu sự phát triển tương lai của xã hội và không khỏi rơi vào những sai lầm có tính chất siêu hình, máy móc. Ngày nay, các nhà tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa đế quốc, mưu toan dùng "tương lai học" để chống lại chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa xã hội. Sách báo, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình,... ở nhiều nước tư bản sử dụng những sự kiện, những kết quả khoa học để chứng minh "tính hiện thực" và "vô tư" của việc họ dự đoán sự phát triển tương lai xã hội loài người là tiến tới chủ nghĩa tư bản vĩnh hằng[1].

---

[1] Xem "Choc de l'avenir" của giáo sư Mỹ Toffle; "L' an 2000 – un sujet de réflexion" của Herman Kahn và Anthong Weiner; "Les valeurs de l'avenir" của C. Carnégie et International Business Machines...

Các tác gia kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin không phủ nhận việc dự đoán tương lai, mà cho rằng đó là sự cần thiết trong cuộc sống lao động và đấu tranh cách mạng. C. Mác, V.I. Lênin đã nêu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của việc nắm thời cơ trong đấu tranh cách mạng. Muốn nắm thời cơ cần phải đoán định sự phát triển tương lai chính xác trên cơ sở phương pháp luận khoa học. Các nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học đã có những dự đoán thiên tài, có ý nghĩa lý luận, thực tiễn cao. Khi cuộc nội chiến ở Mỹ (1861 -1865) nổ ra, Mác, Ăngghen đã xác định đúng tính chất và dự đoán chính xác kết cục của nó. Ăngghen căn cứ vào quá trình hành động quân sự của hai bên cũng đã đoán được sự kiện tương đối quan trọng nhất trong cuộc chiến tranh Pháp – Phổ, đó là sự thất bại của Pháp ở Xơ đăng (Sedan)[1]. Vào năm 1887, tức là 27 năm trước cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ (1914), Ăngghen đã dự kiến về cuộc chiến tranh thế giới không thể tránh khỏi và kết quả chắc chắn của cuộc chiến tranh này là "khắp nơi sức cùng lực tận và tạo điều kiện cho thắng lợi cuối cùng của giai cấp công nhân"[2]. V.I. Lênin đã gọi dự kiến của Ăngghen là "Lời tiên đoán thiên tài dựa trên sự phân tích giai cấp một cách rõ ràng, gọn ghẽ và khoa học"[3].

Trong hoạt động thực tiễn và trong nhiều bài viết, tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh cũng dự đoán sự phát triển tương lai một cách khá chính xác. Xin dẫn một số thí dụ: Trong bài "*Đông Dương và Thái Bình Dương*" (1924), sau khi

---

[1] Ph. Ăngghen: *Tuyển tập luận văn quân sự*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1960, tr. 20.

[2] Sđd, tr. 19.

[3] V. I. Lênin: Toàn tập, tập 27, tr. 456, tiếng Nga.

phân tích vị trí, tầm quan trọng của vấn đề Đông Dương và Thái Bình Dương, tham vọng của bọn đế quốc ở vùng này, Hồ Chí Minh dự đoán rằng, "Vì đã trở thành một trung tâm mà bọn đế quốc tham lam đều hướng cả vào nhòm ngó, nên Thái Bình Dương và các thuộc địa chung quanh Thái Bình Dương, tương lai có thể trở thành một lò lửa của chiến tranh thế giới mới mà giai cấp vô sản sẽ phải nai lưng ra gánh"[1]. Lời dự đoán này được xác nhận trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

Việc tiên đoán một cách khoa học như vậy, giúp Hồ Chí Minh xác định khá đúng thời cơ cách mạng, kiên quyết hành động khi có thời cơ và tin tưởng vào thắng lợi tất yếu của cuộc đấu tranh. Niềm tin ấy là cơ sở của tinh thần lạc quan cách mạng, một nét nổi bật ở Hồ Chí Minh. Trong những lúc cách mạng chưa thành công, thậm chí còn trải qua những ngày đen tối, Người vẫn vẽ ra một viễn cảnh tốt đẹp. Năm 1922, khi cả lục địa châu Phi còn đang rên xiết dưới ách thống trị tàn bạo của bọn đế quốc thực dân, Hồ Chí Minh đã tưởng tượng cái cảnh tưng bừng của một ngày hội mừng Quốc khánh lần thứ 50 của "Cộng hoà Liên hiệp Phi" vào năm 1998, nghĩa là 76 năm sau đó. Hình ảnh tuyệt đẹp của cụ già Kimêngô, nhà cách mạng lão thành, kiên cường của châu Phi trong truyện *"Con người biết mùi hun khói"*[2] là hình ảnh tượng trưng cho các chiến sĩ cách mạng châu Phi, đã đấu tranh giành độc lập và là hình ảnh ngày nay của cả "lục địa đen" này đã thoát khỏi sự thống trị về chính trị của các nước đế quốc.

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 1, Sđd, tr. 243 – 244.

[2] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 1, Sđd, tr. 87-90.

Trong quyển "Giấc *ngủ mười năm" (1949)*[1] với bút danh Trần Lực, Hồ Chủ tịch không những nêu ra một viễn cảnh cho sự phát triển của Tổ quốc từ 1949 đến 1958, mà thực sự vạch ra một cách cụ thể đường lối của cách mạng Việt Nam trong những năm sắp tới. Nội dung quyển sách kể về một chiến sĩ người dân tộc tên là Nông Văn Minh, bị thương ở trận Bông Lau (1948), thiếp đi mười năm, mãi đến năm 1958 mới tỉnh dậy. Sau khi tỉnh dậy, được con gái kể lại những gì đã xẩy ra trong 10 năm qua (thực ra chưa xẩy ra).

Lịch sử Việt Nam trong 10 năm sau khi quyển *"Giấc ngủ mười năm"* ra đời gần đúng dự đoán của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhiều dự đoán tiếp sau đó cũng gần khớp với hiện thực tương lai, có thể là sự ngẫu nhiên, song điều quan trọng là Người đã hiểu được quy luật phát triển của xã hội, đoán trước được sự việc tất yếu sẽ xảy ra, mà người cách mạng cần nắm lấy thời cơ hành động. Lý giải sự tiên đoán của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Trường Chinh viết: "Thế giới quan của chủ nghĩa Mác - Lênin và những kinh nghiệm đấu tranh lâu năm đã làm cho Người có khả năng đoán trước được thời cuộc, mau lẹ nhận ra bước ngoặt của lịch sử và đề ra những khẩu hiệu thích hợp nhằm xoay chuyển tình hình"[2].

Ngoài thế giới quan khoa học, tri thức vững chắc về lý luận và kinh nghiệm thực tiễn làm cơ sở, Hồ Chí Minh còn tiến hành việc dự đoán theo một phương pháp khoa học. Đó là *phương pháp thí nghiệm tưởng tượng* (được hình dung trong óc), một phương pháp vốn có từ lâu trong nghiên cứu

---

[1] Trần Lực: *Giấc ngủ mười năm*, Sđd.

[2] Trường Chinh: *Hồ Chủ tịch – lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân Việt Nam*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1969, tr. 56.

lịch sử, song từ khi được xây dựng trên cơ sở quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, nó mới thực sự trở thành phương pháp khoa học. Theo A.V. Slavin, phương pháp này là "... một quá trình tư duy được xây dựng theo kiểu thí nghiệm thực và có kết cấu của thí nghiệm thực. Đó là một dạng đặc thù của suy luận lý thuyết. Nó thực hiện một trong những chức năng cơ bản vốn có của con người là tìm tòi tri thức mới, khát vọng đi đến những phát minh"[1]. Đối với khoa học lịch sử, đây là "biện pháp phần nào mang tính chất nhân tạo, nhưng hoàn toàn có hiệu quả để kiểm tra bằng kinh nghiệm và bằng lôgíc, để đánh giá các quy luật được phát hiện trong quá trình nghiên cứu lịch sử"[2]. Hồ Chí Minh đã sử dụng khá nhuần nhuyễn phương pháp này trong tìm hiểu quá khứ, đoán định tương lai.

Từ những bài học và nguyên tắc phương pháp luận nêu trên, chúng ta vận dụng linh hoạt vào nghiên cứu và dạy học lịch sử sao cho các kiến thức đang học phục vụ tốt nhất nhiệm vụ hiện tại (những biện pháp sư phạm được trình bày trong "Phương pháp dạy học lịch sử" sẽ không nhắc lại).

b. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa quan điểm giai cấp và quan điểm lịch sử trong nghiên cứu và dạy học lịch sử

Khi nghiên cứu và dạy học lịch sử, những người mácxít phải đứng vững trên lập trường của giai cấp vô sản, song không vì thế mà coi thường quan điểm lịch sử. Chủ nghĩa Mác nêu ra quan niệm duy vật về lịch sử chính ở chỗ vạch ra

---

[1] *Khái luận về lịch sử và phát triển khoa học*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1979, tr. 202.

[2] A.I. Ravitop: *"Bàn về cơ cấu của việc nghiên cứu sử"*, trong quyển *"Những vấn đề triết học của khoa học lịch sử"*, Moskva, 1969, tr. 171, tiếng Nga.

được quá trình lịch sử tự nhiên của sự phát sinh, phát triển và diệt vong của các hình thái kinh tế - xã hội.

Quan điểm giai cấp của chủ nghĩa Mác hoàn toàn phù hợp với quá trình phát triển tự nhiên, biện chứng của sự vật. Vì vậy, Lênin đòi hỏi phải có thái độ lịch sử cụ thể khi đánh giá bất cứ một hiện tượng xã hội nào, khi Người viết: "Toàn bộ tinh thần của chủ nghĩa Mác, toàn bộ các hệ thống cúa nó khi xem xét mỗi một tình hình phải: a) lịch sử, b) trong mối liên hệ với kinh nghiệm cụ thể của lịch sử"[1].

Nguyên tắc của chủ nghĩa Mác trong thái độ đánh giá các hiện tượng xã hội giúp ta khắc phục việc "hiện đại hoá" lịch sử. V.I. Lênin đã gọi "phân tích lịch sử theo quan điểm giai cấp" của chủ nghĩa Mác là phương thức khoa học nhất để đánh giá các hiện tượng lịch sử. Người chỉ rõ: "Điều đáng hy vọng nhất trong khoa học xã hội và là điều cần thiết để có một thói quen thực sự đối với vấn đề này một cách đúng đắn và không lạc vào những chi tiết vụn vặt trong vô vàn ý kiến xung đột nhau, điều quan trọng nhất để có một lập trường khoa học đối với vấn đề này là không quên mối liên hệ lịch sử cơ bản. Việc xem xét mọi vấn đề phải tiến hành trên quan điểm: một hiện tượng nào đó trong lịch sử đã ra đời như thế nào? Những giai đoạn chủ yếu trong sự phát triển mà hiện tượng này đã trải qua và quan điểm sự phát triển của nó mà xem một vật nhất định hiện nay trở thành cái gì"[2].

Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin được Hồ Chí Minh quán triệt trong công tác thực tiễn cũng như lý luận của mình. Quyển *"Đường cách mệnh"* là một ví dụ điển

---

[1] V.I. Lênin: Toàn tập, tập 35, tr. 200, tiếng Nga.

[2] V.I. Lênin: Toàn tập, tập 29, tr. 430, tiếng Nga.

hình về việc vận dụng nhuần nhuyễn quan điểm lịch sử và quan điểm giai cấp. Các cuộc cách mạng (tư sản và xã hội chủ nghĩa) được khôi phục đúng hiện thực lịch sử cụ thể của nó và được đánh giá đúng trên quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp và đấu tranh giai cấp. Công việc này hoàn toàn khác với quan điểm "khách quan chủ nghĩa" của giai cấp tư sản (thật ra cái gọi là "khách quan chủ nghĩa" chỉ che đậy ý đồ chủ quan) khi trình bày, giải thích lịch sử. Trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, từ việc khôi phục sự thực lịch sử, Hồ Chí Minh rút ra những bài học kinh nghiệm, liên hệ với tình hình cụ thể của nước ta một cách tự nhiên, hợp lôgic. Ở đây, phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic được sử dụng trong mối liên hệ, thống nhất với nhau tăng thêm hiệu quả của việc nhận thức quá khứ. Vì vậy, khi đọc những phần lịch sử trong *"Đường cách mệnh"*, trong một số bài báo, hoặc các tác phẩm lịch sử của Hồ Chí Minh, chúng ta không thấy có những thiếu sót của việc vận dụng không đúng phương pháp lịch sử và phương pháp lôgíc, như công thức, "hiện đại hoá" lịch sử, gò ép...

Cũng với quan điểm như vậy, trong bài *"Ba mươi năm hoạt động của Đảng"* hay *"Báo cáo tại Hội nghị chính trị đặc biệt"*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình bày quá trình phát triển của Đảng, của miền Bắc xã hội chủ nghĩa qua các giai đoạn khác nhau, mỗi giai đoạn có nội dung, đặc điểm riêng của nó, song lại có mối liên hệ chặt chẽ với nhau.

Trên cơ sở nhận thức sự thống nhất quan điểm giai cấp và quan điểm lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã thể hiện việc nghiên cứu sự việc, hiện tượng lịch sử một cách thực sự khoa học. Đánh giá vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong lịch sử là điểm nổi bật, quán

xuyến trong toàn bộ công tác lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh. Song Người vẫn không coi nhẹ vai trò và đóng góp cá nhân của những nhân vật kiệt xuất trong lịch sử. Việc nhận định, đánh giá sự kiện, nhân vật lịch sử là yêu cầu quan trọng của học tập, nghiên cứu lịch sử; nó chỉ đạt được kết quả khi tuân thủ nguyên tắc trên.

III. HÌNH THỨC, BIỆN PHÁP SỬ DỤNG TÀI LIỆU HỒ CHÍ MINH TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Việc sử dụng tài liệu Hồ Chí Minh trong dạy học lịch sử phải tuân thủ những nguyên tắc về phương pháp dạy học nói chung. Ở đây, chúng tôi nêu khái quát một số vấn đề, bởi vì việc sử dụng cụ thể được trình bày có các bài sau.

Thứ nhất, cung cấp thông tin trong bài học trình bày kiến thức mới

Như đã trình bày, trong tác phẩm của Hồ Chí Minh có rất nhiều tài liệu, sự kiện về lịch sử dân tộc và thế giới, trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội – chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục... Nhiều nhất là tài liệu về phong tràocách mạng (trong nước và thế giới), về đời sống của nhân dân (dưới chế độ phong kiến, thuộc địa, sau khi đất nước được giải phóng...), về diễn biến chiến sự trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và phần nào trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước... Các tài liệu, sự kiện này được dùng để bổ sung cho bài giảng theo nội dung sách giáo khoa, dùng để xây dựng các bài *tường thuật* và *miêu tả* về một chủ điểm nào đó (một cuộc đấu tranh cách mạng, một nhân vật lịch sử, đời sống nhân dân, các hoạt động kinh tế, xã hội...). Ví như, tài

liệu Hồ Chí Minh được sử dụng để xây dựng bài tường thuật nhằm tạo biểu tượng cụ thể, có hình ảnh về "hành hình kiểu Linsơ" hay về "cảnh buôn bán nô lệ", "chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ", "đời sống công nhân đồn điền thời Pháp thuộc". Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc, hay cung cấp tài liệu để các em tự xây dựng các bài tường thuật, miêu tả và trình bày ở lớp, tổ, trong giờ nội khoá hay hoạt động ngoại khoá.

Thứ hai, tài liệu Hồ Chí Minh được dùng làm cơ sở để ***tìm hiểu về bản chất của một sự kiện lịch sử, một nhân vật***. Ví như, dựa vào các câu thơ trong quyển "Lịch sử nước ta" để đánh giá Nguyễn Huệ – Quang Trung, phân tích sự thành công của ông là biết dựa vào nhân dân. Nhiều ý kiến của Hồ Chí Minh được sử dụng như phương hướng chỉ đạo cho việc tìm hiểu một sự kiện, làm cơ sở cho việc lập luận, chứng minh. Ví như, dựa vào câu của Hồ Chí Minh "Chủ nghĩa Mác – Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930"[1] để giải thích việc Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một hiện tượng hợp quy luật, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Đây là một sáng tạo của Hồ Chí Minh. Để hiểu rõ điều này, giáo viên đặt vấn đề, gợi ý, hướng dẫn học sinh trả lời: "Vì sao ở Việt Nam, sự ra đời của Đảng Cộng sản lại kết hợp cả ba yếu tố trên?", "Điều này có gì khác với việc ra đời của Đảng Cộng sản ở các nước tư bản?", "Hãy giải thích về mối quan hệ của ba yếu tố này?"...

Thứ ba, dùng trong ***Ôn tập, Bài tập, Kiểm tra lịch sử***. Có thể dùng một tài liệu của Hồ Chí Minh như bài "*Nghệ*

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 10, tr. 8.

Tĩnh đỏ" để lập niên biểu về những sự kiện chủ yếu của phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh 1930 – 1931.

Thứ tư, dùng trong ***hoạt động ngoại khoá***, giáo viên hướng dẫn học sinh tự học bài, kết hợp với tham khảo tài liệu Hồ Chí Minh, tìm hiểu quyển "*Lịch sử nước ta*", đọc diễn cảm, ngâm thơ hay trình bày các hoạt cảnh nhỏ, dựa vào nội dung tác phẩm Hồ Chí Minh.

Các hình thức và biện pháp sư phạm về sử dụng tài liệu Hồ Chí Minh trong giờ nội khoá cũng như các hoạt động ngoại khoá đều phải tiến hành theo hướng *phát huy tính tích cực của học sinh*. Những dẫn chứng cụ thể được trình bày ở các bài sau.

*

* *

Sử dụng tài liệu Hồ Chí Minh trong dạy học lịch sử được tiến hành trên các mặt - tài liệu – sự kiện, quan điểm phương pháp luận – với nhiều hình thức và biện pháp sư phạm thích hợp, có hiệu quả. Điều này đảm bảo việc nâng cao chất lượng bộ môn, song đòi hỏi giáo viên phải cố gắng nhiều về mặt chuyên môn, nghiệp vụ.

SỬ DỤNG VĂN KIỆN ĐẢNG TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ DÂN TỘC Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

*Ths Đỗ Hồng Thái**

Lịch sử Việt Nam từ năm 1930 đến nay gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì vậy, sử dụng văn kiện Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong dạy học lịch sử nói chung và dạy học lịch sử dân tộc nói riêng.

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC SỬ DỤNG VĂN KIỆN ĐẢNG TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ

1. Văn kiện Đảng trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông

Văn kiện Đảng phản ánh đường lối hoạt động cách mạng của Đảng ở mỗi thời kỳ lịch sử nên nó cũng là tài liệu lịch sử. Đường lối chiến lược của Đảng ta không thay đổi, nhưng ở mỗi một thời kỳ đều có những sách lược đấu tranh cho phù hợp với tình hình, điều này thể hiện rõ trong những văn kiện của các thời kỳ lịch sử đó-

Văn kiện Đảng được coi là tài liệu gốc, tuy nhiên không phải tài liệu gốc nào cũng là văn kiện của Đảng. Tài liệu thực

---

* Khoa Lịch sử - trường ĐHSP - ĐH Thái Nguyên.

sự chỉ trở thành văn kiện của Đảng khi nó thể hiện quan điểm mang tính chỉ đạo, tổng kết những kinh nghiệm và khái quát, nâng lên tầm lý luận. Có những tài liệu gốc, như Biên bản các cuộc họp chi bộ, kế hoạch hoạt động của các cấp bộ Đảng địa phương... chỉ mang ý nghĩa là những tài liệu lịch sử địa phương. Những văn kiện của Đảng do các cấp Trung ương ban hành ở một phạm vi rộng hơn, ý nghĩa tác dụng và ảnh hưởng của nó đến lịch sử dân tộc. Các văn kiện đó bao gồm những tài liệu có từ thời kỳ hoạt động của các tổ chức tiền thân của Đảng, như "Hội Việt Nam cách mạng thanh niên", "Tân Việt cách mạng Đảng", "Đông Dương cộng sản Đảng" (Đảng Cộng sản Đông Dương), "An Nam cộng sản Đảng" (Đảng Cộng sản An Nam), "Đông Dương cộng sản liên đoàn". Tiếp theo là các văn kiện của Hội nghị thành lập Đảng, văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc và Hội nghị cán bộ Trung ương, Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ, văn kiện của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương và văn kiện của Ban Thường vụ Trung ương, Bộ chính trị, Thường vụ Bộ chính trị, Thường trực Bộ chính trị, Ban Bí thư, Trung ương cục miền Nam, một số văn kiện của Xứ uỷ[1].

Văn kiện Đảng còn có "một số tác phẩm quan trọng, tiêu biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các Tổng Bí thư về đường lối, chủ trương của Đảng trong các thời kỳ cách mạng". Ngoài ra còn có "một số tài liệu quan trọng khác có quan hệ chặt chẽ với hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam như tài liệu của Quốc tế Cộng sản, thông báo về hội đàm đối ngoại của Đảng..."[2].

---

[1] Văn kiện Đảng, tập I. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998 (Lời giới thiệu bộ văn kiện Đảng toàn tập – VII).

[2] Văn kiện Đảng, Sđd.

Để sử dụng hiệu quả văn kiện của Đảng trong công tác nghiên cứu và dạy học lịch sử, việc phân loại văn kiện Đảng có ý nghĩa quan trọng. Có thể phân loại văn kiện trong dạy học lịch sử theo các cách sau đây:

- Văn kiện của Đảng theo các cấp Trung ương và cấp Đảng bộ địa phương. Cách phân loại này chỉ có ý nghĩa phân định phạm vi, quyền hạn chỉ đạo hoạt động của các cấp, còn nội dung các văn kiện là sự thống nhất từ Trung ương đến địa phương, nó được cụ thể hoá ở các câp bộ Đảng. Cách phân loại này giúp cho việc nhìn nhận lịch sử dân tộc trong mối quan hệ chặt chẽ giữa cái chung và cái riêng, giữa tính phổ biến và tính đặc thù.

- Văn kiện theo các thời kỳ lịch sử. Cách phân loại này tạo những điều kiện thuận lợi để nhìn nhận từng chặng đường phát triển của cách mạng, sự lớn mạnh, trưởng thành của các cấp bộ Đảng từ Trung ương đến địa phương; thấy được sự gắn bó chặt chẽ của lịch sử Đảng và lịch sử dân tộc.

- Văn kiện thuộc các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự... Cách phân loại này giúp ta có điều kiện đi sâu nghiên cứu từng lĩnh vực trong đời sống xã hội, qua những chặng đường lịch sử.

Dù phân loại theo cách nào chăng nữa, cũng phải xem xét văn kiện đó ra đời trong hoàn cảnh nào, nó gắn với nhiệm vụ cụ thể của cách mạng ở thời điểm đó ra sao. Nghị quyết của Đảng thường liên quan, gắn bó chặt chẽ với tình hình thế giới và trong nước, chỉ rõ mối quan hệ trực tiếp của cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Vì lẽ đó, văn kiện Đảng có ý nghĩa thiết thực đối với dạy học lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc.

2. Ý nghĩa của việc sử dụng văn kiện Đảng trong dạy học lịch sử

a. Ý nghĩa giáo dưỡng

Văn kiện của Đảng là căn cứ khoa học quan trọng để học sinh bổ sung, hoàn thiện, củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử trong quá trình học tập bộ môn. Dựa vào những văn kiện, các em có thể hiểu sâu sắc nguyên nhân xuất hiện, tiến trình phát triển và ý nghĩa lịch sử của nhiều sự kiện, hiện tượng lịch sử đã diễn ra trong các thời kỳ đấu tranh cách mạng. Muốn nắm vững kiến thức lịch sử phải dựa trên cơ sở của những sự kiện cụ thể, sinh động, đa dạng và cũng không kém phần phức tạp. Việc nắm vững kiến thức lịch sử thể hiện ở việc tìm ra sợi dây liên hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử, để từ đó biết đánh giá đúng đắn nguyên nhân, nắm được diễn biến, biết rút ra những kết luận, bài học lịch sử chính xác. Nó còn được thể hiện ở kỹ năng vận dụng những kiến thức đó để lý giải một số vấn đề thực tiễn đặt ra, tìm thấy mối liên hệ có tính biện chứng của các sự kiện trong các thời kỳ lịch sử.

Như vậy, thực chất của quá trình nắm vững kiến thức lịch sử là quá trình tạo ra những biểu tượng sinh động, chính xác về sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử v.v..., để từ đó hình thành khái niệm và hệ thống khái niệm, rút ra quy luật phát triển của nó. Rõ ràng việc nắm vững kiến thức không dừng lại ở việc trình bày sự phát triển của sự kiện lịch sử mà quan trọng hơn là biết giải thích vì sao nó phát triển như vậy? Điều đó có ý nghĩa gì ? Mối liên quan giữa các sự kiện đó ra sao? v.v...

Đặc biệt những văn kiện của Đảng trong các thời kỳ giúp các em nhận thức rõ những bước phát triển thăng trầm của

cách mạng, thể hiện cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt của nhân dân ta, kiên quyết giành cho kỳ được độc lập, tự do của dân tộc.

Cuộc đấu tranh quyết liệt của nhân dân ta dẫu bị kẻ thù đàn áp dã man, song không thể khuất phục được tinh thần đấu tranh của quần chúng. Đó là bằng chứng về niềm tin sắt đá của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng. Nó còn là sự thể hiện tính đúng đắn đường lối cách mạng của Đảng, phù hợp với nguyện vọng của quảng đại quần chúng cần lao, được quần chúng tin yêu và ủng hộ.

Sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng ở mỗi thời kỳ lịch sử, đã thể hiện tính sáng tạo trong đường lối lãnh đạo cách mạng, nó là nhân tố có tính quyết định đối với thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 và cả những thắng lợi ở các giai đoạn cách mạng sau này.

b. Ý nghĩa giáo dục

Việc dạy học lịch sử có ưu thế trong giáo dục tư tưởng, chính trị cho học sinh. Trong giai đoạn hiện nay, vấn đề giáo dục lịch sử càng đặt ra những yêu cầu cấp thiết. Nền kinh tế thị trường với những mặt tích cực ngày càng được khẳng định trong quá trình đổi mới toàn diện của đất nước, song nó có những ảnh hưởng tiêu cực cần được khắc phục kịp thời. Những yếu tố hiện đại, những giá trị tiến bộ đích thực cần được triệt để khai thác để làm phong phú đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ta; song phải dựa trên cơ sở của việc tiếp thu có lựa chọn, gạn lọc những tinh hoa của nhân loại, đồng thời vẫn giữ được những nét bản sắc độc đáo của dân tộc mình

Nghị quyết hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII đã xác định rõ nhiệm vụ quan trọng, nặng nề của

khoa học xã hội và nhân văn, cần đẩy mạnh việc "Nghiên cứu các vấn đề lịch sử dân tộc, tôn giáo, ngôn ngữ, văn học, nghệ thuật, con người Việt Nam, văn hoá, các chuẩn mực và thang bậc giá trị đạo đức mới; giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính, ý thức tự cường dân tộc... Tiếp thu, nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm các cuộc chiến tranh cứu nước, giữ nước của dân tộc, xây dựng lý luận quân sự Việt Nam"[1].

Từ những nhận thức đó, các em biết trân trọng, giữ gìn những di tích, di vật lịch sử, có ý thức khảo cứu, sưu tầm, bảo vệ những di sản dó. Không ít di tích lịch sử gắn liền với địa phương nơi các em được sinh ra và lớn lên, sẽ là cơ sở bồi dưỡng lòng tự hào chân chính, tình cảm mến yêu, gắn bó với quê hương, xứ sở của mình. Các em biết gắn truyền thống chung với truyền thống của cộng đồng, biết hành động sao cho xứng đáng với mảnh đất quê hương giàu truyền thống lịch sử, văn hoá.

c. Ý nghĩa phát triển

Văn kiện của Đảng được sử dụng trong dạy học Lịch sử, góp phần phát triển tư duy độc lập, sáng tạo của học sinh. Bất cứ môn học nào cũng phải giúp học sinh phương pháp tư duy trong quá trình học tập. Nhưng mỗi môn học do những đặc điểm mang tính đặc thù riêng, do đó việc học tập, nghiên cứu cũng mang những nét đặc trưng riêng: "Về học sinh học tập, suy nghĩ theo quy luật chung của tư duy con người, nhưng bên cạnh đó do sự khác biệt của nội dung có tính đặc trưng riêng"[2].

---

[1] Tài liệu học tập Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII) của Đảng. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1977, tr. 46.

[2] Xem M.N. Sácđacốp: *Tư duy học sinh*, Sđd, tập 1, tr. 23.

Muốn khôi phục những hình ảnh của quá khứ phải dựa trên cơ sở của những sự kiện, nhưng đó phải là những sự kiện chính xác, phản ánh thành tựu của khoa học hiện đại, đồng thời sự kiện đó phải vừa sức học sinh. Chỉ như vậy sự kiện mới có ý nghĩa phát triển, kích thích hoạt động tư duy tích cực của học trò. Để có nhận thức đúng đắn về quá khứ lịch sử, học sinh phải được rèn luyện phương pháp tư duy trên những mặt sau:

- Rèn luyện kỹ năng tưởng tượng, hình dung để tái hiện không khí, không gian lịch sử trong một hoàn cảnh và vị trí cụ thể. Tránh những biểu tượng sai lệch như hiện đại hoá lịch sử, gò ép, áp đặt, v.v...

- Rèn luyện kỹ năng so sánh, phân tích, đối chiếu các nguồn tài liệu, trên cơ sở đó kết luận khách quan, chính xác. Khắc phục sự nóng vội, hồ đồ, đánh giá phiến diện về lịch sử. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động tự học của học sinh.

- Rèn luyện phương pháp diễn dịch hoặc quy nạp để có cách nhìn biện chứng, lôgíc. Tuy nhiên, phải đặc biệt chú trọng phương pháp bộ môn để nhìn sự kiện, hiện tượng trong quá trình phát sinh, phát triển. Chỉ như vậy, việc nhận thức tri thức lịch sử mới khách quan, toàn diện.

II. TÀI LIỆU VĂN KIỆN ĐẢNG TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Tuy văn kiện của Đảng ra đời từ khi Đảng thành lập (3-2-1930), song cần phải kể đến các tài liệu của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình vận động thành lập Đảng. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta nhận thức sâu sắc về tình

hình, nhiệm vụ cách mạng nước ta để đề ra những đường lối, chủ trương đúng đắn và giành được thắng lợi. Đồng thời, Đảng cũng coi trọng việc nhận thức quá khứ lịch sử, truyền thống của dân tộc, lịch sử phong trào cách mạng thế giới, tình hình của nhiều nước có liên quan để rút ra bài học, kinh nghiệm quý báu. Do đó, *văn kiện Đảng không chỉ dùng để nghiên cứu và dạy học khoá trình lịch sử từ khi Đảng ra đời đến nay mà còn giúp chúng ta hiểu sâu sắc lịch sử dân tộc từ nguồn gốc đến 1930, nhiều vấn đề của lịch sử thế giới.*

Văn kiện Đảng trong một mức độ nhất định cung cấp nhiều tài liệu – sự kiện chính xác, mà chủ yếu là cơ sở lý luận để nhận thức sâu sắc lịch sử quá khứ của dân tộc và thế giới, đặc biệt phong trào cách mạng quốc tế. Để đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã tìm hiểu sâu sắc truyền thống dân tộc, sức sáng tạo của quần chúng nhân dân. Để kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, Đảng ta không chỉ hiểu biết sâu sắc về lịch sử dân tộc mà còn nhận thức đúng về lịch sử thế giới. Trên cơ sở hiểu biết như vậy mới đề ra đường lối, chính sách đúng đắn. Những nhận thức ấy phản ánh trong nhiều tài liệu, văn kiện của Đảng mà chúng ta có thể khai thác trong dạy học lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi giới hạn ở việc trình bày nguồn tài liệu văn kiện Đảng được dùng trong dạy học phần lịch sử dân tộc từ 1930-1945. Các giai đoạn khác của lịch sử dân tộc và trong một chừng mực nhất định về lịch sử thế giới, giáo viên sẽ tiếp tục khai thác để dạy học.

Dựa vào chương trình hiện hành, chúng tôi tập trung vào một số bài sau đây:

Bài "Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời"

Để giảng dạy bài này, chúng ta có thể khai thác nội dung một số văn kiện:

- "Chánh cương vắn tắt của Đảng".

- "Sách lược vắn tắt của Đảng".

- "Chương trình vắn tắt của Đảng".

- "Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng".

- "Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (10-1930).

Nhằm hiểu rõ, ngay khi mới thành lập, Đảng đã xác định đường lối đấu tranh đúng.

Bài "Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và cuộc đấu tranh khôi phục lực lượng cách mạng"

Nguồn tài liệu để giảng dạy bài này tập trung ở các văn kiện chủ yếu:

- *"Gửi cấp uỷ Trung Kỳ"*. Đây là chỉ thị của Trung ương Đảng (9-1930) nói về việc chỉ đạo phong trào cách mạng ở miền Trung, đặc biệt là ở Nghệ - Tĩnh.

- *"Án Nghị quyết của Trung ương toàn thể hội nghị"* (10-1930) nói về tình hình hiện tại ở Đông Dương và nhiệm vụ cấp thiết của Đảng.

- *"Án Nghị quyết của Trung ương toàn thể hội nghị"* lần thứ hai, tháng 3-1931.

- "Chỉ thị vấn đề chỉnh đốn Nông hội đỏ" 20-3-1931.

- "Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương, chi bộ độc lập của Quốc tế Cộng sản". Văn kiện này xuất hiện vào tháng 6-1932 do "Trung ương lâm thời cấp uỷ của Đảng Cộng sản Đông Dương" biên soạn.

- "Nghị quyết chính trị của đại biểu Đại hội (Congrès) lần thứ nhất (ngày 27-31 tháng 3 năm 1935 của Đảng Cộng sản Đông Dương)".

Khi sử dụng các văn kiện này, giáo viên hướng dẫn học sinh nhận thấy rằng, trong một vài văn kiện có những điểm chưa thật phù hợp với tình hình và nhiệm vụ lúc bấy giờ, do có sự xa rời tư tưởng Hồ Chí Minh, thậm chí hiểu không đúng quan điểm của Người.

Bài "Cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939"

Nguồn tài liệu giảng dạy bài này, bao gồm:

- "*Bức thư ngỏ của Trung ương Đảng ta* gửi Việt Nam Quốc dân Đảng, các nhóm và phe phái cách mạng, các hội phản đế, các tổ chức cải lương và các tổ chức đối lập, các phần tử cách mạng biệt lập ở Đông Dương" (4-1936).

- "*Bức thư công khai của Trung ương Đảng gửi cho các đồng chí toàn Đảng*" (6-1936).

- "Nghị quyết Hội nghị lần thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng 26-7-1936".

- "Bức thư ngỏ thứ 3 của Trung ương Đảng gửi các Đảng phái" (8-1936).

- "Bức thư ngỏ của Đảng ta gửi Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp ở Pari" (10-1936).

- "Chung quanh vấn đề chính sách mới của Đảng" (30-10-1936).

- "Thông báo của Trung ương Đảng gửi các cấp Đảng bộ" (20-3-1937).

- Cuốn sách "Chủ trương tổ chức mới của Đảng" (26-3-1937).

- "Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng 8-1937".

- "Thư gửi Mặt trận nhân dân Pháp, Chính phủ Lêôn Blum" (8-1937).

- "Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng" (3-1938).

- "Tuyên ngôn của Đảng ta đối với thời cuộc" (29-10-1938).

- "Thông báo khẩn cấp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng" (10-3-1939).

- "Tuyên ngôn về tình hình chung và đường lối của Đảng" (28-3-1939) ...

Các tài liệu, văn kiện trên được trích dẫn phù hợp với nội dung bài học, giúp học sinh hiểu cụ thể tình hình và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong phong trào 1936 – 1939, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Bài "Cuộc vận động cách mạng tháng Tám (1939 – 1945)"

Nguồn văn kiện, bao gồm:

- "Thông báo gửi các đồng chí cán bộ của Đảng" (29-9-1939).

- "Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VI" (11-1939).

- "Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VII" (11-1940).

- "Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VIII" (5-1941).

- "Chính sách mới của Đảng" (bài của đồng chí Trường Chinh, viết ngày 23-9-1941).

- "Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Trung ương" (2-1943).

- Bản Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" (3-1945).

- "Nghị quyết của Hội nghị toàn quốc của Đảng" (8-1945).

- "Lời Hiệu triệu của Đảng" (8-1945).

- "Tuyên ngôn Độc lập" (2-9-1945).

Các văn kiện này phản ánh thời kỳ vận động cách mạng giải phóng dân tộc 1939 – 1945, đưa tới thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Như vậy, nguồn tài liệu, văn kiện cũng rất đa dạng và phong phú cho dạy học lịch sử dân tộc 1930 –1945. Việc là sử dụng thế nào để phát huy hiệu quả của nguồn tài liệu qua khái quát đều có thể sử dụng trong bài học lịch sử. Vấn đề sử dụng tài liệu phải được lựa chọn sao cho phù hợp, sát với nội dung, chương trình, đối tượng v.v...

III. PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG VĂN KIỆN CỦA ĐẢNG TRONG DẠY HỌC KHOÁ TRÌNH LỊCH SỬ DÂN TỘC Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Việc sử dụng văn kiện Đảng tuân thủ theo những nguyên tắc dạy học, nó hoàn toàn phù hợp với đặc trưng của phương pháp dạy học bộ môn. Văn kiện Đảng dùng trong dạy học lịch sử ở nhà trường (cả lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới) phải thực sự có ý nghĩa minh hoạ, làm cơ sở cho việc giải thích, làm sáng tỏ sự kiện, hiện tượng lịch sử. Vì vậy, cần tránh việc sử dụng tài liệu một cách nặng nề, ôm đồm, làm cho bài học lịch sử dân tộc thành bài lịch sử Đảng, hoặc biến giờ học thành buổi nghiên cứu tài liệu, văn kiện tại lớp.

Tài liệu sử dụng phải sát hợp với nội dung, yêu cầu chương trình, bài học. Không chỉ vậy, nó phải phù hợp với

trình độ nhận thức của học sinh, có khả năng gắn liền nội dung bài học với kiến thức thực tiễn của địa phương, giúp học sinh có thể liên hệ kiến thức lịch sử giữa các thời kỳ trong quá trình học tập (đặc biệt là gắn lịch sử với đời sống xã hội hiện tại ở quê hương mình).

1. Sử dụng văn kiện Đảng trong bài học lịch sử nội khoá

Bài học nội khoá là một hình thức tổ chức dạy học chủ yếu ở trên lớp (có thể tổ chức ở thực địa, trong phòng lịch sử v.v...). Loại hình này chiếm hầu hết thời gian học tập của học sinh, do vậy nó được coi là bài học có vị trí quan trọng nhất. Trong quá trình dạy học loại bài này, ta có thể dùng tài liệu, văn kiện vào các công việc chủ yếu say đây:

- *Dùng tài liệu văn kiện để cụ thể hoá sự kiện lịch sử chủ yếu*. Trong trường hợp này, văn kiện Đảng được xem là những cứ liệu phong phú để học sinh tạo nên những biểu tượng lịch sử. Điều này giúp các em dễ hình dung, tái tạo hình ảnh lịch sử trong quá khứ. Nguồn tài liệu được sử dụng khéo léo, thông qua phương pháp sư phạm của thầy (lời nói sinh động, thái độ, tình cảm, hướng dẫn học sinh sử dụng...) có thể làm tăng thêm tính sinh động, hấp dẫn, gợi cảm. Như vậy nó vừa có tác dụng nhận thức, vừa có tác dụng giáo dục tư tưởng, tình cảm cho học sinh.

Chẳng hạn, khi dạy bài "*Cách mạng tháng Tám 1945*", nói về thời cơ ngàn năm có một cho cuộc cách mạng thắng lợi, giáo viên minh hoạ lời căn dặn của lãnh tụ Hồ Chí Minh trong lúc Người lâm bệnh nặng, tưởng chừng không qua nổi: "Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù có phải hy sinh đến đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn, cũng phải kiên quyết

giành cho được độc lập"[1]. Từ câu nói này, giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu "Những sự kiện nào chứng tỏ thời cơ cách mạng đã đến?", "Đảng ta đã làm gì khi có thời cơ?"...

Khi trình bày bản *"Tuyên ngôn Độc lập"* ngày 2-9-1945 do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại vườn hoa Ba Đình, giáo viên hướng dẫn một học sinh đọc hùng hồn, diễn cảm để gây tác động sâu sắc đến nhận thức và tình cảm của học sinh về sự kiện trọng đại và nội dung của bản tnyên ngôn bất hủ này: "...Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

...Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"[2].

Dựa vào bản Tuyên ngôn Độc lập, học sinh được hướng dẫn để hiểu rõ những thắng lợi của cách mạng.

- *Dùng văn kiện Đảng để giải thích một sự kiện, hiện tượng lịch sử.* Do sự ra đời của tài liệu gắn liền với hoàn cảnh xảy ra sự kiện, nên nó là cơ sở tin cậy để học sinh hiểu rõ điều kiện, nguyên nhân xuất hiện sự kiện, những yêu cầu của lịch sử lúc bấy giờ, sự chi phối của các yếu tố khác đối với sự kiện v.v... Chỉ có tạo những biểu tượng cụ thể về không gian, thời gian, bối cảnh lịch sử, học sinh mới có khả năng lý

---

[1] Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*. Nxb Văn học, Hà Nội, 1977, tr. 203.

[2] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 4, Sđd, tr. 3.

giải chính xác các sự kiện, hiện tượng để hiểu được bản chất cốt lõi của sự kiện lịch sử.

Chẳng hạn, khi tìm hiểu hoàn cảnh, điều kiện lịch sử mà Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị hợp nhất ba tổ chức Cộng sản và thành lập chính đảng duy nhất ở Việt Nam, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, học sinh nhận thức rõ hơn quan điểm của Nguyễn Ái Quốc về vấn đề giải phóng dân tộc ở Đông Dương, thể hiện ở các văn kiện của Người, được Hội nghị thông qua. Qua các văn kiện này, học sinh hiểu rõ quan điểm của Người về giải phóng dân tộc các nước Đông Dương có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau và trong khuôn khổ của từng quốc gia. Chỉ như vậy mới phát huy được yếu tố chủ quan, khả năng sáng tạo, sức mạnh tiềm tàng của từng quốc gia, dân tộc, tránh tư tưởng trông chờ, ỷ lại. Đó cũng là cách nhìn biện chứng của việc xử lý nhiệm vụ cách mạng quốc gia và cách mạng thế giới. Nghiên cứu các văn kiện nêu trên, học sinh nhận thức được rằng: "Cái từ Đông Dương rất rộng, và theo nguyên lý của chủ nghĩa Lênin, vấn đề dân tộc là một vấn đề rất nghiêm túc, người ta không thể bắt các dân tộc khác gia nhập Đảng, làm như thế là trái với chủ nghĩa Lênin. Còn cái từ An Nam thì hẹp, vì An Nam chỉ là miền Trung của nước Việt Nam mà thôi và nước ta có ba miền Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ. Do đó, từ Việt Nam hợp với cả ba miền và không trái với chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc"[1].

Điều đó hoàn toàn đúng với quan điểm cách mạng chân chính của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong "Tuyên ngôn của

---

[1] Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương: *Chủ tịch Hồ Chí Minh – Tiểu sử và sự nghiệp*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 68.

Đảng Cộng sản", những người thầy vĩ đại của giai cấp vô sản thế giới cũng chỉ rõ rằng: "Giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc"[1].

Quan điểm nói trên của Hồ Chí Minh chưa phải đã được một số người cộng sản Việt Nam chấp thuận, nhất là Quốc tế Cộng sản không hiểu rõ và phản đối. Cuộc đấu tranh về quan điểm, tư tưởng không phải là mâu thuẫn đối kháng, mà thực sự là cuộc đấu tranh để tìm ra chân lý khoa học đích thực của học thuyết cách mạng mà Mác - Ăngghen đã chỉ ra. Quốc tế Cộng sản - một tổ chức chính trị cao nhất của phong trào công nhân quốc tế, song trong hoàn cảnh bị chủ nghĩa đế quốc bao vây, xuyên tạc, mọi thông tin liên lạc khó khăn chậm trễ, thất thường, nên việc hiểu biết về tình hình Đông Dương chưa cặn kẽ và thấu đáo. Chính vì vậy, Quốc tế Cộng sản mới chỉ thấy ba nước Việt Nam, Lào, Cao Miên (Campuchia) cùng nằm trên bán đảo Đông Dương, có những hoàn cảnh địa lý, kinh tế, chính trị, xã hội tương đồng; cùng là thuộc địa của Pháp nên có thể áp dụng một mô hình giống như Liên bang Xô viết, nên chủ trương thành lập một chính đảng duy nhất ở Đông Dương, dù lúc đó ở Lào và Cao Miên chưa hề hình thành một nhóm cộng sản nào hoạt động độc lập. Hội nghị Trung ương tháng 10-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản. Tiếp tục tìm hiểu các bài viết, báo cáo của Nguyễn Ái Quốc, học sinh mới nhận thấy tư tưởng của Hồ Chí Minh rất phù hợp với điều kiện thực tiễn

---

[1] C. Mác, Ph. Ăngghen: Toàn tập, tập 4. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 623 – 624.

của cách mạng Việt Nam. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ VIII (5-1941), vấn đề giải phóng dân tộc được nhấn mạnh trong phạm vi khuôn khổ của từng quốc gia, Mặt trận Việt Minh ra đời có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc tập hợp lực lượng cách mạng ở Việt Nam, đưa cuộc Cách mạng tháng Tám đến ngày thắng lợi.

- *Dùng văn kiện Đảng để chứng minh cho các luận điểm khoa học, những nội dung mang tính khái quát cao*, phù hợp với trình độ học sinh. Trong quá trình học tập, các em thường gặp nhiều nội dung lịch sử thể hiện trình độ lý luận, khái quát về các vấn đề kinh tế, xã hội, chính trị v.v... Những kết luận đó phải dựa trên cơ sở của sự kiện lịch sử cụ thể. Văn kiện Đảng là cứ liệu xác đáng để tạo nên những biểu tượng hoặc làm sáng tỏ sự kiện. Do vậy, dựa vào văn kiện Đảng để chứng minh các luận điểm khoa học, luôn đảm bảo tính chính xác và ý nghĩa thuyết phục cao.

Ví như, khi trình bày việc *Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời*, giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nội dung của *"Chính cương vắn tắt"*, *"Sách lược vắn tắt"* do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (3-2-1930), để hiểu rằng: "Đảng phải thu phục cho được đại đa số dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng, đánh trúc bọn đại địa chủ và phong kiến.

Đảng phải hết sức làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày nghèo (Công hội, Nông hội, Hợp tác xã...) khỏi ở dưới quyền lực, ảnh hưởng của bọn tư sản quốc gia.

Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông (Thanh niên, Tân Việt, phái Nguyễn An Ninh...) để kéo họ đi về phe vô sản giai cấp. Còn đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam mà chưa lộ rõ mặt phản cách

mạng thì phải lợi dụng, ít nữa làm cho họ trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến...) thì phải đánh đổ, trong khi liên lạc tạm thời với các giai cấp không khi nào nhượng bộ một chút quyền lợi gì của công nông mà đi vào đường lối thoả hiệp"[1].

Cương lĩnh đúng đắn đó đã đáp ứng nguyện vọng chính đáng của quần chúng, nó là lời hiệu triệu quần chúng dấy lên phong trào cách mạng sôi động, quyết liệt và triệt để trong những năm 1930 - 1931. Giữa lúc phong trào cách mạng đang lên cao, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ nhất được triệu tập (10-1930). Hội nghị đã thông qua bản *Luận cương chính trị* do đồng chí Trần Phú khởi thảo. Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc và tìm hiểu các văn kiện này và tiến hành so sánh nội dung của chúng. Qua đó các em nhận thấy, bản Luận cương về cơ bản kế thừa các luận điểm, tư tưởng mà Nguyễn Ái Quốc đã đề cập trong các văn kiện "*Chính cương vắn tắt*", "*Sách lược vắn tắt*": Mục đích, tính chất cuộc cách mạng, trong giai đoạn đầu làm cách mạng tư sản dân qnyền (tức cách mạng dân tộc dân chủ) với hai nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc và phong kiến, nhằm thực hiện độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho nông dân. Cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi sẽ lập ra nhà nước công nông, sau đó chuyển lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân là hai động lực chính của cách mạng, trong đó giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo. Cách mạng Việt Nam phải liên lạc mật thiết với giai cấp vô sản các nước, với các dân tộc thuộc địa.

---

[1] *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Trích văn kiện, tập I*. Nxb Sách Giáo khoa Mác – Lênin, Hà Nội, 1978, tr. 26-27

Đó là những điểm giống nhau căn bản giữa "Chính cương vắn tắt", "Sách lược vắn tắt" và "Luận cương chính trị", chúng thể hiện việc quán triệt trên những vấn đề then chốt của lý luận Mác – Lênin, bước đầu khẳng định một số vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt Nam. Giáo viên lại hướng dẫn học sinh lập bảng so sánh hai văn kiện này để thấy rằng, *Luận cương chính trị* còn hạn chế ở chỗ chưa vạch ra được những mâu thuẫn của xã hội thuộc địa là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai của chúng. Do đó, không nêu được vấn đề dân tộc có ý nghĩa quan trọng hàng đầu mà còn nặng về đấu tranh giai cấp. Nghệ Tĩnh, nơi có phong trào cách mạng phát triển tới đỉnh cao, với sự ra đời các Xô viết – một hình thức chính quyền cách mạng công nông – nhưng lại xuất hiện những quan điểm tả khuynh trong đấu tranh giai cấp. Khẩu hiệu đấu tranh "Trí, phú, địa, hào đào tận gốc, trốc tận rễ" được Trung ương Đảng phê phán gay gắt và kịp thời chấn chỉnh khuynh hướng đấu tranh sai lệch nêu trên.

Hạn chế của Luận cương còn thể hiện ở việc đánh giá không đúng vai trò cách mạng của giai cấp tiểu tư sản, phủ nhận mặt tích cực, yêu nước của tư sản dân tộc: "Trong thời kỳ chống đế quốc chủ nghĩa, hạng ấy cũng hăng hái tham gia, nhưng chỉ lúc đầu mà thôi, chúng nó không thể bênh vực quyền lợi cho dân cày được vì chúng nó có phần nhiều giây giướng với bọn địa chủ"[1].

Qua tìm hiểu văn kiện Đảng, học sinh hiểu sâu sắc rằng, những cách đánh giá như vậy đã để lại những ảnh hưởng không nhỏ đối với thực tiễn đấu tranh cách mạng lúc này.

---

[1] *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Trích Văn kiện, Sđd, tr. 41-42.

Những quan điểm nói trên dẫn tới việc phê phán gay gắt chủ trương chia giai cấp địa chủ thành ba bộ phận (đại, trung, tiểu địa chủ), coi việc "lợi dụng", "trung lập" địa chủ vừa và nhỏ là "sai lầm nguy hiểm", coi bộ phận tư sản chưa lộ rõ mặt phản cách mạng "không chỉ một phe với mình được, mà cũng không thể lợi dụng chúng nó được"[1].

Những quan điểm này thể hiện trong "Chỉ thị gửi các cấp bộ", ngày 9-2-1930. Chỉ thị cho rằng, việc hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam là những quan điểm và hành động mang tính biệt phái, "là sai lầm chính trị rất lớn và nguy hiểm", do đó cần phải khắc phục tích cực, thậm chí "phải thực hành tất cả các công việc như mới bắt đầu tổ chức ra Đảng vậy"[2]. Giáo viên hướng dẫn học sinh thấy rõ quan điểm trên không phù hợp với tình hình và yêu cầu cách mạng lúc bấy giờ. Những quan điểm như vậy ảnh hưởng đến công tác vận động quần chúng. Hội nghị Trung ương lần thứ nhất đã chỉ rõ hạn chế của công tác này: "Công tác trong quần chúng kém, Công hội rất yếu, các đoàn thể khác (Cứu tế, Phản đế) thì tổ chức lộn xộn hoặc sơ sài. Chi bộ không ra sức công tác trong quần chúng, không mật thiết liên lạc với quần chúng"[3]. Từ thực tế như vậy, Đảng đã đề ra nhiệm vụ tăng cường công tác quần chúng: "Ra sức vận động trong các sản nghiệp, các đoàn thể thợ thuyền... làm cho Công hội nhiều, rộng ra, chỉnh đốn Nông hội lại cho có hệ thống", "Đảng phải lập tức phái một số các đồng chí chuyên trách tổ chức Phản

---

[1] *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Sđd, tr. 59.

[2] *Văn kiện Đảng 1930-1945. Tập I.* Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, 1977, Sđd, tr. 189-190.

[3] *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*.Trích văn kiện, tập I, Sđd, tr. 58.

đế đồng minh và Hội cứu tế, hô hào các đoàn thể quần chúng và các đảng phái khác ra nhập hai hội ấy"[1].

Những hạn chế nói trên làm ảnh hưởng không nhỏ đến chủ trương thành lập Hội phản đế Đông Dương, do đó chủ trương của Đảng mới chỉ nằm trên Nghị quyết mà chưa thể biến thành hiện thực. Tất nhiên về mặt khách quan lúc này, thực dân Pháp đang tiến hành khủng bố trắng, ta đang phải tập trung lo đấu tranh chống khủng bố, nhưng không vì thế mà ta không nhận thấy việc tồn tại một số quan điểm tả khuynh, sai lầm trong Đảng lúc bấy giờ. Cuộc đấu tranh gay gắt của những quan điểm là điều khó tránh khỏi đối với một Đảng Cộng sản mới ra đời và hoạt động bí mật, ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Đấu tranh để đi tới chân lý khoa học cách mạng là cả một quá trình phức tạp, nhiều khi phải đổi bằng giá đắt, nó chỉ khẳng định sự đúng đắn thực sự khi đã trải qua sự kiểm định nghiệt ngã của thực tiễn lịch sử.

- *Dùng văn kiện Đảng để so sánh, đối chiếu các sự kiện, hiện tượng lịch sử, để rút ra những kết luận khoa học, chính xác*. Lịch sử là cụ thể, vì vậy để so sánh, chỉ ra yếu tố tích cực hay lạc hậu, đúng đắn hay sai lầm, thành công hay thất bại v.v... đều phải dựa vào sử liệu. Điều này có thể thực hiện qua các phương pháp định tính, định lượng hoặc thống kê toán học. Nhưng khẳng định tính chân lý của chủ trương, đường lối phải căn cứ trước hết vào tính chính xác của văn kiện. Đây là cơ sở để đối chiếu với yêu cầu thực tiễn lịch sử đặt ra và tất cả những gì mà lịch sử đã kiểm chứng. So sánh trong dạy học lịch sử giúp các em phát triển năng lực tư duy tích cực, độc lập và sáng tạo. So sánh gắn liền với phân tích,

---

[1] Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Trích văn kiện, tập I, Sđd, tr. 64.

chứng minh để rồi khái quát hoá, trừu tượng hoá. Đó là điều cần phải đạt được trong hoạt động nhận thức lịch sử ở nhà trường. Chỉ như vậy, các em mới nắm vững được các khái niệm lịch sử, hiểu được quy luật phát triển của nó.

Với tính đa dạng của văn kiện (như đã nêu), ta có thể dùng nguồn tài liệu này ở nhiều khoảng thời gian khác nhau, theo nhiều cách khác nhau, nhằm tổ chức một giờ học sinh động và hấp dẫn.

+ Mở đầu bài giảng, thu hút sự chú ý của học sinh.

+ Tổ chức tình huống có vấn đề.

+ Đàm thoại trên lớp.

+ Trả lời câu hỏi.

+ Kết hợp theo dõi sách giáo khoa.

+ Kết thúc bài học.

+ Ra bài tập về nhà v.v...

2. Sử dụng văn kiện Đảng trong hoạt động ngoại khoá

Trên thực tế, không thể sử dụng hết nguồn văn kiện Đảng trong các tiết học của loại bài lịch sử nội khoá, (hạn chế về thời gian, nội dung bài học v.v...), cho nên cần chú ý sử dụng các loại tài liệu này trong các hoạt động ngoại khoá.

Hoạt động ngoại khoá là một hình thức tổ chức dạy học rất sinh động, hấp dẫn đối với học sinh. Nếu được tổ chức chu đáo, hoạt động ngoại khoá sẽ đem lại hiệu quả giáo dưỡng, giáo dục và phát triển sâu sắc, toàn diện. Ta có thể sử dụng văn kiện Đảng trong các hình thức học tập ngoại khoá sau đây:

- Dùng văn kiện Đảng để giúp các em chuẩn bị bài viết theo các chủ đề, tham gia báo cáo, sinh hoạt ở câu lạc bộ yêu thích bộ môn.

- Dùng tài liệu, văn kiện Đảng để trao đổi, thảo luận trong các buổi xêmina, toạ đàm, tiếp xúc với các đồng chí lão thành cách mạng.

- Dùng để minh hoạ, giải thích các vấn đề lịch sử khi tổ chức học sinh tham quan, nghiên cứu ở khu di tích, bảo tàng, nhà truyền thống v.v...

- Dùng trong việc tổ chức học tập bài lịch sử ở thực địa. Cần chú ý, bài lịch sử ở thực địa là bài học nội khoá, song nó cho phép có thể kết hợp rộng rãi các hình thức hoạt động ngoại khoá như kể chuyện, dạ hội, tham quan v.v...

- Văn kiện Đảng được sử dụng trong quá trình hướng dẫn học sinh sưu tầm, khảo cứu lịch sử địa phương, tham gia các hoạt động sinh hoạt truyền thống nhân các ngày lễ tại địa phương mình.

*

* *

Nội dung trình bày nhằm đạt những yêu cầu chủ yếu sau đây:

- Xác định cơ sở lý luận và thực tiễn của việc sử dụng văn kiện Đảng trong dạy học lịch sử.

- Sưu tập văn kiện Đảng để dạy học các khoá trình lịch sử.

- Sử dụng văn kiện Đảng làm các loại bài tập trong kiểm tra, đánh giá, trong hoạt động ngoại khoá, với sự nỗ lực, tích cực học tập của học sinh, dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

TÀI LIỆU HỒ CHÍ MINH TRONG DẠY HỌC CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 – 1954)

*TS. Thượng tá Nguyễn Minh Đức**

Hồ Chí Minh có nhiều tài liệu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong phạm vi bài này, chúng tôi giới hạn ở một số tài liệu của Người được sử dụng trong học tập Lịch sử (chủ yếu ở trường Trung học phổ thông) trên hai lĩnh vực: tài liệu – sự kiện để tạo biểu tượng và khái quát – lý luận.

1. Bối cảnh lịch sử – Nguyên nhân bùng nổ chiến tranh

Vì sao thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam ngay sau khi nhân dân ta vừa giành được độc lập?

Về vấn đề này, câu trả lời có thể tìm thấy trong nhiều tài liệu của Hồ Chí Minh.

Cách mạng thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập và "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"[1]. Nhưng thực dân Pháp, được các nước thực dân, đế quốc đồng tình, giúp đỡ, trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Chúng gây hấn ở Nam Bộ, rồi mở rộng chiến tranh xâm lược trong cả nước. Nhân dân ta đã nhân nhượng - ~~ký~~ Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946, Tạm ước 14-9-

---

* Viện Lịch sử quân sự - Bộ Quốc phòng.

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 4, tr. 16.

1946..., nhưng "chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa"[1]. Do đó, "chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"[2]. Như vậy, kẻ thù buộc chúng ta phải cầm súng chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta nhân nhượng, song không chịu khuất phục, không rời bỏ mục tiêu độc lập dân tộc của mình: "... dân Việt Nam không muốn đổ máu, dân Việt Nam yêu chuộng hoà bình. Nhưng nếu cần phải hy sinh mấy triệu chiến sĩ, nếu cần phải kháng chiến bao nhiêu năm để giữ gìn quyền độc lập của Việt Nam, để cho con cháu Việt Nam khỏi kiếp nô lệ, thì chúng ta vẫn kiên quyết hy sinh và kháng chiến. Vì dân Việt Nam tin chắc rằng thế nào cuộc kháng chiến này cũng thành công"[3].

Tài liệu Hồ Chí Minh giúp chúng ta tự giải đáp vấn đề mà những thế lực phản động, một vài người bị lừa gạt cho rằng, không cần kháng chiến, hy sinh đất đai nhiều vẫn giành được độc lập, Đảng Cộng sản Việt Nam tỏ ra "hiếu chiến". Chúng ta dễ dàng nhận thấy nguồn gốc của chiến tranh là âm mưu xâm lược nước ta của thực dân Pháp; chúng ta không hiếu chiến, chúng ta muốn hoà bình nhưng phải chiến đấu mới giành được độc lập, hoà bình thực sự.

2. Diễn biến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược

Hồ Chí Minh đã đề cập đến các giai đoạn của cuộc kháng chiến, miêu tả, tường thuật một cách cụ thể, sinh động diễn biến chiến sự. Xin dẫn ra một vài ví dụ:

---

[1] [2] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 4, tr. 460.

[3] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 4, tr. 91-92.

Thứ nhất, về chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947.

Trong quyển *"Việt Bắc anh hùng"*, Hồ Chí Minh đã trình bày:

"Âm mưu địch tấn công Việt Bắc là chúng muốn khủng bố nhân dân ta, tiêu diệt chủ lực ta, phá tan cơ quan ta.

Lực lượng của địch: Chúng động viên 15.000 binh sĩ tinh nhuệ nhất trong hải, lục, không quân của chúng vào cuộc tấn công này.

Kế hoạch của địch: Chúng phóng một gọng kìm khổng lồ phía Nam, từ Hà Nội thọc thẳng đến Phú Thọ, lên Tuyên Quang, đến Chiêm Hoá.

Một gọng kìm khổng lồ phía Bắc, từ Lạng Sơn rượt thẳng lên Cao Bằng, đến Bắc Cạn.

Một mũi dùi khổng lồ từ Hà Nội chọc thẳng vào vùng Thái Nguyên, Bắc Cạn để chặt Việt Bắc ra làm hai miếng.

Nhảy dù lung tung ở Chợ Mới, Chợ Đồn, Chợ Chu, Đại Từ, Vũ Nhai và nhiều nơi khác.

Một đại đội quân từ Bắc Giang, Bắc Ninh đánh tạt lên. Thế là bốn phía thắt chặt, từ ngoài đánh vào, từ trong đánh ra.

Thời gian của địch: Bọn quân phiệt thực dân định dùng cách đánh ồ ạt, chớp nhoáng, bất thình lình, dùng cách "sét đánh ngang tai", làm cho ta hoang mang, hoảng hốt, làm cho ta trở tay không kịp.

Chúng định trong một tháng thì đánh tan Việt Bắc. Rồi chúng khoan thai lập chính phủ bù nhìn"[1].

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 5, tr. 341-342.

Đoạn trích dẫn trên được sử dụng vào việc phân tích âm mưu của thực dân khi tổ chức đánh lên Việt Bắc, để tường thuật, theo bản đồ, kế hoạch của địch với quy mô to lớn và xảo quyệt. Nhưng kết quả chiến dịch của chúng ra sao?

"Quân ta thắng lợi.

Sông Lô đầy xác.

Ngày 10-11-1947, bộ đội Pháp kéo xuống sông Gâm. Bên thuỷ thì do quan tư Kegaravat và Petit chỉ huy. Bên bộ thì do quan ba Bruneau lãnh đạo.

Bộ đội Pháp đang nghênh ngang kéo đi đến ngã ba sông Lô thì bất thình lình bị đại bác, bazooka, súng máy, súng trường, lựu đạn ta bắn vào. Tiếng đạn lẫn tiếng reo làm vang trời chuyển đất.

Kết quả trận phục kích này Pháp bị đắm hai thuyền, ba tàu bị hỏng, hơn 350 quan và lính bị chết đạn, chết cháy và chết trôi.

Từ 2 giờ trưa đến 3 giờ sáng, lửa cháy vùn vụt, xác nổi lềnh bềnh hơn một cây số trên sông Lô. Đến nỗi nước sông thối mấy ngày không dùng được[1].

Đoạn trích dẫn trên ngắn gọn, súc tích, song tạo cho người đọc một biểu tượng cụ thể, có hình ảnh về chiến thắng của quân dân ta trong trận thắng sông Lô. Qua tài liệu này, chúng ta nhận thấy thái độ kiêu căng, chủ quan của quân địch; lòng dũng cảm và nghệ thuật quân sự của quân dân ta, biết dùng chiến thuật phục kích là chủ yếu, đánh vào một nhược điểm lớn của quân xâm lược là huy động cùng một lúc cả quân thuỷ và quân bộ dàn trải trên một vùng rộng lớn,

---

[1] Sđd, tr. 350.

núi non hiểm trở và không nắm vững địa hình, không rõ tình hình quân ta. Nhờ vào lòng dũng cảm chiến đấu, với nghệ thuật quân sự tài tình, quân dân ta đã thắng lớn, đánh bại hoàn toàn âm mưu chiến lược của địch.

Về ý nghĩa của chiến thắng Việt Bắc, Hồ Chí Minh chỉ rõ:

"...Chúng đã bị trừng phạt bằng một thất bại vang dội, với 7.500 quân của chúng bị giết và bị thương.

Từ sau thất bại đó, chúng tự hạn chế trong các trận đánh có quy mô nhỏ hơn"[1].

Tài liệu này gợi ý cho người học tự giải quyết các vấn đề quan trọng, như "Ý nghĩa chiến lược của chiến thắng Việt Bắc là gì?". Đây là lần đầu tiên sau ngày toàn quốc kháng chiến, quân, dân ta đã đánh bại cuộc tấn công có quy mô lớn của địch, không chỉ bảo vệ được căn cứ kháng chiến quan trọng, làm thất bại hoàn toàn chiến lược "đánh nhanh thắng nhanh" của địch, mở ra giai đoạn mới của cuộc kháng chiến chống Pháp, "đặt cơ sở cho thắng lợi của toàn quốc kháng chiến và cũng có thể nói đặt cơ sở cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ đây về sau"[2].

Thứ hai, về chiến dịch Biên giới thu đông 1950, Hồ Chí Minh cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kết quả, nguyên nhân và ý nghĩa chiến thắng:

"*Kết quả của thắng lợi đó là ta đã:*

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 6, tr. 28.

[2] Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh – trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi và bài học*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 125.

- Tiêu diệt và bắt sống được quân và lính tinh nhuệ của giặc, làm cho giặc rất hoang mang.

- Thu được nhiều vũ khí Mỹ giúp cho giặc.

- Khôi phục được năm tỉnh và nhiều nơi quan trọng.

Nguyên nhân:

- Nhân dân ta rất hăng hái giúp bộ đội.

- Bộ đội ta rất dũng cảm và tiến bộ về mặt kỹ thuật. Chỉ huy ta rất kiên quyết.

- Các nơi hưởng ứng đều và tích cực.

- Chuẩn bị khá chu đáo.

... Ý nghĩa quan trọng:

- Lần này ta giành được quyền chủ động.

- Ta học được nhiều kinh nghiệm..."[1].

Theo đó, ý nghĩa chiến lược của thắng lợi trong chiến dịch Biên giới thu đông 1950 là gây cho thực dân Pháp thất bại nặng nhất trong chiến tranh xâm lược từ 1945 đến nay. Ở những điểm nào? "Quân dân ta giành được quyền chủ động, biên giới được khai thông, phá vỡ thế bị bao vây, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, đẩy cuộc kháng chiến đến thắng lợi...". Chúng ta chú ý một chi tiết quan trọng: "Thu được nhiều vũ khí Mỹ giúp cho giặc". Điều này chỉ rõ sự can thiệp ngày càng công khai, trắng trợn của Mỹ vào chiến trường Đông Dương, mà sau đó Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ nêu rõ.

Thứ ba, về chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhiều bài viết, giúp chúng ta hiểu rõ chủ trương của Đảng, động viên sự đóng góp to lớn của nhân dân

---

[1] Hồ Chí Minh: *Tiếp các nhà báo*, Toàn tập, Sđd, tập 6, tr. 616.

vào chiến dịch; diễn biến, kết quả, ý nghĩa của chiến thắng. Những tài liệu này được sử dụng trong khi trình bày bài mới (giúp cho học sinh có những sự kiện chính xác, hấp dẫn, sinh động); trong hoạt động ngoại khoá, trình bày các *"Mẩu chuyện về Điện Biên Phủ"*[1] vừa dí dỏm, vừa có tác dụng giáo dục tư tưởng, tự hào về chiến thắng "chấn động địa cầu" và lòng tin vào thắng lợi cuối cùng; và bài thơ *"Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ"* nêu lên các giai đoạn của chiến dịch và kết quả đạt được.

Điều quan trọng trong học tập *"Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ"* là dựa vào tài liệu của Hồ Chí Minh để phân tích ý nghĩa lịch sử, ảnh hưởng của chiến thắng này. Trong nhiều bài viết, vào những thời gian khác nhau, như *"Báo cáo tại Hội nghị chính trị đặc biệt"* (tập 11, tr. 220), *"Báo cáo về dự thảo Hiến pháp sửa đổi"* (tập 5, tr. 582), trong bài *"Nhân ngày kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ"* (tập 11, tr. 261). Những đoạn được trích dẫn có hệ thống trong quyển *"Những vấn đề lịch sử trong tác phẩm Hồ Chí Minh"*[2].

Các tài liệu này chỉ rõ, chiến thắng Điện Biên Phủ đưa đến Hội nghị Giơnevơ 1954 về Đông Dương, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, chuyển sang thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn miền Nam đánh thắng đế quốc Mỹ, thống nhất Tổ quốc.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là "cái mốc chói lọi bằng vàng của lịch sử (Hồ Chí Minh). Nó khẳng định trong thời

---

[1] Sđd, tập 7.

[2] Phan Ngọc Liên (chủ biên): *Những vấn đề lịch sử trong tác phẩm Hồ Chí Minh*. Sđd, tr. 144-145.

đại mới, các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc có thể đánh thắng chủ nghĩa thực dân, đế quốc để giành độc lập, tự do. Nó gây ra sự "bùng nổ dây chuyền" trong phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ.

Không ít nhà nghiên cứu lịch sử, xã hội phương Tây đã ví "Chiến thắng Điện Biên Phủ la chiến thắng Vanmi của người da mầu"[1] và khẳng định rằng: "Trên toàn thế giới, Watèrloo trước đây không gây tiếng vang bằng, Điện Biên Phủ thất thủ gây nỗi kinh hoàng khủng khiếp. Đó là một trong những thảm bại lớn của phương Tây, báo trước sự sụp đổ của đế quốc thuộc địa và sự cáo chung của một nền cộng hoà. Tiếng sấm Điện Biên Phủ vẫn hãy còn vang vọng"[2]

3. Ý nghĩa lịch sử. Nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta có ý nghĩa to lớn đối với trong nước và thế giới, bắt nguồn từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan. Hiểu rõ điều này mới nhận thức rõ tầm vóc thời đại của cuộc kháng chiến.

Trong nhiều tư liệu của mình, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh đến ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và những bài học của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam. Trong bài *"Ba mươi năm hoạt động của Đảng"* (1960), Hồ Chí Minh đã nêu rõ:

---

[1] X. Philippe Defarges: les relations internationales dans le monde d'aujourd'hui. Entre globalisation et fragmentation, 4e édition actualisée, et augmentée EJ, STH, Paris, 1992, tr. 92.

[2] Jules Roy: *Trận Điện Biên Phủ dưới con mắt người Pháp*. Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr. 579.

"... Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

Một lần nữa, chủ nghĩa Mác - Lênin đã soi đường cho giai cấp công nhân và nhân dân Vlệt Nam kháng chiến, cứu nước thành công, giữ gìn thành quả cách mạng của mình"[1].

Trên cơ sở những kiến thức đã học về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và dựa vào tài liệu của Hồ Chí Minh nêu trên, học sinh dưới sự hướng dẫn của thầy giáo, phát huy tính tích cực để rút ra những vấn đề chủ yếu sau đây:

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp đã bảo vệ và phát triển thành quả Cách mạng tháng Tám 1945, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, một nửa nước đã sạch bóng quân thù.

- Trong kháng chiến, nhân dân ta đã tiếp tục xây dựng chế độ dân chủ nhân dân ở vùng tự do, trở thành hậu phương vững chắc của tiền tuyến, đánh thắng thực dân Pháp xâm lược. Phương châm "kháng chiến - kiến quốc", "kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện, nhất định thắng lợi" được thực hiện có kết quả...

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp thể hiện ý chí và quyết tâm chiến đấu của nhân dân ta vì độc lập, tự do và hạnh phúc.

- Thắng lợi của nhân dân ta trong kháng chiến chống Pháp góp phần không nhỏ vào cuộc đấu tranh của nhân loại

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 10, tr. 11-12.

tiến bộ vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Thắng lợi cuộc kháng chiến là do sức mạnh đoàn kết, chiến đấu anh dũng của nhân dân, sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, sự ủng hộ tích cực, có hiệu quả của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Pháp.

Từ đó, giáo viên hướng dẫn học sinh rút ra những bài học lịch sử, theo tài liệu Hồ Chí Minh và phù hợp yêu cầu, trình độ các em:

- Phát huy sức mạnh, tinh thần yêu nước của nhân dân.
- Đảm bảo sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.
- Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc.
- Thực hiện đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế...

VẬN DỤNG MỘT VÀI QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VÀO DẠY HỌC "CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 – 1975)"

TS Bùi Thị Thu Hà*

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tiếp tục cuộc chiến đấu để giải phóng dân tộc, bảo vệ đất nước, mà kẻ thù buộc chúng ta phải cầm súng. Với "quyết tâm giành độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, giành tự do hoàn toàn cho nhân dân"[(1)], nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã thực hiện lời dạy của Người "Không có gì quí hơn độc lập tự do?". Người không được chứng kiến ngày toàn thắng, nhưng khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng thì "như có Bác trong ngày vui đại thắng". Bởi vì, tư tưởng của Người đã được quán triệt và thể hiện trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trên cơ sở tài liệu Hồ Chí Minh, có thể rút ra một số vấn đề.

1. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là một cuộc chiến tranh chính nghĩa chống chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh – Phân viện Hà Nội.

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 11, Sđd, tr. 470.

Trên cơ sở sự kiện đã học, học sinh hiểu rằng, âm mưu xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ xuất phát từ bản chất của chúng, muốn làm bá chủ thế giới. Điều này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tố cáo trong bài "*Trả lời các nhà báo về vấn đề Mỹ can thiệp vào Đông Dương*", ngày 25-7-1950: "Lâu nay đế quốc Mỹ đã công khai can thiệp vào Đông Dương. Lâu nay thực dân Pháp làm chiến tranh ở Việt Nam, Miên và Lào là nhờ tiền bạc, súng đạn Mỹ và theo chỉ thị của Mỹ.

Nhưng đế quốc Mỹ ngày càng mưu gạt thực dân Pháp để độc chiếm lấy Đông Dương. Vì lẽ đó mà Mỹ càng ngày càng trực tiếp và tích cực can thiệp về mọi mặt: quân sự, chính trị, kinh tế..."[1].

Từ sau 1954, "đế quốc Mỹ đã trắng trợn chà đạp lên Hiệp định Giơnevơ năm 1954, dùng bọn ngụy quyền bán nước để thi hành một chính sách phát xít đẫm máu, biến miền Nam Việt Nam thành một thuộc địa kiểu mới và một căn cứ quân sự của Mỹ, hòng chia cắt lâu dài đất nước Việt Nam, đe doạ nghiêm trọng nền hoà bình và an ninh của các dân tộc ở Đông Dương và Đông Nam Á"[2].

Dù tiến hành những âm mưu chiến lược khác nhau, từ "Chiến tranh một phía", "Chiến tranh đặc biệt", "Chiến tranh cục bộ", "Việt Nam hóa chiến tranh", đế quốc Mỹ không thể che đậy tính chất của cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa thực dân mới. Vì vậy, "nhân dân ta phải tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân, toàn dân và toàn diện, với trình độ phát triển cao, chống lại và đánh

---

[1] Sđd, tập 6, tr. 73.

[2] Sđd, tập 11, tr. 492.

được cuộc chiến tranh xâm lược dã man, tàn khốc nhất của đế quốc Mỹ trong thế kỷ này"[1].

Cuộc đấu tranh của nhân dân ta tiến hành trong bối cảnh lịch sử sau Chiến tranh thế giới thứ hai, có nhiều thuận lợi - hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển, phong trào cách mạng thế giới dâng cao, thế và lực của chủ nghĩa đế quốc có phần suy giảm - và không ít khó khăn, vì sự ngoan cố của chủ nghĩa đế quốc, những sai lầm, thiếu sót trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự chia rẽ trong phong trào cộng sản và công nhân thế giới... Do đó, nhân dân ta phải phát huy truyền thống, sức mạnh dân tộc, đoàn kết chung quanh Đảng để tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đây là "nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người dân yêu nước"[2], với quyết tâm: "Hễ còn một tên xâm lược nào trên đất nước, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi"[3].

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta nhất định sẽ thắng lợi vì đó là cuộc chiến tranh chính nghĩa để giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Cuộc kháng chiến đã huy động sức mạnh của toàn dân ở hai miền Nam, Bắc hỗ trợ cho nhau để cùng một lúc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược - giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghiã xã hội là sức mạnh cổ vũ mạnh mẽ đi đến thắng lợi. Điều này đế quốc Mỹ không thể hiểu nổi, chúng "...tưởng lầm với sức tàn phá dã man của

---

[1] Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh, trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi và bài học*, xuất bản lần thứ hai. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 25.

[2] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 11, Sđd, tr. 434.

[3] Sđd, tập 12, tr. 407.

bom đạn, chúng có thể làm suy yếu miền Bắc, ngăn chặn sự ủng hộ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn và làm giảm sức chiến đấu của miền Nam. Sự thật là, càng chiến đấu chống giặc Mỹ, miền Bắc càng vững mạnh mọi mặt và luôn luôn hết sức ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của đồng bào miền Nam anh hùng. Càng chiến đấu chống giặc Mỹ, đồng bào miền Nam càng đoàn kết chặt chẽ, sức càng mạnh càng thắng to"[1].

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam có phải chỉ vì sự nghiệp giải phóng dân tộc của mình hay không? Về vấn đề này, Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Mỹ lấy chiến trường miền Nam làm thí điểm về chiến thuật, trang bị, vũ khí. Nếu ở miền Nam nó thắng thì nó dùng cách ấy để ăn cướp các dân tộc khác. Nếu chúng ta thắng ở miền Nam tức là chúng ta đã đè được lực lượng xâm lược của Mỹ, đó là ta góp phần vào cách mạng thế giới. Vì vậy, ta quyết chiến, quyết thắng ở miền Nam chẳng những là vì nhiệm vụ của chúng ta, mà còn nghĩa vụ của ta đối với cách mạng thế giới"[2].

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam mang tính chất chính nghĩa và thời đại sâu sắc nên được nhân dân thế giới nhiệt liệt ủng hộ. Kết luận này được Hồ Chí Minh rút ra trên cơ sở trình bày nhiều tài liệu cụ thể về sự ủng hộ của nhân dân thế giới đối với Việt Nam kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Ví như, về sự hình thành trên thực tế "Mặt trận thống nhất phản đế giữa nhân dân Việt – Mỹ". Sau khi nêu những sự kiện về việc nhân dân Mỹ đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam, Người kết luận:

---

[1] Sđd, tập 12, tr. 406.

[2] Sđd, tập 12, tr. 15-16.

"Mặt trận này (Mặt trận thống nhất phản đế giữa nhân dân Việt - Mỹ, chúng tôi chú) chưa xây dựng về hình thức, nhưng thực tế đã hình thành bằng hành động và tinh thần...

Nhân dân Mỹ đánh từ trong ra, nhân dân ta đánh từ ngoài vào, hai bên giáp công mạnh mẽ, thì đế quốc Mỹ nhất định sẽ thua, nhân dân Việt – Mỹ nhất định sẽ thắng. Đó sẽ là thắng lợi vẻ vang của Mặt trận thống nhất nhân dân hai nước, mà cũng là thắng lợi chung của loài người yêu chuộng chính nghĩa và hoà bình"[1].

Những tài liệu như trên của Hồ Chí Minh không chỉ cung cấp cho học sinh tài liệu – sự kiện cụ thể để miêu tả, tường thuật về diễn biến cuộc chiến tranh mà còn là cơ sở lý luận để các em tự rút ra tính chính nghĩa, đặc điểm, bài học của cuộc kháng chiến chống Mỹ - cứu nước.

2. Những đặc điểm cơ bản của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Qua nhiều bài viết, bài nói của Hồ Chí Minh, học sinh sẽ nêu mấy đặc điểm cơ bản của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sau đây:

Thứ nhất, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tiếp tục sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do, sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, miền Nam vẫn còn dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới. Tuy mỗi miền có nhiệm vụ chiến lược riêng, song cùng nhau thực hiện nhiệm vụ chiến lược chung của cả nước. Từ đặc điểm tình hình này, nhân dân hai miền Nam – Bắc "cùng nhau quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. 17 triệu đồng bào miền Bắc quyết giữ trọn

---

[1] Sđd, tập 11, tr. 522, 524.

lời thề cùng 14 triệu đồng bào miền Nam ruột thịt, sát cánh kề vai chiến đấu để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất đất nước"[1].

Thứ hai, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chúng ta phải đương đầu với kẻ địch mạnh hơn, nhưng "khi một dân tộc đã đoàn kết chặt chẽ, vùng dậy chiến đấu để giành lại quyền độc lập của mình, thì không có lực lượng phản động nào ngăn được họ và họ nhất định thắng lợi"[2].

Thứ ba, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được Đảng lãnh đạo, phát huy được sức mạnh truyền thống dân tộc, sự đoàn kết toàn dân và ủng hộ của quốc tế.

Đoàn kết dân tộc là truyền thống quý báu của nhân dân ta, Đảng ta đã tiếp nhận và phát huy cao hơn, kết hợp đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế, "cho nên, từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác"[3]. Tư tưởng về đoàn kết (dân tộc và quốc tế) của Hồ Chí Minh trở thành *chiến lược đại đoàn kết của Đảng*.

Ngoài những đặc điểm cơ bản nêu trên của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh, Đảng ta còn tổng kết và rút ra nhiều đặc điểm khác có liên quan đến nguồn gốc, bản chất, tính chất của cuộc chiến tranh chính nghĩa chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Những đặc điểm ấy được rút ra từ thực tiễn, được Hồ Chí Minh và Đảng nhận thức, thể hiện trong đường lối, phương châm, chủ trương chỉ đạo chiến lược, quán triệt trong cuộc

---

[1] Sđd, tập 12, tr. 269.

[2] Sđd, tập 2, tr. 463.

[3] Sđd, tập 12, tr. 510.

chiến đấu của quân, dân ta để đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

3. Bài học kinh nghiệm

Nhiệm vụ của nghiên cứu, học tập lịch sử là từ hiện thực khách quan của quá khứ rút bài học cho hiện tại và dự đoán con đường phát triển tương lai. Hồ Chí Minh luôn chú trọng đến bài học, kinh nghiệm lịch sử cho cuộc đấu tranh cách mạng nói chung, cho kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nói riêng.

Thứ nhất, bài học về *"Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không làm nô lệ"*, vì *"Không có gì quý hơn độc lập, tự do!"*

Truyền thống bất khuất của dân tộc ta, hình thành trong quá trình đấu tranh dựng nước, giữ nước, được Đảng ta tiếp nhận và phát huy cao độ để biến chủ nghĩa anh hùng truyền thống thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nó trở thành một nhân tố để đánh thắng bất kỳ kẻ xâm lược mạnh, hung ác nào. Tinh thần "quyết đánh, quyết thắng Mỹ đã trở thành tư tưởng lớn của thời đại"[1]. Quyết chiến, quyết thắng nhưng phải thông minh, sáng tạo, như Hồ Chí Minh nêu rõ: "Ta thấy chỗ mạnh của nó, vũ khí của nó mới, tiền của nó nhiều, nhưng ta cũng biết những khuyết điểm của nó mà là khuyết điểm lớn, cơ bản. Bây giờ tất cả thiên hạ đều chống nó, nhân dân Mỹ, thanh niên, trí thức Mỹ cũng chống nó, đã có những thanh niên tự đốt mình để chống lại chính sách xâm lược của chính phủ Mỹ. Xưa nay chưa từng thấy, bây giờ thấy như thế"[2].

---

[1] Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước..., Sđd, tr. 126.

[2] Một số văn kiện của Đảng về kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1985, tập I, tr. 20-21.

Thứ hai, đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ. Điều này là do Đảng ta đã quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường đấu tranh giải phóng dân tộc: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản" và "phải đem sức ta mà giải phóng cho ta". Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tiến hành trong điều kiện lịch sử có nhiều khó khăn, phức tạp, sự bất đồng, mâu thuẫn giữa các Đảng trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế vô cùng sâu sắc; vì vậy, không có đường lối độc lập, tự chủ, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thế giới thì cuộc đấu tranh sẽ gặp nhiều trở ngại. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh: "Phải có đường lối cách mạng đúng, có Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo đúng. Đường lối ấy chỉ có thể là đường lối của chủ nghĩa Mác – Lênin, được vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của dân tộc"[1].

Thứ ba, tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân rộng lớn.

Một đặc điểm của dân tộc Việt Nam từ thời dựng nước là tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân để chống ngoại xâm. Truyền thuyết "Thánh Gióng" đã thể hiện một cuộc chiến tranh như vậy, vì theo Gióng để đánh giặc có đông đảo nhân dân lao động, gồm cả nam, nữ, già, trẻ. Thánh Gióng là biểu tượng của toàn dân đánh giặc, giữ nhà, giữ làng, giữ nước. Trong quyển "Lịch sử nước ta", Hồ Chí Minh đã khắc sâu hình ảnh:

"Thiếu niên ta rất vẻ vang,

Trẻ con Phù Đổng tiếng vang muôn đời.

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 9, Sđd, tr. 314.

Tuổi tuy chưa đến chín mười,

Ra tay cứu nước dẹp loài vô lương"[1].

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là sự phát triển cao cuộc chiến tranh nhân dân trong lịch sử nước ta. Nó được thể hiện ở chỗ toàn dân đánh giặc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tập hợp trong một Mặt trận dân tộc thống nhất (dù ở mỗi miền, Mặt trận mang tên khác nhau), cùng một ý chí thực hiện nhiệm vụ chiến lược chung cả nước (mỗi miền có nhiệm vụ cụ thể), một quân đội thống nhất. Cuộc chiến tranh nhân dân thể hiện "quyết tâm giành độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, giành tự do hoàn toàn cho nhân dân.

Đứng trước nguy cơ giặc Mỹ cướp nước, đồng bào miền Bắc và đồng bào miền Nam đoàn kết một lòng, kiên quyết chiến đấu; dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn"[2].

Chiến tranh nhân dân được phát huy cao độ trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã đưa đến thắng lợi to lớn, vì nó thể hiện được tư tưởng Hồ Chí Minh, tuân theo quy luật khách quan: "Quy luật tổ chức lực lượng cả nước đánh giặc trong một cuộc chiến tranh nhân dân và lâu dài, lấy nhỏ thắng lớn, phát triển đến đỉnh cao"[3].

Thứ tư, đoàn kết dân tộc kết hợp với đoàn kết quốc tế là một nhân tố đảm bảo sự thắng lợi.

Cuộc chiến tranh nhân dân huy động sức mạnh của toàn dân trên cơ sở đoàn kết các tầng lớp nhân dân yêu nước để

---

[1] Sđd, Tập 3, tr. 24.

[2] Sđd, Tập 11, tr. 470.

[3] Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước..., Sđd, tr. 216.

đạt được mục tiêu chiến lược. Sức mạnh đoàn kết dân tộc được tăng thêm bội phần khi thực hiện đoàn kết quốc tế - đoàn kết với giai cấp vô sản, nhân dân lao động và các tầng lớp xã hội tiến bộ khác, đặc biệt là liên minh chiến đấu với nhân dân Lào và Cămpuchia anh em. Từ thực tiễn đấu tranh, Hồ Chí Minh đã tổng kết thành bài học đoàn kết quốc tế: "Phải tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản, luôn luôn củng cố và phát triển tình đoàn kết, hữu nghị với tất cả các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, nhất là các nước xã hội chủ nghĩa anh em; với các dân tộc ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ Latinh; với giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa, đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới"[1].

Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết dân tộc là vòng trong, đoàn kết quốc tế là vòng ngoài để tạo nên sức mạnh chiến đấu, hoàn thành nhiệm vụ của dân tộc và nghĩa vụ quốc tế. Bởi vì, "giúp bạn là tự giúp mình". Kết hợp đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế là phát huy sức mạnh của dân tộc và thời đại để đánh thắng kẻ thù chung, theo Hồ Chí Minh, là một chân lý của thời đại: "Trong tình hình quốc tế hiện nay, những đặc điểm dân tộc, những điều kiện riêng biệt của từng nước ngày càng trở thành nhân tố quan trọng trong việc vạch ra chính sách của mỗi Đảng Cộng sản và mỗi Đảng Cộng nhân. Đồng thời chủ nghĩa Mác – Lênin vẫn là cơ sở không gì lay chuyển nổi của cuộc đấu tranh chung của tất cả các Đảng ấy.

... Dân tộc Việt Nam chẳng hạn, phải vạch rõ những phương pháp và biện pháp riêng của mình trong cuộc đấu tranh chống những âm mưu của bọn đế quốc Mỹ và chính

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 11, tr. 494.

quyền miền Nam Việt Nam..., và cả trong cuộc đấu tranh để dần dần lên chủ nghĩa xã hội, điều đó thật rõ ràng. Nhưng đồng thời Đảng của chúng tôi cũng hiểu rằng, không thể nào hạn chế những hoạt động hiện nay và tương lai của chúng tôi trong khuôn khổ dân tộc thuần tuý, rằng những hoạt động đó có muôn vàn sợi dây liên hệ với cuộc đấu tranh chung của thế giới tiến bộ"[1].

Thứ năm, lòng tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng là một yêu cầu quan trọng để giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu gay go, gian khổ. Hiểu điều này, đế quốc Mỹ và tay sai tìm mọi cách để huỷ diệt lòng tin của nhân dân ta vào Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ý đồ này vẫn được các thế lực phản động thực hiện trong điều kiện hiện nay, mà chúng ta phải kiên quyết đập tan...

*

* *

Những quan điểm, tư tưởng của Hồ Chí Minh nêu trên giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, không chỉ về diễn biến cơ bản của cuộc chiến tranh mà còn nhận thức được tầm vóc, ý nghĩa dân tộc và quốc tế của nó, được dùng trong dạy học lịch sử.

---

[1] Hồ Chí Minh: Tuyển tập. Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1960, tr. 595.

SỬ DỤNG KIẾN THỨC LỊCH SỬ THẾ GIỚI TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1919 ĐẾN NAY Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Ths Nguyễn Xuân Trường*

Trong quá trình phát triển của lịch sử nhân loại, các cộng đồng dân tộc, các quốc gia ngày càng xích gần lại với nhau. Điều này càng được thể hiện rõ rệt trong phong trào công nhân và cộng sản quốc tế, đặc biệt là từ sau Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Việt Nam, do địa bàn chiến lược, nơi giao điểm của các đường giao thương từ Bắc đến Nam, từ Đông sang Tây, nên đã đã sớm nhập vào đời sống quốc tế, tiếp nhận nhiều nền văn hoá của nước ngoài; đồng thời phải đối phó với nhiều cuộc xâm lược của các kẻ thù từ nhiều phương đến. Cuộc đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc, giành độc lập dân tộc của nhân dân ta, cũng sớm có mối quan hệ và ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh của nhiều dân tộc khác, kể cả các dân tộc mà bọn phong kiến, thực dân đã đi xâm lược nước ta. Tuy nhiên, từ đầu thế kỷ XX về trước, mối quan hệ của nhân dân Việt Nam với một số dân tộc khác thường diễn ra một cách tự phát, ngẫu nhiên, không liên tục, chủ yếu trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, giành độc lập dân tộc.

Trong quá trình đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã đi qua nhiều nước tư bản, đế quốc, các nước thuộc địa, phụ

---

* Chuyên viên Sở Giáo dục - Đào tạo Bắc Giang.

thuộc và Người nhận thấy rằng, ở đâu nhân dân lao động đều có tinh thần đấu tranh chống áp bức, bóc lột, muốn đoàn kết nhau để chống kẻ thù chung.

Việc xác định con đường cứu nước đúng đắn cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc không chỉ là công lao to lớn đầu tiên của Hồ Chí Minh đối với nhân dân Việt Nam mà còn là việc "gắn phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào công nhân quốc tế, đưa nhân dân đi theo con đường mà chính Người đã trải qua từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lê nin. Đó là con đường giải phóng duy nhất mà Cách mạng tháng Mười Nga đã mở ra cho nhân dân lao động và tất cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới"[1].

Trong quá trình hoạt động cách mạng theo con đường cứu nước đã được xác định, Hồ Chí Minh ý thức rất rõ về mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới, về mối quan hệ giữa lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới. Người nhận thức đầy đủ, sâu sắc ảnh hưởng, tác động giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới, rút ra những kinh nghiệm, bài học của phong trào thế giới cho cách mạng Việt Nam.

Qua các bài viết của Người, chúng ta không những có tài liệu để phác thảo bức tranh lịch sử thế giới từ chủ nghĩa tư bản sang thời kỳ xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực mà còn có thể dùng tài liệu lịch sử thế giới để hiểu sâu sắc hơn lịch sử dân tộc: nêu bối cảnh lịch sử thế giới khi diễn ra một sự kiện ở Việt Nam, ảnh hưởng qua lại của lịch sử thế giới và lịch sử

---

[1] Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, vì tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 10.

Việt Nam, ý nghĩa của mối quan hệ giữa lịch sử thế giới và Việt Nam...

Ở đây, chúng tôi trình bày hai vấn đề có liên quan đến việc sử dụng tài liệu của Hồ Chí Minh, của Đảng và nhiều loại tài liệu khác liên quan đến lịch sử thế giới vào dạy học lịch sử Việt Nam từ 1919 đến nay ở trường Trung học phổ thông.

Thứ nhất: Sự bóc lột, thống trị của bọn thực dân đế quốc đối với các thuộc địa. Vấn đề này được trình bày trong nhiều văn kiện Đảng, đặc biệt trong *"Bản án chế độ thực dân Pháp"*, mà nội dung cơ bản là tố cáo tội ác của chủ nghiã đế quốc pháp đối với dân tộc Việt Nam cũng như đối với các thuộc địa của chúng; đề cập đến phong trào đấu tranh cách mạng của các dân tộc thuộc địa, chỉ rõ mối quan hệ mật thiết giữa cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc. Chúng ta tìm hiểu nhiều tài liệu quí để giúp học sinh hiểu lịch sử dân tộc trong thời kỳ Pháp thuộc.

Trong bài phát biểu tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V và báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản về phong trào cách mạng ở Việt Nam cũng như các nước thuộc địa khác, chúng ta cũng tìm được những tài liệu về thế giới của Hồ Chí Minh phục vụ cho học tập lịch sử Việt Nam; Ví như, trong *"Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản về phong trào cách mạng ở Việt Nam"*, Người đã nêu lên bối cảnh của thế giới để giải thích về thực dân Pháp và quân phiệt Nhật Bản câu kết với nhau trong việc đàn áp cách mạng Việt Nam: "Năm 1905, thắng lợi của Nhật đối với Nga có tiếng vang lớn ở An Nam... Họ cho Nhật là kẻ vô địch của tự do ở các nước châu Á... Thêm vào đó, nền văn học cải lương Trung Hoa của Lương Khải Siêu và Khang

Hữu Vi đã đưa tinh thần An Nam lên cao độ. Sau đó bắt đầu có cuộc đi ra nước ngoài có tổ chức một đảng, có một hoàng thân làm Chủ tịch và một nhà văn hào nổi tiếng (Phan Bội Châu) làm Tổng thư ký. Đảng này cũng như hy vọng vào sự giúp đỡ của Nhật Bản đã không kéo dài được lâu. Nhật Bản lợi dụng phong trào đó để đe doạ Pháp và buộc Pháp phải ký một Hiệp ước (1907) cho Nhật có quyền đưa quân đội sang An Nam. Khi xứ thuộc địa này có triệu chứng náo động, chúng trục xuất sinh viên An Nam ra khỏi nước Nhật.

Một số những người xuất dương trở về An Nam, bị giam một thời gian, hoặc quay lại làm gián điệp cho Chính phủ thực dân"[1].

Những vấn đề lịch sử trong tác phẩm của Hồ Chí Minh, mà những sự kiện nêu ra trong đoạn viết này, giúp chúng ta tìm hiểu sự phát triển và âm mưu của quân phiệt Nhật trong việc xâm chiếm thuộc địa; tìm hiểu về phong trào đấu tranh Duy Tân cải lương của Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi và sự câu kết của bọn thực dân Pháp và quân phiệt Nhật trong việc đàn áp phong trào cách mạng Việt Nam. Từ đó chúng ta hiểu rằng, nhân dân Việt Nam không chỉ đấu tranh chống thực dân Pháp mà còn chống những bọn thực dân đế quốc khác tuy chúng mâu thuẫn với nhau nhưng đều có dã tâm xâm lược và thống trị Việt Nam.

* *Thứ hai: Về sự đoàn kết quốc tế của nhân dân thế giới đối với nhân dân Việt Nam* trong cuộc đấu tranh giành độc lập, chúng ta tìm thấy nhiều tài liệu của Hồ Chí Minh nói về cuộc đấu tranh của các nước, trực tiếp hoặc gián tiếp tác

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 3, tr 31-32.

động đến cuộc đấu tranh ở Việt Nam. Đó là trường hợp đấu tranh của nhân dân Pháp và ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga, sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản đối với cách mạng Việt Nam. Khi đề cập đến ảnh hưởng to lớn của Cách mạng tháng Mười Nga, Người chỉ rõ: "Tiếng sấm Cách mạng tháng Mười Nga đã vang dội làm chấn động toàn thể địa cầu, nhân dân lao động đã làm chủ nước nhà, những dân tộc nhỏ yếu giành được độc lập, ruộng đất trở về tay người cày.

Tiếng sấm cách mạng ấy thúc đẩy những người Việt Nam yêu nước hướng về phía Liên Xô, hấp thụ lý luận vĩ đại của chủ nghĩa Mác - Lênin, tích cực tham gia cuộc đấu tranh cách mạng do các Đảng Cộng sản Pháp và Trung Quốc tiến hành và bắt đầu truyền bá tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam.

Ngọn đuốc lý luận Mác - Lênin và kinh nghiệm Cách mạng tháng Mười vĩ đại soi sáng con đường cách mạng Việt Nam"[1].

"Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam.

Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm cách mệnh để đạp đổ hết cả lũ đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới.

---

[1] Sđd, tập 9, tr. 314.

Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng, muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin"[1].

Khi đề cập ảnh hưởng của Quốc tế III đến cách mạng Việt Nam, Người viết: "Đệ tam quốc tế đối với cách mệnh An Nam thế nào? Xem trong cách tổ chức Đệ tam quốc tế có đặt riêng ra một bộ riêng, chuyên nghiên cứu và giúp đỡ cho cách mạng bên Á Đông.

Xem khẩu hiệu Đệ tam Quốc tế trong 21 điều, điều thứ 8 nói rằng: "Các Đảng Cộng sản, nhất là Đảng Cộng sản Pháp... phải hết sức giúp dân thuộc địa làm cách mệnh".

Lại xem kế hoạch về vấn đề thuộc địa tự tay ông Lênin làm ra.

Xem những việc ấy thì đủ biết rằng An Nam muốn cách mệnh thành công, thì tất nhiên nhờ Đệ tam Quốc tế"[2].

Những vấn đề lịch sử trên trong các tác phẩm của Hồ Chí Minh giúp chúng ta hiểu rõ hơn về ảnh hưởng to lớn của Cách mạng tháng Mười Nga đến cách mạng Việt Nam; thấy được bản chất, tính ưu việt của Cách mạng tháng Mười Nga đối với nhân dân lao động; tìm hiểu về những hoạt động, tổ chức của Quốc tế thứ III. Từ đó chúng ta hiểu rằng, đi theo con đường Cách mạng tháng Mười Nga là hoàn toàn đúng đắn, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam có mối quan hệ chặt chẽ với nhân dân Nga, Pháp và được sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 2, tr. 280-287.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 2, tr. 280-287.

* *Thứ ba: Ảnh hưởng qua lại của cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới,* xoay quanh các vấn đề sau:

- Sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Phong trào đấu tranh giành độc lập.
- Cách mạng tháng Tám 1945.
- Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ.
- Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam góp phần vào thắng lợi chống chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới hai và trong cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình. Ở đây chúng tôi lần lượt trình bày các vấn đề mà trong các tác phẩm Hồ Chí Minh đề cập đến:

Một là, về sự thành lập Đảng. Trong các tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh đã nói rõ, phong trào cách mạng Việt Nam đòi hỏi phải có Đảng lãnh đạo: "Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918), để bù đắp những sự thua thiệt nặng nề của chúng, thực dân Pháp đưa thêm nhiều tư bản sang nước ta đặng kinh doanh thêm và vơ vét thêm tài sản nước ta, bóc lột thêm sức lao động của nhân dân ta. Đồng thời, Cách mạng Nga thành công, Cách mạng Trung quốc sôi nổi đã có ảnh hưởng rất sâu rộng. Do đó mà giai cấp công nhân Việt Nam trưởng thành, đã bắt đầu giác ngộ, bắt đầu đấu tranh và cần có một đội tiên phong, một ban tham mưu để lãnh đạo"[1].

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố bảo đảm thắng lợi của cách mạng; điều này đã được Người ghi rõ trong quyển

---

[1]) Sđd, tập 6, tr. 154

Đường Cách mệnh: "Trước hết phải có Đảng cách mạng, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam"[1].

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đề ra chiến lược, sách lược đúng đắn để lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam đi lên. Vấn đề này đã được Hồ Chí Minh nêu rõ trong *Lời kêu gọi*: "Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập. Đó là Đảng của giai cấp vô sản, Đảng sẽ dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng An Nam đấu tranh nhằm giải phóng cho toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột chúng ta. Từ nay anh chị em chúng ta cần phải gia nhập, ủng hộ Đảng và đi theo Đảng để:

1. Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến An Nam và giai cấp tư sản phản cách mạng.

2. Làm cho nước An Nam độc lập.

3. Thành lập Chính phủ công nông binh.

4. Tịch thu tất cả các nhà băng và cơ sở sản xuất của đế quốc trao cho Chính phủ công nông binh.

5. Quốc hữu hoá toàn bộ đồn điền và đất đai của bọn đế quốc và địa chủ phản cách mạng An Nam đưa cho nông dân nghèo.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 2, tr. 267 – 268.

6. Thực hiện ngày làm 8 giờ"....[1].

Hai là, khi nói về phong trào đấu tranh giành độc lập, các tác phẩm của Hồ Chí Minh đề cập đến phong trào cách mạng 1930 - 1931 và Xô viết Nghệ – Tĩnh: "Hiện nay trận đấu giữa nông dân Đông Dương và đế quốc Pháp đang tập trung ở địa hạt Thanh Chương. Động lực của nó là cuộc bãi công của công nhân thành phố Vinh ngày 22 tháng 8 khi cuộc bãi công vừa nông dân, kêu gọi họ ủng hộ những người bãi công bắt đầu từ ngày 29-8, nông dân ở vùng Can Lộc, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Thanh Chương tiến hành hàng loạt các cuộc biểu tình. Nhờ vào sự giúp đỡ của anh em này mà những người bãi công đã chiến thắng...

Chính quyền Pháp ở Đông Dương đang chuẩn bị ráo riết một chiến dịch khủng bố nông dân Nghệ An nói chung và nông dân Thanh Chương nói riêng. Một mặt, chúng yêu cầu chính quyền Pari nới rộng quyền hành của chúng và chúng đã được chính quyền Pari cho phép. Cùng với súng đại liên, xe tăng và máy bay, chúng đang cày nát gương mặt của hàng loạt các xóm làng, giống như chúng đang làm bại làng "Cổ Am", sau cuộc khởi nghĩa tháng 2 ở Bắc Kỳ. Mặt khác, chúng đang mưu toan một trận đánh lớn, huy động những đội quân khát máu nhất - lính Lê Dương - để đối phó với nông dân tỉnh này. Hiện nay, hàng ngày máy bay xuất hiện trên các làng mạc, ném bom giết chết những người đang biểu tình và đốt phá nhà ở của nông dân. Chúng muốn huỷ diệt hoàn toàn Nghệ An hòng đe doạ nông dân các tỉnh khác"[2].

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 3, tr. 10.

[2] Sđd, tập 3, tr. 47 – 49.

Những vấn đề trong tác phẩm của Hồ Chí Minh ở đoạn viết này, đòi hỏi chúng ta phải tìm hiểu cuộc đấu tranh quyết liệt của công nhân, nông dân trong phong trào cách mạng 1930 – 1931, đặc biệt là ở Nghệ An; đồng thời tìm hiểu về chính sách đàn áp, khủng bố dã man, tàn bạo của thực dân Pháp... Sau đó chúng ta phải hiểu rằng, nhân dân Việt Nam đang là đại diện tiêu biểu cho nhân dân các nước thuộc địa, đấu tranh chống lại chủ nghĩa thực dân Pháp.

Ba là, về cuộc Cách mạng tháng Tám, trong các tác phẩm của Hồ Chí Minh đề cập đến nhiều vấn đề: Thời cơ, quyết tâm giành độc lập của Đảng và toàn thể dân tộc; ý nghĩa, ảnh hưởng của Cách mạng tháng Tám... Tuyên ngôn độc lập... Khi nói đến thời cơ của Cách mạng tháng Tám, Người nêu rõ: "Hiện nay quân đội Nhật đã tan rã, phong trào cứu nước lan tràn khắp nước. Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) có hàng chục đội viên, gồm đủ các tầng lớp: sỹ, nông, công, thương, binh; gồm đủ các dân tộc: Việt, Thổ, Nùng, Mường, Mán.... Vừa đây Việt Minh lại triệu tập Việt Nam quốc dân đại biểu đại hội, cử ra Uỷ ban dân tộc, kiên quyết đấu tranh kỳ cho nước được độc lập.

... Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta"[1].

Trong đoạn viết này đòi hỏi chúng ta phải tìm hiểu về thời cơ của Cách mạng tháng Tám đã chín muồi; tìm hiểu việc Việt Minh họp Đại hội quốc dân và lãnh đạo toàn thể dàn tộc tiến hành Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám. Các tác phẩm của Hồ Chí Minh còn

---

[1] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Sđd tr.553-554.

đề cập đến ý nghĩa, ảnh hưởng của Cách mạng tháng Tám, đến cuộc đấu tranh của nhân dân các thuộc địa, phụ thuộc. Vấn đề này, trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II Đảng Lao động Việt Nam, Người nêu rõ: "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc.

Cách mạng tháng Tám thắng lợi đã làm cho chúng ta trở nên một bộ phận trong đại gia đình dân chủ thế giới. Cách mạng tháng Tám có ảnh hưởng trực tiếp và rất to lớn đến hai dân tộc bạn là Miên và Lào. Cách mạng tháng Tám thành công, nhân dân hai nước Miên, Lào cũng nổi lên chống đế quốc và đòi độc lập"[1].

Trong đoạn viết này của Hồ Chí Minh không chỉ nêu lên ý nghĩa to lớn của Cách mạng tháng Tám mà đòi hỏi chúng ta phải tìm hiểu ảnh hưởng của Cách mạng tháng Tám, đã cổ vũ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, nửa thuộc địa, nhất là cổ vũ cuộc đấu tranh giành độc lập ở Lào và Cămpuchia. Từ đó chúng ta hiểu rằng, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam là cuộc đấu tranh tiêu biểu của các dân tộc bị áp bức chống lại chủ nghĩa đế quốc xâm lược và đã giành thắng lợi.

Bốn là, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, việc tăng cường đoàn kết và phối hợp chiến đấu với nhân dân hai nước Lào và Cămpuchia là một nhiệm vụ, đồng thời thể hiện tinh thần đoàn kết, tình hữu nghị của nhân dân Việt Nam

---

[1] Sđd, tập 6, tr. 159-160.

với nhân dân hai nước Lào và Cămpuchia. Vấn đề này, trong các tác phẩm của Hồ Chí Minh đã lý giải: "Vì mối quan hệ khăng khít về địa lý , quân sự, chính trị... mà ta với Miên, Lào cũng như môi với răng. Hai dân tộc Miên, Lào hoàn toàn giải phóng thì cuộc giải phóng của chúng ta mới chắc chắn, hoàn toàn, cho nên nhiệm vụ của ta là phải ra sức giúp đỡ kháng chiến Miên, Lào một cách thiết thực và thiết thực hơn"[1].

"Tôi sung sướng hơn nữa vì từ nay chẳng những là toàn dân Việt Nam đại đoàn kết, mà toàn dân hai nước anh em là Cao-Miên và Ai-Lao cũng đi đến đại đoàn kết... Thế là dân tộc Việt đại đoàn kết, dân tộc Miên đại đoàn kết, dân tộc Lào đại đoàn kết. Rồi đây chúng ta nhất định đi đến Việt - Miên - Lào đại đoàn kết"[2].

Khi đề cập đến chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và ảnh hưởng của chiến thắng này, Hồ Chí Minh đã nêu rõ: "Đến Điện Biên Phủ thì làm cho cả thế giới xôn sao, bạn ta và nhân dân cả châu Á thì vui mừng. Phe đế quốc, nhất là Pháp - Mỹ thì ngơ ngác. Một mặt thì từ trước chúng tuyên truyền quá huyênh hoang (cuối tháng 4, Tổng thống Mỹ còn múa mồm nói: Pháp chắc thắng ở Điện Biên Phủ - Eisenhower predicts Điện Biên Phủ Vitory). Mặt khác, chúng thất bại cũng nặng thật: mất 25 tiểu đoàn tinh nhuệ nhất, gần 20 tên quan Năm và 1 tên Thiếu tướng.

Báo chí phản động Pháp - Mỹ đã phải thừa nhận rằng: Điện Biên Phủ là cuộc thất bại to nhất từ ngày Pháp đầu hàng Đức (1940). Quân viễn chinh đã bị chặt mất đầu"[3].

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 6, Sđd, tr. 452.

[2] Sđd, tr. 181.

[3] Sđd, tập 7, tr. 290.

Những vấn đề nêu trên trong các tác phẩm Hồ Chí Minh đã đề cập ảnh hưởng to lớn của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đến cuộc đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên toàn thế giới chống lại đế quốc, thực dân. Từ đó cũng thấy được những thủ đoạn tuyên truyền lừa bịp của bọn đế quốc, những tổn thất nặng nề của nước Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Năm là, cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, các tác phẩm của Hồ Chí Minh đã đề cập đến nhiều vấn đề, như âm mưu, thủ đoạn, những chính sách thực dân kiểu mới tàn bạo mà đế quốc Mỹ và tay sai thực hiện ở miền Nam Việt Nam; cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam, quan hệ quốc tế...

... "Miền Nam, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai phá hoại Hiệp định Giơnevơ, từ chối hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất nước ta. Chúng thi hành một chính sách độc tài vô cùng tàn bạo, vơ vét tài sản của nhân dân, đàn áp và khủng bố nhân dân một cách dã man. Chúng âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam nước ta trở thành một thuộc địa và căn cứ quân sự của đế quốc Mỹ, hòng gây chiến tranh mới ở Đông Dương"[1].

... "Tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản; kiên quyết đấu tranh chống chính sách xâm lược và gây chiến của chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, thực hiện chung sống hoà bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau; kiên quyết ủng hộ phong trào đấu tranh của các dân tộc và độc lập dân tộc, ủng hộ phong trào

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 9, Sđd, tr. 584-585.

đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội"[1].

... "Quan sơn muôn dặm một nhà,

Bốn phương vô sản đều là anh em"[2]

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta luôn được sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới, ngay cả nhân dân Mỹ. Trong các tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh đã nói rõ: "Ngay ở Mỹ, phong trào chống chiến tranh lan mạnh, nhiều chính khách có thần thế như Nghị sĩ Moxơ, Sớcxơ, Graminh... kịch liệt chống chiến tranh xâm lược Việt Nam. Vừa rồi lại có thêm 420 giáo sư các trường đại học và 122 người có danh vọng lớn như ông Pôlinh đã tuyên bố rằng, cuộc chiến tranh phi nghĩa ở Nam Việt Nam nhất định sẽ thất bại và đòi Chính phủ Mỹ phải chấm dứt ngay chiến tranh"[3].

Trên đây là những nội dung trong tác phẩm của Hồ Chí Minh được nêu ra, giúp cho việc giảng dạy, học tập lịch sử ở trường phổ thông.

Về phương pháp sử dụng tài liệu Hồ Chí Minh trong dạy học lịch sử dân tộc được thực hiện ở tất cả các khâu trong quá trình dạy học như trình bày bài mới, hướng dẫn tự học, tổ chức ngoại khoá, kiểm tra, đánh giá.

Một nguyên tắc phương pháp luận về dạy học lịch sử cần được vận dụng ở đây là:

---

[1] Sđd, tập 11, tr. 231.

[2] Sđd, tập 10, tr. 195.

[3] Sđd, tập 11, tr. 400-401.

- Tài liệu Hồ Chí Minh phải thật khớp với nội dung tài liệu đang học. Công việc này phải được chuẩn bị kỹ trước khi thực hiện.

- Việc vận dụng tài liệu của Hồ Chí Minh trong giảng dạy Lịch sử Việt Nam không phải chỉ để minh hoạ hoặc tiến hành một cách công thức, giáo điều mà phải nâng cao chất lượng về nội dung khoa học, về quan điểm tư tưởng, cũng như về phương pháp, thông qua việc phát huy tính tích cực học tập của học sinh, buộc học sinh phải suy nghĩ, phân tích, phê phán, chứ không phải làm cho bài học "quá tải", học sinh học "nhồi sọ" ,"giáo điều" , học nặng nề.

Khi giảng dạy khoá trình Lịch sử Việt Nam từ 1919 đến nay sẽ tìm được nhiều tài liệu của Hồ Chí Minh về lịch sử thế giới có liên quan, vì lẽ Người xuất phát từ yêu cầu cách mạng Việt Nam để nghiên cứu lịch sử thế giới. Xuất phát từ nội dung khoá trình, từ yêu cầu học tập của học sinh mà lựa chọn nội dung và phương pháp sử dụng cho phù hợp.

Xuất phát từ hai nguyên tắc trên, chúng tôi tiến hành sử dụng tài liệu Hồ Chí Minh trong các khâu của quá trình dạy học:

Trước hết là tiến hành giảng dạy trên lớp. Đây là phương pháp chủ yếu, thường xuyên, khi lựa chọn những tài liệu của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam. Căn cứ vào từng bài cụ thể, giáo viên cần trình bày những sự kiện cơ bản để học sinh thấy được mối quan hệ, tác động và ảnh hưởng lẫn nhau giữa lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam, qua đó giúp học sinh hiểu sâu sắc hơn lịch sử Việt Nam.

Thứ hai, hướng dẫn học sinh hoạt động ngoại khoá theo một chủ đề hoặc một chuyên đề nào đó, qua đó giúp học sinh

thấy được mối quan hệ giữa lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới, đồng thời giúp học sinh hiểu sâu sắc hơn lịch sử Việt Nam. Ví như, tiến hành ngoại khoá về chủ đề: "Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga đối với cách mạng Việt Nam", nhân kỷ niệm thắng lợi Cách mạng tháng Mười. Qua buổi ngoại khoá, giáo viên phải xác định những ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười đến cách mạng Việt Nam, như việc Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn, đi theo Lênin và Cách mạng tháng Mười Nga, là con đường cách mạng vô sản ởViệt Nam.

Thứ ba, tiến hành bài tập nhận thức, các câu hỏi giúp học sinh hiểu sâu hơn lịch sử Việt Nam cũng như mối quan hệ giữa lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới.

*

* *

Việc sử dụng những kiến thức lịch sử thế giới trong các tác phẩm của Hồ Chí Minh khi dạy học lịch sử Việt Nam không những làm cho học sinh hiểu được mối quan hệ giữa lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới, học sinh hiểu sâu sắc hơn lịch sử Việt Nam mà còn góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn ở trường phổ thông.

TÀI LIỆU HỒ CHÍ MINH TRONG DẠY HỌC BÀI "CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA 1917" Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Nguyễn Thị Thế Bình*

Trong di sản lý luận Hồ Chí Minh có rất nhiều tài liệu được sử dụng vào dạy học lịch sử ở trường phổ thông. Riêng về bài "Cách mạng tháng Mười Nga 1917", công việc này có hai ý nghĩa lớn:

Thứ nhất, trong những tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh đã cung cấp tài liệu – sự kiện chính xác về Cách mạng tháng Mười Nga 1917. Đó là những bằng chứng có sức thuyết phục lớn, có giá trị khoa học và tư tưởng.

Thứ hai, những bài nói, bài viết của Người là cơ sở, quan điểm tư tưởng, lý luận để giúp ta hiểu đúng về vấn đề này, qua đó có thái độ kiên định trong cuộc đấu tranh chống lại những luận điểm sai lầm của sử học tư sản.

Trong *"Bản án chế độ thực dân Pháp"*, khi nói về *"sự dã man" của chủ nghĩa Bônsêvích và "sự văn minh" của chủ nghĩa tư bản*, Người đã dùng nhiều dẫn chứng và lý lẽ để chứng minh rằng, "sự dã man" của Đảng Bônsêvích, thật ra lại là những chính sách phát triển giáo dục và con người, còn "sự văn minh" của chủ nghĩa tư bản chỉ là những hành động

---

* Giáo viên trường THPT chuyên Nguyễn Trãi - Hải Dương.

áp bức, bóc lột, phản giáo dục. Tài liệu quan trọng nhất là phần "*Lịch sử cách mệnh Nga*" trong tác phẩm "*Đường cách mệnh*"; những bài nói, bài viết của Người nhân dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Mười, như bài "*Kỷ niệm 40 năm Cách mạng tháng Mười*" (1957)... Trong những tài liệu đó, Người trình bày nổi lên mấy vấn đề cơ bản sauđây mà chúng ta cần học tập và vận dụng vào giảng dạy:

Về nguyên nhân bùng nổ Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, trong "*Đường cách mệnh*", Hồ Chí Minh đã nêu rõ: "Cách mệnh 1917 có mấy cớ sau này:

1. Khi Âu chiến, đế quốc chủ nghĩa Anh và Pháp lợi dụng vua Nga đánh lại Đức. Nhưng vua Nga lôi thôi tiêu hết nhiều tiền, chết hết nhiều lính, tất bị Đức đánh thua mãi. Các đế quốc chủ nghĩa giận và giúp tư bản đẩy vua đi.

2. Tư bản giận vua chỉ tin dùng bọn quý tộc cầm binh quyền, bọn quý tộc lại vô tài, đánh đâu thua đó. Và tư bản bên Nga phần nhiều là chung với tư bản Anh và Pháp; nếu Nga thua Đức, thì chẳng những tư bản Nga, mà tư bản Anh và Pháp cũng nguy; và nếu cứ để vua thì chắc thua. Vậy nên tư bản cũng muốn đẩy vua.

3. Thợ thuyền và dân cày đối với vua như đối với thù địch đã đành.

4. Bọn hoạt đầu nhân cơ hội ấy thì lợi dụng hai bọn này đuổi vua cho tư bản Nga và đế quốc chủ nghiã Anh và Pháp. Tư bản và đế quốc chủ nghĩa lại lợi dụng bọn hoạt đầu"[1]

Trong khi giảng dạy, chúng ta có thể vận dụng phần trích trên để phân tích những mâu thuẫn dẫn tới Cách mạng

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 2, Sđd, tr. 278-279.

tháng Mười Nga 1917, chủ yếu là mâu thuẫn giữa nhân dân Nga với Nga hoàng.

Về diễn biến của Cách mạng tháng Mười, trong mục *"Cộng sản cách mệnh thành công bao giờ?"*, Hồ Chí Minh viết: "Cuối tháng 10, đâu cũng có tổ chức cả rồi, ai cũng muốn cử sự. Nhưng ông Lênin bảo: "Khoan đã ! Chờ ít bữa nữa cho ai ai cũng phản đối chính phủ, lúc ấy sẽ cử sự". Đến ngày 5 tháng 11, chính phủ khai hội để ban bố phép luật mới, mà phép luật ấy thì lợi cho bọn tư bản mà hại cho công nông. Ông Lênin nói với đảng viên rằng: Mồng 6 cử sự thì sớm quá, vì dân chưa biết hết luật lệ xấu ấy, mà chưa biết luật lệ ấy thì chưa ghét chính phủ lắm. Mồng 8 cử sự thì muộn quá vì khi ấy chính phủ đã biết rằng dân oán và đã phòng bị nghiêm ngặt rồi.

Quả nhiên ngày mồng 7, Đảng cộng sản hạ lệnh cách mệnh, thì thợ thuyền ào đến vây chính phủ, dân cày ào đến duổi địa chủ. Chính phủ phái lính ra dẹp, thì lính ùa theo thợ thuyền mà trở lại đánh chính phủ.

Từ bữa ấy, chính phủ hoạt đầu bỏ chạy, Đảng cộng sản cầm quyền, tổ chức ra chính phủ công, nông, binh, phát ruộng đất cho dân cày, giao công xưởng cho thợ thuyền, không bắt dân đi chết cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa nữa, ra sức tổ chức kinh tế mới, để thực hiện chủ nghĩa Thế giới đại đồng"[1].

Đưa đoạn trích này, học sinh vừa lập niên biểu về diễn biến cách mạng (tham khảo sách giáo khoa và các tài liệu khác), vừa nêu lên "thời cơ khởi nghĩa". Giáo viên hướng dẫn

---

[1] Hồ chí Minh: Toàn tập, tập 2, Sđd, tr. 279-280.

các em phân tích ý kiến của Lênin mà Hồ Chí Minh nêu ra để xác định vì sao khởi nghĩa vào ngày 7-11 là đúng thời cơ.

Về vai trò của quần chúng, của Đảng Cộng sản và Lênin trong Cách mạng tháng Mười, trong mục "*Sao Đảng cộng sản không ra tay làm?*", Hồ Chí Minh nhắc lại tình hình lúc nổ ra Cách mạng tháng Hai: "Khi cách mệnh đuổi vua, Đảng cộng sản vẫn đứng đầu dân chúng. Nhưng lúc ấy đảng viên hãy còn ít và hoàn cảnh chưa đến, nên chưa giựt lấy chính quyền.

Cách mệnh xong lúc tháng 2. Từ tháng 2 đến tháng 4, dân nhiều người còn tưởng rằng chính phủ mới chưa kịp thi hành những việc lợi dân, vì chưa có thì giờ.

Đến tháng 4, ông Lênin và nhiều đồng chí ở ngoại quốc về. Từ tháng 4 đến tháng 11, chính phủ mới thì mỗi ngày mỗi lộ mặt phản cách mệnh ra. Còn đảng viên cộng sản phần thì đi tuyên truyền cho dân rằng: "Đấy, các anh xem đấy, tụi hoạt đầu là thầy tớ của tư bản và đế quốc chủ nghĩa, chúng nó chẳng hơn gì vua...", làm cho ai cũng oán chính phủ mới, phần thì luồn vào công, nông, binh, tổ chức bí mật để thực hành cộng sản cách mệnh..." [1].

Câu nói trên giúp học sinh nhận thức tầm quan trọng của công tác vận động, giáo dục quần chúng tự đứng lên làm cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Về vai trò của Lênin, Hồ Chí Minh viết: "Đúng, những người da đen và da vàng chưa có thể biết Lênin là ai, nước Nga ở đâu. Bọn đế quốc thực dân cố ý bưng bít không cho họ biết. Sự ngu dốt là một trong những chỗ dựa chủ yếu của chế độ tư bản chủ nghĩa. Nhưng tất cả họ, từ những người nông dân Việt Nam, đến những người săn bắn trong những cánh

---

[1] Sđd, tr 279.

rừng Đahômây cũng đã thật nghe nói rằng, ở một góc trời xa xăm có một dân tộc đã đánh đuổi được bọn chủ bóc lột họ và hiện đang tự quản lý lấy đất nước mà không cần tới bọn chủ và bọn toàn quyền. Họ cũng nghe nói rằng nước đó là nước Nga, rằng có những người dũng cảm, mà người dũng cảm nhất là Lênin. Chỉ như thế cũng đủ làm cho họ ngưỡng mộ sâu sắc và đầy đủ nhiệt tình đối với nước đó và lãnh tụ nước đó"[1].

Vì sao các dân tộc phương Đông kính trọng và yêu mến Lênin ? Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Không phải chỉ vì thiên tài của Ngượi mà chính là sự coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, sự giản dị của Người, tóm lại là cái vĩ đại và cái cao đẹp của người thầy, đã có sức hấp dẫn như đá nam châm đối với các dân tộc châu Á và đã khiến trái tim của họ hướng về Người, không gì ngăn cản nổi... Các dân tộc phương Đông đã coi Lênin là hiện thân của tình anh em bốn bể tha thiết. Không những họ biết ơn Người mà còn yêu Người tha thiết. Họ tôn sùng Người như tôn kính cha mẹ"[2]. Dựa vào câu này, học sinh nêu lên những phẩm chất của Lênin đã thu hút được quần chúng nhân dân, đưa cách mạng đến thắng lợi: "Cách mạng tháng Mười là thắng lợi của lực lượng cách mạng của quần chúng lao động, nó là một sự rung chuyển vô cùng mạnh mẽ và nó đã tạo điều kiện tỏ rõ sức sáng tạo của quần chúng lao động[3].

Về ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười đối với cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh viết:

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 1, Sđd, tr. 191.

[2] Sđd, tr. 192.

[3] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 8, sđd, tr. 558.

"Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật, không tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên Việt Nam. Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công nông, các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm cách mệnh để đạp đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa tư bản trong thế giới"[1].

Đối với phong trào cách mạng thế giới, "Cách mệnh tháng Mười đã chặt đứt xiềng xích của chủ nghĩa đế quốc, phá tan cơ sở của nó và giáng cho nó một đòn chí mạng; cách mạng tháng Mười như tiếng sét đã đánh thức nhân dân châu Á tỉnh giấc mê hàng thế kỷ nay. Cách mạng tháng Mười đã mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc" và "Giống như mặt trời chói lọi, cách mạng tháng Mười chiếu sáng khắp năm châu, thức tỉnh hàng triệu, hàng triệu người bị áp bức, bóc lột trên trái đất. Trong lịch sử loài người chưa từng có cuộc cách mạng nào có ý nghĩa lớn và sâu sa như thế"[2].

Từ những ý kiến ấy, học sinh nêu và phân tích ảnh hưởng to lớn của Cách mạng tháng Mười: "Cách mạng tháng Mười là thắng lợi đầu tiên của chủ nghiã Mác và học thuyết Lênin ở một nước, rộng một phần sáu thế giới. Đó là thắng lợi vĩ đại nhất của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức, do giai cấp công nhân và đội tiền phong của họ là Đảng Bônsêvích lãnh đạo. Cách mạng tháng Mười đã dùng bạo lực cách mạng đánh đổ giai cấp tư sản và chế độ

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 2, Sđd, tr. 280.

[2] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 12, Sđd, tr. 300.

phong kiến địa chủ, lập nên chính quyền của người dân lao động, xây dựng một xã hội hoàn toàn mới, một xã hội không có người bóc lột người.

Cách mạng tháng Mười mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc và cả loài người, mở đầu một thời đại mới trong lịch sử, thời đại quá độ từ chủ nghiã tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

... Ngoài ra, Cách mạng tháng Mười đã mở ra một thời đại của chính sách ngoại giao mới, chính sách hoà bình và hữu nghị giữa các dân tộc... Cách mạng tháng Mười đã thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc, làm cho nó trở thành một làn sóng mãnh liệt trong tất cả các nước phương Đông: Trung Quốc, Ấn Độ, Nam Dương, Việt Nam"[1].

Về bài học của Cách mạng tháng Mười đối với Việt Nam và thế giới, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng, muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại, phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin"[2].

Một cách cụ thể, Người chỉ rõ: "Thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Mười đã dạy cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới nhiều bài học hết sức quý báu, bảo đảm cho sự nghiệp giải phóng triệt để của giai cấp công nhân và của cả loài người.

... Cần có sự lãnh đạo của một đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân, toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân. Chỉ có sự lãnh đạo của đảng biết vận dụng sáng tạo chủ

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 12, Sđd, tr. 300-301.

[2] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 2, Sđd, tr. 280.

nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước mình thì mới có thể đưa cách mạng giải phóng dân tộc đến thắng lợi và cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công.

Thực hiện cho được liên minh công nông vì đó là sự đảm bảo chắc chắn nhất những thắng lợi của cách mạng. Chỉ có khối liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo mới có thể kiên quyết, triệt để đánh đổ các thế lực phản cách mạng, giành lấy và củng cố chính quyền của nhân dân lao động, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của cách mạng dân tộc, dân chủ và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

... Cần tập hợp mọi lực lượng cách mạng và tiến bộ thành một mặt trận rộng rãi, thực hiện thống nhất hành động dưới nhiều hình thức giữa các lực lượng ấy để chống kẻ thù chung.

... Cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cánh mạng, giành lấy chính quyền.

... Không ngừng tăng cường và củng cố nền chuyên chính vô sản.

... Nhân dân các nước cần có tinh thần cách mạng triệt để, luôn luôn giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, không sợ gian khổ, hy sinh, kiên quyết đấu tranh đến cùng vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản trong cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa"[1].

Trên cơ sở những ý kiến này, giáo viên hướng dẫn cho học sinh dùng các sự kiện cơ bản đã học để nắm từng bài học được nêu, như "Đảng Bônsêvích Nga đã làm những gì để đưa

---

[1] Sđd, tập 12, tr.302-305.

Cách mạng tháng Mười đến thắng lợi?"; hoặc "Học tập kinh nghiệm Cách mạng tháng Mười, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân chống lại bạo lực phản cách mạng, giành chính quyền như thế nào?".

Những tài liệu Hồ Chí Minh nêu trên đây rất phù hợp với nội dung cơ bản của chương trình Lịch sử Trung học phổ thông nói chung và về Cách mạng tháng Mười nói riêng. Sử dụng tài liệu này có nhiều cách khác nhau, nhưng chủ yếu tập trung vào ba lĩnh vực sau đây:

1. *Sử dụng tài liệu Hồ Chí Minh làm cơ sở phương pháp luận, quan điểm tư tưởng để học sinh nhận thức đúng đắn về Cách mạng tháng Mười*. Điều này càng trở nên quan trọng trong tình hình hiện nay, khi cuộc đấu tranh giữa sử học Mác xít với sử học tư sản về vấn đề bảo vệ hay phủ nhận Cách mạng tháng Mười Nga 1917, đang ngày càng gay gắt và phức tạp.

2. *Sử dụng tài liệu - sự kiện, những khái quá lý luận của Hồ Chí Minh để học sinh đánh giá, nhận định một vấn đề*. Vì trong dạy học lịch sử không chỉ dừng ở việc cung cấp cho học sinh những tài liệu – sự kiện, mà thông qua đó phải rút ra những nhận định, bài học kinh nghiệm và quy luật lịch sử v.v...

Ngoài ra, việc sử dụng tài liệu Hồ Chí Minh còn góp phần vào đổi mới phương pháp dạy học tích cực: Học sinh đọc tài liệu để hiểu sâu hơn bài học, như giải thích một sự kiện lịch sử, liên hệ thực tế, ôn tập, kiểm tra...

QUÁN TRIỆT TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ THỜI ĐẠI ĐỂ TÌM HIỂU THẾ KỶ XX TRONG TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ THẾ GIỚI

PGS. TS Trần Thị Vinh*

Tư tưởng Hồ Chí Minh với thời đại là một bộ phận tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh, nêu rõ mối quan hệ, tác động và ảnh hưởng giữa cách mạng Việt Nam và thế giới. Điều này giúp chúng ta hiểu rõ hơn thời đại và lịch sử dân tộc trong thế kỷ XX.

Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về thời đại bao gồm nhiều vấn đề, chủ yếu về nguồn gốc, quá trình hình thành, về nội dung, tính chất thời đại. Do đó, tư tưởng Hồ Chí Minh giúp chúng ta nhận thức đầy đủ, chính xác về quá trình phát triển lịch sử của thế kỷ XX và có hành động đúng đắn.

Đối với chúng ta, cần tìm cách vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về thời đại như thế nào trong việc nghiên cứu, dạy học lịch sử thế kỷ XX cho có hiệu quả. Khi nói đến thế kỷ XX chúng tôi không đứng trên quan niệm phân kỳ lịch sử theo thế kỷ, như cách phân kỳ của các nhà sử học phương Tây; bởi vì, chúng ta đã khẳng định quan điểm mácxít - lêninnít về lịch sử thế giới hiện đại bắt đầu từ sau Cách mạng tháng Mười Nga 1917. Tìm hiểu thế kỷ XX trong tiến trình lịch sử

---

* Khoa Lịch sử, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

loài người, chúng tôi muốn vận dụng tư tương Hồ Chí Minh để nhận thức đúng những diễn biến to lớn, phức tạp của thế kỷ này so với các thế kỷ trước và đặt cơ sở cho sự phát triển hợp quy luật tiếp sau.

Trong tác phẩm của Hồ Chí Minh, chúng ta có thể tìm thấy nhiều tài liệu cụ thể về các sự kiện lớn của thế kỷ XX, như Chiến tranh thế giới thứ nhất, Chiến tranh thế giới thứ hai, Cách mạng tháng Mười Nga, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc thế giới... Điều quan trọng hơn, chúng ta có được những quan điểm tư tưởng của Người về thời đại chỉ đạo, hướng dẫn để nghiên cứu, học tập về thế kỷ đầy biến động to lớn này.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi giới hạn việc quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về thời đại để tìm hiểu thế kỷ XX trong tiến trình lịch sử dân tộc. Ở đây, tuy chúng tôi không trích dẫn tài liệu Hồ Chí Minh, song tư tưởng của Người được thế hiện trong nhận thức và trình bày bài viết[1]. Tài liệu góp phần vào dạy học Lịch sử thế giới hiện đại ở trường phổ thông, dùng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên khoa Lịch sử Đại học và Cao đẳng Sư phạm, về tài liệu – sự kiện và quan điểm tư tưởng.

*

* *

Điểm lại sự phát triển của lịch sử nhân loại trong 100 năm qua có thể thấy rằng, trên cơ sở kế thừa những thành

---

[1] Do khuôn khổ bài viết, chúng tôi không thể trích tài liệu Hồ Chí Minh, bạn đọc tìm trong quyển "*Những vấn đề lịch sử trong tác phẩm Hồ Chí Minh*". Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999.

tựu của văn minh nhân loại trong các thế kỷ trước, thế kỷ XX đã đạt được những bước phát triển kỳ diệu chưa từng thấy trong lịch sử thế giới. Điều này, Hồ Chí Minh đã nêu trong "*Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ hai*" (tháng 3–1951).

1. Trước hết, *thế kỷ XX là thế kỷ phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất* dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học- công nghệ. Giá trị tổng sản lượng của toàn thế giới đã tăng lên khoảng 14 lần, từ 1.976.876 triệu đô la Mỹ năm 1900 lên 28.383.091 đô la Mỹ năm 1995. Xét về tốc độ phát triển kinh tế có thể thấy rằng, ở nửa đầu thế kỷ, tốc dộ tăng trưởng chậm hơn so với nửa sau thế kỷ, do hai cuộc chiến tranh thế giới và cuộc đại khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933. Đồng thời trong thời kỳ này, khoa học- công nghệ cũng chưa có những bước phát triển như nửa sau thế kỷ XX. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, sự xuất hiện hàng loạt nước độc lập, cùng với những điều kiện hoà bình ở phần lớn các nước trên thế giới đã tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho sự tăng trưởng kinh tế. Nếu như trong nửa đầu thế kỷ XX, giá trị tổng sản lượng của toàn thế giới tăng 2,7 lần, thì trong nửa sau của thế kỷ XX đã tăng 5,2 lần so với nửa đầu thế kỷ. Đặc biệt, sản xuất công nghiệp đã đạt được mức tăng trưởng rất cao: khoảng 35 lần so với thế kỷ XIX. Nếu chỉ tính riêng trong vòng 20 năm (1953-1973), mức tăng trưởng công nghiệp đã bằng 150 năm trước cộng lại. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế là sự thay đổi một cách cơ bản cơ cấu kinh tế: nếu như năm 1960, nông nghiệp chiếm 10,4%, công nghiệp chế tạo chiếm 28,4% và dịch vụ chiếm 50,4% thì 30 năm sau, năm 1990 cơ cấu kinh tế đã có sự thay đổi là: nông nghiệp 4,4%,

công nghiệp chế tạo 21,4 %, dịch vụ 62,4%[1]. Riêng trong lĩnh vực công nghiệp, tỷ trọng công nghiệp khai khoáng và một số ngành công nghiệp truyền thống giảm đáng kể. Trong khi đó tỷ trọng các ngành có hàm lượng khoa học cao tăng rất mạnh, một loạt ngành mới ra đời và phát triển với tốc độ cực kỳ nhanh chóng.

Những tiến bộ vượt bậc của khoa học- công nghệ là động lực chính thúc đẩy quá trình phát triển của kinh tế thế giới trong thế kỷ XX. Sự phát triển của khoa học- công nghệ trong thế kỷ này không những mạnh mẽ mà còn đồng đều trên cả lĩnh vực lý thuyết và ứng dụng. Khoảng cách giữa các khâu nghiên cứu cơ bản đến nghiên cứu triển khai được rút ngắn lại. Đồng thời khoa học và công nghệ đã gắn chặt với nhau chứ không tách rời nhau như các thế kỷ trước. Ba ngành khoa học đạt được nhiều thành tựu nhất trong thế kỷ XX là Vật lý lượng tử, Hàng không vũ trụ và Công nghệ thông tin. Những thập niên đầu thế kỷ XX là thời kỳ của những thành tựu rực rỡ trong lĩnh vực nghiên cứu thế giới vi mô. Những công trình nghiên cứu của các nhà khoa học như Planck, Einstein, Hes, Bohr, Broglie, Pauli, Heisenberg, Curie... đã xây dựng một hệ thống tư duy mới không chỉ trong lĩnh vực vật lý học, mà cả trong triết học. Những năm 60 và 70, cuộc chạy đua kinh tế, quân sự, khoa học giữa hai cường quốc Liên Xô và Mỹ đã mang lại bước tiến lớn cho khoa học vũ trụ: đó là những vệ tinh nghiên cứu vũ trụ, con người đi vào vũ trụ (1961), thám hiểm mặt trăng (1969)... Thập niên 80 và 90 đã chứng kiến cuộc cách mạng mạnh mẽ

---

[1] Dựa theo S. Grenville: A history of the world in the XX century. Volume II (1945-1996). The Belknap Pres ò Harvard University Press, 1997, tr. 930.

và rộng lớn trong lĩnh vực công nghệ thông tin, dẫn tới sự ra đời và lớn mạnh của kỹ thuật, vật liệu bán dẫn và công nghệ vi mạch điện tử.

Như vậy, trong thế kỷ XX, con người vừa vươn lên tầm cao của vũ trụ, vừa đi sâu vào thế giới vi mô của vật chất. Trí tuệ con người đã sản sinh ra biết bao phát minh, sáng chế làm đảo lộn những khái niệm quen thuộc về thế giới vật chất, đưa tới những thành tựu kỳ diệu trong các lĩnh vực năng lượng, chế tạo vật liệu mới, sinh học, nghiên cứu vũ tlụ, điện tử - viễn thông, tin học... Về mặt công nghệ, vào nửa dầu thế kỷ đã diễn ra *quá trình điện khí hoá* cùng với việc áp dụng rộng rãi động cơ đốt trong, dẫn tới sự bùng nổ của công nghiệp chế tạo ô tô, đồng thời là sự phát triển của ngành công nghiệp hoá chất. Vào nửa sau thế kỷ đã diễn ra *quá trình điện tử hoá* bắt đầu từ sự xuất hiện các linh kiện điện tử- bán dẫn, tiếp đó là sự bùng nổ của các ngành công nghệ cao, đặc biệt là công nghệ vi điện tử, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hoá. Tri thức khoa học đã dần dần trở thành một lực lượng sản xuất trực tiêp. Trong 20 năm cuối của thế kỷ XX, nhiều nước đã ở vào giai đoạn l của công nghệ thông tin - giai đoạn tin học hoá. Một số nước phát triển đang chuẩn bị bước vào giai đoạn II của thời đại công nghệ thông tin - giai đoạn internet hoá, chuyển sang *nền kinh tế tri thức*, nền kinh tế chủ yếu dựa vào tri thức và thông tin; tri thức và thông tin trở thành yếu tố sản xuất quan trọng hơn cả vốn và lao động.

Hoàn thành tốt nhiệm vụ công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước trong xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Việt Nam vừa hoà nhập vào xu hướng phát triển của lịch sử, vừa thực hiện lời dạy của Hồ Chí Minh về "Dân giàu, nước mạnh, xã hội tiến bộ, văn minh".

2. Thế kỷ XX còn được gọi là thế kỷ của sự nghiệp giải phóng xã hội và giải phóng dân tộc. Có thể nói, không có một thế kỷ nào trong lịch sử lại được chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ và sâu rộng của cao trào cách mạng thế giới như thế kỷ XX. Trước hết, Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga năm 1917 đã mở ra một thời kỳ phát triển mới của phong trào cách mạng thế giới. Đó là một cuộc cách mạng "chưa từng có" trong các thế kỷ trước, cuộc cách mạng mở đầu "sự nghiệp sáng tạo ra một kiểu chế độ Nhà nước xưa nay chưa từng có" trong lịch sử nhân loại. Lịch sử thế giới đã từng chứng kiến không ít các cuộc cách mạng có ảnh hưởng tới sự phát triển xã hội, song Cách mạng tháng Mười Nga là cuộc cách mạng mang ý nghĩa lịch sử toàn cầu, đánh dấu thời kỳ đấu tranh cách mạng mới vì mục tiêu hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga đã dẫn đến sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới - Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô) chiếm 1/6 diện tích trái đất. Nằm giữa vòng vây thù địch của chủ nghĩa đế quốc, nhân dân Liên Xô đã kiên cường xây dựng chế độ mới xã hội chủ nghĩa, đưa đất nước từ một nước tư bản trung bình trở thành một siêu cường, liên tiếp đánh bại các âm mưu tấn công của chủ nghĩa đế quốc, đồng thời là lực lượng chủ yếu đã cứu nhân loại thoát khỏi thảm hoạ của chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Chính nhờ đó, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước, trở thành một hệ thống thế giới , làm thay đổi bộ mặt của hành tinh chúng ta. Từ những năm 1944- 1945 đến 1949, một loạt nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu và châu Á xuất hiện, cùng với Liên Xô- nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới - hình thành hệ thống xã hội

chủ nghĩa thế giới. Sự ra đời và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới với 1/4 diện tích trái đất và gần 1/3 dân số thế giới, trải rộng từ châu Âu sang châu Á và Mỹ Latinh, với tiềm lực và thành tựu to lớn trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học- kỹ thuật là một hiện thực không thể phủ nhận được, có vai trò quan trọng đặc biệt đối với sự phát triển, tiến bộ của nhân loại trong suốt mấy thập niên giữa thế kỷ XX. Sức mạnh tổng lực hùng mạnh của các nước xã hội chủ nghĩa, kể cả về vũ khí tên lửa- hạt nhân, đưa tới sự cân bằng lực lượng trên thế giới, đã kiềm chế sự hiếu chiến của chủ nglũa đế quốc, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới.

Sau nhiều thập niên tồn tại, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu bị sụp đổ. Có nhiều nguyên nhân để lý giải sự kiện này, có thể nêu một cách khái quát: Mô hình chủ nghĩa xã hội đã xây dựng, tuy phát huy được ưu điểm của mình trong một thời kỳ đặc biệt trước đây, nhưng còn nhiều khiếm khuyết và ngày càng bộc lộ sự thiếu tôn trọng các quy luật phát triển khách quan về kinh tế- xã hội, chủ quan duy ý chí, thực hiện cơ chế tập trung, quan liệu bao cấp làm cho nền kinh tế đất nước thiếu tính năng động trong phát triển. Cơ chế đó dẫn tới tình trạng thụ động, thiếu dân chủ và công bằng trong xã hội. Những khiếm khuyết đó được duy trì quá lâu càng làm cho các nước xã hội chủ nghĩa xa rời những tiến bộ, văn minh của thế giới, nhất là sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, đưa đến tình trạng khủng hoảng nặng nề về kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, những hoạt động chống phá của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội trong và ngoài nước cũng có tác động không nhỏ làm cho tình hình càng thêm khủng hoảng và rối

loạn, đưa tới sự tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Đó là một tổn thất nặng nề trong lịch sử phát triển của phong trào cộng sản và của chủ nghĩa xã hội thế giới, nhưng đây chỉ là sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội và là một bước lùi tạm thời của chủ nghĩa xã hội. Bởi vì, như V.I. Lênin đã từng nói ngay từ những thập kỷ đầu tiên của thế kỷ này: "Nếu người ta nhận xét thực chất của vấn đề thì có bao giờ người ta thấy rằng, trong lịch sử có một phương thức sản xuất mới nào lại đứng vững ngay được, mà lại không liên tiếp trải qua nhiều thất bại, nhiều sai lầm và tái phạm không?"[1]. Từ thất bại này, nhiều bài học kinh nghiệm bổ ích được rút ra cho các nước xã hội chủ nghĩa ngày nay đang tiến hành công cuộc cải cách, đổi mới nhằm xây dựng một chế độ xã hội chủ nghĩa đúng với bản chất nhân văn vì giải phóng con người và hạnh phúc con người, phù hợp với hoàn cảnh và truyền thống văn hoá của mỗi quốc gia, dân tộc.

Thế kỷ XX là thế kỷ chứng kiến sự phát triển sâu rộng chưa từng thấy của phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc, là thế kỷ loài người rửa sạch vết nhơ của chủ nghĩa thực dân tồn tại trong nhiều thế kỷ. Vào buổi giao thời giữa thời trung đại và cận đại của lịch sử thế giới, các nước phương Tây đã bắt đầu quá trình xâm lược thuộc địa, nhất là từ nửa sau thế kỷ XIX; quá trình này được đẩy mạnh và mở rộng ở các châu lục Á, Phi và khu vực Mỹ Latinh. Vào đầu thế kỷ XX, các nước tư bản Âu – Mỹ kiểm soát tới 84% diện tích thế giới. Năm 1900, chỉ có khoảng 45 nước độc lập, trong số đó một nửa nằm ở khu vực Mỹ Latinh. Vào năm cuối của thế kỷ XIX, năm 1899, nhà văn Anh Ruyard Kipling đã nói

---

[1] V.I. Lênin: Toàn tập, tập 29. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 124.

tới "trách nhiệm của người da trắng văn minh trong việc cai trị và dìu dắt các dân tộc lạc hậu trên trái đất", coi đó là "gánh nặng của người da trắng"[1]. Lịch sử phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trong thế kỷ XX đã chứng kiến một sự thật là, những quốc gia mà Kipling coi là "gánh nặng" của người da trắng đã trở thành những nước độc lập, có chủ quyền, bình đẳng với tất cả các quốc gia khác trên thế giới. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã có ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Trong đêm dài đen tối, đầy bất công của các chế độ phong kiến, tư bản thực dân, nhất là qua những năm tháng khủng khiếp của Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), nhân dân các nước này đã tìm thấy ở Cách mạng tháng Mười con đường giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, thúc đẩy họ vùng dậy đấu tranh giành quyền sống, giành độc lập dân tộc. Đến năm 1945, đã có trên 60 nước độc lập. Từ năm 1945 đến năm 1965, đã có thêm 40 nước ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh giành được độc lập. Nếu như năm 1939, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc rộng tới 91.900.000 km2 (bằng 3/5 diện tích lãnh thổ thế giới) với số dân trên l,5 tỷ người (bằng 2/3 dân số thế giới) thì tới năm 1967, chỉ còn 5.200.000 km^2 và 35 triệu người (tập trung chủ yếu ở miền Nam châu Phi)[2]. Cho đến thập kỷ 90, con số các nước độc lập đã lên tới trên 190 quốc gia. Riêng ở châu Á, việc Trung Quốc thu hồi Macao vào cuối năm 1999 đã đánh dấu sự kết thúc hoàn toàn chủ nghĩa thực dân sau 4 thế kỷ tồn

---

[1] Carolini F. W... *Lịch sử văn minh nhân loại trong thế kỷ XX*. Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1999, tr. 9.

[2] Nguyễn Anh Thái (chủ biên): *Lịch sử thế giới hiện đại*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2000, tr. 300.

tại ở lục địa này. Ở châu Phi, với thắng lợi của cuộc bầu cử dân chủ đa chủng tộc lần đầu tiên ở Nam Phi (tháng 4-1994) và việc ông Nenxơn Mandêla trở thành Tổng thống da đen đầu tiên của Liên bang Nam Phi, đã đánh dấu sự chấm dứt của chế độ phân biệt chủng tộc dã man, đầy bất công, sào huyệt cuối cùng của chủ nghĩa thực dân.

Sau khi giành được độc lập, các nước Á, Phi và Mỹ Latinh đều bắt tay ngay vào công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế - xã hội. Công cuộc này được bắt đầu ở những thời gian sớm, muộn khác nhau, nhưng đối với tất cả các nước đó là một cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, bởi vì cuộc chiến đấu vì sự phát triển sẽ khó khăn hơn cuộc chiến đấu vì tự do. Nhiều nước đã tiến hành những cải cách kinh tế - xã hội và gặt hái được những thành công bước đầu. Trong vòng 25 năm (1950-1975), giá trị tổng sản lượng GDP của các nước đang phát triển đã tăng gấp ba lần, trong đó sản lượng công nghiệp tăng gấp năm lần, sản lượng nông nghiệp gần 2 lần. Tuy vậy, những thành tựu bước đầu chưa đủ để làm thay đổi một cách căn bản bộ mặt kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, lệ thuộc nặng nề do ách thống trị thuộc địa hàng trăm năm để lại. Tình hình kinh tế- xã hội của các nước đang phát triển trong những thập niên 80, 90 nhìn chung còn gặp nhiều khó khăn, với cán cân thương mại thiếu hụt nặng nề, lạm phát diễn ra nghiêm trọng, nợ nước ngoài chồng chất tới mức khó có thể thanh toán nổi (1965: 38,1 tỷ; 1974: 140- 160 tỷ USD; giữa những năm 80: 451 tỷ USD; đầu những năm 90: khoảng 1.300 tỷ USD[1]. Cho tới nay chưa phải số đông các nước đang phát triển đã có những lời giải tốt cho những ẩn số phát

---

[1] Sđd, tr. 318-319.

triển, nhưng có thể thấy rằng, một số nước đã có những thành công đáng kể trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, đã "hóa rồng", để trở thành những nước công nghiệp mới (NICs), chủ yếu ở khu vực Đông Á và Mỹ Latinh. Trong khi đó, tình hình ở châu Phi lại diễn ra hết sức khó khăn. Từ chỗ đầy triển vọng vào thập niên 60 sau khi giành được độc lập, ngày nay hình ảnh châu Phi trước thế giới là đói kém, thiếu thốn trầm trọng, bệnh dịch và những bất ổn về chính trị, sắc tộc và tôn giáo. Đã có không ít những giải pháp nhằm khắc phục khủng hoảng cùng nhiều biện pháp khẩn cấp của các tổ chức quốc tế, tuy thế tình hình vẫn chưa có những cải thiện căn bản. Châu Phi vẫn còn bị coi là lục địa nghèo nàn, lạc hậu nbất trên bản đồ thế giới vào những năm cuối của thế kỷ XX.

Đi theo con đường cứu nước đúng mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn, khẳng định và lãnh đạo, kiên trì thực hiện, nhân dân Việt Nam đã góp phần không nhỏ vào sự thắng lợi của phong trào cách mạng thế giới, đặc biệt trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng đất nước phồn vinh, tinh thần hợp tác, đoàn kết trong khu vực và thế giới.

3. Thế kỷ XX đã chứng kiến những bước phát triển thăng trầm của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Từ chỗ là "một bóng ma ám ảnh châu Âu" vào giữa thế kỷ XlX, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã trở thành một phong trào quốc tế rộng lớn trong những thập niên đầu của thế kỷ XX, dẫn tới việc thành lập Quốc tế Cộng sản vào năm 1919. Trong những thập niên tiếp theo, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã có những bước tiến to lớn và đạt tới giai đoạn phát triển cao nhất bắt đầu từ sau Chiến tranh thế

giới thứ hai (1945) đến giữa những năm 70. Cuối giai đoạn này, các Đảng Cộng sản đã hoạt động ở trên 90 nước trên thế giới với hơn 75 triệu đảng viên cộng sản. Trong đó có 15 Đảng Cộng sản cầm quyền ở 15 nước xã hội chủ nghĩa với gần 70 triệu đảng viên; 28 Đảng Cộng sản ở các nước tư bản phát triển với 3,5 triệu đảng viên; 16 Đảng Cộng sản ở các nước đang phát triển ở châu Á; 9 Đảng Cộng sản ở châu Phi và 26 Đảng Cộng sản ở Mỹ Latinh, với tổng số khoảng 1,5 triệu đảng viên[1]. Sự hình thành và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới là kết quả đấu tranh và là thành tựu lớn nhất của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trong thế kỷ XX. Các Đảng Cộng sản cầm quyền từ giữa những năm 70 trở về trước không những lớn về số lượng mà còn có uy tín chính trị và ảnh hưởng cách mạng rộng lớn trên thế giới. Các nước xã hội chủ nghĩa và các Đảng Cộng sản đã góp phần quan trọng vào việc bảo vệ hoà bình thế giới, ủng hộ và gtúp đỡ các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, làm thay đổi so sánh lực lượng trên thế giới có lợi cho các lực lượng cách mạng và tiến bộ. Ở các khu vực khác, các Đảng Cộng sản và Công nhân là người đi tiên phong trong cuộc đấu tranh vì lợi ích của những người lao động, vì hoà bình, dân sinh, dân chủ.

Về tổ chức, từ sau khi Quốc tế Cộng sản bị giải thể vào năm 1943, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế chuyển từ một tổ chức quốc tế tập trung, thống nhất sang một phong trào chính trị quốc tế của các Đảng Cộng sản tương đối độc lập, tự chủ, trên cơ sở những nguyên tắc tư tưởng và chiến lược chung. Từ năm 1947 đến năm 1956, hình thức trao đổi

---

[1] Sđd, tr. 481.

kinh nghiệm và thống nhất các hoạt động của một số Đảng Cộng sản ở châu Âu được thông qua Cục Thông tin quốc tế (Cục Thông tin cộng sản - Cominform). Đồng thời, nhằm trao đổi ý kiến, thảo luận và đánh giá các vấn đề lớn của thời đại, đề ra phương hướng, nhiệm vụ của phong trào, các Hội nghị quốc tế của các Đảng Cộng sản và Công nhân đã được triệu tập vào các năm 1957, 1960, 1969 ở Matxcơva với sự tham gia của đa số các Đảng Cộng sản trên thế giới, sau đó là Hội nghị các Đảng Cộng sản châu Âu năm 1976. Hội nghị tháng 11 năm 1960, với sự tham gia của 81 Đảng Cộng sản và Công nhân quốc tế được coi là Hội nghị lớn nhất của phong trào cộng sản quốc tế trong thế kỷ XX.

Bên cạnh những thành tựu to lớn, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cũng gặp nhiều khó khăn và trải qua những thời điểm khủng hoảng nghiêm trọng. Chính ở giai đoạn này đã nảy sinh những rạn nứt, những bất đồng quan điểm về các vấn đề quốc tế, về đường lối chiến lược, sách lược của các Đảng Cộng sản. Đặc biệt từ giữa những năm 70, khủng hoảng đã diễn ra ở ngay bộ phận nòng cốt của phong trào, ở các Đảng cầm quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa Liên Xô và Đông Âu, dẫn tới sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội và sự tan rã của các Đảng Cộng sản cầm quyền ở Anbani, Bungari, Rumani, Nam Tư, Cộng hoà dân chủ Đức, Tiệp Khắc, Ba Lan, Hunggari, Liên Xô và Mông Cổ trong những năm 1989 - 1991. Trong lúc đó, các Đảng Cộng sản đang cầm quyền ở các nước Trung Quốc, Việt Nam, Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên, Cu ba vẫn kiên trì con đường phát triển xã hội chủ nghĩa, đổi mới trong lãnh đạo, tiếp tục đạt được những thành công bước đầu trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Ở các nước TâyÂu, đa số các Đảng Cộng sản vẫn

khẳng định sự trung thành với lý tưởng cộng sản và chủ nghĩa Mác, giữ nguyên bản sắc và tên gọi cũ của mình. Nhìn chung, có thể nói rằng, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế từ sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ đã có nhiều dấu hiệu hồi phục trên cơ sở rút kinh nghiệm từ những thất bại của các Đảng Cộng sản ở nhiều nước, nhất là những đảng cầm quyền ở Liên Xô và Đông Âu trước đây.

Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã đóng góp không nhỏ vào việc xây dựng sự đoàn kết quốc tế trên cơ sở "có lý", "có tình"[1]. Trong việc khắc phục những sai lầm, thiếu sót trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam, dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, từ cuối những năm 80 đã tiến hành công cuộc đổi mới có hiệu quả. Quán triệt đường lối chung do Đại hội Đảng lần thứ VII (6- 1991) đề ra, trong hơn 20 năm qua, lấy xây dựng kinh tế là trung tâm, kiên trì sự lãnh đạo của Đảng, kiên trì định hướng xã hội chủ nghĩa, kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thu được những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp hiện đại hoá đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội .

4. Thế kỷ XX đồng thời cũng *là thế kỷ của những cuộc chiến tranh và xung đột* ở khắp các châu lục, là thế kỷ mở đầu và kết thúc bằng những cuộc chiến tranh. Cuộc chiến tranh Anh - Bôơ (Boer) bùng nổ ngày 10-1-1900 là sự kiện mở màn cho thế kỷ này. Cuộc tấn công Nam Tư của 19 nước trong khối NATO ngày 25-3-1999 với lý do "nhân quyền" và

---

[1] Phan Ngọc Liên (chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh về quốc tế*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.

sự thử nghiệm một loại hình "chiến tranh kỹ thuật cao" đã khép lại lịch sử một thế kỷ của những cuộc chiến tranh, đặc biệt là hai cuộc chiến tranh thế giới . Nguồn gốc sâu xa dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới trong thế kỷ XX chính là bản chất gây chiến, xâm lược của chủ nghĩa đế quốc. Sự phát triển của nền kinh tế và trình độ khoa học - kỹ thuật của các nước tư bản cuối thế kỷ XIX đã dẫn tới quá trình xâm chiếm thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Quy luật phát triển không đồng đều của chủ nghĩa tư bản thế giới, những mâu thuẫn gay gắt trong vấn đề phân chia đất đai trên thế giới và những tiến bộ về khoa học - kỹ thuật quân sự đã làm cho chiến tranh giữa các quốc gia vượt ra ngoài phạm vi khu vực, trở thành *hai cuộc chiến tranh thế giới* trong thế kỷ XX, điều mà trong các thế kỷ trước chưa từng có. Nếu Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 -1918) chỉ có 36 nước tham chiến, 13,6 triệu người chết, 20 triệu người tàn phế, thiệt hại về vật chất 388 tỷ USD, trong đó chi phí quân sự là 208 tỷ USD, thì Chiến tranh thế giới thứ hai (1939- 1945) có 76 nước tham chiến, 60 triệu người chết, 90 triệu người tàn phế, thiệt hại về vật chất 4000 tỷ USD, trong đó chi phí quân sự 1384 tỷ USD. Chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử nhân loại (bằng tất cả các cuộc chiến tranh trong 1000 năm trước đó cộng lại).

Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc chưa được bao lâu, cuộc chiến tranh lạnh lại bắt đầu cùng đan xen với các cuộc chiến tranh nóng kéo dài bốn thập kỷ, với cuộc chạy đua vũ trang chưa từng thấy trong lịch sử loài người, đặt nhân loại luôn ở bên miệng hố chiến tranh, làm hao tổn một khối lượng của cải vật chất khổng lồ. Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc,

bước vào thập kỷ 90, như thường được gọi là thời kỳ "hậu chiến tranh lạnh", chiến tranh và xung đột không giảm đi. Thời kỳ này được mở đầu bằng cuộc Chiến tranh vùng Vịnh (1990) và kết thúc bằng cuộc tấn công Nam Tư (1999). Đồng thời, xu hướng ly khai dân tộc và xung đột tôn giáo ngày càng gia tăng là một nguy cơ lớn đối với hoà bình thế giới. Đáng chú ý là phần lớn các điểm nóng của an ninh quốc tế trong thập kỷ 90 đều có liên quan đến Hồi giáo: Tresnia, Đagetxtan, Ápganixtan, Pakixtan, Casơmia, Kôsôvô, Angiêri, Xuđăng, Xômali, Trung Đông, Inđônêxia... Hoạt động khủng bố của các phần tử Hồi giáo cực đoan ở Angiêri và chính quyền của phe Taliban ở Apganixtan là những điển hình của sự tàn bạo. Xung đột tôn giáo và dân tộc ở nhiều điểm nóng trên thế giới vẫn là những nỗi ám ảnh nặng nề đối với nhân loại trong suốt thập niên cuối cùng của thế kỷ XX.

Thế kỷ XX cũng chứng kiến khát vọng hoà bình của toàn nhân loại trong phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ. Ngay từ năm 1900, năm mở đầu thế kỷ, đã diễn ra Đại hội hoà bình thế giới ở Pari, thể hiện mong muốn hoà bình của nhân dân thế giới. Cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ càng trở nên mạnh mẽ hơn trước những hậu quả thảm khốc do hai cuộc chiến tranh thế giới và các cuộc xung đột, chiến tranh khác gây ra. Cuộc đấu tranh ấy đã tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân ở các quốc gia, các châu lục trên thế giới nhằm vào hai chủ đề lớn: chống chiến tranh hạt nhân và chống các cuộc chiến tranh xâm lược. Đặc biệt là phong trào ủng hộ nhân dân Việt Nam chống Mỹ, cứu nước đã mở rộng trên phạm vi rộng lớn chưa từng thấy, lôi cuốn hàng triệu triệu người ở khắp năm châu, bốn biển, với những hình thức đấu tranh vô cùng phong phú. Cuộc đấu tranh này dâng cao

mạnh mẽ trong suốt thập kỷ 60, 70 cho tới khi chiến tranh Việt Nam kết thúc. Trong thập kỷ 80, cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ được gắn với cuộc đấu tranh bảo vệ môi trường qua các phong trào "hoà bình xanh" diễn ra ở khắp các châu lục. Bước vào thập kỷ 90, sự nghiệp bảo vệ hoà bình, mối quan tâm hàng đầu của toàn nhân loại đang ngày càng tiến triển, mặc dù đã xuất hiện những khả năng hiện thực để ngăn chặn một cuộc chiến tranh thế giới mới, nhằm bảo vệ hoà bình và nền văn minh nhân loại.

Nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đã kiên quyết đấu tranh giành độc lập, đi lên chủ nghĩa xã hội, song luôn luôn thiết tha với hoà bình, góp sức vào công cuộc bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh phi nghĩa, chống sự xâm lược, can thiệp của các nước đế quốc vào công việc nội bộ các nước khác.

5. Nói đến thế kỷ XX không thể không nói đến *chủ nghĩa tư bản*. Ra đời từ cuối thế kỷ XV, trải qua hơn 4 thế kỷ tồn tại và phát triển, chủ nghĩa tư bản đã trải qua những biến đổi, những thăng trầm và đạt tới trình độ phát triển cao nhất của mình trong thế kỷ XX.

Trong nửa đầu thế kỷ, với hai cuộc chiến tranh thế giới và khoảng 20 năm phát triển hoà bình, chủ nghĩa tư bản đã trải qua những bước thăng trầm. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929- 1933 đã đe doạ sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản và buộc các nước này phải xem xét lại con đường phát triển của mình. Nếu như các nước Đức, Italia, Nhật Bản đi theo con đường phát xít hoá chế độ chính trị để đàn áp phong trào cách mạng trong nước và gây chiến tranh giành giật thị trường thế giới thì các nước Anh , Pháp, Mỹ đã lựa chọn con đường tiến hành

cải cách kinh tế - xã hội để thích nghi với điều kiện mới của quá trình tái sản xuất đã biến đổi về chất so với trước đây.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, dựa vào các thành tựu khoa học - kỹ thuật, các nước tư bản đã phục hồi và phát triển nhanh chóng chưa từng thấy. Chủ nghĩa tư bản thế giới từ một trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất (Mỹ) đã phát triển thành ba trung tâm kinh tế - tài chính (Mỹ – Tây Âu - Nhật Bản). Cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới vào giữa thập niên 70 đã đánh mạnh vào nền kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa, gây ra cuộc suy thoái trầm trọng nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Nhìn chung, các nước tư bản đã tìm kiếm những hình thức thích nghi mới, đi vào cải tổ cơ cấu kinh tế, áp dụng những thành tựu của cách mạng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và kinh doanh trên quy mô toàn hệ thống tư bản chủ nghĩa. Đồng thời, giới cầm quyền các nước tư bản cũng tìm cách thích nghi về chính trị - xã hội trước những biến động to lớn của tình hình thế giới, đáp ứng phần nào đòi hỏi của quần chúng nhân dân (tăng lương, mở rộng dân chủ, trợ cấp thất nghiệp, tăng giá bảo hiểm lao động, phúc lợi xã hội...). Cũng nhờ đó, các nước tư bản từng bước vượt qua được khủng hoảng vào đầu những năm 80, rồi sau đó tiếp tục phát triển cao hơn trong thập kỷ 90. Thực lực kinh tế của các nước tư bản đã có sự tăng trưởng đáng kể trong toàn bộ nền kinh tế thế giới nói chung. Trong thời gian 30 năm, từ 1965 đến 1995, tỷ lệ thực lực kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa trên toàn thế giới chiếm từ 70,53% tăng lên 80,75% [1]. Cùng với quá trình toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ, chủ nghĩa tư bản cũng chuyển sang giai đoạn phát

---

[1] *Bàn về nghiên cứu chỉnh thể chủ nghĩa tư bản thế kỷ XX*. Viện Thông tin Khoa học xã hội, số TN 2000 – 48, tr. 75.

triển mới - chủ nghĩa tư bản toàn cầu, với đặc trưng cơ bản là nền sản xuất biến chuyển, đi tới không có trung tâm và siêu quốc gia hoá, tư bản mang tính di chuyển và tính quốc tế. Đồng thời cũng diễn ra sự phân công quốc tế mới, cùng với quá trình toàn cầu hoá sản xuất. Làn sóng hợp nhất và sáp nhập giữa các tập đoàn đa quốc gia, xuyên quốc gia, hình thành các tập đoàn "siêu quốc gia" với tiềm lực vốn, khoa học - công nghệ, tri thức quản lý - kinh doanh và mạng lưới sản xuất, phân phối mở rộng trên quy mô toàn cầu đang tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế. Trong vòng 7 năm, từ 1990 đến 1997, các cuộc "đại sáp nhập" đã tăng gấp đôi. Chỉ trong nửa đầu năm 1999, giá trị các cuộc sáp nhập xuyên biên giới vượt 500 tỷ USD, so với cả năm 1998 là 544 tỷ và năm 1991 là 85 tỷ USD. Đến nay có 5 công ty hàng đầu nắm khoảng 70% doanh số công nghệ giải trí; 60% phần cứng và phần mềm máy tính điện tử, gần 60% công nghiệp quân sự và vũ trụ; trên 40% vô tuyến viễn thông, dầu hoả; 40% đường hàng không quốc tế.[1]

Nếu khảo sát toàn bộ nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thế kỷ XX thì nước trước sau luôn giữ vị trí đứng đầu không phải là Anh, Pháp hay Đức, Nhật mà là nước Mỹ. Nước Mỹ có đặc điểm là nước tư bản trẻ, phát triển nhanh, có thực lực mạnh nhất và giầu sức sống. Kể từ năm 1894 cho đến nay, nghĩa là trong suốt thế kỷ XX, Mỹ luôn giữ vị trí đứng đầu thế giới về tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Năm 1938, Mỹ chiếm 36% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của thế giới tư bản, trong khi tổng giá trị sản xuất công nghiệp của các nước tư bản châu Âu cộng lại là 35,6%. Đến năm 1948, con số này của Mỹ là 54,8%, các nước tư bản châu Âu là 22,6%. Từ thập niên 70

---

[1] Tuần báo "Quốc tế", số 273 – 2.4.2000, tr. 15.

đến nay, địa vị siêu cường của Mỹ có giảm sút nhưng Mỹ vẫn giữ vững vị trí đứng đầu trong thế giới tư bản. Đặc biệt từ đầu thập kỷ 90 cho đến nay, kinh tế Mỹ đạt kỷ lục tăng trưởng liên lục khoảng 3-4%/năm, tỷ lệ lạm phát ở mức thấp 2,2%, tỷ lệ thất nghiệp được kiềm chế ở mức 3,9%[1].

Nhìn chung, trong thế kỷ XX, các nước tư bản đã vượt qua được những cuộc khủng hoảng kinh tế - chính trị, đồng thời nhờ cải cách cơ cấu kinh tế, đi sâu vào cách mạng khoa học - công nghệ, thích nghi về chính trị, xã hội, các nước này đã đạt được những bước phát triển vững chắc về kinh tế, ổn định về chính trị và nâng cao mức sống người dân. Trước mắt, chủ nghĩa tư bản đạt được những thành tựu to lớn và chiếm ưu thế về nhiều mặt so với chủ nghĩa xã hội, song trong lòng nó vẫn đang tồn tại những mâu thuẫn, những mặt tiêu cực mà chủ nghĩa tư bản không thể khắc phục nổi. Do đó, một điều không thể nghi ngờ là chế độ tư bản chủ nghĩa tuyệt đối không thể là vĩnh hằng.

Như vậy, có thể thấy rằng, thế kỷ XX đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong tiến trình lịch sử thế giới. Đó là thế kỷ phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ. Những thành tựu kỳ diệu của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đã làm thay đổi bộ mặt của hành tinh chúng ta, tác động sâu sắc đến mọi mặt đời sống con người, đến các mối quan hệ quốc tế, đến cục diện thế giới và đưa lịch sử loài người chuyển sang một nền văn minh mới - nền văn minh thứ ba, sau nền văn minh nông nghiệp và văn minh công nghiệp, được gọi là "văn minh tin học". Tiếp nối sự phát triển của thế kỷ trước, thế kỷ XX

---

[1] *Bàn về nghiên cứu chỉnh thể*..., tài liệu đã dẫn, tr. 5.

đã chứng kiến cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp rộng lớn, quyết liệt giữa một bên là các nước xã hội chủ nghĩa, các dân tộc bị áp bức, giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước với một bên là chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa quân phiệt, chủ nghĩa phát xít và các thế lực phản động khác, nhằm bốn mục tiêu lớn *hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.*

Bên cạnh đó, thế kỷ XX cũng bộc lộ dưới mức độ gay gắt của mâu thuẫn vốn có từ lâu trong lịch sử nhân loại - đó là mâu thuẫn giữa nhu cầu không ngừng gia tăng của con người với khả năng giới hạn của thiên nhiên, đưa đến sự huỷ hoại nghiêm trọng sinh thái, môi trường; đó là mâu thuẫn và khoảng cách ngày càng xa giữa những người giàu, quốc gia giàu với những người nghèo, những quốc gia kém phát triển cùng với những vấn đề nghiêm trọng về kinh tế, chính trị , xã hội. Những nỗ lực của toàn nhân loại trong việc giải quyết những vấn đề nêu trên chắc chắn sẽ là một trong những nội dung chủ yếu của thế kỷ tới – thế kỷ XXI.

*

* *

Thế giới trong thế kỷ XX là một bước phát triển lớn trên nhiều mặt, song không ra ngoài những quy luật chung của lịch sử xã hội loài người, tuy nhiên, nhiều sự kiện lớn, phức tạp cũng diễn ra. Điều này đòi hỏi chúng ta bình tĩnh, sáng suốt nhận thức và kiên trì thực hiện một cách linh hoạt, sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để thế kỷ XXI của thiên niên kỷ thứ III có những bước tiến vượt bậc trên con đường hoà bình, phát triển, vì lợi ích của mọi dân tộc bình đẳng và hữu nghị.